KINH TRƯỜNG BỘ (Dīghā Nikāya)

Kinh Trường Bộ (VNC PHVN, 2020)

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật rong Kỉnh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển

T pháp /",nghía là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở
mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Tri sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoăng truyên kinh điên, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pli, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác... Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: Dĩ Thánh giáo vi minh cảnh chiêu kiên tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiêu kinh u chr ,nghĩa là lấy Phật pháp làm
tâm gương sáng soi vào tự tâm, lây tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chô thâm sâu của kinh điên. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, môi hành giả có được cách tiêp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tOc." Chính vì vậy? những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hét sức quan trọng trong việc “kvãng khai lai, truyên trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường ton ở the gian mà còn góp phan làm cho

viii

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xua, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh ẾẾTác Như Lai sứ, hành Như Lai sự." Nguyện câu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyên, thê giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mố Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ (Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Tri sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản tri Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pali, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kỉnh Việt Narrf\ vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam'\ nham the hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên pho biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay. Khái niệm "Dại tạng kinh" chi dề cập đến "Kinh tạng" (P. Sutta Pitaka, H.)tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm “Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vìnaya Pītakaṃ H.,Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhidhamma Pitaka, HLuân tạng), Văn học Chú giải (P. Atthakathã), Văn học Phụ chú giải (P. Tĩkã), Văn học Tục tạng và các tác phẩm Phật học Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước An Độ5 Tích Lan, Miên Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật gi9o" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

x

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhammā, s. Dharma, H.Pháp), Đạo đức (P=s. Vinaya^ H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhỉdhamma, s. Abhỉdharma, H.Vô tỷ pháp). Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngon ngữ Pâli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đen đại hội kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm Đảo sử (Dīpavamsa) và Đại sử (Mahāvamsa) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pâli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I (TTL) trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ân bản Sanskrit, phân lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại tín chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên dá, khắc trên gỗ? và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tâm vóc quôc gia ở

Trung Hoa; còn tiêng Tây Tạng cô, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (Tibetan Buddhist Canon) gom hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. về phương diện lịch sử Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa băng Hán cô và cho đên những thê kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dàn vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu câu thích nghi với quôc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyêt đinh phiên địch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn: Giai đoạn l bắt đầu từ 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (Ma-ha Bát-nhã, Hoa Nghiêm. Đại Bảo Tích, Niếtbỉm, Pháp Hoa); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (Đại Bát-nhã); và chư vi Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (Trung A-hàm, Tăng nhất A-hànỉ)^ Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (Trường A-hàm, Tạp A-hàm). V.V...

XI

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pâli sang tiếng Việt.1 Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pâli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pali và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pâli. Gần dây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pali. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Án hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thanh lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tai bản được Kinh tạng Nam truyền,2 gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tang Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồnẹ Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tông hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh. Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn

học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. về bản sắc quốc gia Thánh điên Phật giáo được xem là quôc bảo của nhiêu quôc gia theo đạo Phật. Các quôc gia thuộc hai truyên thông Phật giáo Nam truyên và Băc truyên đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật ệiáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài an bản Tam tạng Thánh điển Pali, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành Kỉnh Trường bộ từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III và IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập Kinh Trung bọ'. 1973 (tạp I), 1974 (tạp II, III). 2 Còn thiếu 5 quyển trong Kinh Tiểu bộ: Diễn giải, Phần tích Đạo, Thảnh nhân ký sự, Phật sử và Hạnh tạng.

xu

Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng* Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kinh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kỉnh (),có cau trúc mục lục khác với
các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()tiên được thực hiện từ năm 1637 đến
1648. Đen đầu thế kỷ XX, Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh (5 1924-1934) do các
học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và Ono Genmyo biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hâu hét các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ân Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nalanda nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyên đặc thù, vì nó chứa nhiêu bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chỉ mới hoàn tất một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hỏa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biêt các cô ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời

Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayapaññā. Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (p. Cintāmayapaññā. Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiên chí, thiên quán (P. Bhāvanāmayapaññā^ Tu tuệ). 9 < .

Đê tạo nên bản sac văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nem, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. góp phân phiên dịch và xuât bản hoàn chỉnh Tam tạng Thảnh điên

xin

Phật giáo Việt Nam. Đông thời, tôi tha thiêt kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuât bản Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam không chỉ là niêm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái5 sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển ben vững.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên the giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ? càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam. Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bát đâu từ rát sớm và xuyên suôt dòng lịch sử luôn đông hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực

khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nham nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành tri, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ thứ III (TTL) đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sañghamittā của vương triều này đã truyền

XVI

bá đạo Phật sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmanī Ābhāya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải, ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ thứ I đến đầu thế kỷ thư II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thê thê truyên thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pâli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ An Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagāmanī Ābhāya vào thế kỷ thứ I (TTL), công trình trùng tụng, biên chép và bảo tôn được tô chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihâra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pâli được xem là Thánh điên Phật giáo chính thông của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ thứ v đã có công lớn đối với Thánh tạng Pâli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pãli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pali và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng qụy mô từ tiếng Pâli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ v. Ngoài tạng Pâli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thông lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tâm châu lục. Từ nhà Tông đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là Khai Bảo tạng, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thê kỷ X-XIV) có ba lân khác Đại tạng, trong đó Bát vạn Đại tạng kinh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kinh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ thứ XI, đang được bảo

tồn cẩn trọng tại Hải Ân tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh (Taishõ Shinshū Daizokyo,)do Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và các cộng sự viên thực hiện, gôm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc

XVII

truyền hoàn chỉnh nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lan khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam có diêm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên dá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Tran Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vân được chư Ton đức tiên hiên âm thâm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kinh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ thứ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tinh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nôi tiêng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phàm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiên bôi và đương thời nôi tiêp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý Ngài: Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ? Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Tran Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bác truyên, hoặc có một phân của nhau, nhưng không đây đủ. Trong khi đó, Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải, Phụ Chú giải). Đôi với Bác truyền, câu trúc được chia thành hai phân: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải.

XV111

Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiêng Sanskrit, tiêng Anh và một sô ngôn ngữ khác. Phan Tục tạng của Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam bao gom các tác phẩm kinh điển do những the hệ tri thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán? Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam của chư tiên hiên hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thh Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp ly, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bí, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Ciru-ma-la-thập, Huyền Trang... đều biểu tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó5 độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pãli cũng không ngoại lệ5 khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều làn trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời dại, hầu hết những rào cản đều đã được vượt qua và phản ánh trong Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn câu, nguôn tham khảo phong phú? kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bô sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiêt yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phàm hậu kỳ như tóm tăt? tân giải, đô giải hay làm tiên đê cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam còn thực hiện bản số hóa làm tăng thêm khả năng đồng bộ? lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

XIX

Bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ su, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an nhẫn, kiên đinh, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhác từng thuật ngữ Phật học, đôi khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy đủ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn

động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ây đang ân tàng trong từng con chữ, trong sô nhiêu chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghì. Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ? ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ su, chu vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

VesakLiên Hợp Quốc, PL2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

"Năm 1965, tôi in xong tập L gồm 3 kinh đầu. Năm 1967, tôi in xong tập II, gồm 10 kinh kế tiếp. Năm 1972, tôi in xong tập III và tập IV, gồm 21 kinh trong khoảng thời gian kỷ lục 7 tháng, từ Tết Nhâm Tý (tháng 2-1972) cho đến nay, Vu Lan - Rằm tháng 7 (tháng 8-1972). Cứ xem thời gian hoàn thành từng tập một, mới thấy chức vụ đa đoan của một Viện trưởng làm trở ngại cho sự phiên dịch như thế nào. Chúng tôi chỉ có thể để dành những ngày nghỉ, những buổi sáng thật sớm và những buổi tôi (nêu không quá mệt mỏi vì những công việc ban ngày) để phiên dịch. Chúng tôi vẫn kiên trì phiên dịch và in cho xong tập IV Kinh Trường bộ là để hoàn thành một chí nguyện mà tôi ấp ủ từ khi tôi mới đi du học Tích Lan năm 1952. về nước năm 1964, nếu tôi không nhận chức vụ Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, thời nay tôi đã dịch ít nhất cũng trọn bộ Kinh tạng Pâli rồi. Tôi tự đánh dấu hỏi, làm Viện trưởng hay làm một vi dịch kinh, làm chức vụ nào có lợi cho Phật giáo hơn? Và tôi phải tự thẳng thắn để trả lời, dịch kinh có lợi hơn! Và tôi chỉ có thể vớt vát bằng cách để những thời giờ thong thả, chú tâm vào vấn đề phiên dịch. Chúng tôi viết những dòng chữ này vừa để sám hối, vừa mong các Phật tử và các học giả thông cảm cho. Phiên dịch Tam tạng Pâli có một dụng ý khác quan trọng hơn. Trước năm 1952, Việt Nam chúng ta chỉ biết có một so kinh Đại thừa căn bản, như Kỉnh Lăng nghiêm, Kinh Pháp hoa, Kinh Bát-nhd, Kỉnh Kim cang, Kinh Di-đà, v.v... dầu rằng chúng ta vẫn có Hán tạng hết sức phong phú, nhưng ít người nghiên cứu. Các kinh A-hàm, Kinh Tứ thập nhỉ chương, Kinh Di giáo cũng có được đề cập. Tuy có biết, nhưng không dám học vì theo tứ y, cần phải "y liễu nghĩa kinh, bất y bất liễu nghĩa kinh.^, uQua Tích Lan, chúng tôi được biết đến Tam tạng Pāli? rất là phong phú, rất gần với lời dạy nguyên thủy của đức Phật, lại được phổ biến rộng rãi ở năm châu. Qua Ấn Độ, chúng tôi được biết thêm tạng Sanskrit dồi dào và phong phú hơn cả tạng Pali, nhưng nguyên bản gần như mất hết cả, ngoại trừ vài chục bộ mới tìm lại được. Cũng may tạng Sanskrit được dịch ra tạng Tây Tạng và Hán tạng, và nhờ vậy, hai tạng dịch này là kho

tài liệu khá đay đủ cho nguyên tạng Sanskrit. Nhưng nếu Pâli là Tam tạng vừa là nguyên thủy, vừa là của học phái Thượng Tọa bộ5 thì tạng Sanskrit phong phú hơn, là Tam tạng vừa thuộc

XXII

nguyên thủy, vừa thuộc nhiều học phái như Nhất Thiết Hữu bộ, Đại Chúng bộ, Đàm-vô-đức bộ, Di-sa-tắc bộ? v.v... và cũng vừa là tạng của Đại thừa. Giá tri của hai tạng dịch là như vậy, và tạng Trung Hoa cũng có dịch một số Kinh tạng Pâli có thể do Ngài Pháp Hiển, thế kỷ thứ IV - v đem từ Tích Lan về. Nếu chúng ta muốn tìm đến tạng nào hay kinh nào có thể là đại diện cho Nguyên thủy, chúng ta chỉ cần so sánh Kinh tạng, Luật tạng Pãli và Kinh tạng A-hàm và Luật tạng các học phái. Những điểm nào giống nhau, thời chúng ta có thể chấp nhận là tạng Nguyên thủy. Những điểm dị biệt có thể là do di biệt lập trường của các học phái. Cho dịch Kỉnh Trường bộ này, chúng tôi không mong gì hơn là giới thiệu tạng Pâli cho Phật tử và học giả Việt Nam và cũng mở đầu một môn học mới, tức là môn Tỷ giảo học giữa Kinh tạng, Luật tạng Pãli và tạng chữ Hán tương đương. Môn Tỷ giảo học này sẽ giúp chúng ta hiểu được the nào là tạng Nguyên thủy của Phật giáo. Có người sẽ cho rằng, dịch tạng Pâli là tuyên truyền cho Tiểu thừa, phản lại tư tưởng Đại thừa. Chúng ta nên chấm dứt ngay thái độ ngây thơ và buồn cười này. Đạo Phật không có Đại thừa, Tiểu thừa, không có Nam tông, Bắc tông. Đạo Phật gồm có một số giáo lý căn bản mà học phái nào cũng phải tôn trọng, một số pháp môn thiết yếu mà đệ tử Phật nào cũng phải y cứ để tu hành, nếu không muốn lạc vào tà giáo, ngoại đạo. Cho dịch tạng Pâli là chúng tôi muốn giới thiệu và tìm hiêu sô giáo lý căn bản ây và sô pháp môn thiêt yêu ây. Những danh từ Đại thừa, Tiêu thừa, Nam tông, Băc tông là những danh từ được đẻ ra sau này để phân biệt các học phai, và một học phái chỉ được gọi là học phái Phật giáo khi nào học phái ấy tôn trọng và trung thực với số giáo lý, số pháp môn căn bản ấy. Ngày nay, một nhà nghiên cứu Phật giáo phải biết đến Phật giáo Nguyên thủy, phải biết đen Phật giáo các học phái và phải biết đen Phật giáo Đại thừa mới có thể có một cái nhìn đại thể về lịch sử tư tưởng Phật giáo. Sau khi nắm được cái nhìn đại thể, vị ấy có thể chọn lấy một ngành nào, hay một pháp môn nào làm ngành chuyên môn của mình. Cho dịch Kinh tạng pli, chúng tôi muốn giúp phần tài liệu nghiên cứu cho các nhà học giả ấy để có thể biết đến Phật giáo Nguyên thủy và biết đến học phái Thượng Tọa bộ? một học phái có tiếng là bảo thủ nhất, trung thành với tư tưởng và lối sống Phật giáo Nguyên thủy nhất, và là học phái duy nhất gìn giữ được gần như trọn vẹn cả ba tạng giáo điển. Hơn thế nữa, ngày nay chúng ta nhận thấy một chiều hướng mới đã bắt đầu sống dậy trong những nhà tìm hiểu tư tưởng Phật giáo, một chiều hướng đi ngược lên Phật giáo Nguyên thủy, tìm hiêu những căn bản giáo lý mà phân lớn các học phái châp nhận, giới thiệu một lôi sông đích thực, đức Phật muôn giảng dạy cho các đệ tử để sống ngay với đời sống hiện tại, khỏi phải qua những phân ly của các học phái, hay những mê tín, dị đoan, cuồng tín, v.v... đã dần dần xâm nhập vào đạo Phật, làm mất bản chất thuần tuy của đạo Phật nghìn xưa. Hơn

XX111

nữa, ngày nay người ta dân dân ý thức răng chỉ có đạo Phật Nguyen thủy mới đáp ứng được những đòi hỏi của một thế giới khoa học hiện tại. Một tôn giáo muốn được giới trí thức trẻ hiện tại chấp nhận, vừa phải không mâu thuẫn với những phát minh khoa học mới mẻ nhất, vừa phải giải quyết được những vấn đề thuộc phạm vi của con người ở thế kỷ thứ hai mươi, hai mốt này, và chỉ có đạo Phật Nguyen thủy mới may ra đáp ứng được những đòi hỏi trên. Cho dịch tập Kinh Trường bộ này, chúng tôi nuôi dưỡng một hy vọng rất khiêm tốn, là giới thiệu được tới tay các học giả và các Phật tử, một phần nào những lời dạy thật Sự nguyên thủy hay gân nguyên thủy nhát của đạo Phát.' (Lời Giới thiệu Kinh Trường bộ, tập IM 1972) "Cho dịch và cho in các bản kinh Pali, tôi không mong muốn gì hơn là để các Phật tử, các học giả, các sinh viên được đọc thẳng vào những kinh điển thật sự nguyên thủy hay gân nguyên thủy nhát, và tự mình tìm hiêu những lời dạy thật sự của đức Phật, khỏi phải qua những lập trường của các bộ phái. Nhất là khỏi phải qua những xuyên tạc của những học giả và những Phật tử muốn giải thích đạo Phật theo dục vọng và tà kiến của mình.99 “Dạo Phật không cần đến những đoàn người theo đạo Phật, theo một cách Ô ạt mù quáng, theo một cách thụ động nhăm măt, hay tự mình bóp méo xuyên tạc đạo Phật theo tà kiến dục vọng của mình. Chính Kinh Đại Bát-nỉết-bàn, trang 124-126, tập III này có ghi rằng, dầu chúng ta có nghe vị Tỷ-kheo nào nói tự thân nghe đức Phật, tự thân nghe các vị Thượng tọa, Thủ chúng, v.v... nói như vậy là Pháp, như vậy là Luật, đức Phật khuyên cũng không được tán thán, đả kích, chấp thuận hay từ bỏ ngay, mà phải so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, có phù hợp mới được chập nhận, không phù hợp thời phải từ bỏ. Đạo Phật đòi hỏi sự nhận xét, tìm hiêu, suy tư cá nhân rát nhiêu. Nhimg chúng ta chỉ có thể nhận xét, tìm hiểu, suy tư khi chúng ta được đọc những lời dạy nguyên thủy nhát hay gân nguyên thủy nhát của đức Phật. Đó là nguyên nhân và động lực khiến tôi phải lo dịch và in bản Kinh Trường bộ này." (Lời Giới thiệu Kinh Trường bô. tập III, 1972)

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PÃLI

A. Añguttara Nikãya (Kỉnh Tăng chi bộ)

AA. Añguttara Nikãya Atthakathā (Chủ giải Kinh Tăng chi bộ)

Áp. Apadãna (Thánh nhân kỷ sự)

ApA, Apadãna Atthakathā {Chủ giải Thánh nhân kỷ sự)

Asi, Atthasālim (Chú giải Pháp tụ)

Bv. Buddhavamsa (Phật sử)

BvA. Buddhavamsa Atthakathā (Chủ giải Phật sử)

CNid. Cūlaniddesa (Tiểu nghĩa thích)

Cp, Cariyāpitaka (Hạnh tạng)

CpA. Cariyãpìtaka Atthakathā (Chú giải Hạnh tạng)

Cv. CũỊavagga (Tiểu phẩm)

Cvs. Cūlavamsa (Tiểu sử)

D. Dīghā Nỉkãya (Kinh Trường bộ)

DA. Dīghā Nikāya Atthakathā (Chú giải Kinh Trường bộ)
Dh. Dhammapada (Kinh Pháp cú)
DhA. Dhammapada Atthakathā (Chú giải Kinh Pháp cu)
Dhs. Dhammasañgariī (Pháp tụ)
Dpvs. Dĩpavamsa (Đảo sử)
Gāt. Gāthā (Therā và Therĩ): Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Nỉ kệ ít. Itivuttaka (Kinh Phật thuyết như vậy)
J. Jātaka (Chuyện tiền thân của đức Phật)
Kh. Khuddakapātha (Tiểu tụng)
Kkvt. Kañkhāvitarariī (Giải nghỉ)
9
Kvu. Kathãvatthu (Luân sự / Những diêm dỉ biệt)
XXVI

M Majjhimā Nikāya (Kinh Trung bộ)
MA. Majjhimā Nikāya Atthakathā (Chú giải Kỉnh Trung bộ)
Mhbv. Mahābodhivamsa (Đại sử vê cây Bô-đê ở Tích Lan)
Mhvs. Mahāvamsa (Đại sử)
Miln. Milindapañha (MidK vân đáp)
MNid, Mahāniddesa (Đại nghĩa thích)
MT. Majjhimā Nikāya Tīkā (Phụ chủ giải Kinh Trung bộ)
Mv. Mahāvagga (Đại phẩm)
Nd. Niddesa (Nghĩa thích)
NdA. Niddesa Atthakathā (Chú giải Nghĩa thích}
Netti. Nettipakarana (Đạo luận)
Patth. Patthāna (Luận Duyên hệ)
Ps. Patisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo)
PsA Patisambhidāmagga Atthakathā (Chủ giải Vô ngại giải đạo) r
P"g. Puggalapañňatti (Nhân thi thiêt luận)
PugA. Puggalapañňatti Atthakathā (Chủ giải Nhân thỉ thiết luận)
Pv. Petavatthu (Nga quỷ sự)
S, Samyutta Nikāya (Kỉnh Tương ưng bộ)
SA. Samyutta Nikāya Atthakathā (Chú giải Kinh Tương ưng bộ)
Sn. Suttanipāta (Kinh tập)
SnA. Suttanipāta Atthakathā (Chủ giải Kinh tập)
Sum. Sumañgalavilāsinī (Chủ giải Kinh Trường bộ)
Thag. Theragāthā (Trưởng lão Tăng kệ)
ThagA. Theragāthā Atthakathā (Chủ giải Trưởng lão Tăng kệ)
Thīg. Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)
ThīgA, Therīgāthā Atthakathā (Chú giải Trưởng lão Nỉ kệ)

Thūp. Thūpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)
Ud Udāna (Cảm hứng ngữ)
UdA, Udāna Atthakathā (Chủ giải Cảm hứng ngữ)
Uj. Upāsakajanālañkāra (Uií-bà-tắc trang nghiêm)
Vbk Vibhañga (Phân tích)
VbhA. Vibhañga Atthakathā (Chủ giải Phân tích)
xxvii

Vỉn. Vinaya Piịaka (Luật tạng)
VỉnA. Vìnaya Atthakathā (Chú giải Luật tạng)
Vism. Vìsuddhimagga (Thanh tịnh đạo luân)
Vv. Vimãnavatthu (Thiên cung sự)
VvA. Vìmãnavatthu Atthakathā (Chú giải Thiên cung sự)
Yam. Yamaka (Luân Song đối)
TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT
Divy. Divyāvadāna (Thiên cung sự)
Mhvu. Mahãvastu (Đại sự)
MPS. Mahãparỉnirvãnasũtra (Kỉnh Đại Bắt-niêt-bàn)
TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-script Buddhasâsana Samitỉ edition of the Majjhimā Nikãya (Kỉnh Trung bộ. phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BI. Buddhist India (Phật giáo Ân Độ) BPE. Buddhist Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tâm ly Đạo đức Phật giáo) Cpd. Compendium ofPhilosophy (Cươngyếu triết học, Tóm tắt và giải thích bộ Abhidhammatthasañgaha) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bộ) Expos. Expositor (Chủ giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kinh Tăng chi bộ) KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bộ) MB. A Manual ofBuddhism (Cẩm nang Phật giáo) MLS. Middle Length Sayings (Kinh Trung bộ) QKM. Questions ofKing Milinda (Mi-tien vấn đáp) PC Points of Controversy (Những diêm di biệt) Pss. Breth. Psalms of the Brethern (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thảnh điển Phật giáo)

XXV111

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG
ĐCT/Đại7T Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh ()
Biệt Tạp. Biệt dịch Tạp A-hàm ()
Tăng. Tăng nhất A-hàm kinh ()
Tạp. Tạp A-hàm()
Trung, Trung A-hàm kinh ()
Trường. Trường A-hàm kỉnh ()
TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điên Phật giáo Sanskrit lai tạo) CPD. Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pali) DPPN. Dictionary ofPali Proper

Names (Từ điển Danh từ riêng Pali) EPD. English-Pali Dictionary (Từ điển Anh - Pali) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giảo và Đạo đức) PED. Pali-English Dictionary (Từ điển Pali - Anh)

TỔ CHỨC HIỆP HÔI VÀ TẠP CHÍ

PTS. Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali)

JPTS, Journal ofPali Text Society (Tạp chí Hội Thánh điển Pali)

JRAS. Journal of the Royal Asiatic Society (Tạp chỉ Hội Hoàng gia
A châu)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt S. Tiếng Sanskrit HT. Hòa thượng P. Tiếng Pali TT. Thượng tọa H. Tiếng Hán ĐĐ. Đại đức E. Tiếng Anh NS. Ni sư TTL. trước Tây lịch se. Sư cô -r TL. Tây lịch TS. Tiên sĩ tr. trang ThS. Thạc sĩ Sđd. Sách đã dẫn NXB. Nhà Xuất bản

XXIX

Tiếng Anh AD. (Anno Domini) sau Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiếu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) etc. (ét cetera) vân vân... (v.v...) f./ ÍĨ. (following pages) trang kế tiếp/ các trang kế tiếp ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn/ như trên n. (note) chú thích p./pp. (page/pages) trang/ các trang tr. (by) dịch bởi trans. bản dịch vol./ vols. (volume/ volumes) tập, quyển/ các tập, các quyển

DẪN LUẬN KINH TRƯỜNG Bộ I. GIỚI THIỆU TÔNG QUAN Kỉnh Trường bộ (P. Dīghā Nikâya. H)là bộ đầu tiên trong nam bộ kinh Pali (Pali Nikāya) của Phật giáo Thượng Tọa bộ (Theravãda); là tuyển tập 34 kinh dài (The Long Discourses) trong Kinh tạng Pali (Sutta Pỉtakà), tương ứng với 30 bài Trường A-hàm kinh (S. Dĩrgha Āgamā, H.).Khái niệm "trường" (dīghā,)c6 nghĩa đen là "dài" về số lượng chữ của từng bài kinh trong bộ này. Vê tông sô trang, Kinh Trường bộ có sô trang ít nhát trong 5 bộ kinh Pâli. Kinh Trường bộ nhiều hơn Trường A-hàm kỉnh trong văn học Hán tạng của phái Dharmaguptaka (Pháp Tạng bộ) 4 bài kinh, vốn là bộ đầu tiên trong Đại Chánh tân tu Đại tạng (Taỉshõ edition). Có 6 kinh trong Kinh Trường bộ có nội dung trùng lặp hoặc vì quan điểm khác biệt về phương pháp tu tập, nên không có kinh tương ứng trong Trường A-hàm kỉnh, gôm: Kinh Mahāli (Mahāli Suíta, sô 6); Kinh Jāliya ựãliya Sutta, sô 7); Kinh Subha ỊSubha Sutíaf so 10); Kinh Đại niệm xứ (Mahāsatipatthāna Sutta, số 22); Kỉnh Tướng (Lakkhana Sutta, so 30), và Kinh A-sá-nang-chi (Ātānātiya Sutta, số 32). Kinh Trường bộ và Trường A-hàm kinh có một sô diêm dị biệt vê thứ tự các bài kinh, cách đặt tựa đề kinh, các khái niệm và nội dung từng bài kinh. Vê nội dung, Kinh Trường bộ tường thuật vê các đôi thoại liên tôn giáo và triêt học giữa đức Phật với các đạo sĩ Sa-môn và Bà-la-môn đương thời, thông qua đó? giúp chúng ta hình dung được các phong trào tôn giáo và triết học thời Phật; đồng thời, cho thấy triết học thực tiễn của đạo Phật vượt lên trên các tôn giáo hữu thần và vô thần thời đức Phật. Vê phân loại, Kỉnh Trường bộ được chia thành 3 phàm (yaggă)\ (i) Phẩm Giới uẩn (Sīlakkhandhavaggo) gồm 13 bài kinh nói về đạo đức (sīld) chuẩn mực và thanh cao. (ii) Phàm Đại (Mahāvagga) gôm 10 bài kinh nói vê cuộc đời đức Phật và một sô giáo pháp căn bản. (iii) Phẩm Ba-lê (Pāthikavaggo) gồm 11 bài kinh giới thiệu về

vũ trụ luận, cách tu của ngoại đạo, trách nhiệm gia đình, xã hội và tâm linh.

xxxii

về bản dịch tiếng Anh, hiện có 3 bản dịch Anh ngữ hoàn chỉnh và một số bản trích dịch. Quyển Dialogues of the Buddha (Đoi thoại của đức Phật) do T. w. Rhys Davids và c. A. F. Rhys Davids dịch, 3 quyển, NXB. Pali Text Society, năm 1899-1921 là bản dịch sớm nhất. Bản dịch của Maurice Walshe với tựa đề: The Long Discourses of the Buddhaṃ A Translation of the Dīghā Nikāya (Các bài kinh dài của đức Phật: Bản dịch Kinh Trường bộ) do NXB. Wisdom Publications, Boston, năm 1987; tựa gốc trong bản tiếng Anh là: Thus Have I Heard (Tôi nghe như vầy). Bản dịch của Bhikkhu Sujāto có tựa đề: The Long Discourses (Các bài kinh dài), xuất bản năm 2018 dưới dạng E-book (gồm Epub, Kindle, PDF, MS Word) miễn phí tại trang SuttaCentral (WWW. suttacentral. net) Ngoài ra, còn có các quyển trích dịch gồm: Long Discourses of the Buddha (Các bài kinh dài của đức Phật) do A. A. G. Bennett dịch và ấn hành tại Bombay năm 1958 gồm các kinh 1-16. Tác phẩm The Buddha s Philosophy ofMan: Early Indian Buddhist Dialogues (Triết học về con người của đức Phật', Các cuộc đổi thoại của Phật giáo An Độ thời ky đâu) do Rhys Davids tuyên dịch và Trevor Ling biên tập, NXB. Everyman, London, chọn dịch 10 kinh gôm các kinh số 2,4, 5, 9, 12, 16, 22,25,27, 31. Quyển Ten Suttas from Dĩệha Nikāya (Mười kinh dài trong Kinh Trường bộ) do Burma Pitaka Association ân hành tại Rangoon, 1985, gồm các kinh l, 2, 9,15,16, 22, 26,28, 29, 31. Tại Việt Nam, bản dịch của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu với tựa đề Kinh Trường bộ. xuất bản 3 lần mới trọn bộ. Lần thứ nhất vào năm 1965 với 3 kinh đầu, lần thứ hai vào năm 1967 với 10 kinh (4-13)? lần thứ ba vào năm 1972 với 21 kinh (14-34) chia thành 2 tập. Như vậy, Kinh Trường bộ trong giai đoạn đầu gồm 4 tập. Từ năm 1991 đến nay, bộ này được tái bản nhiều lần, 2 tập rồi l tập. Bản dịch này của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu được xem là bản dịch trung thành với nguyên tác Pali, góp phan làm thay đoi tích cực hệ thống Phật học tại Việt Nam trong hơn bảy thập niên qua. II. KHÁI QUÁT NÔI DUNG A. Phẩm Giới uẩn (Sīlakkhandhavaggo) 1. Kinh Phạm võng (P. Brahmajāla Suttaṃ H."Tấm lưới của Phạm thiên") tương đương Phạm động kinh) Nhân vì hai thầy trò du sĩ ngoại đạo có quan điểm trái ngược, người thầy là Suppiya dùng nhiều lời chỉ trích đức Phật, trong khi đệ tử là Brahmadatta lại dùng nhiều lời tán thán, đức Phật đã dạy cách ứng xử thản nhiên trước lời thi phi, đồng thời giới thiệu ba cấp giới hạnh: Giới hạnh nhỏ, giới hạnh vừa, giới hạnh lớn. Ngoài ra, đức Phật phê bình và dạy cách chuyến hóa 62 kiến chấp gom 18 kiến chấp ve quá khứ (Thường trú luận, Vô thường luận, Thế giới hữu biên hay vô biên, Thuyết ngụy biện và Vô nhân luận)

1 (TOI. 0001.21. 0088b12). Tham chiếu: Phạm võng lục thập nhỉ kiến kỉnh (roi. 0021. 0264a20);Xả-lợỉ-phấtA-tỳ-đàm luận (r.28. 1548.19. 0656bl9).

xxxiii

' M M X / Tx n A • và 44 kiên châp vê tương lai (gôm Hữu tưởng luận, Vô tưởng luận, Phi hữu tưởng phi vô tưởng luận, Đoạn diệt luận, Hiện tại Niết-bàn luận). 2. Kinh

Sa-môn quả (P. Sāmaññaphala Sutta, H.)tương đương kinh cùnẹ tên trong bộ Trường A-hàm^ Nhân dịp Vua Ajātasattu nhờ đức Phật cứu độ vê tội giết cha, đức Phật giải thích tác hại tà thuyết của sáu ngoại Đạo sư: (i) Thuyết Không có nghiệp báo của Pūrana Kassapa; (ii) Thuyết Luân hồi tinh hóa của Makkhali Gosāla; (iii) Thuyết Đoạn diệt của Ajita Kesakambala; (iv) Thuyết Bảy thân bất hoại của Pakudha Kaccāyana; (v) Thuyết Lõa thể với bốn cấm giới của Nigantha Nātaputta; (vi) Thuyết Ngụy biện của Sañjaya Belatthaputta. Đồng thời, đức Phật giải thích về các công đức của bậc chân tu: Được kính nể, tăng trưởng đạo dức, làm chủ giác quan, chánh niệm tỉnh giác, thiểu dục tri túc, dứt năm trói buộc tâm, chứng đắc bốn thiền, thành tựu trí tuệ, đạt được các thần thông và giải thoát tri kiến. 3. Kinh AmbaỊỊha (A-ma-trú) (P. Ambattha Suttaṃ H.'tương đương kinh cùng tên trong bộ Trường A-hàm} Trước thái độ cao ngạo về huyết thống của Ambattha, đức Phật truy nguồn gốc mẹ của Ambattha là nữ tỳ của dòng họ Sãkya. Phủ đinh giai cấp, đức Phật khẳng định rằng người nào có giới hạnh và trí tuệ đầy đủ sẽ trở thành tối thắng giữa loài người. Nhân đó, đức Phật giảng về Tứ diệu dế, bố thí, sống đạo dức, quả phước ở các cõi trời. 4. Kinh Chủng Đức (P. Sonadanda Suttaṃ H)tương đương kinh cùng tên trong bộ TrườngA-hàm^ Nhân dịp các Bà-la-môn cao ngạo rằng mình là người có huyết thống thuần khiết bảy đời, thông hiểu ba bộ Vệ-đà? giỏi thần chú, tướng mạo đoan trang, đầy đủ đức hạnh, sáng suốt trí tuệ, đức Phật cho rằng trí tuệ và đạo đức làm cho con người trở nên tối thắng, chứ không phải giai cấp và huyết thống. Nơi nào có trí tuệ, nơi ấy có đạo đức. Theo đức Phật, người xứng danh Bà-la-môn phải là người thành tựu trí tuệ, đạo đức. 5. Kinh Cứu-la-đàn-đầu (P. Kũtadanta Sutta. H.)tương đương kinh cùng tên trong bộ Trường A-hàm,*35 Trái với các lễ tế đàn của Bà-la-môn: Đẫm máu5 chặt cây, phạt nô tỳ... đức Phật dạy te đàn cao quý bằng cách cúng dường người đạo đức, xây dựng tự viện, quy ngưỡng Tam bảo5 giữ năm đạo dức, chứng đắc bốn thiền và giúp người thấy và sống với chân lý. Đe chấm dứt các tệ nạn, làm cho xã hội an bình, đức Phật cho rằng hình phạt không phải là giải pháp, mà chính là việc hỗ trợ nhân dân đúng thời, đúng cách.

2(Z01.0001.27.0107a20). Tham chiếu: Tịch chỉ quả kỉnh (roi. 0022.0270c27); Tăng. (r.02. 0125.43.7. 0762a07); Tạp. 0.02. 0099.154. 0043c21); Tạp.(7.02. 0099.155. 0044a01); Tạp.(7.02. 0099.156. 0044all); Tạp,(r.02. 0099.157-160. 0044a22-bll); Tạp.(7.02. 0099.161, 0044bl6); Tạp.(ro2. 0099.162. 0044b29)r^.(T.02. 0099.163. 0044c 12); Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hưu Bộ Tỳ-nại-da (T.23. 1442.13. 0692b01). 3 (r.01. 0001.20. 0082a06). Tham chiếu: Phật khai giải Phạm chỉA-bạt kinh (roi. 0020. 0259c04). (TOI. 0001.22. 0094al8). 5 (TOI. 0001.23. 0096al6).

XXXIV

6. Kinh Mahāli (P. Mahāli Suttaṃ H.)không có bản tương đương trong bộ Trường A-hàm, Thay vì các Bà-la-môn bị vướng kẹt vào thiên sắc, thiên âm và tranh luận vô ích về thân thể, về quan điểm "tâm thức là một hay khác"; đức Phật dạy con đường két thúc khô đau băng cách chuyên tu đạo đức qua ba cấp (tiểu giới, trung giới, đại giới),

đạt bốn cấp thiền định, phát triển trí tuệ, hướng đên sự két thúc các khô đau. 7. Kinh Jātiyā (P. Jāliya Suttaṃ H.)không có bản tương đương trong bộ Trường A-hàm. Nhân dịp hai vị xuất gia thảo luận về thân và tâm là đồng nhất hay dị biệt, đức Phật hướng dẫn cách phát triển trí tuệ trên nền tảng bốn chân lý Thánh để vượt qua mọi kho đau. 8. Kinh Ca-diếp Sư tử hổng (P. Kassapasīhanāda Sutta, H.)tương đương Lõa hình Phạm chí kinh.67 8Ngoài việc chứng minh tác hại của tu khô hạnh ép xác của đạo Bà-la-môn, đức Phật dạy hạnh tu khó làm, bao gôm phát triển tâm từ bi, giữ đầy đủ các điều đạo đức nhỏ, vừa và lớn, làm chủ các giác quan, giải thoát các trói buộc băng trí tuệ và chứng đạt bôn thiên nhăm vượt qua các khổ đau. 9. Kình Potthapāda (Bố-tra-bà-lâu) (P. Potthapāda Suttaṃ H.)tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ Trường A-hàm J Kinh này dạy cách chấm dứt các tạp tưởng bằng phương pháp sống đạo đức, tu tập thiền định, phát triển trí tuệ để vượt qua ba hình thái: Chấp ngã qua hình tướng, chấp ngã qua các đặc điểm thân, chấp ngã quá khứ và tương lai. Không nên mat thời giờ cho các câu chuyện siêu hình, hãy siêng tu bôn chân lý Thánh đê giác ngộ và giải thoát. 10. Kinh Subha (Tu-bă) (P. Subha Sutta. H)không có kinh tương đương trong bộ Trường A-hàm, được Tôn giả Ānanda giảng sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tu tập đạo đức, thiền định và trí tuệ. 11. Kinh Kevaddha (Kiên cố) (P. Kevaddha Sutta, H.)tương đương bài kinh cùng tên trong bộ Trường A-hàm^ Thấy sự nguy hiểm và mặt trái của việc biểu diễn các thần thông biến hóa? đức Phật đề cao "giáo hóa thần thông^ tức "giáo dục là phép m2u" chuyên hóa khô đau băng cách giáo dục đạo đức và thiền định để chấm dứt năm trói buộc tâm, trải nghiệm tâm thơ thới, hoan hỷ, khinh an, lạc thọ, định tĩnh. Đông thời, đức Phật khăng định Thượng đê không có thật, nêu có thì Thượng đê không phải là đang Toàn trí, Toàn năng và Toàn bi. 12. Kinh Lohicca (Lo-gia) (P. Lohicca Suttaṃ H.)tương đương bài

6 (TOI. 0001.25. 0102c25). 7 (TOI. 0001.28. 0109c22). 8 (TOI. 0001.24. 0101bl4).

kinh cùng tựa đề trong bộ Trường A-hàm.910 Khi được hỏi tại sao nhiều Sa-môn 12 11 và Bà-la-môn đạt thiện pháp nhimg ích kỷ, không giáo huấn tha nhân, đức Phật phê phán 3 loại Đạo sư: (i) Không tự giác, không giác tha; (ii) Không tự giác nhtrng giác tha; (iii) Tự giác nhưng không giác tha. Đồng thời, đức Phật đề cao hạng Đạo sư "tự giác và giác tha”gôm tu đạo đức thanh cao, thực tập bôn thiên, tháo mở các trói buộc tâm, tinh tân truyên bá Chánh pháp đê giúp mọi người được lợi ích và an vui. 13. Kỉnh Tam minh (P. Tevijjā Sutta, H.)tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ TrườngA-hàm.lồ Nhân hai vị Bà-la-môn tranh luận về việc cộng trú ở cối trời Phạm thiên, đức Phật khẳng đinh rằng các Bà-la-môn còn dục ái, hận tâm, sân tâm và nhiễm tâm không the nào cộng trú ở cõi trời Phạm thiên được, bởi nơi đây đã vắng mặt hoàn toàn các uế trược này. Ngược lại, một vị Tỳ-kheo đoạn trừ sạch năm triền cái, an tru biến mãn với tâm có từ, bi, hỷ, xả có thể cộng tru ở cõi trời Phạm thiên. Theo đó? đức Phật khích lệ đại chúng tu tập bốn tâm vô lượng gồm từ, bi, hỷ, xả; kết thúc năm trói

buộc tâm, vượt qua năm dục lạc đe có được an lạc bây giờ và tại đây. B. Phẩm Đại (Mahāvagga) 14. Kinh Đại bổn (P. Mahāpadāna Sutta, H.)tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ Trường A-hàm.n Kinh này kể các tích truyện về sáu vị Phật quá khứ trước Phật Thích-ca gồm: Cách sinh đứng, co 32 tướng Đại nhân, xuất gia vì lý tưởng, khuyến khích tu tập đạo đức và thiền đinh, thuyết pháp phù hợp căn tính, truyền bá bốn sự thật vì lòng thương tưởng đời, mang lại hạnh phúc cho mọi người. 15. Kinh Đại duyên (P. Mahânidãna Sutta, H.)tương đương Đại duyên phương tiện kinh.12 Trong kinh này, đức Phật dạy rõ sự hỗ tương của chín nhân duyên căn bản gồm: Thức, danh sắc, xúc, thọ? ái, thủ, hữu, sinh, lão tử theo hai chiều thuận và nghịch. Chính chín mắc xích sự sống này khiến người thiếu trí làm việc bất thiện, chiu khổ đau trong vòng luân hồi. Bài kinh còn nêu các quan niệm ngã chấp sai lầm, bảy trú xứ của thức, và việc tu tập giải thoát qua tám cách khác nhau. 16. Kỉnh Đại Bát-niết-bàn (P. Mahãparỉnibbãna Sutía, H.)

9 (r.Ol. 0001.29. 0112c20). 10 (roi. 0001.26. 0104C17). 11 (TOI. 0001.01. 000n)11). Tham chiếu: Phật thuyết Thất Phật kinh (roi. 0002. 0150a03); Tỳ-bà-thi Phật kinh (1 0003. 0154ỒỒ5); Thất Phật phụ mau lảnh tự kinh (foi.0004.Ó159a27);í™ìí«Ả (roi.0026.204.0775c07); tăng.(ĩòioigị 9.1. 0593a24); Tăng.(7.02. 0125.48.4. 0790a07); Pháp tập yếu tụng kỉnh, Như Lai phẩm (r.04. 0213.21. 0787b22). 12 (7.01. 0001.13. 0060a29). Tham chiếu: Đại nhân kỉnh (TOI. 0026.97. 0578b07); Phật thuyêt Nhân bôn dục sanh kỉnh (roi. 0014. 0241c23); Phật thuyết Đại sanh nghĩa kỉnh (Z01. 0052. 0844ỒỒ9); A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận (7.26. 1536.18. 0440c23)r

tương đương với Du hành kinh}3 Trước lúc nhập Niết-bàn, đức Phật ôn lại những giáo pháp căn bản: Bảy sức mạnh của quốc gia và Tăng đoàn, bảy tài sản Thánh, bảy yếu tố giác ngộ, bảy pháp quán tưởng dứt trừ khổ đau, sáu yếu tố hòa hợp, vai trò của Giới - Định - Tuệ, năm nguy hiểm do phạm giới, Tứ Thánh đế, cảnh giới tái sinh, tin sâu Tam bảo, tu chánh niệm, phát tâm cúng đường, không có mật pháp và thành tựu tám giải thoát. 17. Kinh Đại Thiện Kiến Vương (P. Mahãsudassana Sutta. H.).14 Đức Phật giải thích lý do chọn Kusinārā làm nơi xả bỏ thân tứ đại như truyền thống nhập Niêt-bàn của chư Phật quá khứ. Đông thời, đức Phật ke vê kiếp quá khứ của Ngài làm Vua Đại Thiện Kiến thích bố thí, không bóc lột chư hầu, xây dựng Chánh pháp khắp đất nước, dứt dục vọng, sân hận? não hại; tu từ, bi, hỷ, xả, chứng đắc bốn thiền, an nhiên trong sinh tử. 18. Kinh Xà-ni-sa (P. Janavasabha Sutta, H.)tương đương bài kinh cùng tựa đề trong Trường A-hàm kinh}5 Vua Bimbisâra (Tần-bà-sa-la) tái sinh vào cõi trời Cātummahārājika (Tứ Thiên Vương), khen ngợi giáo pháp Phật có khả năng giúp người tu tái sinh thiên giới, hưởng các phước báu to lớn. Tại cõi trời, tiếp tục phát triển thiện dục, tinh tan, thiền định, tu tâm; tu bon chánh niệm, tám chánh đạo và truyền bá Phật pháp, mở cửa bất tử cho con người. 19. Kinh Đại Điển Tôn (P. Mahāgovinda Suttaṃ H.)tương đương Điển Tôn kinh. Ị6 Kinh nói về kiếp trước của đức Phật làm Quốc sư Govinda. Sau khi giúp đất nước và nhân dân được giàu c6, Govinda đi tu, bỏ

lại tất cả lạc thú. Khi ệiác ngộ, Ngài truyền bá Bát chánh đạo, giúp mọi người giác ngộ và chứng Niêt-bàn. Qua đó, đức Phật giải thích lý tưởng độ sinh vì thương đời, truyền bá giáo pháp với năm đặc điểm: Dạy đạo dức, chỉ đường Niết-bàn, sống chung hòa hợp, lời nói đi đôi việc làm, không cao ngạo. 20. Kinh Đại hội (P. Mahãsamaya Sutta, H.)tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ Trường A-hàm)1 Chư thiên ở nhiều cõi giới đến thăm viếng, tán dương Phật, nghe chân lý và thực tập chuyển hóa theo hướng dẫn của Phật.*

13 (TOI. 0001.02.0011a07). Tham chiếu: PhậtBắt-nê-hoàn kinh (7X)1.0005.0160b05); Bat-ne-hoan kinh (701. 0006. 0176aỜ2); Đại Bát-niết-bàn kỉnh (TOI. 0007. Địa động kinh ,(7.01. 0026.36. 047723); (7Í02. 0125.28.5. 0652bl3); Tdng. (r.02. 0125.42.5. 0753cll); Xuat diệu kinhf Thủy phẩm .()4. 0212.18. 0706c07); Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da tạp (r.24. 1451.35. 0382b29). 14 Tham chiếu: Du hành kỉnh (roi. 0001.02. 0011a07); Đại Thiện Kiến Vương kỉnh (Z01. 0026.68. 0515b03); PhậtBắt-nê-hoàn (Zpi. 0005. 0160b05); Bắt-nê-hoàn kinh (1. 0006. 01702);£)8“Mi 0OL 0007. 0191b02); Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bô Tỳ-nại-da tạp sự ¥ (T.24. 1451.37. 0393a01). 15 (TOI. 0001.04. 0034005) Tham chiếu: Phật thuyết Nhân tiên (TOI. 0009. 0213C22). 16 (Z01. 0001JD3. 0030bl0). Tham chiếu: Phật thuyết Đại Kiên cổ Bà-la-môn duyên khởi kỉnh (Z01.0008. 0207C18). 17 (TOI. 0001.19. 0079b02). Tham chiếu: Phật thuyết Đại tam-ma-nhạ kỉnh (TOI. 0019. 0258al0); Tạp.(T02. 0099.1192. 0323al2); Biết Tạp.(7102. oi00.105. 0411 a24).

XXXV11

21. Kinh Đế-thỉch sở vấn (P. Sakkapañha Sutta, H.)tương đương Thỉch-đề-hoàn-nhân vấn kinh.'8 Đức Phật phân tích mắc xích khổ đau từ hận thù, ganh ghét, bản xẻn, ưa ghét; hai mặt của hỷ, ưu và xả; sự dị biệt tôn giáo là do khác nhau vê bản chát, nguyên nhân ra đời, mục đích phụng sự. Đông thời, đức Phật dạy về lợi ích của tâm không còn hận thù và giá tri của nghe và thực tập Chánh pháp. 22. Kinh Đại niệm xứ (P. Mahãsatipatthãna Sutta, H.)tương đương Niệm xứ kỉnh18 trong bộ Trung A-hàm. Phật dạy phương thức quán sát 1920 và làm chủ để đạt chánh niệm, tỉnh thức: (i) Làm chủ hơi thở và sự vận động của thân; thân thê được câu tạo bởi đát, nước, lửa, gió nên vô thường và nhơ uê; quán 9 giai đoạn tử thi để không chấp thân; (ii) Cảm giác hạnh phúc, khổ đau và trung tính đối với thân, tâm; (iii) Tám cặp đặc tính của tâm gồm tham - không tham, sân - không sân, si - không si, tập trung - tán loạn, quảng đại - nhỏ nhoi, hữu hạn - vô hạn, định - không định, giải thoát - trói buộc; (iv) Pháp: cắt đứt năm trói buộc tâm, không chấp năm uẩn, sáu giác quan và sáu đối tượng giác quan. Đồng thời tu bảy yếu tố giác ngộ, bốn chân lý để kết thúc khổ đau. 23. Kinh Tệ-túc (P. Pãyãsi Sutta. H.)tương đương bài kinh cùng tựa đê trong bộ Trường A-ham, Kinh khác họa cuộc đôi thoại triêt học vê tái sinh giữa một cao Tăng và một vị vua hoài nghi. Một số dụ ngôn được sử dụng trong kinh này nhăm chứng minh sự thật răng "chét không phải là hêf\ thông qua đó? giáo dục mọi người tin sâu nhân quả, chịu trách

nhiệm về những gì mình làm, sông đời đạo đức thanh cao đê hưởng an vui và hạnh phúc ở hiện tại và tương lai. C. Phẩm Ba-lê (Pāthikavaggo) 24. Kinh Bade (P. Pāthika Suttaṃ.)tương đương A-nậu-di kinh.21 Nhân sự kiện một Tăng sĩ bỏ tu vì thất vọng đức Phật không thi thố thần thông, không giải thích vê nguồn góc thê giới, đức Phật phân tích việc cho răng thê giới này được hình thành bởi Thượng đe (chủ nghĩa duy than), bởi vật chất (chủ nghĩa duy vật), do tâm tạo ra (chủ nghĩa duy tâm) và do sự ngẫu nhiên (ngẫu nhiên luận). Đức Phật khẳng đinh vai trò của giáo hóa chính là thần thông; thay vì biểu diễn thần thông, kêu gọi mọi người truyền bá Chánh pháp, giúp cuộc đời kết thúc khổ đau.

18 (roi. 0001.14. 0062b29). Tham chiếu: Thích vấn (ZOl. 0026.134. 0632c27); Phật thuyết Đế-thỉch sở vấn kỉnh (Z01. 0015._0246b03); Phật thuyết Đế-thỉch vấn sự duyên kỉnh thuộc Tạp Bảo tạng kinh (Z04. 0203.73. 0476al7). 19 (T0L 0026.98. 0582b07). Tham chiểu: Phân biêt Thảnh đế kinh (roi. 0026.31. 0467a28); Niệm thân kỉnh (roi. 0026.81. 0554clÒ); Phật thuyết Tứ đe kỉnh (T.Ol. 0032. 0814bÒ8). 20 (Z01. 0001.07. 0042b24). Tham chiếu: Tỳ-tứkỉnh (TOI. 0026.71. 0525al0); Đại Chảnh Củ Vương kỉnh (roi. 0045. 0831a06). 21 (TOI. 0001.15. 0066a09).

XXXV111

25. Kinh Ưu-đàm-bà4a Sư tử hống (P. Udumbarikā Sīhanāda Sutta, H)tương đương Tán-đà-na kinh.22 Kinh mô tả cuộc đối thoại tôn giáo. Đức Phật không quan tâm đến việc cải đạo người khác theo mình mà tập trung vào việc dân dát mọi người két thúc khô đau, bát luận họ là ai, theo đạo nào, làm gì trong xã hội. Chánh tri kiến, đạo đức và tu thiền là phương pháp thực tập đưa đến dứt khổ5 được vui. 26. Kinh Chuyên Luân Thánh Vương Sư tử hông (P. Cakkavatti Sīhanāda Sutta, H.)tương đương Chuyển Luân Thảnh Vương tu hành kỉnh}3 Lấy kiếp quá khứ của bản thân làm ví dụ, đức Phật nói về nguyên nhân sụp đổ của dòng vua chúa trong quá khứ và sự suy thoái xã hội sau đó. Kinh dự đoán Phật Di-lặc sẽ ra đời trong những kiếp tương lai nhằm phục himg đạo đức và mang lại hạnh phúc cho con người. Nhân đó, kinh này dạy kỹ năng tự nương tựa với tinh thần chánh niệm, tỉnh thức, kỷ luật trong tu học, không nương tựa bên ngoài. Thực tập Tứ niệm xứ là sự nương tựa cao quý vào Chánh pháp. 27. Kinh Khởi thế nhân bổn (P. Aggañña Suttaf H.)tương đương Tiểu duyên kỉnh trong bộ Trường A-hàm^ Theo đức Phật, nguồn gốc sự sống không bất đầu từ nguyên nhân khởi thủy là Thượng đế, vật chất hay tâm. Con người đầu tiên trên địa cầu chúng ta đang sống đến từ địa cầu khác. Khác với quan điểm Ẩn ệiáo về xã hội giai cáp, đức Phật cho ràng con người chọn lựa nghê nghiệp, thê hiện quan diêm và cách sông của mình, tự tạo ra hạnh phúc hay khổ đau, giàu hay nghèo, cao hay thấp, quý hay tiện, không có đinh mệnh an bài. Lòng tham vô đáy của con người đã góp phân hủy hoại thiên nhiên. 28. Kỉnh Tự hoan hỷ (P. Sampasādanīya Sutta, H.)tương đương bài kinh cùng tựa đê trong bộ Trường A^hàm,15 Trước khi viên tịch tại Nālandā, Ngài Sāriputta đã tán dương giá tri Phật pháp, kêu gọi mọi người thực tập Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bôn như ý túc, Năm căn5 Năm năng lực, Bảy giác ngộ,

Tám chánh đạo... nhằm kết thúc khổ đau, trải nghiệm an lạc ngay trong đời sống hiện tại. 29. Kỉnh Thanh tinh (P. Pāsādikā Sutta, H.)tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ Trường A-hàm.22 *26 Nhân sự kiện tạ thế của Nigantha 24 23 Nātaputta, lãnh tụ đạo Kỳ-na5 đức Phật nhắc nhở các đệ tử cần sống có lý tưởng, đề cao tình huynh đệ và tinh thần hòa hợp, không tranh chấp, và để chứng Thánh quả, cần thực tập 37 yếu tố giác ngộ, đặc biệt tu bốn thiền và

22 (TOI. 0001.08. 0047al7). Tham chiếu: kỉnh (2101. 0026.104. 0591b26); Phật-thuyết Nỉ-câu-đà Phạm chỉ kinh (roi. 001L 0222al9). 23 (roi. 0001.06. 0039a21). Tham chiếu: Chuyển Luân Vương kỉnh (7101. 0026.70. 0520bl6). 24 (Z01. 0001.05. 0036ỒỒ28). Tham chiếu: Bà-la-bà đường (Z0L 0026.154. 0673b04); Phật thuyệt Bạch y kim tràng nhỉ Bà-ỉa-môn duyên khởi kinh (Z01.0010. 0216bll). (Z01. 0001.18. 0076b24). Tham chiếu: Phật thuyết Tín Phật công đức kinh (TOI. 0018.0255all); Tạp.(102. 0099.498. 0130CỜ7). 26 (TOI. 0001.17. 0072C12).

bốn chân lý Thánh. Các đệ tử nhiệt tâm truyền bá chân lý để Phật pháp soi sáng the gian, giúp cuộc đời được an vui. 30. Kinh Tướng (P. Lakkhana Sutta, H.).27 Chấp nhận văn hóa nhân tướng tại Ấn Độ cổ dại, đức Phật khẳng đinh rằng 32 tướng Đại nhân là kết quả của sự gieo trồng nhân tốt trong các kiêp quá khứ. Người có 32 tướng Đại nhân, nêu làm chính trị sẽ trở thành Chuyên Luân Thánh Vương, nêu xuất gia sẽ trở thành bậc Giác Ngộ Tối Thượng. 31. Kinh Giáo thọ Thi-ca4a-việt (P. Siñgālovāda Suttaf H.)tương đương Thiện Sanh kinh.28 Giới thiệu 6 mối quan hệ xã hội. về gia đình có: (i) Cha mẹ - con cái; (ii) Vợ - chồng; (iii) Bà con - thân quyến, về giáo dục và nghề nghiệp có: (iv) Thầy cô giáo - học trò; (v) Chủ lao động - người lao động, về tôn giáo có: (vi) Nhà tôn giáo - tín đồ. Mỗi bên được khuyên nên giữ gìn 5 trách nhiệm cao quý, góp phân xây dựng hạnh phúc gia đình, xã hội và tâm linh. 32. Kinh A-sá-nang-chi (P. Ātānātiya Sutta, H,).29 Đức Phật dạy bốn Thiên Vương, dạ-xoa, càn-thát-bà9 cưu-bàn-trà về giới pháp, gồm không giết hại, không trộm cắp, không nói láo, không uống rượu; kính trọng Phật pháp; truyền bá chân lý; giúp mọi người an vui. 33. Kinh Phung tụng (P. Sañgīti Suita, H.)tương đương Chúng tập kinh.3Q Nhân dịp chứng minh lễ khánh thành giảng đường mới tại nước Mạt-la, đức Phật khích lệ Ngài Sāriputta trùng tuyên 229 pháp số quan trọng, bắt đầu từ l xpháp A đen 9 10 Apháp, A tóm tắt chân lý J Phật • dạy, • nhắc nhở mọi • người O thực • tập, • Ji " kết thúc kho đau. 34. Kinh Thập thượng (P. Dasuttara Suttaf H.)tương đương bài kinh cùng tựa đề trong bộ Trường A-hàm.3Å Đức Phật khích lệ Ngài Sāriputta giảng 100 pháp số quan trọng, bắt đầu bằng số l và kết thúc ở số 10. Mỗi con số có 10 pháp số khác nhau, tóm tắt các học thuyết và hành trì quan trọng của đức Phật.

27 Tham chiếu: Tam thập nhỉ tưởng kinh (roi. 0026.59. 0493a24). 28 (Z01. 0001.16. 0070a2Q). Tham chiếu: niện Sanh kinh (2101. 0026.135. 0638c06); Phật thuyêtThỉ-ca-la-vỉệt lục phương lê kỉnh (TOI. 0016. 0250cll); Thiên Sanh tử kỉnh (TOI. 0Ó17. 0252b06). 29 Tham chiếu: Tỳ-sa-môn ThỉênVương kinh

(Z21. 1244. 0215a03); Phật thuyết Tỳ-sa-môn Thiên Vương kinh (r.21. 1245. 0217a03). *(Z01. 0001.09. 0049b27). Kinhnaycon gọi là Đẳng tụng kinh ,Tăng-kỳ-đà kỉnh .Tham chiế\i:^rhập thượng kỉnh (TOI,. 0001.10. 0052c17); Phật thuyết Đại tập pháp môn kỉnh (Tioi. 0011 0226c03); Tâm uế kinh (roi. 0026.206. 0780M5); Tăng.(7.02. 0125.37.1. 0708C11); Tg.(T02. 0125.39.5. 0730c19); Tăng.(r.02. 0125.44.1. 0764c20); Tăng. (102.0125.51.4. 0817al6). 31 (Z01.0001.10.0052C17). Tham chiếu: Chủng tập kinh (r.01.0001.9.0049b27); Tăng nhất kỉnh (roi. 0001.11. 0057b26); Phật thuyết Đại 'tậppháp môn kỉnh (roi. 0012. 0226c03); Trường A-hàm thập bảo pháp kinh (Z01. 0013. 0233b23); Tâm uế kinh (r.01. 0026.206. 0780bl5); T.(T.02. 0125.37.5. 0712a09); Tăng.(r.02. 0125.39.5. 0730cl9); Tăng.(T.02. 0125.51.4. 0817al6).

Bản Kinh Trường bộ được in trong bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này được đánh số theo quy cách của Hội Thánh điển pli, nhằm hỗ trợ cho việc tra cứu bản nguồn Pâli và các bản dịch khác dễ dàng. Đồng thời, ngoài việc bổ túc một số cước chú do các dịch giả trong Hội Thánh điển Pali chú thích, vốn đã được Hòa thượng Thích Minh Châu sử dụng, Ban Biên tập còn đối chiếu bản A-hàm thuộc Hán tạng, cung cấp thêm nguồn dẫn cho các nhà nghiên cứu Phật học và nhuận sắc một vài chỗ cần thiết. Chủng tôi hết sức cố gắng cho sự hoàn thiện ấn bản Kinh Trường bộ lần này, hầu mong đem lại lợi lạc, hiệu quả tốt nhất cho người học Phật.

TE HỒ Chí Minh ngày 12-9-2019 Thượng tọa THÍCH NHẬT TỪ (Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)

MỤC LỤC LỜI CHÚNG MINH..... vii LỜI GIỚI THIỆU..... ix LỜI NÓI ĐẦU..... XV TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU..... xxi BẢNG VIẾT TẮT..... XXV DẪN LUẬN KINH TRƯỜNG BỘ..... xxxi

1. KINH PHẠM VÕNG..... l 2. KINH SA-MÔN QUẢ..... 33 3. KINH AMBATTHA (A-MA-TRÚ)..... 61 4. KINH CHỦNG ĐỨC..... 79 5. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU..... 105 6. KINH MAHĀLI..... 121 7. KINH JĀLIYA..... 127 8. KINH CA-DIẾP Sư TỬ HỐNG..... 129 9. KINH POTTHAPĀDA (BỐ-SÁ-BÀ-LÂU) ..... 143 10. KINH SUBHA (TU-BÀ) ..... 159 11. KINH KEVADDHA (KIÊN cố)..... 173 12. KINH LOHICCA (LỘ-GIÀ)..... 181 13. KINH TAM MINH

..... 189 14. KINH ĐẠI BỒN..... 203 15. KINH ĐẠI DUYÊN..... 237 16. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN..... 249 17. KINH ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG..... 309 18. KINH XÀ-NI-SA..... 327 19. KINH ĐẠI ĐIỂN TÔN..... 339 20. KDÍH ĐẠI HỘI ..... 361 21. KINH ĐẾ-THÍCH sở VẤN..... 371

22. KINH ĐẠI NIỆM xứ..... 389 23. KINH TỆ-TÚC ..... 403 24. KINH BA-LÊ..... 425 25. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA sư TỬ HỐNG..... 445 26. KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG sư TỬ HỔNG..... 459 27. KINH KHỞI THÉ NHÂN BỒN..... 473 28. KINH Tự HOAN HỶ..... 485 29. KINH THANH TỊNH..... 495 30. KINH TƯỚNG..... 511 31. KINH GIÁO THỌ THI-CA-LA-VIỆT..... 537 32. KINH A-SÁ-NANG-CHI ..... 547 33. KINH PHÚNG TỤNG..... 565 34. KINH THẬP THƯỢNG..... 599

PHỤ LỤC l..... 625 PHỤ LỤC 2..... 631 PHỤ LỤC 3..... 637 SÁCH DẪN..... 641

l.KINH PHẠM VÕNG {Brahmajāla Sutto)12

Tụng phẩm I 1. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Rājagaha (Vương Xá) và Nālandā cung với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ có Suppiya, du sĩ ngoại dạo,2 cũng đi trên con đường giữa Rājagaha và Nālandā cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadatta. Suppiya, du sĩ ngoại đạo, dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng đức Phật và chúng Tỷ-kheo. 2. Rồi Thế Tôn đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikā,3 nhà nghỉ mát của vua, cùng với chúng Tỷ-kheo. Suppiya, du sĩ ngoại đạo, cũng đên nghỉ một đêm tại Ambalatthikā, nhà nghỉ mát của vua, cùng với đe tử, thanh niên Brahmadatta. Tại đây, du sĩ ngoại đạo Suppiya cũng dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò nói những lời tương phản nhau. 3. Và khi đêm vừa mới tàn, một sô lớn chư Tăng, sau khi thức dậy, đã ngồi họp tại một gian nhà

hình tròn và câu chuyện sau đây được bàn đến giữa chư Tăng: Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tôn, đấng Toàn Tri, Toàn Kiến, đấng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này, dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương

1 Xem D. L 47; m. 99; M, L 237,513; s. IV. 285; v. 419; A. v. 128; MNid. 209, 338, 444; Miln. 183; Vin. L 179; II. 284; IV. 165; Vbh. 345; Kvu. 280. Kinh tương đương trong bộ Trường A-ham kỉnh là Phạm động kỉnh (TOI. 0001.21. 0088b12). Tham chiếu: Phạm võng lục thập nhị kiến kinh (roi. 002L 0264a20);Xả-lợi-phấtA-tỳđàm luận (r.28. 1548.19. 0656b19). 2 Suppiya là đệ tử của Sañjaya. Quan điểm của vị này sẽ được bàn luận trong kinh tiếp theo.

3 Ambalatthikā. Vin. II. 287; D. I. l viết đây là ngự uyển có nhà nghỉ bên trong giữa Rājagaha và Nājandā. Đức Phật và chư Tăng trên đường du hóa thường dừng chân nghỉ ngơi tại khu vươn này. Trong DA. L 41-2, Buddhaghosa noi răng khu vươn nay năm gân cong thành, co ho nước, mat me do bong ram cua nhiêu cay xoài nho. Xung quanh khu vườn có hàng rao, trong khuôn viên có một nhà nghỉ được trang trí nhiều bức tranh về đời sông vương giả của nhà vua.

tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau limg Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo. 4. Lúc bấy giờ, Thế Tôn được biết câu chuyện đang bàn giữa chư Tănệ, liên đên tại gian nhà hình tròn và ngôi xuồng trên chô đã soạn săn. Sau khi ngôi xuống, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, câu chuyện gì được bàn đến trong khi các ngươi ngồi họp tại chỗ này? vấn đề gì đã được bỏ dở chưa nói xong? Nghe nói như vậy, các Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, tại dây, khi đêm vừa mới tàn, chúng con sau khi dậy, ngồi họp tại nơi gian nhà hình tròn và giữa chúng con, câu chuyện sau đây được bàn đến: “Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tồn, đấng Toàn Tri, Toàn Kiến, đấng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này, dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng; còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadatta, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy, cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng Thê Tôn và chúng Ty-kheo?9 Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang bàn đến nửa chừng của chúng con khi Thế Tôn đến. 5. Này các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các ngươi chớ có vì vậy sanh lòng công phẫn, tức tối, tâm sanh phiền muộn. Này các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các ngươi sanh lòng công phẫn, tức tối, tâm sanh phiền muộn, thời như vậy sẽ có hại cho các ngươi. Nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các ngươi công phẫn và phiền muộn, thời các ngươi có thể biết được lời nói của những kẻ ấy là đúng hay sai lạc chăng? Bạch Thế Tôn,

không thể được. Này các Tỷ-kheo? khi có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các ngươi phải nói rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật: "Nhu thế này, điểm này không đúng sự thật; như thế này, điểm này không chính xác; việc này không có giữa chúng tôi; việc này không xảy ra giữa chúng tôi.59 6. Này các Tỷ-kheo9 nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các ngươi không nên hoan hỷ, vui mừng, tâm không nên thích thú. Này các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, mà nếu các ngươi hoan hỷ, vui mừng và thích thú, thời sẽ có hại cho các ngươi. Này các Tỷ-kheo? nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các ngươi hãy công nhận những gì đúng sự thật là đúng sự thật: "Nhu thế này, điểm này đúng sự thật; như thế này, điểm này chính xác; việc này có giữa chúng tôi; việc này đã xảy ra giữa chúng tôi?5

1. KINH PHẠM VÕNG 3

Tiểu giới 7. Này các Tỷ-kheo, thật sự chỉ thuộc các vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu tán thán Như Lai. Này các Tỷ-kheo? thế nào là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu tán thán Như Lai? 8. Sa-môn Gotama từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biêt tàm quý, có lòng từ, sông thương xót đên hạnh phúc của tát cả chúng sanh và loài hữu tình. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. Sa-môn Gotama từ bỏ lấy của không cho, tránh xa sự lấy của không cho, chỉ lây những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sông thanh tịnh không có trộm cướp. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. Sa-môn Gotama từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. 9. Sa-môn Gotama từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo; nói những lời chơn thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đoi với đời. Này các Tỷ-kheo9 đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. Sa-môn Gotama từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói với những người kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, Sa-môn Gotama sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Này các Tỷ-kheo^ đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. Này các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác; những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiêu người, vui lòng nhiêu người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy. Này các Tỷ-kheo? đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. Này các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói ỷ ngữ, tránh xa lời nói ỷ ngữ,4 nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Này các Tỷ- kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. 10. Sa-môn Gotama không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ. Sa-môn Gotama dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm? từ bỏ ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Sa-môn Gotama từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch. Sa-môn Gotama từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa

và các thời trang. Sa-môn Gotama từ bỏ dùng giường cao và giường lớn. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận vàng và bạc. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận các hạt giống.

4 Samphappalāpā. Xem A. II. 23; J. VI. 295.

Sa-môn Gotama từ bỏ nhận thịt sông. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận đàn bà, con gái. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận cừu và dê. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận gia câm và heo. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái. Sa-môn Gotama từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai. Sa-môn Gotama tư bỏ bảo người môi giới hoặc tự mình làm môi ệiới. Sa- môn Gotama từ bỏ buôn bán. Sa-môn Gotama từ bỏ các sự gian lận băng cân, tiền bạc và đo lường. Sa-môn Gotama từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Sa-môn Gotama từ bỏ? không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu. Trung giới 11. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối như các ệiống từ rễ sanh, giống từ nhánh cây sanh, giông từ đót cây sanh, giống từ chiêt cây sanh và thứ năm là hạt giông từ hạt giông sanh; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không làm hại hạt giống hay cây cối nào. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai. 12. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng đường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật như cất chứa các món ăn, cat chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ? cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ cất chứa các vật trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai. 13. Trong khi một số Sa-môn9 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chơn chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vinh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, trò chơi bi săt5 trò chơi sào tre, mãi võ? đâu voi, đâu ngựa, đâu trâu, đâu bò đực, đâu dê, đâu cừu, đâu gà, đâu chim cun cút, đâu gậy, đâu quyên, đâu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ các loại du hí không chơn chánh như trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai. 14. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên khônệ, trò chơi trên đát, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ roi chụp nhimg không cho sụp đong the, chơi xúc xác, chơi khăng, lay tay lam Viet, chơi banh, chơi thoi ken băng lả, cày với chiếc cày giả, nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước điệu bộ; còn Sa-mon Gotama thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai.

15. Trong khi một sô Sa-môn, Bà-la-môn dâu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế dài, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tam nhiều màu, chăn len trăng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mên băng lông thú cả hai phía, mên băng lông thú một phía, mên có đính ngọc, mên băng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười hai người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bang da con sơn dương khâu lại với nhau, nệm bang da con nai có bộ da quý (kadali), tấm khảm với lều che phía trên, ghế dài có gối đầu, gối chân màu đỏ; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không dùng các giường cao và giường lớn như trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai. 16. Trong khi một số Sa-môn9 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt, sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gươm, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phất trần, vải trắng có viền tua dài; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ? không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai. 17. Trong khi một số Sa-môn? Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vân còn sông nói những câu chuyện vô ích, tâm thường như câu chuyện vê vua chúa, câu chuyện vê ăn trộm, câu chuyện vê đại thân, câu chuyện vê binh lính, các câu chuyện hãi hùng, câu chuyện vê chiên tranh, câu chuyện vê đô ăn, câu chuyện vê đô uông, câu chuyện vê vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thi tứ, câu chuyện về thành phố. câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà. câu chuyện về vi anh hùng, câu chuyện bên le đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không nói những câu chuyện vô ích, tầm thường kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai. 18. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn song bàn luận tranh chấp, như nói: "Ngươi không biết Pháp và Luật này, tôi biết Pháp và Luật này. Sao ngươi có thể biết Pháp và Luật này? Ngươi đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của ngươi không tương ưng; những điều đáng nói trước ngươi lại nói sau, những điều đáng nói sau ngươi lại nói trước; chủ kiến của ngươi đã bi bài bác, câu nói của ngươi đã bị gièm pha; ngươi đã bị thuyết bại; hãy đến mà giải vây lời nói ấy, nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí"; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những cuộc biện luận tranh chấp đã kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người phàm phu tán thán Như Lai.

6 > KINH TRƯỜNG Bô

19. Trong khi một số Sa-môn9 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới cho các vua, cho các đại thần của vua, cho các vi Sát-đế-ly, cho các vị Bà-la-môn? cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: "Hy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia; mang cái này lại, đem

cái này đến chỗ kia” còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ? không cho đưa các tin tức và không tự đứng làm môi giới. Này các Tỷ-kheo? như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai. 20. Trong khi một số Sa-môn5 Bà-la-môn dàu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý? gièm pha, lấy lợi cầu lợi; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ, không lừa đảo và không siểm ninh như trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai. Đại giới 21. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, r chiêmr tướng, triệu r* r tướng, tJ mộng . tướng, y thân r \ tướng, v dấu chuột cắn. tê lửa. tê muông, tê vỏ lúa, tê tâm, tê gạo, tê thúc t6, tê dâu, dùng miệng phun hột cải, v.v... vào lửa, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu ma quỷ, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bọ cạp, khoa chuột, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngừa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa những tà hạnh kể trên. Này các Tỷ-kheo? như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai. 22. Trong khi một số Sa-mon, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng áo quần, tướng que gậy, tướng gươm kiêm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ? tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con cắc kè, tướng vật tai dài, tướng rùa, tướng thú vật; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Nhu Lai. 23. Trong khi một số Sa-mon? Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thối; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thối; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ thăng trận, vua bản xứ sẽ bại trận, như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia; còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai. 24. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ

1. KINH PHẠM VÕNG 7

CÓ nguyệt thực, sẽ có nhựt thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo; mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo; các tinh tú sẽ đi đúng chánh dạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo; sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động dát, sẽ có sâm trời; mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng; nguyệt thực sẽ có két quả như thế này, nhựt thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có két quả như thê này; mặt trăng, mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này? các tinh tu đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như the này; sao băng sẽ có kết quả như thế này; lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này; động đát sẽ có kết quả như thế này; sam trời sẽ có kết quả như thế

này; mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ5 sáng sẽ có két quả như thê này; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa, không tự nuôi song bằng những tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo9 như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai. 25. Trong khi một số Sa-môn9 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bịnh, sẽ không có bịnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thơ, làm theo thế tình; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa các tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai. 26. Trong khi một số Sa-mon5 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng I D dường, D vẫn còn tự z• nuôi sống D bằng những .De D tà mạng • ơ như sắpr đặt ngày Q J lành đê đưa rước dâu hay rê, lựa ngày giờ tót đê hòa giải, lựa ngày giờ tót đê chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú đê giúp người được may măn, dùng bùa chú đê khiên người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cóng lưỡi, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiên quai hàm cử động, dùng bùa chú khiên cho tai bị diêc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, hỏi thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa5 phun ra lửa, cầu Siri thần tài; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa các tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai. 27. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vân còn tự nuôi sông băng những tà mạng như dùng các tà thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà đất, để dương được thinh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mửa, làm cho XÔ, bài tiêt các nhơ bân vê phía trên, bài tiêt các nhơ bân vê phía dưới, tây tinh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xức thuốc măt5 thoa dâu cho măt5 chữa bịnh đau măt5 làm thây thuôc mô xẻ, chữa bịnh cho con nít, cho uông thuốc làm băng các loại rê cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn Sa-môn Gotama thì tránh xa các tà mạng kể trên. Này các Tỷ-kheo, như vậy là kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

8 KINH TRƯỜNG Bô

Này các Tỷ-kheo, đấy là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phàm phu dùng để tán thán Như Lai. Xong Đại giới 28. Này các Tỷ-kheo, lại có những pháp khác, sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tinh, mỹ diệu, vượt ngoài tâm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mơi nhận hiểu. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. Wcác Tỷ-kheo, thế nào là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, không the nhận hiếu bởi luận lý suông, te nhị, chỉ những người tri mơi co the , nhân • niêu. Nhưng ± ay. D ynnaD J Như Lai đa tự chứng; tri." C? giác ngo C? • va tuyên thuyêt. Chính những pháp áy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến? Sáu mươi hai loại tà kiến 29. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-mon, Bà-lamôn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận

chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ay y chỉ gì5 căn cư gì luân bàn vê quá khứ tôi sơ, châp kiên vê quá khứ tôi sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng ra nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp? 30. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Thường trú luận", chấp rằng: "Bản ngã và thế giới là thường cBn" với bốn luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ tnrơng “Thuơng tru luan9\ chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp? 31. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiêu đời sông quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bôn đời, năm dời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trâm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, hàng trăm đời, hàng ngàn đời. hàng trăm ngàn đời, nhớ rằng: “Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sông với tên như thê này, dòng họ như thê này, giai cap như thê này, ăn u6ng như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chét di, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này5 dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chét đi, tôi được sanh tại chỗ này.” Như vậy, người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói răng: uBản ngã và thê giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chung vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi do nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cân mẫn, nhờ không phóng dát, nhờ chánh ức niệm... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyên luân hôi, chét đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."

1. KINH PHẠM VÕNG 9

- £ ve Y, = Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ nhát, y chỉ theo đó9 căn cứ theo đó, một số vị Sa-môn9 Bà-la-môn chủ trương "Thường tru luân”chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn. 32. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương "Thuơng trú luān,95 chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn? Này các Tỷ-kheo? ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp,... mười thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã s6ng với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cáp như thê này, ăn uông như thê này, lạc thọ khổ thọ như thê này... còn những loại hữu tình kia lưu chuyên luân hôi, chét đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú.,, Nay các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những Sa-môn9 Bà-la-môn chủ trương “Thuơng trú man”, chấp rằng bản ngã và thê giới là thường còn. 33. Trường hợp thứ ba, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Thuơng trú luān9\ cho răng bản ngã và thê giới là thường còn? Này các Tỷ-kheo? ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ây nhớ được nhiêu đời sông quá khứ như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiêp hoại kiếp, nhớ rằng: "Khi được

sanh tại chỗ ấy5 tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết di, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thê này. Từ chỗ kia chết di, tôi được sanh tại chỗ này." Như vậy, người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bát sanh, vững chắc như đỉnh núi. như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thì lim chuyên luân hôi, chét đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường tru. Tại sao vậy? Vì rang tôi nhờ nhiệt tâm... nên tâm nhập định như vậy. Khi tâm nhập định như vậy, tôi nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp... bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này... tôi được sanh tại chỗ nay?9 Như vậy, người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ây nói: "Bản ngã và thê giới là thường trú, bát sanh, vững chác như đỉnh núi, như trụ đá... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú?5 Này các Tỷ-kheo? đó là lập trường thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó; một số Sa-môn9 Bà-la-môn chủ trương "Thương trú luan9\ chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

10 < KINH TRƯỜNG Bô

34. Trường hợp thứ tư, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Thương trú man"chấp bản ngã và thế giới là thường còn? Này các Tỷ-kheo, ở đời có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vi này r • •X e • * r L 7 tuyên bô như thê này: "Bản ngã và thê giới là thường tru, bát sanh, vững chác như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú. "5 Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo d6, một SÔ Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trương "Thương trú luan,?5 châp bản ngã và thê giới là thường còn. 35. Này các Tỷ-kheo5 những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương 'Thường tru luận9\ chấp bản ngã và thế giới là thường còn, với bốn luận chấp. Nếu có những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương "Thương trú luân", chap rằng: "Bản ngã và thế giới là thường cbn"họ sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. 36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vạy. chap thu như vạy sẽ đưa đen những cõi như vạy, sẽ tác thành những định mạng như vay." Như Lai biết như vậy, lại biết hơn the nữa, và không châp sở tri áy. Nhờ không chap trước sở tri ay5 nội tâm chứng được tịch tịnh.567 Như Lai như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo? Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. 37. Những pháp ấy, này các Ty-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhi, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp áy, Như Lai đã thắng tri, giác ngộ và tuyên thuyêt. Chính những pháp áy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Tụng phẩm II 38. Này các Tỷ-kheo9 lại có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luan^, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đoi với một hạng hữu tình này và vô thường đoi với một hạng hữu tình khác với bôn luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ây y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương "Một phần thuơng trú luận, một phần vô thường luan^, chấp bản ngã và the giới là thường còn đoi với một hạng hữu tình này và vô thường đoi với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp? 39. Này các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rát lâu, thê giới này chuyên hoại. Trong khi thê giới chuyên hoại, các loại

5 Xem Tụng phẩm III. 89, 95. 6 Xem Sum. 182; MA. 188, 251, 252, 422; s. I. 9, 10, 117; III. 54; 4 II. 198; Sn. 611, 906; Miln. 96, 347. 7 Niết-bàn.

hữu tình phần lớn sanh qua cối Ābhassarā (Quang Âm thiên), ở tại đấy, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằnệ hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sông như vậy một thời gian khá dài. 40. Này các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó5 sau một thời gian rất lâu, thế giới này chuyển thành. Trong khi thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra nhimg trống không. Lúc bấy giờ, một hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận hay phước báu đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung trống rỗng ấy. Vị ấy ở tại đấy, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài. 41. Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này!" Lúc bay giờ, các loài hữu tình khác, hoặc thọ mạng đã tận hay phước báu đã tận. bi mệnh chung và từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung để làm bạn với vị hữu tình kia. Những loại hữu tình ở đấy cũng do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài. 42. Lúc bấy giờ? này các Tỷ-kheo9 vị hữu tình đầu tiên sanh ra [ở Phạm cung], nghĩ rằng: “Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng dế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ của các chúng sanh đã và sẽ sanh.8 Những loài hữu tình ấy do chính ta sanh ra. Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: 'Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này/ Chính do sở nệuyện của ta mà những loài hữu tình ấy đến tại chỗ này.” Các loài hữu tình đen sau cũng nghĩ như thế này: “Vj ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng dế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chil, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ của các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh. Vì sạo vậy? Vì ta đã thấy vị này sanh trước ở đây rồi, còn chúng ta thì sanh sau." 43. Này các Tỷ-kheo, vị hữu tình sanh ra đâu tiên ây sông được lâu hơn, sác tướng tốt đẹp hơn và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sông ngăn hơn, sác tướng ít tót đẹp hơn và được ít quyên hơn. 44. Này các Tỷ-kheo5 sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy? sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến

cõi này. Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình, vị ấy, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ càn mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập đinh. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống quá khứ ấy chớ không nhớ xa hơn đời sốĩiệ ấy. Vị ấy nói rằng: “Vj kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Toi thắng, Biến nhãn,

8 Trong bài kinh này nói về Phạm thiên Baka. Câu chuyện về Phạm thiên Baka được đề cập ba lần trong M. L 326-331; 5. L 142-44; J. IV. 405.

12 KINH TRƯỜNG Bô

Thượng tôn, Thượng dế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ của các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên co, thường tru, không bi chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yểu thọ và chiu sự biến djch." Này các Tỷ-kheo? đó là trường hợp thứ nhất, ỵ chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Một phân thường tru luận, một phân vô thường luân", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác. 45. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn9 Bà-la-môn y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương uMột phần thuơng trú luận, một phần vô thường luận5\ chấp bản ngã và thê giới là thường còn đôi với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác? Này các Tỷ-kheo5 có hạng chư thiên gọi là Khiddāpadosikā (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc). Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hy tiếu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hy tiếu dục lạc nên bi thất niệm. Do thất niệm, chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của chúng. 46. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, song không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vi ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không ph6ng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập đinh, vị ây nhớ đên đời sông quá khứ ây chớ không nhớ xa hơn đời sông ấy. Vị ây nói rằng: "Chu thiên không bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, họ sống lâu ngày không mê say trong hy tiếu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hy tiếu dục lạc nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm nên chư thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hy tiếu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hy tiếu dục lạc nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yểu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này.” Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ theo đó5 căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường luan9\ chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác. 47. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Một phần thuơng tru luận, một phần vô thường luận,\ chấp bản ngã và the giới là thường còn đoi với một hạng hữu tình này

và vô thường đoi với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có hạng chư thiên gọi là Manopadosikā (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí). Họ song lâu ngày nung nau bởi sự đo kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau nên thân họ mệt mỏi, tâm họ mệt mỏi. Các hạng chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể này của họ. 48. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các vị hữu tình kia, khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi đên tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy nhimg không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: "Những vị chư thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, những vị ấy sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí của các vi ấy không oán ghét nhau. Vì tâm trí các vị ấy không oán ghét nhau nên thân các vi ấy không mệt mỏi, tâm các vi ấy không mệt mỏi. Những hàng chư thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của mình, sống thường hằng kiên cố5 thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng ta thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường, không kiên cố, yểu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này." Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trươiig "Một phần thuơng trú luận, một phần vô thường luān9\ chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác. 49. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương "Một phần thuơng trú luận, một phần vô thường man", chấp bản ngã và thê giới là thường còn đôi với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác? Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuộc theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Cái gọi là mắt, là tai, là mũi, là lưỡi, là thân, cái bản ngã ấy vô thường, không kiên cố? không thường trú, bi chuyển biến. Cái gọi là tâm, là y, là thức, cái bản ngã ấy là thường còn, bất biến, thường trú, không bị chuyển biến, thường hằng như vậy mãi mai." Này các Tỷ-kheo5 đó là trường hợp thứ tư, y chỉ theo đó5 căn cứ theo đó, một so Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trương "Một phần thường trú luận, một phần vô thường man", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đoi với một hạng hữu tình khác. 50. Này các Tỷ-kheo9 những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương

aMột phần thường tru luận, một phần vô thường luān,5? chấp bản ngã và thế giới là thường còn đoi với một h@ng hữu tình này và vô thường đoi với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Nêu có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ truông uMột phần

thường trú luận, một phân vô thường luan9\ chấp bản ngã và thê giới là thường còn đôi với một hạng hữu tình này và vô thường f y r

đôi với một hạng hữu tình khác, vi ây sẽ châp cả bôn luận châp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. 51. Này các Tỷ-kheo, Nhu Lai biết rằng: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cối như vậy, sẽ tác thành những đinh mạng như vay." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thê nữa, và không chấp sở tri ấy. Nhờ không châp sở tri ây, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vi ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. 52. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tâm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ây, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. 53. Này các Tỵ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận5\ chấp thế giới là hữu biên hay vô biên với bốn luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Hữu biên, vô biên luan,9, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp? 54. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không J)hóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập đinh. Khi tâm nhập đinh, vị ấy song ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên. Vị ấy nói rằng: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh. Vì sao vậy? Vì tôi nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mân, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là hữu biên. Do đó, tôi biết rằng thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh.” Này các Tỷ-kheo5 đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó? một số Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận", chấp thế giới là hữu biên vô biên. 55. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì5 căn cứ gì chủ trương "Hữu biên, vô biên luân", chấp thế giới là hữu biên hay vô biên? Wcác Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tân, nhờ cân mân, nhờ kh6ng phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ây sông ở trong đời với tư tưởng thê giới là vô biên. Vị ấy nói: "Thế giới ny là vô biên, không có giới hạn. Những vị Sa-môn, Bà-la- môn nào đã nói: 'Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh', những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này là vô biên, không có giới hạn.

1. KINH PHẠM VÕNG 15

Tại sao vậy? Vì tôi nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sông với tư tưởng thế giới là vô biên. Do đó tôi biết: 'Thế giới này là vô biên, không có giới hạn.”’ Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sâ-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận", chấp thế giới là hữu biên vô biên. 56. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương “Hữu biên, vô biên luān9\ chấp thế giới là hữu biên hay vô biên? Này các Tỷ-kheo, ở

đây có Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật5 nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vi ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Vị ấy nói: "Thế giới này là hữu biên và vô biên. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: 'Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh' thì những vị ấy nói không đúng sự thật. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: 'Thế giới này là vô biên, không có giới hạn', thì những vị ây nói khôn^ đúng sự thật. Thế giới này vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Tại sao vậy? Vì răng, tôi nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tan, nhờ can mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niêm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên vê phía bê ngang. Do vậy tôi biết: 'Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên.5,5 Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, cân cứ như vậy5 một số Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận,\ chấp thế giới là hữu biên vô biên. 57. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Hữu biên, vô biên luận,59 chấp thế giới là hữu biên vô biên? Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biên bác của suy luận và sự tùy thuận theo tham sát, vị này tuyên bo như sau: "Thế giới này không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên. Những Sa-môn9 Bà-la-mon nào đã nói: 'Thế giới này là hữu biên, có giới hạn xung quanh', những vị ây nói không đúng sự thật. Lại có những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: 'Thế giới này là vô biên, không có giới hạn, những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Lại có những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: 'Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên\ những vị ây cũng nói không đúng sự thật. Thế giới này cũng không phải là hữu biên, cũng không phải là vô bien?9 . 58. Nàyr các Tỷ-kheo, T e -y í những Sa-môn r hay k g Bà-la-môn này " chủ trương __ ~ "Hữu biên, vô biên luận,, với bôn luận châp. Nêu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "Hữu biên, vô biên man", chấp thế giới là hữu biên vô biên, họ sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

16 > KINH TRƯỜNG BÔ

59. Này các Tỵ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy. chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi như vậy. sẽ tác thành những định mạng như vậy.59 Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. 60. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo9 là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. 61. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận,9. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, họ dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn ấy y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương "Nguy biện

luān9\ khi bi hỏi vân đê này hay vân đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp? 62. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết: “Dây là thi.n”, không như thật biết: "Đây là bất thiện.Vi ấy nghĩ: "T6i Idiông như thật biết: 'Đây là thiện\ không như thật biết: 'Đây là bát thiêng và nếu tôi trả lời: 'Đây là thiện\ hoặc tôi trả lời: 'Đây là bất thiện\ do như thật biết: 'Dây là thiện\ do như thật biêt: 'Đây là bát thiện5, thời tôi nói dôi. Nêu tôi nói dôi thì tôi bị phiên muộn. Nêu tôi bị phiên muộn sẽ thành một chướng ngại cho tôi.,, Như vậy, vì sợ nói dối, vì chán ghét nói dối nên vị ấy không trả lời: "Đây là thi^rT, cũng không trả lời: "Bây là bất thiện.Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Toi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế." Này các Tỷ-kheo? đó là trường hợp thứ nhát, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-mon, Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luān^, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn. 63. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn ỵ chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Nguy biện luân”, khi bị hỏi vân đê này hay vân đê khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn? Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết: "Dây là thi§n”, không như thật biết: "Đây là bất thiên." Vị ấy nghĩ: "Tôi Idiông như thật biết: 'Đây là thiện\ không như thật biết: 'Đây là bát thiện\ và nếu tôi trả lời: 'Đây là thiện9, hoặc tôi trả lời: 'Đây là bất thiện9, do như thật biết: 'Đây là thiện5, do như thật biết: 'Đây là bất thiện\ thời dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi. Nêu dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thê chấp thủ. Nếu tôi chấp thủ thì tôi bi phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn thời

1. KINH PHẠM VÕNG 17

. . y k - Í

thành một chướng ngại cho tôi?9 Như vậy, vì sợ chập thủ, vì chán ghét chập thủ nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện,\ cũng không trả lời: "Đây là bất thie” Khi bi hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế." Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Nguy biện luận,\ khi bị hỏi đến vấn đề này hay vân đê khác, dùng những lời ngụy biện trườn uôn như con lươn. 64. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa>môn hay Bà-la-môn y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương "Ngụy biện luan^, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn? Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết: "Đây là thi”,không như thật biết: "Bây là bất thiện.,, Vị ấy nghĩ: "Tôi Idiông như thật biết: 'Đây là thiện\ không như thật biết: 'Đây là bát thiện\ và nếu tôi trả lời: 'Đây là thiện\ hoặc tôi trả lời: 'Đây là bất thiện9, do như thật biết: 'Đây là thiện\ do như thật biết 'Đây là bất thiện\ thì có những Sa-môn, Bà-la-môn bác học, tinh thông, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc; những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của họ, họ có thể đọ

tài, chất vấn và cật nạn tôi. Nếu họ đọ tài, chất vấn, cật nạn tôi? tôi có thể không giải đáp được cho họ.9 Nếu tôi không giải đáp được cho họ, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bi phiền muộn thời thành một chướng ngại cho t6i." Như vậy, vì sợ bị thử thách, vì chán ghét thử thách nên vị ấy không trả lời: "Dây là thiện5\ cũng không trả lời: "Đây là bất thiện?9 Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: “T6i không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Toi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế." Này các Tỷ-kheo5 đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận95, khi bị hỏi vấn đề này hay vân đê khác, dùng những lời ngụy biện trườn uôn như con lươn. 65. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Ngụy biện man”, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn? Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn đần độn ngu si. Vị này, vì đần độn ngu si, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, liền dùng những lời ngụy D• biện • trườn uốn như con lươn: . ""Anh hỏi tôi có một thế giới khác hayJ không?9 Nếu tôi nghĩ: 'Có một thế giới khác, tôi có thể trả lời với anh: 'Có một thế giới khác/ Nhung tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không

9 Sampãyati. Tham khảo M. L 85, 96, 472; Vỉn. III. 317.

nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: 'Không có một thế giới khác phải không?9 Nếu tôi nghi: 'Không có một thế giới khác', tôi có thể trả lời với anh: 'Không có một thế giới khác/Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: 'Cũng có và cũng không có một thế giới khác?5... 'Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?\.. 'Có loại hữu tình hóa sanh?\.. 6Không có loại hữu tình hóa sanh?5... 'Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?'... 'Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?\.. CCÓ kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?5... 'Không có kết quả di thục của những nghiệp thiện và ác?\.. 'Cũng có và cũng không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?\.. 'Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thục của những ïiệhiệp thiện và ác?\.. 'Như Lai có tồn tại sau khi chết?5... 'Như Lai không có tôn tại sau khi chét?9... 'Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?9... 'Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết? Anh hỏi tôi như vậy, nếu tôi nghĩ: 'Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết', tôi có thể trả lời: 'Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết.' Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế." Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ như vậy? căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Nguy biện luan^, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn. 66. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương

"Ngụy biện luân", khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "Ngụy biện man”, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uôn như con lươn, họ sẽ chập cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. Này các Tỷ-kheo5 Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vay." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn the nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tinh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ vi ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo? Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ây, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thây, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhi, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyêt. Chính những pháp ây, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

1. KINH PHẠM VÕNG « 19

67. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “V6 nhân luân", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn ấy y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương66Vô nhân luận9\ chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh? 68. Này các Tỷ-kheo? có chư thiên gọi là Vô Tưởng Hữu Tình. Khi một tưởng niệm khởi lên, thời chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư thiên của mình. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh từ bỏ thân chư thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vi ây xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tưởng niệm phát sanh chớ không nhớ xa hơn nữa. Vi ấy nói: uBản ngã và thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi trước kia không có, nay tôi có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loài hữu tình,^, Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhát, y chỉ như vậy5 căn cứ như vậy, một số Sa-môn9 Bà-la-môn chủ trương UVÔ nhân luān,9? chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. 69. Trường hợp thứ hai, những Sa-môn hay Bà-la-môn y chỉ gì5 căn cứ gì chủ trương 64Vô nhân luận^, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh? Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà biện luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát5 vị ấy tuyên bố: "Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh." Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương 64Vô nhân luān9\ chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. 70. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương Í6VÔ nhân luân", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "V6 nhân 11", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh, họ sẽ chấp cả hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy,

sẽ tác thành những định mạng như vay." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tinh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri,

giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ây9 những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. 71. Này các Tỷ-kheo5 những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tôi sơ, chập kiên vê quá khứ tôi sơ, y cứ vê quá khứ tôi so, đê xướng nhiêu ý kiên sai khác với mười tám luận chập trên.10 Này các Tỵ-kheo, nêu có những Sa-môn hoặc Bà-la-môn luận bàn vê quá khứ tôi sơ, chân kiên vê quá khứ tôi SO, y cứ vê quá khứ tôi sơ, đê xướng nhiêu ý kiên sai khác, họ sẽ chập cả mười tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. 72. Này các Tỵ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vay." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn the nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tinh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vi ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. 73. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. 74. Này các Tỷ-kheo? có một số Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Những vị Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì luận bàn vê tương lai, chập kiên vê tương lai, y cứ vê tương lai, đê xướng nhiêu ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp? 75. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hữu tưởng sau khi chết", chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương "Hữu tưởng sau khi chết" với mười sáu luận chấp? 76. Những vị này chủ trương: "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tưởng." Họ chủ trương: "Bản ngã không có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tưởng."... "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc..."..."Bản ngã cũng không có sắc và cũng không không có sắc..."Bản ngã là hữu bi6n..."..."Bản ngã là vô biên...5\.. uBản ngã là hữu biên và vô bi^Ịì..."Bản ngã cũng không hữu biên và cũng không vô biên..?9; "Bản ngã là nhất tưởng."Bản ngã là dị tưởng...':... "Bản ngã là thiểu tưởng..."...:Bản ngã là vô lượng gròng..."..."Bản ngã là thuần lac../9... "Bản ngã là thuần kh8.."... "Bản ngã là khổ lac..." Họ chủ trương: "Bản ngã là không khổ không lạc, không có bệnh, sau khi chết có tưởng.,,

10 Xem Tụng phẩm L 1. 29.

1. KINH PHẠM VÕNG « 21

77. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu tưởng sau khi chết", chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "Hữu tưởng sau khi chết", họ sẽ chấp cả mười sáu luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.,, Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo5 Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyêt. Chính những pháp ây, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Tụng phẩm III 78. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "V6 tưởng luận sau khi chét", châp bản ngã không có tưởng sau khi chét với tám luận chấp. Những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương "V6 tưởng luận sau khi chết”chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp? 79. Những vị này chủ trương: "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết không có tưởng”... "Bản ngã không có sắc."Bản ngã có sắc và cũng không có sắc."B2n ngã không có sắc và cũng không không có sắc..."..."Bản ngã là hữu biên...99... :Bn ngã là vô bien...,\.. "Bản ngã là hữu biên và vô biên..?9 Những vị này chấp: "Bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết không có tưởng." 80. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương "V6 tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "V6 tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết, họ sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy?5 Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn the nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các

22 KINH TRƯỜNG Bộ

thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo5 là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luân lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ây9 những ai như thật chơn chánh tán

thán Như Lai mới nói đến. 81. Này các Tỷ-kheo5 có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng với tám luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gi, căn cứ gì chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng luận sau khi chết”chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng với tám luận châp? 82. Những vị này chấp: uBản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng".."Bản ngã là vô sắc..?9... "Bản ngã có sắc và cũng không có săc...,\.. uBản ngã là phi hữu sắc và cũng phi vô sắc."Bản ngã là hữu biên..?9... "Bản ngã là vô biên...,\.. "Bản ngã là hữu biên và vô biên..?9 Những vi này chấp: "Bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tưởng phi vô tưởng.,, 83. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng luận sau khi chết”, chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng với tám luận chấp. Này các Tỷ-kheo5 nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương “Phi hữu tưởng, phi vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chết, họ sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. Này các Tỷ-kheo? Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến* ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy.^, Như Lai tuệ tri như vậy? lại tuệ tri hơn thê nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tinh. Nhu Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tinh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyêt. Chính những pháp ây, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. 84. Này các Tỷ-kheo? có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Đoạn diệt luận,\ chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu mất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Và nhữnệ Sa-môn, Bà-la-môn này y chỉ gi, căn cứ gì chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu mát, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp? 85. Này các Tỷ-kheo5 có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương lý thuyết và ý

kiên: "Vi bản ngã này có săc9 do bôn đại hợp thành, do cha mẹ sanh ra, khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chét không còn nữa, nên bản ngã này như thế hoàn toàn đoạn diet." Như vậy, một số người chủ trương sự đoạn diệt, sự tiêu mất và sự hủy hoại của loài hữu tình. 86. Một vị khác lại nói: uNày ông, thật có bản nệẫ như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thê không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, thuộc dục giới, ăn các đồ ăn đoàn thực. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi than hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diet." Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình. 87. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không c6, nhimg bản ngã ấy như thế không bị hoàn

toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, do ý tạo thành, mọi chi tiết tay chân lớn nhỏ đều đầy đủ, không khuyết một căn nào. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ây như thế hoàn toàn đoạn diet." Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình. 88. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả sắc tưởng, diệt trừ các tưởng chống đối, không ức niệm các dị tưởng, nhận hiểu: Hư không là vô biên, đạt đến Không vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diệt.55 Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình. 89. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không c6, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản nệã khác vượt ngoài tất cả Không vô biên xứ, nhận hiểu: Thức là vô biên, đạt đen Thức vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa nên bản ngã ấy như thế hoàn toàn đoạn diet." Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình. 90. Một vị khác lại nói: “Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không c6, nhinig bản ngã ấy như the không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản nệễ khác vượt ngoài tất cả Thức vô biên xứ; nhận hiểu: Không có sở hữu, đạt đen Vô sở hữu xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa nên bản ngã ấy như the hoàn toàn đoạn

diet." Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Vô sở hữu xứ, nhận hiểu: Đây là tịch tịnh, đây là mỹ diệu, đạt đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa nên bản ngã ây như thế hoàn toàn đoạn diệt.99 Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu mất và hủy hoại của loài hữu tình. 91. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy chủ trương "Đoạn diệt luận,\ chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Này các Tỷ-kheo, nếu có những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương “Đoạn diệt luận", chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình, họ chấp cả bảy luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. 92. Này các Tỵ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cối như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vay." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp

trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. 93. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luān9\ chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Những Sa-môn hay Bà-la-môn này y chỉ gì? căn cứ gì chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luận,55 chấp sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp? 94. Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương và quan niệm: “Khi nào bản ngã này tận hưởng sung mãn năm món dục lạc, như thế bản ngã ấy đạt đến tối thượng Niết-bàĩi của loài hữu tinh." 95. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhimg bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng Niet-bàn. Vì cớ sao? Vì rằng tính của dục lạc là vô thuơng, khổ, biến dịch. Vì tánh của chúng là biến dịch, chuyển hóa nên sầu, bi, kho, ưu, não phát sanh. Khi nào bản ngã ấy ly các dục lạc, ly các ác pháp,

đạt đến và an trú vào Thiền thứ nhất; thiền định này có tầm có tứ, có hỷ và có lạc, do ly dục sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niet-bàn,^, Chính vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình. 96. Một vị khác lại nói: “Này ông5 thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhimg bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Vì cớ sao? Vì ở đây, thiền định ấy có tầm có tứ nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy diệt tầm và tứ, đạt đến và an tni Thiền thứ hai; thiền định này nội tâm y^ên tinh, trí chuyên nhất cảnh, không tầm không tứ, hỷ lạc do định sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niếtbàn." Chính vậy, có người chủ trương tôi thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình. 97. Một vị khác lại nói: 6aNày ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không c6, nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Vì cớ sao? Vì ở đây, tâm trí có hỷ và bị kích động nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy không tham hỷ5 trú xả, chánh niệm, chánh trí. thân hưởng lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, đát đên và an trú Thiên thứ ba. Như thê, bản ngã ây đạt đên tôi thượng hiện tại Niêt-bàn.,, Chính vậy, có người chủ trương tôi thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình. 98. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhimg bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn. Vì cớ sao? Vì ở đây, tâm thọ lạc nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy xả lạc xả khổ, diệt trừ hỷ và ưu về trước, đạt đến và an tru vào Thiền thứ tư; thiền này không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết-bàn?9 Chính vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình. 99. Này các Tỷ-kheo? những Sa-môn hay Bà-la-mon ấy chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luận,\ chấp

trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Này các Tỷ-kheo? nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luān,9, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tinh, những vị này sẽ chấp cả năm luận chấp trên, hay một trong năm luận chấp trên, ngoài ra không còn một luận chấp nào khác nữa. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vay.” Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vi ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tinh, mỹ diệu, vượt ngoài tâm của luân lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ây, Như Lai tự chứng tri, giác

ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ấy, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến. 100. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, sẽ đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chân. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào luận bàn vê tương lai, chập kiên vê tương lai, y cứ vê tương lai, đê xướng nhiều sở kiến sai khác, họ sẽ chấp bốn mươi bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. Này các Ty-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những đinh mạng như vay?9 Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo5 Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn ấy luận bàn về quá khứ tối sơ và luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến vê quá khứ tôi sơ và tương lai, y cứ vê quá khứ tôi sơ và tương lai, đê xướng nhiêu sở kiên sai khác với sáu mươi hai luận châp. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào luận bàn vê quá khứ tôi sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn ve quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, những vị ấy sẽ chấp sáu mươi hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy5 chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến những cõi như vậy, sẽ tác thành những đinh mệnh như vay." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ây, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thây, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có

thể nhận biết. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyêt. Chính những pháp ây, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đên. 101. Này các Tỷ-kheo? những Sa-mon hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến vê quá khứ tôi sơ và tương lai, y cứ vê quá khứ tôi sơ và tương lai, đê xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp trên. 102. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về

quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai? chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác, họ sẽ chấp cả mười tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa. 103. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy sẽ đưa đến cõi như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vay." Như Lai tuệ tri như vậy, lại tuệ tri hơn thế nữa và không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tinh. Như Lai như thật tuệ tri sự tập khỏi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm của các thọ và sự xuất ly khỏi chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. 104. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và tuyên thuyết. Chính những pháp ây, những ai như thật chơn chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

Kết luân 105. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Thuơng tru luân", chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn9 là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phoi. 106. Này các Tỷ-kheo. ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Một phan thường trú luận, một phân vô thường man", châp bản ngã và thê giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bon luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối. 107. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu biên, vô biên luận?\ chấp thế giới là hữu biên vo biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối. 108. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận95. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết không thấy. sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bi tham ái chi phôi. 109. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “V6 nhân man", chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp.

Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối. 110. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, ch kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà- la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vi bị tham ái chi phối. 111. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu tưởng luận sau khi chef9, chấp bản ngã có tưởng sau khi chét với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn9 là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối. 112. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bi tham ái chi phối. 113. Này các Tỷ-kheo9 ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng sau khi cht", chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chét với tám luận châp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn9 là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối. 114. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-mon hay Bà-la-môn chủ trương “Đoạn diệt luận9^ chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phôi. 115. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hiện tại Niết-bàn man”? chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vi bị tham ái chi phôi. 116. Này các Tỷ-ỉdieo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai. chấp kiến về tương lai. y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bôn mươi bôn luận chap. Chủ trương áy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối. 117. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-mon hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ. luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai. chập kiên vê quá khứ tôi sơ và tương lai, y cứ vê quá khứ tôi sơ và tương lai, đê

xướng nhiêu sở kiên sai khác với sáu mươi hai luận châp. Chủ trương ây là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biêt, không thây, sự cảm thọ của những Sa-môn hay Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối. 118. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Thuơng trú luân",

chấp bản ngã và thế giới là thường tru với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 119. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "M0t phần thường tru luận, một phần vô thường luân", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 120. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luận,\ chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 121. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện man". Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi là do sự xúc chạm [của các căn]. 122. Này các Tỷ-kheo5 ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Vô nhân luận,\ chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 123. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về qua khư toi sơ, chap kiên ve qua khứ toi sơ, y chỉ ve qua khư toi sơ, đe xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 124. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hữu tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 125. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “V6 tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 126. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Phi hữu tưởng, phi vô tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 127. Này các Tỷ-ldieo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Đoạn diệt luận,\ chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 128. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương

"Hiện tại Niết-bàn luận,\ chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 129. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chập kiên vê tương lai, y cứ vê tương lai, đê xướng nhiêu sở kiên sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 130. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tôi sơ, luận bàn vê tương lai, luận bàn vê quá khứ tôi sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ ’ < . A e 9 về 9 quá khứr tối sơ và tương lai, đề *-7

xướng nhiêu sở kiên sai khác với sáu mươi hai luận chập. Chủ trương ây phát khởi do sự xúc chạm [của các căn]. 131. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Thuơng trú luận9\ chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. Những vi này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không

có sự xúc chạm. 132. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương uMột phần thường trú luận, một phần vô thường man", chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạnệ hữu tình này và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 133. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Hữu biên, vô biên luan9\ chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 134. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương “Nguy biện luận,9. Khi bị hỏi vân đê này hay vân đê khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Những vi này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 135. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "V6 nhân luận5\ chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Các vị này không có the cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 136. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ; y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiêu ý kiến sai khác với mười tám luận châp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 137. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hữu tưởng luận sau khi chết”, chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 138. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương

"V6 tưởng luận sau khi chết", chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 139. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng sau khi chết”chấp bản ngã phi hữu tưởng phi vô tưởng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 140. Này các Tỷ-kheo? ở đây có những Sa-mon hay Bà-la-môn chủ trương "Đoạn diệt luận,5? chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 141. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luận”? chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Các vi này không có the cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 142. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiên vê tương lai, y cứ vê tương lai, đê xướng nhiêu sở kiên sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 143. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn luận bàn vê quá khứ tôi sơ và tương lai, chân kiên vê quá khứ tôi sơ và tương lai. y cứ vê quá khứ tôi sơ và tương lai, đê xướng nhiêu sở kiên sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có sự xúc chạm. 144. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương "Thương trủ luân", chấp bản ngã và thế giới là

thường còn với bốn luận chấp; những Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trương í4Một phân thường trú luận, một phân vô thường luan"... những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hữu biên, vô biên luan9\..; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Ngụy biện luận,\..; những Sa- môn, Bà-la-môn chủ trương "V6 nhân 111"...những Sa-môn5 Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ...; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hữu tưởng luận sau khi chết"... những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "V6 tưởng luận sau khi chết"... những Sa-môn, Bà"la-môn chủ trương "Phi hữu tưởng, phi vô tưởng sau khi chết"... những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Đoạn diệt luān,\..; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương "Hiện tại Niết-bàn luận,\..; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về tương lai...; những Sa-môn5 Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tôi sơ và tương lai, đê xướng nhiêu sở kiên sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Tất cả những vị này có những cảm thọ [những chủ trương trên] do sự xúc chạm qua sáu xúc xứ. Do duyên những cảm thọ mà tham ái phát khởi; do duyên tham ái, thủ phát khởi; do duyên thủ, hữu phát

khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi; do duyên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi. 145. Này các Tỷ-kheo? khi Tỷ-kheo như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vi ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi sáu xúc xứ, vị ấy sẽ có một sự hiểu biết vượt ra ngoài những điều trên. 146. Này các Tỷ-kheo? có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tôi sơ. hay luận bàn vê tương lai, hay luận bàn vê quá khứ tôi sơ và tương lai, chập kiên vê quá khứ tôi sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tôi sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bị bao trùm bởi lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu chúng nhảy vọt lên, chúng vẫn bi hạn cuộc bao phủ ở nơi đây. Này các Tỷ-kheo, cũng ví như người đánh cá lành nghê hay người học đánh cá vung lưới có mắt sít sao trên mặt hồ nước nhỏ. Người ấy nghĩ: "Những con cá lớn ở trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới này, dầu chúng có nhảy vọt lên, chúng vẫn bi hạn cuộc bao phủ ở nơi dây." Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về ạuá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bi bao phủ trong lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu có nhảy vọt lên, những vị này vẫn bi hạn cuộc bao phủ ở nơi đây. 147. Này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, nhưng cái khiến đưa đên đời sông khác đã bị châm dứt. Khi thân của Như Lai còn tôn tại, thời chư thiên và loài người còn có the thay thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư thiên và loài người không thể thấy được. Này các Tỷ-kheo, như nhánh có một chùm xoài bi chặt dứt, tất cả trái xoài dính với nhánh ấy đều bi chung một số phận với nhánh kia. Cũng như vậy, này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn ton tại, nhưng cái khiến đưa đen một đời sống khác đã bị chặt đứt. Khi thân của Như Lai còn tồn tại, thời chư thiên và loài người có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư thiên và loài người không thể thấy được. 148. Khi nghe nói vậy, Đại đức Ānanda bạch đức Thế Tôn: - Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi là gì, bạch Thế Tôn? Này Ānanda, pháp môn này gọi là

"Lọi v6ng", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là 'Tháp võng9\ hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Phạm v6ng”hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Kiến võng,\ hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "V6 thượng chiến thắng", hãy như vậy mà phụng trì. 149. Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi kinh này được tuyên thuyết, một ngàn thế giới đều rung động.

2. KINH SA-MÔN QUẢ ^Sāmañña phala Sutto)1

150. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), nơi vườn xoài của Jīvaka Komārabhacca cùng với đại chúng Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vi. Lúc bấy giờ, Ajātasattu (A-xà-thế), con bà Videhi (Vi-đề-hi)5 vua xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), nhan le Bo-tát234vào ngày rằm tháng Tư - Komudĩ (cây bông Súng Trắng)/ đang ngồi trên lầu cao trang nghiêm, chung quanh có nhiều đại thần hầu hạ. Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua xứ Magadha, nhân ngày Bố-tát, cảm hứng nói rằng: "Thật khả ái thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật diễm lệ thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật mỹ miều thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật êm dịu thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật điềm lành thay, này các khanh, đêm ram sáng trăng! Nay chúng ta nên đến chiêm bái vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, nhờ sự chiêm bái này tâm chúng ta được tịnh tín?"4 151. Khi nghe nói vậy, một đại than tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: uTâu Đại vương, có Pūrana Kassapa (Phú-lan Ca-diếp) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Pūrana Kassapa này. Chiêm bái Pūrana Kassapa có thể khiến tâm Đại vương được tinh tín.„5 Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì. 152. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước

1 Xem D. L l, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; M. I. 33, 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. 1,29; s. III. 211; IV. 103, 110, 177; v. 187, 419; A. L 62, 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; v. 128, 201, 347; I. 179; IV. 165; 241, 481. Kinh tương đương trong bộ Trương A-ham_kinh la Sa-mon quả kỉnh (roi. oboi.27. 0107a20). Tham chiếu: Tích chỉ quả (roi. 0022. 0270C27); Tạp.(7.Ò2. 0099.154. 0043c21); Tạp (7.02. 0099.155. 0044a01); Tạp.(r.02. 0099.156. 0044all); Tạp.(r.02. 0099.157-160. 0044a22-bll); Tạp.(7.02. 0099.161. 0044bl6); Tạp.(7.02. 0099.162. Q044b29); Tạp.(r.02. 0099.163. 0044c12); (r.02. 0125.43.7. 0762a07); Can Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ^nại-da (r.23. 1442.13.0692b01). , 2 Uposatha: Lễ phát lồ sám hối. 3 Tháng Tư ở đây là tháng thứ tư của mùa mưa (mùa mưa Ân Độ có 5 tháng), chư Tăng thường an cư 3 tháng đầu. Ngày Komudī tức ram tháng thứ tư (nhằm tháng 11 dương lịch). 4 Xem J. L 105. 5 Appeva nāma. Xem D. L 179, 205; Vin. II. 85, 262.

34 KINH TRƯỜNG BÔ

Magadha: "Tâu Đại vương, có Makkhali Gosāla (Mặc-già-lê Cù-xá-lợi) là vị Hội chủ, vi Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được

quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương chiêm bái Makkhali Gosāla này. Chiêm bái vị Makkhali Gosāla có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín." Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì. 153. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Ajita Kesakambala (A-kỳ-đa Kỳ-xá-khâm-bà-la) là vi Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiêng tót, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đen tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đen chiêm bái Ajita Kesakambala này. Chiêm bái Ajita Kesakambala có thể khiến tâm Đại vương được tinh tín.^^ Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lăng không nói gì. 154. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Pakudha Kaccāyana (Bà-phù-đà Ca-chiên-diên) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vi Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Pakudha Kaccāyana này. Chiêm bái Pakudha Kaccāyana này có the khiến tâm Đại vương được tịnh tín.,, Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì. 155. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Safijaya Belatthaputta (Tan-nha-di Tỳ-la-lê- phất) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt5 có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Sañjaya Belatthaputta này. Chiêm bái Safljaya Belatthaputta này có thể khiến tâm Đại vương được tinh tín.^, Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lặng không nói gì. 156. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: “Tâu Đại vương, có Nigantha Nātaputta (Ni-kiên tử) là vị Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai Tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong Đại vương đến chiêm bái Nigantha Nātaputta này. Chiêm bái Nigantha Nātaputta có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín." Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, yên lăng không nói gì. 157. Lúc bấy giờ, Jīvaka Komārabhacca ngồi yên lặng, cách Ajātasattu, con

bà Videhi, vua nước Magadha, không xa bao nhiêu. Khi ấy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, nói với Jīvaka Komārabhacca: Này khanh Jīvaka, sao ngươi lại yên lặng như vậy? -Tâu Đại vương, chính tại vườn xoài này của chúng con, có Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác hiện đang trú ngụ với đại chúng Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vi. Thế Tôn Gotama có tiếng đồn tốt đẹp sau đây lan rộng: uĐây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Ton.,, Đại vương hãy đến chiêm bái Thế Tôn này. Rất có thể, nhờ chiêm bái Thế Tôn, tâm của Đại vương được tịnh tín. 158. - Vậy khanh Jīvaka, hãy cho thăng kiệu voi. -Vâng, tâu Đại

vương. Jīvaka Komārabhacca vâng theo lời dạy của Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, sai người thắng năm trăm con voi cái, và con vương tượng vua thường cưỡi, rồi tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: -Tâu Đại vương, các kiệu voi đã sẵn sàng. Ngài hãy làm những gì Ngài xem là phải thời. 159. Lúc bấy giờ9 Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, bảo các cung phi leo lên năm trăm con voi cái, mỗi người một con, còn mình thì leo lên vương tượng vua thường cưỡi, xuất hành ra khỏi Rājagaha, dưới ánh sáng của các ngọn đuốc được cầm cao, với oai nghi của bậc Đại vương, thẳng tiến đến vườn xoài của Jīvaka Komārabhacca. Khi Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đi đến không xa vườn xoài, Ngài bỗng sợ hãi, kinh hoàng, tóc dựng lên. Lúc bấy giờ Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, sợ hãi, kinh hoàng, tóc dựng lên, nói với Jīvaka Komārabhacca: -Này khanh Jīvaka, ngươi phản ta chăng? Này khanh Jīvaka, ngươi lường gạt ta chăng? Này khanh Jīvaka, ngươi nạp ta cho kẻ thù chăng? Tại sao trong một đại chúng lớn như thế này, gần một ngàn hai trăm năm mươi vị, mà không có một tiếng đằng hắng, không có một tiếng ho, không một tiếng ồn? Tâu Đại vương, thần không phản lại Ngài, thần không lường gạt Ngài! Tâu Đại vương, thần không nạp Ngài cho kẻ thù! Tâu Đại vương, hãy đi thăng tới! Tâu Đại vương, hãy đi thăng tới chỗ kia, trong căn nhà tròn, chô có những ngọn đèn đang thắp sáng! 160. Lúc bây giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đi cho đên chỗ voi có thể đi được, rồi xuống voi đi đến cửa căn nhà tròn. Khi đến nơi, liền nói với Jīvaka Komārabhacca: -Này khanh Jīvaka, Thế Tôn ở tại đâu? -Tâu Đại vương, vị ấy là Thế Tôn. Tâu Đại vương, Thế Tôn ngồi dựa vào cột chính giữa, mặt hướng phía Đông, ngồi trước mặt chúng Tỷ-kheo.

36 KINH TRƯỜNG BÔ

161. .Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước# Magadha, liền . tiến đến chỗ Thế Tôn. Khi đên roi, vua đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, nhìn khắp chúng Tỷ-kheo đang yên lặng an tinh như một hồ nước trong, cảm hứng nói rang: "Mong Hoàng tử Udāyibhadda (Ưu-đà-di-bạt-đà) cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của các vi Tỷ-kheo này vậy.,, Đại vương, hình như tâm trí của Đại vương nặng nhiều về tình thương thì phải? Bạch Thế Tôn, con thương Hoàng tử Ưdâyibhadda rất nhiều. Mong rằng Hoàng tử ưdâyibhadda cũng được sự trầm lặng như sự tràm lặng của chúng Tỷ-kheo này vậy. 162. Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đảnh lễ Thế Tôn, chắp tay vái chào chúng Tỷ-kheo và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề này, nếu Ngài cho phép con hỏi. Đại vương cứ hỏi tùy theo ý muốn của Đại vương. 163. Bạch Thế Tôn, cũng như các công nghệ chức nghiệp này, như điều tượng su, điều mã su, xa thuật sư, quân thuật sư, quân kỳ binh, nguyên soái, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ6 can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán s6, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác, họ hưởng được kết quả thiết thực hiện tại từ công nghệ chức nghiệp của họ. Họ giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho cha mẹ được sống an lạc,

hạnh phúc. Họ giúp cho vợ con được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho bạn bè được sông an lạc, hạnh phúc. Họ dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn? sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báu an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Thế Tôn, Ngài có thể chỉ cho rõ ràng két quả thiêt thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng? 164. - Này Đại vương, Đại vương có nhớ đã hỏi câu hỏi ấy với các vị Sa- môn5 Bà-la-môn khác chăng? Bạch Ngài, con nhớ đã hỏi câu hỏi ây với Sa-môn5 Bà-la-môn khác. Này Đại vương, hãy nói lại cho Ta nghe, các vị ấy đã trả lời với Đại vương như thế nào, nếu Đại vương không thấy gì trở ngại. —Bạch Thế Tôn, con không thấy gì trở ngại đối với đức Thế Tồn và các bậc như đức Thế Tôn. -Vậy Đại vương hãy nói đi.

6 Pakkhandino có nghĩa là xồng vào. Miln. 331; / . IV. 107 có cách đọc khác cho những thuật ngữ thuộc về lãnh vực quân sự nay.

2. KINH SA-MÔN QUẢ 37

165. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Pūrana Kassapa,7 khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Pūrana Kassapa và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Pūrana Kassapa: "Ngài Kassapa, cũng như các công nghệ chức nghiệp này, như điều tượng su, điều mã sư, xa thuật su, cung thuật sư, quân kỳ binh, nguyên soái, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đau quân, thợ hớt tóc, người hau tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt5 nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm? nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác, họ hưởng được kết quả thiết thực hiện tại từ công nghệ chức nghiệp của họ. Họ giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho vợ con được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho bạn bè được sống an lạc5 hạnh phúc. Họ dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đên đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báu an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chang?^ 166. Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Pūrana Kassapa đã nói với con: "Này Đại vương, tự làm hay khiến nẸUỜi làm, chém giết hay khiến người chém giết, đót nấu hay khiên người đốt nâu, gây phiên muộn hay khiên người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp x một. nhà lẻ loi, chặn • đường J cướp rA giựt, tư thông vợ người, nói — v , J • J láo. Y hành động như vậy không có tội ác gì. Nêu lây một bánh xe sác bén giêt hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đống thịt, thành một chồng chịt, cũng không vì vậy mà có tội ác9 mà gây ra tội ác. Nêu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, đốt nấu; khiến người chém giết, đốt nấu, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nêu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bo thí, khiến người bo thí; te le, khiến người te lễ, cũng khônệ vì vậy mà có phước báo, mà tích được phước báo. Khi bô thí, điêu phục, chê ngự, nói lời chân thật, thì không có phước báo, không tích được phước bO.” Bạch Thế Tôn? khi được hỏi về kết quả hiện tại thiết thực của hạnh Sa-môn,

Pūrana Kassapa đã trả lời với thuyết Vô nệhiệp.8 Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi ve trái mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả hiện tại thiết thúc của hạnh Sa- môn5 Pūrana Kassapa đã trả lời với thuyết Vô nghiệp. Bạch Thế Tôn? con nghĩ: “Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vi Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước của con không được vui 16ng?” Vì vậy, bạch The Tôn, con không tán thán CŨĨ1Ẹ không cật nạn lời nói của Pūrana Kassapa. Không tán thán, không cật nạn, dâu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng như không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

7 Theo Buddhaghosa, ông là một ngoại đạo lõa thể. 8 Akỉrỉyam vyãkãsỉ. A. L 62; Vin. L 235.

38 KINH TRƯỜNG Bô

167. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Makkhali Gosāla. Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Makkhali Gosāla và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Makkhali Gosāla: "Ngài Gosāla, cũng như các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên). Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa- môn chăng?^,9 168. Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Makkhali Gosāla đã nói với con: uNày Đại vương, không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Khônệ có tự tác, không có tha tác, không có nhân tác, không có lực5 không có tinh tân, không có nhân lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả loài hữu tình, tất cả sinh vật5 tất cả sinh loại, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Chúng bi dắt dẫn, chi phối bởi đinh mệnh, bởi điều kiện bộ loại của chúng, bởi cá tánh của chúng. Chúng hưởng thọ khổ lạc y theo sáu loại thác sanh của chúng. Có tất cả là một triệu bốn trăm ngàn chủng loại thác sanh, lại có thêm sáu ngàn và có thêm sáu trăm nữa. Có năm trăm loại nghiệp và có năm nghiệp [theo năm căn], lại có ba nghiệp [về thân, khẩu, ý]5 lại có toàn nghiệp [thân và khẩu] và bán nghiệỊ) [ý]. Có sáu mươi hai đạo? sáu mươi hai trung kiếp, sáu giai cấp, tám nhân địa; bon ngàn chín trăm sanh nghiệp, bốn ngàn chín trăm kẻ du hành, bốn ngàn chín frăm chỗ ở của loài nāgā (rong), hai ngàn căn, ba ngàn cảnh địa ngục, ba mươi sáu tran giới, bảy tưởng thai, bảy vô tưởng thai, bảy tiết thai (sanh từ đốt), bảy loài thiên, bảy loài người, bảy loài quỷ? bảy hồ nước, bảy pavutā (núi hay hồ nhỏ), bảy trăm pavutā, bảy papātā (vực thẳm), bảy trăm papātā, bảy mộng, bảy trăm mộng. Có tám triệu bôn trăm ngàn đại kiêp, trong thời gian ây, kẻ ngu và người trí sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: Với giới hạnh này, với kỷ luật này, với khô hạnh này hay với Phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thục, hoặc trừ diệt những nghiệp đã thuần thục bởi những nhẫn thọ liên tục, không thể đo lường khổ và lạc với những vật đo lường, trong khi luân hồi không có giảm tăng, không có thặng dư, thiếu thốn. Ví như một cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến mức độ nào đó5 cũng như vậy, kẻ ngu và người trí sau khi lưu

chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau.55 169. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn9 Makkhali Gosāla đã trả lời với thuyết Luân hồi tinh hóa. Bạch Thế T6n, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời ve trái xoài. Cũng vậy, bạch The Tôn, khi được hỏi ve kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Makkhali Gosāla đã trả lời với thuyết Luân hồi tịnh hóa. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước

9 Tham khảo M. L 513.

của con không được vui long?99 Vì vậy5 bạch Thê Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Makkhali Gosāla. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. 170. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Ajita Kesakambala, khi đến nơi5 con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Ajita Kesakambala và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Ajita Kesakambala: “Ngài Ajita Kesakambala, cũng như các công nghệ chức nghiep như điều tượng sư... (như trên). Bạch Ngài, Ngài có thể chỉ cho biêt kết quả thiêt thực hiện tại của hạnh Sa-môn chẳng?" 171. Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy5 Ajita Kesakambala đã nói với con:10 "Này Đại vương, không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự; không có quả dị thục các nghiệp thiện ác; không có đời này, không có đời khác; không có mẹ, không có cha; không có loại hóa sanh; ở đời không có những vị Sa-môn? những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này11 đời khác và truyền dạy lại. Con người này do bốn đại hợp thành/ khi mệnh chung, địa đại trở về trả lại cho địa giới, thủy đại trở vê trả lại cho thủy giới, hỏa đại trở về trả lại cho hỏa giới, phong đại trở vê trả lại cho phong giới, các căn12 nhập vào hư không. Bốn người gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm, gánh người chết mang đi đên chô hỏa táng, thót ra những lời tán tụng, các xương trắng như màu bồ câu và những vật cúng dường13 trở thành tro bụi, chỉ có người ngu mới tán dương sự bố thí5 lời nói của chúng trống không, giả dối, khi chúng chấp thuyết có sự sống. Kẻ ngu cũng như người trí, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đoạn diệt, tiêu mất, không còn tồn tại sau khi chết.” 172. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn5 Ajita Kesakambala đã trả lời với thuyết Đoạn diệt. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài, hoặc hỏi vê trái xoài lại trả lời về trái mít. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn5 Ajita Kesakambala đã trả lời với thuyêt Đoạn diệt. Bạch Thê Tôn, con liền nghĩ: “Làm sao một người như con lại có thê nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước của con không được vui long?99 Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng Iđiông cật nạn lời nói của Ajita Kesakambala. Không tán thán, không cật nạn, dâu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ? con từ chỗ ngoi đứng dậy ra ve. 173. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Pakudha Kaccāyana. Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng

thân hữu và xã giao với Pakudha Kaccāyana và ngoi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với

10 Xem M I. 515; s. III. 307.

11 Sammaggato: Bậc có chánh hướng, bậc đã đến chánh đạo hay con đường chơn chánh. Xem J. III. 305.

12 Lục căn.

13 Āhutiyo. Xem Bv. XXVII. 10; Kvu. 550.

Pakudha Kaccāyana: "Ngài Pakudha Kaccāyana, cũng như các công nghe chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên). Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chang?99 174. Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Pakudha Kaccāyana nói với con: “Này Đại vương, có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bát động, không chuyên biên, không xâm phạm nhau. Chúng không ảnh hưởng đên lạc hay khô với nhau, hoặc cả khô và lạc. Bảy thân ấy là gì? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khô, lạc và thứ bảy là mạng. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động, không chuyển biến. không xâm phạm nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khô với nhau, hoặc cả khô và lạc. ơ đây không có người giêt hại, hoặc có người bi giết hại, người nghe hoặc người nói, người biết hoặc người khiến cho biêt. Khi một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không có ai tước đoạt sanh mạng của ai cả5 lưỡi kiêm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà th6i." 175. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn5 Pakudha Kaccāyana đã trả lời một việc khác với một quan điểm khác. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trai mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn9 Pakudha Kaccāyana đã trả lời một việc khác với một quan điểm khác. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thê nghĩ tới việc bài bác, làm mát uy tín một vị Sa-môn, hay Bà-la-môn ở trong nước của con không được vui long?95 Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Pakudha Kaccāyana. Không tán thán, không cật nạn, dâu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. 176. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Nigantha Nātaputta (Ni-kiền tử). Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Nigantha Nātaputta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên? con nói với Nigantha Nātaputta: "Ngài Aggivessana, các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên). Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiêt thực hiện tại của hạnh Sa-môn?^, 177. Bạch Thế Tôn, khi được hỏi vậy, Nigantha Nātaputta nói với con: "Này Đại vương, một người Nigantha sống chế ngư bởi bốn loại cấm giới. Này Đại vương, thế nào là một người Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới? Này Đại vương, một Niẹantha sống gìn giữ đối với tất cả loại nước, gìn giữ đối với mọi ác pháp, sống tây sạch tất cả ác pháp

và sống với ý chí gìn giữ đối với tất cả ác pháp. Này Đại vương, như vậy một Niẹantha song chế ngự bởi bốn loại câm giới. Này Đại vương, vì một Nigantha sông chế ngự bởi bôn loại cấm giới nên vi ấy được gọi là Gatatto (một vi đã đi đến dích), Yatatto (một vị đã điêu phục tự tâm) và Thitatto (một vị đã an trú được tự tâm).„

2. KINH SA-MÔN QUẢ 41

178. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Nigantha Nātaputta đã trả lời với sự chế ngụ* bởi bốn loại cấm giới. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời ve trái mít, hoặc hỏi về trai mít lại trả lời về trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn? Nigantha Nātaputta đã trả lời với sự chế ngự bởi bốn cấm giới. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước của con không được vui lòng?59 Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Nigantha Nātaputta. Không tán thán, không cật nạn, dù không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ? con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. 179. Bạch Thế T6n, một hôm con đến Sañjaya Belatthaputta. Khi đến noi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Safijaya Belatthaputta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên? con nói với Sañjaya Belatthaputta: "Ngài Sañjaya, các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên). Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiêt thực hiện tại của hạnh Sa-môn chng?" 180. Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Sañjaya Belatthaputta đã trả lời với con: “Nếu anh hỏi: 'Có một thế giới khác hay không?Nếu tôi nghĩ: 'Có một thế giới khác tôi có thể trả lời với anh: 'Có một thế giới khác.' Nhimg toi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Toi không nói là không phải như thế. Toi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: 'Không có một thế giới khác phải không?9 Nếu tôi nghĩ: 'Không có một thế giới khác', tôi có thể trả lời với anh: 'Không có một thế giới khác.5 Nhưng toi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Toi không nói là không phải như thế. Toi không nói là không không phải như thế. 'Cũng có và cũng không có một thế giới khác?9... 'Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?.. 'Có loại hữu tình hóa sanh?9... 'Không có loại hữu tình hóa sanh?'... 'Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?\.. 'Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?...'Có kết quả dị thục của các nghiệp thiện và ác?\.. 'Không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?\.. 'Cũng có và cũng không có kết quả dị thục của những nghiệp thiện và ác?\.. 'Cũng không có và cũng không không có kết quả di thục của những nghiệp thiện và ác?'... 'Như Lai có tồn tại sau khi chết?9... 'Như Lai không có tồn tại sau khi chết?..’Nhu Lai có và không có tồn tại sau khi chết?...’Nhu Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?' Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ: 'Như Lai không có và cũng không không có ton tại sau khi chết\ tôi có the trả lời: 'Như Lai không có và cũng không không có tôn tại sau khi chết/ Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Toi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.” 181. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh

Sa-mon, Safijaya Belatthaputta đã trả lời với Ngụy biện luận. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi trái mít lại trả lời trái xoài. Cũng vậy, bạch The Tôn, khi được hỏi ve kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-mon, Sañjaya Belatthaputta đã trả lời với Nguỵ biện luận. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể nghĩ tới việc bài bác, làm mất uy tín một vị Sa-mon hay Bà-la-môn ở trong nước của con không được vui long?95 Vì vậy, Bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cật nạn lời nói của Safijaya Belatthaputta. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. 182. Vậy nên bạch Thế Tôn, con cũng hỏi Thế Ton. Bạch Thế Tôn, cũng như các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật su, cung thuật sư, quân kỳ binh, nguyên soái, chiến si, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ can đảm như voi chua, anh hùng, trang giáp binh, nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán s6, nhà ấn bản, các công nghệ chức nghiệp khác. Họ hưởng được kết quả thiết thực hiện tại công nghệ chức nghiệp của họ. Họ giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho vợ con được sống an lạc, hạnh phúc. Họ giúp cho bạn bè được sống an lạc, hạnh phúc. Họ dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báu an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có the cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng? 183. Đại vương, có thể được. Này Đại vương, Ta sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này, Đại vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại vương. Đại vương nghĩ sao, nếu Đại vương có một người nô bộc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt [của Đại vương]. Người ấy nghĩ: "Thật hy hữu thay! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công dức, quả dị thục của các công đức. Đức Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, là người, tôi đây cũng là người. Vị Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, sống tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không khác gì vị thiên thân, còn tôi là người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chil, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt [của vua]. Vậy ta hãy làm các công đức như vua kia, ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo.55 Và người nô lệ ấy, một thời khác, cạo bỏ râu tóc, khoác áo càsa, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy5 người ây sống chế ngự thân, sống chế ngự lời nói, sống chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống. y áo, hoan hỷ sống an tinh. Nếu những người của Đại vương đên tâu với Đại vương: “Dại vương có biêt chăng, có người nô bộc của Đại vương, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt [của

Đại vương], tâu Đại vương, người ây đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa5 từ bỏ gia đình, sông không gia đình, xuất gia tu đạo? Sau khi xuất gia như vậy, người ây sông chê ngự thân, chê ngự lời nói, chê ngự ý nghĩ, băng lòng với nhu câu tôi thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tjnh.” Này Đại vương, Đại vương có nói như sau chăng: "Nguồi ấy hãy lại với ta, hãy làm lại người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặf,? 184. Bạch Thế Ton, không như vậy. Trái lại, chúng con kính lễ người ấy, đứng dậy trước người ấy, mời nguôi ấy ngồi xuông ghế, cúng dường người ây các dụng cụ như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuôc men trị bệnh và chúng con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp. 185. Này Đại vương, Đại vương nghĩ thê nào, nêu quả như vậy, thì đó có phải chăng là kết quả thiết thực hiện tại hạnh Sa-môn? Bạch Thế Tôn, như vậy chính là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn. Này Đại vương, đó là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn mà Ta đã trình bày. 186. Bạch Thế Tôn, có thể cho biết một kết quả thiết thực hiện tại khác hơn nữa của hạnh Sa-môn? Này Đại vương, có thể được. Này Đại vương, Ta sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này, Đại vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại vương. Đại vương nghĩ sao, nếu Đại vương có một người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khố. Người ấy nghĩ: "Thật hy hữu thay! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công đức, quả di thục của các công đức. Vị Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha là người, tôi cũng là người. Vi Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, sống được cung phụng, tận hưởng đay đu năm mon dục lạc, toi nghĩ không khác gì vị thiên than, con toi la người nông phu, gia chủ, nạp thuế má5 làm giàu công khô. Vậy ta hãy làm các công đức như vua kia. Ta hây cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu dạo.” Người nông phu ấy, một thời khác, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sốnệ không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sốnệ che ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiêu về ăn uông, y áo? hoan hỷ sông an tịnh. Nếu những người của Đại vương đến tâu với Đại vương: "Dại vương có biết chăng, có người nông phu của Đại vương, người gia chủ, nạp thuê má, làm giàu công khố, tâu Đại vương, người ấy đã cạo bỏ râu t6c, khoác áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghi, bằng lòng với nhu cầu toi thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh/5 Này Đại vương, Đại vương có nói: "Người hãy đến lại với ta, hãy làm lại người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công kh6"?

44 KINH TRƯỜNG Bô _____

187. Bạch Thế Ton, không như vậy. Trái lại chúng con kính nể người ấy, đứng dậy trước người ây, mời người ây ngôi xuồng ghê, cúng dường người ây các dụng cụ như y áo, đô ăn khất thực, sàng tọa, thuốc men trị binh. Chúng con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp. 188. Này Đại vương, Đại vương nghĩ thê nào, nêu quả như vậy thì đó có phải là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng? Bạch Thế Tôn, như vậy chính là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn. Này Đại vương, đó là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn mà Ta trình bày. 189. Bạch Thế Tôn, có thể cho biết một kết quả thiết thực hiện tại khác nữa của hạnh Sa-môn vi

diệu hơn, thù thăng hơn những két quả thiêt thực hiện tại của hạnh Sa-môn vừa ke trên? Này Đại vương, có thể được. Này Đại vương, hãy lóng tai nghe và khéo tác ý? Ta sẽ giảng. Vang, The Ton. Vua Ajātasattu, con bà Videhi, vua xứ Magadha, trả lời Thế Tôn. 190. Thế Tôn nói: Này Đại vương, nay ở đời, Như Lai xuất hiện là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài sau khi tự chứng ngo với thượng trí thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-m6n, Bà-la-môn9 thiên, nhơn, lại tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đay đủ văn nghĩa, truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. 191. Người gia trưởng,1415hay con vị gia trưởng, hay một nguôi sanh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp ây. Sau khi nghe pháp, người ây sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: aĐời s6ng gia đình đay những triền phược, con đường đầy những bụi đời; đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể s6ng theo Phạm hạnh hoàn toàn đày đủ? hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ óc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đăp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia dinh.” 192. Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. 193. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn ỤPâtỉmokkhă)^5 đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong

14 Gahapati', ở đây Buddhaghosa chỉ cho người nông dân. 15 Pātimokkha-samvara samvutto.

những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh; sinh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc. 194. Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? ở dây, này Đại vương, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tát cả chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vi ấy trong giới luật. Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tinh, không có trộm cướp. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. Vị ấy từ bỏ tà hạnh, tinh tu Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. r từ, bỏ _nói láo, Tỷ-kheo /K. xa nói láo, nói những . tránh / lời chơn thật, :: y chỉ trên L . Sự thật, chác chăn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại lời hứa đôi với đời. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. Vị áy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điêu gì ở chô này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ những người kia. Như vậy, Tỷ-kheo ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. Vị ấy từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác. Vị ấy nói những lời nói không lôi lâm,

đẹp tai, dê thương, thông cảm đên tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiêu người. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. Vị áy từ bỏ lời nói phù phiêm, tránh xa lời nói phù phiêm, nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời vê Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý5 có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Như vậy là giới hạnh của vi ây trong giới luật. Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát nhạc, diễn kịch; từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dâu thoa và các thời trang; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận vàng và bạc; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà và con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai; từ bỏ phái người môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán* từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ5 gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Như vậy là giới hạnh của vi ấy trong giới luật. 195. Trong khi một số Sa-môn9 Bà-la-môn dàu đã dùng các món ăn do tín

thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối như giống từ rễ sanh, giống từ nhánh cây sanh, ẹiống từ đốt cây sanh, giống từ chiết cây sanh, và thứ năm là hạt giống từ hạt giông sanh; còn vị ây thì không làm hại hạt giống hay cây cỏ nào. Như vậy là giới hạnh của vi ấy trong giới luật. 196. Trong khi một sô Sa-môn5 Bà-la-môn dâu đã dùng các món ăn do tín thí cúng đường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật như cất chứa các món ăn? cat chứa các đồ u6ng, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cat chứa các mỹ vị; còn vị ấy thì từ bỏ cất chứa các vật trên. Như vậy là giới hạnh của vị ây trong giới luật. 197. Trong khi một sô Sa-môn, Bà-la-môn dâu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chơn chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trông, diễn các tuông thân tiên, trò chơi bi sắt, trò chơi sào tre, mãi võ, đấu voi, đấu ngựa, đau trâu, đấu bò đực, đâu dê, đâu cừu, đâu gà, đâu chim cun cút, đâu gậy, đâu quyên, đâu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh; còn vị ấy thì từ bỏ các du hí không chơn chánh như trên. Như vậy là giới hạnh của vị áy trong giới luật. 198. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vân còn sông đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đát, chỉ bước vào những ô có quyên bước, trò chơi quăng thẻ roi chụp nhimg không cho sụp đông thẻ. chơi xúc xắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, cày với chiêc cày giả, nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đô chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước điệu bộ; còn vi ấy thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. 199. Trong khi một số Sa-mon9 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế trường kỷ? nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trăng, chăn

len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mên băng lụa, tâm thảm lớn có thê chứa mười hai người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da con sơn dươnệ khâu lại với nhau, nệm băng da con nai có bộ da quý (kadali), tấm thảm với lêu che phía trên, ghê dài có gói đâu, gối chân màu đỏ; còn vị ấy thì từ bỏ, không dùng các giường cao và giường lớn như trên. Như vậy là giới hạnh của vi ây trong giới luật. 200. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vân còn sông dùng các đô trang sức và mỹ phàm như thoa dâu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt và sáp mặt, vònệ tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gươm, lọng, dép thêu, khăn đâu, ngọc, phát trân, vải trăng có viên tua dài; còn vi ấy thì không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

2. KINH SA-MÔN QUẢ 47

201. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện về hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn5 câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thi tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện ve quốc độ, câu chuyện ve đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên le đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế giới, câu chuyện về biến trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu; còn vị ấy thì từ bỏ nói những chuyện vô ích, tầm thường kể trên. Như vậy là giới hạnh của vi ấy trong giới luật. 202. Trong khi một số Sa-môn9 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp, như nói: "Ngươi không biết Pháp và Luật này, tôi biết Pháp và Luật này. Sao ngươi có thể biết Pháp và Luật này? Ngươi đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của ngươi không tương ưng; những điều đáng nói trước ngươi lại nói sau, những điều đáng nói sau ngươi lại nói trước; chủ kiến của ngươi đã bị bài bác, câu nói của ngươi đã bị gièm pha; ngươi đã bị thuyết bại; hãy đến mà giải vây lời nói ấy, nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí"; còn vị ấy thì từ bỏ những cuộc biện luận, tranh chấp như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. 203. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới như cho các vua, các đại thần của vua, cho các vị Sát-đế-ly, cho các vị Bà-la-môn? cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói răng: "Hãy đi đên chô ây, hãy đi lại chỗ kia, mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia"; còn vi ấy thì từ bỏ đưa các tin tức, không đứng làm môi giới như trên. Như vậy là giới hạnh của vi ấy trong giới luật. 204. Trong khi một sô Sa-môn9 Bà-la-môn dâu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, gièm pha, cầu lợi; còn vị ấy thì từ bỏ nói lời lừa đảo và siểm nịnh như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. 205. Trong

khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộnệ tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế muỗng, tế vỏ lúa, tế tấm, tế gạo, tê thục tô5 dùng miệng phun hạt cải,... vào lửa, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu quỷ ma, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bò cạp, khoa chuột, khoa chim, khoa chim quạ, khoa

đoán số mạng, khoa ngừa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim; còn vị ấy thì tránh xa những tà hạnh như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. 206. Trong khi một số Sa-môn? Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quan, tướng gươm kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ? tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò dực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con cắc kè5 tướng vật tai dài, tướng rùa, tướng thú vật; còn vị ấy thì tránh xa những tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. 207. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi song bang những tà mạng như đoán trước vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thôi; vua ngoại bang sẽ tân công, vua bản xứ sẽ triệt thôi; vua bản xứ sẽ thăng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận, như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia; còn vị ấy thì từ bỏ những tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. 208. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhựt thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo; mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo; các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo; sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời; mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ5 sẽ sáng; nguyệt thực sẽ có kết quả như the này, nhựt thực sẽ có két quả như thê này, tinh thực sẽ có két quả như thê này; mặt trăng, mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; sao băng sẽ có kết quả như thế này; lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này; động đát sẽ có kết quả như the này; sam trời sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng sẽ có kết quả như thế này; còn vị ấy thì tránh xa, không tự nuôi sống bang tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. 209. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bịnh, sẽ không có bịnh, hay làm các nghe như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng so lớn, làm thơ, làm theo the tình; còn vị ấy thì

tránh xa các tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

2. KINH SA-MÔN QUẢ 49

210. Trong khi một số Sa-môn9 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như sắp đặt ngày lành đê rước dâu hay rể về nhà, sắp đặt ngày lành để đưa dâu hay re, lựa ngày giờ tót để hòa giải, lựa ngày giờ tót để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may măn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cóng lưỡi, dùng bùa chú khiên quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiên người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiên quai hàm cử động, dùng bùa chú khiên tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, hỏi thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa. cầu thần tài Siri; còn vị ây thì tránh xa các tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. 211. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi song bang những tà mạng như dùng các tà thuật . đê được / yên ôn? đê khỏi làm các điêu đã hứa, đê được che chở khi 7 v r• ở r trong 9 D nhà băng đát, đê dương được thịnh, đê làm người liệt dương, đê tìm đát tót làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mửa, làm cho xô, bài tiêt các nhơ bân vê phía trên, bài tiêt các nhơ bân vê phía dưới, tẩy tinh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc (jua lỗ mũi, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt. chữa bệnh cho mắt? làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho thuôc uông băng các loại rê cây, ngăn ngừa công hiệu của thuôc; còn vị ây thì tránh xa các tà mạng như trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. 212. Như vậy, này Đại vương, vị Tỷ-kheo ấy, nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Đại vương, như một vị Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa vê phương diện thù địch. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này nên hưởng lạc thọ nội tâm không vân đục. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo đầy đủ giới luật. 213. Này Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?16 Này Đại vương, khi măt thây sác, Tỷ-kheo không năm giữ tướng chung, không năm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiêng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ây không nắm giữ tướng chung, không năm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiên ý căn khônẹ được chế ngu, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo che ngự nguyên nhân ây, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn.17 Vị ấy, nhờ sự hộ

16 Tham khảo MA. 180, 268; Miỉn. 367; Asi. 400; Kvu. 424-6, 463-64. 17 Theo Buddhaghosa, Avyãseka nghĩa đen là không bị cái ác bao vây.

50 KINH TRƯỜNG Bô

trì cao quý các căn ấy nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo hộ trì các căn. 214. Này Đại vương, thế nào là Tỷ~kheo chánh niệm tỉnh giác? Đại vương, ở đây, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đêu tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói5 yên lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác. 215. Này Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo biết đủ? ở dây, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực đê nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Đại vương, cũng như con chim bay đen chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Đại vương, vi Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo biết đủ. 216. Vị ấy, với giới uẩn cao quý này, với sự hộ trì các căn cao quý này, với chánh niệm tỉnh giác cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma. lùm cay. ngoài trời, đông rơm. Sau khi đi khát thực vê và ăn xong, vị ây ngôi kiêt-già? lưng thẳng và an tru chánh niệm trước mặt. 217. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái.i Từ bỏ sân hận, vi ấy sống với tâm không sân hận, với lòn^ từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vi ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng (ālokasandhī)^ chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tam hết hôn trâm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối tiếc, vị ấy sống không trạo cử hối tiếc, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp. 218. Này Đại vương, như một người mắc nợ,18 19 liền làm các nghề nghiệp. Những nghê này được phát đạt, người ây không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ây nghĩ: "Ta trước kia mắc nợ liên làm các nghề nghiệp; những nghề này được phát đạt, ta không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng VỌL” Người ây nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. 219. Này Đại vương, như một người bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian, người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu; nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thê lực khôi phục/5 Người ây nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. 220. Này Đại vương, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy, sau một 18 Abbhijjham loke pahāya. 19 Inam ādāya. Xem J. IV. 256; v. 436.

thời gian, được khỏi tù tội? an lạc kiện toàn, hết lo sợ? tài sản không bị giảm tổn. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia bị nhốt trong ngúc, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, hết lo sợ, tài sản không bị giảm ton/5 Người ây nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. 221. Này Đại vương, như một người nô lệ? không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ây, sau một thời gian, thoát khỏi cảnh nô le, được tự chủ, kh6ng lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại. Người ây nghĩ: "Ta trước kia bi cảnh nô lệ? không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi

lại; nay ta thoát cảnh nô le, được tự chủ, khorijg lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại." Người ây nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. 222. Này Đại vương, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc, thiếu lương thực, đầy những nguy hiêm. Người ây? sau một thời gian, đã đi khỏi sa mạc, đến đầu làng vô sự5 yên ổn, không có nguy hiểm. Người ấy nghi: "Ta trước kia giàu c6, nhiều tài sản5 đi qua bãi sa mạc thiếu lương thực, đây những nguy hiểm; nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ây5 đên đâu làng vô sự, yên ổn? không có nguy hiểm.^, Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. 223. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo tự mình quán năm triền cái khi chưa xả ly như món nợ? như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô le, như con đường qua sa mạc. 224. Này Đại vương, cũng như không mác nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn, này Đại vương, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi diệt trừ chúng. 225. Khi quán tự thân đã xả ly năm triên cái ây, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ5 thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. 226. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiên thứ nhát, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thâm nhuân, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chô nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ây thâm nhuần. 227. Này Đại vương, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hâu tăm, sau khi rác bột tăm trong thau băng đông, liên nhôi bột ây với nước; cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thâm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đây thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này Đại vương, đó là quả thiêt thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước. 228. Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo ây diệt tâm và tứ, chứng và tru Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất

tâm. Tỷ-kheo ây thâm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đây thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do đinh sanh ấy thấm nhuần. 229. Này Đại vương, ví như một hồ nước, nước tự ở trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy vào, phương Nam không có lỗ nước chảy vào, phương Tây không có lỗ nước chảy vào, phương Bác không có lô nước chảy vào, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn; suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thâm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn9 còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước. 230. Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm

ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. 231. Này Đại vương, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng; những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến góc rê đều thâm nhuần tâm ướt, đầy tràn thâu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiêt thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước. 232. Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo xả lạc xả khô, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không kho không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ- r x < À -i • " kheo ây thâm nhuần toàn thân mình với tâm thuân tinh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh, trong sáng ấy thấm nhuần. 233. Này Đại vương, ví như một người ngồi dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh, trong sáng ấy thấm nhuần. Này Đại vương, đó là quả thiêt thực hiện tại của hạnh Sa-môn5 còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

2. KINH SA-MỒN QUẢ 53

234. Với tâm định tĩnh, thuân tịnh, trong sáng, không câu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bon đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt;20 trong thân ây5 thức21 ta lại nương tựa và bị trói buOc." 235. Này Đại vương, ví như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uê trược, đầy đủ tát cả mỹ tướng; và một sợi dây được xâu qua hòn ngọc ây, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mát câm hòn ngọc ây trên tay sẽ thấy hòn lưu ly bảo châu này đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược? đây đủ tát cả mỹ tướng; và sợi dây này được xâu qua hòn ngọc ây, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ? màu trăng hay màu vàng nhạt. Cũng vậy. này Đại vương, với tâm đinh tĩnh, thuần tinh. trong sáng, không câu nhiêm, không phiên não, nhu nhuyên, dê sử dụng, vững chc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dan tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vi ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bôn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biên hoại, phân toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bi trói buộc.55 Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn5 còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước. 236. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo chú tâm,

hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đây đủ các chi tiêt lớn nhỏ, không thiêu một căn nào. 237. Này Đại vương, ví như một người rút một cây lau ra ngoài vỏ? người ấy nghĩ: uĐây là vỏ, đây là cây lau; vỏ khác, cây lau khác và cây lau từ vỏ rút ra.” Này Đại vương, ví như một người rút thanh kiêm từ bao kiêm; thanh kiêm khác, bao kiêm khác, và thanh kiêm từ nơi bao kiêm rút ra. Này Đại vương, ví như một n^ười lột xác một con rắn, người ấy nghĩ: "Dây là con rắn, đây là xác rắn, con răn khác, xác rắn khác, và con răn từ nơi xác răn được lột cũng vậy5 này Đại vương, với tâm định tinh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ- kheo dan tâm, hướng tâm đến sự hiện hóa một thân do ý làm ra. Vị ây tạo môt thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý tạo thành, đây đủ các chi tiêt lớn nhỏ, không thiêu một căn nào. Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

20 Xem M. l. 500; II. 17; s. IV. 83; J. L 146. 21 Viññāna. Buddhaghosa giải thích đây là sự nhận biết rõ ràng quá trình năm giác quan tiếp xúc các đối tượng khởi sinh cảm thọ.

238. Với tâm đinh tĩnh. thuần tinh, trong sáng. không cấu nhiễm, không phiên não5 nhu nhuyen, dê sử dụng, vững chăc9 bình thản như vậy, Tỷ-kheo dân tâm, hướng tâm đên các thần thong.22 Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đát liên; ngoi kiết-già ngang qua hư không như con chim* với bàn tay, chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thân như vậy; có thê tự thân bay đến cõi Phạm thiên. 239. Này Đại vương, ví như một người thợ gôm khéo tay hay đệ tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhoi nhuyễn, có the làm các loại đo gom tùy theo sở thích. Này Đại vương, ví như một người thợ ngà khéo tay hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo giũa, có thê làm các loại đô ngà tùy theo sở thích. Này Đại vương, ví như người thợ vàng khéo tay hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn, có the làm các loại đo vàng tùy theo sở thích. Cũng vậy5 này Đại vương, với tâm đinh tĩnh. thuần tinh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vi ây chứng được các thần thông, một thân hiện ra nhiêu thân, nhiêu thân hiện ra một thân; hiện hình, biên hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liên; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước. 240. Với tâm đinh tĩnh, thuần tinh, trong sáng. không cấu nhiễm, không phiên não, nhu nhuyên, dê sử dụng, vững chc, bình thản như vậy,

Tỷ-kheo dân tâm, hướnẹ tâm đen Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có the nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần. 241. Này Đại vương, ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xõa và tiếng kiểng, người ấy nghĩ: "Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xõa, tiếng kiểng." Cũng vậy, này Đại vương, với tâm đinh tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não5 nhu nhuyên, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy5 Tỷ-kheo dan tâm, hướng tâm đen Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo

22 Iddhi nghĩa đen là trạng thái hạnh phúc, sự thịnh vượng, thành cồng. Bốn sự thịnh vượng, hạnh phúc của một vi vua đó là có thân tướng đẹp, thọ mạng lâu dài, khỏe mạnh, được mọi người kính phục. Đức Phật khi chưa xuât gia cũng có những điêu kiện hạnh phúc này. Khi ây, Ngài là một thanh niên tráng kiện, sở hữu nhiều thứ như vươn ngự uyên xinh đẹp, y phục tốt đẹp, lầu các xa hoa, nhạc công vũ nữ hay thúc ăn thượng vị (xem A. L 145). Trạng thái an lạc cua tâm khác với trạng thái hạnh phúc trần tục (xem. I. 93). Buddhaghosa liệt kê 9 trạng tháj an lạc tâm còn gọi là 9 năng lực siêu nhiên (xem Als. 91). Trong Tam tạng không có ví dụ nào mô tả cụ thể 9 loại thần thông này chỉ trừ trường hợp cuải cùng (xem s. IV. 289-90; A. III. 340-41; MPS. 43).

với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần. Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn5 còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước. 242. Với tâm đinh tinh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não5 nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm khônậ tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biêt là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biêt là tâm vô thượng;23 tâm thiền đinh biết là tâm thiền định, tâm không thiên định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát. 243. Này Đại vương, ví như một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang sức, nhìn mặt của mình trong tấm gương trong sạch, sáng suốt hay một chậu nước trong. Nếu mặt có tỳ vết. liền biêt mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vet5 liên biêt mặt không có tỳ vét. Cũng vậy, này Đại vương, với tâm đinh tĩnh. thuần tinh, trong sáng, không cấu nhiễm. không phiền não, nhu nhuyen, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ- kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của mọi người với tâm của mình, vi ấy biết được như sau: "T2m có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm

không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú? tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát." Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn9 còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước. 244. Với tâm định tĩnh, thuân tịnh, trong sáng, không câu nhiêm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đên các đời sống quá khứ như

23 Sa-uttara (chưa vô thượng) và anuttarā (vô thượng). Cách giải thích trong bộ Pháp tụ (Dhs. 1292, 1293, 1596, 1597) là pháp hữu thượng và pháp vô thượng.

một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời5 một ngàn đời, một trăm ngàn dòi, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp.24 Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thê này. Sau khi chét tại chô kia, ta được sanh ra tại chô nọ, tại chô ây, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này5 giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đên mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây?5 Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đên nhiêu đời sông quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiêt. 245. Nàỵ Đại vương, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đên một làng khác nữa. và từ làng này lại trở vê làng của mình. Người ấy nghĩ: "Ta tư làng của mình đi đen làng kia, nơi đây ta đã đứng như the này, đã n^ồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ làng kia ta đi đên làng nọ? tại đấy ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta?525 Như vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ- kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bon đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bon mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời? một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiêu hoại kiêp? nhiêu thành kiêp, nhiêu hoại kiêp và thành kiếp. Vi ấy nhớ: "Tại chỗ kia ta có tên như the này, dòng họ như the nàỵ, giai cấp như thế này, ăn uông như thê này, thọ khô lạc như thê này, tuôi thọ đên mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế c này. 7J D dòng J ?r9 Dgiai cấp như £,thế này. Gr họ• như ?c thế này D.r như J y ăn uống thê này, thọ khô lạc như thê này, tuôi thọ đên mức như thê này. Sau khi chét tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở dây.” Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh

Sa-môn trước. 246. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chác, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm? hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vi ây với Thiên nhãn thuần tịnh26 siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vi ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp dẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: "Này các Hiền giả, những chúng sanh này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các

24 Dựa theo thuyết của người Ấn Độ về sự thành diệt của vũ trụ theo chu kỳ, mỗi chu kỳ ửải qua vô lượng kiếp. 25 Ba ngôi làng này tượng trưng cho ba cõi của chúng sanh: Dục giới, sắc giới và vô sắc giới (kāmā, rūpā và arūpā). 26 Dibbacakkhu.

bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiên, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thu, cõi trời, cõi đời này." Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xâu; người may măn, kẻ bát hạnh đêu do hạnh nghiệp của chúng. 247. Này Đại vương, ví như một tòa lầu có thượng đài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngôi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ây nghĩ: "Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tu, trên đài thượng. Cũng vậy5 này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuân tinh, trong sáng, không câu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn lâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vi ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ5 kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: "Này các Hiền giả, những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, lời và ý5 phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiên, tạo các nghiệp theo tà kiên; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, lời và ý? không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này." Như vậy, với Thiên nhãn thuần tinh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh, vi ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước. 248. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không câu nhiêm, không phiên não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, yững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị

ấy biết như thật: uĐây là kh6", biết như thật: ÍCĐây là nguyên nhân của kh6", biết như thật: "Đây là khổ diet", biết như thật: “Dây l con đường đưa đen kho diet", biết như thật: "'Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Dây là nguyên nhân của lậu hoác", biết như thật: "Bây là sự diệt trừ các lậu hoāc9\ biết như thật: "Dây là con đường đưa đen sự diệt trừ các lậu hoac?9 Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu (kāmāsavā^ thoát khỏi hữu lậu (bhavāsavā), thoát khỏi vô minh lậu (avijjāsavā).

58 KINH TRƯỜNG Bô

Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khỏi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát.,, Vị ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc can làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa" 249. Này Đại vương, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn dá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ây nghĩ: 'pây là hô nước thuần tịnh, trong sáng, không câu nhiêm. Đây là những con hến5 con sò, những hòn dá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một ch6." Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tinh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não5 nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dan tâm, hướng tâm đen Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Dây là kh6", biết như thật: "Đây là nguyên nhân ciỉa kh8”, biết như thật: "Bây là khổ diet", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diet", biết như thật: "Đây là những lậu ho^c", biết như thật: uĐây là nguyên nhân của lậu hoặc5\ biết như thật: “Bây là sự diệt trừ các lậu hoặc^9 biết như thật: uĐây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoăc.,, Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đoi với tự thân đã giải thoát, vi ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa. ”27 Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn5 còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước. Này Đại vương, không có một quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn nào vi diệu và thù thắng hơn quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn này. 250. Được nghe nói vậy? Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, bạch Thế Tôn: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bi che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tôi đê những ai có măt có thê thây sác. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng. Bạch Thế Tôn, con đã phạm một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, con đã hại mạng phụ vương con, một vi vua chơn chánh, đức độ, để đoạt vương quyền. Mong Thế Tôn nhận cho con tội ấy là một tội để con ngăn chặn về tương lai." 251. Đại vương, thật là một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, Đại vương đã hại mạng phụ vương, một vị vua chơn chánh, đức độ, để đoạt vương quyền. Vì Đại vương đã thấy tội ấy là một tội, đã thú tội đúng với Chánh pháp, Ta nhận tội ấy cho Đại vương. Đó là một sự tiến bộ, này Đại vương, trong

27 Xem MA. 279; A. L 9.

2. KINH SA-MÔN QUẢ > 59

Luật của bậc Thánh,28 khi những ai thấy tội là tội, thú tội đúng với Chánh pháp và ngăn chặn ở tương lai. 252. Được nghe nói vậy? Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha bạch The Ton: Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải cáo từ, chúng con có nhiều bổn phận, nhiều việc phải làm. Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là phải thời. Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, hoan hỷ tán thán lời dạy của The Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hương vê The Ton va từ biệt. 253. Lúc bấy giờ, khi Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đi chưa bao lâu, Thế Tôn liền bảo các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo? tâm vua ây rát ăn năn. Này các Tỷ-kheo5 tâm vua ây rát hối lỗi. Nếu vua ấy không hại mạng vua cha, một vi vua rất chơn chánh, đức độ, thì ngay tại chỗ ngồi này, vua ấy đã chứng được Pháp nhãn không trần cấu, không o uê. Thế Tôn thuyết pháp như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

28 Ariyãnam: Bậc cao thượng, cao quý, vượt khỏi hạng phàm phu; chỉ cho chư Phật và những vị đã chứng quả A-la-hán.

3. KINH AMBATTHA (A-MA-TRÚ) (Ambatfha Sutto)1

Tụng phẩm I 254. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang du hành tại nước Kosala (Câu-tát-la) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vvà đến tại một làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Icchānañkala. Tại dây, Thế Tôn ở tại Icchānañkala, trong khu rừng tên là Icchānañkala. 255. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasāti ở tại Ukkatthā, một chỗ dân cư đông đúc. cây cỏ. ao nước, ngũ cốc phong phú, vốn là đất đai của vua, được Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của nước Kosala cap cho đe hưởng một phần lợi tức. Bà-la-môn Pokkharasāti2 nghe đồn Sa-mon Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sākya (Thich-ca), nay đang du hành tại nước Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đên Icchānañkala, ở tại Icchānañkala, trong khu rừng tên là Icchānañkala. Những tiêng đồn tốt đẹp sau đây được truyen đi về Sa-mon Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thể Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài đã tự chứng ngộ thê giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa- môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, sau đó tuyên thuyết cho mọi loài được biết. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Nêu được yết kiến một vị A-la- hán như vậy thì rất quy.” 256. Lúc bấy giờ, thanh niên Ambattha (A-ma-trú) là đệ tử của Bà-la-môn Pokkharasāti, một vị đọc tụng Thánh điển, chấp trì chú thuật; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài vê Thuận the luận (lự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Vị này độc đáo về ba minh và được công nhận như vậy khiến các thân giáo sư phải nói: "Biều gì ta biết, ngươi cũng biết; điều gì ngươi biết, ta cũng biềk”

1 Xem D. L 47,111,127,150,159,161,178, 204, 211,224,235; M. L 237, 339, 353,400; II. 29,157,164, 175,214, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; III. l, 29, 157; s. I. 331; II. 284; IV. 103, 110, 177;^.!. 113; II. 16, 39, 153, 205; 111/93, Í61, 223; v. 201, 347; Vin. L 199. Kinh tương đương trong bộ Trương A-ham kinh\ū A-ma-trủ kinh (roi. 0001.20. 0082a06); Phật khai giải Phạm chỉ A-bạt kỉnh (roi. 0020. 0259c04). 2 Tên đầy đủ là Pokkharasādi Opamañño Subhagavaniko. Xem M. II. 200.

257. LÚC bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasāti nói với thanh niên Ambattha: “Này Ambattha thân yêu, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay đang du hành tại nước Kosala cùng với đại chủng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến Icchānañkala, trú tại rừng Icchānañkala. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: 'Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn. Ngài đã chứng ngộ thể giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn5 chư thiên và loài người, tự chứng ngộ roi hiển thị cho mọi loài được biết. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý? Này Ambattha thân yêu, hãy đi đen gặp Sa-môn Gotama và tìm hiểu lời đồn về Tôn giả Gotama là như vậy hay không phải như vậy. Nhờ vậy, chúng ta sẽ được biết về Tôn giả Gotama.” 258. Làm thế nào con được biết về Tôn giả Gotama, được biết lời đồn về Tôn giả Gotama như vậy là đúng hay không, có phải Tôn giả Gotama là như vậy hay không phải như vậy? Ambattha thân yêu, theo truyên thông của chúng ta vê ba mươi hai tướng của vị Đại nhân, những ai có ba mươi hai tướng ấy sẽ chọn một trong hai con đường, không có đường nào khác. Nếu là tại gia, sẽ thành vi Chuyển Luân Thánh Vương chinh phục mọi quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu này là xe báu, voi báu, ngựa báu, ma-ni báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Và vị này có hơn một ngàn con trai là những vị anh hùng, oai phong lâm liệt, chiên thăng ngoại quân. Vị này sông, thông lãnh quả đát cùng tận cho đến đại dương và tri vì với Chánh pháp, không dùng gậy, không dùng dao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác, quét sạch mê lâm ở đời. Này Ambattha thân yêu, ta đã cho con chú thuật, con đã nhận những chú thuật ấy. 259. Thưa vâng. Thanh niên Ambattha vâng theo lời của Bà-la-môn Pokkharasāti, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Bà-la-môn Pokkharasāti, hướng thân về phía hữu, cưỡi xe ngựa cái và cùng một so đông thanh niên khác đi đen khu rừng Icchānañkala. Đi xe đến chỗ không còn đi được xe, Ambattha liền xuống xe đi bộ và đến tại tinh xá. Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành ngoài trời. Thanh niên Ambattha liên đên các Tỷ-kheo ây và hỏi: —Các Hiền giả, nay Tôn giả Gotama ở tại chỗ nào? Chúng tôi đến đây để yết kiến Tôn giả Gotama. 260. Các Tỷ-kheo liền nghĩ: “Thanh niên Ambattha này thuộc một gia đình có danh tiếng, là đệ tử của Bà-la-môn Pokkharasāti, một vị cũng có danh tiếng.

Một cuộc đối thoại như vậy giữa Thế Tôn và con một quý tộc như kia, không có khó khăn gi." Những Tỷ-kheo ấy nói với thanh niên Ambattha: -Này Ambattha, tinh xá đóng cửa kia là chỗ ở của Ngài, hãy đến đó một cách yên lặng, không vượt qua hành lang, đằng hắng và gõ vào thanh cửa, Thế Tôn sẽ mở cửa cho ông. k k 261. Thanh niên Ambattha liên đi đên tinh xá đóng cửa áy một cách yên lặng, không vượt quá hành lang, đằng hang và gõ vào thanh cửa. Thế Tôn mở cửa và thanh niên Ambattha bước vào. Các thanh niên khác cũng bước theo, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với The Tôn và ngồi xuống một bên; còn thanh niên Ambattha thời đi qua đi lại, thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Thế Tôn đang ngồi; hay đứng lại, thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Thế Tôn đang ngồi. 262. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với thanh niên Ambattha: Có phải đối với các bậc Bà-la-môn Trưởng lão, đứng tuổi, các bậc Giáo sư và Tổ sư, ngươi cũng nói chuyện như vậy, như ngươi đã đi qua đi lại thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Ta đang ngồi, hay đứng lại thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Ta đang ngồi? 263. Không phải vậy, này Gotama. Phải đi mà nói chuyện với một vị Bà- la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang đi. Phải đứng mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang đứng. Phải ngồi mà nói chuyện với một vi Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang ngồi. Phải nằm mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang nằm. Chỉ với những vị Sa-môn trọc đâu, hèn hạ, đen đủi, sanh từ nơi chân của bà con ta3 thì ta mới nói chuyện như vậy, như với ngươi, Gotama. Này Ambattha, hình như ngươi đến đây với một ý định gì? Ngươi hãy khéo tác ý đến mục đích đã đưa ngươi đến đây. Thanh niên Ambattha này thật vô giáo dục, dầu nó tự cho là có giáo dục. Như vậy là vô giáo dục, có gì khác nữa! 264. Thanh niên Ambattha bị Thế Tôn gọi là vo giáo dục như vậy, liền phẫn nộ? tức tối, muốn nhục mạ Thế Ton, phỉ báng Thế Tôn, công kích Thế Tôn, và nghĩ: "Sa-m6n Gotama có ác ý đối với ta", liền nói với Thế Tôn: Này Gotama, thô bạo là dòng họ Thích-ca; này Gotama, ác độc là dòng họ Thích-ca; này Gotama, khinh suất là dòng họ Thích-ca; này Gotama, hung dữ là dòng họ Thích-ca. Là đê tiện, thuộc thành phần đê tiện, dòng họ Thích-ca không kính nhường Bà-la-môn5 không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn. Này Gotama, như vậy thật không phải lẽ, thật không đúng cách khi dòng họ Thích-ca này, những hạng đê tiện,

3 Bandhupādāpaccā. Ngài Buddhaghosạ cho rằng, vì học thuyết của Bà-la-môn quan niệm giai cấp Suddā sinh nơi gót chân Phạm thiên nên co thể ở đây dung ý nghĩa này. Mặc dù đức Phật và phần lớn chư Tăng sinh trong giai cấp cao, cũng có những vi Tăng xuat thân từ giai cấp thấp đều được gia nhập Tăng đoàn, và Ambattha đã đưa ra những định kiên về giai cấp khi Ambattha gọi những Sa-môn là "những người đen dỉti". Xem D. I. 103; MA. 334; s. IV. 117.

thuộc thành phần đê tiện lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn. Như vậy, thanh niên Ambattha lần đầu tiên đã buộc tội dòng họ Thích-ca là

đê tiện. 265. Này Ambattha, dòng họ Thích-ca đã làm gì phật lòng ngươi? -Này Gotama, một thời ta đi đến Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) có việc phải làm cho thầy ta là Bà-la-môn Pokkharasāti, và đến tại hội trường công4 của dòng họ Thích-ca. Lúc bấy ẹiờ, một số đông dòng họ Thích-ca và thanh niên Thích-ca đang ngồi trên ghê cao tại hội trường. Chúng cười với nhau, dùng ngón tay thọc cù nôn với nhau, ta nghĩ chác chăn ta là mục tiêu cho chúng đùa giỡn với nhau, lại không ai mời ta ngôi. Này Gotama, như vậy thật không phải lẽ, thật không đúng cách khi chúng Thích-ca này là những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện lại không kính nhường Bà-la-môn? không cung kính Bà-la- môn9 không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn. Như vậy thanh niên Ambattha lần thứ hai đã buộc tội dòng họ Thích-ca là đê tiện. 266. — Này Ambattha, cũng như con chim cáy, con chim cáy con có thể tự hát thỏa thích trong tổ của nó. Này Ambattha, Kapilavatthu thuộc dòng họ Thích-ca. Thật không xứng để cho Ambattha phải phật lòng vì một vấn đề nhỏ mọn này. -Này Gotama, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà-la. Này Gotama, trong bốn giai cấp này, ba giai cấp Sát-đế-ly, Phệ-xá và Thủ-đà- la là để hầu hạ hạng Bà-la-môn. Này Gotama, như vậy thật không phải lẽ, thật không đúng cách khi chúng Thích-ca này là những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn5 không lễ bái Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn. Như vậy, thanh niên Ambattha lần thứ ba đã buộc tội dòng họ Thích-ca là đê tiện. 267. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nghĩ: "Thanh niên Ambattha này đã phỉ báng dòng họ Thích-ca đê tiện một cách quá đáng. Nay Ta phải hỏi dòng họ của Ĩ16." Rồi Thế Tôn hỏi thanh niên Ambattha: —Dòng họ ngươi là gì? -Này Gotama, dòng họ ta là Kanhāyana. -Này Ambattha, nêu theo phụ mâu hệ của ngươi vê quá khứ, thời dòng họ

4 Santhãgãra. Đây là gian phòng lớn làm nơi hội họp của một gia tộc và các gia chủ ở phía Bắc Kosala. Nó không co nghĩa la ngoi nha nghỉ của vua chúa như ở Rājagaha được nhắc trong D. L 1-2. Cũng vậy, dòng tộc Sãkya có gian nhà để hội họp tại Kapilavatthu (M. L 353-54; J. IV. 147), dòng tộc Sãkya ở Kātumāya cũng có một nhà lớn (M. L 457). Dòng tộc Mallā ở Kusinārā (M. L 228), dòng tộc Licchavī ở Vesālī (Vin. L 233) đêu có nhà hội họp cộng đông còn gọi là Santhãgãra.

3.KINHAMBATTHA 65

Thích-ca là thầy của dòng họ ngươi, và dòng họ ngươi, là con của một nữ tỳ của dòng họ Thích-ca. Này thanh niên Ambattha, Tổ tiên của Thích-ca là Vua Okkâka. Thuở xua, này Ambattha, Vua Okkāka muốn trao vương vị cho hoàng tử con bà hoàng hậu chính mà vua thương yêu, bèn đuôi ra khỏi nước những người con đầu của mình là Okkãmukha, Karakandu, Hatthinika, Sĩnipura. Bị tẩn xuất khỏi nước. những hoàng tử này đến sống tại một khu rừng lớn các cây sôi (têch) bên một hô nước, trên sườn Hy-mã-lạp sơn. Vì sợ huyêt thông của mình bi lẫn lộn với huyết thống khác, các vị hoàng tử này ăn năm với những người chị của mình. Này Ambattha, một hôm5 Vua Okkâka nói với những vị đại thần tùy tùng: "Này các khanh, các hoàng tử hiện nay ở(fâu?" "Tâu Đại vương, có một khu rừng lớn các cây sôi bên một hô nước trên sườn

Hy-mã-lạp sơn, nay các hoàng tử ở tại chỗ ấy. Các hoàng tử vì sợ huyết thống của mình lẫn lộn huyết thống khác nên ăn nằm với những người chị của minh.” Này Ambattha, Vua Okkāka liền cảm hứng thốt lời tụng hân hoan: "Các hoàng tử thật là những Sãkya (cứng như lõi cây sồi), các hoàng tử thật là những Sâkya xuất chiỉng." NayAmbattha, từ đó trở di, các hoàng tử được gọi là Sâkya và Vua Okkãka là Vua tổ của dòng họ Thích-ca. Này Ambattha, vua ấy có một nữ tỳ tên là Disā. Nữ tỳ này sinh hạ một người con tên là Kanha. Vừa mới sinh, Kanha liền nói: "Này mẹ, hãy rửa cho con; này mẹ, hãy tăm cho con; này mẹ, hãy gội sạch đô bát tịnh nàỵ. Và con sẽ giúp ích cho m§." Này Ambattha, cũng như hiện nay người ta thấy ác quỷ thì gọi là "ác quy”thời ấy họ gọi ác quỷ là "kanha (đen đủi, xấu ácy\ Chúng nói như thế này: "Đứa trẻ này, vừa mới được sanh đã nói, một kanha vừa mới được sanh, một ác quỷ vừa mới được sanh." Này Ambattha, từ đó trở di, chữ Kanhāyana được biêt đến. Và Kanha là Tổ phụ của dòng họ Kanhāyana. Này Ambattha, nếu theo phụ mẫu hệ của ngươi ve quá khứ, thời dòng họ Thích-ca là thầy của dòng họ ngươi, và ngươi là con cháu một nữ tỳ của dòng họ Thích-ca. 268. Khi Thế Tôn nói vậy, những thanh niên nói với Thế Tôn: Này Gotama, chớ có phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con cháu một nữ tỳ. Này Gotama, thanh niên Ambattha sinh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà híing biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thê biện luận với Tôn giả Gotama vê vân đê này. 269. Thế Tôn liền nói với những thanh niên ấy: —Nếu những thanh niên các ngươi nghĩ: "Thanh niên Ambattha không được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha không thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha không phải là bậc đa văn, thanh niên Ambattha không phải là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha không phải là nhà bác học, thanh niên Ambattha không the biện luận với Tôn giả Gotama ve van đe này”, thời thanh niên Ambattha hãy đứng ra một bên và để các thanh niên biện luận với Ta về

Vấn đề này. Nếu các ngươi nghĩ: “Thanh niên Ambattha được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này", thời các nẹươi hãy đứng ra một bên và để thanh niên Ambattha biện luận với Ta về van đe này. -Này Gotama, thanh niên Ambattha được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh nienAmbattha có thê biện luận với Tôn giả Gotama vê vân đê này. Chúng toi sẽ đứng im lặng, thanh nienAmbattha sẽ cùng với Tôn giả Gotama biện luận ve vấn đe này. 270. Thế Tôn liền nói với thanh niên Ambattha: -Này Ambattha, câu hỏi hợp lý này được đem ra hỏi ngươi, dầu không muốn, ngươi cũng phải trả lời. Nếu ngươi không trả lời, hoặc trả lời tránh qua một vấn đề khác, hoặc giữ im lặng, hoặc bỏ đi, thời ngay tại chỗ, đầu ngươi sẽ bi bể ra làm bảy mảnh. Này Ambattha, ngươi nghĩ thê nào, ngươi có nghe các Bà-la-môn Trưởng lão, Tôn túc, Giáo sư và Tổ sư nói đến nguồn gốc của dòng họ Kanhāyana không? Ai là Tổ

phụ của dòng họ Kanhāyana? Nghe nói vậy, thanh niên Ambattha giữ im lặng. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với thanh niên Ambattha: Này Ambattha, nhà ngươi nghĩ thê nào, ngươi có nghe... nguồn góc của dòng họ Kanhāyana không? Ai là Tổ phụ của dòng họ Kanhāyana? Lần thứ hai, thanh niên Ambattha giữ im lặng. Thế Tôn lại nói với thanh niên Ambattha: -Ambattha, nay ngươi phải trả lời, nay không phải thời ngươi giữ im lặng nữa. Này Ambattha, ai được Như Lai hỏi đen lan thứ ba một câu hỏi hợp lý mà không trả lời, thời đầu của người ấy sẽ bị bể ra làm bảy mảnh tại chỗ. 271. Lúc bấy giờ. thần da-xoa Vajirapāni đang cầm một chùy sắt to lớn, cháy đỏ, sáng chói đứng trên đau của thanh niên Ambattha với ý định: "Nếu The Tôn hỏi đến lần thứ ba một câu hỏi hợp lý mà thanh niên Ambattha không trả lời, thời ta sẽ đánh bể đầu nó ra làm bảy manh?9 Chỉ có Thế Tôn và thanh niên Ambattha mới thây thân dạ-xoa Vajirapāni. 272. Thanh niên Ambattha thấy vị thần ấy liền sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược, chỉ tìm sự che chở nơi Thế Tôn, chỉ tìm sự ẩn náu nơi Thế Tôn, chỉ tìm sự nương tựa nơi Thế Tôn, liền cúi rạp mình xuống và bạch Thế Tôn: Tôn giả Gotama đã nói gì? Mong Tôn giả Gotama nói lại cho. Ambattha, ngươi nghĩ thế nào, nguôi có nghe các vị Bà-la-môn Trưởng lão, Tôn túc, Giáo sư và Tô sư nói đên nguồn gốc của dòng họ Kanhāyana không? Ai là To phụ của dòng họ Kanhāyana?

-Tôn giả Gotama, con đã có nghe, đúng như Tôn giả Gotama đã nói. Chính từ đó là nguồn gốc của dòng họ Kanhāyana, vị ấy là Tổ phụ của dòng họ Kanhāyana. 273. Khi nghe nói vậy, các thanh niên liền la hét lớn: Người ta nói thanh niên Ambattha là tiện sanh, người ta nói thanh niên Ambattha là con dòng họ không quý phái, người ta nói thanh niên Ambattha là con cháu một nữ tỳ của dòng họ Thích-ca, người ta nói dòng họ Thích-ca là chủ của thanh niên Ambattha. N^ười ta nói Sa-môn Gotama chỉ nói lời đúng pháp, chúng tôi đã không nghĩ là can phải phản đối. 274. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nghĩ rằng: "Các thanh niên đã phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con cháu một nữ tỳ rồi? nay Ta hãy giải tỏa cho Ambattha.^, Rồi Thế Tôn nói với các thanh niên: —Các thanh niên, các ngươi chớ có phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con cháu một nữ tỳ. Kanha ấy trở thành một tu sĩ vĩ đại. Vị này đi về miền Nam, học các chú thuật Phạm thiên rồi về yết kiến Vua Okkâka và yêu cầu gả Công chúa Khuddarūpī5 cho mình. Vua Okkāka vừa giận, vừa tức, mắng rằng: "Nguôi là ai, con đứa nữ tỳ của ta mà dám xin cưới con gái Khuddarūpī của ta”và vua liên lap tên vào cung, nhưng vua không thê băn tên di, cũng không thê cát mũi tên xuông. Lúc bấy giờ, các thanh niên thi giả, các đại thần và tùy tùng đến thưa với ẩn sĩ Kanha: "Dại đức, hãy để cho vua an toàn! Đại đức, hãy để cho vua được an toàn!" “Nhà vua sẽ được an toàn, và nêu nhà vua băn mũi tên xuông dát, thời toàn thể quốc độ nhà vua sẽ bị hạn, khô hEo.” "Bại dức, hãy để cho vua được an toàn! Hãy để cho quốc độ được an toàn!” "Nhà vua sẽ được an toàn, quôc độ sẽ được an toàn. Nhưng nêu nhà vua băn tên lên trời, thời toàn thể quốc độ sẽ không mưa trong bảy năm.,^ "Bại đức, hãy để cho nhà vua được an toàn! Hãy để cho quốc độ được an toàn! Và hãy để cho trời mưa!59 "Nhà vua sẽ được an toàn, quốc độ sẽ được an toàn và trời sẽ mưa. Nhưng vua hãy nhắm cây cung đến phía thái tử, một sợi lông của thái tử cũng sẽ được an toàn." Lúc bấy giờ, các thi giả trẻ

tuổi, các đại thần nói với Vua Okkâka: “Vua Okkâka hãy nhắm cây cung đến phía thái tử, một sợi lông của thái tử sẽ được an toAn!" Vua Okkâka nhắm cây cung đến phía thái tử và một sợi lông của thái tử cũng được an toàn. Vua Okkâka hoảng sợ? khiếp đảm sự trừng phạt, thuận cho gả con gái Khuddarūpī. Này các thanh niên, chớ có phỉ báng thanh niên

5 Cũng còn gọi là Maddarūpī.

Ambattha một cách quá đáng là con cháu của một nữ ty, vì Kanha là một vị ẩn sĩ VI đại. 275. Lúc bấy giờ, Như Lai nói với thanh niên Ambattha: Ambattha, nhà ngươi nghĩ thế nào, một thanh niên Sát-đế-lỵ cưới một thiếu nữ Bà-la-môn, do sự sum họp ấy, một người con trai được sinh ra, một người sanh từ một thanh niên Sát-đế-lỵ và một thiếu nữ Bà-la-môn có thể thọ lãnh chỗ ngồi hay nước giữa những người Bà-la-môn không? -Tôn giả Gotama, có thể thọ lãnh. -Và những người Bà-la-môn có mời người ây dự tiệc cúng cho người chét, hay dùng món ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thần, hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không? Tôn giả Gotama, có mời.

-Và những người Bà-la-môn có dạy các chú thuật hay không? -Tôn giả Gotama, có dạy. Có đóng cửa giữa người ây với những người đàn bà của chúng hay mở cửa?

-Tôn giả Gotama, mở cửa. -Và những người Sát-đê-lỵ có quán đảnh cho người ây đê thành một Sát-đế-lỵ không? Tôn giả Gotama, thưa không. -Tại sao không? - Vì nó không được sinh [là Sát-đế-lỵ] từ mẫu hệ. 276. - Ambattha, nhà ngươi nghĩ thế nào, ở đây, một thanh niên Bà-la-môn cưới một thiếu nữ Sát-đế-lỵ, do sự sum họp này, một người con trai được sanh ra, một người sanh từ một thanh niên Bà-la-môn và một thiểu nữ Sát-đế-lỵ có thể thọ lãnh chỗ ngồi hay nước giữa những Bà-la-môn hay không? -Tôn giả Gotama, có thể thọ lãnh. -Và những người Bà-la-môn có mời người ây dự tiệc cúnệ cho người chét, hay dùng các món ăn cúng dường, hay đô ăn cúng cho thiên thân, hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không? -Tôn giả Gotama, có mời. -Và những người Bà-la-môn có dạy người ây các chú thuật không? -Tôn giả Gotama, có dạy. Có đóng cửa giữa người ây với những người đàn bà của chúng hay mở cửa?

-Tôn giả Gotama, mở cửa.

-Và những người Sát-đế-lỵ có làm lễ quán đảnh cho người ấy để thành một Sát-đế-lỵ không?

-Tôn giả Gotama, thưa không.

-Tại sao vậy?

-Tôn giả Gotama, vì không được sinh [là Sát-đế-lỵ] từ phụ hệ. Này Ambattha, nếu so sánh đàn bà với đàn bà, đàn ông với đàn ông thì giai cấp Sát-đế-lỵ là ưu, Bà-la-môn là liệt. Này Ambattha, nhà ngươi nệhĩ thế nào, ở đây, giả sử do một nguyên nhân gì những người Bà-la-môn cạo đau một người Bà-la-môn5 đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố, người ấy có được thọ lãnh chỗ ngồi và

nước giữa những người Bà-la-môn không? -Tôn giả, không được. • . • r • r -Và những người Bà-la-môn có mời người ây dự tiệc Cling cho người chét, dùng các món ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thân, hay đồ ăn gửi như một tặng phàm không? -Tôn giả Gotama, không có mời. -Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không? -Tôn giả Gotama, không dạy. —Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng hay mở cửa? -Tôn giả Gotama, đóng cửa. Ambattha, nhà nẹươi nghĩ thế nào, ở đây, giả sử do một nguyên nhân gi, những nguồi Sát-đê-lỵ cạo đâu một người Sát đế lỵ, đánh người ấy với một bị tro, tân xuất người ây ra khỏi nước hay thành phố, người ấy có được thọ lãnh chỗ ngồi và nước uống giữa những người Bà-la-môn không? -Tôn giả Gotama, được thọ lãnh. -Và những người Bà-la-môn có mời người ây dự tiệc cúng cho người chét, hay dùng những món ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thần, hay đồ ăn gửi đến như những tặng phẩm không? —Tôn giả Gotama, có mời. -Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không? -Tôn giả Gotama, có dạy. -Có đóng cửa giữa người ây với những người đàn bà của chúng hay mở cửa? -Tôn giả Gotama, mở cửa. 277. Này Ambattha, đên như vậy là sự đọa lạc tột cùng của người Sát- đế-lỵ? đã bị những người Sát-đế-lỵ cạo đầu, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố. Như vậy, này Ambattha, khi người Sát-đế-lỵ bị đọa lạc tột cùng, các Sát-đê-lỵ vẫn giữ phần ưu thắng và các Bà-la- môn vẫn ở địa vi hạ liệt. Này Ambattha, bài kệ này do Phạm thiên Sanañkumāra thuyết:6 Đối với chúng sanh tin tưởng ở giai cấp, Sát-đế-lỵ chiếm địa vi tối thắng ở nhân gian.

6 Đây là một bài kệ rất ý nghĩa. Xem D. III. 98; M. L 358; s. L F53; II. 284.

Những vị nào giới hạnh và trí tuệ đầy đủ, Vị này chiếm địa vi tối thắng giữa người và chư thiên. Này Ambattha, Ta chấp thuận bài kệ do Phạm thiên Sanañkumāra tụng đúng, không tụng sai; thuyết đúng, không thuyết sai; hữu ích, không vô ích. Thật vậy, này Ambattha, Ta cũng nói rằng: Đôi với chúng sanh tin tưởng ở giai cáp, Sát-đê-lỵ chiêm địa vị tôi thăng ở nhân gian. Những vị nào giới hạnh và trí tuệ đày đủ? Vị này chiêm địa vi tôi thăng giữa người và chư thiên. Tụng phẩm II 278. Tôn giả Gotama, nghĩa chữ giới hạnh trong bài kệ ấy là gì? Nghĩa chữ trí tuệ trong bài kệ ấy là gì? Này Ambattha, một vi đã thành tựu Vô thượng trí đức không có luận nghị đên sự thọ sanh, không có luận nghị đên giai cáp hay không có luận nghị đên ngã mạn với lời nói: "Nguôi bằng ta hay ngươi không bằng ta." Này Ambattha, chỗ nào nói đến cưới hỏi, đưa rước dâu, hay cả hai, chỗ đó mới có luận nghị đến sự thọ sanh, luận nghị đến giai cấp hay luận nghị đến ngã mạn với lời nói: "Ngươi bằng ta hay không bằng ta.” Này Ambattha, những ai còn châp trước lý thuyêt thọ sanh, còn châp trước lý thuyết giai cấp, còn chấp trước lý thuyết kiêu mạn, hoặc còn chấp trước cưới hỏi, đưa rước dâu, những người ấy còn rất xa sự thành tựu Vô thượng trí đức. Này Ambattha, không chấp trước lý thuyết thọ sanh, không chấp trước lý thuyết giai cấp, không chấp trước lý thuyết kiêu mạn, không chấp trước cưới hỏi, đưa rước dâu, người ấy tức chứng ngộ Vô thượng trí đức. 279. - Tôn giả Gotama, thế nào là giới hạnh trong bài kệ ấy? Thế nào là trí tuệ trong bài kệ ấy? ở đây, nayAmbattha, Như Lai xuất hiện là bậc A-la-hán,

Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài sau khi tự chứng ngộ vơi thượng trí thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn? thiên, nhơn, lại tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Người gia trưởng, hay con vi gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ... (xem Kinh Sa-môn quả, đoạn 190-249, tới câu: "Không có đời sống nào khác nữa^, chỉ khác danh từ xưng hô và câu kết từng đoạn. Như này, câu kết là: "Nhu vậy, này Ambattha, là vị Tỷ- kheo thành tựu giới h@nh.")

3.KINHAMBATTHA 71

Này Ambattha, như vậy gọi là Tỷ-kheo thành tựu trí tuệ, thành tựu giới hạnh, thành tựu giới hạnh và trí tuệ. Này Ambattha, không có sự thành tựu trí đức nào khác siêu việt hơn, cao thượng hơn sự thành tựu trí đức này. 280. Này Ambattha, có bôn nguyên nhân đưa đên that bại cho sự thành tựu Vô thượng trí đức này. Thế nào là bốn? Này Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu Vô thượng trí đức này5 lại mang dụng cụ của nhà đạo si, đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta chỉ ăn trái cây rụng mà s6ng.” Nhất định người này chỉ xứng đáng là thi giả của vị đã thành tựu trí đức. Này Ambattha, đó là nguyên nhân thứ nhất đưa đến thất bại cho sự thành tựu Vô thượng trí đức này. Lại nữa, này Ambattha, ở đây có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu Vô thượng trí đức này, và chưa thâu đạt pháp ăn trái cây rụng để sống, lại mang theo cuôc và giỏ đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta chỉ ăn củ? rê và trái cây để s6ng.” Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vi đã thành tựu trí đức. Này Ambattha9 đó là nguyên nhân thứ hai đưa đến thất bại cho sự thành tựu Vô thượng trí đức này. Lại nữa, này Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thâu đạt sự thành tựu Vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây để sống và chưa thấu đạt pháp ăn củ? rễ và trái cây để sống, lại nhen lửa tại cuối làng hay sống thờ lửa. Nhát định người này chỉ xứng đáng là thị gi của vị đã thành tựu trí đức. Này Ambattha, đó là nguyên nhân thứ ba đưa đên thát bại cho sự thành tựu Vô thượng trí đức này. Lại nữa, này Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu Vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt được pháp ăn trái cây rụng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, chưa thấu đạt pháp tôn thờ lửa, lại xây dựng một ngôi nhà có bốn cửa tại ngã tư đường, sống và nguyện: "Từ bốn phương nêu có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào lại thì ta sẽ cúng dường tùy theo khả năng, tùy theo sức lực của ta.” Nhát định người này chỉ xứng đáng là thị ệiầ của vi đã thành tựu trí đức. Này Ambattha, đó là nguyên nhân thứ tư đưa đen thất bại cho sự thành tựu Vô thượng trí đức này. Này Ambattha, đó là bôn nguyên nhân đưa đên thát bại cho sự thành tựu Vô thượng trí đức này. 281. Này Ambattha, ngươi nghĩ thế nào, ngươi và thầy ngươi có được xem là đã thành tựu Vô thượng trí đức7 này không? - Bạch không, Tôn giả Gotama. Con và thầy con là gì5 Tôn giả Gotama, để có thể so sánh với sự thành tựu Vô thượng trí đức. Tôn giả Gotama, con và thầy con còn rất xa sự thành tựu Vô thượng trí

đức. Này Ambattha, ngươi nghĩ thế nào, tuy ngươi và thầy ngươi chưa thấu đạt sự thành tựu Vô thượng trí đức này, nhà ngươi có đem theo dụng cụ của

7 Sandissasi sācariyako. Xem MPS. 6, 7, 8, 9, 24, 25.

nhà đạo sĩ, đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta và thầy ta chỉ ăn trái cây rụng mà s6ng" không? —Bạch không, Tôn giả Gotama. Này Ambattha, ngươi nghĩ thế nào, tuy nguôi và thầy ngươi chưa thấu đạt sự thành tựu Vô thượng trí đức này, chưa thâu đạt pháp ăn trái cây rụng để sống, ngươi có mang theo cuốc và giỏ đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta và thầy ta chỉ ăn củ, rễ và trái cây để s6ng" không? Bạch không, Tôn giả Gotama. Này Ambattha, ngươi nghĩ thế nào, tuy ngươi và thầy ngươi chưa thấu đạt sự thành tựu Vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rụng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ? rễ và trái cây để sống, ngươi có nhen lửa tại cuối làng hay cuối xóm và sống thờ lửa với thầy ngươi không? Bạch không, Tôn giả Gotama. Này Ambattha, ngươi nghĩ thế nào, tuy ngươi và thầy ngươi chưa thấu đạt sự thành tựu Vô thượng trí đức này, chưa thâu đạt pháp ăn trái cây rụng đê sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, và chưa thấu đạt sự thờ lửa, ngươi và thầy ngươi có xây dựng một ngôi nhà có bon cửa tại ngã tư đường với lời nguyện: "Từ bốn phương, nếu có vị Sa-môn hay Bà-la-mồn nào lại thì ta sẽ cúng dường tùy theo khả năng, tùy theo sức lực của ta" không? Bạch không, Tôn giả Gotama.

282. Này Ambattha, như vậy ngươi và thầy ngươi còn khiếm khuyết sự thành tựu Vô thượng trí đức này, còn khiếm khuyết bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu Vô thượng trí đức. Này Ambattha, the mà những lời này lại do thay của ngươi, Bà-la-môn Pokkharasāti, thốt ra: "Những hạng Sa-môn giả hiệu, đau trọc, đê tiện, đen đủi, sanh từ nơi chân bà con ta, là ai mà có thể đàm luận với những Bà-la-môn tinh thong ba tập Vệ-đà.,^ Một vị tự mình chưa thành tựu được những pháp đưa đến sự thất bại [cho những pháp cao thượng hơn], này Ambattha, ngươi xem thầy của ngươi, Bà-la-môn Pokkharasāti, đã lỗi lầm như thế nào? 283. Này Ambattha, Bà-la-môn Pokkharasāti hưởng thọ sự cung cấp của Vua Pasenadi nước Kosala. Vua Pasenadi nước Kosala cũng không cho phép thầy ngươi diện kiến, nếu vua hội nghi với thầy ngươi thời chỉ nói với thầy ngươi ngang qua một tấm màn. Này Ambattha, tại sao Vua Pasenadi nước Kosala lại không cho phép thày ngươi diện kiến, người mà vua cung cấp thực phẩm thuần tinh chơn chánh? Này Ambattha, ngươi xem thầy của ngươi, Bà-la-môn Pokkharasāti, đã lỗi lầm như thế nào? 284. Này Ambattha, ngươi nghĩ thê nào, như Vua Pasenadi nước Kosala hoặc ngồi trên cổ voi, hoặc ngồi trên lưng ngựa, hoặc đứng trên tấm thảm xe cùng các vị đại thần hay vương tử luận bàn quốc sự. Nếu vua rời khỏi chỗ ấy hay đứng qua bên, một người Thủ-đà hay đày tớ của một người Thủ-đà đến,

người này cũng đứng tại chô ây5 cũng luận bàn quôc sự và nói: "Vua Pasenadi nước Kosala đã nói như vậy. Vua Pasenadi nước Kosala đã nói như vay." Dầu người ấy nói

như lời nói của vua, luận bàn như lời luận bàn của vua, người ấy có thể là vua hay là vị phó vương không? -Không thể được, Tôn giả Gotama. 285. - Này Ambattha, nhà ngươi cũng vậy. Thuở xưa, những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn9 những tác ẹiả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát, đã nói lên, đã sưu tâm nhữnẹ Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giông như các vị trước đã làm. Những vị ân sĩ ấy tên là Atthaka (A-sá-ca), Vãmaka (Bà-ma), Vâmadeva (Bà-ma-đề-bà), Vessāmittā (Tỳ-bà-thẩm-sá), Yamataggi (Gia-bà-đề-già)? Añgirasa (Ương-kỳ- la), Bhāradvāja (Bạt-la-đà-thẩm-xa)5 Vāsettha (Bà-ma-sá), Kassapa (Ca-diếp), Bhagu (Bà-cửu). Dầu ngươi có thể nói: "Ta, cùng với thầy của ta, học thuộc lòng những chú thuật của các vị ấy", chỉ với điêu kiện này, ngươi có thể được xem là một vị ẩn sĩ hay đã chứng địa vi của một ẩn sĩ không? Việc này không thể có được.

286. Ambattha, ngươi nghĩ thế nào, ngươi có được nghe những vị Bà-la- môn Trưởng lão, Tôn túc, những vị Giáo sư và Tổ sư nói đến không? Thuở xua, những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả của chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vi ẩn sĩ ấy tên là Atthaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmittā, Yamataggi, Añgirasa, Bhāradvāja, Vāsettha, Kassapa, Bhagu. Những vị ấy có kheo tăm, kheo chải chuot, tóc va rau kheo sưa soạn, trang diêm vơi vong hoa và ngọc, mặc toàn đồ trắng, tận hưởng và tham đắm năm món dục lạc như ngươi và thầy của ngươi hiện nay không? Không có vậy, Tôn giả Gotama. Các vị ẩn sĩ ấy có dùng cơm nấu từ gạo trắng thượng hạng mà các hạt đen được gạn bỏ ra, dùng các món canh, các món đo ăn nhiều loại như ngươi và thầy ngươi hiện nay không? —Không có vậy, Tôn giả Gotama. Hay các vi ấy được những thiếu nữ có đường eo và thắt lưng có ren tua hầu hạ như ngươi và thầy ngươi hiện nay không? Không có vậy, Tôn giả Gotama. Hay những vi ấy đi trên những xe do những con ngựa cái có đuôi được bện và dùng những cây roi và gậy dài như ngươi và thây ngươi hiện nay không? Không có vậy, Tôn giả Gotama. - Hay những vị ấy sống được che chở trong những thành lũy có những chiến hào bao bọc, có những cửa thành hạ xuống, có những chiến sĩ mang gươm dài hộ vệ như ngươi và thầy ngươi hiện nay không?

Không có vậy, Tôn giả Gotama. Như vậy, này Ambattha, ngươi và thầy ngươi không phải là ẩn sĩ, không sống đời sống của nhà ẩn sĩ. Này Ambattha, nếu có gì nghi ngờ, có gì phân vân ve Ta, hãy hỏi Ta va Ta sẽ tra lơi. 287. Lúc bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi tinh xá và bắt đầu đi kinh hành. Thanh niên Ambattha đi theo sau Thế Tôn đang đi kinh hành và tìm đếm ba mươi hai tướng tốt của vị Đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. 288. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nghi rằng: "Thanh niên Ambattha này thấy ở nơi Ta ệần đủ ba mươi hai tướng tót của vị Đại nhân, trừ hai tướng. Đối với hai tướng tót này của vị Đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dAi." Thế Tôn liền dùng thần thông khiến thanh niên Ambattha thấy tướng mã am tang cua The Ton. Va The Ton le lưỡi rơ đên, liêm

đên hai lô tai; rờ đên, liếm đến hai lỗ mũi và dùng lưỡi che khắp cả vầng trán. Lúc bấy giờ, thanh niên Ambattha liền nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của vi Đại nhân, không phải không đầy diỉ", và nói với Thế Tôn: -Tôn giả Gotama, nay chúng tôi xin di, chúng tôi rất bận, có nhiều việc cần phải làm. Này Ambattha, hãy làm những gì ngươi nghĩ là phải thời. Rồi thanh niên Ambattha leo lên xe do ngựa cái kéo và ra đi. 289. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasāti ra khỏi Ukkatthā với một đại chiiĩig Bà-la-môn? ngồi tại hoa viên của mình và chờ đợi thanh niên Ambattha. Khi ây, thanh niên Ambattha đi đên hoa viên, đi xe cho đên chô còn đi xe được. roi xuông xe đi bộ đên tại chô Bà-la-môn Pokkharasāti dang ngôi. Đên xong, thanh niên Ambattha đảnh lễ Bà-la-môn Pokkharasāti và ngoi xuống một bên. 290. Sau khi thanh niên Ambatthā ngôi xuông một bên, Bà-la-môn Pokkharasāti nói: Này Ambattha thân mên, ngươi đã thây Sa-môn Gotama chưa? Chúng con thấy Tôn giả Gotama rồi. -Này Ambattha thân mến, có phải Tôn giả Gotama đúng với tin đồn đã truyền đi, chớ không phải khác? Tôn giả Gotama đúng với tin đồn đã truyền di, chớ không phải khác. Tôn giả Gotama là như vậy, chớ không phải khác. Tôn giả Gotama đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của vị Đại nhân, chớ không phải thiêu. Này Ambattha thân mến, con có cùng với Tôn giả Gotama đàm luận không?

Con có đàm luận với Tôn giả Gotama.

-Này Ambattha thân mên, cuộc đàm luận ây như thê nào? Thanh niên Ambattha liền thuật cho Bà-la-môn Pokkharasāti rõ tất cả cuộc hội đàm với Tôn giả Gotama.

3.KINHAMBATTHA 75

291. Nghe nói như vậy, Bà-la-môn Pokkharasāti nói với thanh niên Ambattha: Hỡi ôi, ngươi thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta! Ngươi thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta! Ngươi thật là nhà tinh thông ba quyển Vệ-đà đốn mạt của chúng ta! Người ta nói những ai có sự cư xử như vậy5 khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục. Này Ambattha, ngươi càng công kích Tôn giả Gotama bao nhiêu, lại càng bị Tôn giả Gotama lật tẩy chúng ta bấy nhiêu. Hỡi ôi, ngươi thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta! Ngươi thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta! Ngươi thật là nhà tinh thông ba quyển Vệ-đà đốn mạt của chúng ta! Người ta nói những ai có sự cư xử như vậy, khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục. Bà-la-môn Pokkharasāti tức giận, bực bội, dùng chân đá thanh niênAmbattha bo lộn nhao roi lạp tức muôn đi đen gặp The Ton. 292. Khi ấy, những người Bà-la-môn này thưa với Bà-la-môn Pokkharasāti: "Hôm nay thì giờ đã quá trễ để đi thăm Sa-môn Gotama, ngày mai Tôn giả Pokkharasāti hãy đi thăm Sa-môn Gotama." Tuy vậy, Bà-la-môn Pokkharasāti vẫn cho làm các món ăn thượng vị5 loại cứng và loại mềm tại nhà riêng, chở trên các xe, và dưới ánh sáng của những ngọn đuốc từ Ukkatthā đi ra và đi đến khóm rưng Icchānañkala. Vị này đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến Thế Tôn; khi đi đen5 liền nói với Thế Tôn những lời hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. 293. Khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Pokkharasāti nói với Thế Tôn: -Tôn giả Gotama, đệ tử của chúng tôi, thanh niên Ambattha có đến đây không? Này Bà-la-môn? đệ tử ngươi, thanh niên Ambattha có đến đây.

-Tôn giả Gotama, Ngài có cùng với thanh niên Ambattha đàm luận không? Này Bà-la-môn5 Ta có đàm luận với thanh niên Ambattha.

-Tôn giả Gotama, cuộc đàm luận của Ngài với thanh niên Ambattha như thế nào? Cuộc đàm luận với thanh niên Ambattha như thế nào, Thế Tôn kể lại tất cả cho Bà-la-môn Pokkharasāti. Nghe nói vạy, Bà-la-môn nói với Thế Tôn: -Tôn giả Gotama, thanh niên Ambattha thật là ngu si! Tôn giả Gotama, hãy tha thứ cho thanh niên Ambattha! Này Bà-la-môn? càu cho thanh niên Ambattha được hạnh phúc.

294. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasāti tìm đếm ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân trên thân Thế Ton. Bà-la-môn thấy gần đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân trên thân Thế Tôn, trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt này của bậc Đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. 295. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng: 6tBà-la-môn Pokkharasāti thấy gần đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân ở nơi Ta, trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt này của bậc Đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa

mãn? chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dai." Thế Tôn liền dùng thần thong khiến Bà-la-môn Pokkharasāti thấy tướng mã âm tang cua The Ton. Va The Ton le lưỡi rơ đen, liêm đen hai lo tai; rơ đen, liêm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vầng trán. 296. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasāti nghĩ rằng: uSa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân, không phải không đầy đủ", liền • FTĪ1 Ẩ FT1 f\ nói vơi The Ton: Hôm nay xin mời Tôn giả Gotama cùng chúng Tỷ-kheo đến dùng cơm với con. Thế Tôn nhận lời với sự im lặng. 297. Khi Bà-la-môn Pokkharasāti được biết Thế Tôn đã nhận lời liền báo thì giờ cho Thế Tôn: -Tôn giả Gotama, cơm đã sẵn sàng. Khi ấy, Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, và cùnẸ với chúng Tỷ- kheo đi đến cư xá của Bà-la-môn Pokkharasāti; khi đi đến, liên ngồi trên chỗ soạn sẵn. Bà-la-môn Pokkharasāti tự tay làm cho Thế Tôn thỏa mãn với những món ăn thượng vi. loại cứng và loại mềm, còn các thanh niên Bà-la-môn thì tiếp đại chúng Tỷ-kheo. Lúc bay giờ, Bà-la-môn Pokkharasāti, sau khi biết The Tôn dùng cơm đã xong, đã rửa tay và bát, liền lây một ghế ngồi thấp khác và ngồi xuống một bên. 298. Thế Tôn liền thứ lớp ệiảng pháp cho Bà-la-môn Pokkharasāti đang ngồi một bên nghe, thuyết về bo thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiêm, sự hạ liệt, sự nhiêm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Pokkharasāti đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liễn thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần bạch, được gột rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm; cũng vậy, chính tại chỗ ngồi này, Pháp nhãn vô trần ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Pokkharasāti: "Phàm pháp gì sanh khởi, pháp ấy sẽ bi hoại diet." 299. Khi ấy Bà-la-môn Pokkharasāti, thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không cần y cứ nơi người khác đối với pháp của đức Bổn sư. Bà-la-môn Pokkharasāti liền bạch Phật: Thật vi diệu thay, Tôn giả

Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bi che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng toi đe những ai có mắt có the thay sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Tôn giả Gotama, con, con của con, vợ của con, tùy tùng của con, bạn hữu của con, xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỵ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy

ngưỡng. Khi nào Tôn giả Gotama đến thăm các gia đình cư sĩ khác ở Ukkatthā, mong Tôn giả Gotama cũng đến thăm các gia đình Pokkharasāti. Tại đây, các thanh nam hay thanh nữ Bà-la-môn sẽ đảnh lễ The Tôn Gotama, hoặc đứng dậy, hoặc mời chô ngôi, hoặc mời nước, hoặc khiên tam hoan hy. Như vây chung sẽ hưởng hạnh phúc, lợi ích trong một thời gian lâu dài. -Này Bà-la-môn9 lời ngươi nói thật là chí thiện.

4. KINH CHỦNG ĐỨC (Sonadanda Sutto)1

300. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn du hành trong xứ Añga (Ương-già) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vi, đến tại thành Campā2 (Chiêm-bà)5 và tại Campā, Thế Tôn ở trên bờ hồ sen Gaggarā (Già-già). Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sonadanda (Chủng Đức) trú tại Campā, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ? ao nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do Vua Bimbisâra (Tần-bà-sa-la), vua có quân lực hùng mạnh của nước Magadha (Ma-kiệt-đà) cáp,3 một ân tứ của vua, một tịnh thí địa. 301. Các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā được nghe tiếng đồn như sau: "Sa-m6n Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành trong nước Añga với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vi đã đến tại thành Campā, và tại Campā, Sa-môn Gotama ở trên bờ hô sen Gaggarā. Tiêng đôn tót đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: 'Đây là đức Thế Tôn, bậc A-la- hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đây đủ trong sạch. Tót đẹp thay sự kính ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!,^, Rồi các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā, từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Campā và đến tại hồ sen Gaggarā. 302. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sonadanda đi lên trên lầu để nghỉ trưa, Bà- la-môn Sonadanda thấy các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā, từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Campā và đến tại hồ sen Gaggarā. Thấy vậy, Bà-la-môn Sonadanda bèn gọi người gác cửa: Này người gác cửa, vì sao các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā, từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Campā và đến tại hồ sen Gaggarā như vậy?

1 XemD 1.47, 87,127,150,159,161,178,204,211,224,235; M. II. 29,157,164,175,214,220,256,271, 339,252,400, 513; IIL29;s. IV. 103,110,177;^. L 113; II. lé)% 153,205;III. 93,161; v. 201,347.Kinh tương đương trong bộ Trường A-hàm kỉnh là

Chủng Đức kỉnh (TOI. 0001.22. 0094al8). 2 Campā là thủ đô của Añga, nằm ở phía Đông bờ sông cùng tên ụ. IV. 454) hình thành nên biên giới phía Đông của Magadha. 3 Thời đức Phật, Añga thuộc sở hữu của Magadha.

80 KINH TRƯỜNG BÔ

Thưa Tôn giả, có Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành trong nước Añga với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vi, đến tại thành Campā, và tại Campā, Sa-môn Gotama ở trên bờ hồ sen Gaggarā. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: "Bây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế T6n." Nay những người ấy đi đen đe yết kiến Tôn giả Gotama. Này người giữ cửa, hãy đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā, khi đến noi, hãy nói với những Bà-la-môn và gia chủ: "Bà-la-môn Sonadanda có nói: 'Này các Hiền giả, hãy chờ đợi! Bà-la-môn Sonadanda sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama." -Dạ vâng. Người giữ cửa ấy vâng theo lời của Bà-la-môn Sonadanda, đi đến các Bà- la-môn và gia chủ ở Campā; khi đến xong, liền nói với các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā: Bà-la-môn Sonadanda có nói: "Này các Hiền giả, hãy chờ đợi! Bà-la-môn Sonadanậa sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama." 303. Lúc bấy giờ, có khoảng năm trăm Bà-la-môn từ nhiều địa phương khác nhau, đến ở tại Campā vì công vụ. Những Bà-la-môn nghe: 6CBà-la-môn Sonadanda sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama.” Những Bà-la-môn này đến Bà-la- môn Sonadanda; khi đên xong, liên thưa với Bà-la-môn Sonadanda: Có phải Tôn giả Sonadanda sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama? Này các Hiên giả, đó là ý định của ta. Ta sẽ đên yêt kiên Sa-môn Gotama. -Tôn giả Sonadanda, chớ có đến yết kiến Sa-môn Gotama. Thật không xứng đáng cho Tôn giả Sonadanda đến yêt kiên Sa-môn Gotama. Nếu Tôn giả Sonadanda đến yết kiến Sa-môn Gotama thì danh tiếng của Tôn giả Sonadanda bị hao tổn, danh tiếng của Sa-môn Gotama được tăng trưởng. Vì danh tiếng của Tôn giả Sonadanda bi hao tổn và danh tiếng của Sa-môn Gotama được tang trưởng; do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Sonadanda đến yet kiên Sa-môn Gotama, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đên yêt kiên Tôn giả Sonadanda. Lại nữa, Tôn giả Sonadanặa thiên sanh cả từ mẫu hệ và phụ he, huyết thống thanh tịnh, cho đến bảy đời Tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị mọt gièm pha nao ve van đê huyêt thông thọ sanh. Vì Ton gia Sonadanda thiện sanh cả từ mâu hệ và phụ hệ, huyêt thông thanh tịnh cho đen bảy đời To phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một chỉ trích nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Sonadanda đến yết kiến Sa-môn Gotama, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiên Bà-la-môn Sonadanda. Lại nữa, Tôn giả Sonadanda là nhà giàu có, đại phú, sung túc. Do điểm này... (như trên)...

4. KINH CHỦNG ĐỨC 81

Lại nữa, Tôn giả Sonadanda là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghía, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận the luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân... (như trên)... Tôn giả Sonadanda đẹp trai, khả ái. làm đẹp lòng người, với

màu da thù thăng khôi ngô tuân tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng... (như trên).. Tôn giả Sonadanda có đức hạnh, đức hạnh cao dày, đầy đủ đức hạnh cao dày... (nhưtrên)... Tôn giả Sonadanda thiện ngôn, dùriẸ lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ phễu phào, giải thích nghĩa lý minh xác... (như trên)... Tôn giả Sonadanậa là bậc Tôn sư của hàng Tôn sư nhiêu người, dạy ba trăm thanh niên Bà-la-môn tụng đọc chú thuật, thanh niên Bà-la-môn từ nhiêu phương, từ nhiều nước, tha thiết với chú thuật đến với Tôn giả Sonadanda để học thuộc lòng các chú thuật... (như trên)... Tôn giả Sonadanda niên cao, lạp lớn, bậc lão thành, đến tuổi trưởng thượng; còn Sa-môn Gotama thì tuôi trẻ, xuất gia chưa được nhiêu năm... (như trên)... Tôn giả Sonadanda được Vua Seniya Bimbisāra (Tân-bà-sa-la hùng mạnh) xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng... (nhưtrên)... Tôn giả Sonadanda được Bà-la-môn Pokkharasāti kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng... (như trên)... Tôn giả Sonadanda sống ở Campā, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân tứ của Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha. Vì Tôn giả Sonadanda sống ở Campā, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương địa do Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cấp, một ân tứ, một tịnh thí địa. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Sonadanda đến yết kiến Sa-mon Gotama, thật xứng đáng cho Sa-mon Gotama đến yết kiến Tôn giả Sonadanda. 304. Nghe nói vậy, Bà-la-môn Sonadanda nói với những Bà-la-môn ấy: Các Hiền giả, hãy nghe ta giải thích vì sao thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật không xứng đáng cho Sa-mon Gotama đến thăm chúng ta. Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-mon Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Này các Hiền giả, do Sa-mon Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tinh cho đến bảy đời Tổ phụ không bị một yết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thốĩiệ thọ sanh. Vì điểm này, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đên yet kiên chúng ta; trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-mon Gotama.

82 KINH TRƯỜNG Bô _____

Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ bỏ đại gia đình quyến thuộc. Vì diễm này...(như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy5 Sa-môn Gotama xuất gia từ bỏ rất nhiều vàng bạc, bỏ cả loại đang chôn dưới đất lẫn loại trên mặt đất... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama trong tuổi thanh niên, tóc còn đen nhánh, trong tuổi trẻ đẹp của thời niên thiếu, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama dầu song thân không đồng ỵ, khóc than, nước mat thấm ướt cả mặt, vẫn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa5 xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thăng, khôi ngô tuân tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đức hạnh, gìn giữ giới hạnh của bậc Thánh, có thiện đức, đầy đủ thiện đức... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy? Sa-môn Gotama thiện ngôn, dùng lời thiên

ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ, không phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác... (như trên)... Này các Hiên giả, thật vậy5 Sa-môn Gotama là bậc Tôn sư trong các hàng Tôn sư của nhiêu người... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã diệt trừ tham dục, đã diệt trừ được mọi xao động của tâm... (như trên)... Này các Hiên giả, thật vậy, Sa-môn Gotama chủ trương vê nghiệp, chủ trương về hành động, đặt trọng tâm vào chí thiện khi thuyết pháp với chúng Bà-la-môn... (nhưtrên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc cao quý, từ dòng họ Sát-đế-lỵ thanh tịnh... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc khá giả, đại phú5 tài sản sung mãn... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, dân chúng băng ngàn vượt biển (băng qua nhiều địa phương, băng qua nhiều quôc độ) đên hỏi đạo Sa-môn Gotama... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, có hàng ngàn thiên, nhơn đến quy y Sa-môn Gotama... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa- môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc5 Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Ton?9 (Như trên)... Này các Hiên giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đây đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân... (như trên)...

4. KINH CHỦNG ĐỨC 83

y Này các Hiên giả, thật vậy, Sa-môn Gotama nói lời chào đón, thân thiện, tao nhã, trang trọng, chơn trực, thẳng than, lời nói có dẫn chứng... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được bốn chúng kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính nể, trọng vọng... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy5 rất nhiều thiên, nhơn tín ngưỡng Sa-môn Gotama... (như trên). Này các Hiên giả, thật vậy, ở tại làng nào, thôn áp nào Sa-môn Gotama cư tru thì tại làng ấy, tại thôn ấp ấy, các loài phi nhơn không làm hại loài người... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy5 Sa-môn Gotama là Giáo hội chủ, Giáo phái chủ. Giáo phái su, được tôn là tôi thượng trong các Giáo tô... (như trên)... Này các Hiên giả, danh tiêĩiẸ của một sô Sa-môn9 Bà-la-môn dựa trên những băng chứng không dâu, danh tiêng của Sa-môn Gotama không phải vậy. Danh tiếng của Sa-môn Gotama dựa trên trí đức vô thượng của Ngài... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Vua Seniya Bimbisâra nước Magadha cùng với vương tử, cung phi, thị tùng đều quy y Sa-môn Gotama... (như trên)... Này các Hiên giả, thật vậy, Vua Pasenadi nước Kosala cùng với vương tử, cung phi, thị tùng đều quy y Sa-môn Gotama... (như trên)... Này các Hiên giả, thật vậy, Bà-la-môn Pokkharasāti cùng với các con, vợ, thị giả, đều quy y Sa-môn Gotama... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được Vua Seniya Bimbisâra nước Magadha kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ5 trọng vọng... (như trên)... Này các Hiên giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được Vua Pasenadi nước Kosala kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ5 trọng vọng... (như trên)... Này Hiên giả, thật vậy, Sa-môn Gotama, được Bà-la-môn Pokkharasāti kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ9 trọng vọng... (như trên)... Này các Hiên giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã đên Campā, nay đang ở tại Campā, trên bờ hồ sen Gaggarā. Những Sa-môn5 Bà-la-môn nào đến ruộng làng chúng ta đều là khách của chúng ta. Đối với khách, chiiĩig ta phải kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Này

các Hiên giả, nay Sa-môn Gotama đã đến Campā, hiện ở tại Campā trên bờ hồ sen Gaggarā, như vậy Sa- môn Gotama là khách của chúng ta. Và đã là khách, chủng ta phải kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Do điểm này, thật không xứng dang cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta, thật xứng đáng cho chúng ta đến yet kiên Tôn giả Gotama. Này các Hiên giả, đó là những ưu diêm mà ta được biêt về Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama không phải có chừng ấy tru điểm mà thôi, Tôn giả Gotama có đến vô lượng ưu điểm. 305. Khi nghe nói vậy, các Bà-la-môn ấy nói với Bà-la-môn Sonadanda: -Tôn giả Sonadanda đã tán thán Sa-môn Gotama như vậy, dầu cho người

của gia tộc ở xa Tôn giả Gotama đến một trăm do-tuần cũng đủ cho người ấy đi đen yết kiến Sa-môn Gotama, dầu phải đem theo lương thực. Do vậy, tất cả chúng tôi sẽ đi đến yết kiến Sa-môn Gotama. 306. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sonadanda cùng với đại chúng Bà-la-môn đi đen bờ ho sen Gaggarā. Sự lo lắng sau đây khởi lên trong tâm trí của Bà-la-môn Sonadanda khi đi ngang qua khu rừng: "Nếu ta hỏi Sa-môn Gotama một câu và nếu Sa-môn Gotama trả lời với ta như sau: 'Này Bà-la-môn, không nên đặt câu hỏi như thế này' thời như vậy hội chúng này sẽ khinh miệt ta: 'Bà-la-môn Sonadanda là ngu si, bất tài, không thể hỏi một câu cho chín chắn.9 Nếu hội chúng này khinh miệt ta, thời danh tiếng ta bị giảm bớt; và ai bị danh tiếng giảm bớt, thời thâu nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh dự chiiĩig ta có được. Nêu Sa-môn Gotama hỏi ta một câu, câu trả lời của ta về câu hỏi áy có thể không làm cho tâm trí được thỏa mãn;4 và nếu Sa-môn Gotama nói với ta như sau: 'Này Bà-la-môn, câu hỏi ấy nên trả lời như thế này' thời như vậy, hội chúng này sẽ khinh miệt ta: 6Bà-la-môn Sonadanda là ngu si, bất tài không thể làm cho tâm trí Sa-môn Gotama thỏa mãn với câu trả lời câu hỏi ấyNếu hội chúng này khinh miệt ta, thời danh tiếng ta bị giảm bớt; và ai bị danh tiếng giảm bớt, thời thâu nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh dự chúng ta có được. Nêu ta đi đến gần như thế này mà ta trở về không gặp Sa-môn Gotama, thời hội chúng này sẽ khinh miệt ta: 6Bà-la-môn Sonadanda là người ngu si, bất tài, kiêu mạn, cứng đầu, sợ hãi, không dám đến yết kiến Sa-môn Gotama, làm sao đã đi đến gần như thế này mà lại trở về không gặp Sa-môn Gotama/ Nếu hội chúng khinh miệt ta, thời danh dự ta bị giảm bớt; và ai bị danh dự giảm bớt, thời thâu nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh dự chúng ta có được." 307. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sonadaụda đến chỗ đức Thế Tôn; sau khi đến, bèn nói lời thân ái, chào đón, chúc tụng rồi ngồi xuống một bên. Các Bà-la-môn và gia chủ ở Campā, có người đảnh lễ Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người nói lời thân ái chào đón chúc tụng với Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, có người chắp tay vái chào Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một ben, có người nói tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên, có người yên lặng ngồi xuống một bên. 308. Lúc ấy, Bà-la-môn Soụadanda đang ngồi, tâm trí lo lắng: "Nếu ta hỏi Sa-môn Gotama một câu và nếu Sa-môn Gotama trả lời với ta như sau: 'Này Bà-la-môn, không nên đặt câu hỏi như vậy5 nên đặt câu hỏi như thê này', thời như vậy hội chúng sẽ khinh miệt ta: 'Bà-la-môn Sonadanda là ngu si, bất tài, không

thê hỏi một câu cho chín chắn/ Nêu hội chúng này khinh miệt ta thì danh tiếng ta bị giảm bớt; và ai bị danh tiếng giảm bớt thời thâu nhận cúng dường bị giảm thiêu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh tiếng chúng ta

4 Cỉttam na ārādheyyam'. Làm cho người khác tin phục. Xem M. L 85, 341 và II. 10; Miỉn. 25.

4. KINH CHỦNG ĐỨC 85

CÓ được. Nêu Sa-môn Gotama hỏi ta một câu và câu trả lời của ta vê câu hỏi ấy có thể không làm cho tâm trí được thỏa mãn; và nếu Sa-môn Gotama nói với ta như the này: 'Này Bà-la-môn9 câu hỏi ấy không nên trả lời như vậy. Này Bà-la-môn, câu hỏi ấy nên trả lời như thế này\ thời như vậy hội chúng này sẽ khinh miệt ta: 6Bà-la-môn Sonadanda là người ngu si, bất tài, không làm cho tâm trí Sa-môn Gotama thỏa mãn với câu trả lời [ấy].9 Nếu hội chúng này khinh miệt ta, thời danh tiếng ta bị giảm bớt; và ai danh tiếng bị giảm bớt thì thâu nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường của chúng ta tùy thuộc với danh tiếng chúng ta có được. Mong rằng Sa-môn Gotama hãy hỏi ta câu hỏi thuộc sự truyền thừa về ba quyển Vệ-đà. Như vậy chắc chắn ta có thể làm tâm trí của Ngài được thỏa mãn với câu trả lời của ta cho câu hỏi ấy.” 309. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết được sự phân vân, lo lắng của Bà-la- môn Sonadanda với tri giác của mình, liền tự nghĩ: "Bà-la-m6n Sonadanda này đang phân vân, lo lắng, Ta hãy hỏi Bà-la-môn Sonadanda với câu hỏi thuộc sự truyền thừa về ba quyển Vệ-đầy Rồi đức Thế Tôn hỏi Bà-la-môn Sonadanda: Này Bà-la-môn5 những vi Bà-la-môn phải đây đủ bao nhiêu đức tánh mới được gọi là Bà-la-môn? và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn,\ lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối? 310. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Sonadanda suy nghĩ: "Thật vậy, điều mà ta mong ước, hy vọng, yêu cầu, mong đợi: 'Mong Sa-môn Gotama hãy hỏi ta câu hỏi thuộc sự truyền thừa về ba quyển Vệ-đà. Như vậy chắc chắn ta có thể làm tâm trí của Ngài được thỏa mãn với câu trả lời cho câu hỏi ây.9 Và nay, Sa-môn Gotama hỏi ta câu hỏi thuộc sự truyền thừa về ba quyển Vệ-đà. Chắc chắn ta có thể làm cho tâm trí của Ngài được thỏa mãn với câu trả lời cho câu hỏi ấy." 311. Rồi Bà-la-môn Sonadanda ngồi thẳng lưng, nhìn xung quanh hội chúng và bạch đức Thế Tôn: Có năm đức tánh, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la- môn và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn,\ lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối. Thế nào là năm? ở đây, này Tôn giả, người Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vét nhơ nào, không bị một gièm pha nào vê vân đê huyêt thông thọ sanh. Vị ấy là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Vị ấy đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng. Vị ấy có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày. Và vị ấy là người học rộng, sáng suôt, là người đệ nhát hay đệ nhị trong những người câm vá làm tê lễ [để đổ bơ làm lễ tế thần]. Này Tôn giả Gotama, đó là năm đức tánh, những vị

Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn? và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn5\ lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối. —Này Bà-la-môn, trong năm đức tánh này, có thể bỏ qua một đức tánh nào? chỉ có bon đức tánh thôi, mà vẫn có thể gọi là Bà-la-môn5 và để có thể khi nói: "T6i là Bà-la-môn,\ lời nói ấy là lời nói chơn chánh, không phải là lời nói dối? -Tôn giả Gotama, có thê được. Tôn giả Gotama, trong năm đức tánh này, chúng tôi có thể bỏ dung sắc. Thật vậy, dung sắc làm được gì khi một Tôn giả Bà-la-môn thiện sanh từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tô phụ, không bị một vét nhơ nào, không bị một gièm pha nào vê vân đê huyết thống thọ sanh? Vị ấy lại là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nẹhĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hieu ngữ pháp và văn Ị)hạm; biệt tài về Thuận the luận (Tự nhiên học) và tướng của vi Đại nhân. Vị ấy có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày. Và vị ấy là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhát hay đệ nhị trong những người cầm vá làm tế lễ. Này Tôn giả Gotama, những đức tánh này, những vị Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn5 và để có thể khi nói: "Tôi là Ba-la-m0n9\ lời nói ấy là chơn chanh, không phải là lời nói dối. 312. Này Bà-la-môn? trong bốn đức tánh này, có thể bỏ qua một đức tánh nào, chỉ có ba đức tánh thôi, mà vẫn có thể gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn,\ lời nói ấy là lời nói chơn chánh, không phải là lời nói dối? Tôn giả Gotama, có thể được. Tôn giả Gotama, trong bốn đức tánh này, chúng tôi có thể bỏ chú thuật. Thật vậy, chú thuật làm được gì khi một Ton giả Bà-la-môn thiện sanh từ mẫu hệ và phụ he, huyết thống thanh tinh cho đến bảy đời Tô phụ, không bị một vét nhơ nào, không bi một gièm pha nào vê vân đê huyết thống thọ sanh? Vị ấy lại là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghía, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hieu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Vị ấy lại có đức hạnh, đức độ cao dày, đây đủ giới hạnh cao dày. Vi ây là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhát hay đệ nhị trong những người cam vá làm te lễ. Này Tôn giả Gotama, những đức tánh này, những vi Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn,\ lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lơi noi doi.
Này Bà-la-môn5 trong ba đức tánh này, có thê bỏ qua một đức tánh nào, chỉ có hai đức tánh thôi, mà vẫn có thể gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la-môn,\ lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối? -Tôn giả Gotama, có thể được. Tôn giả Gotama, trong ba đức tánh này, chúng tôi có thể bỏ thọ sanh. Thật vậy, thọ sanh làm được gì khi một Tôn giả Bà-la-môn có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày? Vị ấy là

người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm vá làm tế lễ. Này Tôn giả Gotama, những đức tánh này, những vi Bà-la-môn phải đầy đủ mới được gọi là Bà-la-môn và để có thể khi nói: "Tôi là Bà-la- m6n", lòi nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối. 313. Khi nghe nói vậy, những vị Bà-la-môn kia nói với Bà-la-môn Sonadanda: -Này Tôn giả Sonadanda, chớ có nói như vậy! Này Tôn giả Sonadanda, chớ có nói như vậy! Tôn giả Sonadanda khinh bác dung sắc, khinh bác chú

thuật, khinh bác thọ sanh. Thật sự Tôn giả Sonadanda đã ngả theo quan niệm của Sa-môn Gotama. 314. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói với những vi Bà-la-môn ấy: Nếu các người Bà-la-môn nghĩ: “Bà-la-m6n Sonadanda không phải là bậc đa văn, Bà-la-môn Sonadanda không phải là nhà hùng biện giỏi, Bà-la-môn Sonadanda không phải là nhà bác học và Bà-la-môn Sonadanda không có thể biện luận với Sa-môn Gotama về vấn đề nSy", thời Bà-la-môn Sonadanda hãy đứng yên và để các ngươi biện luận với Ta. Nếu các người Bà-la-môn nghĩ: "Bà-la-môn Sonadanda là bậc đa văn, Bà-la-môn Sonadanda là nhà hùng biện giỏi, Bà-la-môn Sonadanda là nhà bác học và Bà-la-môn Sonadanda có thê biện luận với Sa-môn Gotama vê vân đê này", thời các ngươi hãy đứng yên và đê Bà-la-môn Sonadanda biện luận với Ta. 315. Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Sonadanda bạch với đức Thế Tôn: Tôn giả Gotama hãy đưng yên. Tôn giả Gotama hãy giữ im lặng. Tôi sẽ trả lời cho các vị Bà-la-môn ấy đúng với Chánh pháp. Rồi Bà-la-môn Sonadanda nói với những vi Bà-la-môn ấy: Này các Hiền giả, chớ có nói như vậy: "Tôn giả Sonadanda khinh bác dung sắc, khinh bác chú thuật, khinh bác thọ sanh. Thật sự Tôn giả Sonadanda đã ngả theo quan niệm của Sa-môn Gotama.,, Này các Hiền giả, tôi không có phỉ báng dung sắc hoặc chú thuật hay thọ sanh. 316. Lúc bấy giờ, thanh niên Añgaka là người cháu của Bà-la-môn Sonadanda đang ngồi trong hội chúng ấy. Bà-la-môn Sonadanda nói với những vị Bà-la-môn kia: Này các Hiền giả, các Hiền giả có thấy người cháu tôi, thanh niên Añgaka không? —Thưa Tôn giả, co thay. Các Hiền giả, thanh niên Añgaka là đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thang, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dấũệ điệu cao thượng, không một ai trong chúng này có thể bằng được về dung sác, trừ Sa- môn Gotama. Này các Hiên giả, thanh niên Añgaka là nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thế luận

88 KINH TRƯỜNG BÔ

(Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Chính ta dạy cho nó chú thuật. Này các Hiền giả, thanh niên Añgaka thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thốn^ thanh tinh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bi một chỉ trích nào về vấn đề huyêt thống thọ sanh. Ta biết cha và mẹ nó. Này các Hiền giả. nếu thanh niên Añgaka giết hại các loại hữu tình, lay của không cho, đi tư thông với vợ người, nói láo, uống rượu, như vậy này các Hiền giả, thì dung sắc làm được cái gì, thọ sanh làm được cái gì? Này các Hiền giả, một Bà-la-môn cần có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày, lại là người học rộng, sáng suốt, là người đệ nhất hay đệ nhi trong những người cầm vá làm tế lễ. Này các Hiền giả, những Bà-la-môn nào đầy đủ hai đức tánh ấy mới được gọi là Bà-la-môn, và đê có thê khi nói: "Tôi là Bà-la-môn5\ lời nói ấy là chơn chánh, không phải là lời nói dối. 317. Này Bà-la-môn trong hai đức tánh ấy, có thể bỏ qua một đức tánh, và những người Bà-la-môn đầy đủ một đức tánh nào, để có thể khi nói: "Tôi là Ba-la-mon95, lời nói ấy là lời nói chơn chánh, không phải là lời nói dối. Tôn giả Gotama, không thê được. Tôn giả Gotama, trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tinh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ? chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất đinh có trí tuệ. người có trí tuệ nhất đinh có giới hạnh.

Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời. Tôn giả Gotama, cũng như lay bàn tay để rửa bàn tay, lấy bàn chân để rửa bàn chân; cũng vậy, Tôn giả Gotama, trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất đinh có trí tuệ, người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời. —Thật như vậy, này Bà-la-môn. Này Bà-la-môn, trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chô ây có trí tuệ; chô nào có trí tuệ, chô ây có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất đinh có trí tuệ, người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời. Này Bà-la-môn. cũng như lấy bàn tay . . o J y ơ J J 9 C 7

đê rửa bàn tay, lây bàn chân đê rửa bàn chân; cũng vậy, này Bà-la-môn, trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ; chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ, người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời. 318. Nhưng này Bà-la-môn, thế nào là giới hạnh, thế nào là trí tuệ? Ton giả Gotama, chúng tôi chỉ biết có vậy là tột bực về vấn đề này. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama giải thích ý nghĩa của câu nói ấy! —Này Bà-la-môn, vậy hãy nghe và suy nghĩ kỹ, ta sẽ nói. -Tôn giả, xin vâng. Bà-la-môn Sonadanda trả lời đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thuyết như sau: Này Bà-la-môn5 ở đây, Như Lai ra đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri,

4. KINH CHỦNG ĐỨC 89

Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn. Ngài sau khi tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, thiên, nhơn, lại tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đây đủ thanh tịnh. Người gia trưởng, hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp áy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: uĐời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời; đời sống xuất gia p^hóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đây đủ5 hoàn toàn thanh tịnh, trăng bạch như vỏ óc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia dinh.” Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Khi đã xuât gia như vậy, vi ây sông chê ngự với sự chê ngự của Giới bôn (Patimokkho), đay đủ oai nghi chánh hạnh, thay nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh; sinh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác, và biêt tri túc. Này Bà-la-môn9 thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sanh và loài hữu tình.

Này Bà-la-môn5 như vậy là vị Tỷ-kheo đây đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn? đó là giới hạnh. Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đây đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh. Vị ấy từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Này Bà-la-môn5 như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh. Tỷ-kheo từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chơn thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Này Bà-la-m6n, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn? đó là giới hạnh. Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này. không đên chô kia nói đê sanh chia rẽ những người này; nghe điêu gì ở chô kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ những người kia. Như vậy, Tỷ-kheo ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ

trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn? đó là giới hạnh. Vị ấy từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác. Vị ấy nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã. đẹp lòng nhiều người. Này Bà-la-môn, như vậy là vi Tỷ-kheo đay đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn? đó là giới hạnh. Vi ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý5 có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Này Bà-la-môn5 như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh. Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ? dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát nhạc, diễn kịch; từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận vàng và bạc; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà và con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia câm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai; từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn5 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vân còn sông làm hại các hạt giông và cây côi như gi6ng từ rê sanh, giông từ nhánh cây sanh, giông từ đót cây sanh, giông từ chiêt cây sanh, và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh; còn vị ấy thì không làm hại hạt giống hay cây cỏ nào. Này Bà-la-môn5 như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vân còn sông cất chứa và thọ hưởng các đô vật như cất chứa các món ăn, cất chứa các đô uông, cất chứa vải? cất chứa xe cộ, cất chứa các đô nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vi; còn vị ấy thì từ bỏ cất chứa các vật trên. Này Bà-la-môn, như vậy là vị

Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà- la-môn, đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chơn chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trốnẹ, diễn các tuồng thần tiên, trò chơi bi săt? trò chơi sào tre, mãi võ, đâu voi, đâu ngựa, đâu trâu, đấu bò đực, đâu dê9 đâu cừu, đâu gà, đâu chim cun cút, đâu gậy, đâu quyên, đâu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh; còn vị ấy thì từ bỏ các du hí không chơn

4. KINH CHỦNG ĐỨC 91

chánh... (như trên). Này Bà-la-môn? như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn5 đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên khônệ, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyên bước, trò chơi quăng thẻ roi chụp nhưng không cho sụp đống thẻ, chơi xúc xắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, cày với chiếc cày giả. nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước điệu bộ; còn vi ấy thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí... (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đay đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn? đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn5 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng đường, vẫn còn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế trường kỷ, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da con sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con nai có bộ da quý (kadali), tâm thảm với lêu che phía trên, ghê dài có gói đâu, gói chân màu đỏ; còn vi ấy thì từ bỏ, không dùng các giường cao và giường lớn... (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn5 đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn? Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt và sáp mặt, vònẹ tay, tóc giả trên dầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gươm, lọng, dép thêu, khăn đau, ngọc, phất trần, vải trăng có viền tua dài; còn vị ấy thì không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm... (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vi Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về dại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện về hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc? câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vi anh hùng, câu chuyện bên le đường, câu chuyện tại chỗ lay nước, câu chuyện vê người đã chét,

các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biên trạng của thê

giới, câu chuyện vê biên trạng của đại dương, câu chuyện vê sự hiện hữu và sự không hiện hữu; còn vị ấy thì từ bỏ nói những chuyện vô ích, tầm thường kể trên. Này Bà-la-môn, như vậy là vi Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn? đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp như nói: "Ngươi không biết Pháp và Luật này, tôi biết Pháp và Luật này. Sao ngươi có thể biết Pháp và Luật này? Ngươi đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lòi nói của ngươi không tương ưng; những điều đáng nói trước ngươi lại nói sau, những điều đáng nói sau ngươi lại nói trước; chủ kiến của ngươi đã bị bài bác, câu nói của ngươi đã bi gièm pha; ngươi đã bị thuyết bại; hãy đến mà giải vây lời nói ấy, nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí"; còn vị ấy thì từ bỏ những cuộc biện luận, tranh chấp... (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-m6n, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới như cho các vua, các đại thần của vua, cho các vi Sát-dế-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chil, cho các thanh niên và nói rằng: "Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia, mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia"; còn vị ấy thì từ bỏ đưa các tin tức, không đứng làm môi giới... (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vi Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn? đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý5 gièm pha, cầu lợi; còn vị ấy thì từ bỏ nói lời lừa đảo và siểm nịnh... (như trên). Này Bà-la-mồn, như vậy là vi Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dâu chuột cắn, tê lửa, tế muỗng, dùng miệng phun hạt cải, v.v... vào lửa, tế vỏ lúa, tế tấm, tế gạo, tế thục tô, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu quỷ ma, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bò cạp, khoa chim, khoa chim quạ? khoa đoán số mạng, khoa ngừa tên bắn, khoa biêt tiếng nói của chim; còn vị ấy thì tránh xa những tà hạnh... (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gươm kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng

chim cun cút, tướng con cắc kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật; còn vị ấy thì tránh xa những tà mạng... (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới

hạnh. Này Bà-la-môn? đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thối; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thối; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận, như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia; còn vị ấy thì từ bỏ những tà mạng... (như trên). Này Bà-la-môn9 như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn? Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhựt thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh dạo, mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo; các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo; sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đát, sẽ có sâm trời; mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng; nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhựt thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có két quả như thê này, mặt trăng, mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này; sao băng sẽ có kết quả như thế này; lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này; động đất sẽ có kết quả như thế này; sấm trời sẽ có kết quả như thế này; mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng sẽ có kết quả như thế này; còn vị ấy thì tránh xa, không tự nuôi sống bằng tà mạng... (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có binh, sẽ không có binh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thu, làm theo thế tình; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng... (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà- la-môn5 đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dàu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể về nhà, sắp đặt ngày lành để đưa dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tót để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú đê phá thai, dùng bùa chú làm cóng lưỡi, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú

khiến người D\ J , r O" xuống, rphải bỏ tay D dùng ve." c bùa chú khiến v o hỏi . tai1 bi diếc, o gương " soi, hỏi phù đông, hỏi thiêu nữ? hỏi thiên thân đê biêt họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu thần tài Siri; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng... (như trên). Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các tà thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà đất, đê dương

được thịnh, đê làm người liệt dương, đê tìm đát tót làm nhà, để cau phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mửa, làm cho xô, bài tiêt các nhơ bân vê phía trên, bài tiêt các nhơ bân vê phía dưới, tây tịnh trong đâu, thoa dâu trong tai, nhỏ thuôc mat, cho thuốc qua lô mũi, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh cho mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho thuôc uông băng các loại rê cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng... (như trên). Này Ba-la-mon, như vậy là vị Tỷ-kheo đầy đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh. Như vậy, này Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo ấy, nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Này Bà-la-môn5 như một vị Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, này Bà-lam6n, Tỷ- kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vi ây nhờ đây đủ giới luật cao quý này nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, này Bà-la-môn, là Tỷ-kheo đầy đủ giới luật. Này Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Này Bà-la-môn, khi mắt thây săc5 Tỷ-kheo không năm giữ tướng chung, không năm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vi ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái5 ưu bi, các ác, bát thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vi ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, này Bà-la-môn? là Tỷ-kheo hộ trì các căn. Này Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác? Này Bà-la-môn5 ở đây5 Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đêu tỉnh giác; khi co tay, khi đuôi tay đêu tinh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi di, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này Bà-la-môn9 là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác. Này Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo biết đủ? ở đây, Tỷ-kheo bằng lòng với

4. KINH CHỦNG ĐỨC 95

r 9 5 A 9 e

tâm y đê che thân, với đô ăn khát thực đê nuôi bụng, đi tại chô nào cũng mang theo [y và bình bát]. Này Bà-la-môn, cũng như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy. này Bà-la-môn, vi Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đo ăn khất thực đe nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát]. Như vậy, này Bà-la-môn, là Tỷ-kheo biết đủ. Vị ấy, với giới uẩn cao quý này, với sự hộ trì các căn cao quý này, với chánh niệm tỉnh giác cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang dá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, vi ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận. vi ấy sống với tâm không

sân hận. với lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối tiêc5 vị ây sông không trạo cử hôi tiêc, nội tâm trâm lặng, gột rửa tâm hét trạo cử hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ5 vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hét nghi ngờ đôi với thiện pháp. Này Bà-la-môn5 như một người mắc nợ, liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp; những nghề này được phát đạt, ta không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng VỌƯ' Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Này Bà-la-môn? như một người bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian, người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu; nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phúc." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Này Bà-la-môn? như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy, sau một thời gian, được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bi giảm tổn. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội5 an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Này Bà-la-môn, như một người nô le, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy, sau một thời gian, thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị cảnh nô le, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại; nay ta thoát cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tư do đi lại.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Này Bà-la-môn, như một người giàu có, nhiêu tài sản, đang đi qua bãi sa

mạc, thiêu lương thực, đây những nguy hiêm. Người ây, sau một thời gian, đã đi khỏi sa mạc, đến đầu làng vô SỊT, yên ổn? không có nguy hiểm. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia giàu c6, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm; nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. Như vậy, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo tự mình quán năm triền cái khi chưa xả ly như món nợ9 như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường qua sa mạc. Này Bà-la-môn, cũng như không mắc nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn, này Bà-la-môn? Tỷ-kheo quán năm triên cái khi diệt trừ chúng. Này Bà-la-môn, như vậy là vị Tỷ-kheo đây đủ giới hạnh. Này Bà-la-môn, đó là giới hạnh. Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được đinh tĩnh. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này Bà-la-môn, như một người hâu tăm lão luyện hay đệ tử người hâu tăm, sau

khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước; cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do đinh sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do đinh sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do đinh sanh ấy thấm nhuần. Này Bà-la-môn? ví như một hồ nước, nước tự ở trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra5 phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn; suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hô nước ây không được nước mát lạnh thâm nhuân. Cũng vậy, này Bà- la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Lại nữa, này Bà-la-môn9 Tỷ-kheo ly hỷ tru xả, chánh niệm tỉnh giác, thân

cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Tỷ-kheo thâm nhuân, tâm ướt, làm cho sung mãn tràn đây thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy tham nhuần. Này Bà-la-môn, ví như trong hô sen xanh, hô sen hông, hô sen trăng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng; những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, khôĩiệ vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thâm nhuân tẩm ướt, đây tràn thâu sướt bởi nước mát lạnh ây, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ây thâm nhuần. Cũng vậy, này Bà-la-môn5 Tỷ-kheo thâm nhuân, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ây thâm nhuân. Lại nữa, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo xả lạc xả khô, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ- kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tinh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. Này Bà-la-môn, ví như một người ngôi dùn^ tâm vải trầnệ trùm đâu? không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thau. Cũng vậy, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. Với tâm định tinh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, đễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đen chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bon đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bị trói bug” Này Bà-la-môn, ví

như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ5 trong suốt, có tám mặt? khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược5 đầy đủ tất cả mỹ tướng; và một sợi dây được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy hòn lưu ly bảo châu này đẹp đẽ5 trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đay đủ tất cả mỹ tướng; và sợi dây này được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tinh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy5 Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phan toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bi trói buOc." Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không câu nhiêm, không phiên

não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vi ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào. Này Bà-la-môn5 ví như một người rút một cây lau ra ngoài vỏ5 người ây nghĩ: "Đây là vỏ, đây là cây lau; vỏ khác, cây lau khác và cây lau từ vỏ rút ra." Này Bà-la-môn, ví như một người rút thanh kiêm từ bao kiêm; thanh kiêm khác. bao kiêm. khác.: và thanh kiêm từ nơi . bao kiêm rút ra. Này Bà-la-môn ? ví như một người lột xác một con răn? người ây nghĩ: "Bây là con răn, đây là xác rắn, con rắn khác, xác rắn khác, và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra"; cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm đinh tinh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyên, dễ sử dụng, vững chác, bình thản như vậy, Tỷ- kheo dẫn tâm, hướng tâm đen sự hiện hóa một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý tạo thành, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào. Với tâm định tĩnh, thuần tinh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyếĩi, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đên các thần thông. Vị ây chứng được các loại thân thông, một thân hiện ra nhiêu thân, nhiêu thân hiện ra một thân; hiện hình, biên hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai than như vậy; có the tự thân bay đen cõi Phạm thiên. Này Bà-la-môn, ví như một người thợ gôm khéo tay hay đệ tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Này Bà-la-môn, ví như một người thợ ngà khéo tay hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo giũa, có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Này Bà-la-môn, ví như ngirời thẹy vàng khéo tay hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn, có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích. Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vi ấy chứng

được các thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đát liên; ngôi kiêt-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai than như vậy; có the tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm,

hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần. Này^Bà-la-môn5 ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiêng trông nhỏ. tiêng loa, tiếng xập xõa và tiêng kiêng, người ây nghĩ: "Bây là tiêng trông lớn, đây là tiêng trông nhỏ, đây là tiêng loa, tiêng xập xõa, tiêng ki6ng" Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không câu nhiêm, không phiên não, nhu nhuyen, dê sử dụng, vững chăc5 bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với Thiên nhĩ thanh tinh siêu nhân, có thê nghe hai loại tiêng, chư thiên và loài người, xa và gần. Với tâm đinh tĩnh, thuần tinh, trong sáng, không câu nhiêm, không phiên não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đên Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau: “Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm khônệ tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biêt là tâm tán loạn; đại hành tâm biêt là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát." Này Bà-la-môn, ví như một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang sức, nhìn mặt của mình trong tấm ong trong sạch, sáng suốt hay một chậu nước trong. Nếu mặt có tỳ vết, liền biêt mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm đinh tinh, thuân tịnh, trong sáng, không câu nhiễm, không phiền não5 nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của mọi người với tâm của mình, vị ây biêt được như sau: "Tâm có tham biêt là tâm có tham, tâm không tham biêt là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biêt là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biêt là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát

biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát." Với tâm đinh tĩnh. thuần tinh. trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dê sử dụng, vững chác, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dân tâm,

, w M rr^ r • x Te Ấ . J. y • Ấ rss r 1 /V hướng tâm đên Túc mạng minh. Vị áy nhớ đên các đời sông quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bôn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bon mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vi ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn u6ng như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đên mức như thê này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đấyy Như vậy, Ty-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Ba-la-mon, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: "Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã íiệôi như thê này, đã nói như thê này, đã yên lặng như thê này. Từ làng kia ta đi đên làng nọ, tại đấy ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như the này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở ve làng của ta." Như vậy, này Bà-la-môn5 với tâm định tĩnh, thuẩn tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chác, bình thản như vậy, Tỷ- kheo dẫn tâm, hướng tâm đen Túc mạng minh. Vi ấy nhớ đen các đời song quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vi ấy nhớ: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cap như thê này, ăn uống như thê này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đên mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở dây." Như vậy, Tỷ"kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tinh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ5 kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: “Này các Hiền giả, những Tôn giả này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý9 phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý5 không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này."

Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vi ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ9 kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Này Bà-la-môn, ví như một tòa lầu có thượng đài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: "Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra5 những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư, trên đài thượng.” Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tinh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tinh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: "Này các Hiền giả, những chúng sanh này làm những ác hạnh vê thân, lời và y, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh ve thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này5 sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời nay.99 Như vậy, với Thiên nhãn thuân tịnh siêu nhân, thây sự sông và chét của chúng sanh, vi ấy biết rõ rang chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Với tâm định tĩnh, thuần tinh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ9\ biết như thật: "Bây là nguyên nhân của biết như thật: "Bây là khổ diet", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diet”, biết như thật: "Đây là những lậu hoặố\ biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Bây là sự diệt trừ các lậu hoāc9\ biết như thật: "Bây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc.” Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoat/9 Vi ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa." Này Bà-la-môn, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước thuần tinh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò? những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: “Dây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một ch&” Cũng vậy, này Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não5 nhu nhuyến dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy,

Tỷ-kheo dẫn tâm5 hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: “Bây là kh6“, biết như thật: “Bây là nguyên nhân của kh6'\ biết như thật: uĐây là khổ diet", biết như thật: 'Dây là con đường đưa đen kho diet", biết như thật: “Bây là những lậu hoặc,\ biết như thật: “Bây là nguyên nhân của lậu hoāc^, biết như thật: “Bây là sự diệt trừ các lậu hoặcy, biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc^ Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, vi ấy biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.,, Này Bà-la-môn như vậy là trí huệ. 319. Khi nghe nói như vậy, Bà-la-môn Sonadanda nói với đức Thế Tôn: -Thật là vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật là vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bi quăng ngã xuống, phơi bày ra những ệì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng toi để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy? Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Thê Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. Mong Tôn giả Gotama ngày mai cùng chúng Tỷ-kheo nhận lời đến dùng cơm do con mời. Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. 320. Lúc bấy ẹiờ? Bà-la-môn Sonadanda được biết đức Thế Tôn đã nhận lời? liền từ chỗ ngoi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, thân phía hữu hướng về đức Phật và từ biệt. Roi Bà-la-môn Sonadanda khi đem đã mãn liền cho làm sẵn sànẸ tại nhà các món thượng vi, loại cứng và loại mềm, rồi báo thì giờ cho đức The Tôn: "Giờ đã đến, Tôn giả Gotama, cơm đã sẵn sang?9 Khi ấy, đức Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo bình bát, và cùng chúng Tỷ-kheo đi đến cư xá của Bà-la-môn Sonadanda; sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Bà-la-môn Sonadanda tự tay làm cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vi dẫn đầu, thỏa mãn với những món ăn thượng vi, loại cứng và loại mem. 321. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Sonadanda, sau khi được biết đức Thế Tôn dùng cơm đã xong, đã rửa tay và bát, liên lây một ghê tháp khác ngôi xuông một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Sonadanda bạch đức Thế Tôn: -Tôn giả Gotama, khi con ở trong hội chúng, nếu con từ chỗ ngồi đứng dậy và đảnh lễ Thế Tôn Gotama, thời hội chung này sẽ phỉ báng con. Ai bị hội chúng này phỉ báng, thời danh tiếng sẽ bị tổn giảm, và ai danh tiếng bị tổn giảm, thời thâu nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì cúng dường tùy thuộc vào danh tiếng chúng con có được. Tôn giả Gotama, nếu ở trong hội chúng mà con chắp tay vái chào, mong Tôn giả Gotama nhận đấy là con đứng dậy. Tôn giả Gotama, nếu trong hội chúng mà con tháo khăn đầu, mong Tôn giả Gotama nhận đấy là con vái chào với đầu của con. Tôn giả Gotama, khi con đi trên xe,

nếu con xuống xe và đảnh lễ Thế Tôn Gotama, thời hội chúng sẽ phỉ báng con. Ai bi hội chúng này phỉ báng, thời danh tiếng bị tổn giảm, và ai danh tiếng bị tổn giảm, thời thâu nhận cúng dường bị giảm thiểu, vì sự cúng dường tùy thuộc vào danh tiếng chúng con có được. Tôn giả Gotama, nếu trong khi con đi xe, con hạ cán roi xuống, mong Tôn giả Gotama nhận đấy là con xuống xe. Tôn giả Gotama, nếu trong khi con đi xe, con vẫy

tay, mong Tôn giả Gotama nhận đấy là con vái chào với đầu của con. 322. Rồi đức Thế Tôn với một thời thuyết pháp, giảng dạy, khích lệ? kích thích và làm cho Bà-la-môn Sonadanda hoan hỷ, roi từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

5. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU (Kūtadanta Suttaṃ

323. Như vầy tôi nghe. Một thòi, đức Thế Tôn đang du hành trong xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị5 và đen tại một làng Bà-la-môn ở Magadha tên là Khānumata (Khứ-nậu-bà-đế). Tại đây5 đức Thế Tôn trú tại vườn Ambalatthikā12 ở Khānumata. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kūtadanta ở tại Khānumata, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do Vua Bimbisâra (Tần-bà-sa-la), vị vua có quân lực hùng mạnh3 của nước Magadha cấp, một ân tứ của vua, một tịnh ấp. Lúc bấy giờ, một đàn tế lớn đang được thiết lập cho Bà-la-môn Kūtadanta. Bảy trăm con bò đực5 bảy trăm con bê đực lớn, bảy trăm con bê cái lớn, bảy trăm con dê và bảy trăm con cừu đã được dắt đến trụ tế lễ cho đàn tế. 324. Các Bà-la-môn và gia chủ ở Khānumata được nghe: "Sa-m6n Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành trong nước Magadha với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vi, đã đến tại Khānumata và trú tại vườn Ambalatthikā ở Khānumata. Tiêng đôn tót đẹp sau đây được truyên đi ve The Tôn Gotama: 'Đây là đức The Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài đã tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giói, Phạm Thiên giới, cùng với chúng Sa-môn5 Bà-la-môn9 các loài trời và người, sau đó tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghía cụ túc, và giới thiệu đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, trong sạch. Tốt đẹp thay sự kính ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!,,, 325. Rồi các Bà-la-môn và gia chủ ở Khānumata từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Khānumata và đen tại Ambalatthikā. 326. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kūtadanta đi lên trên lầu để nghỉ trưa. Bà-la-môn Kūtadanta thấy các Bà-la-môn và gia chủ ở Khānumata từng đoàn,

1 Xem D. 1.47, 87,111,150,159,161,178,204,211,224,235; M. L 175,220,256,271,339,353,400,513; II. 29,157,164,214; IIL 1; s. IV. 103,110,177UL 113; IL 16,39,153,205; ni. 93,161; v. 201,347. Kinh tương đương trong bộ Trường A-hàm kỉnh là Cứu-la-đàn-đầu kỉnh (TOI. 0001.23. 0096al6). 2 Vườn xoài non. 3 Seniya: Có quân lực hùng mạnh. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng Seniya là họ tộc của Vua Bimbisāra. Vì vậy, đoi khi VỊ vua này được gọi là Vua Seniya Bimbisara, bởi một trong hai lý do vừa nêu.

từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Khānumata và đến tại Ambalatthikā. Thấy vậy, [Bà-la-môn Kūtadanta] liền gọi người gác cửa: Này người gác cửa, vì sao các Bà-la-môn và gia chủ ở Khānumata từng đoàn, từng đoàn, lũ lượt đi ra khỏi Khānumata và đên tại Ambalatthikā? 327. - Tôn giả, có Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca? xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành trong nước Magadha với đại

chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đến tại Khānumata, và tại đấy trú ở Ambalatthikā. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: “Bây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, MinhHạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế T6n.” Nay những người ây đi đến yết kiến Tôn giả Gotama. 328. Bà-la-môn Kūtadanta liền suy nghĩ như sau: "Ta nghe nói: 'Sa-môn Gotama am hiểu ba cách thức tế tự và mười sáu tế pháp.5 Ta không biết ba cách thức tê tự và mười sáu tê pháp, và ta muôn cử hành lê đại tê. Vậy ta hãy đen hỏi Sa-môn Gotama ba cách thức tế tự và mười sáu tế pháp.” 329. Rồi Bà-la-môn Kūtadanta gọi người giữ cửa kia: Này người giữ cửa, hãy đi đên các Bà-la-môn và gia chủ ở Khānumata, khi đến nơi, hãy nói với những Bà-la-mon và gia chủ ở Khānumata như sau: ícBà-la- môn Kūtadanta có nói: 'Này các Hiền giả, hãy chờ đợi! Bà-la-môn Kūtadanta sẽ tự thân hành đến yết kiến Sa-môn Gotama.'” Dạ vâng. Người gác cửa ấy vâng theo lời bảo của Bà-la-mpn Kūtadanta, đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ở Khānumata, khi đên xong liền nói với các Bà-la-mon và gia chủ ở Khānumata: "Bà-la-môn Kūtadanta có nói như vầy: 'Này các Hiền giả, hãy chờ đợi! Bà-la-môn Kūtadanta sẽ tự thân hành đên yêt kiên Sa-môn Gotama.9,9 330. Lúc bấy giờ, có khoảng vài trăm Bà-la-môn ở Khānumata với ý đinh: "Chúng tôi sẽ dự le đại tế đàn của Ba-la-mon Kūtadanta.^^ Khi các vi Bà-la-môn này nghe: C6Bà-la-môn Kūtadanta sẽ đên yêt kiên Sa-môn Gotama”những Bà- la-môn này đến Bà-la-môn Kūtadanta. 331. Khi đến nơi liền nói với Bà-la-môn Kūtadanta: Có phải Tôn giả Kūtadanta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama? Này các Hiền giả, đó là ý định của ta, ta sẽ đến yết kiến Sa-môn Gotama. Tôn giả Kūtadanta chớ có đến yết kiến Sa-môn Gotama. Thật không xứng đáng cho Tôn giả Kūtadanta đến yết kiến Sa-môn Gotama. Nếu Tôn giả Kūtadanta đên yêt kiên Sa-môn Gotama thì danh tiêng của Tôn giả Kūtadanta bi hao tổn, danh tiếng của Sa-môn Gotama được tăng trưởng. Vì danh tiếng của Tôn giả Kūtadanta bị hao tổn và danh tiêng của Sa-môn Gotama được tăng trưởng; do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Kūtadanta đến yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến Tôn giả Kūtadanta.

5. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU 107

Lại nữa, Tôn gi Kūtadanta thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đen bảy đời To phq, không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vì Tôn giả Kūtadanta thiện sanh cả từ mau hệ và phụ hệ, huyết thong thanh tịnh cho đen bảy đời To phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sinh. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Kūtadanta đến yết kiến Sa-mon Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-mon Gotama đến yết kiến Tôn giả Kūtadanta. Lại nữa, Tôn giả Kūtadanta là nhà giàu có, đại phú, sung túc. Do điểm này... (như trên)... Lại nữa, Tôn giả Kūtadanta là nhà phúng tụng, là nhà trì chú; th6ng hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghía, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyen thong là thứ năm; thông hiêu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài về Thuận thề luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân... (như trên).,. Lại nữa, Tôn giả Kūtadanta đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thăng, khôi ngô, tuân tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng... (như trên)... Lại

nữa, Tôn giả Kūtadanta có đức hạnh, đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày... (nhưtrên)... Lại nữa, Tôn giả Kūtadanta thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ? không phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác... (như trên)... Lại nữa, Tôn giả Kūtadanta là bậc Tôn sư trong các hàng Tôn sư của nhiều người, dạy ba trăm thanh niên Bà-la-môn tụng đọc chú thuật, thanh niên Ba-la-môn từ nhiều phương, từ nhiều nước, thiết tha với chú thuật, đến với Tôn giả Kūtadanta để học thuộc lòng các chú thuật... (như trên)... Tôn giả Kūtadanta niên cao lạp lớn, bậc lão thành, đến tuổi trưởng thượng, còn Sa-môn Gotama thì trẻ tuổi, xuat gia chưa được nhiều năm... (như trên)... Tôn giả Kūtadanta được Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính 1& trọng vọng... (như trên)... Tôn giả Kūtadanta được Bà-la-môn Pokkharasāti kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng... (như trên)... Tôn giả Kūtadanta sống ở Khānumata, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân tứ của Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha. Vì Tôn giả Kūtadanta sống ở Khānumata, một địa phương dân chúng đông đúc, cỏ cây, ao nước phì nhiêu, lúa gạo sung túc, một vương lãnh địa, một tịnh thí địa, một ân tứ của Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Tôn giả Kūtadanta đến yết kiên Sa-mon Gotama; trái lại, thật xứng đáng cho Sa-mon Gotama đến yết kiến Tôn giả Kūtadanta. 332. Nghe nói vậy, Bà-la-môn Kūtadanta nói với những vị Bà-la-môn ấy:

Các Hiền giả. hãy nghe ta giải thích vì sao thật xứng đáng cho chúng ta đen yết kiến Sa-môn Gotama; trái lại, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đến yết kiến chúng ta. Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Này các Hiền giả, vì Sa-môn Gotama thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào vê vân đê huyêt thônệ thọ sanh. Do điểm này, thật không xứng đáng cho Sa-môn Gotama đên yêt kiên chúng ta; trái lại, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama. Này các Hiên giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ bỏ đại gia đình quyến thuộc. Do diêm này... (như trên)... Này các Hiền giả. Sa-môn Gotama xuất gia. từ bỏ rất nhiều vàng J ơ 7 ~ D 7 D • bạc, 7 cả loại đang chôn dưới đất lẫn loại trên mặt đất... (như trên)... Này các Hiền giả, Sa-môn Gotama trong tuổi thanh niên tóc còn đen nhánh, trong tuổi trẻ đẹp của thời niên thiếu, đã xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình... (như trên)... Này các Hiền gi thật vậy, Sa-môn Gotama, dầu song thân không đồng ý5 khóc than nước măt thấm ướt cả mặt, vẫn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... (như trên).. Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thẳng, khôi ngô, tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng... (như trên)... Này các Hiền gia, thật vậy5 Sa-môn Gotama có đức hạnh, gìn giữ giới của bậc Thánh, có thiện dức, đầy đủ thiện đức... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý

nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ, không phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là bậc Tôn sư trong các hàng Tôn sư của nhiều người... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã diệt trừ tham dục, đã dứt bỏ mọi xao động của tâm... (như trên)... Này các Hiên giả, thật vậy, Sa-môn Gotama chủ trương vê nghiệp, chủ trương về hành động, đặt trọng tâm vào chí thiện khi thuyết pháp với chúng Bà-la-môn... (nhưtrên)... Này các Hiên giả, thật vậy, Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc cao quý, từ dòng họ Sát-đế-lỵ thanh tịnh... (như trên)... Này các Hiên giả, thật vậy? Sa-môn Gotama xuất gia từ chủng tộc khá giả? đại phú, tài sản sung mãn... (như trên)... Này các Hiên giả, thật vậy, dân chúng băng ngàn vượt biên [băng qua

nhiều địa phương, băng qua nhiều quốc độ] đến hỏi đạo Sa-môn Gotama... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, có hàng ngàn thiên, nhơn đến quy y Sa-môn Gotama... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế T6ĩi.”...(như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama nói lời chào đón, thân thiện, tao nhã, trang trọng, chơn thật, thẳng thắn, lời nói có dẫn chứng... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được bốn chúng kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng... (như trên)... Này các Hiên giả, rát nhiêu thiên, nhơn tín ngưỡng Sa-môn Gotama... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, ở tại làng nào, thôn ấp nào Sa-môn Gotama cư tru thì tại làng ây, tại thôn áp ây, các loài phi nhơn không làm hại loài người... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama là Giáo hội chủ, Giáo phái chủ, Giáo phái sư, được tôn là tối thượng trong các Giáo tổ... (như trên)... Này các Hiền giả, danh tiếng của một số Sa-môn5 Bà-la-môn dựa trên những bằng chứng không dâu, danh tiếng của Sa-môn Gotama dựa trên trí đức vô thượng của Ngài... (như trên)... Này các Hiền giả? thật vậy, Vua Seniya Bimbisãra nước Magadha cùng với vương tử, cung phi, thị tùng, đại thân đêu quy y Sa-môn Gotama... (như trên)... Này các Hiền giả, thát vậy, Vua Pasenadi nước Kosala cùng với vương tử, cung phi, thị tùng, cận thần đều quy y Sa-môn Gotama... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Bà-la-môn Pokkharasāti cùng với các con, vợ, thị giả, đều quy y Sa-môn Gotama... (như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy5 Sa-môn Gotama được Vua Seniya Bimbisãra nước Magadha kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng...(như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được Vua Pasenadi nước Kosala kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ5 trọng vọng..(như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama được Bà-la-môn Pokkharasāti kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng..(như trên)... Này các Hiền giả, thật vậy, Sa-môn Gotama đã đến Khānumata và đang ở tại Ambalatthikā. Những Sa-mon, những Bà-la-môn nào đến ruộng làng chúng ta đều là khách của chúng ta; đối với khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng... (như trên)...

Này các Hiền giả, nay Sa-môn Gotama đã đến Khānumata, đang ở tại Ambalatthikā, như vậy Sa-môn Gotama là khách của chúng ta, và đã là khách, chúng ta phải kính trọng, tôn sùng, kính ngưỡng, kính lễ, trọng vọng. Do điểm này, thật không xứng đán^ cho Tôn giả Gotama đến yết kiến chúng ta, thật xứng đáng cho chúng ta đến yết kiến Sa-môn Gotama. Này các Hiền giả, đó là những ưu điểm mà ta được biết về Tôn giả Gotama. Tôn giả Gotama không phải có chừng ấy ưu điểm mà thôi, Tôn giả Gotama có đến vô lượng ưu điểm. 333. Khi nghe nói vậy, các Bà-la-môn ây nói với Bà-la-môn Kūtadanta: -Tôn giả Kũtadanta đã tán thán Sa-môn Gotama như vậy, dầu cho người của gia tộc ở xa Tôn giả Gotama đến một trăm do-tuần cũng đủ cho người ấy đi đên yết kiến Sa-môn Gotama, dầu phải đem theo lương thực. Do vậy, tất cả chúng tôi sẽ đi đến yết kiến Sa-môn Gotama. 334. Lúc bây giờ, Bà-la-môn Kūtadanta cùng với đại chúng Bà-la-môn đi đến Ambalatthikā, đen tại cho đức The Tôn ở; sau khi đen, liền nói lời thân ái chào đón, chúc tụng rồi ngồi xuống một bên. Các Bà-la-môn và gia chủ ở Khānumata có người đảnh lễ Sa-môn Gotama rồi ngồi xuốnẹ một bên, có người nói lời thân ái chào đón, chúc tụng với Sa-môn Gotama roi ngồi xuống một bên. có người chắp tay vái chào Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên, CÓ người nói tên và dòng họ roi ngôi xuồng một bên, có người yên lặng ngôi xuống một bên. 335. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Kūtadanta bạch đức Thế Tôn: -Tôn giả Gotama, tôi được nghe như sau: "Sa-môn am hiểu ba cách thức tế tự và mười sáu tế v@t" Tôi không biết đến ba tế tự và mười sáu tế vật và tôi muốn cử hành đại lễ tế tự. Tốt đẹp thay nếu Tôn giả Gotama giảng cho tôi ba cách thức tế tự và mười sáu tế vật! 336. Này Bà-la-môn, vậy ông hãy nghe và suy nghĩ ky, Ta sẽ nói. Dạ vâng. Bà-la-môn Kūtadanta trả lời đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thuyết như sau: Này Bà-la-môn5 thuở xưa có vi vua tên là Mahāvijita giàu c6, đại phú, tài sản sung mãn, có nhiều vàng bạc, có nhiêu vật dụng, có nhiều tài vật ngũ cốc, kho tàng sung mãn. Này Bà-la-môn5 một hôm, trong khi Vua Mahāvijita đang ngồi yên lặng tại một tịnh xứ, sự suy tư sau đây được khởi lên: "Ta nay đặng vô lượng tài bảo thuộc nhân gian, chinh phục đại địa cầu và sống an tru như vậy. Ta hãy tổ chức đại tế đàn, và nhờ vậy ta sẽ hưởng được hạnh phúc, an lạc lâu ngay." 337. Này Bà-la-môn, Vua Mahāvijita liền cho mời vị Bà-la-môn chủ tế và nói: "Này Bà-la-môn, trong khi ta đang ngồi yên lặng tại một tịnh xứ, sự suy tư sau đây khởi lên: cTa nay đặng vô lượng tài bảo thuộc nhân gian, chinh phục đại địa câu và sông an trú như vậy. Ta hãy tô chức đại tê đàn, và nhờ vậy ta sẽ được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu ngày/ Này Bà-la-môn, ta muốn tổ chức đại

tế đàn, khanh hãy khuyên ta như thế nào để ta được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu ngày?" 338. Này Bà-la-môn, khi nghe nói vậy? vị Bà-la-môn chủ tế tâu với Vua MahãvIịita như sau: "Đại vương, vương quốc [này] chịu tai ương, chịu ách nạn, đây dây bọn cướp làng, đây dây bọn cướp áp, đây dây bọn cướp đô thị, đây dây bọn cướp đường. Trong quốc độ chịu tai ương, chịu ách nạn như vậy, nếu Tôn vương đánh thuế má mới, như vậy Tôn vương có ý nghĩ: 'Ta hãy trừ diệt bọn giặc cỏ này, hoặc bằng tử

hình, hoặc bằng cấm cố, hoặc bằng phạt vạ5 hoặc bằng khiển trách, hoặc bằng tẩn xuất? Nhưng bọn giặc cỏ này sẽ kh6ng bị trừ diệt một cách hoàn toàn, những bọn còn lại không bị hình phạt, sau lại tiêp tục hoành hành vương quốc này. Nhung nếu theo phương pháp sau đây, bọn giặc cỏ ấy sẽ được trừ diệt một cách hoàn toàn: Những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về nông nghiệp và mục súc, Tôn vương hãy cấp cho những vị ấy hột giống và thực vật; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về thương nghiệp, Tôn vương hãy cấp cho những vị ấy vốn đầu tư; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về quan chức, Tôn vương hãy cấp cho những vị ấy vật thực và lương bổng. Và những người này chuyên tâm vào nghề riêng của mình, sẽ không nhiễu hại quốc độ nhà vua; và ngân quỹ nhà vua sẽ được dồi dào, quốc độ sẽ được an cư lạc nghiệp, không có tai ương, ách nạn và dân chúng hoan hỷ vui vẻ, cho con nhảy trên ngực, sống chẳng khác gì với nhà cửa mở rong?9 “Gàng, Tôn giả.”

Này Bà-la-môn, Vua Mahāvijita vâng theo lời khuyên của vị Bà-la-môn chủ tế: Những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về nông nghiệp và mục súc, Tôn vương Mahāvijita cấp cho những vị ấy hột giống và thực vật; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về thương nghiệp, Tôn vương Mahāvijita cấp cho những vị ấy vốn đầu tư; những vị nào trong quốc độ nhà vua nỗ lực về quan chức, Tôn vương Mahāvijita cap cho những vị ây vật thực và lương bổnẹ. Và những người này chuyên tâm vê nghê của mình, không còn nhiễu hại quôc độ nhà vua; ngân quỹ nhà vua được dồi dào, quốc độ được an cư lạc nghiệp, không có tai ương, ách nạn và dân chúng hoan hỷ vui vẻ, cho con nhảy trên ngực, sống chẳng khác gì với nhà cửa mở rộng. Rồi này Bà-la-môn, Vua Mahāvijita cho mời vị Bà-la-môn chủ tế và nói: "Này khanh, ta đã trừ diệt bọn giặc cỏ nhờ áp dụng phương pháp này, ngân quỹ của ta được dồi dào, quốc độ được an cư lạc nghiệp, không có tai ương, ách nạn. và dân chúng hoan hỷ, vui vẻ, cho con nhảy trên ngực, sống chẳng khác gì với nhà cửa mở rộng. Nay Bà-la-môn5 ta muốn to chức đại te đàn, khanh hãy khuyên ta như thế nào để ta được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu ngày?” 339. "Vậy Tôn vương hãy cho mời tất cả những vị Sát-đế-lỵ trong quốc độ nhà vua cùng với các chư hâu cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đên rồi nói: 'Này các khanh, ta muôn tô chức đại tê đàn. Các khanh hãy tán thành đê ta được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu ngày? Đối với tất cả những đại thần trong quốc

độ nhà vua, cùng với quyến thuộc cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành... tất cả những gia chủ phú hào cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, Tôn vương hãy mời những vị ấy đến rồi nói: 'Này các khanh, ta muốn tổ chức đại tế đàn. Các khanh hãy tán thành để ta được hưởng an lạc hạnh phúc lâu dài."' Này Bà-la-môn, Vua Mahāvijita nghe theo vị Bà-la-môn chủ tế, cho mời tất cả những vi Sát-đế-lỵ trong quốc độ nhà vua cùng với các chư hầu cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đên roi nói: "Này các khanh, ta muôn tô chức đại tê đàn. Các khanh hãy tán thành để ta được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu ngày.” "Tôn vương hãy tổ chức tế đàn. Đại vương, tế đàn này là hợp thòi." Đối với tất cả những đại thần trong quốc độ nhà vua cùng với quyến thuộc cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành... tát cả những vị Bà-la-môn và đại gia chủ cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh

thành... tất cả những gia chủ phu hào cả tại tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, Vua Mahāvijita mời những vị ấy đến rồi nói: "Này các khanh ta muốn tổ chức đại tế đàn. Các khanh hãy tán thành để ta được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu ngày.99 "Dại vương hãy tổ chức tế đàn. Đại vương, tế đàn này là hợp thòi." Như vậy9 bốn đại chúng đã thừa nhận tế đàn trở thành những điều kiện thiết yếu cho lễ tế đàn này. 340. Vua Mahāviiita có tám đức tánh sau đây: Thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyêt thông thanh tịnh cho đên bảy đời Tô phụ, không một vét nhơ nào, không có một gièm pha nào ve vấn đe huyết thống thọ sanh; đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thang, khôi ngô, tuấn tú, cử chỉ trang nhã. dáng điệu cao thượng; là nhà giàu có, đại phú, sung túc tài sản, đầy dẫy vàng và bạc, đay dẫy tài bảo, đầy dẫy sản nghiệp, ngũ cốc, thương kho sung mãn; có uy lực, đầy đủ bốn loại quân chủng, chinh phục địch quân như với oai danh [của mình]; có tín tâm, có từ tâm, một thí chủ cửa nhà mở rộng, một giếng khơi cho Sa-môn, Bà-la-môn bần cùng nghèo khó, khất si, một vị làm các công đức; bác học trong mọi vấn đề; thông hiểu ý nghĩa của lời nói: "Đây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói này"; nhà bác học, tinh luyện, sáng suốt và có thể suy tư về những vấn đề quá khứ, vi lai, hiện tại. Vua Mahāvijita có đầy đủ tám đức tánh này, chính tám đức tánh này làm những điều kiện thiết yếu cho tế đàn ấy. 341. Vi Bà-la-môn chủ tế có đầy đủ bốn đức tánh. Vi ấy thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ5 huyết thống thanh tinh cho đến bảy đời Tổ phq, không bị một vết nhơ nào, không có một gièm pha nào vê vân đê huyêt thông thọ sanh. Vị ấy là nhà phúng tụng, là nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biệt tài ve Thuận the luận và tướng của vị Đại nhân. Vị ấy có đức hạnh, đức độ cao dày, đày đủ giới hạnh cao dày. Vị ấy là nhà bác học. tinh luyện, sáng suốt, là nhà cam vá thứ nhất hay thứ hai. Vị Bà-la-môn chủ te có đay đủ bon đức tánh này, chính bốn đức tánh này làm những yếu kiện cho tế đàn ấy.

5. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU 113

342. Này Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế trước khi lễ đàn có giảng ba pháp cho Vua Mahāvijita: "Trước khi muốn làm lễ đại tế đàn, nếu Tôn vương có sự hối tiếc: 'Thật vậy, một phan lớn tài sản của ta sẽ bị tiêu hao, Tôn vương không nên có sự hối tiếc này. Trong khi đang làm lễ đại tế đàn, nếu Tôn vương có sự hối tiếc: 'Thật vậy, một phần lớn tài sản của ta bị tiêu hao/ Tôn vương không nên có sự hoi tiếc này. Khi đã làm lễ đại te đàn, nếu Tôn vương có sự hoi tiếc: 'Thật vậy, một phần lớn tài sản của Ta đã bị tiêu hao? Tôn vương không nên có sự hối tiếc nay,^ Này Bà-la-môn, vị Bà-la-mồn chủ tế trước khi lễ đàn có giảng ba pháp cho Vua Mahāvijita. 343. Này Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế trước lễ tế dàn, để ngăn chặn sự hôi tiêc theo mười cách có thê khởi lên đôi với người tham dự [lê tê đàn], đã nói với Vua Mahāvijita: "Tôn vươn có những người sát sanh đến tại lễ tế đàn và có những người không sát sanh. ơ đây5 đôi với những người sát sanh, hãy đê cho họ yên; ở đây, đối với những người không sát sanh, hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm của họ được an vui, hoan hỷ. Tôn vương, có những người lấy của không cho đến tại lễ tế đàn và có những người không lấy của không cho... có những người tà dâm và có những người không tà dâm... có những người nói láo và có những người không nói láo...có những người nói hai lưỡi và có những

người không nói hai lưỡi... có những người nói lời độc ác và có những người không nói lời độc ác... có những người nói lời phù phiếm và có những người không nói lời phù phiếm... có những người có lòng tham và có những người không có lòng tham... có những người có lòng sân và có những người không có lòng sân... có những người có tà kiến và có những người có chánh kiến... ở dây, đối với những người có tà kiến, hãy để cho họ yên; ở đây, đôi với những người có chánh kiên, hãy tô chức tê đàn một cách khiên nội tâm của họ được an vui, hoan h"' Này Bà-la-môn5 vị Bà-la-môn chủ tế trước lễ tế đàn đã ngăn chặn sự hối tiếc theo mười cách có thể khởi lên đối với những người tham dự [lễ tế đàn]. 344. Này Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế khi vua đang làm lễ tế dàn, đã khuyến giáo, tưởng lệ, kích thích và làm tâm [của vual hoan hỷ với mười sáu phương pháp: "Trong khi Tôn vương đang tô chức đại tê đàn, nêu có người nói: 'Vua Mahāvijita tổ chức đại tế đàn nhưng không mời các vị Sát-đế-lỵ thân tộc ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành. Tôn vương tổ chức lễ đại tế đàn như vậy/ Lời nói ve Tôn vương như vậy là không đúng sự thật, Tôn vương đã có mời các vị Sát-đế-lỵ thân tộc ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành. Do vậy, Tôn vương nên biết: 'Hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui, hoan hỷ.5 Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế đàn, nếu có người nói: 'Vua Mahāvijita tổ chức đại tế đàn nhimg không mời các vị đại thần quyến thuộc ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành... Bà-la-môn đại gia ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành... cư sĩ phú hào ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành. Tôn vương tổ

chức lễ đại tế đàn như vậy.9 Lời nói về Tôn vương như vậy là không đúng sự thật, Tôn vương đã có mời các vị cư sĩ phú hào ở tỉnh thành và ở ngoài tỉnh thành. Do vậy5 Tôn vương nên biêt: 'Hãy tô chức le tê đàn một cách khiến nội tâm được an vui, hoan hỷ/ Trong khi Tôn vương đang tô chức đại tê đản, nêu có người nói: 'Vua Mahāvijita tổ chức đại tế đàn nhimg không thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống không thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không phải không bi vết nhơ, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Tôn vương tổ chức lễ đại tế đàn như vậy.5 Lời nói về Tôn vương như vậy là không đúng sự thật, Tôn vương thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy . E r ĩ y r a đời Tô phụ, không bị một vét nhơ, một gièm pha nào vê vân đê huyêt thông thọ sanh/ Do vậy, Tôn vương nên biết: 'Hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui, hoan hỷ/ Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế dàn, nếu có người nói: 'Vua Mahāvijita tổ chức đại tế đàn nhưng không đẹp trai, khả ái5 làm đẹp lòng mọi người, với màu da thù thắng, khôi ngô, tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng... không phải là nhà giàu có, đại phú, sung túc tài sản, đầy dẫy vàng và bạc, đầy dẫy tài bảo, đầy dẫy sản nghiệp, ngũ cốc, thương khố sung mãn... không có uy lực, đầy đủ bốn loại quân chủng, chinh phục địch quân với oai danh của mình... không có tín tâm, không có từ tâm, không phải một thí chủ cửa nhà mở rộng, một giếng khơi cho Sa-môn9 Bà-la-môn5 bần cùng, nghèo khó, khất sĩ, một vi làm các công đức... không phải là vị bác học trong mọi vấn đề... không thông hiểu ý nghĩa của lời nói: 'Đây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói này'...không phải là nhà bác học, tinh luyện, sáng suốt và có thể suy tư về những vấn đề quá khứ, vị lai, hiện tại. Tôn vương tổ chức lễ đại tế đàn như vậy? Lời nói về Tôn vương như vậy

không âúnệ sự thật, Tôn vương là nhà bác học, tinh luyện, sáng suốt, và có the suy tư về vấn đề quá khứ, vị lai, hiện tại. Do vậy, Tôn vương nên biết: 'Hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui, hoan hỷ/ Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế đàn, nếu có người nói: 'Vua Mahāvijita tổ chức đại tế đàn nhưng vị Bà-la-môn chủ tế của vua không thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đen bảy đời To phụ, không bị một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Tôn vương tổ chức lễ đại tế đàn như vậy.5 Lời nói về Tôn vương như vậy không đúnẹ sự thật, vị Bà-la-môn chủ tế của vua thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyet thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Do vậy5 Tôn vương nên biết: 'Hãy tổ chức tế đàn một cách khiến nội tâm được an vui, hoan hỷ.5 Trong khi Tôn vương đang tổ chức đại tế đàn... nhimg vi Bà-la-môn chủ tế của vua không phải là nhà phúng tụng, là nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ

• 2 v , e > r năm; thông hiên ngữ pháp và văn phạm; biệt tài vê Thuận thê luận và tướng của vị Đại nhân..* nhưng vị Bà-la-môn chủ te của vua không có đức hạnh, không có đức độ cao dày, đầy đủ giới hạnh cao dày... nhimg vị Bà-la-môn chủ tế của vua không phải vị bác học, tinh luyện, sáng suốt, là nhà cầm vá thứ nhất hay thứ hai. Tôn vương tổ chức lễ đại tế đàn như vậy/ Lời nói về Tôn vương như vậy không đúng sự thật, vị Bà-la-môn chủ tế của vua là nhà bác học, tinh luyện, sáng suốt, là nhà cầm vá thứ nhất hay thứ hai. Do vậy, Tôn vương nên biết: 'Hãy to chức tê đàn một cách khiên nội tâm được an vui, hoan hỷ.9,9 Này Bà-la-môn, vị Bà-la-môn chủ tế, khi vua đang làm lễ tế đàn đã khuyến giáo, tưởng lệ9 kích thích và làm tâm [của vua] được hoan hỷ bằng mười sáu phương pháp trên. 345. Này Bà-la-môn9 trong lễ tế đàn này, không có trâu bò bi giết, không có dê cừu bị giết, không có gà heo bi giết, không có các loại sinh vật nào khác bị sát thương, không có cây cối bị chặt để làm trụ cột tế lễ, không có loại cỏ dabbhā bị cát đê rải xung quanh đàn tê. Và những người gia bộc, người đem tin, hay những người làm thuê không bị dọa nạt bởi hình phạt, không bi dọa nạt bởi sợ hãi và không làm việc trong than khóc với nước mắt tràn đầy mặt mày. Họ muốn thì họ làm, họ không muốn thì họ không làm; họ làm những ẸÌ họ muốn, họ không làm những gì họ không muốn. Te đàn này được hoàn tát chỉ với dầu, sanh tô? thục tô, mật và đường miếng. 346. Này Bà-la-môn, các Sát-đế-lỵ thân tộc ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, các đại thần quyến thuộc ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, các Bà-la-môn đại gia ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, các cư sĩ phú hào ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đem theo nhiều tiền bạc của cải đến Vua Mahāviiita và thưa: “Bại -l • l r r 9 . •. vương, tiên bạc của cải rát nhiêu này được đem đên đê Đại vương dùng, Đại vương hãy lấy díing.” "Này các khanh, tiên bạc của cải rát nhiêu được cát giữ một cách chính đáng này đối với ta đã vừa đủ. Các khanh hãy giữ các của cải ấy cho các khanh, các khanh có the đem theo nhiều hơn the nữa!,, Các vị bị vua từ khước như vậy đứng qua một bên và bàn luận như sau: "Tài sản này của chúng ta, nếu chúng ta đem ve nhà lại. thật không phải. Vua Mahāvijita to chức đại te đàn. Chúng ta hãy to chức một hậu te dn." 347.

Này Bà-la-môn? khi các vi Sát-đế-lỵ thân tộc ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đặt các thí vật phía Đông hô tê đàn; các đại thân quyên thuộc ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đặt các thí vật phía Nam hố tế đàn; các Bà-la-môn đại gia ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đặt các thí vật phía Tây hố tế đàn; các cư sĩ phú hào ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành đặt các thí vật phía Bắc ho te đàn. Này Bà-la-môn? trong tê đàn của những vị này cũng vậy, không có trâu bò bị giêt, không có dê cừu bị giết, không có loại sinh vật nào khác bi sát thương, không có cây cối bị chặt để làm cột trụ tế lễ, không có loại cỏ dabbhā bi cắt để rải xung quanh đàn tế. Và những người gia bộc hay những người đưa tin hay những

người làm thuê không bị dọa nạt bởi hình phạt, không bị dọa nạt bởi sợ hãi và không làm việc trong than khóc với nước mắt tràn đầy mặt mày. Chúng muốn thì chúng làm, chúng không muốn thì chúng không làm; chúng làm những gì chúng muốn, chúng không làm những gì chúng không muốn. Những tế đàn này được hoàn tất chỉ với dầu, sanh tô, thục tô, mật và đường miếng. Như vậy là bôn sự châp thuận, Vua Mahāvijita thành tựu tám pháp, Bà-la- môn chủ tế thành tựu bốn pháp và cả ba tế pháp. Này Bà-la-môn, như vậy gọi là ba tế pháp và mười sáu tế vật. 348. Khi nghe nói như vậy, những Bà-la-môn ây la to hét lớn: "Cao quý thay lễ tế đàn, vẻ vang thay sự thành tựu của lễ tế dàn!” Nhưng Bà-la-môn Kūtadanta ngồi yên lặng. Các vi Bà-la-môn ấy hỏi Bà-la-môn Kūtadanta: “Vi sao Tôn giả Kūtadanta không tán thán là thiện thuyết lời thiện thuyết của Sa-môn Gotama?" "Không phải ta không tán thán là thiện thuyết lời thiện thuyết của Sa-môn Gotama. Nếu ai không tán thán là thiện thuyết lời thiện thuyết của Sa-môn Gotama thì đâu người ây sẽ bi tan nát. Nhưng ta hiện đang suy nghĩ: C6Sa-môn Gotama không nói: 'Như vậy Ta nghe', hay: 'Như vậy đáng phải là thế', mà Ngài chỉ nói: 'Khi sự việc xảy ra như vậy\ 'Khi ấy sự việc xảy ra như thế và ta nghĩ: 'Chắc chắn lúc bấy giờ, Sa-môn Gotama là Vua Mahāvijita, chủ nhân của lễ tế đàn hay là vị Bà-la-môn chủ tế lễ tế đàn/ Tôn giả Gotama, Ngài có công nhận là mình đứng ra tô chức lê tê đàn hay khiên người tô chức lê tê đàn, và sau khi thân hoại mạng chung, được sanh ở thiện thú, cõi trời, cõi đời này?" Nay Bà-la-mon5 Ta công nhận tự mình đứng ra tổ chức lễ tế đàn hay khiến người tổ chức lễ tế đàn, và sau khi thân hoại mạng chung, được sanh ở thiện thú, cõi trời, cõi đời này. Lúc bấy giờ, Ta là vị Bà-la-môn chủ tế đã đứng ra chủ lễ tế đàn này. 349. Này Tôn giả Gotama, có tế đàn nào khác ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này? Này Bà-la-môn, có một tê đàn khác ít phiên tạp hơn, ít nhiêu hại hơn, nhiêu kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này. -Tôn giả Gotama, tê đàn khác ây là gì mà ít phiên tạp hơn, ít nhiêu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba te pháp và mười sáu te vật này? -Này Bà-la-môn, chính là những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, cúng dường cho những vị xuất gia có giới đức. Te đàn ấy, này Bà-la-môn9 ít phiên tạp hơn, ít nhiêu hại hơn, nhiêu két quả hơn, nhiêu lợi ích hơn tế đàn với ba tê pháp và mười sáu tê vật này. -Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì mà những bố thí thường xuyên, những tê đàn thuận lợi, cúng dường cho những vị xuất gia có giới dức, tế đàn ấy lại ít phiền

tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này?

5. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU 117

Này Bà-la-môn9 các vị A-la-hán hay những vị đã bước vào con đường A-la-hán không đi đến tế đàn như vậy. Vì cớ sao? Này Bà-la-môn5 vì tại đây có thây những sự đánh đập băng roi gậy5 có những sự tóm cổ lôi kéo. Do vậy, các vị A-la-hán hay những vi đã bước vào con đường A-la-hán không đi đến tế đàn như vậy. Những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, cúng dường cho những vị xuất gia có giới dức, này Bà- la-môn5 các vị A-la-hán hay những vị đã bước vào con đường A-la-hán đi đến những tế đàn như vậy. Vì cớ sao? Này Bà-la-môn, vì tại đấy không thấy những sự đánh đập bằng roi gậy. không có những sự tóm cổ lôi kéo. Do vậy. các vi A-la-hán hay những vi đã bước vào con đường A-la-hán đi đên tê đàn như vậy. Này Bà-la-môn5 do nhân ấy, do duyên ấy, những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, cúng dường cho những vị xuất gia có giới dức, tế đàn ấy ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp và mười sáu tế vật này. 350. - Tôn giả Gotama, có tế đàn nào khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn5 nhiêu két quả hơn, nhiêu lợi ích hơn tê đàn với ba tê pháp. mười sáu tê vật và những bố thí thường xuyên, những te đàn thuận lợi này? Này Bà-la-môn, có một tế đàn khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp. mười sáu tế vật và những bô thí thường xuyên, những tê đàn thuận lợi này. Này Tôn giả Gotama, tế đàn khác ấy là gì mà ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiêu kết quả hơn5 nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật và những bo thí thường xuyên, những te đàn thuận lợi này? Này Bà-la-môn, chính là sự xây dựng tinh xá cho bốn phương Tăng. Te đàn ấy ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tê đàn với ba tê pháp, mười sáu tê vật, và những bô thí thường xuyên, những tê đàn thuận lợi này. 351. Tôn giả Gotama, có tế đàn nào khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn te đàn với ba te pháp, mười sáu te vật, những bố thí thường xuyên, những te đàn thuận lợi và sự cúng dường tinh xá này? Này Bà-la-môn, có một tê đàn khác, ít phiên tạp hơn, nhiêu hại hơn, nhiêu két quả hơn, nhiêu lợi ích hơn tê đàn với ba tê pháp, mười sáu tê vật, những bô thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi và sự cúng dường tinh xá này. -Tôn giả Gotama, tê đàn khác áy là gì mà ít phiên tạp hơn, ít nhiêu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba te pháp, mười sáu tế vật, những bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi và sự cúng dường tinh xá này? Này Bà-la-môn. một ai với tâm thành quy y Phật, quy J) . L J J _ • - y7 Pháp. quy yO"Tăng, \ J J X. J J

này Bà-la-môn, tê đàn ây ít phiên tạp hơn, ít nhiêu hại hơn, nhiêu két quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những te đàn thuận lợi và sự Cling dường tinh xá này.

118 KINH TRƯỜNG Bô

352. — Tôn giả Gotama, có tế đàn nào khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiêu két quả hơn. nhiêu lợi ích hơn tê đàn với ba tê pháp. mười sáu tê vật, sự bô thí thường xuyên, những tê đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá và những sự quy y này? Này Bà-la-môn5 có một tế đàn khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn. nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp. mười sáu tế vật. sự bo thí thường xuyên, những te đàn thuận lợi, sự Cling dường tinh xá và những sự quy y này. -Tôn giả Gotama, tê đàn khác áy là gì mà ít phiên tạp hơn, ít nhiêu hại hơn, nhiều kết quả hơn. nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những te đàn thuận lọi, sự cúng dường tinh xá và những sự quy y này? Này Bà-la-môn9 một ai với tâm thành thọ trì những giới luật không sát sanh, không thâu dạo, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Này Bà-la-môn, tế đàn ấy ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bố thí thường xuyên, những tế đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá và những sự quy y này. 353. Này Tôn giả Gotama, có tế đàn nào khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn. nhiêu két quả hơn. nhiêu lợi ích hơn tê đàn với ba tê pháp. mười sáu tê vật, sự bô thí thường xuyên, những tê đàn thuận lợi, sự cúng dường tinh xá, những sự quy y và những giới luật này? -Này Bà-la-môn, có một tế đàn khác, ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp. mười sáu tế vật. sự bo thí thường xuyên, những te đàn thuận lọi, sự cúng dường tinh xá, những sự quy y, những giới luật này. -Tôn giả Gotama, tê đàn ây là gì mà ít phiên tạp hơn, ít nhiêu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn tế đàn với ba tế pháp, mười sáu tế vật, sự bo thí thường xuyên, những te đàn thuận lợi5 sự cúng dường tinh xá, những sự quy y và những giới luật này? -Này Bà-la-môn, ở dây, đức Như Lai sanh ra đời, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác... (như Kinh Sa-môn quả, đoạn 190-212). Như vậy, này Bà-la-môn, là vi Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh. ... chứng và an trú Thiền thứ nhất. Này Bà-la-môn5 tế đàn này ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi h hơn những tế đàn trước. ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... chứng và an trú Thiền thứ tư. Này Bà-la-môn, tê đàn này ít phiên tạp hơn, ít nhiêu hại hơn, nhiêu két quả hơn, nhiêu lợi ích hơn những tế đàn trước... Vi ấy dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến... Này Bà-la-môn5 tế đàn này ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại hơn, nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn những tế đàn trước... không còn một đời sống khác, vị ấy biết như vậy. Này Bà-la-môn, te đàn này ít phiền tạp hơn, ít nhiễu hại,

nhiều kết quả hơn, nhiều lợi ích hơn những tế đàn trước. Này Bà-la-môn5 không có một lễ tế đàn nào khác cao thượng hơn, thù thắng hơn lễ tế đàn này. 354. Khi nghe nói vậy? Bà-la-môn Kūtadanta thưa với đức Thế Tôn: Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bi quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có the thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đên mạnẹ chung, con xin trọn đời quy

ngưỡng Tôn giả Gotama. Con xin trả tự do và sự sông cho bảy trăm con bò đực? bảy trăm con bò cái, bảy trăm con bê, bảy trăm con dê và bảy trăm con cừu. Mong chúng được ăn cỏ xanh và uống nước mát, mong chúng được hưởng gió mát. 355. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn liền thứ lớp giảng pháp cho Bà-la-môn Kūtadanta như là thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của sự xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Kūtadanta đã sẵn sang, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, tức là Khổ, Tập? Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần bạch, được gột rửa các vết đen sẽ rất dễ thấm màu nhuộm; cũng vậy5 chính tại chỗ ngồi này, Pháp nhãn vô trần ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Kūtadanta: 'Thàm pháp gì sanh khởi, pháp ấy sẽ bị hoại diệt/5 356. Khi ấy, Bà-la-môn Kūtadanta thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người đối với đạo pháp của đức Bổn sư, liền bạch đức Thế Tôn: "Mong Tôn giả Gotama ngày mai cùng chúng Tỷ-kheo nhận lời đên dùng cơm do con mời!,, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. 357. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Kūtadanta được biết đức Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, thân phía hữu hướng về đức Phật và từ biệt... Rồi Bà-la-môn Kũtadanta khi đêm vừa tàn, liền cho làm sẵn sàng tại nhà các món thượng vi loại cứng và loại mềm, rồi báo thời giờ cho đức Thê Tôn: "Giờ đã đến, Tôn giả Gotama, cơm đã sẵn sang?9 358. Khi ây, đức Thê Tôn buôi sáng đáp y, đem theo y bát và cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến cư xá của Bà-la-môn Kūtadanta; sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã được soạn sẵn. Bà-la-môn Kūtadanta tự tay làm cho chúng Tỷ-kheo? với đức Phật là vị dẫn dầu, thỏa mãn với những món thượng vị loại cứng và loại mềm. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kūtadanta, sau khi được biết đức Thế Tôn dùng cơm đã xong, đã rửa tay và bát, liền lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi Bà-la-môn Kūtadanta ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn với một thời thuyết pháp giảng dạy, khích lệ, kích thích và làm cho Bà-la-môn Kūtadanta hoan hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

6. KINH MAHĀLI (Mahāli Suita)1

359. Như vầy tôi nghe. Một thời, đức Thế Tôn tru tại Vesāli (Tỳ-xá-ly), ở giảng đường Trùng Các, trong Đại Lâm. Lúc bây giờ, một sô đông sứ giả Bà-la-môn nước Kosala (Cau-tat-la) và nước Magadha (Ma-kiệt-đà) đang ở tại Vesālī vì một vài công việc. Những vị sứ giả ấy được nghe như sau: "Này các Tôn giả, Sa-mon Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thich-ca hiện nay đang tru tại Vesālī, ở giảng đường Trùng Các, Đại Lâm. Tiếng đon tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: 'Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư5 Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài đã tự chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giói, với các chúng Sa-môn9 Bà-la-môn, chư thiên và loài người, sau đó tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh/ Nêu được yêt kiên một vị A-la-hán như vậy thì rát quy.” 360. Những vị sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và ở Magadha ấy đi đến giảng đường tại Đại Lâm. Lúc bấy giờ, Đại đức Nāgita là thị giả đức Thế Tôn. Những vị sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và ở

Magadha ây đi đên chô Đại đức Nāgita ở và thưa: Hiền giả Nāgita, hiện nay Tôn giả Gotama ở tại đâu, chúng tôi muốn yết kiến Tôn giả Gotama. Các Hiền giả, nay không phải thời yết kiến đức Thế Tôn, đức Thế Tôn đang chỉ tịnh. Những sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha liền ngồi xuống tại một bên và nói: -Sau khi được yết kiến Tôn giả Gotama, chúng tôi mới đi. 361. Otthaddha (Môi thỏ)5 người Licchavī, cùng với một sô đông dân chúng Licchavī cũng đi đến giảng đường Trùng Các trong Đại Lâm, gặp Đại đức Nāgita, đảnh lễ vị này rồi đứng một bên. Otthaddha, người Licchavī, thưa với Đại đức Nāgita:

1 Xem D. L 47, 87, 111, 127, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; MI. 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. l, 29; s. IV. 103, 110,177; Å. L 113; II. 16, 39,153, 205; m. 93,16; v. 201, 347.

Hiện nay đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở tại đâu, chúng con muốn yết kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Mahāli, nay không phải thời yết kiến đức Thế Tôn, đức Thế Tôn đang chỉ tinh. Otthaddha, người Licchavi, liên ngôi xuông một bên tại chô ây và nói: Sau khi được yết kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, con mới đi. 362. Khi ấy, Sa-di Sīha đến Đại đức Nāgita, đảnh lễ Đại đức và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Sa-di Sīha nói với Đại đức Nāgita: Bạch Đại đức Kassapa (Ca-diếp),2 một số đông sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha đã đến đây để yết kiến đức Thế Tôn; Otthaddha, người Licchavī, cũng đen đây với so đông dân chúng Licchavī đe yết kiến đức The Tôn. Đại đức Kassapa, lành thay nêu những vị này được yêt kiên đức Thế Tôn! -Vậy Sīha hãy thưa với đức Thế Tôn. Thưa vâng, bạch Đại đức. Sa-di Sīha] vâng theo lời dạy của Đại đức Nāgita, đến tại chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài rồi đứng một bên. Sa-di Sīha sau khi đứng một bên liền bạch đức rfTf- Á rri A _ The Tôn: Bạch đức Thế Tôn, một số đông sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và Magadha đên đây đê yêt kiên đức Thê Tôn; Otthaddha, người Licchavī, cùng một so đông dân chúng Licchavī đã đến đay để yết kiến đức Thế Tôn. Lành thay nếu những vị này được yết kiến đức Thế Tôn! Này Sīha, hãy dọn chô ngôi trong bóng mát, phía trước ngôi tinh xá. Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Sa-di Sīha vâng theo lời dạy đức Thế Tôn, sắp đặt một chỗ ngồi trong bóng mát phía trước ngôi tinh xá. 363. Đức Thế Tôn đi ra khỏi tinh xá và ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn trong bóng mát, phía trước ngôi tinh xá. Rồi các sứ giả Bà-la-môn ở Kosala và ở Magadha đến tại chỗ đức Phật, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Otthaddha, người Licchavī, cùng với một số lớn dân Licchavī cũng đến tại chỗ đức Phật, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. 364. Sau khi ngồi xuống một bên5 Otthaddha, người Licchavī, thưa với The Tôn:

2 Còn được gọi là Nāgita. Xem D I. 151; ru. L 310; A. III. 31,341 và IV 341; J. IV. 95. ông là cậu của Sa-di Sīha. 3 Sīha là con trai chi gái của Tôn giả Nāgita. Sīha xuất gia, gia nhập Tăng đoàn, làm Sa-di năm lên 7 tuổi. Chú rát thông minh, học hiên nhiêu và được mọi người quý mên. Vị này không phải là Tôn giả Sīha thuộc dòng họ Licchavī, vị được xem ỉa anh hùng trong câu chuyện được lưu lại trọng A. IV. 179-88; Vìn. L 233-38 va sau này

rời khỏi Tăng đoàn. Giáo sư Edward Muller ỰPTS. 1988, 97) đề cập cả hai vị.

6. KINH MAHĀLI 123

Bạch Đại đức, hai ba ngày về trước, Sunakkhatta, dòng họ Licchavī, đến chỗ con ở và nói với con: "Này Mahāli, từ khi tôi sống gần đức Phật. không lâu quá ba năm, tôi được thay những thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không được nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khỏi." Bạch Thế Tôn, những thiên âm mà Sunakkhatta, dòng họ Licchavī, không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, không hiểu những thiên âm ấy có thật hay không có thật? 365. Này Mahāli, những thiên âm mà Sunakkhatta, dòng họ Licchavī, không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, những thiên âm ấy có thật, không phải không có. Bạch Thế Tôn? do nhân gì, do duyên gì những thiên âm mà Sunakkhatta, dòng họ Licchavī, không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú? phấn khởi, những thiên âm ấy có thật, không phải là không có? 366. Này Mahāli, có Tỷ-kheo tu định nhát hướng, hướng vê phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhất hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhimg không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú9 phấn khởi nên vị này thấy được về phía Đông các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Này Mahāli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhất hướng, hướng về phía Đông chỉ với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhimg không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phan khởi. 367. Lại nữa, này Mahāli, có vi Tỷ-kheo tu định nhát hướng, hướng vê phía Nam... phía Tây... phía Bắc... về phía trên... về phía dưới, hướng ngang với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vi này tu đinh nhát hướng, hướng vê phía dưới, hướng ngang với mục đích thây các thiên sác mỹ diệu, thích thú? phấn khởi nhimg không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vị này thấy được về phía đuôi, hướng ngang, các thiên sắc mỹ diệu, thích thú? phấn khởi nhưng không nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Này Mahāli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhất hướng, hướng về phía dưới, hướng ngang chỉ với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. 368. Này Mahāli, có vị Tỷ-kheo tu đinh nhát hướng, hướng vê phía Đông với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thii, phấn khởi nhưng không với mục đích thay các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phan khởi. Vì vị này tu đinh nhất hướng, hướng về phía Đông với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vị này nghe được về phía Đông các thiên âm mỹ diệu,

124 KINH TRƯỜNG BÔ

thích thú, phấn khởi nhưng không thấy được các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Này Mahāli, vì vị Tỷ-kheo này trong khi tu định nhất hướng, hướng về phía Đông chỉ với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhung

không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú? phấn khởi. 369. Lại nữa, này Mahāli, có Tỷ-kheo tu định nhất hướng, hướng về phía Nam... vê phía Tây... vê phía Bác... vê phía trên... vê phía dưới, hướng ngang với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhung không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhất hướng, hướng về phía dưới, hướng ngang với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhung không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vị này nghe được về phía dưới, hướng ngang, các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phân khởi nhưng không thây được các thiên sác mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Này Mahāli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu đinh nhất hướng, hướng về phía dưới, hướng ngang chỉ với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nhưng không với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. 370. Này Mahāli, có Tỷ-kheo tu định nhị hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhị hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vị này hướng về phía Đông thấy được các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và nghe được các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì sao vậy? Này Mahāli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhị hướng, hướng về phía Đông với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. 371. Này Mahāli, có vị Tỷ-kheo tu định nhị hướng, hướng về phía Nam... về phía Tây... về phía Bắc... về phía trên... về phía dưới, hướng ngang với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì vị này tu định nhị hướng, hướng về phía dưới, hướng ngang với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi nên vi này hướng về phía dưới, hướng ngang, thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi. Vì cớ sao? Này Mahāli, vì Tỷ-kheo này trong khi tu định nhị hướng, hướng về phía dưới, hướng ngang với mục đích thấy các thiên sắc mỹ diệu, thích thú, phấn khởi và với mục đích nghe các thiên âm mỹ diệu, thích thú, phan khởi. Này Mahāli, do nhân này, do duyên này, những thiên âm mà Sunakkhata, dòng họ Licchavī, không nghe, những thiên âm mỹ diệu, thích thú, phấn khởi, những thiên âm ấy có thật, không phải là không có.

6. KINH MAHĀLI 125

372. - Bạch Thế Tôn, như vậy có phải muốn chứng được các pháp thiền định ấy mà các Tỷ-kheo sống đời Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Thế Tôn? Này Mahāli, không phải muốn chứng được các pháp thiền định ấy mà các Tỷ-kheo sống đời Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Ta. Này Mahāli, có những pháp khác cao thượng hơn, thù thắng hơn. Vì muốn chứng được những pháp ấy, các vị Tỷ-kheo sống đời Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Ta. 373. Bạch Thê Tôn, những pháp ây, cao thượng hơn, thù thăng hơn là gì mà các vị Tỷ-kheo vì muốn chứng được những pháp ấy, sống đời Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Thế Tôn? Này Mahāli, ở đây Tỷ-kheo đoạn dứt ba kiết sử, thành bậc Dự

Lưu, không đọa ác thú, chắc chắn đạt quả Bồ-đề. Này Mahāli, pháp này cao thượng và thù thắng hơn. Vì muốn chứng được pháp này, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Ta. Lại nữa, này Mahāli, Tỷ-kheo đoạn dứt ba kiết sử, làm nhẹ bớt tham, sân, si, thành bậc Nhứt Lai, còn phải sanh lại trong đời này một lần nữa trước khi diệt han khô đau. Này Mahāli, pháp này cao thượng hơn và thù thăng hơn. Vì muôn chứng được pháp này, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Ta. Lại nữa, này Mahāli, vị Tỷ-kheo đã đoạn dứt năm hạ phần kiết sử, thành vị Hóa sanh, nhập Niết-bàn tại đây, không còn phải trở lại the giới này nữa. Này Mahāli, pháp này cao thượng hơn và thù thắng hơn. Vì muốn chứng được pháp này, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Ta. Lại nữa, này Mahāli, vị Tỷ-kheo do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình chứng tri, chứng ngộ và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này Mahāli, pháp này cao thượng hơn và thù thắng hơn. Vì muốn chứng được pháp này, các Tỷ-kheo sống Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Ta. Này Mahāli, những pháp cao thượng và thù thăng này, vì muôn chứng được pháp ây, các Tỷ-kheo sông Phạm hạnh dưới [sự chỉ dạy của] Ta. 374. Bạch Thế Tôn, có con đường nào, có đạo lộ nào đưa đến sự chứng ngộ những pháp ấy? -Này Mahāli, có con đường, có đạo lộ đưa đên sự chứng ngộ những pháp ây. 375. Bạch Thê Tôn, con đường, đạo lộ đưa đên sự chứng ngộ những pháp ấy là gì? -Đó là con đường Thánh có tám ngành: Chánh tri kiên, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh đinh. Này Mahāli, con đường này, đạo lộ này đưa đên sự chứng ngộ những pháp ấy. 376. Này Mahāli, một thời, Ta ở Kosambī, vườn Ghositārāma. Lúc bấy giờ, có hai người xuất gia, Mundiya - một vị du si, và Jāliya - đệ tử của Dāru^attaka, đên tại chỗ Ta &, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Ta roi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, hai vị xuất gia nói với Ta như sau:

126 KINH TRƯỜNG Bô

Này Hiền giả: "Mạng căn và thân thể là một hay là kh§c?" 377. Này Hiền giả, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói. Vâng, Hiền giả. Hai vị xuất gia trả lời Ta như thế và Ta nói như sau: Này Hiền giả, ở đây, Như Lai sanh ra đời, vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... (như Kỉnh Sa-môn quả, đoạn 190-212)... Này Hiên giả, như vậy vi Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh... chứng và an trú Thiền thứ nhất. Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thay như vậy, vi ấy có san sàng đe cập đen vấn đe: "Mạng căn và thân thể là một hay khác” không? Này Hiền giả, Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay kh2c." Này Hiền gi tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy nhưng Ta không nói: "Mạng căn và thân the là một hay khác.” ... chứng và an tru Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư. Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biêt như vậy, thây như vậy, vị áy có săn sàng đê cập đên vân đề: "Mạng căn và thân thể là một hay khác^ không? Này Hiền giả, Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay khác.” Này Hiền ệiả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy nhimg Ta không nói: "Mạng căn và thân the là một hay khác.,, Vị ấy hướng tâm, dẫn tâm đến tri kiến. Này Hiền giả, khi vị Tỷ-kheo biết như vậy, thây như vậy, vi ây có săn sàng đê cập đên vân đê: "Mạng căn và thân thể là một hay khác" không? Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng

đề cập đến vấn đề: “Mạng căn và thân thể là một hay khac.^ Này Hiên giả, tuy Ta biêt như vậy, thây như vậy, nhưng Ta không nói: "Mạng căn và thân thể là một hay khác." ... Vị ấy biết: “Sau đời này sẽ không có đời khác nữa.” Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biêt như vậy, thây như vậy, vị ây có săn sàng đê cập đên vân đê: “Mạng căn và thân thể là một hay khác” không? Này Hiên giả, vị Tỷ-kheo biêt như vậy, thây như vậy, vi ây săn sàng đê cập đến vấn đề: “Mạng căn va thân thể là một hay khSc.” Này Hiên ẹiả, tuy Ta biêt như vậy, thây như vậy nhưng Ta không nói: "Mạng căn và thân the là một hay khác.^, Đức Thế Tôn thuyết như vậy, Otthaddha, người Licchavī, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

7. KINH JĀLIYA (Jāliya Suita)1

378. Như vầy tôi nghe. Một thời, đức Thế Tôn ở Kosambī, vườn Ghosita.2 Lúc bấy giờ, có hai du si, Mundiya và Jāliya, đệ tử của Dārupattika, đến tại chỗ đức Thế Tôn &, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Ngài rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, hai vi xuất gia nói với Ngài như sau: Này Hiên giả Gotama, mạng căn và thân thê là một hay là khác? 379. Này Hiền giả, hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ nói. Vâng, Hiền giả! Hai vị xuất gia trả lời đức Thế Tôn như thế và Ngài nói như sau: -Này Hiền giả, ở đây, đức Như Lai sanh ra đời, vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... (tương tự như Kinh Sa-môn quả, đoạn 190-212). Này Hiền giả, như vậy vị Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh, chứng và an trú Sơ thiền. Này Hiền giả, khi Tỷ- kheo biết như vậy, thấy như vậy, vi ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay khác” không? Này Hiền giả, Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy? vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: “Mạng căn và thân thể là một hay là khác.,, Này Hiên giả, tuy Ta biêt như vậy, nhimg Ta không nói: "Mạng căn và thân thể là một hay là khC.”.. chứng và an trú Đệ nhị thiền... Đệ tam thiền... Đệ tứ thiền. Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay khác” không? Này Hiền giả, Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác." Này Hiên giả, tuy Ta biêt như vậy, thây như vậy, nhưng Ta không nói: “Mạng căn và thân thể là một hay là khác." Vị Tỷ-kheo ấy hướng tâm, dẫn tam đến tri kiến. Này Hiền giả, khi vị Tỷ- kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác” không?

1 Xem D. L 47, 87, 111, 127, 150, 161, 178, 204, 211, 224, 235; M. L 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29,157, 214; III. l, 29; s. IV. 103, 110,177;^. L 113; II. 16, 39,153,205; III. 93, 161; v. 201, 347. 2 Ghositārāma\ Ghosỉta (tên riêng của một gia chủ) + ārāma (khu vườn). Khu vườn do ông Ghosita, còn gọi là Ghosaka, hiến cúng cho đức Phật và chư Tăng.

128 KINH TRƯỜNG BỘ

Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vi ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác,^, Này Hiên giả, tuy Ta biêt như vậy, thây như vậy, nhưng Ta không nói: “Mạng căn và thân thể là một hay là khWc." 380. Vị ấy

biết: "Sau đời này sẽ không có đời khác nữq.” Này Hiền giả, khi Tỷ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, vị ấy có sẵn sàng đề cập đến vấn đề: "Mạng căn và thân thể là một hay là khác,9 không? Này Hiền giả, vị Tỷ-kheo biết như vậy, vị ấy sẵn sàng đề cập đến vấn đề: “Mạng căn và thân thể là một hay là khác.” Này Hiền giả, tuy Ta biết như vậy, thấy như vậy? nhưng Ta không nói: “Mạng căn và thân thể là một hay là khac/9 Đức Thế Tôn thuyết như vậy, hai vị du sĩ hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.3

3 Kinh này giống D. 6, Mahāli Sutta (Kinh Mahāli), đoạn 377.

8. KINH CA-DIẾP Sư TỬ HÓNG (Kassapasĩhanãda Sutto)1

381. Như vầy tôi nghe. Một thời, đức Thế Tôn ở tại Ujuññā (Uy-nhã quốc), tại vườn nai Kannakatthala.2 Lúc bấy giờ, lõa thể Kassapa (Ca-diếp) đến chỗ đức Phật, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với đức Thế Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, lõa thể Kassapa thưa với Thế Tôn: Tôn giả Gotama, tôi nghe như vầy: "Sa-m6n Gotama chỉ trích mọi khổ hạnh, tuyệt đôi phỉ báng, mạt sát mọi khô hạnh, mọi lôi sông khăc kh6”có phải những vi ấy nói đúng lời của Tôn giả Gotama? Có phải những vị ấy đã vu oan không xác thật cho Tôn giả Gotama? Có phải những vi ấy đã tuyên bố như pháp, thuận pháp không? Có những chủ trương nào chính và phụ gặp phải cật nạn không? Thật sự chúng tôi không muốn chỉ trích sai lạc Tôn giả Gotama. 382. Này Kassapa, những ai nói: "Sa-môn Gotama chỉ trích mọi khổ hạnh, tuyệt đôi phỉ báng, mạt sát mọi khô hạnh, mọi lôi sông khác kh6”, những vị ấy nói không đúng lời của Ta, đã vu oan không xác thật cho Ta. Này Kassapa, ở đời này, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh, sông khác khô... sau khi thân hoại mạng chung, phải sinh vào khô cảnh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này Kassapa, ở đời này, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh, sống khắc khổ... sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. 383. Này Kassapa, ở đời này, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy một số người tu khổ hạnh nhưng sống ít khắc khổ hơn... sau khi thân hoại mạng chung, phải sinh vào khổ cảnh, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này Kassapa, ở đời này, với Thiên nhãn thuân tinh siêu nhân, Ta thây một sô người tu kho hạnh nhưng sông ít khác khô hơn... sau khi thân hoại mạng chung, được sinh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này Kassapa, khi đã biết đúng với sự thật, sự lai khứ, sanh diệt của những người tu khổ hạnh như vậy, làm sao Ta lại chỉ trích mọi khổ hạnh và tuyệt đối phỉ báng mạt sát mọi khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ?

1 Tên kinh này còn được viết là Đại kỉnh Sư tử hổng (Mahāsīhanāda Sutto). Xem D. 1.47, 87, 111, 127,150, 159, 178, 204, 211,224, 235; III. 36; MA. 68,153,175, 220, 256, 271, 305, 339,400; II. 29,157, 214; m. l, 29; S. IV. 103, 110, 177, 330; A. L 113, 295; II. 16, 39, 153, 205; ni. 93, 161; v. 201, 347. Kinh tương đương trong bộ Trường A-hàm kinh là Lõa hình Phạm chỉ kinh (7.01. 0001.25. 0102c25). 2 Migadāye: Đây là vườn nai không cho phép săn ban.

384. Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn là những nhà bác học, thông thạo, biện tài trong tranh luận, nhà thiện xạ bắn chẻ đôi sợi tóc, đi chỗ này chơ kia đe đả phá mọi tà kiến với trí tuệ của mình. Giữa chúng tôi và những vị này có những điểm tương đồng và có những điểm không tương đồng. Có điểm những vị này công nhận là "phRi", chúng tôi cũng công nhận là “phi”. Có điểm những vi này công nhận là "không phải", chúng tôi cũng công nhận là "không phải". Có điểm những vị này công nhận là "phi”chúng tôi công nhận là "không phai”, Có điểm những vị này công nhận là ÍỂkhông phi”, chúng tôi công nhận là “phai”. Có điểm chúng tôi công nhận là "phi", các vị này cũng công nhận là "phải". Có điểm chúng tôi cong nhận là "không phải", các vị này cũng công nhận là "không phảf\ Có điểm chúng tôi công nhận là "phải", các vị này công nhận là "không phaf9. Có điểm chúng tôi công nhận là "không phẻii", các vị này công nhận là "phải". 385. Ta đến các vị ấy và nói: “Này các Hiền giả, những điểm không đồng ý, hãy để chúng yên như vậy. Những điểm đồng ý, các vị có trí hãy hỏi nhau, tìm hiên và đàm luận với nhau, giáo sư với giáo sư, hay chúng đệ tử với chúng đệ tử: 'Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm; giữa quý vi Hiền giả này, ai đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, Sa-môn Gotama hay những vi Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia?'” 386. Này Kassapa, và sự tình này xảy ra khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, các vi này nói: "Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lam hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm; giữa những vi Hiền giả này, Sa-môn Gotama đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy; còn những vị Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia chỉ xả ly một phần thôi?5 Như vậy, này Kassapa, những vi có trí khi hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này. 387. Này Kassapa, lại nữa, các vị có trí lại hỏi nhau, tìm hiên và đàm luận với nhau, giữa giáo sư với giáo su, giữa chúng đệ tử với chúng đệ tử: "Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lâm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh; giữa quý vị Hiên giả này, ai đã hoàn toàn thành tựu những pháp này? Sa-môn Gotama hay những vi Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia?" 388. Này Kassapa, và sự tình này xảy ra khi các vi có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, các vi này nói:6"Những pháp thiện hay được xem là thiện,

những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lầm^ những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tịnh hay được xem là thanh tịnh; Sa-môn Gotama đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, còn những vi Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia chỉ thành tựu một phân.” Như vậy, này Kassapa, những vị có trí khi hỏi nhau, tìm

hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này. 389. Này Kassapa, lại nữa, các vị có trí lại hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, giữa giáo sư với giáo su, giữa chúng đệ tử với chung đệ tử: "Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hanh, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm; giữa những vi Hiền giả này ai đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, chúng đệ tử của Sa-môn Gotama hay chúng đệ tử của những Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia?” 390. Này Kassapa, và sự tình này xảy ra khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, các vị này nói: "Những pháp bất thiện hay được xem là bất thiện, những pháp lỗi lầm hay được xem là lỗi lầm, những pháp không nên tuân hành hay được xem là không nên tuân hành, những pháp không xứng bậc Thánh hay được xem là không xứng bậc Thánh, những pháp ô nhiễm hay được xem là ô nhiễm; giữa những vị Hiền giả này, chúng đệ tử của Sa-môn Gomata đã hoàn toàn xả ly những pháp ấy, còn chúng đệ tử của những vị Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia chỉ xả ly một phần th6i." Như vậy, này Kassapa, những vị có trí khi hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phan lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này. 391. Này Kassapa, lại nữa, các vị có trí lại hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, giữa giáo sư với giáo sư, giữa chúng đệ tử với chúng đệ tử: "Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi lầm hay được xem là không lỗi lam, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tinh hay được xem là thanh tịnh; giữa những vị Hiền giả này, ai đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, chúng đệ tử của Sa-môn Gotama hay chúng đệ tử của những Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia?" 392. Này Kassapa, sự tình này xảy ra khi các vị có trí hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau. Các vị này nói: "Những pháp thiện hay được xem là thiện, những pháp không lỗi làm hay được xem là không lỗi lầm, những pháp nên tuân hành hay được xem là nên tuân hành, những pháp xứng bậc Thánh hay được xem là xứng bậc Thánh, những pháp thanh tinh hay được xem là thanh tịnh; giữa những vị Hiền giả này, chúng đệ tử của Sa-môn Gotama đã hoàn toàn thành tựu những pháp này, còn chúng đệ tử của những vị Tôn giả, Sư trưởng các giáo phái kia chỉ thành tựu một phần th6i." Như vậy, này Kassapa, những vị có

trí khi hỏi nhau, tìm hiểu và đàm luận với nhau, một phần lớn tán thán chúng tôi về vấn đề này. 393. Này Kassapa, có con đường, có phương pháp khiến ai tuân theo sẽ tự thấy và tự biết: "Sa-môn Gotama nói đúng thời, nói chơn thật, nói lợi ích, nói hợp Pháp, nói đúng Luāt?9 Này Kassapa, con đường ấy là gì5 phương pháp ấy là gì khiến ai tuân theo sẽ tự thấy và tự biết: 66Sa-môn Gotama nói đúng thời, nói chơn thật, nói lợi ích, nói hợp Pháp, nói đúng Luāt?^ Chính là con đường Thánh tám ngành tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Này Kassapa, chính con đường này, chính phương pháp này khiến ai tuân theo sẽ tự thấy và tự biết: "Sa-m6n Gotama nói đúng thời, nói lời chơn thật, nói lợi ích, nói hợp Pháp, nói đúng Luat." 394. Nghe nói vậy, lõa thể Kassapa bạch đức Thế

Tôn: -Hiên giả Gotama, những pháp khô hạnh này được những Sa-môn và Bà-la- môn công nhận là Sa-môn hạnh và Bà-la-môn hạnh:3 sống lõa thể; sống phóng túng không theo lễ nghi [như đứng mà đi đại tiểu tiện, đứng ăn, không chịu ngồi theo lễ nghi]; liếm tay cho sạch [sau khi ăn, không chịu rửa]; đi khất thực không chịu bước tới [theo lời yêu cầu để thí chủ bỏ đồ ăn vào bát]; đi khất thực không : • r e -«0-1 - y. * A

chịu dừng lại [theo lời yêu câu của thí chủ]; không nhận đô ăn mang đên [cho mình, trước khi đi khát thực]; không nhạn đo ăn đặc biêt nau cho mình;J không

7 • J7

->

• • •

V 9»

nhận mời đi ăn; không nhận đô ăn từ nơi nôi chảo [sợ nôi chảo bị nạo, bi cạy đê cúng dường đồ ăn]; không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa [sợ dành riêng cho mình]; không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy [sợ dành riêng cho mình]; khônệ nhận đo ăn đặt giữa những coi giã gạo [sợ danh riêng cho minh]; không nhận đô ăn từ hai người đang ăn [sợ đồ ăn chỉ do một người cho]; không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai [sợ đứa con trong bụng mẹ bi thiệt thòi]; không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú [sợ sữa người đàn bà sẽ bớt đi]; không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cau [sợ làm trở ngại sự giao cau]; không nhận đo ăn đi quyênr [bởi tín đồ khiy có nạn y • đói]; không nhận đồ ăn ..K r tại ychỗ có " chó đứng [sợ chó mát phân ăn]; không nhận đô ăn tại chô ruồi bu [sợ ruồi mát phân ăn]; không ăn cá, không ăn thịt; không uống rượu nấu rượu men. Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miêng hay vị áy chỉ nhận ăn tại bảy nhà, chỉ nhận ăn bảy miêng; vị áy chỉ nuôi sống với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát; vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy, vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần. 395. Này Hiền giả Gotama, những pháp khổ hạnh này được chúng Sa-môn9 Bà-la-môn công nhận là Sa-môn hạnh và Bà-la-môn hạnh. Vi này chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc,45ăn gạo lứt, ăn gạo daddula/ ăn bèo cái, ăn cám, ăn váng nước

3 Xem M. L 77, 238, 342 và II. 161 và Pug. IV. 24. 4 Sāmāka. Xem MA. 156; J. II. 365 và IIL 144. 5 Daddula. Xem MA. 78, 156, 188.

8. KINH CA-DIẾP Sư TỬ HỐNG]33

Cơm, ăn bột vừng,6 ăn cỏ, ăn phân bò; ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. 396. Này Hiên giả Gotama, những pháp khô hạnh này được c6ng nhận bởi những Sa-môn5 Bà-la-môn là Sa-môn hạnh và Bà-la-môn hạnh. Vi ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tẫn liệm rồi quăng di,7 mặc vải phấn tảo y, mặc áo làm bằng vỏ cây,6 789mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện bang từng mảnh da của con sơn dương dèn,9 mặc áo bang cỏ cát tường (kusa), mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ,10 mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc ao băng đuôi ngựa bện lại,11 mặc ao băng long cu. Vị áy la người song nhô râu tóc, là người theo tập tục sống

nhổ râu tóc, là người theo hạnh thường đứng không dùng chỗ ngồi, là người ngồi chò hỏ, sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn,12 là người dùng gai làm giường, thương ngủ nằm trên giường gai, sống dùng ván gỗ làm giường, sông năm trên đát trân,13 thường nằm ngủ một bên hông, sống để bụi và nhớp che dính thân mình, sống và ngủ ngoài trời,1415 16 theo hạnh bạ đâu nằm dấy, sống ăn các uế vật, theo hạnh ăn các uế vật [phân bò, nước tiểu bò, tro và đất]/5 sống không uống nước lạnh,16 theo hạnh không uống nước lạnh, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm [để gột sạch tội lỗi]. 397. Này Kassapa nêu một người sông lõa thê, sông phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần; nhưng nếu vị này không tu và không chứng được Giới cụ túc, Tâm cụ túc, Tuệ cụ túc, thời vị ấy cách rất xa Sa-môn hạnh, cách rất xa Bà-la-môn hạnh. Này Kassapa, nêu Tỷ-kheo sông tu tập với tâm từ, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn. Này Kassapa, nêu một người chỉ ăn cỏ lúa đê sông, này Kassapa, nêu người ấy chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc, ăn gạo lứt... ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống; nhung nếu vị này khônệ tu và không chứng được Giới cụ túc, Tâm cụ túc, Tuệ cụ túc, thời vị ây cách rát xa Sa-môn hạnh, cách rát xa Bà-la- môn hạnh. Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ, không hận thù5 không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện

6 Piññāka. Xem Vin. IV. 341. 7 Chavadussãnỉ pi dhāreti.

8 Tiritãnỉ pi dhāreti. 9 Ạịinakkhiparh pi dhāreti.

10 Phalakacīrampi dhāreti. Xem Vỉn. L 305; Vin. II. 137.
11 Vāla-kambalam pi dhāreti.
12 Ukkutikappadhāna.
13 Thandila-seyyarn pi kappeti.
14 Abbhokãsika. Tham khảo J. IV. 8; Mỉln. 342.
15 Vekatika. Xem J. L 390; Vỉn. II. 59.
16 Apãnaka. Xem Miln. II. 85.

tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn? được gọi là Bà-la-môn. Này Kassapa, nếu một người mặc vải gai thô, mặc vải gai thô trộn với các vải khác... sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm [để gột sạch tội lỗi]; nhimg nếu vị này khônệ tu và không chứng được Giới cụ túc, Tâm cụ túc, Tuệ cụ túc, thời vị ây cách rát xa Sa-môn hạnh, cách rát xa Bà-la-môn hạnh. Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an tru ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ«kheo ấy được gọi là Sa-môn, được gọi là Bà-la-môn. 398. Khi nghe nói đến đây, lõa thể Kassapa bạch Thế Tôn: -Tôn giả Gotama, khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la- môn hạnh! -Này Kassapa, đó là lời nói thường tình

ở đời: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn h@nh!” Này Kassapa, như một người sống lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần. Này Kassapa, nếu sự khó hành, sự rất khó hành của Sa-môn hạnh, của Bà-la-môn hạnh chỉ tùy thuộc khổ hạnh này và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: “Kh6 hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!” Một người cư sĩ hay con một người cư si, cho đến một nạười đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi sống lõa thể, sông phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần.” Này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, Sa-môn hạnh hay Bà-la-môn hạnh vẫn khó hành trì, vẫn thật khó hành trì. Do vậy, thật xứng đáng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!,, Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ, không hận thù, không ác hại, và với sự tận diệt các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn9 được gọi là Bà-la-môn. Này Kassapa, J J7 ' nếu• mộtO ngườic. chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc,... ăn trái cây và rễ l J

cây trong rừng, ăn trái cây rụng đê sông5 nêu sự khó hành, sự rát khó hành của Sa-môn hạnh, của Bà-la-môn hạnh chỉ tùy thuộc khô hạnh này, và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn h@nh!” Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ, cho đen một người đầy tớ gái đội ghè nước có the làm theo những hạnh: "T6i chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc,... ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rừng để s6ng.” Này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, Sa-môn hạnh hay Bà-la-môn hạnh vẫn khó hành tri, vẫn thật khó hành trì. Do vậy, thật xứng đáng mà nói: "ỈỌ16 hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!” Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ,

không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an tru ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu5 này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn5 được gọi là Bà-la-môn. Này Kassapa, nếu một người mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác... sống một đêm tắm ba lần. theo hạnh xuống nước tắm [để gột sạch tội lỗi], nếu sự khó hành, sự rất khó hành của Sa-môn hạnh, của Bà-la-môn hạnh chỉ tùy thuộc khổ hạnh này và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!^, Một người cư sĩ hay con một người cư si, cho đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "T6i chỉ mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác... sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm [để gột sạch tội lỗi]?9 Này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, Sa-môn hạnh hay Bà-la-môn hạnh vẫn khó hành tri, vẫn thật khó hành trì. Do vậy, thật xứng đáng mà nói: "Khó hành thay Sa-môn hạnh! Khó hành thay Bà-la-môn hạnh!" Này Kassapa, nếu Tỷ- kheo sống tu tập với tâm từ, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các

lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn9 được gọi là Bà-la-môn. 399. Khi nghe nói vậy, lõa thể Kassapa bạch đức Thế Tôn: Tôn giả Gotama, khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn! Này Kassapa, đó là lời nói thường tình ở đời: “Kh6 biết thay một Sa-mon! Khó biết thay một BA-la-m6n!” Này Kassapa, nếu một người sốnệ lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... sốnệ theo hạnh tiết chê ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần. Này Kassapa, nêu trở thành một Sa-môn? nếu trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này, chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: “Kh6 biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!,5 Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ, cho đen một n^ười đây tớ gái đội ghè nước có thê làm theo những hạnh này: "Tôi sốnệ lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay... song theo hạnh tiết che ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một Ian." Này Kassapa, vì ngoài khô hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, vẫn khó biết, vẫn thật khó biết một người Sa-môn hay một người Bà-la-môn. Do vậy, thật xứng đáng mà nói: “Kh6 biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-m6n!" Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ, không hận thù, không ác hại9 và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an tru ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, vị Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn9 được gọi là Bà-la-môn. Này Kassapa, nếu một người chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc,... ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống, này Kassapa, nếu trở thành một Sa-môn5 trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này, và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-m6n!" Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ, cho

đến một người đầy tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "T6i chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc,... ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để s6ng." Này Kassapa, vì ngoài khổ hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, vẫn khó biết, vẫn thật khó biết một nguôi Sa-môn hay một người Bà-la-môn. Do vậy, thật xứng đáng mà nói: "Khó biêt thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-m6n!” Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-môn5 được gọi là Bà-la-môn. Này Kassapa, nếu một người mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác... sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm [để gột sạch tội lỗi], này Kassapa, nếu ứở thành một Sa-môn, trở thành một Bà-la-môn chỉ tùy thuộc khổ hạnh này, và chỉ tùy thuộc sự thực hành khổ hạnh này, thời thật không xứng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-lam6n!" Một người cư sĩ hay con một người cư sĩ, cho đen một người đay tớ gái đội ghè nước có thể làm theo những hạnh: "Tôi mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác... sông một đêm tăm ba I2n.” Này Kassapa, vì ngoài khô hạnh này, ngoài sự thực hành khổ hạnh này, vẫn khó biết, vẫn rất khó biết một người Sa-môn hay một người Bà-la-môn. Do vậy, thật xứng đáng mà nói: "Khó biết thay một Sa-môn! Khó biết thay một Bà-la-môn!^ Này Kassapa, nếu Tỷ-kheo sống tu tập với tâm từ, không hận thù,

không ác hại, và với sự diệt tận các lậu hoặc, tự giác chứng và an trú ngay hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát vô lậu, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy được gọi là Sa-m6n, được gọi là Bà-la-môn. 400. Khi nghe nói vậy, lõa thể Kassapa bạch đức Thế Tôn: -Tôn giả Gotama, thế nào là Giới cụ túc? Thế là Tâm cụ túc? Thế nào là Tuệ cụ túc? Này Kassapa, nay ở đời, Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri... (xem Kinh Sa-môn quả, đoạn 190-193)... thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, sinh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, đầy đủ chánh niệm, chánh trí và biết tri túc. 401. Này Kassapa, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? ở dây, này Kassapa, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý. có lòng từ, sông thương xót đên hạnh phúc của tát cả chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật... (xem Kinh Sa-môn quả. đoạn 194-210). Trong khi một số Sa-môn9 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các tà thuật đê được an ôn, đê khỏi làm các điêu đã hứa... (xem Kinh Sa-môn quả. đoạn 2ll)... ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là Giới cụ túc của vị ấy. Và như vậy, này Kassapa, vị Tỷ-kheo ấy

8. KINH CA-DIẾP Sư TỬ HỐNG 137

r e /y nhờ giới luật cụ túc nên không thây sợ hãi từ một chô nào vê sự hộ trì giới luật. Này Kassapa, như một Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi chỗ nào về sự thù địch. Cũng vậy, này Kassapa, Tỷ-kheo ấy nhờ giới luật cụ túc nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về sự hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ giới luật cụ túc cao quý này nên hưởng lạc thọ nội tâm thanh tinh. Như vậy, này Kassapa, là Tỷ-kheo giới luật cụ túc. Này Kassapa, thế nào là vị Tỷ-kheo bảo hộ các căn? Này Kassapa, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung... những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, mi bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn5 thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy nên hưởng lạc thọ nội tâm thanh tinh... Như vậy, này Kassapa, là Tỷ-kheo hộ trì các căn... (xem Kinh Sa-môn quả. đoạn kinh số 213-225). Khi quán tự thân đã xả ly năm triên cái ây, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này Kassapa, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhoi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt5 thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhimg không chảy thành giọt. Cũng vậy, này Kassapa, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Như vậy là Tâm cụ túc của vị ấy. Lại nữa, này Kassapa, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do đinh sanh, không tam không tứ,

nội tĩnh nhất tâm... Thiền thứ ba... chứng và tru vào Thiền thứ tư... (xem Kinh Sa-môn quả. đoạn 232-233). Đó là Tâm cụ túc của vị ấy. Này Kassapa, đó là Tâm cụ túc. Với tâm đinh tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đen chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bị trói bug" Này Kassapa, ví như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uê trược, đây đủ tát cả mỹ tướng; và một sợi dây được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ? màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy ở trên tay sẽ thấy: "Hòn ngọc lưu ly bảo châu này đẹp dẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa,

khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng; và sợi dây này được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt.” Cũng vậy, này Kassapa, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vi ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biên hoại, phân toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bị trói buộc?5... (xem Kinh Sa-môn quả. đoạn 236-249). Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nũu" Đó là Tuệ cụ túc của vi ấy. Này Kassapa, đó là Tuệ cụ túc. Này Kassapa, và không có một Giới cụ túc, Tâm cụ túc, Tuệ cụ túc nào khác cao thượng hơn, thù thắng hơn Giới cụ túc, Tâm cụ túc và Tuệ cụ túc này. 402. Này Kassapa, có một số Sa-môn5 Bà-la-môn chủ trương giới luật. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán giới luật. Này Kassapa, nói về giới luật tôn kính cao thượng nhất, Ta nhận thấy không có một ai bằng giới luật của Ta, làm sao có ai hơn được. Như vậy, Ta hơn trên tất cả ve giới luật, tức là Tăng thượng giới. Này Kassapa, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương khổ hạnh yểm ly. Những vi này dùng nhiều phương tiện tán thán khổ hạnh yểm ly. Này Kassapa, nói vê khô hạnh yêm ly tôn kính cao thượng nhát, Ta nhận thây không có một ai bằng được khổ hạnh yểm ly của Ta, làm sao có ai hơn được. Như vậy, Ta hơn trên tất cả về khổ hạnh yểm ly, tức là Tăng thượng yểm ly. Này Kassapa, có một sô Sa-môn9 Bà-la-môn chủ trương trí tuệ. Những vi này dùng nhiều phương tiện tán thán trí tuệ. Này Kassapa, nói về trí tuệ tôn kính cao thượng nhất, Ta nhận thấy không có một ai bằng được trí tuệ của Ta, làm sao có ai hơn được. Như vậy, Ta hơn trên tất cả về trí tuệ5 tức là Tăng thượng trí tuệ. Này Kassapa, có một số Sa-môn9 Bà-la-môn chủ trương giải thoát. Những vị này dùng nhiều phương tiện tán thán giải thoát. Này Kassapa, nói về giải thoát tôn kính cao thượng nhất, Ta nhận thấy không có một ai b*ng được giải thoát của Ta? làm sao có ai hơn được. Như vậy, Ta hơn trên tát cả vê giải thoát, tức là Tăng thượng giải thoát. 403. Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoài đạo có thể nói: íaSa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử nhưng chỉ tại chỗ vắng người,

không ở giữa đại chúng.” Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiêng rống con sư tử tại chỗ vắng người và cả giữa đại chiing." Này Kassapa, nên nói với họ như vậy. Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-m6n Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng nhtrng không rống với tinh thần vô úy.,, Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama

rông tiêng rông con sư tử giữa đại chúng và rông với tinh thân vô liy.” Này Kassapa, nên nói với họ như vậy. Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sam6n Gotama rông tiêng rông con sư tử giữa đại chúng, với tinh thân vô úy, nhimg không có ai hỏi Sa-môn Gotama câu hỏi gi." Nên nói với họ: uChớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng, với tinh thần vô úy, và có người hỏi Sa-môn Gotama.Này Kassapa, nên nói với họ như vậy. Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: uSa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy? và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama không thể trả lòi." Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh than vô úy? và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ?5 Này Kassapa, nên nói với họ như vậy. Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ. Nhimg dầu cho Sa-môn Gotama có trả lời, câu trả lời cũng không làm tâm người ta thỏa man?9 Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ; câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn.,, Này Kassapa, nên nói với họ như vậy. Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: uSa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy? và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ; câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Nhưng người ta không xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe." Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ; câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn; người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe." Này Kassapa, nên nói với họ như vậy. Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa- môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ; câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe. Nhưng dàu cho có được nghe, người ta cũng không tin tưởng.^, Nên nói với họ: "Ch& có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy? và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ; câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe, và sau khi nghe, người ta có lòng tin tưởng.” Này Kassapa, nên nói với họ như vậy.

140 KINH TRƯỜNG BỒ

Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-m6n Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ, câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe; và sau khi nghe, người ta có lòng tin tưởng. Nhưng dầu cho có lòng tin tưởng, người ta không biểu lộ lòng tin tưởng." Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy? và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ, câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe và sau khi nghe, người ta có lòng tin tưởng. Khi có lòng tin tưởng, người ta biểu lộ lòng tin tưởng." Này Kassapa, nên nói với họ như vậy. Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ? câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe và sau khi nghe, người ta có lòng tin tưởng. Khi có lòng tin tưởng, người ta biểu lộ lòng tin tưởng. Nhưng dầu cho có biểu lộ lòng tin tưởng, người ta không đạt đến chỗ như thực.” Nên nói với họ: uChớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ, câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe và sau khi được nghe, người ta có lòng tin tưởng. Khi có lòng tin tưởng, người ta biểu lộ lòng tin tưởng và đạt đen chỗ như thực." Này Kassapa, nên nói với họ như vậy. Này Kassapa, sự tình này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ, câu trả lời làm cho tâm người ta thỏa mãn. Người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama là đáng được nghe, và sau khi nghe, người ta có lòng tin tưởng. Khi có lòng tin tưởng, người ta biểu lộ lòng tin tưởng và đạt đến chỗ như thực, nhưng người ta không đem ra thực hành đượcy Nên nói với họ: "Chớ có nói như vậy! Sa-môn Gotama rống tiếng rống con sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, và khi có người hỏi, Sa-môn Gotama trả lời cho họ, câu trả lời làm tâm người ta được thỏa mãn; người ta xem ý kiến của Sa-môn Gotama đáng được nghe; sau khi được nghe, người ta tin tưởng; khi có lòng tin tưởng, người ta biểu lộ lòng tin tưởng, và đạt đến chỗ như thực; đạt đến chỗ như thực, người ta đem ra thực hAnh." Này Kassapa, nên nói với họ như vậy. 404. Này Kassapa, một thời Ta ở tại Vương Xá, trên núi Linh Thứu. Lúc bay giờ, có người Phạm chí tu khổ hạnh tên là Nigrodha đến hỏi về tối thắng khổ hạnh yểm ly. Khi được hỏi về tối thắng khổ hạnh yểm ly, Ta đã trả lời. Và khi được Ta trả lời, vị ấy phát tâm hoan hỷ như với một hoan lạc tối thượng. Bạch Đại đức, ai có thể sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp mà lại không

8. KINH CA-DIẾP Sư TỬ HỐNG 141

hoan hỷ như với một hoan lạc tối thượng! Bạch Đại dức, thật ra con cũng vậy5 sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp thì hoan hỷ như với một hoan lạc tối thượng! Thật vi diệu thay, bạch Đại đức! Thật vi diệu thay, bạch Đại đức! Bạch Đại đức, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bi che kín, chỉ đường cho

kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chư Tỷ-kheo. Bạch Đại đức, con xin xuất gia với Thế Tôn, con xin thọ Đại giới. 405. Này Kassapa, ai trước kia là nệoại dạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ Đại giới trong Pháp và Luật này, phải sông bôn tháng biệt trú. 17 Sau khi sốnẹ bôn tháng biệt trú, chúng Tăng nêu đông ý sẽ cho xuât gia, cho thọ Đại giới đê thành vị Tỷ-kheo9 nhưng Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau. -Bạch Đại dức, nếu những người xưa kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ Đại giới trong Pháp và Luật này, phải song bon tháng biệt trú; sau khi sống bốn tháng biệt trú, chúng Tng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ Đại giới, thời con sẽ xin sống biệt tru bôn năm, sau khi sống biệt tru bốn năm, nếu chúng Tăng đong ý, mong chúng Tăng xuất gia cho con, cho con thọ Đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Và lõa thể Kassapa được xuất gia với Thế Tôn và được thọ Đại giới. Thọ Đại giới không bao lâu, Đại đức Kassapa ở một mình an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thăng trí, chứng ngộ và an trú. "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa", Đại đức Kassapa liễu tri như vậy. Và Đại đức Kassapa trở thành một vị A-la-hán nữa.

17 Xem Vin. L 69.

9. KINH POTTHAPĀDA (BÓ-SÁ-BÀ-LÂU) (Potthapāda Suttaṃ

406. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở tại Sāvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ Viên), vườn Anāthapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Potthapada (Bố-sá-bà-lâu) cùng với đại chúng du sĩ ngoại đạo khoảng ba trăm vị, ở tại vườn của Hoàng hậu Mallikã1 2 (Mạt-lê viên) tên là Ekasãlaka, có hàng rào cây tinduka, một hội trường luận bàn vê chánh kiên, tà kiên. Lúc bây giờ, Thê Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát vào Sāvatthi khất thực. 407. Rồi Thế Tôn tự nghĩ: "Giờ này còn quá sớm để đi khất thực tại Sāvatthi, Ta hãy đi đến vườn của Hoàng hậu Mallikã tên là Ekasãlaka, có hàng rào cây tinduka, một hội trường luận bàn về chánh kiến, tà kiến, để gặp du sĩ ngoại đạo Potthapãda.,, Và Thế Tôn đi đến vườn của Hoàng hậu Mallikâ tên là Ekasālaka, có hàng rào cây tinduka, một hội trường luận bàn về chánh kiến, tà kiến. 408. Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Potthapāda ngồi với đại chúng du sĩ ngoại đạo, đang ồn ào, la lối, lớn tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện về hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về đồ mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ5 câu chuyện về làng xóm, câu chuyện vê thị trân, câu chuyện vê thành phô, câu chuyện vê quôc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vi anh hùng. câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lay nước, câu chuyện ve người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới và hiện trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu.

409. Du sĩ ngoại đạo Potthapāda thấy Thế Tôn từ xa đến, liền khuyến cáo chúng của mình: "Cảc Tôn giả hãy nhỏ tiếng, các Tôn giả hãy đừng làm ồn! Nay Sa-môn Gotama đang đến, Ngài ưa mến sự trầm lặnẸ, vị Đại đức này tán thán sự trầm lặng. Nếu biết chúng này yên tịnh, Ngài có thê ghé đến day?9 Nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo liền im lặng.

1 Xem D. L 47, 87,111,127,150,161; MA. 175,220,256,271,339, 353,400, 513; II. 29,157,214; III. l, 29; S. IV. 103, 110, 177; A. Ị. 113; II. 16, 39, 153, 205; ni. 93, 161; v. 201, 347. Kinh tương đương trong bộ TrườngA-hàm kỉnh là Bô-tra-bà-lâu kỉnh (TOI. 0001.28. 0109c22). 2 Một trong những Hoàng hậu của Vua Pesenadi nước Kosala. Xem J. III. 405 và IV. 437.

410. Rồi Thế Tôn đến du sĩ ngoại đạo Potthapāda, và du sĩ ngoại đạo Potthapāda bạch Thế Tôn: Thiện lai, Thế Tôn! Hoan nghênh Thế Tôn! Đã lâu Thế Tôn không quá bộ đến dây, mời Thế Tôn ngồi, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Du sĩ ngoại đạo Potthapāda lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với du sĩ Potthapāda đã ngồi một bên: Này Potthapāda, vấn đề gì các vị đang ngồi thảo luận? vấn đề gì đang nói mà bị gián đoạn? 411. Khi nghe nói vậy, du sĩ ngoại đạo Potthapāda bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, hãy gác một bên câu chuyện chúng tôi đang ngồi bàn luận. Bạch Thế Tôn, lát nữa Thế Tôn nghe lại cũng không khó khăn gì. Bạch Thế Tôn. mấy ngày trước, nhiều vi Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo tụ họp. ngồi hội thảo trong giảng đường nêu lên vấn đe sự diệt tận các tăng thượng tưởng.3 “Này Tôn giả, tăng thượng tưởng diệt tận như thế nào?” Một vài vị trả lời: "Không nhân, không duyên, các tưởng của con người sinh và diệt. Khi tưởng sanh, con người có tưởng; khi tưởng diệt, con người không có tưởng.,, Như vậy, một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng. về vấn đề này, người khác lại nói như sau: "Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Này Tôn giả, tưởng là tự ngã của con người, chính tưởng ấy đến và đi. Khi tưởng ấy đến thì con người có tưởng, khi tưởng ấy đi thì con người không có tưởng." Như vậy, một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng. về vấn đề này, người khác lại nói như sau: "Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Này Tôn giả, có những Sa-môn, Bà-la-môn có đại thần thông và đại oai lực. Chính những vị này khiến tưởng nhập vào trong người và cũng kéo tưởng ra ngoài người ấy. Khi các vị này khiến tưởng nhập vào trong người, người ấy có tưởng; khi kéo tưởng ra ngoài, người ấy không có tưởng.,, Như vậy, một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng. về vấn đề này, người khác lại nói như sau: “Các Tôn giả, sự kiện không phải như vậy. Này Tôn giả, có những vị thiên thần có đại thần thông, có đại oai lực. Chính những vi này khiến tưởng nhập vào trong người và kéo tưởng ra ngoài người ấy. Khi các vị này khiến tưởng nhập vào trong người, người ấy có tưởng; khi kéo tưởng ra ngoài, người ấy không có tưởng.,, Như vậy, một vài vị giải thích sự diệt tận các tăng thượng tưởng. Bạch Thê Tôn, lúc bây giờ, con tưởng niệm đến Thế Tôn: “Mong Thế Tôn có mặt ở đây] Mong Thiện Thệ có mặt ở đây! Ngài rất tinh thông những pháp này. Chắc chắn Thế Tôn biết rõ sự diệt tận các tăng thượng tưởng.” Bạch Thê Tôn, sự diệt tận các tăng thượng tưởng

như thế nào? 412. Này Potthapāda, những Sa-môn5 Bà-la-môn nào đã nói: "Không nhân,

3 Abhisaññā-nirodho.

không duyên, các tưởng của con người sinh và diet", những vị này đã sai lạc ngay từ ban đâu. Vì sao vậy? Này Potthapāda, chính vì có nhân, có duyên, các tưởng của con người sinh và diệt. Chính do sự tu tập, một loại tưởng sanh; chính do sự tu tập, một loại tưởng diệt. 413. Và The Tôn nói: -Sự tu tập ấy là gì? Này Potthapāda, nay ở đời Như Lai xuất hiện, là bác A-la-hán, Chánh Biên Tri... (như Kinh Sa-mon quả. đoạn 190-193, trừ đoạn két của mỗi đoạn)... thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh, mạng sống trong sạch, giới hạnh đây đủ, hộ trì các căn, chánh niệm tỉnh giác và biêt tri túc. Này Potthapāda, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh đầy đủ? ở đây, này Potthapāda, vị Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vi ấy trong giới luật... (nhưKinh Sa-môn quả. đoạn 194-212)... như dùng tà thuật để được yên ổn5 để khỏi làm ’ m / -t -l • o “k r các điêu đã hứa, đê được che chở khi ở trong nhà băng dát, đê dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, cho lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mửa, làm cho xổ5 bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong dầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh cho mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít? cho thuốc uống bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. Này Potthapāda, và như vậy, vị Tỷ-kheo ây nhờ đây đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Này Potthapāda, như một người Sát-đê-lỵ đã làm lê quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, này Potthapāda, vi Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thay sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này nên hưởng lạc thọ nội tâm thanh tịnh. Như vậy, này Potthapāda, là Tỷ-kheo đầy đủ giới luật. Này Potthapāda, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Này Pơtthapãda, khi mắt thay sắc, vị Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến con mát không được chế ngự, khiến tham ái. ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vi Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ây, hộ trì con mt, thực hành sự hộ trì con mát. Khi tai nghe tiêng... mũi ngửi mùi... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nệuyên nhân gì khiến ý căn không được chê ngự, khiên tham ái, ưu bi, các ác, bát thiện pháp khởi lên, Tỷ- kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn9 thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy nên hưởng lạc thọ nội tâm thanh tịnh. Như vậy, này Potthapāda, là Tỷ-kheo hộ trì các căn... (như Kinh Sa-môn quả, đoạn 213-223).

Khi quán tự thân đã xả ly năm triên cái ây? hân hoan sanh; do hân hoan, nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Dục tưởng trước kia của vị ấy được diệt trừ, và khi tưởng hỷ lạc vi tế chơn thật do ly dục sanh khởi lên, vi ây có tưởng hỷ lạc vi tê chơn thật do ly dục sanh. Như vậy, do tu tập, một tưởng khởi lên; cũng do tu tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: UĐÓ là sự tu tập Ta nói đến.,, Lại nữa, này Potthapāda, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tưởng hỷ lạc vi tế chơn thật do ly dục sanh trước kia của vị ấy được diệt trừ, và khi tưởng hỷ lạc vi tế chơn thật do định sanh khởi lên, vị ấy có tưởng hỷ lạc vi tê chơn thật do định sanh. Như vậy, do tu tập5 một tưởng khởi lên; cũng do tu tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: “D6 là sự tu tập Ta nói đến.” Lại nữa, này Potthapāda, Tỷ-kheo ly hỷ tru xả5 chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tưởng hỷ lạc chơn thật vi tế do định sanh trước kia của vi ấy được diệt trừ, và khi tưởng xả lạc vi tế chơn thật khởi lên, vi ấy có tưởng xả lạc vi tế chơn thật. Như vậy, do tu tập, một tưởng khởi lên; cũng do tu tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự tu tập Ta nói đến." Lại nữa, này Potthapāda, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ? diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không kho khônệ lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy, tưởng xả lạc chơn thật vi tế trước kia của vị ẩy được diệt trừ, và khi tưởng xả lạc xả khô vi tê chơn thật khởi lên, vị ây có tưởng xả lạc xả khô vi tê chơn thật. Như vậy, do tu tập, một tưởng khởi lên; cũng do tu tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "Đó là sự tu tập Ta nói đến." Lại nữa, này Potthapāda, với sự vượt thoát mọi sắc tưởng, với sự diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, với sự không tác ý đối với di tưởng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô bi6n”chứng và trú Không vô biên xứ. Như vậy, sắc tưởng trước kia của vị ây được diệt trừ, và khi tưởng Không vô biên xứ vi tê chơn thật khởi lên, vị ấy có tưởng Không vô biên xứ vi tế chơn thật. Như vậy, do sự tu tập, một tưởng khởi len; cũng do tu tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "D6 là sự tu tập Ta nói đến.^, Lại nữa, này Potthapāda, với sự vượt thoát mọi Không vô biên xứ, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Thức là vo bien,9? chứng và tru Thức vô biên xứ. Như vậy, tưởng Không vô biên xứ vi tế chơn thật trước kia của vị ấy được diệt trừ, và khi tưởng Thức vô biên xứ vi tế chơn thật khởi lên, vi ấy có tưởng Thức vô biên xứ vi te chơn thật. Như vậy, do tu tập, một tưởng khởi lên; cũng do tu tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: "B6 là sự tu tập Ta nói đến.,^ Lại nữa, này Potthapāda, với sự vượt thoát mọi Thức vô biên xú*, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Không có vật gi”chứng và tru Vô sở hữu xứ. Như vậy, tưởng Thức

VÔ biên xứ vi tê chơn thật trước kia của vị áy được diệt trừ, và khi tưởng Vô sở hữu xứ vi tê chơn thật khởi lên, vị áy có tưởng Vô sở hữu xứ vi tê chơn thật. Như vậy, do tu tập, một tưởng khởi lên; cũng do tu tập, một tưởng diệt trừ. Và Thế Tôn nói: “D6 là sự tu tập Ta nói đến.” 414. Lại nữa, này Potthapāda, khi Tỷ-kheo ở đây tự mình khởi tưởng, vi này tiếp tục đi từ tưởng này đến tưởng khác cho đến tưởng tột đỉnh. Và vị này khi đứng tại tưởng tột đỉnh, có thể nghĩ: "Tâm còn suy tưởng có hại cho ta, tâm không suy tưởng

mới tốt cho ta. Nếu ta cứ tiếp tục suy tưởng, khi những tưởng này của ta diệt di, các thô tưởng khác lại khởi lên, ta hãy đừng có suy tưởng.,, Và vị này không có suy tưởng. Do không có suy tưởng, các tưởng kia diệt tận và các thô tưởng khác không khởi lên, vị ấy cảm thọ sự diệt tận. Như vậy5 này Potthapāda, là sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tăng thượng tưởng. Này Potthapāda, ngươi nghĩ thê nào, trước đây ngươi đã nghe sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tăng thượng tưởng này không? —Bạch Thế Tôn, con không có nghe. Bạch Thế Tôn, nhưng nay con hiểu lời noi cua The Ton. Này Potthapāda, khi Tỷ-kheo ở đây tự mình khởi tưởng, vi này tiếp tục đi từ tưởng này đến tưởng khác cho đến tưởng tột đỉnh. Và vi này, khi đứng tại tưởng tột đỉnh, có thể nghi: "Tâm còn suy tưởng có hại cho ta, tâm không suy tưởng mới tót cho ta. Nêu ta cứ tiêp tục suy tưởng, khi những tưởng này của ta diệt đi, các thô tưởng khác lại khởi lên, vậy ta hãy đừng có suy tưởng/5 Và vị này không có suy tưởng. Do không có suy tưởng, các tưởng kia diệt tận và các thô tưởng khác cũng không khởi lên, vi ấy cảm thọ sự diệt tận. Như vậy, này Potthapāda, là sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tăng thượng tưởng. Như vậy là phải, này Potthapāda. 415. — Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chỉ nói đến một tưởng tột đỉnh hay nhiều tưởng tột đỉnh? Này Potthapāda, Ta nói đến một tưởng tột đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tột đỉnh. Bạch Thế Tôn, làm sao Thế Tôn nói đến một tưởng tột đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tột đỉnh? Này Potthapāda, tùy theo vị ấy cảm thọ sự diệt tận [của một tưởng] sau tưởng khác. vi ấy đạt tới nhiều tưởng tột đỉnh sai khác, cái này tiếp theo cái kia cho đên tưởng tột đỉnh cuôi cùng mà Ta nói đên nhiêu tưởng tột đỉnh. Này Potthapāda, như vậy, Ta nói đến một tưởng tột đỉnh và cũng nói đến nhiều tưởng tột đỉnh. 416. Bạch Thế Tôn, tưởng khởi trước, trí khởi sau; hay trí khởi trước, tưởng khởi sau; hay tưởng và trí cùng khởi một lần không trước không sau? Này Potthapāda, tưởng khởi trước, trí mới khởi sau, do tưởng sanh, trí mới sanh. Vi ấy tuệ tri: "Do duyên tưởng, trí sanh ra nơi ta." Này Potthapāda,

với lời dạy này, cần phải hiểu tưởng sanh trước, trí sanh sau; tưởng sanh trí mới sanh. 417. Bạch Thế Tôn, tưởng có phải là tự ngã của con người hay tưởng khác, tự ngã khác? Này Potthapāda, ngươi hiêu tự ngã như thê nào? Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng. —Này Potthapāda, nếu tự ngã là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng, như vậy, này Potthapāda, tưởng khác và tự ngã khác. Này Potthapāda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác và tự ngã khác. Này Potthapāda, giả sử tự ngã ấy là thô phù, có sắc, do bốn đại hình thành và do đoàn thực nuôi dưỡng, tuy vậy một vài tưởng khác của người ấy khởi lên, một vài tưởng khác diệt mất. Này Potthapāda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác. 418. - Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn. Này Potthapāda, nếu tự ngã là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn, như vậy, này Potthapāda, tưởng khác và tự ngã khác. Này Potthapāda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác. Này Potthapāda, giả sử tự ngã ấy là do ý sở thành, đầy đủ mọi chi tiết lớn nhỏ, đầy đủ các căn, tuy vậy một vài tưởng khác của người ấy khởi lên, một vài tưởng khác diệt mất. Này Potthapāda, với sự nhận thức này,

cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác. Bạch Thế Tôn, con hiểu tự ngã là vô sắc, do tưởng sở thành.

419. Này Potthapāda, nếu tự ngã là vô sắc, do tưởng sở thành, như vậy, này Potthapāda, tưởng khác và tự ngã khác. Này Potthapāda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác. Này Potthapāda, giả sử tự ngã là vô sắc, do tưởng sở thành, tuy vậy một vài tưởng khác của người ấy khởi lên, một vài tưởng khác diệt mất. Này Potthapāda, với sự nhận thức này, cần phải hiểu tưởng khác, tự ngã khác. 420. Bạch Thế Tôn, con có thể hiểu được chăng "tưởng là tự ngã của con nguôi" hay "tưởng khác, tự ngã khác"? Này Potthapāda, thật khó cho ngươi biết được “tưởng là tự ngã của con nguôi" hay "tưởng khác, tự ngã khác”, vì ngươi có di kiến, có tin tưởng khác, có lý tưởng khác, có thiên tư khác, có hạnh nguyện khác. Bạch Thế Tôn, nếu thật khó cho con biết được "tưởng là tự ngã của con người,, hay "tưởng khác, tự ngã khác", vì con có dị kiến khác, có tin tưởng khác, có lý tưởng khác, có thiên tư khác, có hạnh nguyện khác; thời bạch The Tôn, thế giới có phải là thường còn, chỉ có quan niệm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không?

9. KINHPOTTHAPĀDA 149

Này Potthapāda, Ta không trả lời: "Thế giới là thường còn, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê mu0i.” Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là vô thường, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không? —Này Potthapāda, Ta không trả lời: "Thế giới là vô thường, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội.?, Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là hữu biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không? —Này Potthapāda, Ta không trả lời: “Thế giới là hữu biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê mu0i." Bạch Thế Tôn, có phải thế giới là vô biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không? Này Potthapāda, Ta không trả lời: uThế giới là vô biên, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội.^, Bạch Thê Tôn, có phải sinh mạng và thân thê là một, chỉ có quan diêm này là đúng sự thật, ngoài ra là mê muội không? Nay Potthapāda, Ta không trả lời: "Thân thể và sinh mạng là một, chỉ có quan diêm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muoi?9 Bạch Thế Tôn, có phải sinh mạng khác, thân thể khác, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không? —Này Potthapāda, Ta không trả lời: “Sinh mạng khác, thân thể khác, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê mu0i." Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai tồn tại sau khi chết, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không? Này Potthapāda, Ta không trả lời: "Nhu Lai tồn tại sau khi chết, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội.^, Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không? -Này Potthapāda, Ta không trả lời: "Nhu Lai không tồn tại sau khi chết, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muOi." Bạch Thế Tôn, có phải Như Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không? Này Potthapāda, Ta không trả lời: "Nhu Lai tồn tại và không tồn tại sau khi chết, chỉ có quan điểm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muOi." -Bạch Thế Tôn, có

phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chét, chỉ có quan diêm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muội không? -Này Potthapāda, Ta không trả lời: "Nhu Lai không tồn tại và không không tôn tại sau khi chét, chỉ có quan diêm này là đúng sự thực, ngoài ra là mê muOi." Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn không trả lời?

Này Potthapāda, những câu hỏi này không thuộc vê mục đích giải thoát, khôn^ thuộc về pháp, không thuộc căn bản của Phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, đen ly tham, đến tịch diệt, đến tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết-bàn, vì vậy Ta không trả lời. Bạch Thế Tôn, vậy Thế Tôn trả lời những gì?

-Này Potthapāda, Ta trả lời: “Bây là khổ.,, Ta trả lời: “Bây là khổ tāp.^ Ta trả lời: "Dây là khổ diệt?9 Ta trả lời: “Dây là con đường đưa đen khổ diệt.„4 —Bạch Thế Tôn? vì sao Thế Tôn trả lời? Này Potthapāda, những câu hỏi này thuộc vê mục đích giải thoát, thuộc về pháp, thuộc căn bản của Phạm hạnh, đưa đến yểm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đen tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết-bàn, vì vậy Ta trả lời. Bạch Thế Ton, như vậy là phải. Bạch Thiện The, như vậy là phải. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Ngài hãy làm gì Ngài xem là phải làm! X T \ rrīi_ Ạ FT1 A - J A , ~ _ _ Ạ• 4-/ 1_ A _J A Va The Ton tư cho ngoi đưng dạy ra ve. 421. Thế Tôn rời khỏi chưa bao lâu, những du sĩ ngoại đạo ấy liền bao vây xung quanh du sĩ ngoại đạo Potthapāda và tuôn ra những lời nói mỉa mai gay gắt:5 'Totthapāda này là như vậy, những gì Sa-mon Gotama nói đều được Potthapāda tán thành: 'Bạch Thế Tôn, như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ, như vậy là phải.' Chung^ tôi không được biết Sa-mon Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: 'Thế giới là thường còn9 hay 'Thể giới là vô thường5; 'Thế giới là hữu bien9 hay 'Thế ẹiới là vô biên5; 'Sinh mạng và thân thể là mộf hay 'Sinh mạn^ khác, thân the khác9; 'Như Lai có tồn tại sau khi chếthay 'Như Lai không tôn tại sau khi chếf; 'Như Lai tồn tại và cũng không tôn tại sau khi chef hay 'Như Lai không tôn tại và cũng không không tôn tại sau ủii chết."' Khi bị nói vậy? du sĩ ngoại đạo Potthapāda nói với các du sĩ ngoại đạo kia: Này các Tôn giả, tôi cũng không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: “Thế giới là thường còn,, hay "Thế giới là vô thường„; “Thế giới là hữu biên” hay "Thế giới là vô biên^; "Sinh mạng và thân thể là mộf5 hay "Sinh mạng khác, thân thể khấc"; "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết” hay "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết” “Nhu Lai có tồn tại và cũng không ton tại sau khi chết" hay "Nhu Lai kh6ng tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết." Sa-môn Gotama đã tuyên bô một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật. dùng pháp làm cơ bản. dùng pháp làm quy tác. Và khi một vi tuyên bô một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng pháp làm cơ bản, dùng pháp làm quy tắc thì làm sao một người hiểu biết như tôi lại không tán thành thiện ngôn khéo thuyết của Sa-môn Gotama! 422. Hai ba ngày sau, Citta Hatthisâriputta và du sĩ ngoại đạo Potthapāda

4 Dukkha'. Sự khổ. Samudaya: Nguyên nhân của khổ. Nirodhā: Sự diệt khổ. Maggā: Con đường diệt khổ. 5 Vācāya sannitodakena sañjambharim akaĩỴisũti. s. II. 282; A. I. 187.

đi đến chỗ Thế Tôn. Khi đi đến noi, Citta Hatthisāriputta đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên, còn du sĩ ngoại đạo Potthapāda nói những lời chào đón, hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Potthapāda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn rời khỏi chưa bao lâu, những du sĩ ngoại đạo liền bao vây xung quanh con và tuôn ra những lời nói mỉa mai gay gắt: 'Totthapāda này là như vậy, những gì Sa-mon Gotama nói đều được Potthapāda tán thành: 'Bạch Thế Tôn, như vậy là phải. Bạch Thiện Thệ, như vậy là phải/ Chúng tôi không được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những vấn đề sau đây: 'Thế giới là thường con9 hay 'Thế giới là vô thường"; 'Thế giới là hữu bien5 hay 'Thế giới là vô biên9; 'Sinh mạng và thân thể là một5 hay 'Sinh mạng khác, thân thể khác'; 'Như Lai có tồn tại sau khi chếf hay 'Nhu Lai không tôn tại sau khi chef; 'Nhu Lai có tôn tại và cũng không tôn tại sau khi chef hay 'Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết.'" Khi được nói vậy, con nói với các du sĩ ngoại đạo kia: "Này các Tôn giả, tôi cũng khônẹ được biết Sa-môn Gotama đã thuyết trình dứt khoát những van đề sau đây: 'The giới là thường còn' hay 'Thế giới là vô thường9; 'Thế giới là hữu biên9 hay 'Thế giới là vô biên,; 'Sinh mạng và thân thể là mộf hay 'Sinh mạng khác, thân thể khác 'Như Lai có tồn tại sau khi chếthay 'Như Lai không tồn tại sau khi chếf; 'Như Lai có tồn tại và cũng không tồn tại sau khi chết9 hay 'Như Lai không tồn tại và cũng không không tôn tại sau khi chét.5 Sa-môn Gotama đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng pháp làm cơ bản, dùng pháp làm quy tắc. Và khi một vị đã tuyên bố một phương pháp như thực, chơn chánh, chơn thật, dùng pháp làm cơ bản, dùng pháp làm quy tắc thì làm sao một người hiểu biết như tôi lại có thể không tán thành thiện ngôn khéo thuyết của Sa-môn Gotama!" 423. Này Potthapāda, những vị du sĩ ngoại đạo ấy là mù không có mắt, chỉ có ngươi là người có mắt độc nhất giữa chúng. Này Potthapāda, có những pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát. Này Potthapāda, có những pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách dứt khoát. Này Potthapāda, những pháp gì được Ta tuyên thuyêt, trình bày một cách không dứt khoát? "Thế giới là thường cbn", này Potthapāda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát. "Thế giới là vô thường,\ này Potthapāda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát. "Thế giới là hữu biên,\ này Potthapāda... "Thế giới là vô bien9\ này Potthapāda... "Sinh mạng và thân thể là mộf\ này Potthapāda... "Sinh mạng khác, thân thể khác", này Potthapāda... "Nhu Lai có tồn tại sau khi chết", này Potthapāda... "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết", này Potthapāda... “Nhu Lai có tồn tại và cũng không có tồn tại sau khi chết", này Potthapāda... "Như Lai không tồn tại và cũng không không tồn tại sau khi chết”này Potthapāda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát.

Này Potthapāda, vì sao những pháp ây lại được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát? Này Potthapāda, những pháp này không thuộc về mục đích giải

thoát, không thuộc về pháp, kh6ng thuộc căn bản Phạm hạnh, không đưa đến yểm ly, đến ly dục, đến tịch diệt, đen tịch tịnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết-bàn. Vì vậy, những pháp ấy được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách không dứt khoát. 424. Này Potthapāda, những pháp gì được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát? “Bây là kh6", này Potthapāda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát. "Đây là khổ táp", này Potthapāda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát. "Đây là khổ diet”, này Potthapāda, đó là pháp được Ta tuyên thuyêt, trình bày một cách dứt khoát. “Bây là con đường đưa đến khổ diet", này Potthapāda, đó là pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát. Này Potthapāda, vì sao những pháp ây được Ta tuyên thuyêt, trình bày một cách dứt khoát? Này Potthapāda, những pháp ấy thuộc về mục đích giải thoát, thuộc về pháp, thuộc căn bản Phạm hạnh, đưa đến yểm ly, đến ly dục, đến tịch diệt, đến tịch tinh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đen Niết-bàn. Vì vậy, những pháp ấy được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát. 425. Này Potthapāda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh.59 Ta đến những vị ấy ya hỏi: "C6 phải quý Đại đức có chủ trương như thê này, có chủ kiên như thê này: 'Sau khi chét, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh?5,9 Khi được Ta hỏi như vậy, những vị ấy công nhận là "phai”. Ta nói: "Vậy chư Đại đức có sống và đã biết, đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc kh6ng?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là "kh6ng". Ta nói với các vị ẩy: "Vậy chư Đại đức có tự thân cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, trong nửa đêm hay trong nửa ngày khong?^ Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là "kh6ng" Ta nói với các vị ấy: "Chu Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào có thể đưa đen sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc kh6ng?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là "kh6ng". Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên, đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc, nói: 'Này các vị, hãy khéo thực hành! Này các vị5 hãy thực hành ngay để có thể thực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc! Này các vi, chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc9 kh6ng?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là "kh6ng”. Này Potthapāda, ngươi nghĩ thê nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn kia là không chính xác? vô lý? - Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của những người kia là không chính xác, vô lý. 426. Như có một người nói: "Tôi yêu và ái luyến một cô gái đẹp trong nước này.„ Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp ông yêu và ái luyên ây, ông có biêt là người giai cấp nào, là Sát-đế-lỵ, hay Bà-la-môn, hay Phệ-xá, hay Thiỉ-dà?”

Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời là không biết. Có người hỏi: "Này bạn, cô gái đẹp ông yêu và ái luyến ấy, ông có biết tên hay dòng họ gì, lớn người, thấp người hay người bậc trung? Da đen sẫm, da ngăm ngăm đen hay da vàng? ở tại làng nào, thi trấn hay thành phố nào?" Khi được hỏi vậy, người ấy trả lời là không biết. Có người hỏi: uNày bạn, như vậy có phải ông đã yêu và ái luyến một người ông không biết, ông không thấy?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời là phải. Này Potthapāda, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy,

thời có phải lời nói của người kia là không chính xác, vô lý? -Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy9 thời lời nói của người kia là không chính xác, vô lý. Như vậy5 này Potthapāda, những Sa-môn5 Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bênh." Ta đen những vi ấy và hỏi: "C6 phải quý Đại đức có chủ trương như the này, có chủ kiến như the này: 'Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bênh?"' Khi được hỏi như vậy, nhữĩiệ vị ấy công nhận là "phi". Ta nói: "Chu Đại đức có sống và đã biết, đã thấy the giới này là hoàn toàn hạnh phúc không?59 Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là "kh6ng" Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có tự thân cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, trong nửa đêm hay trong nửa ngày kh6ng?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là "kh6ng". Ta nói với các vị ấy: "Chu Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc kh6ng?" Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là "kh6ĩig". Ta nói với các vị ấy: "Chu Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên, đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh phúc, nói: 'Này các vị, hãy khéo thực hành! Này các vị5 hãy thực hành ngay để có thể thực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc! Này các vi, chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một the giới hoàn toàn hạnh phúc' không?^ Khi được hỏi vậy, các vi ấy trả lời là "kh6ng". Này Potthapāda, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn5 Bà-la-môn kia là không chính xác, vô lý? - Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của những người kia là không chính xác, vô lý. 427. Này Potthapāda, như một người muôn xây tại ngã tư đường một cái thang để leo lên lầu. Có người hỏi: "Này bạn, ông muốn xây một cái thang để leo lên lầu, vậy ông có biết lầu ấy là về hướng Đông, hay về hướng Tây, hay về hướng Bắc, hay về hướng Nam? Nhà lầu ấy cao hay thấp, hay trung binh?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời là không biết. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải ông xây một cái thang để leo lên một cái lầu mà ông không biết, không thấy?" Được hỏi vậy, vị ấy trả lời là phải. Này Potthapāda, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia là không chính xác, vô lý? —Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy5 thời lời nói của người kia là không chính xác, vô lý.

154 KINH TRƯỜNG Bỏ

Như vậy, này Potthapāda? những Sa-môn, Bà-la-môn có chủ trương như thế này, có chủ kiến như thế này: "Sau khi chết, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh.,, Ta đến những vi ấy và hỏi: "C6 phải quý Đại đức có chủ trương như thê này, có chủ kiên như thê này: 'Sau khi chét, tự ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bênh?" Khi được hỏi vậy5 phưng vị ấy công nhận là phải. Ta nói: "Chu Đại đức có sống và đã biết, đã thấy thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc khong?95 Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Vậy chư Đại đức có tự tâm cảm biết hoàn toàn hạnh phúc trong một đêm hay trong một ngày, trong nửa đêm hay trong nửa ngày khong?^ Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Chu Đại đức có biết một con đường nào, một phương pháp nào có thể đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc không?95 Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Ta nói với các vị ấy: "Chu Đại đức có nghe tiếng nói của chư thiên, đã được sinh vào một thế giới hoàn toàn hạnh

phúc, nói: 'Này các vị5 hãy cố gắng thực hành! Này các vị? hãy thực chứng một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. Này các vị? chúng tôi đã thực hành, đã sanh vào một thê giới hoàn toàn hạnh phúc5 khong?95 Khi được hỏi vậy, các vị ấy trả lời là không. Này Potthapāda, ngươi nghĩ như thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Sa-môn5 Bà-la-môn kia là không chính xác, vô lý. - Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của những người kia không chính xác, vô lý. 428. Này Potthapāda, có ba loại ngã chấp: Thô phù ngã chấp, ý sở thành nệẫ chấp, vô sắc ngã chấp. Này Potthapāda, thế nào là thô phù ngã chấp? Có sác, do bốn đại hình thành, do đoàn thực nuôi dưỡng là thô phù ngã chấp. Thế nào ý sở thành ngã chấp? Có sắc, do ý sở thành, đầy đủ chi tiết lớn nhỏ, các căn đày đủ, là ý sở thành ngã chấp. Thế nào là vô sắc ngã chấp? Không có sắc, do tưởng sở thành là vô sắc ngã chấp. 429. Này Potthapāda, Ta thuyết pháp để diệt trừ thô phù ngã chấp. Nếu các ngươi thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thăng trí, chứng đạt và an tru trí tuệ sung mãn, quảng đại. Này Potthapāda, rất có the các ngươi nghĩ: "Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng dại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tQÌ." Này Potthapāda, chớ có nghĩ như vậy! Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm tỉnh giác và lạc trú sanh. 430. Này Potthapāda, Ta thuyết pháp cũng để diệt trừ ý sở thành ngã chấp. Nêu các ngươi thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại, tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn5 quảng đại. Này Potthapāda, rất có thể các ngươi nghĩ:

9.KINHP0TTHAPĀDA 155

uCác nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an tru trí tuệ sung mãn, quảng đại, tuy vậy đau kho vẫn ton tại.” Này Potthapāda, chớ có nghĩ như vậy! Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm tỉnh giác và lạc tru sanh. 431. Này Potthapāda, Ta thuyết pháp cũng để diệt trừ vô sắc ngã chấp. Nếu các ngươi thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại. Này Potthapāda, rất có thể các ngươi nghĩ: "Các nhiễm pháp sẽ diệt trừ, các tịnh pháp sẽ tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đại, tuy vậy đau khổ vẫn tồn tai.59 Này Potthapāda, chớ có nghĩ như vậy. Khi nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an tru trí tuệ sung mãn, quảng dại, thời hân hoan sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm tỉnh giác và lạc trú sanh. 432. NàyJ Potthapāda. “ r y có những : người D ngoài hỏi cchúngD tôi: i6Nay .J Hiền D giả,7 thô phù ngã châp áy là gì mà Hiên giả thuyêt pháp đê diệt trừ, khiên các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp

được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng dại?" Khi được họ hỏi như vậy, chúng tôi trả lời: "Này Hiền giả, chính thô phù ngã chấp ấy, chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng dại.” 433. Này Potthapāda, có những nguôi ngoài hỏi: “Này Hiên giả, ý sở thành ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng đặi?” Khi được hỏi vậy, chúng tôi trả lời: “Này Hiền giả, chính ý sở thành ngã chấp ấy chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng dại.” 434. Này Potthapāda. có những người ngoài hỏi chúng tôi: "Này Hiền giả, vô sac ngã chap áy là gì mà Hiên giả thuyêt pháp đê diệt trừ, khiên các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thăng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng dại?"

Khi được hỏi vậy, chiing tôi trả lời: :Này Hiền giả, chính vô sắc ngã chấp ấy, chúng tôi thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tinh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn5 quảng dại.” Này Potthapāda, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chính xác, hợp lý? Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy, thời lời nói ấy là chính xác, hợp lý. 435. Này Potthapāda, ví như một người xây một cái thang để leo lên lầu từ dưới chân lâu ấy. Người ấy được hỏi: "Này bạn. ông xây cái thang đê leo lên lâu, vậy ông có biêt cái lâu ây vê hướng Đông hay hướng Nam, hay hướng Tây, hay hướng Bắc? Nhà lầu ấy cao, hay thấp, hay trung binh?” Nếu người ấy trả lời: "Này Hiền giả, cái lầu mà tôi xây thang để leo lên chính tại dưới chân lầu này." Này Potthapāda, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chính xác, hợp lý chăng? Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là chính xác, hợp lý. 436. Như vậy, này Potthapāda, có những người ngoài hỏi Ta: "Này Hiền giả, thô phù ngãi chấp là gì?... Này Hiền giả, ý sở tìành ngã chấp là gì?... Này Hiền giả, vô sác ngã chấp ấy là gì mà Hiền giả thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ srung mãn, quảng đại?59 Khi được hỏi vậy, Ta trả lời: “Này Hiền giả, chính vô sắc ngã chấp ấy mà Ta thuyết pháp để diệt trừ, khiến các người thực hành theo pháp này thời nhiễm pháp được diệt trừ, tịnh pháp được tăng trưởng, và ngay hiện tại tự mình giác ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú trí tuệ sung mãn, quảng Này Potthapāda, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói ấy là chính xác, hợp lý? —Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của Thế Tôn là chính xác, hợp lý. 437. Khi nghe nói vậy, Citta Hatthisâriputta bạch Thế Tôn: Bạch

Thế Tôn, trong khi có thô phù ngã chấp, phải chăng không có ý sở thành ngã chấp, không có vô sắc ngã chấp? Thô phu ngã chấp khi ấy thật có tồn tại? Bạch Thế Tôn, trong khi có ý sở thành ngã chấp, phải chăng không có thô phù ngã chap? không có vô săc ngã châp? Y sở thành ngã châp khi ây thật có tôn tại? Bạch Thế Tôn, trong khi có vô sắc ngã chấp, phải chăng không có thô phù ngã châp, không có ý sở thành ngã châp? Vô sác ngã châp khi ây thật có ton tại? Này Citta, trong khi có thô phù ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc ý sở thành ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc thô phù ngã chấp. Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp, thời ngã chấp ấy không

thuộc thô phù ngãi chấp, không thuộc vô sắc ngãi chấp, chính khi ấy thuộc ý sở thành ngã châp. Này Citta, trong khi có vô săc ngã châp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phu ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp. 438. Này Citta, nêu có người hỏi ngươi: "Ngươi đã có tôn tại ở quá khứ hay không? Ngươi sẽ tồn tại ở tương lai hay không? Ngươi có tồn tại ở hiện tại hay kh6ng?" Này Citta, được hỏi vậy, ngươi trả lời như thế nào? Bạch Thế Tôn, nếu có người hỏi con: "Ngươi đã có tồn tại ở quá khứ hay không? Ngươi sẽ tồn tại ở tương lai hay không? Ngươi có tồn tại ở hiện tại hay khong?" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, con sẽ trả lời: "Tôi đã có tồn tại ở quá khứ, không phải không tồn tại; tôi sẽ tồn tại ở tương lai, không phải không tồn tại; tôi ton tại ở hiện tại, không phải không ton tại." Bạch The Tôn, nếu được hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vậy. Này Citta, nếu có nẹười hỏi lại ngươi: uNgã chấp quá khứ mà ngươi đã có, có phải ngã châp ây đôi với ngươi là thật c6, ngã châp tương lai không tồn tại, ngã chấp hiện tại không ton tại? Ngã chấp tương lai mà ngươi sẽ có, có phải ngã chấp ấy đối với ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Ngã chấp hiện tại mà ngươi hiện có, có phải ngã chấp ấy đối với ngươi là thật có, ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại?" Này Citta, được hỏi vậy, ngươi trả lời thế nào? Bạch Thê Tôn, nêu có người hỏi con: "Ngã châp quá khứ mà ngươi đã có, có phải ngã châp ây đôi với ngươi là thật c6, ngã châp tương lai không tồn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Ngã chấp tương lai mà ngươi sẽ c6, có phải ngã châp ây đôi với ngươi là thật có, ngã châp quá khứ không tôn tại, ngã chấp hiện tại không tồn tại? Ngã chấp hiện tại mà ngươi hiện có, có phải ngã chấp ây đối với ngươi là thật có. ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không ton tại?" Bạch The Tôn, nếu được hỏi vậy, con sẽ trả lời: "Ngã chấp quá khứ mà tôi đã có, ngã châp ây đôi với tôi là thật có, ngã châp tương lai không tôn tại, nệã chấp hiện tại không tồn tại. Ngã chấp tương lai mà tôi sẽ có, ngã chấp ấy đôi với tôi là thật có, ngã châp quá khứ không tôn tại5 ngã châp hiện tại không tồn tại. Ngã chấp hiện tại mà tôi hiện c6, ngã chấp ấy đối với tôi là thật có5 ngã chấp quá khứ không tồn tại, ngã chấp tương lai không tồn tại." Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy? con sẽ trả lời như vậy. 439. Như vậy, này Citta, trong khi có thô phù ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc ý sở thành ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc thô phù ngã chấp. Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc vô sắc ngã chấp, chính khi ấy thuộc ý sở thành ngã chấp. Này Citta,

trong khi có vô sắc ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phù ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp. 440. Này Citta, ví như từ bò cái sanh ra sữa, từ sữa sanh ra lạc5 từ lạc sanh

ra sanh tô, từ sanh tô sanh ra thục tô? từ thục tô sanh ra đề-hồ. Khi thành sữa thời sữa ấy không thuộc lạc, không thuộc sanh tô, không thuộc thục tô? không thuộc đề-hồ, chính khi ấy thiiộc sữa. Khi thành lạc... Khi thành sanh tô... Khi thành thục tô... Khi thành đề-hồ thời đề-hồ ấy không thuộc sữa, khonjg thuộc lạc, không thuộc sanh tô? không thuộc thục tô? chính khi ấy thuộc đề-hồ. Như vậy, này Citta, trong khi có thô phù ngã chấp... Này Citta, trong khi có ý sở thành ngã chấp... Này Citta, trong khi có vô sắc ngã chấp, thời ngã chấp ấy không thuộc thô phu ngã chấp, không thuộc ý sở thành ngã chấp, chính khi ấy thuộc vô sắc ngã chấp. Này Citta, chúng chỉ là danh từ thế gian, ngôn ngữ thế gian, danh xưng thê gian, ký pháp thê gian; Như Lai dùng chúng nhung không chấp trước chúng. 441. Được nghe nói vậy, du sĩ ngoại đạo Potthapāda bạch Thế Tôn: -Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bi quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đen mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. 442. Và Citta Hatthisāriputta cũng bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bi che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y The Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tăng. Mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, mong cho con thọ Đại giới. 443. Citta Hatthisâriputta được xuất gia với Thế Tôn và được thọ Đại giới. Thọ Đại giới không bao lâu, Đại đức Citta Hatthisāriputta ở một mình, an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn; và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh; ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa", Đại đức Citta Hatthisāriputta hiểu biết như vậy. Và Đại đức Citta Hatthisâriputta trở thành một vi A-la-hán nữa.

10. KINH SUBHA (TU-BÀ) (Subha Suttaṃ

Tụng phẩm I 444. Như vầy tôi nghe. Một thòi, Đại đức Ānanda ở tại Sāvatthi (Xá-vệ)5 Jetavana (rưng Kỳ-đà), vườn ông Anādiapindika (Cấp Cô Độc), sau khi đức Thế Tôn nhập diệt không bao lâu. Lúc bấy giờ, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta ở tại Sāvatthi vì một vài công việc. 445. Rồi thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta gọi một thanh niên Bà-la-môn khác: -Này thanh niên Bà-la-môn, hãy đi đên chô Sa-môn

Ananda ở9 thay mặt ta hỏi thăm Sa-môn Ānanda có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực an ổn không: "Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hỏi thăm Tôn giả Ānanda có ít bệnh, ít não5 khinh an, khí lực an ổn kh6ng", và nói thêm: "Hân hạnh thay nếu Tôn giả Ānanda có lòng từ mẫn đến tại trú xứ của thanh niên Subha Todeyyaputta!,, 446. - Tôn giả, xin vâng. Thanh niên Bà-la-môn vâng lời thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta đến tại chỗ của Tôn giả Ānanda; sau khi đến5 nói lên những lời chúc tụng thân hữu xã giao với Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn ấy nói với Tôn giả Ānanda: "Thanh niên Bà- la-môn Subha Todeyyaputta hỏi thăm Tôn giả Ānanda ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực an ổn không. Hân hạnh thay nếu Tôn giả Ānanda có lòng từ mẫn đến tại trú xá của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta!" 447. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với thanh niên Bà-la- môn ấy: Này thanh niên Bà-la-môn, nay không phải thời, vì hôm nay tôi vừa mới uông thuốc. Ngày mai tôi sẽ đên, vừa hợp thời, hợp nghi. Rồi thanh niên Bà-la-môn ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, đến tại chỗ của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta; khi đến xong, liền thưa với thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta:

l XemL 47,87, 111, 127,150,159,16l, 178,204,2ll, 224,235; M. 1.175,220,256,271,339,353,400, 513; II. 29,157,214; III. l, 29; y IV. 103,110,177;4 I. 113; II. 16,39,153,205; III. 93,161; v. 201, 347.

Chúng tôi đã thay mặt Tôn giả thưa với Tôn giả Ānanda: "Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hỏi thăm Đại đức Ānanda có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực an ổn không. Hân hạnh thay nếu Tôn giả Ānanda có lòng từ mẫn đến tại trú xá của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta!" Này Tôn giả, khi được nghe nói vậy, Sa-môn Ānanda nói với tôi: "Này thanh niên Bà-la- môn, nay không phải thời, vì hôm nay tôi vừa mới uống thuốc. Ngày mai tôi sẽ đến, vừa hợp thời, hợp nghi.,, Này Tôn giả, sự việc đã như vậy, khiến Tôn giả Ānanda có cơ hội ngày mai đến. 448. Và Tôn giả Ānanda, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, với vị Tỷ-kheo người xứ Cetiya làm vị Sa-môn tùy hành, đên tại chỗ ở của thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta, và sau khi đen, liền ngoi tại chỗ đã soạn sẵn. Roi thanh niên Subha Todeyyaputta đen trước Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên những lời chúc tụng thân hữu và xã giao với Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngoi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta nói với Tôn giả Ānanda: -Tôn giả Ānanda đã lâu ngày là thị giả của Tôn giả Gotama, sống gần và ở bên Ngài. Tôn giả Ānanda chắc biết Tôn giả Gotama đã tán thán những pháp nào và Ngài đã khích le, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy. Tôn giả Ānanda, những pháp Tôn giả Gotama tán thán là những pháp gì và Ngài đã khích lệ5 khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy? 449. Này thanh niên Bà-la-môn, Thế Tôn tán thán ba pháp uẩn và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy. Ba pháp ấy là gì? Chính là Thánh giới uan? Thánh định uẩn, Thánh tuệ uẩn. Thế Tôn tán thán ba pháp uẩn ấy và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo những pháp ấy. 450. - Tôn

giả Ānanda, thế nào là Thánh giới uẩn mà Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ9 khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy? Này thanh niên Bà-la>môn9 ở đây, Như Lai xuất hiện là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ? Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài sau khi tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này, với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giói, gồm cả the giới này với Sa-môn9 Bà-la-môn, thiên, nhơn, lại tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Người gia trưởng, hay con vi gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triên phược, con đường đầy những bụi đời; đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ? hoàn toàn thanh tinh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia dinh.”

10. KINH SUBHA 161

Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (Patimokkho), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh; sinh hoạt trong sạch, giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn5 chánh niệm tỉnh giác, và biết tri túc. 451. Này thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? ở đây, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sanh và loài hữu tình. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật... (xem Kinh Sa-môn quả, đoạn 194-210). Trong khi một số Sa-môn9 Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các tà thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà bằng đất, để dương được thinh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, 9 y : F F đê câu phước cho nhà mới, cho lê rửa miệng, lê tăm, lê hy sinh, làm cho mửa, làm cho xô5 bài tiêt các nhơ bân vê phía trên, bài tiêt các nhơ bân vê phía dưới, tây tịnh trong dâu, thoa dâu trong tai, nhỏ thuôc măt9 cho thuôc qua lô mũi, xức thuôc măt, thoa dâu cho măt, chữa bệnh cho măt, làm thây thuôc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho thuốc uống bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc; còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng... (như trên). Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật. Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn5 vị Tỷ-kheo ấy, nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Này thanh niên Bà-la-môn, như một vị Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. 452. cang vậy, này thanh niên Bà-la-môn5 Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật nên không thay sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn, là Tỷ-kheo đầy đủ giới luật. 453. Này thanh niên Bà-la-môn? đó là Thánh

giới uẩn mà Thế Tôn tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy. Và còn pháp uẩn khác cao thượng hơn cần phải hành trì. Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda! Tôn giả Ānanda, Thánh giới uẩn này thật viên mãn, không phải không viên mãn. Tôn giả Ānanda, tôi không thấy Thánh giới uẩn viên mãn này ở những Sa-môn? Bà-la-môn nào ngoài giáo hội này. Tôn giả Ānanda, và nếu những Sa-môn, Bà-la-môn khác có thấy Thánh giới uẩn này tự nơi minh, các vi này cũng đã thỏa mãn với pháp ấy: "Hành trì như vậy là đầy đủ, chứng đạt như vậy

là đầy đủ. Đó là mục đích Sa-môn hạnh của chúng tôi, không có gì cao thượng hơn can phải hành trì nữa." Nhưng Tôn giả Ānanda còn nói: "Còn pháp uẩn cao thượng hơn cần phải hành trì.” Tụng phẩm II 454. Tôn giả Ānanda, thế nào là Thánh định uẩn mà Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo5 y chỉ mọi người theo pháp ấy? Này thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Này thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Này thanh niên Bà-la-môn, khi mát thây sc, Tỷ-kheo không năm giữ tưởng chung, khônẹ nắm giữ Ạrớng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhãn căn không được chê ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiêng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vi ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ây, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ây nên hưởng lạc thọ nội tâm không vẩn đục. Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn, là Tỷ-kheo hộ trì các căn. 455. Này thanh niên Bà-la-môn, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác? Này thanh niên Bà-la-môn, ở đâỵ5 Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn5 uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi di, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lăng đêu tỉnh giác. Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn, là Tỷ-

miên, vị ây sông thoát ly hôn trâm thuỵ miên, với tâm tưởng hướng vê ánh sánệ? chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn ủầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hoi tiếc, vị ấy sống không trạo cử hối tiếc, nội tâm trầm lăng, gột rửa tâm hết trạo cử hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp. 459. Này thanh niên Bà-la-môn, như một nguôi mác nợ, liên làm các nghê nghiệp. Những Iiệhề này được phát dạt, người áy không những trả được nợ cũ? còn có tiền dư đê nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghi: "Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp; những nghề này được phát đạt, ta không những trả được nợ cũ? còn có tiên dư để nuôi dưỡng vợ.^, Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. 460. Này thanh niên Bà-la-môn5 như một người bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống

không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian, người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trong, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu; nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thê lực khôi phúc.” Người ây nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. 461. Này thanh niên Bà-la-môn, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy, sau một thời gian, được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm ton. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn.,, Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. 462. Này thanh niên Bà-la-môn9 như một người nô lệ5 không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy, sau một thời gian, thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại. Người ây nghĩ: "Ta trước kia bi cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại; nay ta thoát cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, là một người được giải thoát, được tự do đi lại.” Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. 463. Này thanh niên Bà-la-môn, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc, thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Người ấy, sau một thời gian. đã đi qua khỏi sa mạc, đên đâu làng vô sự. yên ôn. không có nguy hiểm. Người ấy nghĩ: “Ta trước kia ẹiàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm; nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm." Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ. 464. Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn5 Tỷ-kheo tự mình quán năm triền cái khi chưa xả ly như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường qua sa mạc. 465. Này thanh niên Bà-la-môn, cũng như không mắc nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi diệt trừ chúng.

164 KINH TRƯỜNG BỘ

466. Khi quán tư thân đã xả ly năm triên cái ây, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. 467. Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này thanh niên Bà-la-môn, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước; cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, tham ướt cả trong D lẫn ngoài D với nước nhimg . D không 0 D c chảy J thành ơgiọt. • Cũng D vậy. • Jn này J v v 2 , Y V thanh niên Bà-la-môn,
Tỷ-kheo thâm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn5 tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt5 làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không có hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Đó là thiền định của vị ấy. 468. Này thanh niên Bà-la-môn5 lại nữa, Tỷ-kheo ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú

Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tam không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do đinh sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một hồ nước, nước tự ở trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra? và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn; suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuân, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đây hô nước ây9 với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo tham nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Đó là thiền định của vị ấy. 469. Lại nữa, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an tru Thiền thứ ba. Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Này thanh niên Bà-la-môn, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng,, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng; những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sông dưới nước,

từ đâu ngọn cho đên góc rê đêu thâm nhuần tâm ướt, đây tràn thâu sướt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này thanh niên Bà- la-môn, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Đó là thiền định của vị ấy. 470. Lại nữa, này thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và tru Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tinh. Tỷ-kheo ấy tham nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ây thâm nhuần. Này thanh niên Bà-la-môn9 ví như một người ngôi dùng tâm vải trăng trùm dầu, không một chỗ nào trên toàn thân khônệ được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn5 Tỷ-kheo tham nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ây thâm nhuân. Đó là thiên định của vị ây. 471. Này thanh niên Bà-la-môn, đó là Thánh định uẩn mà Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ5 khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy. Và còn pháp uẩn khác cao thượng hơn cân phải hành trì. Thật vi diệu thay, Tôn giả Ānanda! Thật hy hữu thay, Tôn giả Ānanda! Tôn giả Ānanda, Thánh định uẩn này thật viên mãn, không phải không viên mãn. Tôn giả Ānanda, tôi không thấy Thánh định uẩn viên mãn này ở những Sa-môn5 Bà-la-môn nào ngoài giáo hội này. Tôn giả Ānanda, nếu những Sa- môn khác có thấy Thánh đinh uẩn này tự nơi mình, các vị này cũng đã thỏa mãn với pháp ấy: "Hành trì như vậy là đay đủ, chứng đạt như vậy là đày đủ. Đó là mục đích Sa-môn hạnh của chúng tôi, không còn gì cao

thượng hơn cần phải hành trì nữa.,^ Nhxmg Tôn giả Ānanda còn nói: uCòn pháp uẩn cao thượng hơn cần phải hành tri.” 472. Tôn giả Ānanda, thế nào là Thánh tuệ uẩn mà Tôn giả Gotama tán thán và Ngài đã khích lệ, khuyến đạo, y chỉ mọi người theo pháp ấy? -Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đen chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: "Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bi trói buOc.” Này thanh niên Bà-la-môn, ví như một hòn lưu ly bảo châu đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đay đủ tất cả mỹ tướng; và một sợi dây được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây mail xanh, màu vàng, màu đỏ5 màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy hòn lưu ly bảo châu này đẹp dẽ, trong suốt, có tám mặt,

khéo giũa, khéo mài, sáng chói, không uê trược, đây

người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Này thanh niên Bà-la-môn? ví như một người thợ ngà khéo tay hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo giũa, có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Này thanh niên Bà-la-môn, ví như người thợ vàng khéo tay hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn, có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích. Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướn^ tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các than thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thô trôi lên ngang qua đát liên như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đát liên; ngôi kiêt-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Đó là trí tuệ của vị ấy. 475. Với tâm định tĩnh, thuân tịnh, trong sáng, không câu nhiêm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướnẹ tâm đến Thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có the nghe hai loại tiếng, chư thiên và loài người, xa và gần. Này thanh niên Bà-la-môn9 ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trông lớn, tiêng trống nhỏ, tiêng loa, tiêng xập xõa và tiêng kiểng, người ấy nghĩ: "Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống

tấm gương trong sạch, sáng suốt hay một chậu nước trong. Nếu mặt có tỳ vết, liền biết mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết. Cũng vậy5 này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không câu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn

tâm, hướng tâm đến Tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của mọi người với tâm của mình, vi ấy biết được như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm khônệ tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không có si biết là tâm không có si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền đinh biết là tâm thiền đinh, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát." Đó là trí tuệ của vị ấy. 477. Với tâm định tĩnh, thuần tinh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm? hướng tâm đến Túc mạng minh. Vi ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi dòi, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, môt trăm ngàn dòi, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này5 dòng họ như thế này, giai cáp như thê này, ăn uông như thê này, thọ khô lạc như thế này? tuổi thọ đên mức như thế nàỵ. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ5 tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này5 ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này. tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở day." Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đen nhiều đời song quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này thanh niên Bà-la-môn5 ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa5 và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: "Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lăng như thế này. Từ làng kia ta đi đến làng nọ5 tại đấy ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta." Như vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không câu nhiêm, không phiên não, nhu nhuyễn, dê sử dụng, vững chác, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đen Túc mạng minh. Vi ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bôn mươi đời, năm mươi dòi, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn dời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ

như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này5 tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ, tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn u6ng như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chét tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở day?9 Như vậy5 Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Đó là trí tuệ của vị ấy. 478. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc,

bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: "Này các Hiền giả, những Tôn giả này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thđọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh vê thân, lòi và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này.” Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằnẹ chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may man, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Này thanh niên Bà-la-môn? ví như một tòa lầu có thượng dài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngôi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: "Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư, trên đài thượng.59 Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không câu nhiêm, không phiên não, nhu nhuyên, dê sử dụng, vững chác, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rang chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ5 kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng: "Này các Hiền giả, những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, lời và ý5 phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, lời và ý5 không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này," Như vậy, với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Đó là trí tuệ của vị ấy.

479. Với tâm đinh tinh, thuân tịnh, trong sáng, không câu nhiêm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy5 Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biêt như thật: "Dây là khổ9\ biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ9\ biết như thật: "Dây là khổ diet”, biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diet", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc”, biết như thật: 6CĐây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Dây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, biết như thật: "Bây là con đường đưa đen sự diệt trừ các lậu ho^c.” Nhờ hiêu biêt như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ây thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vi ấy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã gii thoát." Vị ấy biết:

"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.” Này thanh niên Bà-la-môn, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: "Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hên, con sè), những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một ch&" Cũng vậy, này thanh niên Bà-la-môn, với tâm định tĩnh, thuần tinh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy tuệ tri như thật: 6tĐây là khổ9\ tuệ tri như thật: "Đây là nguyên nhân của kh8", tuệ tri như thật: "Đây là sự diệt khổ9\ tuệ tri như thật: "Đây là

IL KINH KEVÃDDHA (KIÊN cố) (Kevaddha Sutto)1

481. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở tại Nālandā, trong vườn xoài Pāvārika.2 Lúc bấy giờ, cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha đến tại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, Nālandā này có uy tín và phồn thịnh, nhân dân đông đúc và tín kính The Tôn. Bạch The Tôn, lành thay nếu The Tôn chỉ giáo cho một Tỷ-kheo hiện Thượng nhân pháp, thần thông biến hóa! Nhờ vậy, Nālandā này sẽ được nhiều người tín kính Thế Tôn hơn nữa. Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha: -Kevaddha, Ta không dạy cho các Tỷ-kheo pháp này: "Này các Tỷ- kheo, các ngươi hãy hiện Thượng nhân pháp, than thông biến hóa cho các cư sĩ áo trắng. 482. Lần thứ hai, cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con không muốn phiền nhiễu Thế Tôn, con chỉ nói: "Bạch Thế Tôn, Nālandā này có uy tín và phồn thịnh, nhân dân đông đúc và tín kính Thế Tôn. Bạch The Tôn, lành thay nếu The Tôn chỉ giáo cho một Tỷ-kheo hiện Thượng nhân pháp, thần thông biến hóa! Nhờ vậy, NãỊandâ này sẽ được nhiều người tín kính Thế Tôn hơn nữa.” Lần thứ hai, Thế Tôn nói với cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha: Này Kevaddha, Ta không dạy cho các Tỷ-kheo pháp này: "Này các Tỷ- kheo, các ngươi hãy hiện Thượng nhân pháp, than thông biến hóa cho các cư sĩ áo trắng." Lần thứ ba, cư sĩ trẻ tuổi Kevaddha bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, con không muốn phiền nhiễu Thế Tôn, con chỉ nói: “Bạch Thế Tôn, Nālandā này có uy tín và phồn thịnh, nhân dân đông đúc và tín kính Thế Tôn. Bạch The Tôn, lành thay nếu The Tôn chỉ giáo cho một Tỷ-kheo hiện

1 Tên kinh này còn được viết ìằ, Kevatta Sutta. Xem D. L 47, 87,111,127,150,159,161,178,204,211,224, 235; M. l 175, 220,256, 271, 339, 353,400, 513; II. 29, 157, 214; III. l, 29.IV. 103,110,177; A L 113 II. 16, 39, [53, 205; III. 93, 161; v. 201, 347. Kinh tương đương trong bộ Trường A-hàm kỉnh là Kiên Cô (roi. 0001.24. 0101bl4). 2 Pāvārikambavana: Vườn xoài (ambavană) của ông Pāvārika. về sau, Trường Đại học Nālandā nổi tiếng được kiến tạo trên vùng đất này.

Thượng nhân pháp, thần thông biến hóa! Nhờ vậy, Nālandā này sẽ được nhiều người tín kính Thế Tôn hơn nữa." 483. Này Kevaddha, có ba pháp thần thông này Ta đã tự mình giác ngộ và tuyên thuyết. Thế nào là ba? Tức là Biến hóa thần thông, Tha tâm thần thông, Giáo hóa thần thông.3 484. Này Kevaddha, thế nào là Biến hóa thần thông? Nàỵ Kevaddha, ở đời, có Tỷ-kheo chứng được các thân thông: Một thân hiện ra nhiêu thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang qua hư không; độn thổ trồi lên5 ngang qua đát liên như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với hai bàn tay, chạm rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Có người tín thành thấy Tỷ-kheo ấy chứng hiện các thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang qua hư không; độn thổ trồi lên, ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngoi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với hai bàn tay, chạm rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có the tự thân bay đen cõi Phạm thiên. Người có lòng tín thành ấy nói với một người không có lòng tín thành: "Này Tôn giả, thật vi diệu thay! Này Tôn gia, thật hy hữu thay, đại thần thông, đại oai đức của vị Sa-môn! Chính tôi đã thay vi Tỷ-kheo chứng các thần thông: "Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thi!!.” Người không có lòng tín thành có thể nói với người có lòng tín thành: “Này Tôn giả, có một chú thuật gọi là Gandhâra, nhờ chú thuật này, Tỷ-kheo một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thien?5 Này Kevaddha, ngươi nghĩ thế nào, người không có lòng tín thành có the nói với người có lòng tín thành như vậy không? Bạch Thế Tôn, có thể nói như vậy. _ Này Kevaddha, chính vì Ta thấy sự nguy hiểm trong sự Biến hóa thần thông mà Ta nhàm chán, hổ thẹn, ghê sợ Biến hóa

3 Xem giải thích chi tiết trong Kinh Sangãrava (Ả. L 168-73).

bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; trong thân ấy, thức ta lại nương tựa và bi trói buOc." Này Kevaddha, như vậy gọi là Giáo hóa thần thông... sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa... (xem Kinh Salmon quả. đoạn 235-249, trừ câu kết của mỗi phần). Này Kevaddha, như vậy gọi là Giáo hóa thần thông. Này Kevaddha, ba pháp thần thông này, Ta đã tự mình giác ngộ và tuyên thuyết. 487. Này Kevaddha, thuở xưa, trong chúng Tỷ-kheo này, có một vị khởi lên nghi vấn như sau: "Bốn đại chủng này địa dại, thủy dại, hỏa dại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?” 488. Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy nhập đinh, và trong định tâm, con đường đưa đen thiên giới hiện ra. Này Kevaddha, lúc bấy giờ, vị Tỷ-kheo ấy đi đến bốn Thiên Vương; khi đên xong, liên nói với bôn Thiên Vương: “Này các Hiên giả, bôn đại chủng này địa đại, thủy đại, hỏa dại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?,, Này Kevaddha, được nghe nói vậy bốn Thiên Vương nói với vi Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo5 chúng tôi không được biết bon

đại chủng ấy địa dại, thủy đại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn.,, Này Tỷ-kheo5 có bốn vị Đại Thiên Vương ưu the hơn và thù thắng hơn chúng tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chủng này — địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. 489. Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo đi đến bốn vị Đại Thiên Vương; khi đến xong, liên hỏi bôn vị Đại Thiên Vương: "Này các Hiên giả, bôn đại chủng này địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?" Này Kevaddha, được nghe nói vậy, cả bốn vị Đại Thiên Vương nói với vi Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bon đại chủng ấy địa đại. thủy đại, hỏa đại. phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ- kheo, có vị trời Ba Mươi Ba ưu the hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chủng này địa đại, thủy dại, hỏa đại, phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn." 490. Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến các vị trời Ba Mươi Ba; khi đến xong, liền hỏi các vị trời Ba Mươi Ba: "Này các Hiền giả, bốn đại chủng này - địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?,, Này Kevaddha, được nghe nói vậy, các vị trời Ba Mươi Ba nói với vị Tỷ- kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy — địa đại, thủy đại, hỏa dại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có vị De-thich Thiên tên là Sakkā ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này - địa đại, thủy đại5 hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn.,, 491. Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến vị Đế-thích Thiên tên là Sakkā; khi đến xong, liền hỏi vị Đế-thích Thiên tên là Sakkā: "Này Hiền giả, bốn đại

chủng này - địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?" Này Kevaddha, được nghe nói vậy, vị Đê-thích Thiên tên là Sakkā nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo? tôi không được biết bốn đại chủng ấy địa đại, thủy đại, hỏa dại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo? có chư thiên tên là Yāmā (Dạ-ma) ưu thế hơn, thù thắng hơn tôi. Các vị này có thê biêt bôn đại chủng này địa đại, thủy đại, hỏa dại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?5 Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ây đi đên chư thiên tên là Yāmā; khi đên xong, liền hỏi chư thiên Yāmā: "Này các Hiền giả, bốn đại chủng này - địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?,, Này Kevaddha, được nghe nói vậy, chư thiên Yāmā nói với Tỷ-kheo: "Chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy địa dại, thủy đại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau

tên là Nimmānaratī (Hóa Lạc) ưu thế hơn, thù thắng hơn tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chủng này địa đại, thủy đại, hỏa dại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn.,^ Này Kevaddha, vi Tỷ-kheo ấy đi đến chư thiên Nimmānaratī; khi đến xong. liên hỏi chư thiên Nimmānaratī: “Nầy các Hiên giả, bôn đại chủng này địa đại, thủy dại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toan?^ Này Kevaddha, được nghe nói vậy, chư thiên Nimmānaratī nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bốn đại chủng ấy địa dại, thủy đại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo có thiên tử tên là Sunimmita ưu thế hơn, thù

thắng hơn chúng tôi. Vị này có thể biết bốn đại chủng này địa đại, thủy dại, hỏa dại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn ton." Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến thiên tử Sunimmita; khi đến xong, liền hỏi thiên tử Sunimmita: "Này Hiền giả, bốn đại chủng này địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?" Này Kevaddha, được nghe nói vậy, thiên tử Sunimmita nói với Tỷ-kheo ấy: “Này Tỷ-kheo, tôi không được biết bốn đại chủng ấy địa đại, thủy đại? hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có chư thiên gọi là Paranimmitā Vasavattī (Tha Hóa Tự Tại) ưu thế hơn, thù thắng hơn tôi. Những vị này có thê biêt bôn đại chủng này địa đại, thủy đại, hỏa dại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn.,, Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến chư thiên Paranimmitā Vasavattī; khi đên xong, liên hỏi chư thiên Paranimmitā Vasavattī: "NÁy các Hiên giả, bôn đại chủng này địa dại, thủy đại, hỏa dại, phong đại - đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?,, Này Kevaddha, được nghe nói vậy, chư thiên Paranimmitā Vasavattī nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, chúng tôi không được biết bon đại chủng ấy - địa dại, thủy đại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo, có thiên tử tên là Vâsavatti ưu thế hơn, thù thắng hơn chúng tôi. Vị này có thê biêt bôn đại chủng này địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn." 492. Này Kevaddha, vị Tỷ-kheo ấy đi đến thiên tử Vãsavatti; khi đến xong, liền hỏi thiên tử Vâsavatti: “Này Hiền giả, bốn đại chủng này địa đại, thủy dại, hỏa dại, phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?^, Này Kevaddha, được nghe nói vậy, thiên tử Vâsavatti nói với Tỷ-kheo ấy: “Này Tỷ-kheo, tôi không được biết bốn đại chủng ấy địa đại, thủy đại, hỏa dại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn. Này Tỷ-kheo? có chư thiên gọi là Brahmakāyikā ưu thế hơn, thù thắng hơn tôi. Những vị này có thể biết bốn đại chủng này địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toan.59

ll.KINHKEVADDHA 179

493. Này Kevaddha, lúc bây giờ, vi Tỷ-kheo ây

180 KINH TRƯỜNG Bô

Này Hiền giả5 tôi hỏi: 'Này Hiền giả, bốn đại chủng ấy địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biên diệt hoàn toàn?"' 495. Này Kevaddha, khi bấy giờ, Đại Phạm thiên cầm tay Tỷ-kheo ấy, kéo ra một bên rồi nói với Tỷ-kheo: uNày Tỷ-kheo? chư thiên Brahmakāyikā biết rằng không có gì Phạm thiên không biết, không có gì Phạm thiên không thấy, không có gì Phạm thiên không hiểu, không có gì Phạm thiên không chứng. Do vậy, trước mặt họ, ta không trả lời: 'Này Tỷ-kheo, ta không được biết bốn đại chủng ấy địa dại, thủy đại, hỏa đại, phong đại — đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn/ Do vậy, này Tỷ-kheo, ngươi đã làm sai, ngươi đã lầm lẫn khi ngươi bỏ qua Thế Tôn, hướng đến người khác để trả lời câu hỏi ấy. Này Tỷ-kheo? ngươi hãy đi đến Thế Tôn hỏi câu hỏi ấy, và hãy thọ trì những gì Thế Tôn trả lòi." 496. Này Kevaddha, vi Tỷ-kheo ấy, như nhà đại lực sĩ duỗi ra cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đã duỗi ra, biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Ta. Này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy đảnh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, này Kevaddha, Tỷ-kheo ấy nói

với Ta: "Bạch Thế Tôn, bôn đại chủng này - địa đại, thủy đại, hỏa dại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?" 497. Này Kevaddha, được nghe nói vậy, Ta nói với Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ- kheo, thuở xua, các hải thương khi đi thuyền vượt biển thường đem theo con chim có thê thây bờ. Khi chiêc thuyên vượt biên quá xa không trông thây bờ, các nhà hải thương liền thả con chim có thể thấy bờ5 con chim bay về phía Đông, bay về phía Nam, bay về phía Tây, bay về phía Bắc, bay lên trên, bay về các hướng trung gian. Nếu con chim thấy bờ xung quanh, con chim liền bay đến bờ ấy; nếu con chim không thấy bờ xung quanh, con chim bay trở về thuyền. Cũng vậy, này Tỷ-kheo? ngươi đã tìm cho đến Phạm thiên giới mà không gặp được câu trả lời cho câu hỏi ấy, nên nay trở về với Ta. Này Tỷ-kheo, câu hỏi không nên hỏi như sau: "Bạch The Ton, bon đại chủng ấy địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại đi đâu sau khi biến diệt hoàn toàn?" 498. Này Tỷ-kheo, câu hỏi phải nói như sau: "Chỗ nào mà địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong dại, dài, ngắn, tế, thô, tịnh, bất tịnh không có chân đứng? Chỗ nào cả danh và sắc tiêu diệt hoàn toàn?,, 499. Và đây là câu trả lời cho câu hỏi này: "Thức là không thể thấy, vô biên, biến thông hết thảy xứ. ở dây, địa dại, thủy dại, hỏa đại, phong đại không có chân đứng. ở dây, cũng vậy, dài, ngắn, tế, thô, tịnh và bất tịnh. ở dây, danh và sắc tiêu diệt hoàn toàn. Khi thức diệt, ở đây, mọi thứ đều diệt tan." 500. Thế Tôn thuyết như vậy, Kevaddha, cư sĩ trẻ tuổi, hoan hỷ tín thọ lời 1 _ 9 _ A rr-1 Ạ dạy cua The Ton.

12. KINH LOHICCA (LỘ-GIÀ) (Lohicca Suita)1

501. Như vầy tôi nghe. Một thòi, đức Thế Tôn đang đi du hành tại nước Kosala (Câu-tát-la) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, và đến tại Sālavatikā (một làng có dãy cây Sa-la bao bọc). Lúc bấy giờ? Bà-la-môn Lohicca ở tại Sālavatikā, một /w r r r chô dân cư đông đúc, cây cỏ5 ao nước, ngũ cóc phong phú, vôn là đát đai của vua, được Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) cấp cho để hưởng một phần lợi tức. 502. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Lohicca khởi lên ác kiến sau đây: "d dời, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chứng được thiện pháp, sau khi chứng được thiện pháp không nên nói cho người khác biết, vì có ai lại làm giúp cho ai được? Ví như một người sau khi cắt sợi dây cũ trói buộc, lại tự làm một sợi dây mới khác nữa. Ta nói sự thành tựu là ác pháp, tham pháp, vì có ai lại làm giúp cho ai dugc?" 503. Bà-la-môn Lohicca nghe đồn: "Sa-m6ĩi Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đang du hành tại nước Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vj, nay đã đến Sālavatikā. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: 'Ngài là bậc The Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn. Ngài đã tự chứng ngộ thế giới này với Thiên giói, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn5 Bà-la- môn9 chư thiên và loài người, tự mình chứng ngộ với thắng trí rồi hiển thị cho mọi loài được biết. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa cụ túc, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Lành thay nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy!5,5 504. Bà-la-môn Lohicca nói với Bhesikâ,2 người hớt tóc: Này thiện nhân Bhesikâ, hãy đi đến Sa-môn Gotama, thay mặt ta hỏi thăm Sa-môn Gotama có được ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn5 lạc tru không: "Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Lohicca hỏi thăm Thế Tôn có được ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú không?^ Và nói thêm: "Mong Thế Tôn

nhận lời của Bà-la-môn Lohicca sáng mai đến dùng cơm cùng với đại chúng Tỷ-kheo?5

1 Xem D. I. 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; M. L 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. l, 29; 5. IV. 103, 110, 177; A. I. 113; II. 16, 39, 153, 205; III. 93, 161; v. 201,347. Kinh tương đương trong bộ Trường A-hàm kỉnh la Lộ-gỉà kỉnh (T.01. 0001.29. 0112c20). 2 Còn được viết là Rosikā.

182 KINH TRƯỜNG BÔ

505. - Tôn giả, xin vâng. Bhesikā, người hớt tóc, vâng theo lời của Bà-la-môn Lohicca đến chỗ đức Thế Tôn và ngoi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên. Bhesikâ, người hớt tóc, bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Lohicca hỏi thăm: "Thế Tôn có được ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú kh6ng?" Và nói thêm: "Mong đức Thế Tôn nhận lời mời của Bà-la-môn Lohicca sáng mai đến dùng cơm với đại chúng Ty-kheo.^ Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. 506. Bhesikā, người hớt t6c, được biết Thế Tôn nhận lời9 từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, lui ra. Rồi Bhesikâ đi đến Bà-la-môn Lohicca; khi đã đên, liên thưa với Bà-la-môn Lohicca: Tôn giả, chúng tôi đã thay mặt Tôn giả thưa với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Bà-la-môn Lohicca hỏi thăm Thế Tôn Gotama có được ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn khong?,, Và nói thêm: "Mong Thế Tôn nhận lời của Bà-la-môn Lohicca sáng mai đến dùng cơm với đại chúng Tỷ-kheo.59 Và Thế Tôn nhận lời. 507. Roi Bà-la-môn Lohicca, sau khi đêm ây đã mãn, làm săn sàng tại nhà các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm rồi nói với Bhesikâ, người hớt tóc: - Này thiện nhân Bhesikâ, hãy đi đến Sa-môn Gotama; khi đã đến, hãy báo giờ cho Sa-môn Gotama: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng.” -Tôn giả, xin vâng. Bhesikâ, người hớt tóc. vâng theo lời của Bà-la-môn Lohicca, đi đến Thế Tôn; khi đã đen, liền đảnh lễ The Tôn và đứng một bên. Sau khi đưng một bên, Bhesikā, người hớt tóc, báo giờ cho Sa-môn Gotama: “Bạch Thế Tôn?

12. KINH LOHICCA « 185

cho người thiện nam tử đến với Pháp, Luật do đức Như Lai giảng dạy và chứng được những quả vi thù thang đặc biệt như Dự lưu, Nhất lai, Bất lai hay A-la-hán quả. Người nói vậy cũng gây chướng ngại cho những vị đang làm cho thành tựu sự tái sanh lên các cõi trời để được sanh làm chư thiên; đã là người gây chướng ngại, người ấy không có từ tâm nghĩ đến lợi ích; đã không có từ tâm nghĩ đến lợi ích, người ấy an tru hại tâm, và đã an tru hại tâm tức thuộc về tà kiến. Và này Lohicca, Ta nói rằng, một người có tà kiến sẽ sanh vào một trong hai ác thú sau đây: Địa ngục hoặc súc sanh. 513. Này Lohicca, ở đời có ba vi Đạo sư đáng bị chỉ trích, và ai chỉ trích những Đạo sư như vậy thì sự chỉ trích của vi này xác thực, chơn chánh, hợp pháp, không lỗi lầm. Thế nào là ba? Này Lohicca, ở đời có một vị Đạo sư không chứng mục dh của Sa-môn hạnh mà mọi người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Không chứng được mục đích Sa-môn hạnh, vị này thuyết pháp cho các đệ tử: "Nhu thế này là lợi ích cho các người. Như thế này là hạnh phúc cho các ngiròi." Những đệ tử này không nghe lời dạy của vị ấy, không để tai ghi nhận, không trú tâm phát xuất từ hiểu biết và sóng trái

ngược với giáo pháp của vi Bổn sư. Đạo sư như vậy cần phải bị khiển trách: “Dại đức không chứng mục đích Sa-môn hạnh mà Đại đức xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Không chứng được mục đích Sa-môn hạnh ấy, Đại đức thuyết pháp cho các đệ tử: 'Như thế này là lợi ích cho các người. Như thế này là hạnh phúc cho các người/ Những đệ tử này không nghe lời dạy của Đại đức, không để tai ghi nhận, không trú tâm phát xuất từ hiểu biết và sống trái ngược với giáo pháp của vi Bổn sư. Như người tán tỉnh cô gái muốn xa mình, hay ôm hôn cô gái muốn né mặt mình, ta nói cử chỉ ấy là ác pháp, tham pháp, vì có ai lại làm giúp cho ai âượcT" Này Lohicca, như vậy là hạng Đạo sư thứ nhất đáng bị chỉ trích, vả ai chỉ trích Đạo sư như vậy thì sự chỉ trích của vị này xác thực, chơn chánh, hợp pháp, không lỗi lầm. 514. Lại nữa, này Lohicca, ở đời có vị Đạo sư không chứng mục đích của Sa-môn hạnh mà mọi người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Không chứng được mục đích Sa-môn hạnh ấy, vị này thuyết pháp cho các đệ tử: "Nhu thế này là lợi ích cho các người. Như thế này là hạnh phúc cho các người.^, Những đệ tử này nghe lời dạy của vị ấy? lóng tai ghi nhận và trú tâm phát xuất từ hiểu biết, nhưng sống trái ngược với giáo pháp của vị Bổn sư. Đạo sư như vậy cần phải bị khiên trách: "Đại đức không chứng mục đích Sa- môn hạnh mà Đại đức xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Không chứng được mục đích Sa-môn hạnh ấy, Đại đức thuyết pháp cho các đệ tử: 'Như thế này là lợi ích cho các người. Như thế này là hạnh phúc cho các người/ Những đệ tử này nghe lời dạy của Đại đức? lóng tai ghi nhận, tru tâm phát xuất từ hiểu biết, nhưng sống trái ngược với giáo pháp của vi Bổn sư. Như

Này Lohicca, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm. Sau khi rác bột tăm trong thau băng đông, liên nhôi bột áy với nước, cục bột ấy thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhimg không chảy thành giọt; cũng vậy, này Lohicca, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy tham nhuần. Này Lohicca, đệ tử của vi Đạo sư nào chứng được quả vị thù thắng đặc biệt áy, thời này Lohicca, vị Đạo sư không đáng bị chỉ trích. Và ai chỉ trích một vị Đạo sư như vậy, sự chỉ trích ấy sẽ không xác thực, không chơn chánh, không hợp pháp và có lỗi lầm. Này Lohicca, lại nữa, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do đinh sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... Thiên thứ ba... Thiên thứ tư... (như Kinh Sa-môn quả. đoạn 228-235, với những thay đổi cần thiết). Này Lohicca, đệ tử của vi Đạo sư nào chứng được quả vị thù thắng đặc biệt ấy, thời này Lohicca, vị Đạo sư như vậy không đáng bị chỉ trích. Và ai chỉ trích một vi Đạo sư như vậy, sự chỉ trích ấy sẽ không xác thực, không chơn chánh, không hợp pháp và có lỗi lầm. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chác, bình thản như vậy, vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Thần túc thông... Thiên nhĩ thông... Tha tâm thông... Túc mạng trí...Thiên nhãn trí... Lậu tận trí. Vi ấy biết như thật: "Đây là khổ...

không có đời sống nào khác nữa." (Như Kỉnh Sa-môn quả. đoạn 236-249). Này Lohicca, đệ tử của vi Đạo sư nào chứng được quả vi thù thắng đặc biệt ấy,4 này Lohicca, vị Đạo sư như vậy không đáng bị chỉ trích. Và ai chỉ trích một vị Đạo sư như vậy, sự chỉ trích ấy sẽ không xác thực, không chơn chánh, không hợp pháp và có lỗi lam. 517. Khi nghe như vậy, Bà-la-môn Lohicca bạch đức Thế Tôn: Như người nắm được tóc của một người đang rơi vào vực thẳm của địa ngúc, nhấc bổng và đặt người ấy trên đất liền; cũng vậy? Tôn ệiả Gotama đã nam được tóc khi con đang rơi vào vực thẳm của địa ngục, nhác bổng và đặt con trên đất liền. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những ẹì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tôi đê những ai có mát có thê thây sác. Cũng vậy, Chánh pháp đã được đức Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. J Nay con • JL 17 Á r • rrị /X L m > D _ _L D 1 ĩJ_ _ Tk < 4. nni Ắ xin quy y đức The Ton, quy y Pháp va quy y chung Ty-kneo. Mong đức The Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

4 Ulāram visesam adhigacchanti. Xem s. v. 154-55.

13. KINH TAM MINH (Tevijjā Suttaṃ

518. Như vày tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang du hành ở Kosala (Câu-tát-la) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vi và đi đến một làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Manasākata. Tại dấy, ở Manasākata, Thế Tôn tru tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravatī (A-trí-la-phạt-để), phía Bắc làng Manasākata. 519. Lúc bấy giờ, nhiều Bà-la-môn trứ danh, nổi tiếng, đại phú hào ở tại Manasākata như Bà-la-môn Cañkī (Thường-già), Bà-la-môn Tārukkha (Đa-lê-xa), Bà-la-môn Pokkharasāti (Phí-già-la-bà-la), Bà-la-môn Jānussoni (Sanh-lậu), Bà-la-môn Todeyya (Đạo-đề-da) và nhiều Bà-la-môn trứ danh, nổi tiếng, đại phú hào khác. 520. Lúc bấy giờ, một cuộc nghị luận về chánh đạo và tà đạo khởi lên giữa thanh niên Bà-la-môn Vāsettha (Bà-tất-sá) và thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja (Bạt-la-đà-phạn-xà) trong khi đi bách bộ để tĩnh dưỡng, vừa đi vừa suy nghĩ, tư duy. Thanh niên Bà-la-môn Vāsettha nói: Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Pokkharasāti giảng dạy. Thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja nói: -Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng tru với Phạm thiên cho những ai thực hành theo, đó là con đường do Bà-la-môn Târukkha giảng dạy. Thanh niên Bà-la-môn Vāsettha không thể thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja và thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja cũng không the thuyết phục được thanh niên Bà-la-môn Vāsettha. 521. Khi ấy, thanh niên Bà-la-môn Vāsettha nói với thanh niên Bà-la-môn Bhāradvāja: -Này Bhāradvāja, Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay tru ở Manasākata, tại một vườn xoài trên bờ sông Aciravatī, phía Bắc làng

1 Xem D. L 47, 87, 111, 127, 150, 159, 161, 178, 204, 211, 224, 235; M, L 164, 175, 220, 256, 271, 339, 353, 400, 513; II. 29, 157, 214; III. 1,29; s. IV. 103, 110, 177;^. L 113; II. 16,39, 153, 205; IIL 93j 161J 223; V. 201, 347; Vỉn. L 199. Kinh tương đương trong bộ Trường A-hàm

kinh là Tam mình kỉnh (Z01.0001.26. 0104C17).

190 KINH TRƯỜNG Bô

Manasākata. Tiêng đôn tót đẹp sau đây được truyền đi vê Tôn giả Gotama: "Ngài là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chanh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điêu Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn/ Này Tôn giả Bhāradvāja, hãy đến Sa-môn Gotama và hỏi Sa-môn Gotama về nghĩa lý này, và Sa-môn Gotama trả lời như thê nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.2 -Tôn giả, xin vđng.

2 Xem/. II. 23-4; Divy. 196, 246.

192 KINH TRƯỜNG Bô _____

Bhāradvāja, Vāsettha5 Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: "Chung tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở dâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu?5 Như vậy, các Ba-la-mon tinh thông ba tập Vệ-đà đã nói: "Chúng tôi không biêt, chúng tôi không thây con đường đưa đên cộng trú với Phạm thiên nhung chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: 'Đây là trực đạo. đây là chánh đạo, hướng đen, dẫn đen cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.9,9 528. Này Vāsettha, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chính xác, không hợp lý? -Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy, thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chính xác, không hợp lý. —Này Vāsettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không biết, không thấy con đường đưa đen cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Bây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo", thật không thể có sự kiện ấy. 529. Này Vāsettha, ví như một chuỗi người mù ôm limg nhau,3 người trước không thấy, người giữa không thấy, người cuối cùng cũng không thấy; cũng vậy, này Vāsettha, lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà người đầu không thấy, người giữa không thấy, người cuối cùng cũng không thấy giống như lời nói mù quáng. Lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà như vậy là lời nói đáng chê cười, là lời nói suông, là lời nói không tưởng, là lời nói trống rỗng. 530. Này Vāsettha, nhà ngươi nghĩ thế nào, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà9 như phan đông nhiều người khác, có the thay mặt trăng, mặt trời không, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chắp tay và đảnh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn? Thưa vân^, Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà5 như phần đông nhiều người khác, có thể thấy mặt trăng, mặt trời trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chắp tay đảnh lễ cho mặt trăng, mặt trời mọc và lặn. 531. — Này Vāsettha, nhà ngươi nghĩ thê nào, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, như phần đông nhiều người khác thấy mặt trăng, mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chắp tay và đảnh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn; những vi này có the thuyết dạy con đường đưa đen sự cộng trú với mặt trăng, mặt trời không: "Dây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với mặt trăng, mặt trời cho những ai thực hành theo"? -Tôn giả Gotama, không thể được. -Này Vāsettha, ngươi nói rằng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà5

3 Xem M. II. 170.

như phần đông nhiều người khác thấy mặt trăng, mặt trời, trong khi các vị này cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vừa chắp tay và đảnh lễ chỗ mặt trăn^, mặt trời mọc và lặn; những vị này không có the thuyết dạy con đường đưa đen sự cộng trú với mặt trăng, mặt trời: “Bây là trực dạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng tru với mặt trăng, mặt trời cho những ai thực hành theo.” 532. Ngươi cũng nói các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên; các Tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên; các đại Tôn sư các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên; các Bà-la- môn cho đến bảy đời Tôn sư; đại Tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Ngươi cũng nói trong những tu sĩ thời cổ9 trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà? những vị sáng tác các

-Vâng phải, Tôn giả Gotama. Sự kiện là như vậy, thời lời nói của người kia là không chính xác, không hợp lý. 536. Cũng vậy, này Vāsettha, ngươi nói răng các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên; các Tôn sư của các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, không thể tận mắt thấy được Phạm thiên; các đại Tôn sư của các Bà-la-môn tinh th6ng ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên; các Bà-la-môn cho đen bảy đời Tôn sư, đại Tôn sư của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không thể tận mắt thấy được Phạm thiên. Ngươi cũng nói những tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia các thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh; và ngày nay, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà cũng hát lên, cũng trì tụng và giảng dạy như các vị Atthaka, Vāmaka, Vâmadeva, Vessāmittā, Yamataggi, Añgirasa, Bhāradvāja, Vāsettha, Kassapa, Bhagu, không có một vị nào đã nói: '"Chúng tôi biết, chúng tôi thấy Phạm thiên ở dâu, Phạm thiên từ đâu đến, Phạm thiên sẽ đi đâu.y Như vậy, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà đã nói: "Chúng tôi không biết, chúng tôi không thấy con đường đưa đến sự cộng trú với Phạm thiên nhưng chúng tôi thuyết dạy con đường ấy: 'Đây là trực đạo, đây là chánh đạo, hướng dèn, dân đên cộng tru với Phạm thiên cho những ai thực hành theo.'" 537. Này Vāsettha, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chính xác, không hợp lý? -Tôn giả Gotama, sự kiện là như vậy, thời lời nói của những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà là không chính xác, không hợp lý.
Lành thay, Vāsettha! Những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không biết, không thấy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên mà thuyết dạy: "Đây là trực dạo, đây là chánh đạo, hướng đến, dẫn đến cộng trú với Phạm thiên cho những ai thực hành theo." Thật không có sự kiện ấy. 538. Này Vāsettha, như một người muốn xây tại ngã tư đường một cái thang đê leo lên lâu. Có nệười hỏi: "Này bạn, ông muôn xây một cái thang đê leo lên lầu, vậy ông có biêt lầu ấy là về hướng Đông, hay về hướng Tây, hay về

hướng Bắc, hay về hướng Nam? Nhà lầu ấy cao hay thấp, hay trung binh?" Được hỏi vậy, vị ây trả lời không biêt. Có người hỏi: "Này bạn, như vậy có phải ông xây một cái thang để leo lên một cái lầu mà ông không biết, không thẤy?" Được hỏi vậy, vị ây trả lời phải. 539. Này Vāsettha, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải lời nói của người kia không chính xác9 không hợp lý? Vâng phải, bạch Thế Tôn. Sự kiện là như vậy? thời lời nói của người kia là không chính xác, không hợp lý. 540. Cũng vậy, này Vāsettha, ngươi nói rằng các Bà-la-môn tinh thông

ba tập

không tác thành Bà-la-môn5 vì kêu gọi, vì câu khân, vì hy vọng, vì tán thán mà sau khi thân hoại mạng chung, những vị ấy sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật không có sự kiện ấy. 545. Này Vāsettha, như sông Aciravatī này, đầy tràn cho đến bờ khiến con quạ có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia. Người này đứng bên bờ này kêu bờ bên kia và nói: "Bờ bên kia, hãy lại đây! Bờ bên kia, hãy lại đây!99 Này Vāsettha, ngươi nghĩ thế nào, có phải vì người kia kêu gọi bờ bên kia, vì cầu khẩn, vì hy vọng, vì tán thán mà bờ bên kia của sông Aciravatī đến bờ bên này không? -Tôn giả Gotama, không thể vậy. 546. Cũng vậy, này Vāsettha, có năm pháp khiên dục lạc tăng thịnh. Năm pháp này được xem là sợi dây xích, sợi dây thăng trong giới luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Những sắc pháp do mắt cảm nhận, khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục, ái lạc; những tiếng do tai cảm nhận... những hương do mũi cảm nhận... những vi do lưỡi cảm nhận... những xúc do thân cảm nhận, khả ái, mỹ miều, thích thú, hấp dẫn, câu hữu với dục lạc. Này Vāsettha, năm pháp khiên dục lạc tăng thịnh áy được xem là sợi dây xích, sợi dây thắng trong giới luật của bậc Thánh. Này Vāsettha, năm pháp khiến dục lạc tăng thịnh ấy, các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà chấp trước, mê đắm, bị trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự thoát ly chúng, đã tận hưởng năm pháp ấy. Này Vāsettha, những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà5 loại bỏ những pháp tác thành Bà-la-môn5 tuân theo những pháp không tác thành Bà-la-môn, chấp trước, mê đắm, bi trói buộc, không thấy nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự thoát ly chúng, tận hưởng chúng, bị trói buộc bởi sự trói buộc của dục lạc, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật không có sự kiện ấy. 547. Này Vāsettha, như sông Acivaratĩ này, đầy tràn cho đến bờ khiến con quạ có thể uống được. Có người đến, có sự việc bên bờ bên kia, tìm đến bờ bên kia, hướng đến bờ bên kia và muốn lội qua bờ bên kia, nhưng n^ười này ở bên bờ nay trùm đầu và nằm ngủ. Này Vāsettha, nhà ngươi nghĩ the nào, người ấy có thể từ bên này của sông Aciravatī đến bờ bên kia không? -Tôn giả Gotama, không thể được. 548. Cũng vậy, này Vāsettha, có năm triền cái được gọi là chướng ngại, cũng được gọi là triền cái, cũng được

sân tâm, Phạm thiên không có sân tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm... các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không có tự tại, Phạm thiên có tự tại. Giữa các Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không có tự tại với Phạm thiên có tự tại, có thể có một sự cộng hành, cộng tru không? -Tôn giả Gotama, không thể có được. Lành thay, Vāsettha! Này Vāsettha, những vi Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà không có tự tại ấy sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Thật không thể có sự kiện ấy. 552. Này Vāsettha, ở đời, các Bà-la-môn dầu có tinh thông ba tập Vệ-đà5 khi các vi này ngồi [với sự tự tín], thật sự đang chìm [trong bùn lầy!, và khi đang chìm [trong bùn lay] phải song trong thất vọng, lam tưởng rang đã đen cảnh giới an lạc hơn. Do vậy, đối với những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà5 sự tinh thông ấy được gọi là bãi sa mạc không có nước, sự tinh thông ấy cũng được gọi là rừng rậm không có đường lối, sự tinh thông ấy cũng được gọi là sự bất hạnh. 553. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Vāsettha bạch Thế Tôn: Tôn giả Gotama, tôi có nghe nói Sa-môn Gotama biết con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên. Này Vāsettha, ngươi nghĩ thê nào, chô này gân Manasākata, không xa Manasãkata phải không? Vâng phải, Tôn giả Gotama, chỗ này gần Manasākata, không xa Manasākata. 554. Này Vāsettha, ngươi nghĩ thế nào? ở đây, có người sinh trưởng ở Manasākata nhxmg chưa bao giờ rời khỏi chỗ này. Có người hỏi con đường đưa đến Manasākata, này Vāsettha, đối với người đã sinh trưởng ở Manasākata, chác không có gì nghi ngờ hay khó khăn thì phải? -Tôn giả Gotama, thật không có gì nghi ngờ hay khó khăn. Vì cớ sao? Tôn giả Gotama, người sinh trưởng ở Manasākata đều biết rõ tất cả con đường đưa đến Manasākata. —Này Vāsettha, đối với người đã sinh trưởng Manasākata, còn có thể nghi ngờ và có khó khăn khi hỏi đến con đường đưa đến Manasākata, nhưng đối với Như Lai thì không có nghi ngờ hay khó khăn gì khi hỏi đên Phạm thiên giới hay con đường đưa đến Phạm thiên giới. Này Vāsettha, Ta biết đến Phạm thiên, Phạm thiên giới và con đường đưa đến Phạm thiên giới. Ta biết phương pháp thực hành đế sanh vào Phạm thiên giới. 555. Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Vāsettha bạch Thế Tôn: -Tôn giả Gotama,

Này Vāsettha, vậy hãy lắng nghe và khéo tác ý kỹ, Ta sẽ nói: Xin vâng, Tôn giả. Thanh niên Bà-la-môn Vāsettha bạch Thế Tôn. 556. Thế Tôn thuyết như sau: Này Vāsettha, nay ở đời đức Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Như Lai sau khi tự mình chứng ngộ với thượng trí thế giới này, với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm các chúng Sa-môn, Bà-la-môn5 trời, người, lại tuyên thuyết điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đay đủ thanh tịnh. Người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hay một người sinh ở giai cấp [hạ tiện] nào nghe pháp ấy, sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: "Dòi sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời; đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tinh, trắng bạch

như vỏ 6c, vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia dinh." Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyên thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đáp áo cà-sa5 và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Khi đã xuất gia như vậy, vị ây sông chê ngự với sự chê ngự của Giới bôn (Pātimokkhaṃ, đày đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong giới pháp, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tinh, mạng sống trong sạch, giới hạnh đầy đủ5 thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc. Này Vāsettha, thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? ở đây, này Vāsettha, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh... do lạc thọ, tâm được định tĩnh... (xem Kinh Sa-môn quả, đoạn 194-225 với những thay đôi cân thiêt). Vị ây an trú, biên mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Này Vāsettha, như người lực sĩ thổi tù và, khiến tiếng được nghe khắp bốn phương không có gì khó khăn; cũng vậy, này Vāsettha, đối với mọi hình thức của sự sống, không có ai mà vị ấy bỏ qua hay bỏ sót, không biến mãn với Tâm giải thoát câu hữu với từ. Này Vāsettha, đó là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên. Lại nữa, này Vāsettha, vị Tỷ-kheo an trú, biên mãn một phương với tâm

câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bê ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vi ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Này Vāsettha, như người lực sĩ thổi tù và, khiến tiếng được nghe khắp bốn phương không có gì khó khăn; cũng vậy, này Vāsettha, đối với mọi hình thức của sự sông, không có ai mà vi áy bỏ qua hay bỏ sót, không biên mãn với Tâm giải thoát câu hữu với xả. Này Vāsettha, đó là con đường đưa đên cộng trú với Phạm thiên. 557. Này Vāsettha5 ngươi nghĩ thê nào, Tỷ-kheo an trú như vậy là có dục ái hay không dục ái? Tôn giả Gotama, không có dục ái. Có hận tâm hay không có hận tâm? -Tôn giả Gotama, không có hận tâm. Có sân tâm hay không có sân tâm? -Tôn giả Gotama, không có sân tâm. -Có nhiễm tâm hay không có nhiễm tâm? -Tôn giả Gotama, không có nhiễm tâm. -Có tự tại hay không có tự tại? -Tôn giả Gomata, có tự tại. Này Vāsettha, ngươi nói Tỷ-kheo không có dục ái, Phạm thiên khônệ có dục ái. Giữa Tỷ-kheo không có dục ái với Phạm thiên không có dục ái có thê có một sự cộng hành, cộng trú không? -Tôn giả Gotama, có thê có được. -Lành thay, Vāsettha! Này Vāsettha, thật vậy, Tỷ-kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng tru với Phạm thiên. Thật có thể có sự kiện ấy. 558. Này Vāsettha, ngươi nói Tỷ-kheo không có hận tâm, Phạm thiên không có hận tâm... Tỷ-kheo không có nhiễm tâm, Phạm thiên không có nhiễm tâm... Tỷ-kheo có tự tại, Phạm thiên có tự tại. Giữa Tỷ-kheo có tự tại với Phạm thiên có tự tại có the có một sự cộng hành, cộng trú không? -Tôn giả Gotama, có thể có được. Lành thay, Vāsettha! Này Vāsettha, thật vậy, Tỷ-kheo sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với Phạm thiên. Sự kiện ẩy thật có

thể có. 559. Khi nghe nói vậy, hai thanh niên Bà-la-môn Vāsettha và Bhāradvāja bạch Thế Tôn: Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong

bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiêu phương tiện trình bày. Và nay chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chư Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đên mạng chung, chúng con xin trọn đời quy ngưỡng.

14. KINH ĐẠI BÔN (Mahāpadāna Sutto)1

Tụng phẩm I 1. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở tại Sāvatthi (Xá-vệ), rừng Jeta (Kỳ-đà)? vườn ông Anâthapiṇḍika (Cấp Cô Độc), trong am thất cây Kareri (Hoa Lâm). Lúc bấy giờ, sô đông các Tỷ-kheo đi khất thực về, sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp tại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại thuộc về tiền thân được khởi lên: "Dây là tiền thân, đây là tiền than?5 2. Thế Tôn, với Thiên nhĩ thanh tịnh vượt quá loài người, nghe được câu chuyện này giữa các Ty-kheo. Rồi Thế Ton từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Hoa Lâm viên đường. Khi đến xong, Ngài ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, The Ton hỏi các Ty-kheo: Này các Tỷ-kheo, câu chuyện gì các người đang ngồi bàn? Câu chuyện gì đã bị gián đoạn giữa các người? Khi được nghe vậy, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, chúng con đi khất thực về5 sau khi dùng bữa xong, cùng ngồi và tụ họp tại Hoa Lâm viên đường, pháp thoại về tiền thân được khởi lên: "Bây là tiền thân, đây là tiền thân.,, Bạch The Tôn, đó là câu chuyện đang được bàn đến giữa chúng con, thời Thế Tôn đến. 3. Này các Tỷ-kheo? các người có muôn nghe pháp thoại thuộc vê tiên thân không? Bạch Thế Tôn, thật là đúng thời; bạch Thiện Thệ, thật là đúng thời để Thế Tôn giảng pháp thoại thuộc về tiền thân. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. -Vậy này các Tỷ"kheo9 các người hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ giảng. - Dạ vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo này đáp lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

1 Xem M. L 160; II. 91; s. L 298, 501; II. 5, 104; Dh. 51 184, 239; Ud. 42; 7/. 31; MNid. 338, 444; Mỉỉn. 232; Vin. L ì;Kvu. 559, 590. Kinh tương đương trong bộ Trường A-hàm kỉnh là Đại bổn kỉnh (T.01. 0001.01. 0(^ lb n),Tham chiếu: Phật thuyết Thất Phật kinh (roi. 0002. 0150a03); Ty-ba-thi Phật kinh (r.Ol. OOO3.J)154bO5); Thất Phật phụ mâu tánh tự kinh (T.01. 00Ỏ4. 0159a27); La-ma kỉnh (roi. 0026.204. 0775c07); Tăng. (r,02. 0125.[9.1. 0593a24); Tăng.(r.02. 0125.48.4. 0790a07); Pháp tập yếu tụng kinh, Như Lai phẩm (T.04. 0213.21. 0787b22).

không bao nhiêu, ít ỏi, chóng vánh, ai sống thọ thì khoảng một trăm năm hay hơn một chút. 8. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pātalī (Ba-bà-la). Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pundarīka (Phân-đà-ly). Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Sala (Sa-la). Này các

Tỷ-kheo? The Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Sirĩsa (Thi-lợi-sa). Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Ưdumbara (Ô-tam-bà-la). Này các Tỷ-kheo9 Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Nigrodha (Ni-câu-luật-đà). Này các Tỷ-kheo, nay Ta là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Assattha (Bát-đa-la). 9. Này các Tỷ-kheo, hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Khanda (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá). Này các Tỵ-kheo, hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Abhibhū (A-tỳ-phù) và Sambhava (Tam-bà-bà). Này các Tỷ- kheo? hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Sona (Phu-du) và Uttara (Uất-đa-la). Này các Tỷ-kheo? hai vi Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Kakusandha, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Vidhũra (Tỳ-lâu) và Sañjīva (Tát-ni). Này các Tỷ-kheo, hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của The Tôn Konāgamana, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Bhiyyosa (Thư-bàn-na) và Uttara. Này các Tỷ-kheo? hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Tissa và Bhāradvāja (Bà-la-bà). Này các Tỷ-kheo, hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Ta là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallâna (Mục-kiên-liên). 10. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội: Một Tăng hội sáu trăm tám mươi vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội: Một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo? một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Sikhī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vessabhū, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội: Một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội bảy vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội sáu vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Ton Vessabhū, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận.

Này các Tỷ-kheo? phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Konāgamana, bậc A-la- hán Chánh Đang Giác, tên là Yafiñadatta (Đạt Đức), mẫu thân Bà-la-môn tên là Uttarā (Thiện Thắng). Này các Tỷ-kheo5 lúc bấy giờ, vua trị vì tên là Sobha (Thanh Tinh); kinh thành của Vua Sobha tên là Sobhavatī (Thanh Tịnh). Này các Tỷ-kheo, phụ thân Bà-la-môn của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Brahmadatta (Phạm Thi), mẫu thân Bà-la-môn tên là Dhanavatī (Tài Chủ). Này các Tỷ-kheo? lúc bấy giờ^ vua tri vì tên là Kikī (Hấp-tỳ); kinh thành của Vua Kikī tên là Bārānasī (Ba-la-nại). Này các Tỷ-kheo, nay phụ vương của Ta tên là Suddhodaná (Tinh Phạn), mẫu hậu của Ta tên là Māyā (Ma-da); kinh thành tên là Kapilavatthu (Ca-tỳ- lã-vệ). Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Giảng xong, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tinh xá. 13. Thế Tôn đi ra chẳng bao lâu, cuộc đàm thoại sau đây khởi lên giữa những Tỷ-kheo ấy: -Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay, đại thần lực, đại oai lực của Như Lai! Như Lai nhớ được chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn

các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hoi. đã thoát ly mọi đau kho; Như Lai cũng nhớ đen chủng tánh của những vị này, cũng nhớ đên danh tánh, cũng nhở đên tộc tánh, cũng nhớ đên tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy? Giới hạnh là như vậy, Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vay." Này các Hiền giả, quý vị nghĩ như thế nào? Có phải Như Lai khéo chứng đạt pháp giới như vậy, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ. những vi này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đa đoạn các chướng đạo, đã cham dứt sự luân hoi, đã thoát ly mọi đau khổ; Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đên tộc tánh, cũng nhớ đên tuôi thọ, cũng nhớ đên hai vị đệ tử, cũng nhớ đên các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, Giới hạnh là như vậy, Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vậy." Hay là chư thiên mách bảo Như Lai, và nhờ sự mách bảo này, Như Lai nhớ được các đức Phật quá khứ, các vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chuông ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã châm dứt sự luân hôi, đã thoát ly mọi đau khô; Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vi đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tanh là như vậy, tộc tánh là như vậy, Giới hạnh là như vậy, Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như vậy? Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vay." Như vậy

loát

vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vậy.,, Và chư thiên cũng mách bảo Như Lai, và nhờ sự mách bảo này Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niêt-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng dạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ; Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đen hai vị đệ tử, cũng nhớ đen Tăng hội như sau: "Các bậc The Tôn ấy, sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, Giới hạnh là như vậy, Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vay." Này các Tỷ-kheo, các ngươi có muốn nghe thêm nữa pháp thoại thuộc về tiền thân không? Bạch Thế Tôn, thật là đúng thời; bạch Thiện Thệ, thật là đúng thời để Thế Tôn giảng thêm nữa pháp thoại thuộc về tiền thân. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì. Này các Tỷ-kheo, vậy hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, Thế Tôn giảng như sau: 16. — Này các Tỷ-kheo? cách đây chín mươi mốt kiếp về trước, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, ra đời. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc chủng tánh Sát-đế-lỵ, sanh trong giai cấp Sát-đế-lỵ. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc

A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuộc danh tánh Kondañña. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tuổi thọ đến tám vạn năm. Này các Tỷ-kheo? Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pātalī. Này các Tỷ-kheo, hai vị Hiền si, đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Khanda và Tissa. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội: Một Tăng hội sáu trăm tám mươi vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội tám vạn Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo? trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội như vậy, tất cả đều là bậc Lậu tận. Này các Tỷ-kheo, trong thời Thế Tôn Vipassī, bấc

hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra cùng khắp thế giới, các thế giới ở trên gồm chư thiên, the giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các vị hoàng tử và dân chúng.23Cho đến các cảnh giới ở giữa các thế giới, không có nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh giới mà mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thê chiêu thâu, trong những cảnh giới áy, một luông hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: “Cũng có những chúng sanh khác sông ở dây." Và mười ngàn thê giới chuyên động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng thần diệu ấy5 thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra khắp thế giới. Pháp nhĩ là như vậy. 19. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, bốn vi thiên tử đứng canh gác bôn phương trời và nói: "Không cho một ai, người hay không phải loài người, được hãm hại vị B6-tát" Pháp nhĩ là như vậy. 20. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát giữ giới một cách hồn nhiên, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm5 không nói láo, không uông các thứ rượu men rượu nấu. Pháp nhĩ là như vậy. 21. Này các Tỷ-kheo5 pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát không khởi dục tâm đối với một nam nhân nào, và không vi phạm tiết hạnh vơi bat ky người đan ong nao, dâu người nay co tâm ái nhiêm đồi với bà. Pháp nhĩ là như vậy. 22. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bồ"tát nhập mẫu thai, mẹ vi Bồ-tát có được năm món dục lạc đây đủ, tận hưởng, trọn hưởng năm món dục lạc ấy. Pháp nhĩ là như vậy. 23. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bô-tát nhập mâu thai, mẹ vị Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ? với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đày đủ mọi bộ phận và chân tay. Này các Tỷ-kheo, ví như viên ngọc lưu ly,3 tronệ suốt, thuần nhất, có tám cạnh. khéo cắt, khéo giũa, trong sáng, không tỳ vét, hoàn hảo trong mọi phương diện; roi một sợi dây được xâu qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Nếu có người tinh mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ ràng: "Đây là viên ngọc lưu ly, trong suốt, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo giũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây xâu qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ? màu trăng hay màu vàng nhạt." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? khi vị Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ vị Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái. Bà thấy trong bào thai

của mình vi Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay. Pháp nhĩ là như vậy.

2 Sadevamanussāya, có chỗ dịch là chư thiên và loài người. 3 Xem M. III. 121.

14. KINH ĐẠI BỔN 211

24. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Sau khi sanh vi Bồ-tát bảy ngày, mẹ vị Bồ-tát mệnh chung và sanh lên cảnh trời Đâu-suất. Pháp nhĩ là như vậy. 25. Này các Tỷ-kheo. pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác mang bào thai trong bụng chín tháng hay mười tháng roi mới sanh, mẹ vị Bồ-tát sanh vị Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát mang vị Bồ-tát trong bụng mười tháng mới sanh. Pháp nhĩ là như vậy. 26. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Trong khi các người đàn bà khác hoặc ngồi, hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bô-tát sanh vị Bô-tát không phải như vậy. Mẹ vị Bồ-tát đứng mà sanh vị Bồ-tát. Pháp nhĩ là như vậy. 27. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vi Bô-tát từ bụng mẹ sanh ra, chư thiên đỡ lấy Ngài trước, sau mới đen loài người. Pháp nhĩ là như vậy. 28. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Khi vi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, vị Bồ-tát không đụng đen đất, có bon thiên tử đỡ lây Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: "Hoàng hậu hãy hoan hỷ. Hoàng hậu sanh một bậc Vĩ nhân.^, Pháp nhĩ là như vậy. 29. Này các Tỷ-kheo9 pháp nhĩ là như vậy. Khi vi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bi nhiễm ô bởi loại mủ nào? không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tinh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy. Này các Tỷ-kheo9 như viên ngọc Ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba- la-nại, hòn ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bi nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Pháp nhĩ là như vậy. 30. Này các Tỷ-kheo5 pháp nhĩ là như vậy. Khi vị Bô-tát từ bụng mẹ sanh ra, hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho vị Bồ-tát và cho bà mẹ. Pháp nhĩ là như vậy. 31. Này các Tỷ-kheo, pháp nhĩ là như vậy. Vi Bồ-tát khi sanh ra, Ngài đứng vững, thăng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc,

212 KINH TRƯỜNG Bô

CÓ nền tảng, tối tăm, u ám, những cảnh ệiới mà mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai đức như vậy cũng không thê chiêu thâu, trong những cảnh giới ây, một luồng hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sông ở dây.” Và mười ngàn thê giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng thần diệu ấy thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra khắp thế giới. Pháp nhĩ là như vậy. 33. Này các Tỷ-kheo, khi Hoàng tử Vipassī sinh ra, Vua Bandhumā được báo tin: "Dại vương đã được sinh một Hoàng tử. Kính mời Đại vương xem mặt Hoàng tử." Này các Tỷ-kheo, khi thấy Hoàng tử Vipassī, Vua Bandhumā liền cho mời các vị Bà-la-môn đoán tướng và nói: "Này các Hiền giả, hãy xem tướng cho

Hoàng tử." Này các Tỷ-kheo9 khi xem tướng Hoàng tử Vipassī xong, các vị Bà-la-môn đoán tướng tâu với Vua Bandhumā: uĐại vương hãy hân hoan, Đại vương đã sinh một bậc Vĩ nhân. Lợi ích thay cho Đại vương, đại hạnh thay cho Đại vương đã được một Hoàng tử như vậy sanh trong hoàng gia! Tâu Đại vương, Hoàng tử này có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân. Ai có đủ ba mươi hai tướng tót này sẽ chọn một trong hai con đường này thôi, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành Chuyển Luân Thánh Vương, dùnẹ Chánh pháp trị nước/ bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đây đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, nệựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đên hơn một ngàn hoàng tử là những bậc anh hùng, lực si, chinh phục quân thù. Vi này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và tri nước với Chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác, vén lui màn vô minh che âờiy 34. Đại vương, ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân45 là gì mà Hoàng tử nếu đầy đủ những tướng tốt này sẽ chọn một trong hai con đường, không có con đường nào khác? Nêu sống tại gia đình, vị này sẽ trở thành Chuyển Luân Thánh Vương, dùriẸ Chánh pháp tri nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quôc độ, đây đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đên hơn một ngàn hoàng tử là những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vi này chinh phục cõi đất này cho đến hải biên và trị nước với Chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vi này sẽ thành bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác, vén lui màn vô minh che đời. 35. Đại vương, Hoàng tử này có lòng bàn chân bằng phẳng, Đại vương, Hoàng tử này có lòng bàn chân bằng phẳng, tướng này được xem là tướng tót của bậc Đại nhân.

4 Dhammarājā. 5 Xem M II. 136-37.

Đại vương, dưới hai bàn chân của Hoàng tử này, có hiện ra hình bánh xe, với ngàn căm xe, với trục xe, vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ? tướng này được xem là tướng của bậc Đại nhân. Đại vương, Hoàng tử này có gót chân thon dài... Đại vương, Hoàng tử này có ngón tay, ngón chân dài... Đại vương, Hoàng tử này có tay chân mem mại... Đại vương, Hoàng tử này có tay chân có màn da lưới... Đại vương, Hoàng tử này có mắt cá tròn như con sò... Đại vương, Hoàng tử này có ông chân như con dê rừng... Đại vương, Hoàng tử này đứng thăng, không cong lung xuông? có thê rờ đầu gối với hai bàn tay... Đại vương, Hoàng tử này có tướng mã âm tàng... Đại vương, Hoàng tử này có màu da như đông, màu sác như vàng... Đại vương, Hoàng tử này có da trơn mướt khiên bụi không thê bám dính vào... Đại vương, Hoàng tử này có lông da mọc từng lỗ chân lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông... Đại vương, Hoàng tử này có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhẻ), và xoáy về hướng mặt... Đại vương, Hoàng tử này có thân hình cao thẳng... Đại vương, Hoàng tử này có bảy chỗ tròn đầy... Đại vương, Hoàng tử này có nửa

thân trước như con sư tử... Đại vương, Hoàng tử này không có lõm khuyết giữa hai vai... Đại vương, Hoàng tử này có thân thê cân đôi như cây Bàng (Nigrodha). Bê cao của thân ngang băng bề dài của hai tay sải rộng, bề dài của hai tay sải rộng ngang bang be cao của thân... Đại vương, Hoàng tử này có bán thân trên vuông tròn... Đại vương, Hoàng tử này có vi giác hết sức sắc bén... Đại vương, Hoàng tử này có quai hàm như con sư tử... Đại vương, Hoàng tử này có bôn mươi răng... Đại vương, Hoàng tử này có răng đều đặn... Đại vương, Hoàng tử này có răng không khuyết hở... Đại vương, Hoàng tử này có răng cửa [thái xỉ] trơn láng... Đại vương, Hoàng tử này có tướng lưỡi rộng dài... Đại vương, Hoàng tử này có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim Ca-lăng- tần-già (Karavīkā)... Đại vương, Hoàng tử này có hai mat màu xanh đậm...

Đại vương, Hoàng tử này có lông mi con bò cái... Đại vương, Hoàng tử này giữa hai lông mày có sợi lông trắng mọc lên, mịn màng như bông nhẹ. Đại vương, Hoàng tử này giữa hai lông mày có sợi lông trắng mọc lên, mịn màng như bông nhẹ, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân. Đại vương, Hoàng tử này có nhục kế trên đầu. Đại vương, Hoàng tử này có nhục kế trên dầu, tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân. 36. Đại vương, Hoàng tử có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân, với ba mươi hai tướng tốt này, Hoàng tử sẽ chọn một trong hai con đường, không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia đình, Hoàng tử sẽ trở thành Chuyển Luân Thánh Vương, dùng Chánh pháp trị nước, bình đinh bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của Ngài, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn hoàng tử là những bậc anh hùng, lực sĩ, chinh phục quân thù. Vị này chinh phục quả đất này cho đến hải biên và trị nước với Chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu Hoàng tử từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, Hoàng tử sẽ thành bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời. 37. Này các Tỷ-kheo5 Vua Bandhumā ra lệnh cúng dường các vi Bà-la-môn đoán tướng ấy các áo vải mới và làm thỏa mãn mọi sự đòi hỏi ước muốn. Này các Tỷ-kheo? roi Vua Bandhumā cho tuyên những người vu nuôi cho Hoàng tử Vipassī. Người cho bú? người lo tắm, người lo bồng ẵm, người mang bên nách. Này các Tỷ-kheo? một lọng trắng ngày đêm được che trên Hoàng tử Vipassī, và lệnh được truyền ra: "Không được để lạnh hay nóng, cỏ, bụi hay sương làm phiền Hoàng tử." Này các Tỷ-kheo, khi được sanh ra, Hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm. Này các Tỷ-kheo, cũng như hoa sen xanh, hoa sen hong, hay hoa sen trắng được mọi người yêu thích; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī được mọi người âu yếm, gần như được ẵm từ nách người này qua nách người khác. 38. Này các Tỷ-kheo, khi Hoàng tử Vipassī được sinh ra, Hoàng tử phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, giông như con chim Ca-lăng-tân-già sinh trong Hy-mã-lạp sơn, giọng chim hót rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt và hấp dẫn; cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī phát âm rất là tuyệt diệu, âm vận điều hòa, diu ngọt và hấp dẫn. 39. Này các Tỷ-kheo? khi Hoàng tử Vipassī sanh ra, Thiên nhãn hiện ra với Ngài, do nghiệp báo sanh, và nhờ Thiên nhãn ấy, Ngài có thể nhìn khắp chung quanh đến một do-tuần, ban

ngày cũng như ban đêm. 40. Này các Tỷ-kheo5 khi Hoàng tử Vipassī sanh ra, Ngài nhìn thẳng sự vật với cặp măt không nháp nháy, như hàng chư thiên ở Tam Thập Tam thiên. Vì

Hoàng tử Vipassī nhìn không nhấp nháy nên này các Tỷ-kheo, Hoàng tử được gọi tên là "Vipassī Vipassī" (Vị đã nhìn thấy). 41. Này các Tỷ-kheo, khi Vua Bandhumā ngồi xử kiện, Vua cho đặt Hoàng tử Vipassī ngồi bên nách mình để xử kiện. Này các Tỷ-kheo? Hoàng tử Vipassī ngồi bên nách vua cha như vậy và chú tâm quan sát nhương thức xử kiện đến nỗi tự mình cũng có the phán đoán xử kiện. Này các Tỷ-kheo? do Hoàng tử Vipassī "c6 thể quan sát và xử kiện>, mà danh từ "Vipassī Vipassī" càng được dùng đe đặt tên cho Ngài. 42. Này các Tỷ-kheo5 rồi Vua Bandhumā cho xây dựng ba tòa lâu đài cho Hoàng tử Vipassī, một cho mùa mua, một cho mùa đông, một cho mùa hạ5 và năm món dục lạc đều được chuẩn bị đầy đủ. Này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī sống bốn tháng mưa trong lâu đài dành cho mùa mưa, được hầu hạ mua vui với các nữ nhạc sĩ, và không một lần nào Ngài bước xuống khỏi lầu. Tụng phẩm II 43. Này các Tỷ-kheo? Hoàng tử Vipassī, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiêu ngàn năm? cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh.55 “Thua vâng, Hoàng tử.” Này các Tỷ-kheo9 người đánh xe vâng lời Hoàng tử Vipassī, cho thắng các CÔ xe thù thăng roi thưa với Hoàng tử Vipassī: "Tâu Hoàng tử, các cô xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp th&i." Này các Tỷ-kheo? lúc bấy giờ, Hoàng tử Vipassī leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển. 44. Này các Tỷ-kheo5 Hoàng tử Vipassī trên đường đi đến vườn íiệự uyển, thấy một người già nua, limg còng như cây rui cong đỡ mái nhà, chông gậy, vừa đi vừa run rây, khô não, không còn đâu là tuôi trẻ. Thây vậy, Hoàng tử hỏi người đánh xe: “Này khanh, người đó là ai vậy? Sao tóc người đó không giống các người khác? Sao thân người đó không giống các người khác?" "Tâu Hoàng tử, người đó là một người được gọi là già vậy?5 "Này khanh, sao người ấy được gọi là một người già?" “Tâu Hoàng tử, người ây được gọi là già vì nay người ây sông không bao lâu nữa." "Này khanh, vậy rồi ta có bị già không, một người chưa qua tuổi già?" "Tâu Hoàng tử9 Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi gia.” "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung.”

“Thua vâng, Hoàng tử.^, Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời Hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo5 Hoàng tử Vipassī về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Si nhục thay cái gọi là sanh! Vì ai sanh ra cũng phải già yếu như vay!" 45. Này các Tỷ-kheo9 khi ấy Vua Bandhumā cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ tại vườn ngự uyên không? Này khanh, Hoàng tử có hoan hỷ tại vườn ngự uyên không?95 "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển.,^ "Này khanh, khi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gi?" “Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đi đên

vườn ngự uyên, thay một người già nua, limg còng như nóc nhà, chông gậy, vừa đi vừa run rẩy, khổ não? không còn đâu là tuổi trẻ. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi con: 'Này khanh, người đó là ai vậy? Sao tóc người đó không giống các người khác? Sao thân người đó không giông các người khác?9 'Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là già vậy? 'Này khanh, sao người ấy được gọi là người già? 'Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là già vì nay người ấy sống không bao lâu nữa.' 'Này khanh, vậy rồi ta có phải bị già không, một người chưa qua tuổi già?' 'Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tất cả sẽ bị già nua, dầu chúng ta chưa qua tuổi già/ 'Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở ve cung.5 'Thưa vâng, Hoàng tử/ Tâu Đại vương, con vâng lời Hoàng tử Vipassī, cho đánh xe trở ve cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử trở vê cung, đau khô, sâu muộn và suy nghĩ: 'Si nhục thay cái gọi là sanh! Vì ai sanh ra cũng phải già yêu như vậy!,,, 46. Này các Tỷ-kheo, khi ấy Vua Bandhumā suy nghĩ: "Không thể để cho Hoàng tử Vipassī từ chối trị vì! Không thể để cho Hoàng tử Vipassī xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình! Không thê đê cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự that.” Này các Tỷ-kheo, roi Vua Bandhumā lại sáp đặt cho Hoàng tử Vipassī đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để Hoàng tử Vipassī có thể tri vì, để Hoàng tử Vipassī khỏi phải xuât gia từ bỏ gia đình sông không gia đình, đê cho lời các vị Bà-lamôn đoán tướnệ không trúng sự thật. Và này các Tỷ-kheo5 Hoàng tử Vipassī sông tận hưởng đây đủ5 sung túc năm món dục lạc. Này các Tỷ-kheo5 Hoàng tử Vipassī, sau thời gian nhiêu năm, nhiêu trăm năm, nhiều ngàn năm, cho gọi người đánh xe... (tương tự như đoạn 43 trên).

47. Này các Tỷ-kheo9 Hoàng tử Vipassī, khi dang đi đến vườn ngự uyển, thây một người bệnh hoạn, khô não, nguy kịch, bò lét trong tiêu tiện, đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Thấy vậy, Hoàng tử hỏi người đánh xe: "Này khanh, người này đã làm gì mà mat của ÔI1Ẹ ây không giông mat của những người khác, giọng nói của ông ấy không giông giọng nói của những người khác?" "Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy.,, "Này khanh, sao người ấy được gọi là một người bệnh?,, "Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là một người bệnh vì người ấy chưa thoát khỏi căn bệnh của mình.^, "Này khanh, vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bị bênh?" uTâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật? dầu chúng ta chưa bi bệnh tat." "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung." "Thua vâng, Hoàng tử.” Này các Tỷ-kheo, người đánh xe vâng theo lời Hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: “Si nhục thay cái gọi là sanh! Vì ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh!,, 48. Này các Tỷ-kheo, khi ây Vua Bandhumā cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ tại vườn ngự uyển không? Hoàng tử có hoan hỷ tại vườn ngự uyển khổng?” "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Tâu Đại vương, Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển." “Này khanh, khi đi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gi?” “Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đến vườn ngự uyển, thấy một người bệnh hoạn, khổ não, nẹuy kịch, bò let trong tiểu tiện, đại tiện của minh, càn có người khác

nâng đỡ? cân có người khác dìu dát. r Thây vậy, Hoàng tử hỏi con: 'Này khanh, người đó đã làm gì mà mắt của ông ấy không giống mắt của người khác, giọng nói của ông ấy không giống giọng nói của người khác?9 'Tâu Hoàng tử, đó là một người được gọi là một người bệnh vậy/ 'Này khanh, sao người ấy được gọi là một người bệnh?5 'Tâu Hoàng tử, người ấy được gọi là người bệnh vì người ấy chưa thoát khỏi căn bệnh của mình? 'Này khanh, vậy rồi ta có bị bệnh không, một người chưa bi bệnh?9

'Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, tất cả chúng ta sẽ bị bệnh tật, dầu chúng ta chưa bị bệnh tật/ 'Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyên như vậy là vừa roi. Hãy cho đánh xe trở về cung.5 'Thưa vâng, Hoàng tử/ Con vâng theo lời Hoàng tử cho đánh xe trở về cung. Tâu Đại vương, Hoàng tử về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: 'Si nhục thay cái gọi là sanh! Vì ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bênh! 49. Này các Tỷ-kheo, khi ấy Vua Bandhumā suy nghĩ: "Không thể để cho Hoàng tử Vipassī từ chối trị vì! Không thể để cho Hoàng tử Vipassī xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình! Không thể để cho lời của các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự that!” Này các Tỷ-kheo, rồi Vua Bandhumā lại sắp đặt cho Hoàng tử Vipassī đay đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, đe Hoàng . 9 -r T A o— 9 r . . 7^ tử Vipassī có thê trị vì, đê Hoàng tử Vipassī không thê xuât gia, từ bỏ gia đình sông không gia đình, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không trúng sự thật. Và này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī sống tận hưởng đầy đủ5 sung túc năm món dục lạc. Này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī, sau thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm? nhiều ngàn năm9 cho gọi người đánh xe: "Này khanh, hãy cho thắng các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cảnh." "Thua vâng, Hoàng tử.” Này các Tỷ-kheo? người đánh xe vâng lời Hoàng tử Vipassī, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi thưa với Hoàng tử Vipassī: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thòi." Wcác Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, Hoàng tử Vipassī leo lên cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đen vườn ngự uyển. 50. Này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī trên đường đi đến vườn ngự uyển, thấy một số đông người mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một giàn hỏa táng. Thấy vậy5 Hoàng tử hỏi người đánh xe: "Này khanh, vì sao đám đông người ây mặc săc phục khác nhau và đang dựng một giàn hỏa táng?” “Tâu Hoàng tử, vì có một người vừa mới mệnh chung." "Này khanh, vậy ngươi hãy đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung!” "Thua vâng, tâu Hoàng tử." Này các Tỷ-kheo5 người đánh xe vâng theo lời Hoàng tử, cho đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung. Này các Tỷ-kheo5 khi thấy thây người chết, Hoàng tử Vipassī hỏi: "Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết?"

4 n . M e . ,M “Tâu Hoàng tử, người ây được gọi là người đã chét vì nay bà mẹ,
ông cha, các người bà con ruột thịt khác không thấy người ấy nữa; và người ấy cũng không thấy bà mẹ, ông cha hay những người bà con ruột thịt khac.^ “Này khanh, vậy ta chưa chết, rồi có bị chết không? Phụ vương, mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy ta, và ta sẽ không thấy phụ vương, mẫu hậu hay những bà con ruột

thịt khác chăng?59 "Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi cũng sẽ bị chết. Phụ vương, mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Hoàng tử; và Hoàng tử sẽ không thấy phụ vương, mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác?9 "Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung." "Thua vâng, Hoàng tử." Này các Tỷ-kheo? người đánh xe vâng lời Hoàng tử, cho đánh xe trở về cung. Này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī về trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: "Si nhục thay cái gọi là sanh! Vì ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vay!" 51. Này các Tỷ-kheo5 khi ấy Vua Bandhumā cho gọi người đánh xe và hỏi: "Này khanh, Hoàng tử có vui vẻ tại vườn ngự uyển không? Hoàng tử có hoan hỷ tại vườn ngự uyển kh6îìg?" "Tâu Đại vương, Hoàng tử không có vui vẻ tại vườn ngự uyển. Hoàng tử không có hoan hỷ tại vườn ngự uyển." "Này khanh, khi đến vườn ngự uyển, Hoàng tử đã thấy gi?" "Tâu Đại vương, Hoàng tử trong khi đang đi đến vườn ngự uyển, thấy một số đông người mặc sắc phục khác nhau và đang dựng một giàn hỏa táng. Thấy vậy Hoàng tử hỏi con: 'Này khanh, vì sao đám đông người ây mặc săc phục khác nhau và đang dựng một giàn hỏa táng? 'Tâu Hoàng tử, vì có một người mới mệnh chung.9 'Này khanh, vậy ngươi hãy đánh xe lại gần người vừa mới mệnh chung/ 'Thưa vâng, tâu Hoàng tử' Con vânệ theo lời Hoàng tử, cho đánh xe đến gần người vừa mới mệnh chung. Khi thây thây chét, Hoàng tử hỏi con: 'Này khanh, sao người ấy được gọi là người đã chết?' 'Tâu Hoàng tử, người ây được gọi là n^ười đã chét vì nay bà mẹ, ông cha hay những bà con ruột thịt khác không thây người ây nữa; và người ấy cũng không thấy bà mẹ5 ông cha hay những người bà con ruột thịt khác.5 'Này khanh, vậy ta chưa chết, rồi có bị chết không? Phụ vương, mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy ta chăng? Và ta sẽ không thây phụ vương, mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác chang?5

'Tâu Hoàng tử, Hoàng tử và cả con nữa, chúng ta tuy nay chưa chết nhưng rồi cũng sẽ bị chết. Phụ vương, mẫu hậu hay những người bà con ruột thịt khác sẽ không thấy Hoàng tử; và Hoàng tử sẽ không thấy phụ vương, mẫu hậu hay các người bà con ruột thịt khác/ 'Này khanh, thôi nay thăm vườn ngự uyển như vậy là vừa rồi. Hãy cho đánh xe trở về cung/ 'Thưa vâng, Hoàng tử/ Con vâng theo lời Hoàng tử Vipassī, cho đánh xe trở vê cung. Hoàng tử vê trong cung, đau khổ, sầu muộn và suy nghĩ: 'Si nhục thay cái gọi là sanh! Vì ai sanh ra cũng phải già, cũng phải bệnh, cũng phải chết như vay!"' 52. Này các Tỷ-kheo, khi ấy Vua Bandhumā suy nghĩ: "Không thể để cho Hoàng tử Vipassī từ chối trị vì! Không thể để cho Hoàng tử Vipassī xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình. Không thể để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng trở thành sự that." Này các Tỷ-kheo, rồi Vua Bandhumā lại sắp đặt cho Hoàng tử Vipassī đầy đủ năm món dục lạc nhiều hơn nữa, để Hoàng tử Vipassī có thể trị vi, để Hoàng tử Vipassī không thể xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình, để cho lời các vị Bà-la-môn đoán tướng không đúng sự thật. Và này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī sống tận hưởng, đầy đủ, sung túc năm món dục lạc. Này các Tỷ-kheo, Hoàng tử Vipassī, sau thời gian nhiều năm5 nhiều trăm năm? nhiêu ngàn năm cho gọi người đánh xe: 66Này khanh, hãy cho thăng các cô xe thù thắng, chúng ta sẽ đi đến vườn ngự uyển để xem phong cnh." "Thua vâng,

Hoàng tử.” Này các Tỷ-kheo9 người đánh xe vâng lời Hoàng tử Vipassī, cho thắng các cỗ xe thù thắng rồi thưa với Hoàng tử Vipassī: "Tâu Hoàng tử, các cỗ xe thù thắng đã thắng xong. Hãy làm những gì Hoàng tử xem là hợp thòi.” Này các Tỷ-kheo, lúc bây giờ5 Hoàng tử Vipassī leo lên cồ xe thù thăng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, tiến đến vườn ngự uyển. 53. Này các Tỷ-kheo5 Hoàng tử Vipassī trên đường đi đến ngự uyển, thấy mọt vi xuất gia. đau trọc. đáp ao ca-sa. Thay vậy? Hoàng tư hỏi người đanh xe: "Này khanh, người này đã làm gì mà đầu người ấy lại khác đầu của những người khác, và áo của người ấy cũng khác áo của những người khác?95 "Tâu Hoàng tử, người ây được gọi là người xuât gia.” 6'Này khanh, sao người ấy được gọi là người xuất gia?” "Tâu Hoàng tử, xuất gia nghĩa là khéo tu Phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh.” “Này khanh, lành thay người được gọi là người xuất gia, khéo tu Phạm hạnh, khéo tu tinh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp,

khéo giữ không hại chúng sanh, khéo phát triển lòng từ đối với chúng sanh. Này khanh, hãy đánh xe đến gần vị xuất gia." “Thua vâng, Hoàng tử.” Này các Tỷ-kheo? người đánh xe vâng theo lời Hoàng tử Vipassī, đánh xe đến gần nệười xuất gia. Này các Tỷ-kheo, rồi Hoàng tử Vipassī hỏi vị xuất gia: "Thua Hiên giả, Ngài đã làm mà đâu của Ngài không giống những người khác, và áo của Ngài không giông các người khác?" "Thua Hoàng tử, tôi là một người xuất gia.” "Thua Hiền giả, thế nào gọi là người xuất gia?” “Thua Hoàng tử, tôi là người được gọi là xuât gia vì tôi khéo tu Phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đôi với chúng sanh.,^ “Thua Hiên giả, lành thay hạnh xuất gia của Ngài! Lành thay khéo tu Phạm hạnh, khéo tu tịnh hạnh, khéo hành thiện nghiệp, khéo hành công đức nghiệp, khéo giữ không hại chúng sanh, khéo có lòng từ đối với chúng sanh!^, 54. Này các Tỷ-kheo? rồi Hoàng tử Vipassī bảo người đánh xe: "Này khanh, hãy lấy xe này và cho đánh xe về cung; còn ta ở nơi đây, sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia dinh.” “Thua vâng, Hoàng tử." Người đánh xe vâng lời Hoàng tử Vipassī, lấy xe và đánh xe về cung. Còn Hoàng tử Vipassī, chính tại chỗ ấy, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. 55. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, tại kinh đô Bandhumatī có một đại chúng tám vạn bốn ngàn người nghe tin: "Hoàng tử Vipassī đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia. từ bỏ gia đình. sống không gia dinh." Khi nghe tin. các vi ấy suy nghĩ: 'Tháp và Luật như vậy không phải tam thường, xuất gia như vậy không phải tầm thường, vì Hoàng tử Vipassī trong Pháp và Luật ấy đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, Nay Hoàng tử Vipassī đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tại sao chúng ta lại kh6ng?” Này các Tỷ-kheo, roi đại chúng tám vạn bốn ngàn người ấy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống khôiiệ gia đình, dưới sự lãnh đạo của Bồ-tát Vipassī. Rồi Bồ-tát Vipassī cùng với đô chúng, du hành, đi ngang qua những làng, thị xã và đô thị. 56. Này các Tỷ-kheo, trong khi yên lặng tịnh cư, Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Sao ta lại sông bị bao

vây bởi đô chúng này? Tót hơn là ta sông một mình, lánh xa đồ chúng này!^, Này các Tỷ-kheo, sau một thời gian, Bô-tát Vipassī sông một mình, lánh xa đồ chúng; tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này đi một ngả, Bồ-tát Vipassī đi một ngả. 57. Này các Tỷ-kheo, trong khi yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Thê giới này thật rơi vào cảnh khô não, phải sanh roi già,

rồi chết, rồi từ bỏ thế giới này để tái sanh thế giới khác. Và cũng không một ai biết con đường nào giải thoát khỏi sự đau khổ, già và chết này. Khi nào thì con đường giải thoát khỏi sự đau khổ, già và chết này mới được biết tói?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, già chết mới có mặt? Do duyên gì, già chết phát khỏi?" Này các Tỷ-kheo5 rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do sanh có mặt, già chết mới có mặt. Do duyên sanh, già chết phát khởi.,, Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, sanh mới có mặt? Do duyên gì, sanh phát khỏi?" Này các Tỷ-kheo? rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiên sau đây: “Do hữu có mặt, sanh mới có mặt. Do duyên hữu, sanh phát kh&i." Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: “Cái gi có mặt, hữu mới có mặt? Do duyên gì, hữu phát khỏi?” Này các Tỷ-kheo, roi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do thủ có mặt, hữu mới có mặt. Do duyên thủ, hữu phát khởi.^, Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thủ mới có mặt? Do duyên gì, thủ phát kh&i?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, Sáu khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do ái có mặt, thủ mới có mặt. Do duyên ái, thủ phát khởi.,^ Này các Tỷ-kheo? rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gi có mặt, ái mới có mặt? Do duyên gì, ái phát khỏi?” Này các Tỷ-kheo, rồi Bo-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiên sau đây: "Do thọ có mặt, ái mới có mặt. Do duyên thọ, ái phát khởi?5 Này các Tỷ-kheo5 rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thọ mới có mặt? Do duyên gì, thọ phát khỏi?" Này các Tỷ-kheo5 rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do xúc có mặt5 thọ mới có mặt. Do duyên xúc, thọ phát khỏi." Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, xúc mới có mặt? Do duyên gì, xúc phát kh&i?" Này các Tỷ-kheo5 rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiên sau đây: “Do lục nhập có mặt, xúc mới có mặt. Do duyên lục nhập, xúc phát khởi.,, Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, lục nhập mới có mặt? Do duyên gì, lục nhập phát khỏi?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do danh sắc có mặt, lục nhập mới có mặt. Do duyên danh săc5 lục nhập phát khởi.,, Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, danh sắc mới có mặt? Do duyên gì, danh sắc phát khỏi?" Này các Tỷ-kheo5 rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do thức có mặt, danh săc mới có mặt. Do duyên thức, danh sắc phát khởi.,^ Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Cái gì có mặt, thức mới có mặt? Do duyên gì, thức phát khởi?^, Này các Tỷ-kheo9 roi Bô-tát Vipassī, sau

khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do danh sắc có mặt, thức mới có mặt. Do duyên danh sắc, thức phát khỏi.” 58. Này các Tỷ-kheo? rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ như sau: "Thức này xoay trở lui lại, từ nơi danh sắc, không vượt khỏi danh sắc. Chỉ như thế này, con người được sanh ra hay trở thành già, hay bị chết, hay từ biệt cõi này, hay sanh lại ở cõi khác, nghĩa là do duyên danh sắc5 thức phát khởi; do duyên thức, danh sắc phát khởi; do duyên danh sắc, lục nhập phát khởi; do duyên lục nhập, xúc phát khởi; do duyên xúc, thọ phát khởi; do duyên thọ, ái phát khởi; do duyên ái, thủ phát khởi; do duyên thủ, hữu phát khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi; do duyên sanh, lão, tử5 sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này." 59. "Tập khởi, tập kh&i." Này các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassī khởi sanh Pháp nhãn từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh. 60. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gì không cỏ mặt, già chết không có mặt? Cái gì diệt, già chết diet?” Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: "Do sanh không có mặt, già chết không có mặt. Do sanh diệt, già chết diet." Này các Tỷ-kheo5 rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, sanh không có mặt? Cái gì diệt, sanh diệt? Này các Tỷ-kheo? rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do hữu không có mặt, sanh không có mặt. Do hữu diệt, sanh diet." Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gi không có mặt, hữu không có mặt? Cái gì diệt, hữu diet?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do thủ không có mặt, hữu không có mặt. Do thủ diệt, hữu diet." Này các Tỷ-kheo? rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gì Idiông có mặt, thủ không có mặt? Cái gì diệt, thủ diet?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau đây: “Do ái không có mặt, thủ không có mặt. Do ái diệt, thủ diet." Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghi: "Do cái gì không có mặt, ái không có mặt? Cái gì diệt, ái diet?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiên sau đây: "Do thọ không có mặt, ái không có mặt. Do thọ diệt, ái diệt.,, Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái ệi không có mặt, thọ không có mặt? Cái gì diệt, thọ diet?" Này các Tỵ-kheo, roi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiên sau đây: "Do xúc không có mặt, thọ không có mặt. Do xúc diệt, thọ diet." Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gì không có mặt, xúc không có mặt? Cái gì diệt, xúc diet?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau

khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiên sau đây: “Do lục nhập không có mặt, xúc không có mặt. Do lục nhập diệt, xúc diet." Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gì có mặt, lục nhập không có mặt? Cái gì diệt, lục nhập diet?" Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiến sau day: "Do danh sắc không có mặt, lục nhập không có mặt. Do danh sắc diệt, lục nhập diet." Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: “Do cái gì không có mặt, danh sác không có mặt? Cái gì diệt, danh sắc diet?” Này các Tỷ-kheo, roi Bồ- tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiên sau đây: "Do thức không có mặt, danh

sắc không có mặt. Do thức diệt, danh sac diet." Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Do cái gi không có mặt, thức không có mặt? Cái gì diệt, thức diet?" Này các Tỷ-kheo? roi Bồ-tát Vipassī, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ phát sanh minh kiên sau đây: "Do danh sác không có mặt, thức không có mặt. Do danh sắc diệt, thức diet." 61. Này các Tỷ-kheo, rồi Bồ-tát Vipassī suy nghĩ: "Oi, ta đã chứng được con đường đưa đên Bô-đê, nhờ pháp tu quán. Nghĩa là, do danh săc diệt, thức diệt; do thức diệt, danh sắc diệt; do danh sắc diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt; do thọ diệt, ái diệt; do ái diet, thủ diệt; do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, sấu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy, toàn bộ khổ uẩn diet." 62. "Diet, diet." Này các Tỷ-kheo, từ nơi Bồ-tát Vipassī khởi sanh Pháp nhãn từ trước chưa từng được nghe, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, ánh sáng sanh. 63. Này các Tỷ-kheo5 rồi Bồ-tát Vipassī, sau một thời gian sống quán sự sanh diệt trong năm uẩn: "Dây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng diệt. Đây là hành, đây là hành tập khởi, đây là hành diệt. Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức diệt?5 Và đối với Ngài, sau khi sống quán pháp sanh diệt trong năm thủ uẩn, chẳng bao lâu, các lậu hoặc được tiêu trừ và Ngài được giải thoát. Tụng phẩm III 64. Này các Tỷ-kheo? Thế Ton Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, liền suy nghĩ:6 "Nay Ta hãy thuyết pháp." Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, suy nghĩ: 'Tháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ người trí mới hiểu thấu; còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý: Y tánh duyên khởi pháp' (Idappaccāyata Paticcasamuppāda); thật khó mà thấy được

6 Xem MA. 167-69; s. L 137-41; Vỉn. L 4.

định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ bỏ5 ái được đoạn tận? ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nêu nay Ta thuyêt pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật khổ não cho Ta!" 65. Này các Tỷ-kheo, với Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên: Sao nay Ta lại nói lên Chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn? Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham, sân chi phối. Những ai bị ái nhiêm và vô minh bao phủ rát khó thây được pháp này. Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thây, vi tê. Này các Tỷ-kheo5 với những lời như vậy? suy tư trên vấn đề như vậy, tâm của Thế Ton Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp. Lúc bấy giờ, một trong các vị Đại Phạm thiên, khi biết được tư tưởng của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nhờ tư tưởng của mình, liền suy nghĩ: "Than ôi, the giới sẽ bị tiêu diệt, the giới sẽ bị hoại vong nêu tâm của Thê Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác, hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp!" 66. Này các Tỷ-kheo, vi Đại Phạm thiên ấy, như một nhà lực sĩ duỗi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay duỗi thẳng; cũng vậy, vi ấy biến mất từ thế giới Phạm thiên

và hiện ra tnrớc mặt Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, rồi vị Đại Phạm thiên đắp thượng y trên một bên vai, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất, chắp tay hướng về Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, và bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bi bụi trần che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe Chánh pháp. Nếu được nghe những vị này có thể thâm hiểu Chánh pháp." 67. Này các Tỷ-kheo, được nghe vậy, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đang Giác, nói với vị Đại Phạm thiên: “Này Phạm thiên, Ta đã suy nghĩ như sau: 'Pháp này do Ta chứng được, thật là sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tinh, cao thượng, siêu lý luận, vi diệu, chỉ có người trí mới hiểu thấu; còn quần chúng này thì ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục. Đối với quần chúng ưa ái dục, khoái ái dục, ham thích ái dục, thật khó mà thấy được định lý y tánh duyên khởi pháp; thật khó mà thấy được định lý tất cả hành là tịch tịnh, tất cả sanh y được trừ b6, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt, Niết-bàn. Nếu nay Ta thuyết pháp mà các người khác không hiểu Ta, thời như vậy thật mệt mỏi cho Ta, thòi như vậy thật khổ não cho Ta!' Này Phạm thiên, khi ấy những bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng nghe khởi lên nơi Ta: Sao nay Ta lại nói lên Chánh pháp mà Ta đã chứng ngộ rất khó khăn? Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai bị tham, sân chi phối. Những ai bị ái nhiễm và vô minh bao phủ rất khó thấy được pháp này. Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thây, vi tê.

e e r y Này Phạm thiên, với những lời như vậy, suy tư trên vân đê như vậy5 tâm của Ta hướng về vô vi, thụ động, không muốn thuyết pháp?9 68. Này các Tỷ-kheo? lần thứ hai, vị Đại Phạm thiên ấy... (như trên). Này các Tỷ-kheo5 lần thứ ba, vị Đại Phạm thiên ấy bạch The Tôn Vipassī, bậc A-la- hán Chánh Đẳng Giác: "Bạch The Tôn, hãy thuyết pháp! Bạch Thiện Thệ, hãy thuyết pháp! Có những chúng sanh ít bị bụi tran che phủ sẽ bị nguy hại nếu không được nghe Chánh pháp. Nếu được nghe những vị này có thể thâm hiểu Chánh pháp." 69. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh • Ạ V . *2 . x • r • Đẳng Giác, -i r

biêt được lời câu thỉnh của vị Phạm thiên, vì lòng từ bi đôi với chúng sanh, nhìn đời với Phật nhãn. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nhìn đời với Phật nhãn, thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi dòi, nhiễm nhiều bụi đời; có hạng lợi căn, độn căn; có hạng tánh thuận, tánh nghịch; CÓ hạng dê dạy, khó dạy; và một sô ít thây sự nguy hiêm phải tái sanh thê giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm, một số không thấy sự nguy hiềm phải tái sanh thê giới khác và sự nguy hiềm của những hành động lôi lâm. Như trong hô sen xanh, sen hông hay sen trăng, có một sô hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không vượt lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước; có một số hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, sống vươn lên tới mặt nước; có một sô hoa sen xanh, sen hông hay sen trăng sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước làm đẫm ướt; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, The Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nhìn quanh thế giới với Phật nhãn, Ngài

thấy có hạng chúng sanh nhiễm ít bụi đời, nhiễm nhiều bụi đời; có hạng lợi căn, độn căn; có hạng tánh thuận, tánh nghịch; có hạng dễ dạy, khó dạy; và một số ít thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm, một số không thấy sự nguy hiểm phải tái sanh thế giới khác và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm. 70. Rồi vi Đại Phạm thiên, với tâm mình, biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, liền nói lên với Ngài bài kệ sau đây: Như con người đứng trên đỉnh núi nhìn quanh dân chúng phía dưới. Cũng vậy, bậc Trí Tuệ lên lầu Chánh pháp, bậc Biến Nhãn, bậc Thoát Ly Sầu Muộn. Nhìn xuống quần chúng, âu lo sầu muộn bị sanh già áp bức. Hãy đứng lên, bậc Anh Hùng, bậc Chiến Thắng ở Chiến Trường, Vị Trưởng Đoàn Lữ Khách, đấng Thoát Ly Mọi Nợ Nần! Thế Tôn hãy đi khắp thế giới hoằng dương Chánh pháp! CÓ người nhờ được nghe, sẽ thâm hiêu diệu nghĩa. 71. Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, trả lời vi Đại Phạm thiên với bài kệ sau đây:

Cửa bất diệt đã được mở rộng, Hỡi những ai được nghe, hãy từ bỏ tà kiên của mình! Vì nghĩ đen mệt mỏi hoài công, này Phạm thiên, Ta không muốn giảng Chánh pháp vi diệu cho loài người. Này các Tỷ-kheo? rồi vị Đại Phạm thiên với ý nghĩ: "Ta đã là người mở đường cho Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuyết pháp", rồi đảnh le The Ton, than ben hữu hướng ve Ngai va biên mat tại cho áy. 72. Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, suy nghĩ: "Ta thuyết pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ mau hiểu Chánh pháp nay?95 Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, suy nghĩ: "Nay Vương tử Khanda và con của Vương sư Tissa trú ở kinh đô Bandhumatī là bậc tri thức, đa văn, sáng suốt, đã từ lâu song ít nhiễm ô bởi bụi đời. Nay Ta hãy thuyết pháp cho Vương tử Khanda và con của Vương sư Tissa trước tiên, hai vị này sẽ sớm thâm hiểu Chánh pháp này." 73. Rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, như một nhà lực sĩ duỗi thẳng cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay duỗi thẳng, biến mất từ cây Bồ-đề, hiện ra tại Lộc Uyển Khemā, kinh đô Bandhumatī. Này các Tỷ-kheo, rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, gọi người giữ vườn: uNày bạn, hãy vào kinh đô Bandhumatī, nhắn với Vương tử Khanda và con của Vương sư Tissa rằng Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác, đã đên kinh đô Bandhumatī, hiện trú ở Lộc Uyên Khemā và muôn gặp hai vị." "Thua vâng, bạch Thế Tôn?5 Này các Tỷ-kheo, người giữ vườn vâng theo lời dạy của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vào kinh đô Bandhumatī và thưa với Vương tử Khanặa và con của Vương sư Tissa: "Thua quý vị, The Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, đã đến kinh đô Bandhumatī và hiện ở Lộc Uyển Khemā. Ngài muốn gặp quý vị.^, 74. Này các Tỷ-kheo5 Vương tử Khanda và con của Vương sư Tissa cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình leo lên một cỗ xe thù thắng rồi cùng với các cỗ xe thù thắng khác, cho xe ra khỏi kinh thành Bandhumatī, đi đến Lộc Uyên Khemā, đi xe cho đên chô còn đi xe được, roi xuồng xe, đi bộ đên trước Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Khi đến nơi, hai vị này đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. 75. Rồi Thế Ton Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuận thứ thuyết pháp,7 thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự

nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của hai vị này đã thuần thục, nhu thuận, thoát ly triền cái, hỷ

7 Xem D. L 135.

lạc và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần tịnh không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm; cũng vậy, Vương tử Khanda và con của Vương sư Tissa chính tại chỗ ngồi này chứng được Pháp nhãn vô trần ly cấu: "Phàm pháp gì sanh khởi, pháp ấy sẽ bi hoại diet." 76. Hai vi này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư, liền bạch Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho nẸười bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có the thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con xin quy y Thế Tôn và quy y Pháp. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ Đại giói!" 77. Này các Tỷ-kheo, Vương tử Khanậa và con của Vương sư Tissa được xuất gia với Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, được thọ Đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giảng dạy hai vị này, khuyến khích, làm cho phan khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết- bàn. Và hai vi này nhờ Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp thủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc. 78. Nàỵ các Tỷ-kheo, trong kinh thành Bandhumatī có đại chúng khoảng tám vạn bôn ngàn vị được nghe: "Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatī và ở tại Lộc Uyển Khemā. Vương tử Khanda và con của Vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.” Khi nghe vậy, các vị này tự nghĩ: "Chắc chắn Pháp và Luật này không thể tầm thường, sự xuất gia này không thể tầm thường, vì Vương tử Khanda và con của Vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vương tử Khanda và con của Vương sư Tissa đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình với Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Tại sao chúng ta lại không làm vay?" Này các Tỷ-kheo? roi đại chúng ây gôm khoảng tám vạn bôn ngàn vị đi ra khỏi kinh thành Bandhumatī đến Lộc Uyển Khemā, chỗ Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở. Khi đến nơi, các vị này đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. 79. Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuận thứ thuyết pháp, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy

hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thục, nhu thuận, thoát ly triên cái, hỷ lạc và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần tịnh không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm; cũng vậy, tám vạn bốn ngàn vị này, chính tại chỗ n^ồi này, chứng được Pháp nhãn vô tran ly cấu: "Phàm pháp gì sanh khởi, pháp áy sẽ bị hoại diệt?5 80. Những vị này đã thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận5 chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư, liền bạch Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có the thay sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được The Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, nay chúng con xin quy y Thế Tôn, quỵ y Pháp và quy y Tăng. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với The Tôn, mong The Tôn cho chúng con được thọ Đại &i!" 81. Này các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị này được xuất gia với Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, được thọ Đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giảng dạy những vi này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết-bàn. Và những vị này, nhờ Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giảng dạy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp thủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc. 82. Này các Tỷ-kheo? nay tám vạn bốn ngàn các vi xuất gia từ trước được nghe: "Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã đến kinh thành Bandhumatī, ở tại Lộc Uyển Khemā và thuyết pháp." Này các Tỷ-kheo, tám vạn bốn ngàn vị xuất gia này đi đến Lộc Uyển Khemā, chỗ Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đang Giác ở. Khi đến nơi, các vị này đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. 83. Thế Ton Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thuận thứ thuyết pháp, thiiyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục vọng và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết được tâm trí của các vị này đã thuần thục, nhu thuận, thoát ly triền cái, hỷ lạc và an tịnh, Ngài bèn thuyết pháp thoại mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần tinh không có tỳ vết, rất dễ thấm màu nhuộm; cũng vậy, tám vạn bốn ngàn vi xuất gia này, chính tại chỗ ngồi này, chứng được Pháp nhãn vô trần ly cấu: 'Thàm pháp gì sanh khởi, pháp ấy sẽ bị hoại diet." 84. Những vị này đã thây pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thê nhập pháp, nghi

ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư, liền bạch Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác: "Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, Bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho nguồi bi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có the thấy sắc. Cũng vậy5 Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thê

Tôn, nay chúng con quy y Thê Tôn, quy y Pháp và quy y Tăng. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được xuất gia với Thê Tôn, mong Thế Tôn cho chúng con được thọ Đại giới!,, 85. Này các Tỷ-kheo? tám vạn bốn ngàn vi xuất gia với Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, được thọ Đại giới. Rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giảng dạy những vi này, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, nêu rõ sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các pháp hữu vi và sự lợi ích của Niết-bàn. Và những vị này, nhờ Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giảng dạy, khuyên khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với pháp thoại, không bao lâu tâm trí không còn chấp thủ, được giải thoát khỏi các lậu hoặc. 86. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vi tru tại kinh đô Bandhumatī. Này các Tỷ-kheo, Thê Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đang Giác, trong khi yên lặng tịnh cư đã suy nghĩ như sau: "Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú tại kinh thành Bandhumatī, sao Ta lại không khuyến dạy các vị Tỷ-kheo ấy: 'Này các Tỷ- kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời, loài người. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng Chánh pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú vẹn toàn, nghĩa lý đây đủ. Hãy nêu rõ đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tinh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe Chánh pháp sẽ bị nguy hại; nếu được nghe sẽ thâm hiểu Chánh pháp. Cứ sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī đe tụng đọc Giới 87. Này các Tỷ-kheo, một vị Đại Phạm thiên khác, với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Như một vị lực sĩ duỗi cánh tay co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biến mất ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, vị Đại Phạm thiên đắp thượng y trên một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, và bạch Ngài: "Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, The Tôn hãy khuyến dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị ở kinh đô Bandhumatī: 'Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời, loài người. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Ty.kheo, hãy thuyết giảng Chánh pháp

14. KINH ĐẠI BỔN 231

Sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú vẹn toàn, nghĩa lý đầy đủ. Hãy nêu rõ đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe Chánh pháp sẽ bị nguy hại; nếu được nghe sẽ thâm hiểu Chánh pháp Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ làm như các vị Tỷ-kheo. Sau sáu năm, các vị này đến kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn.,, Này các Tỷ-kheo9 Đại Phạm thiên thưa như vậy. Sau khi thưa xong, vi này đảnh lễ Thế Ton Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, thân bên hữu hướng về Ngài và biến mất tại chỗ ấy. 88. Này các Tỵ-kheo9 rồi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vào buổi chiều xuất định đứng dậy và nói với các vị Tỷ-kheo: - Này các Tỷ-kheo, trong khi Ta yên lặng tịnh cư tại chỗ thanh vắng, ý nghĩ sau đây khởi lên: “Nay đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vị trú

tại kinh thành Bandhumatī, sao Ta lại không khuyến dạy các Tỷ-kheo ấy: 'Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời, loài người. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo5 hãy thuyết giảng Chánh pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú vẹn toàn, nghĩa lý đầy đủ. Hãy nêu rõ đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe Chánh pháp sẽ bị nguy hại; nếu được nghe sẽ thâm hiểu Chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī đe tụng đọc Giới bổn.559 Này các Tỷ-kheo, một Đại Phạm thiên khác, với tâm tư của mình, biết được tâm tư của Ta. Như môt vi lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đã duỗi ra, vị này biên mát ở cõi Phạm thiên và hiện ra trước mát Ta. Này các Tỷ- kheo, vi Đại Phạm thiên đắp thượng y trên một bên vai, chắp tay hướng đến Ta và bạch với Ta: “Nhu vậy là phải, bạch Thê Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, The Tôn hãy khuyến dạy đại chúng Tỷ-kheo khoảng sáu trăm tám mươi vạn vi ở kinh đô Bandhumatī: 'Này các Tỷ-kheo5 hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời, loài người. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng Chánh pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú vẹn toàn, nghĩa lý đây đủ. Hãy nêu rõ đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe Chánh pháp sẽ bị nguy hại; nêu được nghe sẽ thâm hiểu Chánh pháp? Bạch Thế T6n, chúng con sẽ làm như các Tỵ-kheo. Sau sáu năm? các vị này sẽ đến kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn?5 Này các Tỷ-kheo5 vị Đại Phạm thiên thuyêt như vậy. Sau khi nói xong, vi này đảnh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta và biến mất tại chỗ ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta khuyến dạy các ngươi: “Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho dòi, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài trời, loài người. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo? hãy thuyết giảng Chánh pháp sơ

thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú vẹn toàn, nghĩa lý đầy đủ. Hãy nêu rõ đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe giảng Chánh pháp sẽ bi nguy hại; nếu được nghe sẽ thâm hiểu Chánh pháp. Cứ sau sáu năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới b6n.” Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy, một phần lớn trong ngày ấy đã lên đường đi khắp quốc độ. 89. Này các Tỷ-kheo, lúc bấy giờ, tại Jambudīpa (Diêm-phù-đề) có tám vạn bốn ngàn túc xá. Khi một năm vừa mãn, chư thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, một năm vừa mãn, nay còn lại năm năm. Sau năm năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bon?9 Hai năm đã mãn, chư thiên tuyên bô: uNày Hiên giả, hai năm vừa mãn, nay còn lại bốn năm. Sau bốn năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bon." Ba năm đã mãn5 chư thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, ba năm đã mãn5 nay còn lại ba năm. Sau ba năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bon.59 Bốn năm đã mãn, chư thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, bốn năm đã mãn, nay còn lại hai năm. Sau hai năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giai bon/9 Năm năm đã mãn, chư

thiên tuyên bố: "Này Hiền giả, năm năm đã mãn, nay còn lại một năm. Sau một năm, hãy đến tại kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn.,, Sáu năm đã mãn5 chư thiên tuyên bô: "Này Hiên giả, sáu năm đã mãn. Nay đã đến ngày, hãy đi đến kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn.,, Này các Tỷ-kheo5 các Tỷ-kheo ây, một sô vị với thân lực của minh, một sô vị với thần lực của chư thiên, trong ngày ấy đã đi đến kinh đô Bandhumatī để tụng đọc Giới bổn. 90. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác giữa chúng Tỷ-kheo? tụng đọc Giới bổn này: Chư Phật dạy Niết-bàn là đệ nhất. Nhẫn nhục, khổ hạnh, kham nhẫn là đệ nhất. Người xuất gia hại người xuất gia khác, Hại người khác như vậy không xứng gọi là Sa-môn. Mọi điều ác không làm, các thiện nghiệp nên làm, Giữ tâm ý thanh tịnh, chính lời chư Phật dạy. Không chỉ trích, không đánh đập, giữ mình trong Giới bổn, Ăn uống có tiết độ, ngủ nghỉ riêng một mình, Hướng tâm đến cao khiết, chính lời chư Phật dạy.8

8 Xem DA. 183-185.

14. KINH ĐẠI BỒN 233

91. Này các Tỷ-kheo9 một thời Ta ở tại Ukkatthā (úc-già-la)5 trong rừng Subhaga,9 dưới gốc cây Sa-la vương. Này các Tỷ-kheo, trong khi Ta yên lặng tịnh cu, tư tưởng sau đây khởi lên: "C6 một trú xứ, một loại chúng sanh rất dễ đến mà Ta từ trước không đến ở trong một thời gian khá lâu. Đó là chư thiên Suddhāvāsā (Tịnh Cư). Vậy nay Ta hãy đến chư thiên ở Tịnh Cư thiên." Này các Tỷ-kheo, như một lực sĩ duỗi cánh tay đã co lại, hay co lại cánh tay đã duỗi ra, Ta biến mất ở Ukkatthā, trong rừng Subhaga, dưới gốc cây Sa-la vương và hiện ra trước chư thiên ở Tịnh Cư thiên. Trong đại chúng chư thiên ấy, hàng ngàn chư thiên đến chỗ Ta ở, đảnh lễ Ta và đứng một bên, chư thiên ấy đã nói với Ta như sau: "Này Hiền giả, nay đã được chín mươi mốt kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, sanh thuộc chủng tánh Sát-đế-lỵ. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondañña. Này Hiền giả, trong thời ấy, The Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đang Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pātalī. Này Hiền giả, hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Bằng Giác, tên là Khanda (Kiển-trà) và Tissa (Đề-xá). Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội: Một Tăng hội sáu trăm tám mươi vạn Tỷ-kheo, một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tăn^ hội tám vạn Tỷ-kheo. Này Hiền giả5 Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có vi thị giả Tỷ-kheo tên Asoka, vi này là vị thi gi đệ nhất. Này Hiền giả, phụ vương Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Bandhumā, mẫu hậu tên là Bandhumatī; kinh thành của Vua Bandhumā tên là Bandhumatī. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, xuất thế tục như thế này, xuất gia như the này, tinh tấn như thế này? giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Này Hiền giả, chúng con là những người đã tu Phạm hạnh với Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này.,, Này các Tỷ-kheo5 trong đại chúng chư thiên ây, hàng ngàn chư thiên..., hàng trăm chư thiên đến chỗ Ta ở, đảnh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỷ- kheo5 sau khi dứng một bên, chư thiên ấy đã nói với Ta: "Này Hiền giả,

trong Hiền kiếp này, Thê Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nay ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn, thuộc chủng tánh Sát-đế-lỵ5 thuộc gia tộc Sát-đế-lỵ. Này Hiền giả, Thế Tôn thuộc danh tánh Gotama. Này Hiền giả, trong thời Thế Tôn, tuổi thọ con người không bao nhiêu, ít 6i, chóng vánh, ai sống thọ thì khoảng một trăm năm hay hơn một chút. Này Hiền giả, Thế Tôn ệiác ngộ dưới gốc cây Assattha. Này Hiền giả, Thế Tôn có hai vi Hiền sĩ đệ nhát đệ tử tên là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallâna (Mục-kiền-liên). Này Hiền giả, Thế Tôn có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi vị. Này Hiên giả, Tăng hội này của Thê

9 Subhagavana, một khu rừng tại Ukkatthā.

Tôn gồm toàn những vị đã diệt trừ lậu hoặc. Này Hiền gi,Thế Tôn có vị thị giả Tỷ-kheo tên là Ānanda, vị này là thị giả đệ nhất. Này Hiền giả, phụ vương của Thế Tôn tên là Suddhodana, mẫu hậu là Māyā, kinh đô là Kapilavatthu. Này Hiền giả, The Tôn xuất the tục như the này, xuất gia như the này, tinh tan như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Này Hiền giả, chúng con là những người đã tu Phạm hạnh với Thế Tôn, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này." 92. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư thiên Avihā (Vô Phiền) đến chư thiên Atappā (Vô Nhiệt)... Này các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư thiên Avihā và chư thiên Atappā đến chư thiên Sudassā (Thiện Kiến). Này các Tỷ-kheo5 rồi Ta cùng với chư thiên Avihā, chư thiên Atappā và chư thiên Sudassā đến chư thiên Sudassī (Thiện Hiện). Này các Tỷ-kheo, rồi Ta cùng với chư thiên Avihā, chư thiên Atappā, chư thiên Sudassā và chư thiên Sudassī đen chư thiên Akanitthā (Sắc Cứu Cánh). Này các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư thiên ấy, hàng ngàn chư thiên đến chỗ Ta ở, đảnh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư thiên ấy đã nói với Ta như sau:6'Này Hiền giả, nay đã được chín mươi mốt kiếp, từ khi Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, ra đời. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassī bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, sanh thuộc chủng tánh Sát-đế-lỵ. Này Hiền giả, Thế Ton Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác thuộc danh tánh Kondañña. Này Hiền giả, trong thời ấy, Thế Ton Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, giác ngộ dưới gốc cây Pātalī. Này Hiền giả, hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử của Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Khanậa và Tissa. Này Hiền giả, trong thời The Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, có ba Tăng hội: Một Tăng hội sáu trăm tám mươi vạn Tỷ-kheo5 một Tăng hội mười vạn Tỷ-kheo, một Tănệ hội tám vạn Tỷ-kheo. Này Hiền giả, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh E)ặng Giác, có vi thị giả Tỷ-kheo tên Asoka, vị này là vị thị giả đệ nhất. Này Hiền giả, phụ vương Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, tên là Bandhumā, mẫu hậu tên là Bandhumatī; kinh thành của Vua Bandhumā tên là Bandhumatī. Này Hiên giả, Thế Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, xuất thế tục như thế này, xuất gia như thê này. tinh tân như thê này, giác ngộ như thê này, chuyên pháp luân như thế này. Này Hiền giả, chúng con là những người đã tu Phạm hạnh với The Tôn Vipassī, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ nay.99 93. Này các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư thiên ây, hàng ngàn chư thiên đến chỗ Ta ở9 đảnh lễ Ta và đứng một bên.

Này các Tỷ-kheo? sau khi đứng một bên, chư thiên ấy đã nói với Ta như sau: “Này Hiền giả, nay đã được ba mươi mốt kiếp từ khi Thế Tôn Sikhī... Này Hiền giả, chúng con là những người đã tu Phạm hạnh với Thế Tôn Sikhī.. Này Hiền giả, cũng trong ba mươi mốt kiếp ấy, Thế Tôn Vessabhū... Này Hiền giả, chúng con là những người đã tu Phạm hạnh với Thế Tôn Vessabhū... Này Hiền giả, cũng trong Hiền kiếp này, Thế Tôn Kakusandha, Konāgamana, Kassapa... Này Hiên giả, chúng con là những người

đã tu Phạm hạnh với Thế Tôn Kakusandha, Konāgamana, Kassapa, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ này. Này các Tỷ-kheo, lại trong đại chúng chư thiên ấy, hàng trăm chư thiên đến chỗ Ta ở? đảnh lễ Ta và đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, sau khi đứng một bên, chư thiên ấy đã nói với Ta như sau: uNày Hiền giả, trong Hiền kiếp này, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nay ra đời. Này Hiền giả; Thế Tôn, thuộc chủng tánh Sát-đế-lỵ? thuộc gia tộc Sát-đe-lỵ. Này Hiến giả, Thế Tôn thuộc danh tánh Gotama. Này Hiền giả, Thế Tôn tuổi thọ không bao nhiêu, ít ỏi5 tuổi thọ loài người khoảng một trăm năm hay hơn một chút. Này Hiền giả, Thế Tôn^iác ngộ dưới gốc cây Assattha. Này Hiền giả, Thế Tôn có hai vị Hiền sĩ đệ nhất đệ tử tên là Sāriputta và Moggallâna. Này Hiền giả, The Tôn có một Tăng hội một ngàn hai trăm năm mươi vị. Này Hiền giả, Tăng hội này của Thế Tôn gồm toàn những vi đã diệt trừ lậu hoặc. Này Hiền giả, Thế Tôn có vị thi giả Tỷ-kheo tên là Ānanda, vị này là thị giả đệ nhất. Này Hiền giả5 phụ vương của Thế Tôn tên là Suddhodana, mẫu hậu là Māyā, kinh đô là Kapilavatthu. Này Hiên gi,Thê Tôn xuất thê tục như thê này, xuất gia như the này, tinh tấn như thế này, giác ngộ như thế này, chuyển pháp luân như thế này. Này Hiền giả, chúng tôi là những người đã tu Phạm hạnh với Thế Tôn, đã diệt trừ dục vọng và đã sanh ra tại chỗ ny.” 94. Này các Tỷ-kheo9 như vậy Như Lai khéo chứng đạt pháp giới này, và nhờ chứng đạt pháp giới này, Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn trừ các chướng ngại, đã đoạn trừ các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Như Lai cũng nhớ đến chủng tánh các vị này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến tộc tánh, cũng nhớ đến tuổi thọ5 cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến các Tăng hội như sau: “Các bậc Thế Tôn này sanh tánh là như vậy, danh tánh là như vậy, tộc tánh là như vậy, Giới hạnh là như vậy, Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vậy.,, Và chư thiên cũng mách bảo Như Lai, và nhờ sự mách bảo này Như Lai nhớ chư Phật quá khứ, những vị này đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ; Như Lai cũng nhớ đến dòng dõi các vi này, cũng nhớ đến danh tánh, cũng nhớ đến dòng họ, cũng nhớ đến tuổi thọ, cũng nhớ đến hai vị đệ tử, cũng nhớ đến Tăng hội như sau: "Các bậc Thế Tôn ấy, dòng dõi là như vậy, danh tánh là như vậy? dòng họ là như vậy, Giới hạnh là như vậy5 Pháp hạnh là như vậy, Tuệ hạnh là như vậy, Trú hạnh là như vậy, Giải thoát là như vay." Thế Tôn thuyết pháp như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của The Ton.

15. KINH ĐẠI DUYÊN (Mahānidāna Sutto)1

95. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn tru tại bộ tộc Kuru (Câu-lâu), ở thị trấn Kuru tên là Kammāsadhamma (Kiêm-ma-săt-đàm). Tôn giả Ananda (A-nan) đên tại chô r l lí A> rr\ /\ • ii • Ạ 4 D r l lí /X r-|-i -Ị A Jl A ii * ... /\ The Ton ơ; sau khi đen, đanh le The Ton va ngoi xuống mọt ben. Sau khi ngoi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn: Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, giáo pháp Duyên khởi này thâm thúy, thật sự thâm thúy, và giáo pháp này đối với con hết sức minh bạch rõ ràng. Này Ānanda, chớ có nói vậy! Này Ānanda chớ có nói vậy! Này Ānanda, giáo pháp Duyên khởi này thâm thúy, thật sự thâm thúy. Này Ānanda, chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu giáo pháp này mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một ổ kén, rối ren như một ống chí, giống như cỏ muñja và lau sậy babbaja (ba-ba-la)5 không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử luân hồi. 96. Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Già và chết có do duyên nào kh6ng?" Hãy đáp: "C6" Nếu có hỏi: "Già và chết do duyên gi?" Hãy đáp: "Già và chết do duyên sanh." Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Sanh có do duyên nào kh6ng?" Hãy đáp: "C6" Nếu có hỏi: "Sanh do duyên gi?" Hãy đáp: "Sanh do duyên hữu." Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Hữu có do duyên nào kh6ng?" Hãy đáp: "C6". Nếu có hỏi: "Hữu do duyên gi?" Hãy đáp: "Hữu do duyên thủ." Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Thủ có do duyên nào kh6ng?" Hãy đáp: "C6". Nếu có hỏi: "Thủ do duyên gi?" Hãy đáp: "Thh do duyên ai." Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Ai có do duyên nào khong?59 Hãy đáp: "C6". Nếu có hỏi: "Ai do duyên gi?" Hãy đáp: "Ai do duyên thọ?9 Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Thọ có do duyên nào kh6ng?" Hãy đáp: "C6" Nếu có hỏi: "Thọ do duyên gi?" Hãy đáp: "Th? do duyên xuc."

'Xem D. II. 72; m. 207, 272; M. II. 1; m. 215; A. I 39; IV 306, 349, 400. Kinh tương đương trong bộ Trường A-hàm kinh là Đại duyên phương tiện kỉnh (01 0001.13. 0060a29). Tham chiếu: Đại nhản kỉnh (T.01. 0026.97. 0578ỒỒ7); Phật thuyết Nhanbqn dục sanh (T.Ol. 0014. 0241c23); Phật thuyết Đại sanh nghĩa kỉnh (T.Ol. 0052. 0844b09); A-tỳ-đạt- ma Tập dỉ môn túc luận (T.26. 1536.18. 0440c23).

Này Ānanda, nếu có ai hỏi: ÍẾXÚC có do duyên nào kh6ng?" Hãy đáp: "C6" Nếu có hỏi: "Xúc do duyên gi?" Hãy đáp: "Xúc do duyên danh sắc." Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Danh sắc có do duyên nào kh6ng?" Hãy đáp: "C6". Nếu có hỏi: "Danh sắc do duyên gi?" Hãy đáp: "Danh sắc do duyên thức." Này Ānanda, nếu có ai hỏi: "Thức có do duyên nào kh6ng?" Hãy đáp: "C6". Nếu có hỏi: "Thức do duyên gi?" Hãy đáp: "Thức do duyên danh sắc." 97. Này Ānanda, như vậy do duyên danh sắc, thức phát khởi; do duyên thức, danh sắc phát khởi; do duyên danh sắc, xúc phát khởi; do duyên xúc, thọ phát khởi; do duyên thọ? ái phát khởi; do duyên ái, thủ phát khởi; do duyên thỉi, hữu phát khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi; do duyên sanh, lão, tử, sâu, bi, khổ, ưu, não phát khởi. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn tập khởi. 98. Trước đã nói: "Do duyên sanh, lão tử phát khởi?5 Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên sanh, lão tử phát khỏi"? Này Ānanda, nếu không có sanh bởi bất cứ loại nào, giới nào, hay bất cứ của ai, chỗ nào như chư thiên hay thiên giới, càn-thát-bà hay càn-thát-bà giới, dạ-xoa hay dạ-xoa giới,

quỷ ma hay quỷ ma giới, loài người hay nhân giới, loại bon chân hay tứ túc giới, loài chim hay điểu giới, loài trùng xà hay trùng xà ệiới; này Ānanda, nếu không có sự sanh của tát cả những chúng sanh này; nêu tát cả không có sanh, do sanh diệt, thời lão tử có thể hiện hữu không? -Bạch Thế Tôn, không. -Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của lão tử tức là sanh. 99. Trước đã nói: “Do duyên hữu, sanh phát khỏi." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên hữu, sanh phát khỏi” Này Ānanda, nếu không có hữu bởi bất cứ loại nào5 giới nào, hay của bất cứ ai, chỗ nào như dục hữu hay sắc hữu hay vô sắc hữu; nếu không có hữu cho tất cả? do hữu diệt thời sanh có thể hiện hữu không? -Bạch Thế Tôn, không. -Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của sanh tức là hữu. 100. Trước đã nói: “Do duyên thủ, hữu phát khỏi.'' Nay Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên thủ, hữu phát khỏi"? Này Ānanda, nêu không CO thu. bởi rbát cư loại • nào. pgiới nào. hay A cua bát cư ai, cho nao r như dục thu, kiêne thủ, giới câm thủ hay ngã luận thủ; nêu không có thủ cho tát cả, do thủ diệt thời hữu có thể hiện hữu không? -Bạch Thế Tôn, không. -Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của hữu tức là thủ. 101. Trước đã nói: "Do duyên ái, thủ phát khỏi.” Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên ái9 thủ phát khỏi"? Này Ānanda, nếu không có

ái bởi bất cứ loại nào, giới nào, hay của bất cứ ai, chỗ nào như sắc ái9 thanh ái, hương ái, vi ái5 xúc ái hay pháp ái; nếu không có ái cho tất cả, do ái diệt thời thủ có thể hiện hữu không? - Bạch Thế Tôn, không. -Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của thủ tức là ái. 102. Trước đã nói: "Do duyên thọ, ái phát khỏi.”2 Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên thọ, ái phát kh&i” Này Ānanda, nếu không có thọ bởi bất cứ loại nào, giới nào, hay của bất cứ ai, chỗ nào như nhãn xúc sở sanh thọ, nhĩ xúc sở sanh thọ, tỷ xúc sở sanh thọ, thiệt xúc . • * Z -r sở sanh - r thọ, :. thân xúc SỞ sanh thọ, ý xúc sở sanh thọ; nêu không có thọ cho tát cả5 nêu thọ diệt, thời ái có thể hiện hữu không? - Bạch Thế Tôn, không. -Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của ái tức là thọ. 103. Này Ānanda, như vậy, do duyên thọ, ái sanh; do duyên ái, tìm cầu sanh; do duyên tìm cầu, lợi sanh; do duyên lợi, quyết định [sở dụng của lợi] sanh; do duyên quyết định, tham dục sanh; do duyên tham dục, đam trước sanh; do duyên đam trước, chấp thủ sanh; do duyên chấp thủ, hà tiện sanh; do duyên hà tiện, thủ hộ sanh; do duyên thủ hộ, phát sanh một số ác? bất thiện pháp như chập trượng, chập kiêm, tranh dâu, tranh luận, đâu khâu, khâu chiên, ác khâu, vọng ngữ. 104. Trước đã nói: "Do duyên thủ hộ5 phát sanh một số ác5 bất thiện pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh dấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ.” Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên thủ hộ, phát sanh một sô ác, bát thiện pháp như chập trượng, chập kiêm, tranh đâu, tranh luận, đau khẩu, khau chiến, ác khau, vọng ngữ” Này Ānanda, nếu không có thủ hộ bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chỗ nào5 nếu không có thủ hộ cho tát cả? nêu thủ hộ diệt, thời một sô ác, bát thiện pháp như chập trượng, chap kiêm, tranh đâu, tranh luận, đâu khâu, khâu chiên, ác

khâu, vọng ngữ có thể hiện hữu không? Bạch Thế Tôn, không. -Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của một số ác, bất thiện pháp như chấp trượng, chấp kiếm, tranh đâu, tranh luận, đâu khâu, khâu chiên, ác khâu, vọng ngữ tức là thủ hộ. 105. Trước đã nói: "Do duyên hà tiện, thủ hộ sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên hà tiện thủ hộ sanh"? Này Ānanda, . o • -i x . e • r/ nêu không~ .

có hà tiện bởi bát cứ loại nào, giới nào, của bát cứ ai, chô nào, nêu không có hà tiện cho tất cả, nếu hà tiện diệt, thời thủ hộ có thể hiện hữu không?

2 Kỉnh Đại bổn, Tụng phẩm II.

240 KINH TRƯỜNG BÔ

-Bạch Thế Tôn, không. -Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của thủ hộ tức là hà tiện. 106. Trước đã nói: "Do duyên chấp thủ, hà tiện sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên chấp thiỉ, hà tiện sanh"? Này Ānanda, nếu không có chấp thủ bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chỗ nào, nêu không châp thủ cho tát cả, nêu châp thủ diệt, thời hà tiện có thê hiện hữu được không? - Bạch Thế Tôn? không. -Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của hà tiện tức là chấp thủ. 107. Trước đã nói: "Do duyên đam trước, chấp thủ sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên đam trước, chấp thủ sanh"? Này Ānanda, nếu không có đam trước bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chô nào, nêu không có đam trước cho tát cả, nêu đam trước diệt, thời châp thủ có thể hiện hữu không? Bạch Thế Tôn, không. -Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của chấp thủ tức là đam trước. 108. Trước đã nói: “Do duyên tham dục, đam trước sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên tham dục, đam trước sanh"? Này Ānanda, nếu không có tham dục bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chỗ nào, nêu không có tham dục cho tát cả? nêu tham dục diệt, thời đam trước có thể hiện hữu không? - Bạch Thế Tôn, không. -Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của đam trước tức là tham dục. 109. Trước đã nói: “Do duyên quyết định, tham dục sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên quyết định, tham dục sanh"? Này Ānanda, nếu quyết định không có bất cứ loại nào, bất cứ chỗ nào, nếu không có quyết định cho tất cả, nếu quyết định diệt, thời tham dục có thể hiện hữu không? Bạch Thế Tôn, không. -Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của tham dục tức là quyết đinh. 110. Trước đã nói: “Do duyên lợi, quyết định sanh." Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên lợi, quyết đinh sanh"? Này Ānanda, nếu không có lợi bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chỗ nào, nếu lợi không có cho tất cả, nếu lợi diệt, thời quyết định có thể hiện hữu không? -Bạch Thế Tôn, không.

15. KINH ĐẠI DUYÊN 241

Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của quyết đinh tức là lợi. 111. Trước đã nói: "Do duyên tìm cầu, lợi sanh.” Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên tìm cầu, lợi sanh"? Này Ānanda, nếu không có tìm câu bởi bát cứ loại nào, giới nào, của bát cứ ai, chô nào, nêu tâm câu không có cho tất cả, nếu tìm cầu diệt, thời lợi có thể hiện hữu không? Bạch Thế Tôn, không. -Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của lợi tức là tìm cầu. 112. Trước đã nói: "Do duyên ái, tìm câu sanh." Này Ānanda, phải hiêu như thế nào câu nói: "Do duyên ái, tìm cầu sanh"? Này Ānanda, nếu không có ái bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chỗ nào, nếu ái không có cho tất cả? nếu ái diệt, thời tầm cầu có thể hiện hữu không? Bạch Thế Tôn, không. -Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của tìm cầu tức là ái. Này Ānanda, như vậy, hai phương diện [của ái] tuy hai nhưng hòa hợp thành một, nhờ thọ [làm duyên sanh]. 113. Trước đã nói: "Do duyên xúc, thọ sanh Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên xúc, thọ sanh"? Này Ānanda, nếu không có xúc bởi bất cứ loại nào, giới nào, của bất cứ ai, chỗ nào như nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, nếu xúc không có cho tất cả, nếu xúc diệt, thời thọ có thể hiện hữu không? -Bạch Thế Tôn, không. -Này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của thọ tức là xúc. 114. Trước đã nói: "Do duyên danh sắc, xúc sanh.” Này Ānanda, phải hiểu như thế nào câu nói: "Do duyên danh sắc, xúc sanh"? Này Ānanda, nêu những hinh, những sắc, những tướng, những mạo, nhờ đó mà danh thân3 và sắc thân thi thiết; nêu những hinh, những sắc, những tướng, những mạo ấy không c6, thời thuật ngữ "xúc" trong sắc thân có thể hiện hữu không? - Bạch Thế Tôn, không. Này Ānanda, những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy, nhờ đó mà sắc thân được thi thiết; nếu những hình, những sắc, những tướng, những mạo ấy không c6, thời hữu đối xúc trong danh thân có thể hiện hữu không? -Bạch Thế Tôn, không. -Này Ānanda, những hinh, những sắc, những tướng, những mạo, nhờ đó mà danh thân và sắc thân được thi thiết; nếu những hình, những sắc, những

3 Nāmakāye patỉghasamphassa.

tướng, những mạo ấy không có, thời danh mục xúc hay hữu đối xúc có thể hiện hữu không? Bạch Thế Tôn, không. Này Ānanda, những hình, những sắc, những tướng, những mạo, nhờ đó mà danh sắc được thi thiết; nếu những hinh, những sác, những tướng, những mạo ấy không có thì xúc có thể hiện hữu không? Bạch Thế Tôn, không. Do vậy, này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của xúc tức là danh sác. 115. Trước đã nói: "Do duyên thức. danh sác sanh." Này Ānanda, phải hiêu như thê nào câu nói: “Do duyên thức, danh sác sanh"? Này Ānanda, nêu thức không đi vào trong bụng của người mẹ, thời danh sắc có the hình thành trong bụng bà mẹ không? —Bạch Thế Tôn, không. Này Ānanda, nếu thức đi vào trong bụng bà mẹ rồi bi tiêu diệt, thời danh sắc có thể hình thành trong trạng thái này, hoặc trạng thái khác không? - Bạch Thế Tôn, không. Này Ānanda, nếu thức

bị đoạn trừ trong đứa con nít, hoặc là đồng nam hay đông nữ, thời danh sác có thê lớn lên, trưởng thành và thành mãn không? - Bạch Thế Tôn, không. Do vậy, này Ānanda, như vậy là nhân, như vậy là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của danh sắc tức là thức. 116.M Trước đã nói: "Do duyên v danh sắc, thức sanh.” Này Ānanda, T phải hiểu A r như thê nào câu nói: "Do duyên danh sác. thức sanh"? Này Ānanda, nêu thức không an trú được trong danh sác, thời trong tương lai có thê hiện hữu sự hình thành của sanh, lão, tử, khổ tập không? -Bạch Thế Tôn, không. - Do vậy, này Ānanda, như vậy là nhân, như vây là duyên, như vậy là tập khởi, như vậy là nhân duyên của thức tức là danh sắc. -Này Ānanda, trong giới hạn con người được sanh, con người bị già, con người bi chết, con người bi diệt, hay con người được tái sanh, trong giới hạn cách dùng từ ngữ, trong giới hạn cách diễn đạt ngon ngữ, trong giới hạn cách chế định danh, trong giới hạn tuệ giới [lĩnh vực hiểu biết], trong giới hạn lưu chuyên luân hôi, trạng thái hiện hữu này được biêt tới, nghĩa là danh sác và thức ho tương duyên hiện hữu. 117. Này Ānanda, có bao nhiêu lời tuyên bố về ngã? Này Ānanda, hoặc ngã được tuyên bo là có sắc và có hạn lượng trong câu: “Nga của tôi có sắc và có hạn luợng." Này Ānanda, hoặc ngã được tuyên bố là có sắc và vô lượng troĩiệ câu: "Ngã của tôi có săc và vô luợng." Này Ānanda, hoặc ngã được tuyên bô là không có săc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và có

hạn lượng.,, Này Ānanda, hoặc ngã được tuyên bố là không có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và vô lượng.,, 118. Này Ānanda, có người tuyên bô ngã có sác và có hạn lượng, người này tuyên bô hoặc ngã có sác và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã có săc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngãi của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy.^, Này Ānanda, sự việc là như vậy, thời lời tuyên bố vê tà kiên ngã có săc và có hạn lượng như vậy là quá đủ roi. Này Ānanda, có người tuyên bố ngã có sắc và vô lượng, người này tuyên bố hoặc ngã có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc như thê này: "Ngãi của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uôn năn cho như vay.” Này Ānanda, sự việc là như vậy, thời lời tuyên bô vê tà kiên ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi. Này Ānanda, có người tuyên bô ngã không có sác và có hạn lượng, người này tuyên bố hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy.,, Này Ānanda, sự việc là như vậy, thời lời tuyên bô vê tà kiên ngã không có sác và có hạn lượng như vậy là quá đủ rồi. Này Ānanda, có người tuyên bô ngã không có sác và vô lượng, người này tuyên bố hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc như thế này: "Ngãi của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vay." Này Ānanda, sự việc là như vậy, thời lời tuyên bố về tà kiến ngã không có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi. Này Ānanda, như vậy là có bây nhiêu lời tuyên bô vê ngã. 119. Này Ānanda, có bao nhiêu lời không tuyên bố về ngã? Này Ānanda, hoặc ngã không được tuyên bố là có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi có sắc và có hạn lượng.,, Này Ānanda, hoặc ngã không được tuyên bố là có sac và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi có sac và vô hrợng."

Này Ānanda, hoặc ngã không được tuyên bố là không có sắc và có hạn lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và có hạn lượng.Này Ānanda, hoặc ngã không được tuyên bố là không có sắc và vô lượng trong câu: "Ngã của tôi không có sắc và vô lượng.95 120. Này Ānanda, có người không tuyên bố ngã có sắc và có hạn lượng, người này không tuyên bo hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngãi của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vậy.,, Này Ānanda, sự việc là như vậy, thời lời không tuyên bo ve tà kiến ngã có sắc và có hạn lượng như vậy là quá đủ rồi. Này Ānanda, có người không tuyên bố ngã có sắc và vô lượng, người này không tuyên bố hoặc ngã có sắc và vô lượng trong hiện tại5 hoặc ngã có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngã của tôi không phải

như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vay." Này Ānanda, sự việc là như vậy, thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi. Này Ānanda, có người không tuyên bố ngã không có sắc và có hạn lượng, người này không tuyên bố hoặc ngã không có sác và có hạn lượng trong hiện tại, hoặc ngã không có sắc và có hạn lượng trong tương lai. Hoặc không như thế này: "Ngãi của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn nắn cho như vay." Này Ānanda, sự việc là như vậy, thời lời không tuyên bo về tà kiến ngã không có sắc và có hạn lượng như vậy là quá đủ roi. Này Ānanda, có người không tuyên bố ngã không có sắc và vô lượng, người này không tuyên bố ngã không có săc và vô lượng trong hiên tại, hoặc ngã không có sắc và vô lượng trong tương lai. Hoặc không như thê này: "Ngã của tôi không phải như vậy, tôi sẽ uốn năn cho như Này Ānanda, sự việc V0'

là như vậy, thời lời không tuyên bố về tà kiến ngã không có sắc và vô lượng như vậy là quá đủ rồi. Này Ānanda, như vậy là có bấy nhiêu lời không tuyên bố về ngã. 121. Này Ānanda, dưới bao nhiêu hình thức, ngã được quan niệm? Này Ānanda, ngã được quan niệm4 như thọ trong câu: "Ngã của tôi là thọ?9 Hay trái lại: "Ngài của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thQ." Này Ānanda, hoặc ngã được quan niệm như trong câu: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không phải không có cảm thọ, ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm th.” Như vậy, này Ānanda, ngã được quan niệm. 122. Này Ānanda, ai nói: "Ngã của tôi là thQ”người ấy cần được trả lời: “Này Hiền giả, có ba loại cảm thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Trong ba loại thọ này, loại nào ông xem là ng?" Này Ānanda, khi cảm giác một lạc thọ, chúng ta không cảm giác một khổ thọ, không cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, khi ấy chỉ cảm giác một lạc thọ thôi. Này Ānanda, khi cảm giác một khổ thọ, chúng ta không cảm giác một lạc thọ, không cảm giác một bát khô bát lạc thọ, khi ây chỉ cảm giác một khô thọ thôi. Này Ānanda, khi cảm giác một bất khổ bất lạc thọ, chúng ta khônẹ cảm giác một lạc thọ, không cảm giác một kho thọ, khi ấy chỉ cảm giác một bất kho bất lạc thọ thôi. 123. Lại nữa, này Ānanda, lạc thọ là vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận. Này Ānanda, khô thọ là vô thường, hữu vi5 là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là

pháp diệt tận. Này Ānanda, bất khổ bất lạc thọ là vô thường, hữu vi? là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận. Khi cảm giác một lạc thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của t6i", thời khi lạc thọ ấy diệt mất, người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diet" Khi cảm giác môt khổ thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của t6i", thời khi kho thọ ấy diệt mất, người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngã của tôi cũng diet.” Khi

4 Xem M. I. 138, 300; s. III. 66 và IV. 34; Vỉn. L 13.

cảm giác một bất khổ bất lạc thọ mà nói rằng: "Đó là ngã của tôf\ thời khi bất khổ bất lạc thọ ấy diệt mất, người ấy cũng nghĩ rằng: "Ngãi của tôi cũng diet.” Vậy những ai nói rằng: "Ngã của tôi là thQ”, người ấy sẽ xem ngã của mình như một cái gì trong hiện tại5 cái gì ấy là vô thường, lạc khổ xen lẫn, là pháp sanh diệt. Do vậy, này Ānanda, không thể chấp nhận quan niệm: "Ngã của tôi là thọ?5 124. Này Ānanda, ai nói như sau: "Ngã của tôi không phải là thọ? ngã của tôi không có cảm thQ”, người ấy cần được nhắc nhở: “Này Hiền giả, chỗ nào không có một cảm thọ gì cả, chỗ ấy có thể xem là 'Tôi là như vay' được kh6ng?” -Bạch Thế Tôn, không. -Do vậy, này Ānanda, không thể chấp nhận quan niệm: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không có cảm thọ?5 125. Này Ānanda, ai nói như sau: "Ngã của tôi không phải là thọ5 ngã của tôi không phải không có cảm thọ5 ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thQ”, người ấy cần được nhắc nhở: "Này Hiền giả, nếu tất cả mọi loại cảm thọ đêu đoạn diệt hoàn toàn, khi không còn một loại cảm thọ nào cả9 khi thọ đã tận diệt, thời ở tại chỗ ấy, có thể nói 'Tôi là như vāy5 chng?” Bạch Thế Tôn, không. -Do vậy, này Ānanda, không thể chấp nhận quan niệm: "Ngã của tôi không phải là thọ, ngã của tôi không phải không có cảm thọ5 ngã của tôi có cảm thọ, ngã của tôi có khả năng cảm tliQ." 126. Này Ānanda, khi có một vị Tỷ-kheo không quan niệm: "Ngã là thẹ)", không quan niệm: "Ngã không phải tho,95 không quan niệm: "Ngã của tôi là thọ, ngã của tôi có khả năng cảm thẹ)", khi ấy vi này sẽ không chấp trước một điều gì ở trên đời; vì không chấp trước nên không sợ hãi; vì không sợ hãi nên hoàn toàn tư mình tịch diệt. Vi ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, sau đời này không còn đời nào khác nfta.^ Này Ānanda, với vi Tỷ-kheo có Tâm giải thoát như vậy, nếu có ai nói vi Tỷ-kheo ây có tà kiến như sau "Nhu Lai5 có tôn tại sau khi chêf\ thời thật hoàn toàn phi lý; hoặc có tà kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại sau khi chết”, thời thật hoàn toàn phi lẹ; hoặc có tà kiến như sau: "Nhu Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý; hoặc có tà kiến như sau: "Nhu Lai không có tồn tại và không không có tồn tại sau khi chết", thời thật hoàn toàn phi lý. Tại sao vậy? Này Ānanda, ví dầu có bao nhiêu danh từ, bao nhiêu cách dùng từ ngữ; dầu có bao nhiêu ngôn ngữ, bao nhiêu cách diễn đạt ngôn ngữ; dầu có bao nhiêu quy ước ngôn ngữ, bao nhiêu bộ quy ước ngôn ngữ; dầu có bao nhiêu trí tuệ, bao nhiêu trí tuệ giói; dầu có bao nhiêu luân chuyển, bao nhiêu vận hành; với thắng trí hiểu biết tát cả, vị Tỷ-kheo được giải thoát. Với vị Tỷ-kheo có thắng trí giải thoát như vậy mà nói rang vị Tỷ-kheo ấy không biết, không thấy, thời thật là một sự phi lý.

5 Tathāgatā. Xem M. L 542.

127. Này Ānanda, có bảy trú xứ của thức và hai xứ. Thế nào là bảy? Này Ānanda, có những loại hữu tình thân di loại và tưởng dị loại như loài người, một số chư thiên và một số trong địa ngục. Đó là trú xứ thứ nhất của thức. Này Ānanda, có những loại hữu tình thân dị loại nhưng tưởng nhất loại như các vi Phạm Chúng thiên được sanh vào cõi ấy, nhờ Sơ thiền. Đó là trú xứ thứ hai của thức. Này Ānanda, có những loại hữu tình thân nhất loại nhưng tưởng di loại như các vị Quang Âm thiên (Ābhassarā). Đó là trú xứ thứ ba của thức. Này Ānanda, có những loại hữu tình thân nhất loại và tưởng cũng nhất loại như các vị Biến Tịnh thiên (Subhakinhā). Đó là tru xứ thứ tư của thức. Này Ānanda, có những loại hữu tình vượt ra khỏi tát cả sac tưởng, đoạn trừ tát cả hữu đôi tưởng, không suy tư đên mọi di loại tưởng, chỉ có tưởng "Hu không là vô biOn", được sanh vào cõi Không Vô Biên Xứ. Đó là trú xứ thứ năm của thức. Này Ānanda, có những loại hữu tình hoàn toàn vượt ra khỏi Không vô biên xứ, chỉ có tưởng "Thức là vô bien,\ được sanh vào Thức Vô Biên Xứ. Đó là trú xứ thứ sáu của thức. Này Ānanda, có những loại hữu tình hoàn toàn vượt ra khỏi Thức vô biên xứ, chỉ có tưởng “V6 sở hữu' được sanh vào Vô Sở Hữu Xứ. Đó là trú xứ thứ bảy của thức. Hai xứ là Vô Tưởng Hữu Tình Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. 128. Này Ānanda, trong thức trú xứ thứ nhất, có thân dị loại và tưởng dị loại này như loài người, một sô chư thiên và một sô hữu tình trong địa ngục. Này Ānanda nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khỏi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly khỏi trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không? Bạch Thế Tôn, không. _ Này Ānanda, trong thức trú xứ thứ hai... thứ ba... thứ tư... thứ năm... thứ sáu... thứ bảy,... Vô Tưởng Hữu Tình Xứ này, này Ānanda, nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly khỏi trú xứ này, một vị như vậy có thê còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không? Bạch Thế Tôn, không. - Này Ānanda, trong Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ này, này Ānanda, nếu có ai hiểu được trú xứ này, hiểu được sự tập khởi, hiểu được sự đoạn diệt, hiểu được vị ngọt, hiểu được sự nguy hiểm và hiểu được sự xuất ly khỏi trú xứ này, một vị như vậy có thể còn hoan hỷ ưa thích trú xứ này không? Bạch Thế Tôn, không. Này Ānanda, với bảy thức tru xứ và hai xứ này, nếu có vị Tỷ-kheo đã như chơn hiểu được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vi ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất

ly khỏi chúng, nhờ không còn chấp thủ, vị này được giải thoát. Này Ānanda, vị Tỷ-kheo như vậy được gọi là Tuệ giải thoát. 129. Này Ānanda, có tám giải thoát. Thế nào là tám? Tự mình có sac, thây các sac. Đó là sự giải thoát thứ nhát. Quán tưởng nội sắc là vô sắc? thấy các ngoại sắc. Đó là sự giải thoát thứ hai. Quán tưởng [sắc là] tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy. Đó là sự giải thoát thứ ba. Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đối, không tác ý đến những tưởng khác biệt, với suy tư "Hu không là vô biên”chứng và trú Không vô biên xứ. Đó là sự giải thoát thứ tư. Vượt khỏi hoàn toàn

Không vô biên xứ? với suy tư "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Đó là giải thoát thứ năm. Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "V6 sở hữu", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Đó là sự giải thoát thứ sáu. Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là sự giải thoát thứ bảy. Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng. Đó là sự giải thoát thứ tám. Này Ānanda, như vậy là tám giải thoát. 130. Này Ānanda, khi một vi Tỷ-kheo thuận thứ thể nhập tám giải thoát này, thuận thứ the nhập, nẹhịch thứ the nhập, thuận thứ và nghịch thứ thể nhập, có thê nhập và xuất khỏi bát cứ giải thoát nào khi nào mình muôn. chô nào mình muôn và dài bao lâu mình muôn. Và với các lậu hoặc được đoạn trừ, vị Tỷ-kheo tự mình thấu đạt và chứng ngộ, an trú trong Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát, không còn lậu hoặc ngay trong thời hiện tại. Này Ānanda, vị Tỷ-kheo này được gọi là bậc Giải thoát song phần.6 Này Ānanda, không còn có một sự giải thoát song phần nào nào khác cao hơn và thù thắng hơn sự giải thoát song phần này. Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời dạy của rT-il Á rri _ The Ton.

6 Giải thoát khỏi sắc thân nhờ thể nhập vô sắc, giải thoát khỏi danh thân nhờ Đạo (arũpasamãpattỉyã rũpakāyato vimutto, maggena nāmakāyato vỉmuttotỉ).

16. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN (Mahāparinibbāna Suttaṃ

Tụng phẩm I 131. Như vày tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), trên Gijjhakūta (núi Linh Thứu). Lúc bấy giờ, Ajātasattu Vedehiputta (A-xà-thế, con bà Vi-dề-hi), vua nước Magadha (Ma-kiệt-đà)5 muốn chinh phục dân Vajjī (Bạt-kỳ). Vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjī này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyêt làm cỏ dân Vajjī; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjī; ta sẽ làm cho dân Vajjī bị hoại vong." 132. Rồi Ajātasattu Vedehiputtaṃ vua nước Magadha, nói với Bà-la-môn Vassakāra (Vũ-xá)5 đại thần nước Magadha: -Này Ba-la-mon, hãy đi đến Thế Tôn, và nhân danh ta, cúi đầu đảnh lễ chân Ngài, vấn an Ngài có ít bệnh, ít não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú: "Bạch The Tôn, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, vấn an Ngài có ít bệnh, ít não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú khờng?" Và khanh bạch tiếp: "Bạch Thế Tôn, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha, muốn chinh phục dân Vajjī. Vua tự nói: 'Ta quyết chinh phạt dân Vajjī này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjī; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjī; ta sẽ làm cho dân Vajjī bị hoại vong."Thế Tôn trả lời khanh thế nào, hãy ghi nhớ kỹ và nói lại cho ta biết. Các bậc Thế Tôn không bao giờ nói lời hư vọng. Đại vương, xin vâng.

133. Bà-la-môn Vassakāra, đại thần nước Magadha, vâng theo lời dạy của Ajātasattu Vedehiputtaṃ vua nước Magadha, cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình cưỡi lên một chiếc, cùng với các cỗ xe ấy đi ra khỏi Rājagaha, đến tại núi Linh Thứu, đi xe đen chỗ còn dùng xe được, roi xuống xe đi bộ đen chỗ The

1 Xem D. II. 55,169; m. 207,272; M. II. 1; III. 215; s. L 11,335,340; II. 190; v. 152,258,341; 4 L 39; II. l, 79; III. 252; IV. 17,22,23,24,305,306,307,308,348,349; v. 59,263; Ud. 62,81,85; Pv. 23,147; Thag. 255, 892,1018; J. L 392; VI. 481; Bv. L 102; Netti. 56, 128; Miln.

95,116,131,143,174/177,408; J99; II. 284, Kvu. 313, 559, 600, 615. Kinh tương đương trong bộ Trường A-ham kỉnh la Du hành kỉnh (roi. 0001.02.001 la07). Tham chiếu: Địa động kỉnh .0026.36.0477b23); PhậtBắt-nê-hoạn kmh 0.01. 0005. 0160ỒỒ5); Bat-ne-hoan kỉnh (roi. 0006. 0176a02); Đại Bắt-nỉết-bàn kỉnh (r.01.0007. 0191b02);J^wg. (r.02. 012528.5. 0652bl3); Tăng.,a0125.42.5. 0753cll); Xuất diêu kỉnh, Thủy phàm (7.04. 212.18. 0706c07); Căn Bản Thuýét Nhát ThỉêtHữu Bộ Tỳ-nại- datạpsự(r.24. 1451.35. 0382b29).

250 KINH TRƯỜNG Bô

Tôn; khi đến, liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakâra, đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn: -Tôn giả Gotama, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha, cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Gotama, vấn an Ngài có ít bệnh, ít não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú không. Tôn giả Gotama, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha, muốn chinh phục dân xứ Vajjī. Vua tự nói: “Ta quyêt chinh phạt dân Vajjī này, dầu chúng có uy quyền, có hùng mạnh; ta quyết làm cỏ dân Vajjī; ta sẽ tiêu diệt dân Vajjī; ta sẽ làm cho dân Vajjī bị hoại vong.,, 134. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ānanda đứng quạt sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda: Này Ānanda, ngươi có nghe dân Vajjī thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau không? Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo. Này Ānanda, khi nào dân Vajjī thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ngươi có nghe dân Vajjī tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết không? Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī tụ họp trong niệm đoàn kết. giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết. Này Ānanda, khi nào nghe dân Vajjī tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ngươi có nghe dân Vajjī không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, song đúng với truyền thống của dân Vajjī như đã ban hành thời xưa không? Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjī như đã ban hành thuở xưa. -Này Ānanda, khi nào dân Vajjī không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, song đúng với truyền thống của dân Vajjī như đã ban hành thuở xua, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thinh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ngươi có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjī và nghe theo lời dạy của những vị này không? -Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ5 cúng dường các bậc trưởng lão Vajjī và nghe theo lời dạy của những vị này. Này Ānanda, khi nào dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc trưởng lão Vajjī và nghe theo lời dạy của những vi này, thời này Ānanda,

16. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN 251

dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ngươi có nẹhe dân Vajjī không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjī phải song với mình không? Bạch Thế Tôn? con có nghe dân Vajjī không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjī phải sống với mình. Này Ānanda, khi nào Vajjī không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjī phải sống với mình, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ngươi có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, Cling dường các tự miếu của Vajjī ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phê các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp không? - Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các tự miêu của Vajjī ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phê các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp. Này Ānanda, khi nào dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ5 cúng dường các tự miếu của Vajjī ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thinh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ngươi có nghe dân Vajjī bảo hộ, che chở, lảng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjī khiến các vị A-la-hán chưa đên sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đên được sống an lạc không? Bạch Thế Tôn, con nghe dân Vajjī bảo hộ9 che chở, ủng hộ đúng pháp các vi A-la-hán ở tại Vajjī khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc. Này Ānanda, khi nào dân Vajjī bảo hộ5 che chở, lỉng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjī khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đên trong xứ, và những vi A-la-hán đã đến được sống an lạc, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thinh, không bị suy giảm. 135. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Vassakāraṃ đại thần nước Magadha: Này Bà-la-môn, một thời Ta sống ở Vesālī tại tự miếu Sârandada, Ta dạy cho dân Vajjī bảy pháp bất thối này. Này Bà-la-môn, khi nào bảy pháp bất thoi được duy trì giữa dân Vajjī, khi nào dân Vajjī được sông theo bảy pháp bát thôi này, thời này Bà-la-môn, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn Vassakāraṃ đại thần nước Magadha bạch Á rr-1 _ Thê Ton: -Tôn giả Gotama, nếu dân Vajjī chỉ hội đủ một pháp bất thối này, thời dân Vajjī nhất định được cường thịnh, không bi suy giảm, huống nữa là đủ cả bảy !pháp A bát ợthôi. Tôn. 9giả Gotama, .. Ajātasattu yr nước Magadha, Vedehiputta,J vua .. 9 , không thê đánh bại dân Vajjī ở chiên trận, trừ phi dùng ngoại giao hay kê ly gián. Tôn giả Gotama, nay chúng con phải di, chúng con có nhiêu việc và có nhiều bổn phận.

252 KINH TRƯỜNG Bô

—Này Bà-la-môn, ngươi hãy làm những gì ngươi nghĩ là hợp thời. Bà-la-môn Vassakāraṃ đại thần nước Magadha, hoan hỷ, tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt. 136. Khi Bà-la-môn Vassakâra đi chưa bao lâu, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda: -Này Ānanda, hãy đi và tập hợp tại giảng đường tất cả những vị Tỷ-kheo sống gần Rājagaha. - Xin vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ānanda vâng theo lời dạy Thế Tôn, đi tập hợp tất cả những vị Tỷ- kheo sống gần Vương Xá rồi đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài, đứng một bên và bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tụ họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời. Rồi Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến giảng đường, ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn và nói với các vị Tỷ-kheo:

-Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bát thôi. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng. -Xin vâng, bạch Thế Tôn. Những vi Tỷ-kheo ấy trả lời Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau: Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này các Tỷ-kheo5 chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc Tăng sự trong niệm đoàn kết, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thinh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo5 khi nào chúng Tỷ-kheo tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ5 cúng dường các bậc Tỷ-kheo Thượng tọa, những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lạp trưởng, bậc Cha của chúng Tăng, bậc Thầy của chúng Tăng, và nghe theo lời dạy của những vị này, thời này các Tỷ-kheo? chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bi suy giảm. Này các Tỷ-kheo5 khi nào chúng Tỷ-kheo không bị chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác, thời này các Tỷ-kheo5 chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo5 khi nào chúng Tỷ-kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh, thời này các Tỷ-kheo? chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

16. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN 253

Này các Tỷ-kheo5 khi nào chúng Tỷ-kheo tự thân an trú chánh niệm khiến các bạn đồng tu thiện chí chưa đến muôn đến ở, và các bạn đồng tu thiện chí đã đến ở được sống an lạc, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thinh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vi Tỷ-kheo? khi nào các vị Tỷ-kheo sống theo bảy pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. 137. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói. Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Những vi Tỷ-kheo ây vâng đáp The Ton. The Ton noi: —Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích làm thế sự, không hoan hỷ làm thế sự, không đam mê làm thế sự, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thinh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thh phiếm luận, không hoan hỷ phiếm luận, không đam mê phiếm luận, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thinh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo? khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích ngủ nghỉ, thời này các Tỷ-kheo5 chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo5 khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích quần tụ, không hoan hỷ quần tụ, không đam mê quần tụ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo? khi nào chúng Tỷ-kheo không có ác dục vọng, không bi chi phôi bởi ác dục vọng, thời này các Tỷ-kheo? chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thinh, không bi suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bạn bè với ác, không thân tín với ác, không cộng hành với ác, thời này các Tỷ-kheo5 chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thinh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không dừng ở nửa chừng giữa sự đạt đến những quả vị thấp kém và những quả vị thù thắng,

thời này các Tỷ- kheo5 chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được song theo bảy pháp bất thoi này, thời này các Tỷ-kheo5 chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. 138. Này các Tỷ-kheo9 Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói. -Xin vâng, bạch Thế Tôn. x TI ~ * r FT^ 9 _ 11 Ar . q . -Ó- .] r l lí A. rTĩ rl 3 r * . Những vị Ty-kneo ay vang đáp The Ton. The Ton noi: Này các Tỷ-kheo5 khi nào chúng Tỷ-kheo có tín tâm... có tàm... có quý...

CÓ nghe nhiều... có tinh tấn... có chánh niệm... có trí tuệ, thời này các Tỷ- kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo5 khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo? khi nào các vị Tỷ-kheo được sông theo bảy pháp bát thôi này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. 139. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói. - Xin vâng, bạch Thế Tôn. Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói: Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập Niệm giác chi... tu tập Trạch pháp giác chi... tu tập Tinh tấn giác chi... tu tập Hỷ giác chi... tu tập Khinh an giác chi... tu tập Định giác chi... tu tập Xả giác chi, thời này các Tỷ- kheo? chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thinh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo được sông theo bảy pháp bát thôi này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bi suy giảm. 140. Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ giảng bảy pháp bất thối khác. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói. Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Những vị Tỷ-kheo ây vang đáp The Ton. The Ton noi: Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập Vô thường tưởng... tu tập Vô ngã tưởng... tu tập Bất tịnh tưởng... tu tập Nguy hiêm tưởng... tu tập Xả ly tưởng... tu tập Vô tham tưởng... tu tập Diệt tưởng, thời này các Tỷ-kheo5 chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bi suy giảm. Này các Tỷ-kheo? khi nào bảy pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các vi Tỷ-kheo được sông theo bảy pháp bát thôi này, thời này các Tỷ-kheo? chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thinh, không bị suy giảm. 141. Này các Tỷ-kheo? Ta sẽ giảng sáu pháp bát thôi. Hãy nghe và suy nghiệm ky, Ta sẽ giảng. - Xin vâng, bạch Thế Tôn. Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói: -Này các Tỷ-kheo? khi nào các vi Tỷ-kheo đối với các vi đồng tu Phạm hạnh tại chỗ đông người và vắng người, gìn giữ thân nghiệp từ hòa, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đôi với các vị đông tu Phạm hạnh tại chỗ đông người và vắng người, gìn giữ khâu nghiệp từ hòa, thời này các Tỷ- kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào các vị Tỷ-kheo đôi với các vi đông tu Phạm hạnh tại chỗ đông người và vắng người, gìn giữ ý nghiệp từ hòa, thời này các Tỷ- kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo? khi nào các vị Tỷ-kheo đôi với các vị đông tu Phạm hạnh tại chỗ đông người và vắng người, phân phối không thiên vị, chung thọ hưởng với các bạn giới đức đồng tu mọi lợi dưỡng chơn chánh, hợp pháp, cho đên những vật thọ lãnh trong bình bát khát thực, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thinh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo5 khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các bạn đồng tu tại chỗ đông người và vắng người, trong sự thọ trì những giới luật đúng với Sa-môn hạnh, những giới luật không bị gãy vụn, không bị sứt mẻ, không bị tỳ vết5 không bi uê trược, những giới luật đưa đên giải thoát, được người có trí tán thán, không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những giới luật hướng đen định tâm, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này các Tỷ-kheo5 khi nào các vị Tỷ-kheo đối với các bạn đồng tu tại chỗ đông người và vắng người, trong sự thọ trì những tri kiến đúng với Sa-môn hạnh, những Thánh tri kiến đưa đến giải thoát, hướng đến sự diệt tận khổ đau cho những ai thực hành theo, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bi suy giảm. Này các Tỷ-kheo, khi nào sáu pháp bất thối này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo9 khi nào các vi Tỷ-kheo được sống theo sáu pháp bất thối này, thời này các Tỷ-kheo5 chúng Tỷ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. 142. Trong thời gian Thế Tôn ở Vương Xá, tại núi Linh Thứu, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: "Đây là Giới, đây là Đinh, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lāu.^ 143. Thế Tôn ở Vương Xá cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài gọi Tôn giả Ānanda: -Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Ambalatthikā. Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn, rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Ambalatthikā. Tại Ambalatthikā, Thế Tôn thân trú tại nhà nghỉ mát của vua. Trong thời gian The Tôn ở Ambalatthikā, tại nhà nghỉ mát của vua, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo. - Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vi lớn, lợi ích lớn. Tuệ cíing tu với Định sẽ đưa đên quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đên giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lậu. 144. Thế Tôn ở Ambalatthikā cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi Ngài bảo Tôn giả Ānanda: Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Nālandā.

256 KINH TRƯỜNG Bô

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến Nālandā. Tại đây, Thế Tôn ở rừng Pāvārikamba (Ba-ba-lợi-âm-bà-lâm). 145. Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) đến tại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không the có một Sa-môn5 một Bà-la-môn nào có thê vĩ đại hơn, sáng suôt hơn Thê Tôn vê phương diện chánh giác.
Này Sāriputta, lời nói của ngươi thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Ngươi thật đã rống tiêng rống con sư tử: "Con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương

lai cũng như ở hiện tại không thể có một Sa-môn5 một Bà-la-môn nào có the vĩ đại hơn, sáng suốt hơn The Tôn ve phương diện chánh giác." Này Sāriputta, có phải ngươi đã biết tất cả những Thế Tôn, A-la- hán Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, ngươi đã biết tâm những vị này với tâm của ngươi: "Những Thế Tôn này ở quá khứ có giới đức như vậy5 có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy5 có giải thoát như vay” Bạch Thế Tôn, không.

Này Sāriputta, có phải ngươi đã biết tất cả những Thế Tôn, A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở tương lai, ngươi đã biêt tâm những vi này với tâm của ngươi: "Những The Tôn này ở tương lai có giới đức như vậy5 có thiền định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vay"? -Bạch Thế Tôn, không. Này Sāriputta, có phải ngươi biết Ta là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở hiện tại, ngươi đã biết tâm Ta với tâm của ngươi: “Thế Tôn có giới đức như vậy, có thiên định như vậy, có trí tuệ như vậy, có hạnh trú như vậy, có giải thoát như vay” -Bạch Thế Tôn, không. Này Sāriputta, như vậy ngươi không có Tha tâm thông đối với các vi A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, tương lai và hiện tại. Như vậy, này Sāriputta, vì sao ngươi lại thốt ra những lời đại ngôn. lời nói gan dạ, rống lên r r __ __ r .c __ L ĩ .

tiêng rỗng con sư tử: "Bạch Thê Tôn, con tin tưởng Thê Tôn đên nôi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại không the có một Sa-môn, một Bà-la-môn nào có thể vĩ đại hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện chanh giác"? 146. Bạch Thế Tôn, con không có Tha tâm thông đối với các vi A-la- hán Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, tương lai và hiện tại, nhưng con biết truyền thống về Chánh pháp. Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì tại biên cảnh, thành này có hào lũy kiên cố, có thành quách, tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa ra vào. Tại đây, có một người gác cửa thông minh, biệt tài và nhiều kinh nghiệm, không cho vào các người lạ mặt, chỉ cho vào những người quen mặt.

Nguồi này trong khi đi tuân trên con đường chạy vòng quanh thành trì ây có thê không thây các chô nôi hay khe hở của tường, cho đên chô một con mèo có thê lọt ra được, nhưnệ người ây chỉ cân biêt răng các sinh vật to lớn vào hay ra thành trì này, tát cả đêu đi vào hay đi ra bởi cửa này. Bạch Thê Tôn, cũng vậy, con biết truyền thống về Chánh pháp. Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, tất cả vi Thế Tôn này đã diệt trừ năm triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn niệm xứ, đã chơn chánh tu tập Bảy giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng giác. Bạch Thế Tôn, tất cả các vị A-la-hán Chánh Đang Giác trong tương lai, tất cả Thế Tôn này đã diệt trừ năm triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yếu ớt, đã an trú tâm vào Bốn niệm xứ5 đã chơn chánh tu tập Bảy giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng giác. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiện tại đã diệt trừ năm triền cái, những nhiễm tâm khiến cho trí tuệ yết ớt, đã an trú tâm vào Bốn niệm xứ, đã chơn chánh tu tập Bảy giác chi, đã chứng được Vô thượng Chánh đang giác. 147. Trong thời gian Thế Tôn ở tại Nālandā, rừng Pāvārikamba, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: Đây là Giới, đây là Đinh, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa

đến quả vi lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lậu. 148. Thế Tôn ở Nālandā cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, rồi gọi Tôn giả Ānanda: -Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Pātaligāma. —Xin vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đen Pātaligāma. Lúc bấy giờ, các cư sĩ ở Pātaligāma được nghe: "Thế Tôn đã đến làng Pātaligāma?5 Các cư sĩ ở Pātaligāma đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, các cư sĩ ở Pātaligāma bạch Thế Tôn: “Bạch The Tôn, mong The Tôn hãy nhận lời đen ở tại nhà nghỉ mát của chúng con.,, Thế Tôn im lặng nhận lời. Các cư sĩ ở Pātaligāma được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt. Các cư sĩ này đi đến nhà nghỉ mát, trải khắp sàn nhà, sắp đặt chỗ ngồi, đặt ghè nước, chuẩn bi dầu đèn rồi đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và đứng một bên, các cư sĩ ở Pātaligāma bạch Thế Tôn: Bạch The Tôn, nhà nghỉ mát đã được trải khắp sàn, các chỗ ngồi đã được sắp đặt, ghè nước đã đặt sẵn, dầu đèn đã được chuẩn bị. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là phải thời.

Rồi Thế Ton đắp y, cầm y bát, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến nhà nghỉ mát; sau khi đên, liên rửa chân, bước vào nhà, ngôi xuông5 limg đôi cột ở giữa, mặt hướng về phía Đông. Chúng Tỷ-kheo sau khi rửa chân, bước vào nhà, ngồi xuống, limg đoi bức tường phía Đông, hướng mặt phía Tây, đối diện Thế Tôn. Các cư sĩ ở Pātaligāma sau khi rửa chân, bước vào nhà, ngồi xuống, limg đối bức tường phía Đông, mặt đối hướng Tây, đối diện Thế Tôn. 149. Thế Tôn nói với các cư sĩ ở Pātaligāma: Này các gia chủ, có năm sự nguy hiêm cho những ai phạm giới, sông trái giới luật. Thế nào là năm?

ai phạm giới, sống trái giới luật. Lại nữa, này các gia chủ, người phạm giói, sông trái giới luật bi tiêng dữ đôn xa. Đó là điều nguy hiểm thứ hai cho những ai phạm giới, sống trái giới luật. Lại nữa, này các gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật khi vào hội chúng nào, hoặc Sát-đế-lỵ9 hoặc Bà-la-môn, hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần sợ hãi, bối rối. Đó là điều nguy hiểm thứ ba cho những ai phạm giới, sống trái giới luật. Lại nữa, này các gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật sẽ chết với tâm thần rối loạn. Đó là điều nguy hiểm thứ tư cho những ai phạm giới, sống trái giới luật. Lại nữa, này các gia chủ, người phạm giới, sống trái giới luật, sau khi thân hoại mạng chung sẽ bị sanh vào khổ cảnh, cõi ác, đọa xứ, địa ngục. Đó là điều nguy hiểm thứ năm cho những ai phạm giói, sống trái giới luật. Này các gia chủ, đó là năm điêu nguy hiêm cho những ai phạm giới, sông trái giới luật. 150. Này các gia chủ, có năm sự lợi ích cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Thế nào là năm? ở đây. này các gia chil, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ có tiền của dồi dào rát nhiêu vì sông không phóng dật. Đó là sự lợi ích thứ nhát cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, song theo giói luật được tiếng tốt đồn xa. Đó là sự lợi ích thứ hai cho những ai giữ giới, sông theo giới luật. Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật, khi đi vào hội chúng nào, hoặc Sát-đê-lỵ5 hoặc Bà-la-môn5

hoặc gia chủ, hoặc Sa-môn, người ấy đi vào với tâm thần không sợ hãi, không bối rối. Đó là sự lợi ích thứ ba cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật sẽ chết với tâm thần không rối loạn. Đó là sự lợi ích thứ tư cho những ai giữ giới, sống theo giới luật.

16. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN 259

Lại nữa, này các gia chủ, người giữ giới, sống theo giới luật, sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Đó là sự lợi ích thứ năm cho những ai giữ giới, sống theo giới luật. Này các gia chủ, đó là năm điêu lợi ích cho những ai giữ giới, sông theo giới luật. 151. Thế Tôn giảng pháp cho những cư sĩ ở Pātaligāma cho đến khuya, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ rồi bảo các cư sĩ ấy: Này các gia chủ, đêm đã quá khuya, nay các ngươi hãy làm những gì các ngươi nghĩ là phải thời. Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Các người cư sĩ ở Pātaligāma vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế T6n, thân phía hữu hướng về Ngài từ tạ ra về. Thế Tôn, sau khi các cư sĩ ở Pātaligāma đi không bao lâu, liền trở vào phòng riêng. 152. Lúc bấy giờ, Sunidha và Vassakāraṃ hai vị đại thần xứ Magadha, đang dựng thành trì để ngăn chặn dân Vajjī. Một số rất lớn hàng ngàn các thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pātaligāma. Chỗ nào có các thiên than có đại oai lực tụ họp, các vi này khiến tâm các vua chúa, các đại than có đại oai lực hướng đến sự xây dựng các trú xá. Tại chỗ nào các thiên thần bậc trung tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại than bậc trung hướng đen sự xây dựng các trú xá. Tại chỗ nào các thiên thần bậc hạ tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ hướng đến sự xây dựng các trú xá. Thế Tôn với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy hàng ngàn các thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pātaligāma, Thế Tôn thức dậy khi đêm chưa tàn và nói với Tôn giả Ānanda: Này Ānanda, ai đang xây dựng thành trì ở Pātaligāma? Sunidha và Vassakāraṃ bạch Thế Tôn, hai vị đại thần xứ Magadha, đang xây dựng thành trì ở Pātaligāma để ngăn chặn dân Vajjī. Này Ānanda, thật giống như đã hỏi ý kiến các vị thiên thần ở cõi trời Ba Mươi Ba, các đại thần ở Magadha, Sunidha và Vassakāra, đang xây thành trì ở Pātaligāma để ngăn chặn dân Vajjī. Này Ānanda, ở đây, với Thiên nhãn thuần tinh siêu nhân, Ta thấy hàng ngàn thiên thần tụ họp tại các trú địa ở Pātaligāma. Chỗ nào có các thiên thần có đại oai lực tụ họp, các vị ấy khiến tâm các vua chúa, các đại thân có đại oai lực hướng đên sự xây dựng các trú xá. Chô nào các thiên thân bậc trung tụ họp, các vi ây khiên tâm các vua chúa, các đại thân bậc trung hướng đen sự xây dựng các trú xá. Chỗ nào các thiên than bậc hạ tụ họp, các vị này khiến tâm các vua chúa, các đại thần bậc hạ hướng đến sự xây dựng các trú xá. Này Ānanda, chỗ nào các vị Ariyan an tru, chỗ nào các nhà thương mãi qua lại, chỗ ấy sẽ thiết lập một thành thi bậc nhất tên gọi là Pātaliputta, một trung tâm thương mãi. Nhưng này Ānanda, Pātaliputta sẽ bị ba hiểm nạn về lửa, về nước hay chia rẽ bất hòa.

260 KINH TRƯỜNG BÔ

153. Lúc bấy giờ, Sunidha và Vassakāraṃ hai vị đại thần nước Magadha, đến tại chỗ Thế Tôn ở; khi đến xong, liền nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakāraṃ bạch Thế Tôn: “Mong Thế Tôn nhận lời mời dùng cơm tại nhà chúng con hôm nay cùng với đại chúng Ty-kheo.^ The Tôn im lặng nhận lời. Hai vi đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakâra, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời liền đi về nhà, cho soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, rồi cử người báo tin đến Thế Tôn: “T6n giả Gotama, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng." Roi Thê Tôn buổi sáng đáp y, mang theo y bát cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đên trú sở của hai vị đại thân xứ Magadha, Sunidha và Vassakâra; sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, Rồi hai vị đại thần xứ Magadha, Sunidha và Vassakāraṃ tự tay mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là vị thượng thủ các món ăn thượng vị loại cứng và loại mem. Sau khi The Tôn dùng cơm xong và rời tay khỏi bình bát, Sunidha và Vassakâra, hai vị đại thân xứ Magadha liên lấy chiếc ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi Sunidha và Vassakāra, hai vị đại thần xứ Magadha đã ngồi xuống mọt ben, The Ton đọc bài kẹ cam tạ: Tại chỗ nào người sáng suốt lấy làm chỗ trú xứ, Hãy nuôi dưỡng người giữ giới và người Phạm hạnh, Và san sẻ công đức với chư thiên trú tại chô ây. Được tôn kính, họ sẽ tôn kính lại, Được trọng vọng, họ sẽ trọng vọng lại. Họ sẽ mến thương người ấy như người mẹ thương mến con. Và những ai được thiên thần thương mến luôn luôn được thấy may mắn. Sau khi Thế Tôn tán thán Sunidha và Vassakâra, hai vi đại thần xứ Magadha, với bài kệ này, Ngài từ chỗ ngoi đứng dậy và ra ve. 154. Sunidha và Vassakāraṃ hai vi đại thần xứ Magadha, đi sau lưng Thế Tôn và nói: Hôm nay Sa-môn Gotama đi ra cửa nào, cửa ấy sẽ được đặt tên là Gotama; Sa-môn Gotama lội qua sông từ bến nào, bến ấy sẽ được đặt tên là Gotama; và cửa Sa-môn Gotama đi ra được đặt tên là cửa Gotama. Rồi Thế Tôn đi đến song Gañgā sông Hg. Lúc bấy giờ, sông Gañgā nước ngập tràn đến bờ, đến nỗi con quạ có thể uống được. Có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi tìm phao, có người cột bè để qua bờ bên kia. Thế Tôn mau lẹ như người lực sĩ duỗi cánh tay được co lại hay co lại cánh tay đã duỗi ra, biến mất từ bờ bên này và hiện ra trên bờ bên kia với chúng Tỷ-kheo. Thế Tôn thấy những nạười kia, người đang đi tìm thuyền, người đang đi tìm phao, người đang cột be đê qua bờ bên kia. Thế Tôn hiểu được ý nghĩa của cảnh này, lúc ấy bèn ứng khẩu lời cảm khái:

16. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN 261

"Những ai làm cầu vượt biển trùng dương, bỏ lại đất sũng đầm ao, trong khi người phàm phu đang cột bè. Những người ây thật là những vị trí tuệ được giải thoát." Tụng phẩm II 155. Rồi Thế Tôn gọi Tôn giả Ānanda: Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Kotigāma.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Ton gia Ananda vang đáp The Ton. Roi The Ton cung vơi đại chung Ty- kheo đi đến Kotigāma. Tại dây, Thế Tôn ở tại Kotigāma. Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo: - Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm? Ta và các ngươi. Bốn Thánh đế ấy là gì? Này các Ty.kheo,

chính vì khôn§ giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyên luân hôi lâu năm, Ta và các ngươi. Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ? không thông hiểu Khổ tập Thánh đê mà chúng ta phải lưu chuyển luân hôi lâu năm, Ta và các ngươi. Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngO, không thông hiểu Khổ diệt Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các ngươi. Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngo, không thông hiểu Khổ diệt đạo Thánh đê mà chúng ta phải lưu chuyên luân hôi lâu năm, Ta và các ngươi. Nàỵ các Tỷ-kheo; khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu; khi Khổ tập Thánh đế này được giác nỆỘ? được thông hiểu; khi Khổ diệt Thánh đế này được giác ngộ? được thông hiểu; khi Khổ diệt đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, thời hữu ái được diệt trừ, sự dắt dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.2 Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ lại nói thêm: "Chính vì không thấy như thật Bốn Thánh đế nên có sự luân chuyển lâu ngày trong nhiều đời. KJii những sự thực này được nhận thức, nguyên nhân của một đời sông khác được trừ diệt, khi khổ căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.,, Trong thời gian Thế Tôn ở Kotigāma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Đinh címg tu với Giới sẽ đưa đến quả vi lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vi lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đen giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lậu. 156. Thế Tôn, sau khi ở Kotigāma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo Tôn giả Ānanda:

2 Xem Tụng phẩm IV, đoạn 186.

_ Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Nādikā. - Xin vâng, bạch Thế Tôn. Ton gia Ananda vang đáp The Ton. Roi The Ton cung vơi đại chung Ty- kheo đi đến Nādikā, tại ngôi nhà gạch (Giñjakāvasathā). Rồi Tôn giả Ānanda đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sālha mệnh chung tại Nādikā đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào? Tỷ-kheo-ni Nandā mệnh chung tại Nādikā đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Sudatta mệnh chung tại Nādikā đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào? Bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Sujātā mệnh chung tại Nādikā đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kakudhā mệnh chung tại Nādikā đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Kāliñga... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Nikata... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Katissabha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Tuttha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Santuttha... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Bhaddā... Bạch Thế Tôn, cư sĩ Subhadda mệnh chung tại Nādikā đã được sanh ở cõi nào, hậu thế trạng thái như thế nào? 157. Này Ānanda, Tỷ-kheo Sālha diệt tận các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này Ānanda, Tỷ-kheo-ni Nandā đoạn trừ năm hạ phân kiêt sử, hóa sanh [thiên giới] và từ đó nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa. Này Ānanda, cư sĩ Sudatta diệt trừ ba kiết sử? làm giảm thiểu tham, sân, si, chứng quả Nhứt lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Này Ānanda, nữ cư sĩ Sujātā diệt trừ ba

kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đên Chánh giác. Này Ānanda, cư sĩ Kakudhā đoạn trừ năm hạ phân kiết sử, hóa sanh [thiên giới] và từ đó nhập Niet-ban? không còn trở lại đời này nữa. Này Ānanda, cư sĩ Kāliñga... Này Ānanda, cư sĩ Nikata... Này Ānanda, cư sĩ Katissabha... Này Ānanda, cư sĩ Tuttha... Này Ānanda, cư sĩ Santuttha... Này Ānanda, cư sĩ Bhaddā... Này Ānanda, cư sĩ Subhadda đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh [thiên giới] và từ đó nhập Niet-ban? không còn trở lại đời này nữa. Này Ānanda, hơn năm mươi cư sĩ mệnh chung tại Nādikā, đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, hóa sanh [thiên giới] và từ đó nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa. Này Ānanda, hơn chín mươi chín nam nữ cư sĩ mệnh chung tại Nādikā, diệt trừ ba kiết sử, làm giảm thiểu tham, sân si5 chứng quả Nhứt lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Này Ānanda, hơn năm trăm cư sĩ mệnh chung tại Nādikā, diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, nhứt định không còn đọa vào ác đạo, đạt đen Chánh giác. 158. Này Ānanda, vân đê con người phải mệnh chung thật không có gì lạ, nhưng mỗi lần có người mệnh chung, lại đến hỏi Như Lai về vấn đề này, thời Ānanda, như vậy làm phiền nhiễu Như Lai. Này Ānanda, vì vậy Ta sẽ giảng

Pháp Kính (Gương Chánh pháp) để Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nêu muôn, sẽ tự tuyên bô vê mình như sau: "Đôi với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, nga quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt đinh không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác.,, 159. Này Ānanda, Pháp Kính ấy là gì mà Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, nga quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định kh6ng đọa ác dạo, sẽ đạt Chánh giác"? Này Ānanda, vi Thánh đệ tử có chánh tín đoi với đức Phật: "Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ/Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư5 Phật, Thế T6n." Vị ấy có chánh tín đối với Chánh pháp: "Chánh pháp được Thế Tôn khéo giảng dạy, thiết thực, vượt ngoài thời gian chi phối, đến để mà thấy, có khả năng giải thoát, được kẻ trí tự mình thâm hiểu.^^ Vị ấy có chánh tín đối với chiing Tăng: "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chơn thiện tu hành, chúng Tăng đệ tử The Tôn chơn trực tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chơn trí tu hành, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn chơn chánh tu hành, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn đáng được nghênh đón, đáng được cúng dường, đáng được kính ngưỡng, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời; cụ túc giới hạnh được bậc Thánh mến chuộng, được viên mãn không mảy mún, được vẹn toàn không sứt mẻ, không tỳ vết, không ô nhiễm; cụ túc giới hạnh đưa đến giải thoát được người trí tán thán, không bị ảnh hưởng bởi đời sau, hướng đen Định/5 Này Ānanda, chính Pháp Kính này mà Thánh đệ tử, sau khi chứng đạt pháp nghĩa này, nếu muốn, sẽ tự tuyên bố về mình như sau: "Đối với ta, sẽ không còn địa ngục, sẽ không còn tái sanh cõi bàng sanh, nga quỷ, đọa xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự lưu, nhứt định không đọa ác đạo, sẽ đạt Chánh giác." Khi Thế Tôn ở Nādikā, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cùng tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích

lớn. Tuệ cùng tu với Đinh sẽ đưa đên quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lậu. 160. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Nādikā cho đến khi Ngài xem là vừa đủ5 liền bảo Tôn giả Ānanda: —Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Vesālī. Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ- kheo đi đến Vesālī, ở đây, Thế Tôn trú tại vườn Ambapāli. Ạ

The Ton bao các vị Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo? các ngươi phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các ngươi.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo an tru chánh niệm? Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo đôi với thân, quán thân, tinh tân, chánh niệm, tỉnh giác, nhiêp phục mọi tham ái, tru bi ở trên đời; đối với các cảm thọ, quán thọ... đối với tâm, quán tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, chánh niệm, tỉnh giác, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi ở trên đời. Này các Tỷ-kheo9 như vậy gọi là chánh niệm. Này các Tỷ-kheo thế nào là Tỷ-kheo tỉnh giác? Này các Tỷ-kheo, ở dây, Tỷ-kheo tỉnh giác khi đi tới, đi lui; tỉnh giác khi ngó tới, ngó lui; tỉnh giác khi co tay, duỗi tay; tỉnh giác khi mang áo Tăng-già-lê (Sañghāti), mang bát, mang y; tỉnh giác khi ăn, khi uống, khi nhai, khi nếm; tỉnh giác khi đại tiện, tiểu tiện; tỉnh giác khi di, khi đứng, khi ngồi, khi nằm, khi thức, khi nói5 khi im lặng. Này các Tỷ-kheo? như vậy Tỷ-kheo sông tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải sống an trú chánh niệm, tỉnh giác. Đó là lời dạy của Ta cho các ngươi. 161. Lúc bấy giờ, dâm nữ Ambapāli được nghe: "Thế Tôn đã đến Vesālī và ở tại vườn xoài của ta." Dâm nữ Ambapāli liền cho thắng các cỗ xe thù thắng, tự leo lên một chiếc, cùng với các cỗ xe thù thắng xuất phát ra khỏi Vesāli và đi đến vườn xoài. Nàng cưỡi xe cho đến chỗ còn có thể cưỡi xe được rồi xuống xe đi bộ đen tại chỗ The Tôn; khi đen, liền đảnh le Ngài và ngoi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho dâm nữ Ambapāli đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Dâm nữ Ambapāli sau khi được Thế Tôn giảng pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn: - Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo. Thế Ton im lặng nhận lời. Dâm nữ Ambapāli được biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài, thân bên phải hướng về đức Phật và từ biệt. Các người Licchavī ở Vesālī được nghe: "Thế Tôn đến Vesālī hiện ở vườn Ambapāli", liền cho thắng các cỗ xe thù thắng, leo lên xe rồi xuất phát ra khỏi Vesālī với những cỗ xe ấy. Có những vị Licchavī toàn xanh, màu sắc xanh, mặc vải màu xanh, mang đồ trang sức màu xanh. Có những vị Licchavī toàn vàng, màu sắc vàng, mặc vải màu vàng, mang đồ trang sức màu vàng. Có những vị Licchavī toàn đỏ, màu sắc đỏ, mặc vải màu đỏ, mang đồ trang sức màu đỏ. Có những vị Licchavī toàn trắng, màu sắc trắng, mặc vải màu trắng, mang đồ trang sức màu trắng. Lúc bấy giờ, dâm nữ Ambapāli đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavī, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng xe. Các Licchavī nói với dâm nữ Ambapāli: Này Ambapāli, tại sao nàng lại đánh xe va chạm với các thanh niên Licchavī, trục xe chạm với trục xe, bánh xe chạm với bánh xe, gọng xe chạm với gọng

xe? -Này quý công tử của tôi, tôi vừa mới mời Thê Tôn cùng chúng Tỷ-kheo ngày mai đến dùng cơm.

-Này Ambapāli, hãy nhường cho chúng ta bữa cơm ây, đôi lây một trăm ngàn. Dầu quý công tử có cho tôi cả thành Vesālī cùng với các đất phụ thuộc, tôi cũng không nhường bữa cơm quan trọng này. Các vị Licchavī này tức tối búng ngón tay và nói: -Chúng ta bi cô thiếu nữ Ambapāli này giành mất phần thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ Ambapāli này phỗng tay trên! Và các vị Licchavī này cùng đi đến vườn Ambapāli. Thế Tôn từ xa thấy các vị Licchavī liền nói với các Tỷ"kheo: "Này các Tỷ- kheo, nếu có vị Tỷ-kheo nào chưa thấy chư thiên ở cõi Tam Thập Tam thiên, hãy ngó các vị Licchavī, hãy nhìn các vị Licchavī. Này các Tỷ-kheo, các vị Licchavī cũng giống như chư thiên Tam Thập Tam."3 Các vi Licchavī ấy cưỡi xe cho đến chỗ còn có thể cưỡi xe được rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Thế Tôn; khi đến, liền đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho những vi Licchavī đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khỏi, khiến tâm hoan hỷ. Các vị Licchavī sau khi được Thế Tôn giảng pháp, khích le, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ? liền bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn ngày mai nhận lời mời dùng cơm của chúng con với chúng Tỷ-kheo. Này các Licchavī, ngày mai Ta đã nhận lời mời dùng cơm của dâm nữ Ambapāli rồi. Các vị Licchavī này tức tối búng ngón tay và nói: "Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này giành mất phần thắng! Chúng ta bị cô thiếu nữ xoài này phỗng tay trèn!" " Rồi những vị Licchavī này hoan hỷ tán thán lời dạy Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về đức Phật và từ biệt. 162. Lúc bấy giờ, dâm nữ Ambapāli, đêm vừa tàn canh, liền cho sửa soạn tại vườn của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, rồi cho báo tin đên Thê Ton: Bạch Thê Ton, giơ đã đen, cơm đã săn sang. Thê Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đen tại túc xá của dâm nữ Ambapāli; sau khi đên, liên ngôi xuồng chô đã soạn sẵn. Roi dâm nữ Ambapāli tự tay thân hành mời chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ dùng các món ăn thượng vi loại cứng và loại mềm. Khi Thế Tôn dùng xong, tay đã rời bát, dâm nữ Ambapāli lấy một ghế thấp khác và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên? dâm nữ Ambapāli bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, con xin cúng dường ngôi vườn này cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủy Thế Tôn nhận lãnh khu vườn. Thế Tôn thuyết pháp cho dâm nữ Ambapāli, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, roi đứng dậy ra về.

3 Xem Sum. L 310; A. III. 239; Mhvu. L 262.

Trong thời gian Thế Tôn ở Vesālī, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ. Định cíuig tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Đinh sẽ đưa đến quả vi lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lậu. 163. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Vesālī cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo Tôn giả

Ānanda: Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến làng BeḶuva.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Ton gia Ananda vang đáp The Ton. Roi The Ton cung vơi đại chúng Tỷ- kheo đi đến làng BeḶuva. Và Thế Tôn trú tại làng này. The Ton noi vơi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, hãy an cư trong mùa mưa xung quanh Vesālī tại chỗ có bạn bè, quyến thuộc và thân tín. Còn Ta sẽ an cư ở đây, tại làng BeḶuva. Xin vâng, bạch Thế Tôn. r ỵ Những Tỷ-kheo này vâng đáp Thê Tôn và tìm chô an cư mùa mưa xung quanh Vesālī tại chỗ có bạn bè, quyến thuộc và thân tín; còn Thế Tôn an cư tại làng BeḶuva. 164. Trong khi Thế Tôn an cư trong mùa mua, một cơn bệnh trầm trọng khởi lên? rất đau đớn, gần như muốn chết, nhưng Thế Tôn giữ tâm chánh niệm, tỉnh giác, chiu đụng cơn đau ấy, không một chút ta thán. Thế Tôn tự nghi: "That không hợp lẽ nếu Ta diệt độ mà không có một lời với các đệ tử hầu cận Ta, không từ biệt chúng Tỷ-kheo. Vậy Ta hãy lấy sức tinh tấn, nhiếp phục cơn bệnh này, duy trì mạng căn và tiếp tục sống.55 Và Thế Tôn với sức tỉnh tấn, nhiếp phục bệnh ấy, duy trì mạng căn. Rồi Thế Tôn lành bệnh. Sau khi lành bệnh không bao lâu, Thể Tôn rời khỏi tinh xá và ngồi trên ghế đã soạn sẵn, trong bóng mát của ngôi tinh xá. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ānanda đến tại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên5 Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn, con được thấy Thế Tôn khỏe mạnh. Bạch Thế Tôn, con được thay The Tôn kham nhẫn. Bạch The Tôn, thay The Tôn bệnh hoạn, thân con cảm thấy yếu ớt như lau sậy, mắt con mờ mịt không thấy rõ phương hướng,4 dầu cho, bạch Thế Tôn, con được một chút an ủi rằng Thế Tôn sẽ không diệt độ nếu Ngài chưa có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo. 165. - Này Ānanda, chúng Tỷ-kheo còn mong mỏi gì nữa ở Ta! Này Ānanda, Ta đã giảng Chánh pháp, không có phân biệt trong ngoài [Mật giáo và không phải Mật giáo], vì này Ānanda, đoi với các pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo sư

4 Xem 4 III. 69.

còn nắm tay [còn giữ lại một ít Mật giáo chưa giảng dạy].5 Này Ānanda, những ai nghĩ rằng: “Ta dẫn đầu chúng Tỷ-kheo,9 hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta”, thời này Ānanda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo. Này Ānanda, Như Lai không nghĩ rằng: “Ta dẫn đầu chúng Ty-kheo95 hay "chúng Tỷ-kheo chịu sự giáo huấn của Ta”, thời này Ānanda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỷ-kheo? Này Ānanda, Ta nay đã già, đã thành bậc Trưởng thượng, trưởng lão, cao niên đã đến tuổi lâm chung. Ta đã đến tám mươi tuổi. Này Ānanda, như cỗ xe đã cũ mòn? sở dĩ còn chạy được là nhờ dây thắng chằng chịt; cũng giống như vậy, thân Như Lai được duy trì sự sống chính là nhờ dây chằng chống đỡ. Này Ānanda, chỉ trong khi Như Lai không tác ý đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một so cảm thọ, chứng và an trú Vô tướng tâm đinh, chính khi ấy thân Như Lai được thoải mái. Vậy nên, này Ānanda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tưa một gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác. Này Ānanda, thế nào là vị Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình,

tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác?6 Này Ānanda, ở đời, vi Tỷ-kheo, đối với thân, quán thân, tinh tấn, chánh niệm, tỉnh giác, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời; đối với các cảm thọ... đối với tâm... đối với các pháp, quán pháp, tinh tấn, chánh niệm, tỉnh giác, nhiếp phục mọi tham ái, ưu bi trên đời. Này Ānanda, như vậy vi Tỷ-kheo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn? dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác. Này Ānanda, những ai sau khi Ta diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính minh, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác; dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một pháp gì khác, những vị ây, này Ānanda, là những vị tối thượng trong hàng Tỷ-kheo của Ta, nếu những vị ấy tha thiết học hỏi.

Tụng phẩm III 166. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, đem theo y bát, vào Vesālī để khất thực. Sau khi khất thực ở Vesālī, ăn xong và trên đường khất thực trở về5 Ngài nói với Tôn giả Ānanda: Này Ānanda, hãy lấy tọa cụ9 Ta muốn đi đến điện thờ Cāpāla để nghỉ trưa.

-Xin vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn? lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

5 Xem J. II. 221, 250; Mỉín. 144. 6 Xem S. III. 42; V. 163,221.

Thế Tôn đi đến điện thờ Cāpāla. Khi đến, Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Ton gia Ananda đanh le The Ton va ngoi xuong mọt ben. The Ton noi vơi Ton giả Ānanda đang ngồi một bên: 167. Này Ānanda, khả ái thay Vesālī, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamakaṃ khả ái thay điện thờ Sattambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputta, khả ái thay điện thờ Sārandada, khả ái thay điện thờ Cāpāla! Này Ānanda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật thông suốt, thật vững vàng, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu muốn, người ấy CÓ thê sông đên một kiêp hay phân kiêp còn lại. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật thông suốt, thật vững vàng, điêu luyện, thiện xảo. Này Ānanda, nếu muốn, Nhu Lai có thể sống đên một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nhung Tôn giả Ānanda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tương qua rõ rang của Thê Ton. Ton gia không thỉnh cau The Tôn: Bạch Thê Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài nguôi", vì tâm Tôn giả bị Ác ma ám. Lần thứ hai... Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda: -Này Ānanda, khả ái thay Vesālī, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputtaṃ khả ái thay điện thờ Sârandada, khả ái thay điện thờ Cāpāla! Này Ānanda, những ai đã tu bôn thân túc, tu tập nhiêu lan, thật lão luyện, thật thông suốt, thật vững vàng, điêu

luyện, thiện xảo? thời nếu người ấy muốn, có thê sông đên một kiêp hay phân kiêp còn lại. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật thông suốt, thật vững vàng, điêu luyện, thiện xảo. Này Ānanda, nêu muôn, Như Lai có thê sông đên một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nhưng Tôn giả Ānanda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ rang của Thê T6n. Ton giả không thinh cau The Tôn: Bạch Thê Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài nguôi", vì tâm của Tôn giả bị Ác ma ám. Roi The Ton noi vơi Ton gia Ananda: Này Ānanda hãy đi và làm những gì ngươi nghĩ là phải thời. Xin vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ānanda vang lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về Thế Tôn và đến một gốc cây gàn đó ngoi xuống. r 168. Tôn giả Ānanda đi ra chưa bao a lâu, Ác ma liền ĩ đến chỗ Thế Tôn; r khi đên xong, liên đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Ac ma nói với Thê Tôn:

-Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Ton, nay đã đen thơi The Ton diệt đọ! Bạch The Ton, đay la lơi The Ton đã noi: “Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng su6t, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên. chưa có thê chát vân và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thê truyên bá Chánh pháp một cách thần diêu." Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, s6ng chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bô, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phan tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thê truyên bá Chánh pháp một cách thân diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ? Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo-ni của Ta chưa trở thành những vi đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý5 chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diêu." Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo-ni của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, s6ng chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, đã có thế tuyên bô, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt

độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn5 duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có the tuyên bo, diễn giảng, trình bày, xác đinh, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu?9 Bạch Thế Tôn, nay những nam cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý,

đã CÓ thể tuyên bổ, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: “Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những vị đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo ly, chưa có thê tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thê chát vân và hàng phục một cách khéo léo, chưa có the truyền bá Chánh pháp một cách thần diêu." Bạch Thế Tôn, nay những nữ cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suôt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, s6ĩig chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bô, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên. đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, có thê truyên bá Chánh pháp một cách thân diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ5 Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: “Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài ngtròi." Bạch Thế Tôn, nay Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh dạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Khi được nghe vậy. Thế Tôn nói với Ác ma: "Này Ác ma hãy yên tâm. không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đau từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt âộy 169. Và tại điện thơ Cāpālaṃ Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ hành [không duy trì mạng sống lâu hơn nữa]. Khi Thế Tôn từ bỏ9 không duy trì mạng sống thêm nữa thời đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy. Thế Tôn nhận hiểu ý nghĩa của sự kiện ấy, liên thốt câu kệ cảm khái như sau: Mạng sống có hạn hay vô hạn, Tu sĩ từ bỏ, không kéo dài, Nội tâm chuyên nhất tru thiền định, Như thoát áo giáp đang mang mặc. 170. Lúc bấy giờ, Tôn giả Ānanda suy nghĩ: "Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu!

Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Do nhân gì5 do duyên gì đại địa chấn động như vay?"

Rồi Tôn giả Ānanda đến tại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ng và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Đại địa chấn động, đại địa rung động như vậy, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy. Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì đại địa chan động như vậy? 171. Này Ānanda, có tám nhân, có tám duyên khiến đại địa chấn động. Thế nào là tám? Này Ānanda, đại địa này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở tại hư không. Này Ānanda, đến thời đại phong khởi lên, gió lớn khi thổi làm nổi sóng nước, và khi nước nổi sóng thì quả đất rung động. Đó là nhân thứ nhát, duyên thứ nhát khiên đại địa chân động. Lại nữa, này Ānanda, có vị Sa-mon hay Bà-la-môn có thần thông, dụng tâm thuần thục, hay hàng chư thiên có đại than thông, có đại uy lực; những vị này quán địa tánh có hạn, quán thủy tánh vô lượng, vi ấy có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động mạnh. Đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến đại địa chấn động. Lại nữa, này Ānanda, khi vi Bồ-tát ở cõi Tusitā (Đâu-suất) từ bỏ thân, chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chan động mạnh. Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba khiến đại địa chan động. Lại nữa, này Ānanda, khi vị Bồ-tát chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư khiến đại địa chan động. Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khi ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm khiến đại địa chấn động. Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai chuyển bánh xe pháp, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu khiển đại địa chấn động. Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sông, khi ây quả đát này rung động, chuyên động, chân động mạnh. Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động. Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai nhập Vô dư y Niết-bàn, khi ấy quả đất này runẹ động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám, duyên thứ tám khiên đại địa chấn động. Này Ānanda, do tám nhân này, tám duyên này khiến đại địa chan động. 172. Này Ānanda, có tám chúng. Thế nào là tám? Chúng Sát-đế-lỵ, chúng Bà-la-môn, chúng Cư sĩ, chúng Sa-môn, chúng Tứ Thiên Vương, chúng Tam Thập Tam thiên, chúng Ma, chúng Phạm thiên. Này Ānanda, Ta nhớ lại Ta đã đến chúng Sát-đế-lỵ hơn một trăm lần; tại đây, trước khi Ta ngồi, trước khi Ta nói chuyện và trước khi cuộc đối thoại bắt đâu, dung sác của chúng Sát-đê-lỵ như thê nào, dung sác của Ta cũng như vậy;

giọng nói của họ như thê nào, giọng nói của Ta cũng như vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ5 làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, họ không biết: "Kẻ nói ấy là ai, là chư thiên chăng, là người chang?" Sau khi Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ với bài pháp thoại, Ta biến mat. Khi Ta biến

mat, họ không biết: “Kẻ biến mất ấy là ai, là chư thiên chăng, là người chang?" Này Ānanda, Ta nhớ lại Ta đã đên chúng Bà-la-môn hơn một trăm lân... chúng Cư sĩ... chúng Sa-môn... chúng Tứ Thiên Vương... chúng Tam Thập Tam thiên... chúng Ma... chúng Phạm thiên hơn trăm lần; tại đây, trước khi Ta ngồi. trước khi Ta nói chuyện và trước khi cuộc đối thoại bắt đầu, dung sắc của chúng Phạm thiên như thế nào, dung sắc của Ta cũng như vậy; giọng nói của các vị ấy như thế nào, giọng nói của Ta cũng như vậy. Và với bài pháp thoại, Ta giảng dạy, khích lệ, làm cho phân khởi, khiên tâm hoan hỷ. Khi Ta đang nói, các vị ấy không biết: "Kẻ nói ấy là ai, là chư thiên chăng, là người chng?" Sau khi Ta giảng day, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, Ta biên mất. Khi Ta biến mất, các vị ấy không biết: "Kẻ biến mất đó là ai, là chư thiên chăng, là người chng?” Này Ānanda, như vậy là tám chúng. 173. Này Ānanda, có tám thắng xứ. Thế nào là tám? Một vị quán tưởng nội săc? thây các loại ngoại sác có hạn lượng, đẹp, xâu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy.” Đó là thắng xứ thứ nhất. Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp5 xấu. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy.” Đó là thắng xứ thứ hai. Một vị quán tưởng vô săc ở nội tâm, thây các loại ngoại săc có hạn lượng, đẹp, xấu. Vi ấy nhận thức rang: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ ba. Một vị quán tưởng vô săc ở nội tâm, thây các loại ngoại sác vô lượng, đẹp, xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ tư. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh như bông gai màu xanh; tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn, màu xanh, tướng sác xanh, hình săc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy, vi này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ năm. Một vị quán tưởng vô sác ở nội tâm, thây các loại ngoại sác màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng. ánh sáng vàng như bông Kanikāra màu vàng; tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu vàng, tướng sác vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Như vậy,

vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, anh sáng vàng, vi ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thăng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thăng xứ thứ sáu. Một vị quán tưởng vô sác ở nội tâm, thây các loại ngoại sác màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ như bông Bandhujīvaka màu đỏ; tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu đỏ, tướng sác đỏ, hình sác đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy, vị này quán tưởng vô sác ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ? hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ, vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ bảy. Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trang, hình sắc trắng, ánh sáng trắng như sao mai Osadhĩ màu trắng; tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng như lụa sa Ba-la-nại, cả hai mặt láng trơn màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm,

thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng, vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ tám. Này Ānanda, như vậy là tám thắng xứ. 174. Này Ānanda, có tám giải thoát. Thế nào là tám? Tự mình có sắc, thấy các sắc. Đó là sự giải thoát thứ nhất. Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc. Đó là sự giải thoát thứ hai. Quán tưởng [sắc là] tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy. Đó là sự giải thoát thứ ba. Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đối, không tác ý đến những tưởng khác biệt, với suy tư "Hu không là vô biên”, chứng và trú Không vô biên xứ. Đó là sự giải thoát thứ tư. Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư "Thức là vô biên”, chứng và trú Thức vô biên xứ. Đó là giải thoát thứ năm. Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "Không có vật gi”, chứng và tru Vô sở hữu xứ. Đó là sự giải thoát thứ sáu. Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là sự giải thoát thứ bảy. Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi Urởng xứ, chứng và tru Diệt thọ tưởng định. Đó là sự giải thoát thứ tám. Này Ānanda, như vậy là tám giải thoát. 175. Này Ānanda, một thời Ta ở tại Ưruvelâ, trên bờ sông Nerafyarā, dưới gốc cây Ajapāla Nigrodha khi Ta mới thành đạo. Này Ānanda, lúc bay giờ, Ác ma đến tại chỗ Ta ở; khi đến xong, liền dứng một bên. Này Ānanda, sau khi đứng một bên, Ác ma nói với Ta: "Bạch The Tôn, nay The Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!99 Này Ānanda, khi được nghe vậy, Ta nói với Ác ma:

“Này Ác ma, Ta sẽ không die? độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo-ni của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn5 duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp? sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo5 chưa có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chôn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố5 diễn giảng, trình bày, xác đinh, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác đinh, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo

khởi lên? chưa có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Này Ac ma, Ta không diệt độ khi nào Phạm hạnh mà Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh dạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài người.^, 176. Này Ānanda, hôm nay tại điện thờ Câpãla, Ác ma đến chỗ Ta; sau khi đến, liền đứng một bên. Này Ānanda, Ác ma đứng một bên nói với Ta như sau: "Bạch Thế Tôn? nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch The Ton? nay đã đen thơi The Ton diệt đọ! Bạch The Ton, đay la lơi Thê Tôn đã nói: 'Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo ly? chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác đinh, • 7 khai minh, 9 phân tích và Dgiải thích rõ ràng c? r. -l a jT D Chánh pháp; -g r Jr 4 r khi có tà đạo -g c. 2 khởi . \

lên, chưa có thê chát vân và hàng phục một cách khéo léo, chưa có thê truyền

bá Chánh pháp một cách thần diệu/ Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử chơn chánh, sáng suốt, có kỷ luật, đa văn, duy trì Chánh pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh, sống theo Chánh pháp; sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố5 diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, đã có thể truyền bá Chánh pháp một cách thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ5 Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: 'Này Ác ma, ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo-ni của Ta... khi nào những nam cư sĩ của Ta... khi nào những nữ cư sĩ của Ta... khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài người? Bạch Thế Tôn, nay Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn? nghĩa là được khéo giảng dạy cho chư thiên và loài người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt d!" 177. Khi được nghe vậy, Ta nói với Ác ma: "Này Ác ma. hãy an tâm. không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đau từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt đậy Này Ānanda, hôm nay tại điện thờ capla, Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ hành [không duy trì mạng sống lâu hơn nữa]. 178. Khi được nghe vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người! Thôi di, này Ānanda, đừng có thỉnh câu Như Lai nữa! Này Ānanda, nay thỉnh câu Như Lai không còn kịp thời. Lần thứ hai... Lần thứ ba, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn: _ r r —Bạch The Ton, The Ton hãy ơ lại cho đen trọn kiep? Thiên Thê hãy ơ lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người! Này

Ānanda, ngươi có tin vào sự giác ngộ của Như Lai không? Bạch Thế Tôn, con có tin.

Vậy, này Ānanda, sao ngươi lại làm phiền Như Lai đến ba lần?

Bạch Thế Tôn, chính con được tận mặt, đích thân nệhe Thế Tôn dạy như sau: "Này Ānanda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiêu lần, that lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu muốn, người ấy có thê sống đên một kiêp hay phân kiêp còn lại. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc... Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lai?9

Này Ānanda, ngươi có tin tưởng không? —Bạch Thế Tôn, con có tin tưởng. -Này Ānanda, như vậy là lỗi của ngươi, như vậy là khuyết điểm của ngươi, đã không nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai. Ngươi không thỉnh càu Như Lai: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời; vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.^, Này Ānanda, nếu ngươi thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhung đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ānanda, như vậy là lỗi của ngươi, như vậy là khuyết điểm của ngươi. 179. Này Ānanda, một thời Ta ở tại Vương Xá, núi Linh Thứu (Gijjhakūta). Tại đấy, Ta nói với ngươi: “Này Ānanda, khả ái thay thành Vương Xá! Khả ái thay núi Linh Thứu! Này Ānanda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật r bềnr vững, điêuA luyện, thiện xảo. Này Ānanda, nếu muốn, Như Lai có thể /K J • X A l X • •• \ — #

sông đên một kiêp hay phân kiêp còn lại." Dâu vậy, này Ānanda, ngươi không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai. Ngươi không thỉnh cầu Như Lai: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương txrởng cho dòi, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài ngiròi." Này Ānanda, nếu ngươi cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lần cầu thỉnh, nhung đến lần thứ ba, Như Lai có thể nhận lời. Này Ānanda, như vậy là lỗi của ngươi, như vậy là khuyết điểm của ngươi. 180. Này Ānanda, một thời Ta ở thành Vương Xá, tại Nigrodhārāma... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại Corapapâta... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại hang Sattapanni trên núi Vebhâra... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại hang đá KâỊa trên núi Isigili... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại rừng Sītā, trong hang đá Sappasondika... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại Tapodārāma... Ta cũng ở thành Vương Xá5 Trúc Lâm, vườn sóc Kalandaka... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại vườn xoài Jīvaka... Ta cũng ở thành Vương Xá, tại Maddakucchi ở Lộc Uyển. Này Ānanda, tại đấy, Ta nói: "Này Ānanda, khả ái thay thành Vương Xá, khả ái thay núi Linh Thứu, khả ái thay Nigrodhārāma, khả ái thay Corapapâta, khả ái thay hang Sattapanni trên núi Vebhâra, khả ái thay hang đá KãỊa trên núi Isigili, khả ái thay hang đá Sappasondika trong rừng

Sītā, khả ái thay suối nước nóng Tapodārāma, khả ái thay vườn sóc Kalandaka ở tại Trúc Lâm, khả ái thay vườn xoài Jīvaka, khả ái thay vườn nai ở tại Maddakucchi! Này Ānanda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện,

thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo. Này Ānanda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phân kiêp còn lại. Dâu vậy, này Ānanda, ngươi không thê nhận hiên sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai. Ngươi không thỉnh cầu Như Lai: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài nguôi." Này Ānanda, nếu ngươi cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có thể bác bỏ hai lân câu thỉnh, nhưng đên lân thứ ba, Như Lai có thê nhận lời. Này Ānanda, như vậy là lỗi của ngươi, như vậy là khuyết điểm của ngươi. 181. Này Ānanda, một thời Ta ở Vesālī tại điện thờ Udena. Tại dấy, này Ānanda, Ta cũng nói: "Này Ānanda, khả ái thay Vesālī, khả ái thay điện thờ Udena. Này Ānanda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện5 thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo. Này Ānanda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.” Dầu vậy, này Ānanda, ngươi không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai, ngươi không thỉnh cầu Như Lai: "Bạch Thế Tôn, The Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài nguôi." Này Ānanda, nếu ngươi cầu thỉnh Như Lai, Như Lai có the bác bỏ hai lần cau thỉnh, nhxrng đen lan thứ ba, Như Lai có the nhận lời. Này Ānanda, như vậy là lỗi của ngươi, như vậy là khuyết điểm của ngươi. 182. Này Ānanda, một thời Ta ở thành Vesālī tại điện thờ Gotamaka... Ta cũng ở thành Vesālī tại điện thờ Sattambaka... Ta cũng ở thành Vesālī tại điện thờ Bahuputta... Ta cũng ở thành Vesālī tại điện thờ Sârandada... Này Ānanda, hôm nay tại điện thờ Cāpāla, Ta nói với ngươi: "Này Ānanda, khả ái thay Vesālī, khả ái thay điện thờ Udena, khả ái thay điện thờ Gotamaka, khả ái thay điện thờ Sattambaka, khả ái thay điện thờ Bahuputtaṃ khả ái thay điện thờ Sārandada, khả ái thay đền Cāpāla! Này Ānanda, những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần5 thật lão luyen, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo, thời nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ānanda, Như Lai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo. Này Ānanda, nếu muốn, Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lai?9 Dầu vậy, này Ānanda, ngươi không thê nhận hiên sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Như Lai, n^ươi không thỉnh cầu Như Lai "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến Ượn kiep5 Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh,

vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài nguồi." Này Ānanda, nếu ngươi càu thỉnh Như Lai, Như Lai có thê bác bỏ hai lân câu thỉnh, nhimg đên lân thứ ba5 Như Lai có thể nhận lời. Này Ānanda, như vậy là lỗi của ngươi, như vậy là khuyết điểm của ngươi. 183. Này Ānanda, phải chăng ngay từ ban đầu Ta đã từng tuyên bố rằng mọi vật ưu ái, thân tình đều phải bị thay đổi, trở về hư không, biến dịch? Này Ānanda, làm sao có thể được như vầy: Những gì sanh khởi, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến diệt? Thật không có sự trạng ấy. Này Ānanda, những gì Như Lai đã từ bỏ, dứt khoát, xả ly, phóng x,khước từ, chính là thọ hành. Như Lai đã nói và nói một cách dứt khoát: "Không lâu, Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.^ Nói rằng Như Lai vì muốn sống mà phản lại lời tuyên bố trên thời thật không có sự trạng ấy. Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến giảng đường Kūtāgāra tại Đại Lâm. -Xin vâng, bạch Thế Tôn. Ton gia Ananda vâng đáp The Ton. Rồi Thế Tôn cùng Tôn giả Ānanda đi đến giảng đường Kūtāgāra tại Đại Lâm; khi đi đến, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda: Này Ānanda, hãy đi mời tát cả Tỷ-kheo sông ở gân Vesālī tụ họp tại giảng đường này. Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vân^ lời Thế Tôn, đi mời tất cả Tỷ-kheo sống ở gần Vesālī tụ họp tại giảng đường, rồi đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo đã tụ họp. Bạch Thế Tôn, Ngài hãy làm những gì Ngài nghĩ là hợp thời. 184. Thể Tôn liền đi đến giảng đường và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngoi, The Ton noi vơi các vị Ty-kheo: Này các Tỷ-kheo5 nay những pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy cho các ngươi, các ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để Phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Này các Tỷ-kheo9 thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy, các ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để cho Phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người? Chính là Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn thần túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo phần. Này các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy mà các ngươi phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để Phạm hạnh được

trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. 185. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ các ngươi: Các hành là vô thường, hãy tinh tấn lên để tự giải thoát, không lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ. Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm: Ta đã già, dư mạng chẳng còn bao, Từ biệt các ngươi, Ta đi một mình, Tự mình làm sở y cho chính mình. Hãy tinh tấn, chánh niệm,

giữ giới luật, Nhiếp thúc ý chí, bảo hộ tự tâm. Ai tinh tấn trong Pháp và Luật này, Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ đau.

Tụng phẩm IV 186. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, đem theo y bát, vào Vesālī để khất thực. Sau khi khất thực ở Vesālī, ăn xong và trên đường khất thực trở về? Thế Tôn nhìn Vesālī với cái nhìn của con voi chúa rồi nói với Tôn giả Ānanda: Này Ānanda, lần này là lần cuối cùng, Như Lai nhìn Vesālī. Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Bhandagāma. Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Ton gia Ananda vang đáp The Ton. Roi The Ton cung vơi đại chúng Tỷ- kheo đi đến Bhandagāma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Bhandagāma. À * rrri FT^ Ā • /_• r rri 9 ĩ í. _ Roi The Ton noi với các Ty-kneo: Này các Tỷ-kheo? chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Bốn pháp mà Ta và các ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ5 không chứng đạt Thánh giới mà Ta và các ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Này các Tỷ-kheo? chính vì không giác ngộ, không chứng đạt Thánh định mà Ta và các ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biên sanh tử. Này các Tỷ-kheo5 chính vì không giác ngộ? không chứng đạt Thánh tuệ mà Ta và các ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Này các Tỷ-kheo, chính vì không giác ngộ5 không chứng đạt Thánh giải thoát mà Ta và các ngươi lâu đời phải trôi lăn trong biển sanh tử. Này các Tỷ-kheo, khi Thánh giới được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh đinh được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh tuệ được giác ngộ, được chứng đạt; khi Thánh giải thoát được giác ngộ, được chứng dạt, thời tham ái một đời sống tương lai được trừ diệt, những gì đưa đến một đời sống mới được dứt sạch, nay không còn một đời sống nào nữa.

Đó là lời Thế Tôn dạy. Sau khi nói vậy, Thiện Thệ lại nói thêm: Giới, Đinh, Tuệ và Giải thoát vô thượng, Gotama danh ximg đã chứng ngộ. Đấng Giác Ngộ giảng pháp chúng Tỷ-kheo, Đạo Sư diệt khổ? Pháp Nhãn tinh lạc. Trong thời gian The Tôn ở tại Bhandagāma, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: Đây là Giới, đây là Đinh, đây là Tuệ. Định cung tu với Giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng tu với Định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lậu. 187. Rồi Thế Tôn, sau khi ở Bhandagāma cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền nói với Tôn giả Ānanda: -Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Hatthigāma... Ambagāma... Jambugāma... hãy đi đến Bhoganagara. Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cung với đại chúng Tỷ-kheo đi đen Bhoganagara. Tại đây, Thế Tôn ở Bhoganagara tại đền Ānanda, Ngài nói với các Tỷ-kheo: —Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bốn Đại giáo pháp. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng. Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ay vâng lơi The Ton, The Ton giang như sau: 188. - Này các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "Này Hiền giả, tôi tự thân nghe từ miệng Thế Tôn, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vi Đạo su." Này các Tỷ-kheo, các

ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đôi chiêu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đôi chiêu với Luật, nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ- kheo ấy đã thọ giáo sai lầm"; và này các Tỷ-kheo? các ngươi hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh.” Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ nhất, các ngươi hãy thọ trì. Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói: "Tại trú xứ kia, có Tăng chúng ở với các vị Thượng tọa, với các Thủ chúng. Tôi tự thân nghe từ miệng Tăng chúng, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị

Đạo su." Này các Tỷ-kheo9 các ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ngươi có thê két luận: "Chc chăn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai m”; và này các Tỷ-kheo? các ngươi hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh." Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ hai, các ngươi hãy thọ trì. Này các Tỷ-kheo, có thể có vị Tỷ-kheo nói: "Tại trú xứ kia, có nhiều Tỷ- kheo Thượng tọa ở, những vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì toát yếu. Tồi tự thân nghe từ miệng những vị Thượng tọa ấy, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vi Đạo SU.” Này các Tỷ-kheo, các ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm,,; và này các Tỷ-kheo5 các ngươi hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đôi chiêu với Luật, nêu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh." Này các Tỷ-kheo, như vậy là Đại giáo pháp thứ ba, các ngươi hãy thọ trì. Này các Tỷ-kheo, có thể có Tỷ-kheo nói: "Tại trú xứ kia, có một vi Thượng tọa, vị này là bậc đa văn, gìn giữ truyền thống, trì pháp, trì luật, trì toát yếu. Tôi tự thân nghe từ Thượng tọa, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo sư?9 Này các Tỷ-kheo5 các ngươi không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy. Không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ. mỗi mỗi câu cần phải được học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, và nếu

chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải là lời của The Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm" và này các Tỷ-kheo5 các ngươi hãy từ bỏ chúng. Khi đem so sánh với Kinh, đối chiếu với Luật, nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ngươi có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn, và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh." Này các Tỷ-kheo? như vậy là Đại giáo pháp thứ tư, các ngươi hãy thọ trì.

282 KINH TRƯỜNG Bô

Này các Tỷ-kheo, bốn Đại giáo pháp này, các ngươi hãy thọ trì. Trong khi Thế Tôn ở tại Bhoganagara, pháp thoại này được giảng cho chúng Tỷ-kheo: Đây là Giới, đây là Đinh, đây là Tuệ. Định cíing tu với Giới sẽ đưa đên quả vi lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùnệ tu với Định sẽ đưa đên quả vị lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng tu với Tuệ sẽ đưa đên giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, tức là dục lậu, hữu lậu, [tri kiến lậu], vô minh lậu. 189. Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Bhoganagara cho đến khi Ngài xem là vừa đủ, liền bảo Tôn giả Ānanda: Này Ānanda, chúng ta sẽ đi đến Pāvā.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ- kheo đi đến Pāvā, tại vườn xoài của Cunda, một người thợ sắt. Thợ sắt Cunda nghĩ: "Nay Thế Tôn đã đến Pāvā và hiện đang ở trong vườn xoài của ta', rồi thợ sắt Cunda đến tại chỗ Thế Tôn; khi đến xong, li2n đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn thuyết pháp cho thợ sẫ Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Và thợ sắt Cunda, sau khi được Thế Ton thuyết pháp,ích le, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến dùng cơm với chúng Ty-kheo.^ Thế Tôn im lặng nhận lời. Thợ sắt Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về Ngài và từ biệt. Và thợ sắt Cunda, sau khi đêm đã mãn? liền cho sửa soạn tại nhà các món ăn thượng vi loại cứng, loại mềm và nhiều thứ sũkaramaddava (một loại mộc nhĩ), rồi báo tin cho Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng." Và Thê Tôn buôi sáng đáp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đên nhà thợ sắt Cunda; khi đên xong, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda: Này Cunda, loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho Ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại niềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo. -Xin vâng, bạch Thế Tôn. Thợ sat Cunda vâng lơi Thê Tôn, dọn cho The Tôn các mon mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm. Rồi Thế Tôn nói với thợ sắt Cunda: Này Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, ngươi hãy đem chôn vào một lỗ. Này Cunda, Ta không thấy một ai ở cõi trời, cối người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giói, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn? giữa những thiên, nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai. Xin vâng, bạch Thế Tôn.

16. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN 283

Thợ sắt Cunda vâng theo Thế Tôn, đem chôn món ăn mộc nhĩ còn lại vào r\ A ,t A J.s «4 í A FT11 /\ FT1 Ịấ. ? 1'í r~r\ Ạ ._ _ * _ _ /S J ĩ. A A ' rr^l A /v mọt lo, đi đen cho The Ton, đanh le Ngai va ngoi xương mọt ben. Roi The Ton thuyết pháp cho thợ sắt Cunda đang ngoi một bên, khích le, làm cho phan khởi, khiến tâm hoan hỷ; rồi từ chỗ ngồi Ngài đứng dậy và ra đi. 190. Sau khi dùng cơm của thơ sắt Cunda, Thế Tôn bị nhiễm bệnh nặng, bệnh lỵ huyết, đau đớn gần như chết, và Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, nhẫn nại, chịu đựng cơn bệnh. Arpi Á qp r • A • rp • 7 T l Roi The Ton noi VƠI Ton gia Ananda: -Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Kusinārā. - Xin vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Tôi nghe: Sau khi dùng cơm tại nhà thợ sắt Cunda, Cơn bệnh khốc liệt bỗng khởi lên, gần như chết đến nơi. Sau khi dùng món ăn loại mộc nhĩ, Kịch bệnh khởi lên nơi bậc Đạo sư. Điều phục bệnh hoạn, Thế Tôn dạy rằng: “Ta đi đến thành Kusinārā”. 191. Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một gốc cây và nói với Tôn giả Ānanda: Này Ānanda, hãy xếp tư áo Sañghāti. Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghí, này Ānanda. Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn và xếp tư áo Sañghāti lại. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn và nói với Tôn giả Ānanda: Này Ānanda, hãy đem nước cho Ta. Này Ānanda, Ta nay đang khát và muốn uống nước. Khi được nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua; do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn? sông Kakutthâ không xa ở đây5 nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái; tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay. Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda: —Này Ānanda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ānanda, Ta nay đang khát và muốn uống nước. Lần thứ hai, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn: Bạch Thê Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cô xe chạy qua; do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẩn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthâ không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái; tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm dịu mát chân tay.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda: -Này Ānanda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ānanda, Ta nay đang khát và muốn uống nước. -Xin vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi Tôn giả Ānanda đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng, không vẩn đục. Tôn giả Ānanda tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay thần túc và uy lực của Như Lai! Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặiig và không vẩn due?9 Sau khi dùng bát lấy nước, Tôn giả Ānanda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài: Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn. con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục. Xin thỉnh The Tôn dùng nước. Xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước. Và The Ton uông nước. 192. Lúc bấy giờ, Pukkusa, dòng họ Mallā, đệ tử của ngài ĂỊãra Kâlama, đang đi trên con đường từ Kusinārā đên Pāvā. Pukkusa, dòng họ Mallā, thấy Thế Tôn

ngồi dưới gốc cây, liền đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xiống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Pukkusa, dòng họ Mallā, bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu trạng thái tram tĩnh của một vị xuất gia! Bạch Thế Tôn, thuở xưa, nẹài Ālāra Kalama đang đi trên đường. Rồi ngài bước xuống đường và ngồi xuổng một gốc cây, không xa con đường để nghỉ trưa. Bạch Thế Tôn? lúc ấy có khoảng năm trăm cỗ xe đi ngang qua gần ngài ĀỊâra Kâlama. Bạch Thế Tôn, có một người đi theo sau limg đoàn xe ấy, đến chỗ ngài Ālāra Kalama và nói với ngài: -Tôn giả có thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi qua không? —Này Hiền giả, ta không thấy. -Tôn giả có nghe tiếng không? -Này Hiên giả, ta không nghe tiêng. —Có phải Tôn giả đang ngủ không? —Này Hiền giả, không phải ta đang ngủ. -Vậy có phải Tôn giả đang thức tỉnh? Này Hiền giả, ta đang thức tỉnh.

-Tôn giả đang thức tỉnh nhưng không thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe thấy tiếng. Bạch Tôn giả, cái áo của Tôn giả cũng bị lấm bụi.

Này Hiền giả, phải, áo ta bị lấm bụi.

Bạch Thế Tôn, người ấy liền tự nghĩ: "Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, sự tram tĩnh của vị xuất gia, khi giác tỉnh, còn thức nhưng không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe tiếng.” Sau khi tỏ sự thâm tín đối với ngài Ālāra Kalama, vi ấy từ biệt. 193. Này Pukkusa, nhà ngươi nghĩ thế nào, cái gì khó làm hơn, cái gi khó thực hiện hơn? Một người tronệ khi giác tỉnh, còn thức mà không thây năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gan một bên, cũng không nghe tiếng; hay một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy cũng không nghe tiếng? Bạch Thế Tôn, nói gì đến năm trăm cỗ xe này, cho đến hoặc sáu trăm, hoặc bảy trăm, hoặc tám trăm, hoặc chín trăm, hoặc một ngàn, cho đến trăm ngàn cỗ xe cũng không the so sánh được. Thật khó làm hơn, khó thực hiện hơn, một người đang giác tinh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy cũng không nghe tiếng. Này Pukkusa, một thời Ta ở Ātumā, tại nhà đập lúa. Lúc bấy giờ, trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sâm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết. Này Pukkusa, một số đông người từ Atumā đi ra đến tại chỗ hai anh em nông phu và bốn con bò đực bi sét đánh chết. Này Pukkusa, lúc bấy giờ, Ta từ nhà đập lúa đi ra và đi qua đi lại ngoài trời, trước cửa nhà đập lúa. Này Pukkusa, có một người từ nơi đám đông ấy đi ra, đến chỗ Ta, đảnh lễ và đứng một bên. Và Ta nói với người ấy đang đứng một bên: "Này Hiền giả, vì sao có số đông người tụ họp như vay?" "Bạch Thế Tôn, vừa rồi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết; do vậy mà có số đông người ấy tụ họp tại đây. Bạch Thế Tôn, lúc ấy Ngài ở tại chỗ nào?" "Này Hiền giả, lúc ấy Ta ở tại day/9 "Bạch Thế Ton? Ngài không thấy gì cả sao?" "Này Hiền giả, TaWiong thay g" “Bạch Thế Tôn, Ngài không nghe tiếng gì cả sao?” "Này Hiền giả, Ta không nghe tiếng gì.59 "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang

ngủ phải khong?95 "Này Hiền giả, không phải Ta đang ngủ.” "Bạch Thế Tôn, có phải Ngài đang tỉnh thức phải khong?55 "Này Hiền giả, phải.,,

“Bạch Thế Tôn, Ngài đang tỉnh thức nhimg trong khi trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết, mà Ngài không thấy cũng không nghe gì sao?" "Này Hiền giả, phải như vậy.^^ Này Pukkusa, nguôi ấy liền tự nghĩ: :That là kỳ diệu, thật là hy hữu, sự trầm lặng của vị xuất gia, khi thức tỉnh, dâu có mưa tâm tã ào ào, điện quang chói lòa. sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bôn con bò đực bị sét đánh chết mà không thấy gì? không nghe gì hết!" Sau khi nói lên lòng tin tưởng ở nơi Ta, người ấy đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về phía Ta và từ biệt. Khi được nói vậy, Pukkusa, dòng họ Mallā, bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, sự tin tưởng của con đối với ngài Ālāra Kalama, nay con đem rải rắc trước luồng gió lớn, nay con đem thả trôi vào dònệ nước cuốn. Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch The Tôn, như người dựng đứng lại những gì bi quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ"kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. 194. Rồi Pukkusa, dòng họ Mallā, nói với một người khác: —Này bạn, hãy đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc. -Tôn giả, xin vâng. Nguôi ấy vâng lời Pukkusa, dòng họ Mallā, và đem đến một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng đe mặc. Rồi Pukkusa, dòng họ Mallā, đem dâng một cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc ấy cho Thế Tôn và nói: Bạch Thê Tôn, cặp áo màu kim sác, vàng chói và săn sàng đê mặc, mong Thế Tôn vì thương xót con mà thâu nhận cho. - Này Pukkusa, hãy đắp cho Ta một áo và đắp cho Ānanda một áo. - Xin vâng, bạch Thế Tôn. Pukkusa, dòng họ Mallā, vâng lời Thế Tôn, đắp một áo cho Ngài và đắp một áo cho Tôn giả Ānanda. Rồi Thế Ton thuyết pháp cho Pukkusa, dòng họ Mallā, khích lệ, làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ. Và Pukkusa, dòng họ Mallā, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ9 làm cho phấn khởi, khiến tâm hoan hỷ? liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt. 195. Khi Pukkusa, dòng họ Mallā, đi chưa được bao lâu, Tôn giả Ānanda đem cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc này đặt trên thân Thế Tôn, và

khi cặp áo này được đặt trên thân Thế Tôn, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi. Và Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn? thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu sự thanh tinh và sáng chói màu da của Như Lai! Bạch Thế Tôn, khi con đặt trên thân Thế Tôn? cặp áo màu kim sắc, vàng chói và sẵn sàng để mặc này, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi. Thật vậy5 này Ānanda. Này Ānanda, có hai trường hợp màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói. Thê nào là hai? Này Ānanda, trong đêm Như Lai chứng Vô thượng Chánh đẳng giác và trong đêm Như Lai sắp diệt

độ, nhập Niết-bàn giới, không còn dư y sanh tử nữa. Này Ānanda, đó là hai trường hợp màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói. Này Ānanda, hôm nay khi canh cuôi cùng mãn, tại upavattana ở Kusinārā, trong rừng Sa-la của dòng họ Mallā, giữa hai cây Sa-la? Như Lai sẽ diệt độ. Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến sông Kakutthā. Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Ton gia Ananda vang đáp The Ton.

Cặp áo kim sắc này,

Pukkusa mang đen.

Đắp áo kim sắc này,

Da Đạo sư sáng chói.

196. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakudhā, xuống sông tắm và uống nước rồi lội qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài và tại đây, nói với Đại đức Cundaka:

Này Cundaka, hãy xép áo Sañghāti làm bôn cho Ta. Này Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Đại đức Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo Sañghāti làm bốn.

Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như dáng điệu con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh niệm, tỉnh giác, suy tư, với ý niệm ngồi dậy lại khi phải thời. Và Đại đức Cundaka ngồi phía trước Thế Tôn.

Đức Phật tự đi đến,

Con sông Kakudhā.

Con sông chảy trong sáng,

Mát lạnh và thanh tịnh.

Vi Đạo sư mỏi mệt,

Đi dần xuống mé sông.

Như Lai đấng Vô Thượng,

Ngự trị ở trên đời,

Tắm xong, uống nước xong,

Lội qua bên kia sông.

Bậc Đạo sư đi trước, Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo, Vừa đi vừa diễn giảng, Chánh pháp thật vi diệu. Rồi bậc Đại sĩ đến, Tại khu vực rừng xoài, Cho gọi vị Tỷ-kheo, Tên họ Cundaka: "Hãy gấp tư áo lại, Trải áo cho ta nằm." Nghe dạy, Cundaka, Lập tức vâng lời dạy, Gấp tư và trải áo9 MộtA cách thật mau lẹ. L Bậc Đạo sư năm xuống, Thân mình thật mệt mỏi. Tại đây Cundaka, Ngồi ngay phía trước mặt. 197. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda: Này Ānanda, rất có thể có người làm cho thợ sắt Cunda hối hận: "Này Hiền giả Cunda, thật không lợi ích gì cho ngươi, thật là tai hại cho ngươi vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ ngươi cúng dường và nhập diet." Này Ānanda, cần phải làm tiêu tan sự hối hận ấy của thợ sắt Cunda: "Ny Hiền giả5 thật là công đức cho bạn vì được

Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ bạn cúng dường và nhập diệt. Này Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tự thân lãnh thọ lời nói này của Thê Tôn: 'Có hai sự cúng dường ăn uông đông một quả báo, đông một dị thục quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Thế nào là hai? Một là bữa ăn trước khi Như Lai chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hai là bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ, nhập Niết-bàn giới, không còn di hưởng sanh tử. Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một di thục quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Nhờ hành động này, thợ sắt Cunda sẽ được hưởng tuổi thọ; nhờ hành động này, thợ sắt Cunda sẽ được hưởng sắc đẹp; nhờ hành động này, thợ sắt Cunda sẽ được hưởng an lạc; nhờ hành động này, thợ sắt Cunda sẽ được hưởng danh tiếng; nhờ hành động này, thợ sắt Cunda sẽ được hưởng cõi trời; nhờ hành động này, thợ sắt Cunda sẽ được hưởng uy quyên.9,5 Này Ānanda, cần phải làm cho thợ sắt Cunda tiêu tan hối hận. Rồi Thế Tôn, sau khi nói ý nghĩa này, liền thốt lời cảm khái như sau: Công đức người bố thí, Luôn luôn được tăng trưởng,

Trừ được tâm hận thù, Không chất chứa, chế ngự. Kẻ chí thiện từ bỏ, Mọi ác hạnh bất thiện, Diệt trừ tham, sân, si, Tâm giải thoát thanh tịnh. Tụng phẩm v 198. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda: - Này Ānanda, chúng ta hãy đi qua bờ bên kia sông Hirañflavatī, đến ở Kusinārā, Ưpavattana, rừng Sa-la của dòng họ Mallā. - Xin vâng, bạch Thế Tôn. Ton gia Ananda vang đáp The Ton. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Ty-kheo đi đến bên kia sông Hirañflavatī, tại Kusinārā, ưpavattana, rừng Sa-la của dòng họ Mallā; khi đi đen nơi, liền nói với Tôn giả Ānanda: -Này Ānanda, hãy trải chô năm, đâu hướng vê phía Bác giữa hai cây Sa-la. Này Ānanda, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ. -Xin vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, trải chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây Sa-la. Và Thế Tôn nằm xuống về phía hông bên phải như dáng nằm con sư tử, hai chân để lên nhau, chánh niệm và giác tỉnh. LÚC bây giờ, Sa-la song thọ trô hoa trái mùa, tràn đây cành lá. Những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để Cling dường Ngài. Những thiên hoa Mandārava từ trên hư không rơi xu6ng, rải lên, gieo kháp và tung vãi trên thaii Như Lai để cúng dường Ngài. Bột trời Chiên-đàn từ trên hư không rơi xuống, rải lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài. Nhạc trời trên hư không trỗi dậy để Cling dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai. 199. Rồi Như Lai nói với Tôn giả Ānanda: -Này Ānanda, Sa-la song thọ tự nhiên trổ hoa trái mùa tràn đầy cành la? những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cūng dường. Những thiên hoa Mandārava từ trên hư không rơi xuống, rải lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để Cling dường. Bột trời Chiên-đàn từ trên hư không rơi xuống, rải lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để Cling dường. Nhạc trời trên hư không trỗi dậy để Cling dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cūng dường Như Lai. Nhung này Ānanda, như vậy không phải kính trọng, tôn sùng, đảnh lễ, cúng dường hay lễ kính Như Lai. Này Ānanda, nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, cư sĩ nam hay cư sĩ nữ nào thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh trong

Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp, thời người ây kính trọng, tôn sùng, đảnh lễ5 cúng dường Như Lai với sự cúng dường tôi thượng. Do vậy, này Ānanda, hãy thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp và hành trì đúng Chánh pháp. Này Ānanda, các ngươi phải học tập như vậy. 200. Lúc bấy giờ, Tôn giả Upavāna đứng trước mặt Thế Tôn va Quạt hau Ngài. Thế Tôn liền quở trách Tôn giả upavāna: —Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta! Tôn giả Ananda liên tự suy nghĩ: "Dại đức upavāna này là thị giả sông gân và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách Đại đức upavāna: 'Này Tỷ-kheo? hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta.' Do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn quở trách Đại đức upavāna: 'Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta.'" Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn: Đại đức upavāna này là thị giả, sống gần và hầu cận Thế Tôn đã lâu ngày. Nay Thế Tôn trong giờ phút cuối cùng lại quở trách Đại đức upavāna: "Này Tỷ-kheo? hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta." Do nhân gì, do duyên gi, Thế Tôn quở trách Đại đức Upavāna: "Này Tỷ-kheo, hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta"? Này Ānanda, rất đông các vị thiên thần ở mười phương thế giới tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Này Ānanda, cho đến mười hai do-tuần xung quanh Kusinārā, upavattana, rừng Sa-la thuộc dòng họ Mallā, không có một chỗ nào, nhỏ cho đến đầu một sợi tóc có thể chích được mà không đầy những thiên thần có uy lực tụ họp. Này Ānanda, các vi thiên than đang than phiền: "Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Như Lai. Thật rất là hy hữu, các Như Lai, bậc A-la- hán Chánh Đăng Giác xuât hiện ở đời; và tôi hôm nay, trong canh cuôi cùng, Như Lai sẽ nhập diệt. Và nay Tỵ-kheo có oai lực này lại đứng ngang trước Thế Tôn khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng Như Lai trong giờ phút cuối cùng.,, Này Ānanda, chư thiên than phiền như vậy. 201. - Bạch Thế Tôn? Thế Tôn đang nghĩ đến hạng chư thiên nào? - Này Ānanda, có hạng chư thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục, những vi này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than với thân bo nhoài dưới đất5 lăn lộn qua lại: :Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm.^, Này Ānanda, có hạng thiên thần ở trên đất với tâm tư thế tục, những vi này khóc than với đau bù tóc roi, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than với thân bo nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: uThế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm.” Có chư thiên đã diệt trừ ái dục, những vi này bình thản, tỉnh giác chiu đựng với tâm suy tư: "Các hành là vô thường, làm sao sự kiện có thể khác được.^ 202. Bạch Thế Tôn, thuở trước các Tỷ-kheo sau khi thọ an cu, từ các địa

phương đến chiêm ngưỡng Như Lai, chúng con được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điêu luyện. Bạch Thế Tôn, sau khi The Tôn nhập diệt, chúng con sẽ không được sự lợi ích tiếp kiến, hầu cận những Tỷ-kheo tu hành điêu luyện. Này Ananda, có bôn Thánh tích kẻ thiện tín cân phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Thế nào là bốn? "Đây là chỗ Như Lai đản sanh", này Ānanda, đó là Thánh tích kẻ thiện tín

cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. “Dây là chỗ Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng gic", này Ānanda, đó là Thánh tích kẻ thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. uĐây là chỗ Như Lai chuyển pháp luân vô thượng", này Ānanda, đó là Thánh tích kẻ thiện tín cân phải chiêm ngưỡng và tôn kính. "Đây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết-bàn”, này Ānanda, đó là Thánh tích kẻ thiện tín càn phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Này Ānanda, đó là bốn Thánh tích kẻ thiện tín cư sĩ cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính. Nàỵ Ānanda, các thiện tín Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ sẽ đến với niêm suy tư: “Dây là chỗ Như Lai đản sanh”, "dây là chỗ Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh gic”, "đây là chỗ Như Lai chuyển pháp luân vô thượng", "dây là chỗ Như Lai diệt độ, nhập Vô dư y Niết-bàn." Này Ānanda, những ai trong khi chiêm bái những Thánh tích mà từ trần với tâm thâm tín, hoan hỷ, thời những vị ấy sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh thiện thú, cảnh giới chư thiên. 203. Bạch Thế Tôn, chúng con phải cư xử với phái nữ như thế nào? Này Ānanda, chớ có thấy họ.

Bạch Thế Tôn, nếu phải thấy họ, thời phải như thế nào?

Này Ānanda, chớ có nói chuyện với họ. Bạch Thế Tôn, nếu phải nói chuyện với họ, thời phải như thế nào?

-Này Ānanda, phải an trú chánh niệm. 204. Bạch Thế Tôn, chúng con phải xử sự thân Xá-lợi của Như Lai như thế nào? Này Ānanda, các ngươi đừng có lo lắng vấn đề cung kính thân Xá-lợi của Như Lai. Này Ānanda, các ngươi hãy nỗ lực, hãy tinh tấn hướng về tự độ, sống không phóng dật, cần mẫn, chuyên hướng về tự độ. Này Ānanda, có những học giả Sát-đế-lỵ9 những học giả Bà-la-môn, những học giả gia chủ thân tín Như Lai, những vị này sẽ lo cho sự cung kính cúng dường thân Xá-lợi của Như Lái. 205. Bạch Thế Tôn, cần phải xử sự thân Xá-lợi của Như Lai như thế nào? -Này Ānanda, xử sự thân Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào, hãy xử sự thân Xá-lợi của Như Lai như vậy.

- Bạch Thế Tôn, người ta xử sự thân Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào? _ Này Ānanda, thân của Chuyển Luân Thánh Vương được quấn tròn với vải mới. Sau khi quấn vải mới xong, lại được quan thêm với vải gai bện. Sau khi quấn vải gai bện, lại quấn thêm với vải mới, và tiêp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi thân được đặt vào trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín. Xong, một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên? thân của vị Chuyên Luân Thánh Vương được đem thiêu trên giàn hỏa này. Và tại ngã tư đường, tháp của vi Chuyên Luân Thánh Vương được xây dựng lên. Này Ānanda, đó là pháp táng thân vị Chuyên Luân Thánh Vương. Này Ānanda, pháp táng thân vi Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào, pháp táng thân Như Lai cũng như vậỵ. Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đem đên tại chô ây vòng hoa, hương hay hương bột nhiêu màu, đảnh lê tháp hay khởi tâm hoan hỷ [khi đứng trước mặt tháp], thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài. 206. Này Ānanda, bốn hạng người sau xứng đáng được xây tháp. Thế nào là bốn? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xứng đáng được xây tháp. Độc Giác Phật xứng đáng được xây tháp.

Đệ tử Thanh văn của Như Lai xứng đáng được xây tháp. Chuyên Luân Thánh Vương xứng đáng được xây tháp. Này Ānanda, vì lý do gì, Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác xứng đáng được xây tháp? Này Ānanda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: "Đây là tháp của Thế Tôn, A-la-hán Chánh Đẳng Giác.^, Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, họ sẽ sanh lên thiện thú, cảnh giới chư thiên. Này Ānanda, vì lý do này, Như Lai, A-la-hán Chánh Đăng Giác xứng đáng được xây tháp. Này Ānanda, vì lý do gì, bậc Độc Giác Phật xứng đáng được xây tháp? Này Ānanda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đến: "Bây lả tháp của Thế Tôn Độc Giác Phật.^, Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, họ sẽ được sanh lên thiện thú, cảnh giới chư thiên. Này Ānanda, vì lý do này, bậc Độc Giác Phật xứng đáng được xây tháp. Này Ānanda, vì lý do gì, đệ tử Thanh văn của Như Lai xứng đáng được xây tháp? Này Ānanda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đen: "Đây là tháp đệ tử Thanh văn của Thế Tôn, A-la-hán Chánh Đẳng Giác.,, Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, họ sẽ được sanh lên thiện thú, cảnh giới chư thiên. Này Ānanda, vì lý do này, đệ tử Thanh văn của Như Lai xứng đáng được xây tháp. Này Ānanda, vì lý do gì, Chuyển Luân Thánh Vương xứng đáng được xây tháp? Này Ānanda, tâm của dân chúng sẽ hoan hỷ khi nghĩ đên: "Đây là tháp của vị Pháp vương trị vì đúng pháp." Do tâm hoan hỷ như vậy, khi thân hoại mạng chung, họ sẽ được sanh lên thiện thú, cảnh giới chư thiên. Này Ānanda, vì lý do này, Chuyên Luân Thánh Vương xứng đáng được xây tháp. Này Ānanda, đó là bốn hạng người xứng đáng được xây tháp.

16. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN 293

207. Rồi Tôn giả Ānanda đi vào trong tinh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: "Ta nay vẫn còn là kẻ Hữu học, còn phải tự lo tu tập.7 Nay bậc Đạo sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa!,, The Ton noi vơi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, Ānanda ở tại đâu? Bạch Thế Tôn, Tôn giả Ānanda đi vào trong tinh xá, dựa trên cột cửa và đứng khóc: "Ta nay vẫn còn là kẻ Hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo sư của ta sắp diệt độ9 còn ai thương tưởng ta nữa!" Thê Tôn liên noi vơi mọt Ty-kheo: Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, nói với Ānanda: "Này Hiền giả Ānanda, bậc Đạo sư cho gọi Hiền giả." Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Vi Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đi đến chỗ Tôn giả Ānanda; sau khi đến, liền nói với Tôn giả: Này Hiền giả Ānanda, bậc Đạo sư cho gọi Hiền giả.

Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Ānanda vâng lời vi Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên: -Thôi vừa rồi, Ānanda, chớ có buồn rầu, chớ có khóc than! Này Ānanda, Ta đã tuyên bố trước với ngươi rằng mọi vật ái luyến, tốt đẹp đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Này Ānanda làm sao được có sự kiện này: uCác pháp sanh, trú, hữu vi, biến hoại đừng có bị tiêu diet"? Không thể có sự kiện như vậy được. Này Ānanda, đã lâu ngày, ngươi đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng; với khẩu ïiệhiệp đây lòng từ ái5 lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng; với ý nghiệp đây lòng từ ái, lợi ích, an

lạc, có một không hai, vô lượng. Này Ānanda, ngươi là người tác thành công đức; hãy cố gắng tinh tấn lên, ngươi sẽ chứng bậc Vô lậu? không bao lâu đâu! 208. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, những vị A-la-hán Chánh Đăng Giác trong thời quá khứ, những bậc Thế Tôn này đều có những vị thị giả tối thắng như Ānanda của Ta. Này các Tỷ-kheo5 những vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác thời vị lai, những bậc Thế Tôn này cũng sẽ có những vi thị giả tối thắng như Ānanda của Ta vậy. Này các Tỷ-kheo? Ānanda là người có trí và hiểu rõ: "Nay đúng thời để các Tỷ-kheo yết kiến Thế Tôn, nay đún^ thời để các Tỷ-kheo-ni...? nay đúng thời đe các nam cư sĩ...„ nay đúng thời đe các nữ cư si...nay đúng thời để các vua chúa, để các đại thần, để các ngoại đạo sư, để các đệ tử các ngoại đạo sư yết kiến Thế T6n.‘

7 Tôn giả Ānanda lúc này tuy đã vào Thánh đạo nhưng vẫn chưa đắc quả A-la-hán.

209. Này các Tỷ-kheo5 Ānanda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, nếu có chúng Tỷ-kheo đến yết kiến Ānanda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ānanda; và nếu Ānanda thuyết pháp, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp; và nếu Ānanda làm thinh, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo ấy sẽ that vọng. Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo-ni... chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đên yêt kiên Ānanda, chúng ây sẽ được hoan hỷ vì được yêt kiên Ananda; và nếu Ānanda thuyết pháp, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp; và nếu Ānanda làm thinh, thời này các Tỷ-kheo?... chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng. Này các Tỷ-kheo, vi Chuyển Luân Thánh Vương có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu. Này các Tỷ-kheo, nêu có chúng Sát-đê-lỵ... chúng Bà-la-môn... chúng gia chủ... chúng Sa-môn đến yết kiến vị Chuyển Luân Thánh Vương, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến vị Chuyển Luân Thánh Vương; và nếu vị Chuyển Luân Thánh Vương nói chuyện, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài nói chuyện; và nếu vị Chuyển Luân Thánh Vương làm thinh, thời này các Tỷ-kheo, chúng Sa-môn ấy sẽ thất vọng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo? Ānanda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu. Nếu có chúng Tỷ-kheo... chúng Tỷ-kheo-ni... chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến Ānanda, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến Ānanda; và nếu Ānanda thuyết pháp, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp; và nếu Ānanda làm thinh, thời này các Tỷ-kheo9... chúng nữ cư sĩ ấy sẽ thất vọng. Này các Tỷ-kheo, Ānanda có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu như vậy. 210. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thi nhỏ bé này, tại đô thi hoang vu này, tại đô thị phụ thuộc này! Bạch Thế Tôn? có những đô thị khác to lớn hơn như Campā (Chiêm-bà)? Rājagaha (Vương Xá), Sāvatthi (Xá-vệ), Sâketa (Sa-kỳ)9 Kosambī (Kiều-thưởng-di), Bārāṇasī (Ba-la-nại), Thế Tôn hãy diệt độ tại chỗ ấy. Tại chỗ ấy, có đại chúng Sát-đế-lỵ? có đại chúng Bà-la-môn? có đại chúng gia chủ rất tin tưởng Như Lai, các vị này sẽ cúng dường thân Xá- lợi của Như Lai. Này Ānanda, chớ có nói như vậy! Này Ānanda, chớ có nói đô thị này nhỏ bé, đô thị này hoang vu, đô thị này phụ thuộc! Này Ānanda, thuở xưa có vị vua tên là Mahãsudassana (Đại Thiện Kiến). Vị này là Chuyển Luân Vương trị vì như pháp, là vị Pháp vương thống lãnh thiên hạ bốn phương, chinh phục hộ trì quôc dân, đây đủ bảy báu. Này Ānanda, đô thị Kusinārā này

là kinh đô của Vua Mahãsudassana tên là Kusāvatī (Câu-xá-bà-dề), phía Đông và phía Tây rộng đến mười hai do-tuầii, phía Bắc và phía Nam rộng đến bảy do-tuần.

16. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN 295

Này Ānanda, kinh đô Kusāvatī này rát phơn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Này Ānanda, cũng như kinh đô AỊakamandâ của chư thiên, rát phơn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, thiên chúng sung mãn, thực phẩm phong phú; cũng vậy, này Ānanda, kinh đô Kusāvatī này cũng rất phồn thinh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Này Ānanda, kinh đô Kusāvatī này, ngày đêm vang dậy chín loại tiếng, tức là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiêng trônệ lớn, tiêng trông nhỏ, tiêng tỳ-bà, tiếng hát, tiếng xập xỏa? tiêng chuông và tiêng thứ mười là lời kêu gọi: "Hãy uống di, hãy ăn di!" Này Ānanda, hãy đi vào Kusinārā và nói với dân Mallā ở Kusinārā: "Này các Vāsettha, đêm nay, vào canh cuối cùng, Như Lai sẽ diệt độ. Này Vāsettha, các ngươi hãy đên! Này Vāsettha, các ngươi hãy đên! Vê sau chớ có hôi hận: 'Như Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như La."' - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, đắp y, đem theo y bát và cùng một vi khác làm bạn đồng hành đi vào Kusinārā. 211. Lúc bấy giờ, dân Mallā ở Kusinārā đang tụ họp tại giảng đường vì một vài công sự. Tôn giả Ānanda đến tại giảng đường của dân Mallā ở Kusinārā. Sau khi đến, Tôn giả liền nói với dân Mallā ở Kusinārā: Này Vāsettha, đêm nay, vào canh cuối cùng, Như Lai sẽ diệt độ. Này Vāsettha. các ngươi hãy đến! Này Vāsettha. các ngươi hãy đến! về sau chớ có hôi hận: "Nhu Lai đã diệt độ tại làng vườn chúng ta mà chúng ta không được chiêm ngưỡng Như Lai." Dân Mallā cùng với con trai, con gái và vợ, khi nghe Tôn giả Ānanda nói như vậy, liền đau đớn, sầu muộn, tâm tư khổ não. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than với thân bổ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm!,, Và dân Mallā cùng với con trai, con gái và vợ đau đớn, sầu muộn, tâm tư kho não, đi đen Upavattana, khu rừng Sa-la của dòng họ Mallā và đen chỗ Tôn giả Ānanda. Tôn giả Ānanda tự nghĩ: "Nếu ta để dân Mallā ở Kusinārā đảnh lễ Thế Tôn từng người một, thời đêm sẽ tàn trước khi Thế Tôn được tất cả dân Mallā đảnh lễ. Vậy ta hãy để dân Mallā ở Kusinārā đảnh lễ theo từng gia tOc." Bạch Thế Tôn, gia tộc Mallā này với vợ con, đồ chúng, bạn bè đến cúi đầu đanh le chan The Ton. Và Tôn giả Ānanda, theo phương tiện này trong canh một, khiến dân Mallā ở Kusinārā đảnh lễ Thế Tôn.

296 KINH TRƯỜNG BÔ

212. Lúc bây giờ, du sĩ ngoại đạo Subhadda ở tại Kusinārā, du sĩ ngoại đạo Subhadda được nghe: "Toi nay, vào canh cuối cùng, Sa-mon Gotama sẽ diệt độr Và du sĩ ngoại đạo Subhadda suy nghĩ: "Ta nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lạp lớn. sư trưởng và đệ tử nói răng: 'Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng . A x • -L e V— Y L J7 Giác xuat hiện ra đời thật là hy hữu; và đêm nay, vào canh cuôi cùng, Sa-mon Gotama sẽ diệt độ/ Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm ta, ta tin Sa-mon Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho ta." Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đi đến upavattana, khu rừng Sa-la

của dân Mallā, đến tại chỗ Tôn giả Ānanda và thưa với Tôn giả: —Hiền giả Ānanda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lạp lớn, sư trưởng và đệ tử nói răng: "Nhu Lai, A-la-hán Chánh Đăng Giác xuat hiện ra đời thật là hy hữu; và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-mon Gotama sẽ diệt âộy Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi, tôi tin Sa-mon Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi van cho tôi. Hiền giả Ānanda, hãy cho tôi được phép yết kiến Sa-mon Gotama. Khi được nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda: Thôi di, Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai! Thế Tôn đang mệt. Lần thứ hai... Lần thứ ba, du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với Tôn giả Ānanda: Hiền giả Ānanda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lạp lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: “Nhu Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ra đời thật là hy hữu; và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độy Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi, tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ānanda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama. Lần thứ ba, Tôn giả Ānanda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda: Thôi di, Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai! Thế Tôn đang mệt. 213. Thế Tôn nghe được câu chuyện của Tôn giả Ānanda với du sĩ ngoại đạo Subhadda, Ngài liền nói với Tôn giả Ānanda: Thôi Ānanda, chớ có ngăn trở Subhadda. Ānanda, hãy để cho Subhadda được phép yết kiến Như Lai. Những gì Subhadda hỏi Ta là hỏi để hiểu biết chớ không phải để phiền nhiễu Ta. Và những gì Ta trả lời các câu hỏi, Subhadda sẽ hiểu ý nghĩa một cách mau lẹ. Tôn giả Ānanda liền nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda: -Này Hiền giả Subhadda hãy vào. Thế Tôn đã cho phép Hiền giả. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đến chỗ Thế Tôn, nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm xã giao rồi ïiệồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch The Tôn:

16. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN 297

Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là những vi Hội chủ, vị Giáo trưởng, vị Sư trưởng Giáo hội, có tiêng tót, có danh vọng, khai Tô giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pūrana Kassapa, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambala, Pakudha Kaccāyana, Safijaya Belatthaputta, Nigantha Nātaputta, tất cả những vị này có phải là giác ngộ như các vị ấy đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ? Thôi Subhadda, hãy để vấn đề này yên một bên: “Tất cả những vi này có phải là đã giác ngộ như các vị ấy đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ng.” Này Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho ngươi. Hãy nghe và suy nghiệm ky, Ta sẽ giảng. -Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: 214. - Này Subhadda, trong Pháp và Luật nào không có Bát Thánh đạo, thời ở đấy không có [đệ nhất] Sa-môn5 cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn. Này Subhadda, trong Pháp và Luật nào có Bát Thánh dạo, thời ở đấy có [đệ nhất] Sa-môn5 cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn5 cũng có đệ tứ Sa-môn. Này Subhadda, chính trong Pháp và Luật này có Bát Thánh đạo, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn? cũng có đệ nhị Sa-môn9 cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những vị Tỷ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng

những vị A-la-hán. Này Subhadda, năm hai mươi chín, Ta xuất gia, hướng tìm chơn thiện đạo. Trải năm mươi năm với thêm một năm, Từ khi xuất gia, này Subhadda, Ta là du sĩ tu Trí, tu Đức. r

Ngoài lãnh vực này, không có Sa-môn [đệ nhát], cũng không có Sa-môn đệ nhị, cũng không có Sa-môn đệ tam, cũng không có Sa-môn đệ tứ. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những Tỷ-kheo sống chơn chánh, thì đời này không vắng những vị A-la-hán. 215. Khi được nghe nói vậy, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn: Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn5 con xin quy ỵ Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Con xin được xuất gia với Thế Tôn, con xin thọ Đại giới. Này Subhadda, ai trước kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ

Đại giới trong Pháp và Luật này, phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt tru, các vi Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ Đại giới để thành vi Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy cá tánh con người sai biệt nhau. Bạch Thế Tôn, nếu những người xưa kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ Đại giới trong Pháp và Luật này, phải sống bốn tháng biệt trú. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các vị Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ Đại giới, thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nêu các vị Tỷ-kheo đông ý5 hãy cho con xuât gia, cho con thọ Đại giới đê thành vị Tỷ-kheo. Va The Ton noi vơi Ton giả Ananda: Này Ānanda, hãy xuất gia cho Subhadda.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với Tôn giả Ānanda: Thật là lợi ích, thưa Tôn giả Ānanda; thật là thiện lợi, thưa Tôn giả Ānanda, được thọ lễ quán đảnh làm đệ tử trước mặt bậc Đạo Sư! Và du sĩ ngoại đạo Subhadda được xuất gia, được thọ Đại giới với Thế Tôn. Thọ Đại giới không bao lâu, Đại đức Subhadda ở một minh, an tịnh, không phóng dật, tinh tấn, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh của Phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự giác chứng và an tru: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa. Và Đại đức Subhadda trở thành một A-la-hán nữa. Đại đức là vị đệ tử cuối cung được The Ton hoa đọ. Tụng phẩm VI 216. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda: -Này Ānanda, nếu trong các ngươi có người nghĩ rằng: "L&i nói của bậc Đạo sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo sư (Giáo chil)." Này Ānanda, chớ có những tư tưởng như vậy. Này Ānanda, Pháp và Luật mà Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo sư của các ngươi. Này Ānanda, nay các vị Tỷ-kheo xưng hô với nhau là Hiền giả. Sau khi

Ta diệt độ, chớ có xưng hô như vậy. Này Ānanda, vị Tỷ-kheo niên lão hãy gọi vị Tỷ-kheo niên thiếu hoặc bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền giả. Vị Tỷ-kheo niên thiếu hãy gọi vị Tỷ-kheo niên lão là Thượng tọa (Bhante) hay Đại đức. Này Ānanda, nêu chúng Tăng muôn, sau khi Ta diệt độ5 có thê hủy bỏ những học giới nhỏ nhặt chi tiết.

16. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN 299

Này Ānanda, sau khi Ta diệt độ, hãy hành tội Phạm-đàn (Brahmadanda) đối với Tỷ-kheo Channa. - Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm-đàn? Này Ānanda, Tỷ-kheo Channa muốn nói gì thì nói, chúng Tỷ-kheo sẽ không nói, sẽ không giảng dạy, sẽ không giáo giới Tỷ-kheo Channa. 217. Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, nêu có Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì vê đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp,8 thời này các Tỷ-kheo? các ngươi hãy hỏi đi; sau chớ có hôi tiêc: "Bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn.,, Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo ấy im lặng. Một lần thứ hai... Một lần thứ ba, The Ton noi vơi các Ty-kneo: Này các Tỷ-kheo, nêu có một Tỷ-kheo có nghi ngờ hay phân vân gì vê đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp, thời này các Tỷ-kheo? các ngươi hãy hỏi đi; sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế T6n." Lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng. rri A • nnl Á Ạ _ _L_ _ £ - r' • rin 9 1 1 Roi The Ton nói vơi các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo? nêu có vị nào vì lòng kính trọng bậc Đạo sư mà không hỏi5 thời này các Tỷ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau. Khi được nói vậy, những vị Tỷ-kheo ấy giữ im lặng. Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay! Bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, con tin rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp. Này Ānanda, ngươi có tín nhiệm nên nói vậy. ở đây, này Ānanda, Như Lai biết rang trong chúng Tỷ-kheo này không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với đức Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay phương pháp. Này Ānanda, trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp nhất đã chứng được quả Dự lưu, không còn đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác. 218. Và Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, nay Ta khuyên dạy các ngươi: "Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dat." Đó là lời cuối cùng của Như Lai. 219. Rồi Thế Tôn nhập định Sơ thiền. Xuất Sơ thiền, Ngài nhập Nhị thiền. Xuất Nhị thiền, Ngài nhập Tam thiền. Xuất Tam thiền, Ngài nhập Tứ thiền.

8 Xem D. II. 287.

300 KINH TRƯỜNG Bô

Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định ỈOiông vô biên xứ. Xuất Không vô biên xứ, Ngài nhập định Thức vô biên xứ. Xuất Thức vô biên xứ, Ngài nhập định Vô sở hữu xứ. Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập định Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài nhập Diệt thọ tưởng định. Khi ấy, Tôn giả Ānanda nói với Tôn giả Anuruddha: —Thưa Ton gia, The Ton đã diệt đọ. Này Hiền giả Ānanda, Thế Tôn chưa diệt độ. Ngài mới nhập Diệt thọ tưởng định. Rồi Thế Tôn xuất Diệt thọ tưởng định, Ngài nhập Phi

tưởng phi phi tưởng xứ định. Xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ngài nhập Vô sở hữu xứ đinh. Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập Thức vô biên xứ định. Xuất Thức vô biên xứ, Ngài nhập Hư không vô biên xứ đinh. Xuất Hư khôn^ vô biên xứ, Nệài nhập định Tứ thiền. Xuất Tứ thiền, Ngài nhập đinh Tam thiền. Xuất Tam thiên, Ngài nhập định Nhi thiền. Xuất Nhị thiền, Ngài nhập đinh Sơ thiền. Xuất Sơ thiên, Ngài nhạp định Nhị thiên. Xuất Nhi thiên, Ngài nhạp định Tam thiên. Xuất Tam thiền, Ngài nhập định Tứ thiền. Xuất Tứ thiền, Ngài lập tức diệt độ. 220. Khi Thế Tôn diệt độ, cùng với sự diệt độ9 đại địa chấn động khủng khiếp, râu tóc dựng ngược, sấm trời vang động. Khi Thế Tôn diệt độ, Phạm thiên Sahampati, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này: Chúng sanh ở trên đời, Tư bo thân ngu uâĩìe Bậc Đạo Sư cũng vậy, Đấng Tuyệt Luân Trên Đời. Bậc Đại Hùng Giác Ngộ, Như Lai đã diệt độ. 221. Khi Thế Tôn diệt độ, Thiên chủ Sakkā, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này: Các hành là vô thường, Có sanh phải có diệt. Đã sanh, chúng phải diệt, Nhiếp chúng là an lạc. 222. Khi Thé Tôn diệt độ5 Tôn giả Anuruddha, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này: Không phải thở ra vào, Chính tâm trú chánh định, Không tham ái tịch tịnh, Tu sĩ hướng diệt độ. Chính tâm tịnh bất động, Nhẫn chịu mọi cảm thọ,

Như đèn sáng bị tắt, Tâm giải thoát hoàn toàn. 223. Khi Thế Tôn diệt độ, Tôn giả Ānanda, cùng lúc Ngài diệt độ, thốt lên bài kệ này: Thật kinh khủng bàng hoàng, Thật râu tóc dựng ngược, Khi bậc Toàn Thiện Năng, Bậc Giác Ngộ nhập diệt. 224. Khi Thế Tôn diệt độ, những Tỷ-kheo chưa thoát ly tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc than với thân bo nhoài dưới đất, lăn lộn qua lai: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm!,, Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vi này an tru chánh niệm, tỉnh giác, nhẫn nại, suy tư: “Các hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy!' 225. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha nói với các Tỷ-kheo: Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than! Này các Hiền giả, r Ị. \ L e -g phải chăng Thê Tôn đã tuyên bô ngay từ ban đâu răng mọi vật ưu ái thân tình đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Này các Hiền giả5 làm sao có thể được như vây: "Những gì sanh, tôn tại5 hữu vi, chịu sự biên hoại mà lại mong khỏi có sự biên dịch. Thật không có sự trạng ây.” Này các Hiên giả, chính chư thiên đang quở trách đó. Thưa Tôn giả Anuruddha, Tôn giả đang nghĩ đên hạng chư thiên nào? Hiền giả Ānanda, có hạng chư thiên ở trên hư không nhimg có tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than với thân bổ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: :Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm!,, Hiền giả Ānanda, có hạng chư thiên ở trên đất với tâm tư thế tục, những vi này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than với thân bổ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: “Tha Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm!,, Còn chư thiên đã diệt trừ ái dục, những vi này chánh niệm, tỉnh giác, chịu đựng với tâm suy tư: "Các hành là vô thường, làm sao có thể khác được!^ Tôn giả Anuruddha và Tôn giả Ānanda luận bàn về Chánh pháp suốt cả đêm còn lại. 226. Rồi Tôn giả Anuruddha nói với Tôn giả Ānanda: Hiền giả Ānanda, hãy

vào thành Kusinārā và nói với dân Mallā ở Kusinārā: “Này Vāsettha, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các ngươi nghĩ phải lAm.” -Tôn giả, xin vâng. Tôn giả Ānanda vâng lời Tôn giả Anuruddha, buổi sáng đắp y, đem theo y bát, cùng một thi giả vào thành Kusinārā.

302 KINH TRƯỜNG BỘ

LÚC bấy giờ, dân Mallā ở Kusinārā đang tụ họp tại giảng đường vì một vài công vụ. Tôn giả Ānanda đen tại giảng đường của dân Mallā ở Kusinārā; sau khi đến, liền nói với dân Mallā ở Kusinārā: "Này Vāsettha, Thế Tôn đã diệt độ, hãy làm những gì các ngươi nghĩ phải làm.^, Dân Mallā cùng với con trai, con gái và VỌT, khi nghe Tôn giả Ānanda nói như vậy liền đau đớn sầu muộn, tâm tư khổ nao. Kẻ thì khóc than với đầu bù tóc rối, kẻ thì khóc than với cánh tay duỗi cao, kẻ thì khóc than với thân bổ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm!^, 227. Rồi dân Mallā ở Kusinārā ra lệnh cho những người làm: “Các người hãy gom góp hương, tràng hoa và tất cả nhạc khí ở Kusinārā.^ Rồi dân Kusinārā đem theo hương, tràng hoa, tất cả nhạc khí và năm trăm cuộn vải đi đến upavattana, tại rừng Sa-la của dòng họ Mallā, đến tại chỗ thân Xá-lợi của Thế Tôn. Rồi họ ở lại cả ngày, tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường thân Xá-lợi của Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái bằng vải và tràng hoa Mandala. Rồi dân Mallā ở Kusinārā suy nghĩ: "H6m nay, nếu thiêu thân Xá-lợi của Thế Tôn thời quá sớm. Ngày mai, chúng ta sẽ làm lễ thiêu thân Xá-lợi của Thế T6n." Rồi dân Mallā ở Kusinārā, cả ngày thứ hai, tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường thân Xá-lợi của The Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương, làm những bảo cái băng vải và tràng hoa Mandala. Ngày thứ ba cũng như vậy. Ngày thứ tư cũng như vậy. Ngày thứ năm cũng như vậy. Ngày thứ sáu cũng như vậy. Đen ngày thứ bảy, dân Mallā ở Kusinārā suy nghi: "Chúng ta đã tôn trọng, cung kinh, đanh le, cung dường than Xá-lợi cua The Ton vơi các điệu mua, hát. nhạc, tràng hoa, hương, nay chúng ta hãy chở thân Xá-lợi của Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy." 228. Lúc bấy giờ, tám vị tộc trưởng Mallā gội đầu, mặc áo mới với ý định khiêng thân Xá-lợi của Như Lai nhưng khiêng không nổi. Các vi Mallā ở Kusinārā bạch Tôn giả Anuruddha: Bạch Tôn giả, do nhân gi, do duyên gì tám vi tộc trưởng Mallā này gội đầu, mặc áo mới với ý đinh khiêng thân Xá-lợi của Như Lai nhưng không khiêng nôi? Này Vāsettha, vì ý định của các ngươi khác, ý định của chư thiên khác.

Bạch Tôn giả, ý định của chư thiên là gì?

—Này các Vāsettha, ý định của các ngươi như sau: "Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đảnh lễ5 cúng dường thân Xá-lợi của Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương. Nay chúng ta hãy chở thân Xá-lợi của Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam và làm lễ thiêu thân tại chỗ ấy.” Này các Vāsettha, ý đinh của chư thiên như sau: "Chúng ta đã tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường thân Xá-lợi của Thế Tôn với các điệu múa, hát,

16. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN 303

nhạc, tràng hoa, hương của chư thiên, nay chúng ta hãy khiêng thân Xá-lợi của Thế Tôn về hướng Bắc đến cửa phía Bắc của thành. Sau khi khiêng qua cửa r er x * A J r phía Băc, hãy khiêng qua trung tâm của thành, roi hướng vê phía Đông, khiêng đến cửa phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, hãy khiêng đến phía Đông ngoài thành, tại đền của dân Mallā tên là Makuta Bandhana, và chúng ta sẽ thiêu thân Thế Tôn tại chỗ ấy." Bạch Tôn giả, ý đinh của chư thiên thê nào, ý định của chúng con cũng vậy. 229. Lúc ấy, khắp cả Kusinārā cho đến đống bụi5 đống rác, được rải la liệt lên đến đầu gối toàn hoa Mandârava. Roi chư thiên và các dân Mallā ở Kusinārā, sau khi đã tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường thân Xá-lợi của Thế Tôn với các điệu múa, hát, nhạc, tràng hoa, hương của chư thiên và loài nguôi, lin khiêng thân Xá-lợi của Thế Tôn về phía hướng Bắc đến cửa phía Bắc của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Bác. liên khiêng qua trung tâm của thành, roi hướng vê phía Đông, khiêng đên cửa phía Đông của thành. Sau khi khiêng qua cửa phía Đông, liền khiêng đến phía Đông ngoài thành, tại đền của dân Mallā tên là Makuta Bandhana, và đặt thân Xá-lợi của Thế Tôn tại chỗ ấy. 230. Rồi dân Mallā bạch Tôn giả Ānanda: —Bạch Tôn giả Ānanda, chúng con nay phải xử sự như thế nào đối với thân Xá-lợi của Như Lai? Này các Vāsettha, xử sự thân Chuyên Luân Thánh Vương như thê nào, hãy xử sự thân Xá-lợi của Như Lai như vậy. Bạch Tôn giả Ānanda, xử sự thân Chuyển Luân Thánh Vương phải như thế nào? -Này các Vāsettha, thân Chuyển Luân Thánh Vương được quấn tròn với vải mới. Sau khỉ quấn vải mới, lại được quấn thêm với vải gai bện. Sau khi quấn với vải gai bện, lại quấn thêm với vải mới và tiếp tục như vậy cho đến năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi thân được đặt trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín. Xong, một giàn hỏa gồm mọi loại hương được xây dựng lên, thân vị Chuyển Luân Thánh Vương được đem thiêu trên giàn hỏa này. Và tại ngã tư đường, tháp vi Chuyển Luân Thánh Vương này được xây dựng lên. Này các Vāsettha, đó là pháp táng thân của vị Chuyển Luân Thảnh Vương? Này các Vāsettha, pháp táng thân của vị Chuyên Luân Thánh Vương như thế nào, pháp táng thân của Thế Tôn cũng như vậy. Tháp của Như Lai phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đem đến tại chỗ ấy vòng hoa, hương, hay hương bột nhiều màu, đảnh lễ tháp hay khởi tâm hoan hỷ [khi đứng trước mặt tháp], thời những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc lâu dài. Và các người Mallā ở Kusinārā sai những người làm công: "Hãy đem lại tất cả vải gai bện của Mallā. Rồi những người Mallā ở Kusinārā quấn tròn thân Thế Tôn với vải mới. Sau khi quấn vải mới xong, lại quấn thêm với vải gai bện. Sau khi quấn với vải

gai bện, lại quân thêm với vải mới và tiêp tục như vậy cho đên năm trăm lớp cả hai loại vải. Rồi đặt thân Thế Tôn vào trong một hòm dầu bằng sắt, đậy hòm sắt này vào một hòm sắt khác, dựng lên một giàn hỏa gồm mọi loại hương và đặt than The Ton trên giàn noa. 231. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahākassapa đang đi giữa đường từ Pāvā đến Kusinārā với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Rồi Tôn giả Mahākassapa bước xuông D va đen ngoi D đương O tại • mọt• Dgóc cay. J f . . - < X x l J Lúc bây giờ, có một tà mạng ngoại đạo (ājīvako) lây một cành hoa Mandārava ở Kusinārā và đang đi trên một con đường đến Pāvā. Tôn giả Mahākassapa thấy tà mạng ngoại đạo đi từ đàng xa

đến. Thấy vậy, Tôn giả liền hỏi tà mạng ngoại đạo ấy: Này Hiền giả, Hiền giả có biết bậc Đạo sư chúng tôi không?

-Này Hiền giả, tôi có biết. Sa-môn Gotama đã diệt độ cách hôm nay một tuần. Từ chỗ ấy, tôi được cành hoa Mandārava này. Lúc ấy, những Tỷ-kheo chưa giải thoát tham ái, có vị thì khóc than với cánh tay duỗi cao, có vị thì khóc than với thân bổ nhoài dưới đất, lăn lộn qua lại: 'Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp Nhãn biến mất ở trên đời quá sớm!^, Còn những Tỷ-kheo đã diệt trừ tham ái, những vị này an trú chánh niệm, tỉnh giác, nhẫn nại suy tư: “cc hành là vô thường, làm sao tránh khỏi sự kiện ấy!” 232. Lúc bấy giờ, Subhadda, được xuất gia khi đã lớn tuổi, đang ngồi trong hội chúng này. Subhadda, được xuất gia khi đã lớn tuổi, nói với những Tỷ-kheo ấy: Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não5 chớ có khóc than! Chúng ta đã được thoát khỏi hoàn toàn vị Đại Sa-môn ấy, chúng ta đã bị phiền nhiễu, quấy rầy với những lời: “Làm như thê này không hợp với các ngươi. Làm như thế này hợp với các ngươi.^, Nay những gì chúng ta muốn, chúng ta làm; những gì chúng ta không muốn, chúng ta không làm. Tôn giả Mahâkassapa mới nói với các vị Tỷ-kheo: -Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than! Này các Hiền giả, phải chăng Thế Tôn đã tuyên bố ngay từ ban đầu rằng mọi vật ưu ái, thân tình đều phải bị sanh biệt, tử biệt và di biệt. Này các Hiền giả, làm sao có the được như vầy: "Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến djch." Thật không có sự trạng ấy. 233. Lúc bấy giờ, bốn vị tộc trưởng Mallā gội đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn nhưng châm lửa không cháy. Các vị Mallā ở Kusinārā bạch Tôn giả Anuruddha: —Bạch Tôn giả, do nhân gì5 do duyên gì bốn vị tộc trưởng Mallā này gội đầu, mặc áo mới với ý đinh châm lửa thiêu giàn hỏa Thế Tôn nhưng châm lửa không cháy?

—Này các Vāsettha, ý đinh của chư thiên khác. Bạch Tôn giả, ý định của chư thiên như thế nào?

Này các Vāsettha, ý định của chư thiên như sau: "Tôn giả Mahākassapa nay đang đi giữa đường giữa Pāvā và Kusinārā cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vi. Giàn hỏa Thế Tôn chỉ được đốt cháy khi Tôn giả Mahākassapa cúi đầu đảnh lễ Thế Ton?9 Bạch Tôn giả, ý định chư thiên như the nào, hãy làm y như vậy. 234. Rồi Tôn giả Mahākassapa đến tại đền Makuta Bandhana của những vị Mallā, tại giàn hỏa Thế Tôn; khi đên xong, liên choàng áo một bên vai. chắp tay, đi nhiễu qua phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lan5 cởi mở chân ra và cui đau đảnh le chan The Ton. Năm trăm vi Tỷ-kheo ấy choàng áo một ben vai, chắp tay, đi nhiễu qua phía tay phải xung quanh giàn hỏa ba lần và cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn. Và khi Tôn giả Mahākassapa và năm trăm vi Tỷ-kheo đảnh lễ xong, thời giàn hỏa Thế Tôn tự bắt lửa cháy. 235. Khi thân Thế Tôn đã cháy, từ da ngoài cho đến da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa các khớp xương thảy đêu cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương Xá-lợi còn lại. Như sanh tô hay dâu bị cháy, tát cả đêu cháy sạch, không có tro, không có than; cũng vậy, khi thân Thê Tôn cháy, từ da ngoài cho đên da mỏng, thịt, dây gân hay nước giữa khớp xương, tát cả đêu cháy sạch, không có tro, không có than, chỉ có xương Xá-lợi

còn lại. Và năm trăm lớp vải gai bện, cả hai: Lớp trong nhất và lớp ngoài nhất đều bị cháy thiêu. Khi thân Thế Tôn bị thiêu cháy xong, một dòng nước từ hư không chảy xuống tưới D,tắt giàn hỏa Thế Tôn. và •một dòng nước từ kho nướcL J [hay từ J cây Sa-la] phun lên tưới tắt giàn hỏa The Tôn, và các người Mallā ở Kusinārā dùng nước với mọi loại hương tưới tắt giàn hỏa Thê Tôn. Rồi các người Mallā xứ Kusinārā đặt Xá-lợi của Thế Tôn trong giảng đường, dùng cây thương làm hàng rào, dùng cây cung làm bức thành xung quanh và trong bảy ngày, tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, Cling dường với các điệu múa, hát, nhạc, vòng hoa, hương. 236. Vua nước Magadha tên là Ajātasattu Vedehiputta nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gởi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinārā: "Thế Tôn là người Sát-dế-ly, ta cũng là người Sát-đế-ly. Ta cũng xứng đáng được một phần Xá-lợi của Thế Tôn. Ta cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xắ-lợi của Thế T6n.” Những người Licchavī ở Vesālī nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gởi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinārā: "Thế Tôn là người Sát-dế-, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phân Xá-lợi của The Tôn. Chúng tôi cũng dựng tháp và to chức nghi lễ đoi với Xá-lợi của Thế Ton/9

Các người Sākya ở Kapilavatthu nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gởi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinārā: "Thế Tôn là người bà con tối tôn của chúng tôi. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần Xá-lợi của Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và to chức các nghi lễ đoi với Xá-lợi của Thế Ton?9 Những người Bull ở Allakappa nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gởi một sứ giả đen các người Mallā ở Kusinārā: "Thế Tôn là người Sát-đế-ly? chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một J>hần Xá-lợi của The Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ dơi với Xá-lợicủaThế Tôn/5 Những người Koliya ở Rāmagāma nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gởi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinārā: "Thế Tôn là người Sát- đế-ly, chúng tôi cũng là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần Xá-lợi của Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với Xá-lợi của Thế T6n." Bà-la-mon Vethadīpaka nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gởi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinārā: "Thế Ton là người Sát-đế-ly? tôi là người Bà-la-môn. Tôi cũng xứng đáng được một phần Xá-lợi của Thế Tôn. Tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với Xá-lợi của Thế T6n." Các người Mallā ở Pāvā nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gửi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinārā: “Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chúng tôi cũiiệ là người Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đáng được một phần Xá-lợi của The Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đoi với Xá-lợi của Thế Ton." Khi được nghe nói vậy, các người Mallā ở Kusinārā liền tuyên bố giữa đại chúng: Thế Tôn đã diệt độ tại làng vườn của chúng tôi, chúng tôi sẽ không cho phần Xá-lợi nào của Thể Ton. 237. Khi nghe vậy, Bà-la-môn Dona nói với họ: -Tôn giả, hãy nghe lời tôi nói! c Phật dạy chúng ta phải kham nhẫn, Thật không tốt nếu có tranh giành, Khi chia Xá-lợi bậc Thượng Nhân. Chúng ta hãy đoàn kết nhất tâm, Hoan hỷ chia Xá-lợi tám phần. Chúng ta hãy dựng tháp mọi phương, Đại chúng mười phương tin Pháp Nhãn... 238. Này Tôn giả Bà-la-môn, Ngài

hãy phân chia Xá-lợi ra tám phần đồng đều. Xin vâng, các Tôn giả.

16. KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN 307

Ba-la-mon Dona vâng lời hội chúng ấy, phân chia Xá-lợi của Thế Tôn thành tám phần đồng đều rồi thưa hội chúng: Các Tôn giả, hãy cho tôi cái bình dùng để đong chia Xá-lợi này. Tôi sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ cho cái bình. Và hội chúng ấy tặng Bà-la-môn Dona cái bình. Và người Moriyā ở Pipphalivana nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinārā, liền gởi một sứ giả đến các người Mallā ở Kusinārā: Thế Tôn là người Sát-đế-ly, chung tôi cũng là nguồi Sát-đế-ly. Chúng tôi cũng xứng đán^ được hưởng một phần Xá-lợi của Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và to chức các nghi lễ đối với Xá-lợi của Thế Tôn. Nay không còn phần Xá-lợi nào của Thế Tôn. Xá-lợi của Thế Tôn đã được phân chia, hãy lấy tro còn lại. Rồi các vị này lấy các than tro còn lại. 239. Và vua nước Magadha tên là Ajātasattu, con bà Videhi, xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Vương Xá và tổ chức lễ cúng dường. Những người Licchavī ở Vesāli cũng xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Vesālī và to chức le cúng dường. Những người Sãkya ở Kapilavatthu cũng xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Kapilavatthu và tô chức lê cúng dường. Những người Bull ỞAllakappa cũng xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Allakappa và tổ chức lễ cúng dường. Những người Koliya ở Rāmagāma cũng xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Rāmagāma và tổ chức lễ cúng dường. Bà-la-môn Vethadīpaka cũng xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Vethadīpa và tô chức lê cúng dường. Những người Mallā ở Pāvā cũng xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Pāvā và to chức lễ cúng dường. Những người Mallā ở Kusinārā cũng xây dựng tháp trên Xá-lợi của Thế Tôn tại Kusinārā và tổ chức lễ cúng dường. Bà-la-môn Dona cũng xây dựng tháp trên bình [dùng để đong chia Xá-lợi] và to chức lễ cúng dường. Những người Moriyā ở Pipphalivana cũng xây dựng tháp trên những than tro và tổ chức lễ cúng dường. Như vậy, có tám tháp Xá-lợi, tháp thứ chín trên bình [dùng để đong chia Xá-lợi] và tháp thứ mười trên tro [Xá-lợi]. Đó là truyên thông thời xưa như vậy. 240. Đấng Pháp Nhãn Vô Thượng, Xá-lợi phân tám phần, Bảy phần được cúng dường,

308 KINH TRƯỜNG BÔ _____

Tại Jambudīpa.
Một phần Long vương cúng,
Tại Rāmagāma.
Một răng Phật được cúng,
Cho chư thiên ba cõi,
Một tại Gandhāra,
Một tại Kāliñga.
Một răng cho Long vương,
Tự mình riêng cúng dường.
Quả đất được chói sáng,
Với hào quang Xá-lợi5

Với lễ vật cúng dường,
9 9
Hạng thượng phàm, thượng đăng.
Xá-lợi đấng Pháp Nhãn,
Như vậy được cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng,
Cung kính lễ cúng dường,
Bởi thiên, long, nhơn chủ,
Bởi bậc Tối Thượng Nhơn.
Các ngươi hãy chăp tay,
Cung kính lễ cúng dường.
Khó thay sự chiêm ngưỡng!
Tôn nhan bậc Như Lai,
Trải nhiều nhiều trăm kiếp,
May lắm được một lần.
17. KINH ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG (Mahãsudassana Suttdý

Tụng phẩm I 241. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú ngụ tại upavattana (Hồ-bạt-đan) ở Kusinãrã (Câu- thi-la), trong rừng Sa-la của dòng họ Mallă? giữa hai cây Sa-la (Sa-la song thọ)5 khi Ngài sắp nhập Niết-bàn. Lúc ấy, Tôn giả Ãnanda đến tại chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Ngài, ngồi xuống một bên. Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tồn: 5 Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị nhỏ bé này5 tại đô thị hoang vu này, tại đô thị phụ thuộc này! Bạch Thế T6n, có những đô thị khác to lớn hơn như Campã (Chiêm-bà), Rajagaha (Vương Xá), Sãvatthi (Xá-vệ), Sãketa (Sa-kỳ)5 Kosambĩ (Kiều-thưởng-di)5 Bãrãnasĩ (Ba-la-nại)? Thế Tôn hãy diệt độ tại những chỗ ấy. Tại những chỗ ấy có đại chúng Sát-đế-ly5 có đại chúng Bà-la-môn, có đại chúng gia chủ tin tưởng Như Lai, các vị này sẽ kính lễ thân Xá-lợi của Như Lai. 242. - Này Ãnanda, chớ có nói như vậy! Này Ãnanda, chớ có nói đô thị này nhỏ bé, đô thị này hoang vu, đô thị này phụ thuộc! Này Ãnanda, thuở xưa có vị vua tên là Mahãsudassana (Đại Thiện Kiến). Vị này là Chuyển Luân Vương trị vì như pháp, là vị Pháp vương, thống lãnh thiên hạ bốn phương, chinh phục hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Này Ananda, đô thị Kusinãrã này là kinh đô của Vua Đại Thiện Kiến tên là Kusãvatĩ (Câu-xá-bà-đề)? phía Đông và phía Tây rộng đến mười hai do-tuần9 phía Bắc và phía Nam rộng đến mười bảy do-tuần. Này Ãnanda, kinh đô Kusãvatĩ này rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc5 dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú. Này Ãnanda, cũng như kinh đô ĂỊakamandã của chư thiên rất phôn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc5 thiên chúng sung mãn, thực phẩm phong phú; cũng vậy? này Ãnanda, kinh đô Kusãvatĩ này cũng rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn9 thực phẩm phong phú. Này Ananda, kinh đô Kusãvatĩ này ngày đêm vang dậy mười loại tiêng, tức là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trống lớn, tiếng

1 Xem D. II. 72; s. 1.11? 340£ II. 190; III. 143; Thag. 1146; J. 1.392. Kinh tương đượng trong bộ TrườngA-hàm kỉnh ừDu hành kinh (r.01. 0001.02. 0Qlla07). Tham chiếu: Đại Thỉện Kiến Vương kinh (roi. 0026.68.0515bÕ3); Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu BỘTỳ-nại-ấa tạp sự (7.24. 1451.37. 0393a01); Phật Bắt-nê-họàn kỉnh (T.01. 0005. 0160b05); Bắt-nê-hoàn kỉnh (r.01. 0006. 0176a02); Đại Bắt-nỉết-bàn kỉnh (7.01. 0007. 019lb02).

trống nhỏ5 tiếng tỳ-bà, tiếng hát, tiếng tù và, tiếng xập xỏa5 và tiếng thứ mười là lời kêu gọi: "Hãy lấy thức ăn di, hãy uống đi5 hãy ăn di!" Này Ãnanda, kinh đô Kusãvatĩ có bảy bức thành bao bọc5 một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh5 một loại bằng san hô, một loại bằng xà cừ, một loại bằng mọi thứ báu. Này Ãnanda, kinh đô Kusãvatĩ có bốn loại cửa, một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Tại mỗi cửa, có dựng bảy cột trụ, bề cao khoảng ba hay bốn lần thân người. Một cột trụ bằng vàng, một cột trụ bằng bạc, một cột trụ bằng lưu ly, một cột trụ bằng thủy tinh, một cột trụ bằng san hô9 một cột trụ bằng xà cừ, một cột trụ bằng mọi thứ báu. Này Ãnanda, kinh đô Kusãvatĩ có bảy hàng cây Sa-la bao bọc5 một hàng bằng vàng, một hàng bằng bạc, một hàng bằng lưu ly, một hàng bằng thủy tinh, một hàng bằng san h6, một hàng bằng xà cừ, một hàng bằĩiệ mọi thứ báu. Cây Sa-la băng vàng, có thân cây băng vàng, có lá và trái cây băng bạc. Cây Sa-la bằng bạc, có thân cây bằng bạc, có lá và trái cây băng vàng. Cây Sa-la băng lưu ly, có thân cây bằn^ lưu ly, có lá và trái cây bằng thủy tinh. Cây Sa-la bàng thủy tinh, có thân cây băng thủy tinh, có lá và trái cây băng lưu ly. Cây Sa-la bằng san hô, có thân cây bằng san hô, có lá và trái cây bằng xà cừ. Cây Sa-la bằng xà cừ, có thân cây bang xà cừ, có lá và trái cây bằng san hô. Cây Sa-la bằng mọi loại báu, có thân cây bằng mọi loại báu, có lá và trái cây bằng mọi loại báu. Này Ãnanda, khi những hàng cây Sa-la này được gió rung chuyển, một âm thanh vi diệu? khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Cũng như năm loại nhạc khí5 khi được một nhạc sĩ thiện xảo tấu nhạc, phát ra một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly; cũng vậy, này Ãnanda, khi những hàng cây Sa-la này được gió rung chuyển, một âm thanh vi diệu, khả ái5 đẹp ý, mê ly khởi lên. Này Ãnanda, lúc bấy giờ, nếu ở tại kinh đô Kusãvatĩ có những kẻ cờ bạc, rượu chè, họ sẽ nhảy múa theo những âm điệu của những hàng cây Sa-la này khi được gió thổi. 243. Này Ãnanda, Vua Đại Thiện Kiến có đủ bảy món báu và bốn như ý đức. Thế nào là bảy? Này Ananda, Vua Đại Thiện Kiên, vào ngày Bô-tát trăng răm, sau khi tăm rửa5 lên cao điện để trai giới, thời thiên luân báu hiện ra đủ một ngàn căm xe, với vành xe, trục xe, đủ mọi bộ phận. Thấy vậy, Vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ: "Ta nghe như vầy: 'Khi một vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh9 vào ngày Bố-tát trăng rằm, sau khi tắm rửa, lên cao điện trai giới? nếu có thiên luân báu hiện ra, đủ một ngàn căm xe với vành xe và trục xe, đầy đủ mọi bộ phận, thời vị vua ấy là Chuyển Luân Vương. Như vậy ta có thể là Chuyển Luân Vương.'“ 244. Này Ananda, rồi Vua Đại Thiện Kiến từ chỗ ngồi đứng dậy? đắp thượng y trên một vai, tay trái cầm bình nước bằng vàng, tay phải rưới nước trên bánh bánh xe báu và nói: tcNày bánh xe báu, hãy lăn khắp; này bánh xe báu, hãy chinh phuc!" Và này Aĩianda, bánh xe báu lăn về hướng Đông và Vua Đại Thiện Kiến

cùng với bốn loại binh chủng đi theo sau. Và này Ãnanda, chỗ

nào bánh xe báu dừng lại, chỗ ấy Vua Đại Thiện Kiến an trú cùng với bốn loại binh chủng. Này Ananda, các địch vtrơng ở phương Đông đến yết kiến Vua Đại Thiện Kiến và nói: "Hãy đến đây, Đại vương! Hoan nghênh, đón mừng Đại vương! Tâu Đại vương, tất cả đều thuộc của Ngài. Đại vương hãy giáo huấn cho chúng toi!59 Vua Đại Thiện Kiến nói rằng: uKhông được sát sanh. Không được lấy của không cho. Không được tà dâm. Không được nói láo. Không được uống rượu. Hãy uống cho thích nghi r Này Ãnanda, tất cả địch vương ở phương Đông đều trở thành chư hầu của Vua Đại Thiện Kiến. Này Ãnanda, rồi bánh xe báu lăn xuống biển lớn ở phương Đônẹ rồi nổi lên và lăn vê phương Nam... lặn xuông biên lớn ở phương Nam rồi nôi lên và lăn về phương Tây... lặn xuống biển lớn ở phương Tây rồi nổi lên và lăn về phương Bắc, và Vua Đại Thiện Kiến cùng với bốn loại binh chủng đi theo sau. Này Ãnanda, chỗ nào bánh xe báu dừng lại, chỗ ấy Vua Đại Thiện Kiến an trú cùng với bôn loại binh chủng. Này Ãnanda, các địch vương ở phương Bắc đến yết kiến Vua Đại Thiện Kiến và nói: “Hãy đến dây, Đại vương! Hoan nghênh, đón mừng Đại vương! Tâu Đại vương, tât cả thuộc của Ngài. Đại vương hãy giáo huấn cho chúng tôi!99 Vua Đại Thiện Kiến nói rằng: "Không được sát sanh. Không được lấy của không cho. Không được tà dâm. Không được nói láo. Không được uống rượu. Hãy an uống cho thích nghi! ” Này Ananda, tât cả địch vương ở phương Băc đêu trở thành chư hâu của Vua Đại Thiện Kiến. " ~ 245. Này Ãnanda, bánh xe báu ấy, sau khi chinh phục trái đất cho đến hải biên, liền trở về kinh đô Kusãvatĩ và đứng trước pháp đình trên cửa nội cung, như một trang bảo cho nội cung của Vua Đại Thiện Kiến.” Này Ãnanda, như vậy là sự xuất hiện bánh xe báu của Vua Đại Thiện Kiến. 246. Lại nữa, này Ananda, voi báu xuất hiện cho Vua Đại Thiện Kiến, thuần trắng, bảy xứ kiên cường, có thần lực, phi hành trên hư không và tên là uposatha (Bố-tát). Thấy voi báu, Vua Đại Thiện Kiến sanh tâm hoan hỷ và nghĩ: "Lành thay được cưỡi con voi này nếu nó chịu sự điều ngự!” Và này Ãnanda, như một con hiền tượng quý phái chịu sự điều ngự lâu ngày, con voi báu ấy tự đến để chịu sự điều ngự. Này Ananda, thuở xưa, Vua Đại Thiện Kiến để thử voi báu này? sáng sớm cưỡi voi đi khắp quả đất cho đến hải biên rồi về lại kinh đô Kusãvatĩ kịp giờ ăn sáng. Này Ãnanda, như vậy là sự xuất hiện voi báu của Vua Đại Thiện Kiến. 247. Lại nữa? này Ananda, ngựa báu xuất hiện cho Vua Đại Thiện Kiến, thuần trắng, đầu đen như quạ, bờm ngựa như bông cỏ munja, có thần lực, phi

hành trên hư không và được gọi là mã vương Valâhaka. Thấy ngựa báu, Vua Đại Thiện Kiến sanh tâm hoan hỷ và nghĩ: "Tốt đẹp thay được cưỡi con ngựa này nếu nó chịu sự điều ngự!,, Và này Ananda, như một con hiền mã quý phái chịu sự điều ngự lâu ngày, con ngựa báu ấy tự đến để chịu sự điều ngự. Này Ãnanda, thuở xưa, Vua Đại Thiện Kiên đê thử ngựa báu này, sáng sớm cưỡi ngựa đi khắp quả đất cho đến hải biên rồi về lại kinh đô Kusãvatĩ kịp giờ ăn sáng. Này Ananda, như vậy là sự xuất hiện ngựa báu của Vua Đại Thiện Kiến. 248. Lại nữa, này Ãnanda, châu báu lại xuất hiện cho Vua Đại

Thiện Kiến. Châu báu ấy là lưu ly châu, sáng suốt, thuần chất, có tám mặt, khéo giũa, khéo mài, trong suốt, không tỳ vết, hoàn hảo mọi phương diện. Này Ãnanda, hào quang châu báu này chiêu sáng cùng khăp một do-tuân. Này Ananda, thuở xưa, Vua Đại Thiện Kiến, để thử châu báu này, đã cho dàn bày bốn binh chủng, đặt bảo châu cao trên quân kỳ và có thể tiễn quân trong đêm tối âm u. Này Ananda, mọi người trong làng ở xung quanh đều bắt đầu làm việc5 tưởng rằng trời đã sáng rồi. Này Ãnanda, như vậy là sự xuất hiện châu báu của Vua Đại Thiện Kiến. 249. Này Ãnanda, nữ báu lại xuất hiện cho Vua Đại Thiện Kiến, mỹ miều, khả ái, cử chỉ đoan trang, màu da tuyệt mỹ5 không quá cao, không quá thấp, không béo5 không gây, không quá đen5 không quá trăng, vượt trên dung săc loài người, sánh đên dung săc chư thiên. Này Ananda, thân xúc nữ báu này êm mịn như bông, như nhung. Này Ãnanda, khi trời lạnh, chân tay nữ báu này trở thành ấm áp; khi trời nóng, trở thành lạnh mát. Này Ãnanda, thân nữ báu tỏa mùi thơm Chiên-đàn5 miệng tỏa mùi thơm hoa sen. Này Ãnanda, nữ báu này dậy trước và đi ngủ sạụ Vua Đại Thiện Kiến, mọi hành động làm vua thỏa thích, yên lành khả ái. Này Ananda, nữ báu này không có một tư tưởng nào bất tín đối với Vua Đại Thiện Kiến, huống nữa là về thân thể. Này Ananda, như vậy là sự xuất hiện nữ báu của Vua Đại Thiện Kiến. 250. Lại nữa, này Ảnanda, gia chủ báu xuất hiện cho Vua Đại Thiện Kiến, chứng được Thiên nhãn, do nghiệp dị thục sanh, và nhờ Thiên nhãn này, có thể thấy châu báu chôn cất có chủ hay không có chủ. Gia chủ báu này đến Vua Đại Thiện Kiến và nói: "Tâu Đại vương, Đại vương chớ có lo âu, thần sẽ xử lý thích nghi tài sản Đại vương." Này Ãnanda, thuở xua, Vua Đại Thiện Kiến muốn thử gia chủ báu này5 liền cưỡi thuyền, chèo ra giữa sông Hằng và bảo gia chủ báu: "Này gia chủ5 ta cần vàng.,, "Tâu Đại vương, Đại vương hãy cho chèo thuyên gân bờ nào cũng duqc.” "Này gia chủ, ta cần vàng ngay tại day?9 Này Ãnanda, khi ấy gia chủ báu thọc hai tay xuống nước, nhấc lên một ghè đầy cả vàng ròng rồi tâu với Vua Đại Thiện Kiến: "Tâu Đại vương, như vậy đã đủ chưa? Tâu Đại vương, làm như vậy đã được chưa? Tâu Đại vương, cúng dường như vậy đã được chua?"

17. KINH ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG 313

Vua Đại Thiện Kiến trả lời: "Này gia chủ, như vậy là đủ. Này gia chủ5 làm như vậy là được rồi. Này gia chủ, cúng dường như vậy là được r8i." Này Ananda, như vậy là sự xuất hiện gia chủ báu của Vua Đại Thiện Kiên. 251. Lại nữa9 này Ãnanda, tướng quân báu xuất hiện cho Vua Đại Thiện Kiến, có học thức, thông minh5 sáng suốt, có khả năng khuyến cáo Vua Đại Thiện Kiến khi đáng tiến thì tiến, khi đáng lui thì lui, khi đáng dừng thì dừng lại. Vị này đến tâu Vua Đại Thiện Kiến: “Tâu Đại vương, Đại vương chớ có âu lo, thần sẽ cố vấn Đại vương." Này Ananda, như vậy là sự xuất hiện tướng quân báu của Vua Đại Thiện Kiên. Này Ananda, Vua Đại Thiện Kiên có đây đủ bảy báu như vậy. 252. Lại nữa, này Ananda, Vua Đại Thiện Kiến có đầy đủ Bốn như ý đức. Thế nao là bốn? Này Ananda, Vua Đại Thiện Kiến đẹp trai, khả ái, cử chỉ thanh lịch, sắc diện tuyệt luân, vượt trội hơn mọi người. Này Ãnanda, đó là như ý đức thứ nhất cua Vua Đại Thiện Kiến. Này Ãnanda, lại nữa, Vua Đại Thiện Kiến sống lâu, tuổi thọ thắng xa các người khác. Này Ãnanda, đó là như ý đức thứ hai của Vua Đại Thiện Kiến. Lại nữa, này Ãnanda, vua Đại Thiện Kiến ít bệnh tật9 ít dau, thể nhiệt không quá lạnh,

không quá nóng, được quân phân để điều hòa sự tiêu hóa, thắng xa các người khác. Này Ananda, đó là như ý đức thứ ba của vua Đại Thiện Kiến. Lại nữa, này Ãnanda, Vua Đại Thiện Kiến được các vị Bà-la-môn và gia chủ ái kính và yêu mến. Này Ananda, như người cha được các người con ái kính và yêu mến; cũng vậy? này Ãnanda, Vua Đại Thiện Kiến được các vị Bà- la-môn và gia chủ ái kính và yêu mến. Này Ananda, các vị Bà-la-môn và gia chủ được Vua Đại Thiện Kiến ái kính và yêu mến. Này Ãnanda, như những người con được người cha ái kính và yêu mến; cũng vậy, này Ãnanda, các vị Bà-la-môn và gia chủ được Vua Đại Thiện Kiến ái kính và yêu mến. Thuở xưa5 này Ananda, Vua Đại Thiện Kiến đi đến hoa viên cùng với bốn loại binh chủng. Này Ãnanda, các vị Bà-la-môn và gia chủ đến Vua Đại Thiện Kiến và tâu rằng: “Tâu Đại vương, hãy cho đi chậm chậm để chúng tôi có thể chiêm ngưỡng lâu dài hơn." Này Ãnanda, nhưng Vua Đại Thiện Kiến lại ra lệnh cho người đánh xe: "Này anh đánh xe5 hãy đánh xe chậm chậm để ta có thể thấy các vị Bà-la- môn và gia chủ lâu dài hơn.,^ Này Ãnanda, như vậy là như ý đức thứ tư của Vua Đại Thiện Kiến. Này Ảnanda, Vua Đại Thiện Kiến có đầy đủ Bốn như ý đức ấy. Này Ananda, đó là Bốn như ý đức của Vua Đại Thiện Kiến. 253. Và này Ananda, Vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ: "Nay ta hãy cho xây những hồ sen giữa các hàng cây Sa-la, cứ cách khoảng một trăm cung tầm/5 Này Ananda, Vua Đại Thiện Kiên cho xây các hô sen giữa các hàng cây Sa-la, cứ cách khoảng một trăm cung tầm. Này Ãnanda, những hồ sen ấy được lát bằng bốn loại gạch: Một loại bằng vàng5 một loại bằng bạc, một loại bằng

lira ly, một loại bằng thủy tinh. Này Ãnanda, trong bốn loại hồ sen ấy có bốn loại tam cấp: Một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lira ly, một loại bằng thủy tinh. Tam cấp bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. Tam cập băng bạc có cột trụ băng bạc, có chăn ngang và đầu trụ bằng vàng. Tam cấp bằng lưu ly có cột trụ bằng lưu ly, có chắn ngang và đầu trụ bằng thủy tinh. Tam cấp bằng thủy tinh có cột tru bằng thủy tinh, có chắn ngang và đầu trụ bằng lưu ly. Này Ãnanda, những hồ sen ây được hai hàng lan can bao bọc: Một hàng bằng vàng, một hàn^g bằng bạc. Hàng lan can bằng vàng có cột trụ bằn^ vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. Hàng lan can bằng bạc có cột trụ băng bạc, có chăn ngang và đâu trụ băng vàng. Và này Ãnanda, Vua Đại Thiện Kiến lại suy nghĩ: "Trong những hồ sen này, ta sẽ cho đem trồng các loại sen xanh, sen hồnẹ? sen vàng, sen trắng khắp bốn mùa để những ai muốn làm tràng hoa có thể lấy dung?9 Và này Ananda, Vua Đại Thiện Kiên cho đem trồng các loại sen xanh, sen hông, sen vàng, sen trắng khắp bốn mùa để làm những tràng hoa bằng các thứ bông ấy. 254. Này Ãnanda, Vua Đại Thiện Kiến lại suy nghĩ: "Trên bờ những hồ sen này, ta sẽ cho đặt những người hầu tắm để tắm cho những người qua kẻ lại.” Và này Ãnanda, Vua Đại Thiện Kiến cho đặt những người hầu tắm trên bờ những hồ sen này để tắm cho những người qua kẻ lại. Này Ãnanda, Vua Đại Thiện Kiến lại suy nghĩ: "Trên bờ những hồ sen này, ta sẽ cho đặt những vật bố thí: Đồ ăn cho những ai đói, đồ uống cho những ai khát, áo quần cho những ai cần áo quần, xe cộ cho những ai cần xe, đồ nằm cho những ai cần nằm, vợ cho những ai cần vợ, bạc cho những ai cần bạc và vànệ cho những ai cần vàng." Này Ãnanda, Vua Đại Thiện

Kiến, trên bờ những hồ sen ấy, cho đặt những vật bố thí: Đồ ăn cho những ai đói9 đồ uống cho những ai khát, áo quần cho những ai cần áo quần, xe cộ cho những ai cần xe, đồ nằm cho những ai cần nằm, vợ cho những ai cần vợ5 bạc cho những ai cần bạc và vàng cho những ai cần vàng. 255. Này Ãnanda, các gia chủ Bà-la-môn đem theo nhiều tiền bạc đến Vua Đại Thiện Kiến và tâu vua: “Tâu Đại vương, chúng tôi có đem nhiêu tiên của đê Đại vương dùng. Mong Đại vương hãy thâu nhận]ấy.“ 66Đủ rồi? này các khanh! Ta có nhiều tiền bạc do đánh thuế đúng pháp đem lại. Hãy giữ tiền bạc của khanh lại và đem theo nhiều nữa cho các khanh." Các vị này khi bị vua từ chôi, liên đứng qua một bên và suy nghĩ: "Nêu nay chúng ta đem tiền của này về nhà chúng ta thời thật không phải. Chúng ta hãy xây dimg nhà cửa cho vũa Đại Thiện Klến.„ J Các vị ấy liền đến Vua Đại Thiện Kiến và tâu: "Đại vương, chúng tôi định xây dựng nhà cửa cho Đại vương." Này Ãnanda, Vua Đại Thiện Kiến im lặng nhận lời.

17. KINH ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG 315

256. Này Ãnanda, Thiên chủ Sakka, bằng tư tưởng của mình, biết được tư tưởng của Vua Đại Thiện Kiến, liền gọi thiên tử Vissakamma (Tỳ-thủ-yết-ma) và nói: “Này Vissakamma, hãy đến đây và xây dựng một lâu đài cho Vua Đại Thiện Kiến, đạt tên là Dhamma(Ph)” “Xin vâng, Tôn gi” Này Ananda, thiên tử Vissakamma vâng lời Thiên chủ Sakka, như người lực sĩ duỗi ra cánh tay đang co, hay co lại cánh tay duỗi ra, thiên tử Vissakamma biến mất từ chư thiên ở Tãvatiĩnsa và hiện ra trước mặt Vua Đại Thiện Kiến. Rồi này Ananda, thiên tử Vissakamma tâu với Vua Đại Thiện Kiến: Đại vương, tôi sẽ xây dựng một lâu đài tên là Dhamma cho Đại vương. Này Ãnanda, Vua Đại Thiện Kiến im lặng nhận lời. Và này Ãnanda, thiên tử Vissakamma xây dựng lâu đài tên là Dhamma cho Vua Đại Thiện Kiến. Này Ãnanda, lâu đài Dhamma này, về hướnệ Đông và hướng Tây bề dài đên một do-tuân? vê hướng Bắc và hướng Nam bê rộng đến nửa do-tuần. Này Ananda, nên nhà của lâu đài Dhamma cao cho đên ba thân người và làm bằng bốn loại gạch: Một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Này Ãnanda, lâu đài Dhamma có đến tám vạn bốn ngàn cột trụ bằng bốn loại: Một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Này Ãnanda, lâu đài Dhamma có đến bốn loại sàng tọa: Một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Này Ãnanda, lâu đài Dhamma có hai mươi bốn tam cấp bằng bốn loại: Một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Tam cấp bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. Tam cấp bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chắn ngang và đầu trụ bằng vàng. Tam cấp bằng lưu ly có cột trụ bằng lưu ly, có chắn ngang và đầu trụ bằng thủy tinh. Tam cấp bằng thủy tinh có cột trụ bằng thủy tinh, có chắn ngang và đầu trụ bằng lưu ly. Này Ananda, lâu đài Dhamma có tám vạn bôn ngàn phòng ôc có tháp nhọn bằng bốn loại: Một loại bằng vàng, một loại bằng bạc5 một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Trong phòng ốc bằng vàng có chỗ nằm bằng bạc được phủ ra. Trong phòng ốc bằng bạc có chỗ nằm bằng vàng được phủ ra. Trong phòng ốc bằng lưu lỵ có chỗ nằm bằng ngà được phủ ra. Trong phòng ốc bằng thủy tinh có chỗ năm bằng gỗ hương được phủ ra. Tại cửa phòng ốc bằng vàng, có dựng lên một cây Sa-la bằng bạc, với thân cây bằng bạc, với lá và trái cây bằng vàng.

Tại cửa phòng ốc bằng bạc, có dựng lên một cây Sa-la bằng vàng, với thân cây bằng vàng, với lá và trái cây bằng bạc. Tại cửa phòng ốc bằng lim ly, có dựng lên một cây Sa-la bằng thủy tinh, với thân cây bằng thủy tinh, với lá và

trái cây bằng lưu ly. Tại cửa phòng ốc bằng thủy tinh, có dựng lên một cây Sa-la bằng lưu ly, với thân cây bằng lưu ly, với lá và trái cây bằng thủy tinh. 257. Này Ãnanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến lại suy nghĩ: uTrước cửa phòng lầu Đại Trang Nghiêm, ta hãy cho dựng lên một rừng cây Sa-la toàn bằng vàng, và tại đây ta sẽ an tọa ban ngày.” Này Ãnanda, Vua Đại Thiện Kiến trước cửa phòng lầu Đại Trang Nghiêm, cho dựng lên một rừng cây Sa-la toàn bằng vàng và tại đây, vua an tọa ban ngày. 258. Này Ãnanda, lâu đài Dhamma được hai dãy lan can bao bọc, một dãy bằng vàng, một dãy bằng bạc. Lan can bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. Lan can bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chắn ngang và đầu trụ bằng vàng. Này Ãnanda, lâu đài Dhamma có hai màn lưới chuông linh, một màn bằng vàng, một màn bằng bạc. Màn lưới bằng vàng có chuông linh bằng bạc, màn lưới bằng bạc có chuông linh bằng vàng. Này Ãnanda, khi những màn lưới chuông linh này được gió rung chuyển, thời một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp y, mê ly khởi lên. Cũng như năm loại nhạc khí khi được một nhạc sĩ thiện xảo tấu nhạc, phát ra một âm thanh vi diệu, khả ái5 đẹp ý, mê ly; cũng vậy5 này Ãnanda, khi những màn lưới chuông linh này được gió rung chuyển, thời một âm thanh vi diệu? khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Này Ãnanda, lúc bấy giờ5 nếu tại kinh đô Kusãvatĩ có những kẻ cờ bạc, rượu chè9 chúng sẽ nhảy múa theo âm điệu của những màn lưới chuông linh này khi được gió thổi. Này Ananda, lâu đài Dhamma khi xây xong thật khó mà nhìn xem, hai mắt bị chói lòa [vì quá nguy nga tráng lệ]. Này Ãnanda, như trong tháng cuối mùa mưa, vào mùa thu, khi bầu trời quang đãng5 không bị mây che lấp, mặt trời mọc lên giữa hư không, khó mà nhìn xem, hai mắt bị chói lòa. Cũng vậy, này Ananda, thật khó mà nhìn xem, hai mắt bị chói lòa khi lâu đài Dhamma xây xong. 259. Này Ãnanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến lại suy nghĩ: "Trước mặt lâu đài Dhamma, ta hãy cho xây hồ sen tên gọi là Dhamma." Và này Ãnanda, Vua Đại Thiện Kiến cho xây một hồ sen tên là Dhamma trước mặt lâu đài Dhamma. Này Ananda, hồ sen Dhamma, về hướng Đông và hướng Tây bề dài đến một do-tuần? và về hướng Bắc và hướng Nam bề rộng đến nửa do-tuần. Này Ananda, hồ sen Dhamma có bốn loại gạch: Một loại băng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Này Ananda, hồ sen Dhamma có hai mươi bốn tam cấp băng bốn loại, một loại bằng vàng, một loại bằng bạc, một loại bằng lưu ly, một loại bằng thủy tinh. Tam cấp bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. Tam cấp bằng bạc có cột trụ bằng bạc9 có chắn ngang và đầu trụ bằng vàng. Tam cấp bằng lưu ly có cột trụ bằng hru ly, có chắn ngang và đầu trụ bằng thủy tinh.

Tam cấp bằng thủy tinh có cột trụ bằng thủy tinh, có chắn ngang và đầu trụ bằng lưu ly. Này Ãnanda, hồ sen Dhamma có hai loại lan can bao bọc? một loại bằng vàng, một loại bằng bạc. Lan can bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng

bạc. Lan can bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chắn ngang và đầu trụ bằng vàng. Này Ãnanda, hồ sen Dhamma có bảy hàng cây Sa-la bao bọc5 một hàng cây bằng vàng, một hàng cây bằng bạc, một hàng cây bằng lưu ly, một hàng cây bằng thủy tinh, một hàng cây bằng san hô, một hàng cây bằng xà cừ, một hàng cây bằng mọi thứ báu. Cây Sa-la bằng vàng có thân cây bằng vàng, có lá và trái cây bằng bạc. Cây Sa-la bằng bạc có thân cây bằng bạc, có lá và trái cây bằng vàng. Cây Sa-la bằng lưu ly có thân cây bằng lưu ly, có lá và trái cây bằng thủy tinh. Cây Sa-la bằnệ thủy tinh có thân cây bằng thủy tinh5 có lá và trái cây bằng liru ly. Cây Sa-la băng san hô có thân cây băng san hô, có lá và trái cây bằng xà cừ. Cây Sa-la bằng xà cừ có thân cây bằng xà cừ, có lá và trái cây bằng san hô. Cây Sa-la bằng mọi thứ báu có thân cây bằng mọi thứ báu, có lá và trái cây bằng mọi thứ báu. Này Ãnanda, khi những hàng cây Sa-la này được gió rung chuyển, thời một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp y, mê ly khởi lên. Cũng như năm loại nhạc khí khi được một nhạc sĩ thiện xảo tâu nhạc, phát ra một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý9 mê ly; cũng vậy5 này Ãnanda, khi những hàng cây Sa-la này được gió rung chuyển thời một âm thanh vi diệu5 khả ái, đẹp ý9 mê ly khởi lên. Này Ãnanda, lúc bấy giờ, nếu ở kinh đô Kusãvatĩ có những kẻ cờ bạc, rượu chè5 chúng sẽ nhảy múa theo âm điệu của những hàng cây này khi được gió thổi. Này Ãnanda, khi lâu đài Dhamma và hồ sen Dhamma được xây xong, lúc bấy giờ? Vua Đại Thiện Kiến cúng dường cho các vị Sa-môn được tôn kính và các vị Bà-la-môn được tôn kính mọi nhu cầu cần thiết. Rồi vua lên lâu đài Dhamma. Tụng phẩm II 260. Này Ãnanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ: "Quả này của ta do nghiệp gì, bảo này của ta là do nghiệp gì mà hiện tại ta có thần lực như vậy5 có oai lực như vay?" Này Ãnanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ: "Quả này là do ba loại nệhiệp, báo này là do ba loại nghiệp mà hiện tại ta có thần lực như vậy. Đó là bo thí, tự điều, tự chế." Này Ãnanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến đi đến cao đường Đại Trang Nghiêm, đứng trước cửa và nói lớn tiếng cao hứng ngữ sau đây: Hãy dừng lại, tư tưởng dục vọng! Hãy dừng lại, tư tưởng sân hận! Hãy dừng lại, tư tưởng não hại! Đến đây thôi, tư tưởng dục vọng!

Đen đây thôi, tư tưởng sân hận! Đến đây thôi, tư tưởng não hại! 261. Này Ảnanda, Vua Đại Thiện Kiến bước vào cao đường Đại Trang Nghiêm, ngồi trên sàng tọa bằng vàng, ly dục, ly ác pháp, chứng và an trú trong Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ; rồi diệt tầm và tứ, chứng và an trú trong Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm; rồi ly hỷ trú xả? chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú vào Thiền thứ ba; rồi xả lạc xả khổ? diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và an trú vào Thiền thứ tu, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. 262. Này Ãnanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến ra khỏi cao đường Đại Trang Nẹhiêm, bước vào cao đường bằng vàng, ngồi trên sàng tọa bằng bạc, an trú, biên mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận? không sân. ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu

hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ5 cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng dại, vô biên, không hận? không sân. 263. Này Ãnanda, Vua Đại Thiện Kiến có tám vạn bốn ngàn kinh thành, và kinh thành Kusãvatĩ (Câu-xá-bà-đề) là đệ nhất. Tám vạn bốn ngàn lâu đài, và lâu đài Dhamma là đệ nhất. Tám vạn bốn ngàn cao đường, và cao đường Đại Trang Nghiêm là đệ nhất. Tám vạn bốn ngàn sàng tọa bằng vàng, bằng bạc, bằng ngà, bằng gỗ hương, được trải với những tấm thảm lông dài, với vải có thêu bông hoa, và với những tấm da thù thắng của con sơn dương, được che bởi những tán che cao và hai đầu có gối màu đỏ. Tám vạn bốn ngàn con voi với những trang sức bằng vàng, được che chở bằng lưới vàng, và tượng vương Ưposatha là đệ nhất. Tám vạn bôn ngàn con ngựa, với những trang sức băng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới vàng, và mã vương Valãhaka (Vân mã vương) là đệ nhât. Tám vạn bôn ngàn cô xe với những tâm thảm băng da sư tử, băng da cọp, bằng da báo, bằng vải vàng, với những trang sức bằng vàng? cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng và cỗ xe tên Vejayanta (Nhạc thanh xa hay Chiến thắng kỳ) là đệ nhất. Tám vạn bôn ngàn châu ngọc, và bảo châu là đệ nhât. Tám vạn bốn ngàn phụ nữ, và Hoàng hậu Subhaddã (Thiện Hiền) là đệ nhất. Tám vạn bốn ngàn gia chủ? và gia chủ báu là đệ nhất.

Tám vạn bốn ngàn người dòng Sát-đế-lỵ, và tướng quân báu là đệ nhất. Tám vạn bốn ngàn nhũ ngưu với trang sức bằng vải cây đay (dukũlă). với sừng đầu nhọn bịt đồng. Tám vạn bôn ngàn vải koti với săc chât tinh diệu như vải gai, vải b6ng, vải lụa và vải nhung. Tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa (thãlipãkd). buổi sáng, buổi chiều có cúng dường cơm. 264. Lúc bấy giờ9 này Ananda, có tám vạn bốn ngàn con voi sáng chiều đến phục vụ cho Vua Đại Thiện Kiến. Rồi Vua Đại Thiện Kiến suy nghĩ: “Nay tám vạn bốn ngàn con voi này sáng chiêu đến phục vụ cho ta. Nay ta hãy để cho chúng đến5 cứ cách một trăm năm, thời bốn vạn hai ngàn con dến.” Này Ãnanda, rồi Vua Đại Thiện Kiến bảo tướng quân báu: "Này Hiên giả, nay tám vạn bôn ngàn con voi này sáng chiêu đên phục vụ ta. Nay hãy để cho chúng dến, cứ cách một trăm năm, mỗi lần cho bốn vạn hai ngàn con dến." “Tâu Đại vương, vang." Này Ãnanda, vị tướng quân báu vâng lời Vua Đại Thiện Kiến. Này Ãnanda, từ đó về sau, cứ mỗi một trăm năm, bốn vạn hai ngàn con voi lần lượt đến với Vua Đại Thiện Kiến. 265. Này Ananda, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều trăm ngàn năm, Hoàng hậu Subhaddã suy nghĩ: "Cách đây đã lâu, ta được thấy Vua Đại Thiện Kiến. Vậy nay ta hãy đi để thăm Vua Đại Thiện Kiến.” Này Ãnanda, rồi Hoàng hậu Subhaddã nói với các cung nữ: uCác ngươi hãy gội đầu, mặc áo vàng. Cách đây đã lâu, chúng ta được thấy Vua Đại Thiện Kiến. Vậy nay chúng ta sẽ đi yết kiến Vua Đại Thiện Kiến.,, “Tâu Hoàng hậu, vâng/5 Này Ãnanda, các ctmg nữ vâng lời Hoàng hậu Subhaddã (Thiện Hiền), gội dâu, mặc áo vàng và đi đên Hoàng hậu Subhaddã. Này Ananda, rồi Hoàng hậu Subhaddã cho gọi tướng quân báu: "Này khanh, hãy cho sắp đặt bốn loại binh chủng. Cách đây đã lâu, chúng ta được thấy Vua Đại Thiện Kiến. Vậy nay chúng ta sẽ đi yết kiến Vua Đại Thiện Kien/9 " " “Tâu Hoàng hậu, vâng.” Này Ãnanda, tướng quân báu vâng lời Hoàng hậu Subhaddã, cho sắp đặt

bốn loại binh chủng và tâu Hoàng hậu: "Tâu Hoàng hậu, bốn loại binh chủng đã sắp đặt xong. Hãy làm gì Hoàng hậu nghĩ là phai thời.99 ' Này Ãnanda, Hoàng hậu Subhaddã cùng với bốn loại binh chủng và các

cung nữ đi đến lâu đài Dhamma, leo lên lâu đài ấy, đến tại cao đường Đại Trang Nghiêm và đứng dựa vào cánh cửa của cao đường này. Này Ananda, Vua Đại Thiện Kiên suy nghĩ: "Nay tiêng gì ôn ào như vậy, như cả một quần chúng đông do?" Vua bèn bước ra khỏi cao đườnẹ Đại Trang Nghiêm và thấy Hoàng hậu Subhaddã đang đứng dựa vào cửa. Thay vậy, Vua liền nói với Hoàng hậu Subhaddã: "Hoàng hậu hãy đứng ở đây, chớ có vAo!" Này Ãnanda, Vua Đại Thiện Kiến liền bảo một người hầu cận: "Ngươi hãy nhấc giường bằng vàng ra khỏi cao đường Đại Trang Nghiêm và đặt trong khu rừng cây Sa-la băng vang.99 "Tâu Đại vương, vâng.,, Này Ananda, người ây vâng lời dạy của Vua Đại Thiện Kiên, nhâc sàng tọa băng vàng ra khỏi cao đường Đại Trang Nghiêm và đặt trong khu rừng cây Sa-la băng vàng. Này Ananda, rôi Vua Đại Thiện Kiên năm xuông, trong dáng điệu con sư tử, về phía bên hữu, một chân đặt dài trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác. 266. Này Ãnanda, Hoàng hậu Subhaddã suy nghĩ: "Các căn của Vua Đại Thiện Kiến thật là sáng suốt, màu da thật là thanh tịnh, trong sáng. Mong rằng Vua Đại Thiện Kiến chơ có mệnh chung!" J J ~ Rồi Hoàng hậu tâu với Vua Đại Thiện Kiến: "Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn kinh thành này, với kinh thành Kusãvatĩ là đệ nhât? đêu thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đôi với chúng. Đại vương hãy ái luyên đời sông! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn lâu đài này, với lâu đài Dhamma là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời song! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cao đường này5 với cao đường Đại Trang Nghiêm là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đoi với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời song! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn sàng tọa này5 bằng vàng, bằng bạc, bằng ngà, bằng gỗ hương, được trải với những tấm thảmthảm lông dài, với vải có thêu bông hoa và với những tấm da thù thang của con sơn dương, được che với những tán che cao và hai đau có gối màu đỏ, những sàng tọa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con voi này, với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới băng vàng5 và tượng vương uposatha là đệ nhât, những con voi này đêu thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đôi với chúng. Đại vương hãy ái luyên đời sông! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con ngựa này, với những trang sức bằng

vàng, cờ vàng, được che chở với lưới băng vàng, và mã vương Valãhaka là đệ nhất, những con ngựa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời song! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cỗ xe này, với những tấm thảm bằng da sư tử, bằng da cọp, bằng da báo, bằng vải vàng với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và cỗ xe tên Vejayanta là đệ nhất, những cỗ xe này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục

đối với chúng. Đại vương hãy ái luyên đời sông! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn châu ngọc này5 với bảo châu là đệ nhất, đều thuộc Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn phụ nữ này, với phụ nữ báu là đệ nhất, đều thuộc Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với họ. Đại vương hãy ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn gia chủ này, với gia chủ báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với họ. Đại vương hãy ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn người dòng Sát-đế-lỵ này, với tướng quân báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với họ. Đại vương hãy ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn nhũ ngưu với trang sức bằng vải cây đay, với sừng đầu nhọn bịt đồng này, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bôn ngàn vải koti, với săc chât tinh diệu như vải gai, vải bông, vải lụa và vải nhung, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đôi với chúng. Đại vương hãy ái luyên đời sông! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa, và buổi sáng, buổi chiều có cúng dường cơm này, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy khởi tâm ái dục đối với chúng. Đại vương hãy ái luyến đời s6ng!” 267. Này Ananda, Vua Đại Thiện Kiến nghe Hoàng hậu Subhaddã nói vậy, liền trả lời: "Đã từ lâu? Hoàng hậu nói với ta với những lời dễ chịu, hòa ái và dịu dàng, thế mà nay, trong lần cuối cùng này, Hoàng hậu lại nói với ta bằng những lời không dễ chịu, không hòa ái, không dịu dàng." “Tâu Đại vương, thiếp phải nói với Đại vương thế nao?” "Này Hoàng hậu5 Hoàng hậu phải nói với ta như thế này: Tất cả mọi sự vật khả ái, khả lạc đều thay đổi5 không có thực thể, chịu sự biến hóa. Đại vương chớ có mệnh chung với tâm quyến luyến chúng. Đau khổ thay sự mệnh chung với tâm còn ái luyến! Đáng trách thay sự mệnh chung còn ái luyên!

322 KINH TRƯỜNG BỘ

Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn kinh thành này, với kinh thành Kusãvatĩ là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn lâu đài này, với lâu đài Dhamma là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cao đường này? với cao đường Đại Trang Nghiêm là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn sàng tọa này, bằng vàng, bằng bạc, bằng ngà, bằng gỗ hương, được trải với những tấm thảm lông dài, với vải có thêu bông hoa, và với những tấm da thù thắng của con sơn dương, được che chở bởi những tán che cao và hai đầu có gối màu đỏ, những sàng tọa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ tâm ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con voi này, với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng và tượng vương uposatha là đệ nhất, những con voi này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyên đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bôn ngàn con ngựa này9 với những trang sức băng vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và mã vương Valãhaka là đệ nhất, những con ngựa này đều thuộc

của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cỗ xe này, với những tấm thảm bằng da sư tử, bằng da cọp, bằng da báo, với những đồ trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và cỗ xe tên Vejayanta là đệ nhất, những cỗ xe này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bôn ngàn châu ngọc này, với bảo châu là đệ nhât, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn phụ nữ này, với phụ nữ báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn gia chủ này, với gia chủ báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bôn ngàn người thuộc dòng họ Sát-đê-lỵ này, với tướng quân báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyến đời sống!

17. KINH ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG 323

Tâu Đại vương, tám vạn bốn njgan nhũ ngưu với trang sức bằng vải cây đay, với sừng đầu nhọn bịt đồng này, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bôn ngàn vải koti, với săc chât tinh diệu như vải gai, vải bông, vải lụa và vải nhung này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa, và buổi sáng, buổi chiều có cúng dường cơm này, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời s6ng! 268. Này Ãnanda, khi nghe nói vậy, Hoàng hậu Subhaddã buồn khóc, rơi nước mắt và tâu với Vua Đại Thiện Kiên: “Tất cả mọi sự vật khả ái, khả lạc đều thay đổi, không có thực thể, chịu sự biến hóa. Đại vương chớ có mệnh chung với tâm quyến luyến chúng. Đau khổ thay sự mệnh chung với tâm còn ái luyến! Đáng trách thay sự mệnh chung còn ải luyến! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn kinh thành này, với kinh thành Kusãvatĩ là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bôn ngàn lâu đài này, với lâu đài Dhamma là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bôn ngàn cao đường này5 với cao đường Đại Trang Nghiêm là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đôi với chúng. Đại vương chớ có ái luyên đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn sàng tọa này, bằng vàng? bằng bạc, bằng ngà, bằng gỗ hương, được trải với những tấm thảm lông dài, với vải có thêu bông hoa, và với những tấm da thù thắng của con sơn dương, được che chở bởi những tán che cao và hai đầu có gối màu đỏ? những sàng tọa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ tâm ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn con voi này, với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng và tượng vương Uposatha là đệ nhất, những con voi này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn

bôn ngàn con ngựa này, với những trang sức băng vàng, được che chở với lưới bằng vàng, và mã vương Valãhaka là đệ nhất, những con ngựa này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đôi với chúng. Đại vương chớ có ái luyên đời sông! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn cỗ xe này, với những tấm thảm bằng da sư tử, bằng da cọp, bằng da báo, với những đồ trang sức bằng vàng, cờ vàng,

được che chở với lưới bằng vàng, và cỗ xe tên Vejayanta là đệ nhất, những cỗ xe này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyên đời sông! Tâu Đại vương, tám vạn bôn ngàn châu ngọc này, với bảo châu là đệ nhât, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn phụ nữ này? với phụ nữ báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đôi với họ. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn gia chủ này, với gia chủ báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn người thuộc dòng họ Sát-đế-lỵ này, với tướng quân báu là đệ nhất, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với họ. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn nhũ ngưu với trang sức bằng vải cây đay, với sừng đầu nhọn bịt đồng này, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn vải koti, với sắc chất tinh diệu như vải gai, vải bông, vải lụa và vải nhung này đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời sống! Tâu Đại vương, tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa, và buổi sáng, buổi chiều có cúng dường cơm này, đều thuộc của Đại vương. Đại vương hãy từ bỏ lòng ái dục đối với chúng. Đại vương chớ có ái luyến đời s6ng!" 269. Này Ãnanda, không bao lâu, Vua Đại Thiện Kiến mệnh chung. Này Ảnanda, giống như một người gia chủ hay con một người gia chủ, sau một bữa cơm thịnh soạn, trở nên buồn ngủ, cũng tương tự như vậy là cảm giác của Vua Đại Thiện Kiến khi mệnh chung. Này Ananda, sau khi mệnh chung, Vua Đại Thiện Kiến sanh lên thiện thú, cõi Phạm thiên. Này Ãnanda, trải tám vạn bốn ngàn năm, Vua Đại Thiện Kiến sống sung sướng đời sống của một Hoàng tử; trải tám vạn bốn ngàn năm làm một Phó vương; trải tám vạn bốn ngàn năm làm một vị Quốc vương; trải tám vạn bốn ngàn năm làm gia chủ, sống Phạm hạnh trong lâu đài Dhamma. Ngài tu tập bôn Phạm trú, sau khi thân hoại mạng chung, Ngài được sanh lên cõi Phạm thiên. 270. Này Ãnanda, các ngươi có thể nghĩ: "Thời ấy, Vua Đại Thiện Kiến là một vị khác.” Này Ãnanda, chớ có quan niệm như vậy, thời ấy, chính Ta là Vua Đại Thiện Kiến. w Tám vạn bốn ngàn kinh thành, với kinh thành Kusâvatĩ là đệ nhất ấy, thuộc của Ta. Tám vạn bốn ngàn lâu dài, với lâu đài Dhamma là đệ nhất ấy, thuộc của Ta.

Tám vạn bốn ngàn cao đường, với cao đường Đại Trang Nghiêm là đệ nhất ấy, thuộc của Ta. Tám vạn bốn ngàn sàng tọa ấy, bằng vàng, bằng bạc, bằng ngà, bằng gỗ hương,

được trải với những tâm thảm lông dài, với vải có thêu bông hoa, và với những tấm da thù thắng của con sơn dương, được che chở với những tán che cao và hai đầu có gối màu đỏ. Những sàng tọa ấy đều thuộc của Ta. Tám vạn bốn ngàn con voi này, với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng5 và tượng vương uposatha là đệ nhất. Những con voi ấy đều thuộc của Ta. Tám vạn bốn ngàn con ngựa, với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới bằng vàng? và mã vương Valãhaka là đệ nhất. Những con ngựa này đều thuộc của Ta. Tám vạn bốn ngàn cỗ xe này9 với những tấm thảm bằng da sư tử, bằng da cọp, bằng da báo, với những trang sức bằng vàng, cờ vàng, được che chở với lưới băng vàng, và cỗ xe tên Vejayanta là đệ nhât. Những cỗ xe này đều thuộc của Ta. Tám vạn bôn ngàn châu ngọc này với bảo châu là đệ nhât đêu thuộc của Ta. Tám vạn bốn ngàn phụ nữ này, với phụ nữ báu là đệ nhất, đều thuộc của Ta. Tám vạn bốn ngàn gia chủ này5 với gia chủ báu là đệ nhất, đều thuộc của Ta. Tám vạn bôn ngàn người dòng họ Sát-đê-lỵ này, với tướng quân báu là đệ nhất, đều thuộc của Ta. Tám vạn bốn ngàn nhũ ngưu với trang sức bằng vải cây day, với sừng đầu nhọn bịt đồng, đều thuộc của Ta. Tám vạn bôn ngàn vải koti, với săc chât tinh diệu như vải gai vải bông, vải lụa và vải nhung này, đều thuộc của Ta. Tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa, và buổi sáng, buổi chiều có cúng dường cơm này, đêu thuộc của Ta. 271. Này Ãnanda, trong tám vạn bốn ngàn kinh thành ấy, chỉ có một kinh thành mà Ta ở vào thời ấy, đó là kinh thành Kusãvatĩ. Này Ananda, trong tám vạn bôn ngàn lâu đài ây5 chỉ có một lâu đài mà Ta ở thời ấy, đó là lâu đài Dhamma. Này Ãnanda, trong tám vạn bốn ngàn cao đường ấy, chỉ có một cao đường mà Ta ở thời ây, đó là cao đường Đại Trang Nghiêm. Này Ãnanda, trong tám vạn bốn ngàn sàng tọa ấy, chỉ có một sàng tọa mà Ta dùng thời ấy, đó là sàng tọa bằng vàng, hay bằng bạc, hay bằng ngà, hay bằng go hương. Này Ãnanda, trong tám vạn bốn ngàn con voi ấy, chỉ có một con voi mà Ta cưỡi thời ấy, đó là tượng vương Uposatha.

326 KINH TRƯỜNG Bộ

Này Ananda, trong tám vạn bôn ngàn con ngựa ây? chỉ có một con ngựa mà Ta cưỡi thời ấy, đó là con mã vương Vàlãhaka. Này Ananda, trong tám vạn bốn ngàn cỗ xe ấy, chỉ có một cỗ xe mà Ta cưỡi thời ấy, đó là cỗ xe Vejayanta. Này Ãnanda, trong tám vạn bốn ngàn phụ nữ ấy, chỉ có một phụ nữ hầu hạ Ta thời ấy, đó là phụ nữ của dòng Sát-đê-lỵ hay dòng Velãmikãni. Này Ảnanda, trong tám vạn bốn ngàn loại vải koti ấy, chỉ có một loại vải sắc chất tế nhị mà Ta mặc thời ấy, đó là vải gai, vải bông, vải lụa hay vải nhung. Này Ãnanda, trong tám vạn bốn ngàn loại cháo sữa ấy, chỉ có một loại cháo sữa mà Ta dùng thời ấy, đó là cơm và đồ ăn. 272. Này Ãnanda, tất cả các pháp hữu vi ấy nay đã vào quá khứ, hoại diệt và biến hóa. Này Ãnanda, các pháp hữu vi, vô thường là như vậy, không kiên cố là như vậy, không đáng tin tưởnệ là như vậy, vì rằng, này Ảnanda, tất cả các pháp hữu vi cần phải nhàm chán, cân phải thoát ly, cần phải giải thoát. Này Ananda, nay Ta nhớ lại như thế, tại chỗ này thân Ta đã được chôn tất cả là sáu lần; và khi Ta sống làm một vị Chuyển Luân Thánh Vương, dùng Chánh pháp trị nước, một vị Pháp vương, trị vì thiên hạ bốn phương, vị chinh phục, che chở cho quần chúng, đầy đủ bảy món báu, đó là lần thứ bảy. Này Ananda, Ta không thấy một địa phương nào trong thế giới loài người và chư thiên, trong thế giới Ma vương hay thế giới

Phạm thiên, trong dòng Sa-môn hay Bà-la-môn mà trong địa phương ấy, Như Lai sẽ bỏ thân này lần thứ tám. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện Thệ thuyết xong, bậc Đạo Sư nói thêm bài kệ sau: Tất cả pháp hữu vi, Thật sự là yô thường, Khởi lên rồi diệt mất, Thường tánh là như vậy. Chúng được sanh khởi lên, Rồi chúng lại hoại diệt. Hạnh phúc thay khi chúng, Được tịch tịnh, an lạc!

18. KINH XÀ-NI-SA (Janavasabha Suttdỷ

273. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Nâdikã (bộ tộc Na-đề-ca)? tại Ginjjakavasatha (nhà làm bằng gạch). Lúc bấy giờ, Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đô đã sông, đã từ trân và đã mệnh chung trong các bộ tộc xung quanh như bộ tộc Kãsi (Ca-thi)? Kosala (Câu-tát-la)? Vàjjĩ (Bạt-kỳ)5 Mallã (Mạt-la)9 Ceti (Chi-dề), Vamsa (Bạt-sa), Kuru (Câu-lâu), Pancãla (Ban-giá-la), Maccha (Bà-sá-la), Surasena (Mậu-ba-tây-na): Vị này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đô ở Nãdikã đã từ trân, đã mệnh chung với năm hạ phân kiêt sử đã được đoạn trừ,2 được hóa sanh [thiên giới]5 từ đó nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nãdikã đã từ trân, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai? sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ tận diệt khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nãdikã đã từ trân, đã mệnh chung với ba kiêt sử đã được diệt trừ, chứng quả Dự lưu, nhât định không đọa ác dạo, đạt đến Chánh giác. 274. Các vị tín đồ ở Nãdikã được nghe: "Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã từ trân và đã mệnh chung trong các bộ tộc xung quanh như bộ tộc Kãsi, Kosala, Vạjjĩ? Mallã, Ceti, Varpsa, Kuru, Pancãla, Maccha, Surasena: 'Vị này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ ở Nãdikã đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh [thiên giới], từ đó nháp Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nãdikã đã từ trân, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nãdikã đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, chứng quả Dự hru, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh giAcCác vị tín đồ ở Nãdikã được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy9 lấy làm hoan hỷ, tín thọ5 an lạc. 275. Tôn giả Ãnanda được nghe: "Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã từ trần, đã mệnh chung trong các bộ tộc xung quanh như bộ tộc Kãsi? Kosala, Vàjjĩ, Mallã5 Ceti, Vàipsa, Kuru, Pancãla, Maccha,

1 Xem Thag. 892. Kinh tương đương trong bộ TrườngA-hàm kinh ìừXà-ni-sa kinh (TOI. 0001.04. 0034b05). Tham chiếu: Phật thuyêt Nhân tiên kinh (r.01. 0009. 0213c22). 2 Xem 1.200-01

Surasena: 6Vị này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ Nãdikã đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh [thiên giói], từ đó nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nãdikã đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham,

sân, si được ệiảm thiểu chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nãdikã đã từ trân, đã mệnh chung với ba kiêt sử đã được diệt trừ, chứng quả Dự lưu5 nhât định không đọa ác dạo, đạt đến Chánh giác.9 Các vị tín đồ ở Nãdikã được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy? lấy làm hoan hỷ? tín thọ, an lạc." 276. Rồi Tôn giả Ãnanda suy nghĩ: "Nhưng ở tại Magadha (Ma-kiệt-đà)5 có nhiều tín đồ đã tu hành lâu ngày và đã từ trần, mệnh chung, nhiều đến nỗi nỊUỜi ta tưởng hai xứ Anga (Ương-già) và Magadha đều trống không vì số tín đô từ trân mệnh chung. Những vị này tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp và tin tưởng Tăng, và giới luật đầy đủ. Nhưng Thế Tôn không nói gì về sư từ trần và sự mệnh chung của họ. Lành thay nêu gợi được một câu trả lời về họ5 nhờ vậy5 nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiện giới! Lại có Vua Seniya Bimbisãra (Tư-ni-du Tần-bà-sa-la) xứ Magadha sống như Pháp, dùng Chánh pháp trị nước, có lòng thương tưởng các vị Bà-la-môn9 gia chủ, dân chúng thị thành và dân chúng thôn quê. Vua này được dân chúng xưng tán như sau: 'Vị vua sống như pháp, dùng Chánh pháp trị nước5 đã làm cho chúng ta sung sướng, nay đã mệnh chung. Chúng ta đã sông thật hạnh phúc dưới thời vị vua sống như pháp và dùng Chánh pháp trị nước này. Vị vua này cũng tin tưởng Phật? tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ/Và dân chúng cũng nói: 'Cho đến khi mệnh chung, Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha luôn luôn tán dương Thế Tôn/ Nhimg Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của vị vua này. Lành thay nếu gợi được câu trả lời về vị vua này, nhờ vậy, nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiện giới! Lại nữa, Thế Tôn chứng quả Bồ-đề tại Magadha. Thế Tôn đã chứng quả Bồ-đề tại Magadha thì sao Ngài lại không nói vê sự từ trân và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha? Nếu Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của các tín đo ở Magadha, thời các vị này sẽ đau buồn; và nếu các vị này đau buồn, thời sao Thế Tôn có thể không trả lời du”c?" 277. Sau khi đã yên lặng suy nghĩ một mình vì các tín đồ ở Magadha, Tôn giả Ãnanda sáng hom sau thức dậy đến tại chỗ Thế Tôn ở; khi đến xong, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ãnanda bạch Thế Tot: Bạch Thế Tôn, con có nghe Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đô đã từ trân, đã mệnh chung trong các bộ tộc xung quanh như bộ tộc Kãsi, Kosala, Vạjjĩ, Mallã, Ceti, Vamsa, Kuru, Pancãla, Maccha, Surasena: này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đô ở Nãdikã đã từ trân, đã mệnh chung với năm hạ phân kiêt sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh [thiên giới]? từ đó nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời

18.KINHXÀ-NI-SA 329

này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nãdikã đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nãdikã đã từ trần5 đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo5 đạt đến Chánh giác.” Các vị tín đồ ở Nãdikã được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy, lấy làm hoan hỷ5 tín thọ, an lạc. Bạch Thế Tôn? nhimg ở tại Magadha có nhiều tín đồ tu hành lâu ngày và đã từ trần5 mệnh chung, nhiều đến nỗi người ta tưởng hai xứ Anga và Magadha đều trống không vì số tín đồ từ trần, mệnh chung. Những vị này tin tưởng

Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ. Nhtrng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của họ. Lành thay, nếu gợi được một câu trả lời về họ5 và như vậy? nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiện giới! Bạch Thế Tôn5 lại có Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha sống như pháp, dùng Chánh pháp trị nước5 có lòng thương tưởng các vị Bà-la-môn5 gia chủ, dân chúng thị thành và dân chúng thôn quê. Vua này được dân chúng ximg tán như sau: vua sống như Pháp, dùng Chánh pháp trị nước, đã làm cho chúng ta sung sướng, nay đã mệnh chung. Chúng ta đã sống thật hạnh phúc dưới thời vị vua sống như Pháp và dùng Chánh pháp trị nước này. Vị vua này cũng tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy dỈL" Và dân chúng cũng nói: "Cho đến khi mệnh chung, Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha luôn luôn tán dương Thế T6n' Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của vị vua này. Lành thay, nếu gợi được câu trả lời về vị vua này, nhờ vậy? nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiện giới! Bạch Thế Ton, lại nữa, Thế Tôn đã chứng quả Bồ-đề ở Magadha. Thế Tôn đã chứng quả Bồ-đề ở Magadha thời sao Ngài không nói về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha? Nếu Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha, thời các vị này sẽ đau buồn; và nếu các vị này đau buồn? thời sao Thế Tôn có thể không trả lời được? Tôn giả Ãnanda, vì các tín đồ ở Magadha, sau khi đã trình lên trước Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, từ tạ ra đi. 278. Sau khi Tôn giả Ãnanda đi ra không bao lâu, Thế Tôn liền đắp y, vào buổi sáng, tay cầm y bát, đi vào Nãdikã để khất thực. Sau khi khất thực ở Nãdikã xong, sau buổi ăn5 đi về và rửa chân, Ngài vào ngôi nhà bằng gạch, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, suy nghĩ, tư duy, chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: "Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ; các vị hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng như thế nào." Rồi Thế Tôn thấy được chỗ thọ sanh và vận mạng của các hiền nhân tín đồ ở xứ Magadha này. Và Thế Tôn, vào buổi chiều, sau khi tịnh niệm, bước ra khỏi ngôi nhà bằng gạch5 ngồi trên chỗ đã soạn sẵn dưới bóng ngôi nhà. 279. Rồi Tôn giả Ãnanda đến tại chỗ Thế Tôn ở; lúc đến xong, đảnh lễ

Ngài và ngôi xuông một bên. Sau khi ngôi xuông một bên9 Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn: Bạch Thê Tôn, Thê Tôn trông thật la an tmn, săc diện của Thê Tôn sáng chói nhờ các căn thật sự thanh tịnh. Bạch Thế Tôn5 Thế Tôn hôm nay an trú có được hoan hỷ không? -Này Ananda, sau khi ông vì các tín đồ ở Magadha đã nói trước mặt Ta như vậy và đứng dậy ra về? Ta đi khất thực ở Nãdikã xong, sau bữa ăn? đi về và rửa chân, Ta vào ngôi nhà bằng gạch, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, suy nghi, tư duy, chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: "Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ? vận mạng của họ; các vị hiền nhân này thọ sanh ở dâu, vận mạng như thế nao.^ Rồi Ta thấy được chỗ thọ sanh và vận mạng của các hiền nhân tín đồ ở xứ Magadha này. 280. Này Ãnanda, lúc bấy giờ? một vị dạ-xoa (yakkha) ẩn mình lớn tiếng nói rằng: "Bạch Thế Tôn, con tên là Janavasabha. Bạch Thiện Thệ, con là Janavasabha." Này Ãnanda, ông từ trước đã từng được nghe ai tên là Janavasabha (Xà-ni-sa) chưa? Bạch Thế Tôn, con từ trước chưa từng được nghe ai tên là Janavasabha. Bạch Thế Tôn, khi con nghe tên

Janavasabha, con có cảm giác râu tóc bị dựng ngược. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: dạ-xoa này không phải là hạng tầm thường, vì đã mang tên Janavasabha.,, Này Ananda, khi những lời ấy được nói xong, vị dạ-xoa ấy hiện ra trước mặt Ta, nhan sắc thật phi thường và lần thứ hai, vị ấy nói: Bạch Thế Ton, con là Bimbisãra. Bạch Thiện Thệ, con là Bimbisãra. Bạch Thế Tôn, nay là lần thứ bảy con được sanh vào dòng họ Vua Vessavana (Tỳ- sa-môn Thiên Vương). Con chết đi trong địa vị làm vua ở nhơn gian, nay được sanh trên thiên giới? làm bậc phi nhân. Từ đây đen bảy lân9 Từ kia đến bảy lần5 Mười bốn lần tái sanh, eA Như vậy con biêt được, Đời quá khứ của con. 281. Bạch Thế Tôn, từ lâu con không còn đọa lạc vào ác thú vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai. Thật hy hữu thay Hiền giả dạ-xoa Janavasabha! Thật kỳ diệu thay Hiền giả dạ-xoa Janavasabha đã nói với Ta: ÍCBạch Thế Tôn, từ lâu con không còn đọa lạc vào ác thú vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai." Do nguyên nhân gì Hiên giả dạ-xoa Janavasabha tự biêt mình đã đạt được địa vị cao thượng, thù thắng như vậy? Bạch Thế Tôn, không gì khác ngoài giáo lý của Ngài. Bạch Thiện Thệ, không gì khác ngoài giáo lý của Ngài. Từ khi con nhất hướng quy y và tín

ngưỡng Thế T6n, từ khi ấy, con không còn đọa lạc vào ác thú vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai. Bạch Thế Tôn, con được Vua Vessavana nhờ con đi đến Vua VirũỊhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương) có chút công việc, giữa đường, con thấy Thế Tôn vào ngôi nhà bằng gạch, suy nghĩ, tư duy, chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: "Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ; các hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng thế nao?9 Bạch Thế Tôn, không thể kỳ diệu sao được khi con đối mặt tự thân nghe từ miệng Vua Vessavana nói với hội chúnẹ của mình, các hiền nhân này thọ sanh ở dâu, vận mệnh như thế nào. Bạch The Tôn? con tự nghĩ: “Ta sẽ đên yêt kiên The Ton, ta sẽ đê cập vân đê với Thê Tôn. Bạch Thê Tôn, đó là hai nguyên nhân khiến con đến yet kiến Thế Tôn. 282. Bạch Thế Tôn5 trong những ngày xưa, những ngày xa xưa, nhân đêm trăng rằm Bố-tát (Uposaíha) trong tháng nhập an cư mùa mua,3 toàn thể chư thiên ở cõi Tãvatimsa (Tam Thập Tam) ngồi họp hội tại Thiện Pháp đường (Sudhammã), xung quanh có đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía, tại bốn phương hướng có bốn vị Đại vương ngồi: Đại vương Dhatarattha (Trì Quốc Thiên Vương), vua ở phương Đông, ngôi xoay mặt hướng Tây, trước mặt thiên chúng; Đại vương VirũỊhaka, vua ở phương Nam, ngôi xoay mặt hướng Băc, trước mặt thiên chúng; Đại vương Virũpakkha (Quảng Mục Thiên Vương), vua ở phương Tây, ngồi xoay mặt hướng Đông, trước mặt thiên chúng; Đại vương Vessavana, vua ở phương Bắc, ngồi xoay mặt hướng Nam, trước mặt thiên chúng. Bạch Thế Tôn, khi nào toàn thể chư thiên ở cõi Tam Thập Tam ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, xung quanh có đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía, và tại bốn phương hướng có bốn vị Đại vương ngồi, như vậy là thứ tự chỗ ngồi của những vị này, rồi đến chỗ ngồi của chúng con. Bạch Thế Tôn, chư thiên nào trước sống Phạm hạnh theo Thế Tôn và nay nếu sanh lên cõi Tam Thập Tam thiên, những vị này thắng xa chư thiên khác về thân sắc và danh tiếng. Bạch Thế Tôn, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam hoan hỷ? tín thọ? hỷ lạc sanh:

"Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn a-tu-la giới bị giảm Slit." Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ5 Thiên chủ Đấ-thích (Sakka Inda) thấy chư thiên ở cõi Tam Thập Tam hoan hỷ, liền tùy hỷ nói lên bài kệ như sau: Chư Tam Thập Tam thiên, Cùng Đế-thích hoan hỷ, Đảnh lễ bậc Như Lai, Cùng Chánh pháp vi diệu. Thấy thiên chúng tân sanh, Quang sắc thật thù thắng, Các vị sống Phạm hạnh, Nay sanh tại cõi này.

3 Vassũpanãyỉka. Xem 4 I. 51; Vin. I. 137.

Họ thắng về quang sắc, Thọ mạng và danh xưng, Đệ tử bậc Đại Tuệ, Thù thắng sanh cõi này. Chư Tam Thập Tam thiên, Cùng Đế-thích hoan hỷ? Đảnh lễ bậc Như Lai, Cùng Chánh pháp vi diệu. Bạch Thế Tôn, chư thiên ở cối Tam Thập Tam lại càng hoan hỷ, tín thọ, hỷ lạc sanh hơn nữa và nói: "Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn a-tu-la giới bị giảm Slit." Bạch Thế Tôn, rồi với mục đích gì chư thiên ở cõi Tam Thập Tam ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, các vị này suy tư thảo luận về mục đích ấy. Và tùy thuộc về mục đích ấy, bốn vị Đại vương được thuyết giảng. Theo mục đích ấy, bốn vị Đại vương được khuyến giáo, bốn vị này đều đứng một bên chỗ ngồi của mình. Các Đại vương chấp nhận, Lời giảng dạy khuyên giáo, Thanh thoát và an tịnh, Đứng bên chỗ mình ngồi. 283. Bạch Thế Tôn, rồi từ phương Bắc, một ánh sáng vi diệu khởi lên, một hào quang hiện ra? thắng xa oai lực của chư thiên. Bạch Thế Tôn5 rồi Thiên chủ Sakka nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam: “Này các thiện hữu, theo các hiện tượng được thấy, ánh sáng khởi lên, hào quang hiện ra như vậy báo hiệu Phạm thiên sẽ xuất hiện. Vì hiện tượng báo hiệu Phạm thiên xuất hiện là ánh sáng khởi lên và hào quang hiện ra." Theo hiện tượng được thấy, Phạm thiên sẽ xuất hiện. Hiện tượng đấng Phạm thiên, Là hào quang vi diệu. 284. Bạch Thế Tôn, rồi chư thiên ở cõi Tam Thập Tam ngồi xuống trên ghế của mình và nói: "Chúng tôi sẽ tìm hiểu kết quả của hào quang này là thế nào, sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy." Cũng vậy5 bốn vị Đại vương ngồi xuống trên ghế ngòi của mình và nói: "Chúng ta sẽ tìm hiểu kết quả của hào quang này là thê nào? sau khi được biêt5 chúng ta sẽ đi gặp vị ây." Sau khi nghe vậy, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam đều một lòng một ý: "Chúng ta sẽ tìm hiêu kêt quả của hào quang này là thê nào, sau khi được biêt, chúng ta sẽ đi gặp vị ấy[Bạch Thế T6n, khi Phạm thiên Sanaồkumãra (Thường Đồng Hình) xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, Ngài xuất hiện với một hóa tướng

thô xấu. Bạch Thế Tôn, vì khi Phạm thiên tự nhiên hiện hóa, sắc tướng không đủ thù thắng để chư thiên ở cõi Tam Thập Tam khâm phục. Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanankumãra xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, vị này thắng xa chư thiên khác về sắc tướng và danh ximg. Bạch Thế Tôn, như một hình tượng bằng vàng chói sáng hơn thân hình con người, cũng vậy5 bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanaồkumãra xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, vị này thắng xa chư thiên khác về sắc tướng và danh xưng. Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanaồkumãra xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, không một vị thiên nào trong chúng

này đảnh lễ, đứng dậy hoặc mời vị Phạm thiên ngồi. Tất cả đều yên lặng5 chắp tay, không ngồi trên chỗ ngồi của mình và nghĩ: “Nay nêu Phạm thiên Sanaồkumãra muôn chô ngôi của vị thiên nào, thời sẽ ngồi trên chỗ ngồi của vị thiên ấy.” Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaồkumăra ngồi trên chỗ ngồi của vị thiên nào, vị thiên ấy sẽ vô cùng sảng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, như vị vua Sát-đế-lỵ vừa mới làm lễ quán đảnh và lên vương vị, vị ấy sẽ vô cùng sảng khoái, vô cùng hoan hỷ? cũng vậy? bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaồkumãra ngồi trên chỗ ngồi của vị thiên nào, vị thiên ấy sẽ vô cùng sảng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanankumãra xuất hiện với hình tướng thô xấu, hiện thành một đồng tử tên là Pancasikha (Ngũ Ke) trước mặt chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Bay bổng lên trời, vị này ngồi kiết-già giữa hư không. Bạch Thế Tôn, như một vị lực sĩ ngồi kiết-già trên một chỗ ngồi được trải bằng phẳng hay trên một mặt đất thăng bằng, cũng vậy? bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaồkumãra bay bổng trên trời, ngồi kiết-già giữa hư không, thấy được sự an tịnh của chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, liền nói lên sự hoan hỷ của mình bằng bài kệ sau đây: Chư Tam Thập Tam thiên, Cùng Đế-thích hoan hỷ5 Đảnh lễ bậc Như Lai, Cùng Chánh pháp vi diệu. Thây thiên chúng tân sanh, Quang sắc thật thù thắng, Các vị sống Phạm hạnh, Nay sanh tại cối này. Họ thăng vê quang săc? Thọ mạng và danh xưng, Đệ tử bậc Đại Tuệ? Thù thắng sanh cõi này. Chư Tam Thập Tam thiên, Cùng Đế-thích hoan hỷ, Đảnh lễ bậc Như Lai, Cùng Chánh pháp vi diệu.

285. Bạch Thế T6n, đó là nội dung lời nói của Phạm thiên Sanaồkumãra. Bạch Thế T6n, tiếng nói của Phạm thiên Sanaồkumãra có tám đặc điểm sau đây: Lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động. Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanaồkumãra giải thích cho hội chúng với tiếng nói của minh, tiếng nói không vượt ra khỏi đại chúng. Bạch Thế Tôn, một tiếng nói có tám đặc điểm như vậy gọi là Phạm âm. Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaồkumãra, tự hiện hóa ba mươi ba hóa thân, môi thân ngôi kiêt-già trên môi cho ngôi của chư thiên ở cõi Tam Thập Tam và nói với chư thiên này như sau: uNày chư thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên, quý vị nghĩ thế nào, Thế Tôn phục vụ cho hạnh phúc chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Chư thiện hữu, những ai quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và giữ trọn giới luật, những vị này khi thân hoại mệnh chung, một số được sanh lên thiên chúng Paranimmita Vãsavattĩ (Tha Hóa Tự Tại)5 một số được sanh lên thiên chúng Nimmãnaratĩ (Hóa Lạc), một sô được sanh lên thiên chúng Tusitä (Đâu-suât)? một sô được sanh lên thiên chúng Yãmã (Dạ-ma), một số được sanh lên thiên chúng Tãvatiĩpsa (Tam Thập Tam), một số được sanh lên thiên chúng Cãtummahãrăjikã (Tứ Thiên Vương), những ai phải thêm vào cho đủ số hạ phẩm nhất, được sanh vào chúng Gandhabba (Càn-tháibà)." 286. Bạch Thế Tôn? đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanaỏkumãra. Bạch Thế Tôn5 giọng nói của Phạm thiên Sanaốkumãra về vấn đề này được nói một cách khiên môi vị thiên nghĩ răng: ngôi trên chô ngôi của ta, chỉ vị ây nói mà th6i." Chỉ một Phạm thiên nói, Mọi hóa thân đều n6i, Chỉ một vị im lặng, Tất cả đều im lặng. Chư Tam Thập Tam thiên, Cùng Đế-thích nghĩ rằng: "Chí vị ngồi chỗ ta, Chỉ vị ấy riêng Ĩ16Ì." Bạch Thế Tôn? Phạm

thiên Sanaồkumãra thâu nhiếp tất cả thân thành một thân, sau khi thâu nhiếp, liền ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka và nói với thiên chúng ở Tam Thập Tam thiên: 287. “Chu thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên, quý vị nghĩ thế nào về bốn pháp thần túc đã được Thế Tôn5 bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác khéo léo giải thích đê thân thông được sung mãn, đê thân thông được thuần thục, để thần thông được thi thiết? Thế nào là bốn? Ở đây, vị Tỷ-kheo tu tập thần túc câu hữu dục định tinh cần hành; tu tập thần túc câu hữu tinh tấn định

tinh cần hành; tu tập thần túc câu hữu tâm định tinh cần hành; tu tập thần túc câu hữu với thẩm sát định tinh cần hành. Bốn pháp thần túc này đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả? bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khéo léo giải thích để thân thông được sung mãn5 đê thân thông được thuân thục5 đê thân thông được thi thiết. Này các thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ đã thưởng thức Thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều tu tập và phát triển bốn pháp thần túc này. Này các thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la- môn nào trong tương lai sẽ thưởng thức Thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều sẽ tu tập và phát triển bốn pháp thần túc này. Này các thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong hiện tại thưởng thức Thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều tu tập và phát triển bốn pháp thần túc này. Này chư thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên, quý vị có thấy ở nơi tôi thần lực như vậy kh6ng?" "C6 như vậy, Phạm thiOn." "Chu thiện hữu, tôi nhờ tu tập và phát triển bốn thần túc này mà nay thành tựu đại thần lực như vậy, đại uy đức như vậy.59 Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanaỏkumãra. Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanaồkumãra nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam: 288. "Chư thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên, quý vị nghĩ thế nào về ba con đường tắt hướng đến an lạc đã được Thế Ton, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chứng ngộ? Thế nào là ba? Chư thiện hữu, ở đây có người thân cận dục lạc, thân cận bất thiện pháp, sau một thời gian, vị này được nghe Thánh pháp, như lý tác ý, thực hành Chánh pháp và tùy pháp. Và khi nghe được Thánh pháp, như lý tác ý? thực hành Chánh pháp và tùy pháp, vị này sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp; và nhờ sông không thân cận dục lạc, không thân cận bât thiện pháp, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư thiện hữu, như từ thoải mái5 hỷ duyệt sanh, cũng vậy, chư thiện hữu, nhờ sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư thiện hữu, đó là con đường tắt thứ nhất hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chứng ngộ. Chư thiện hữu, lại nữa, ở đây có người thân hành thô lậu, chưa được an tịnh; khẩu hành thô lậu, chưa được an tịnh; ý hành thô lậu? chưa được an tịnh; sau một thời gian, vị này được nghe Thánh pháp, như lý tác ý9 thực hành Chánh pháp và tùy pháp. Sau khi được nghe Thánh pháp, thân hành thô lậu của vị này được an tịnh5 khẩu hành thô lậu của vị này được an tịnh5 ý hành thô lậu của vị này được an tịnh; và khi thân hành thô lậu của vị này được an tịnh? khẩu hành thô lậu của vị này được an tịnh, ý hành thô lậu của vị này được an tịnh5 an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư thiện hữu, như

từ thoải mái, hỷ duyệt sanh, cũng vậy? chư thiện hữu, nhờ thân hành thô lậu của vị này được

336 > KINH TRƯỜNG Bộ

an tịnh, khẩu hành thô lậu của vị này được an tịnh5 ý hành thô lậu của vị này được an tịnh, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư thiện hữu, đó là con đường tắt thứ hai hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chứng ngộ. Chư thiện hữu, lại nữa ở đây có người không như thật biết: 'Đây là thiện\ không như thật biết: 'Đây là bất thiện\ không như thật biết: 'Đây là có tội\ 'đây là không tội\ 'đây cần phải thuận theo\ 'đây cần phải né tránh\ 'đây là hạ liệt\ 'đây là cao thượng\ 'đây là đen trắng đồng đều? Sau một thời gian, vị này được nghe Thánh pháp, như lý tác ý, thực hành Chánh pháp và tùy pháp. Sau khi được nghe Thánh pháp, như lý tác ý, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, vị này như thật biết: 6Đây là thiện\ như thật biết: 'Đây là bất thiện\ như thật biết: 'Đây là có tội\ 'đây là không tội\ 'dây cần phải thuận theo\ 6đây cần phải né tránh\ 'đây là hạ liệt\ 'dây là cao thượng\ 'đây là đen trắng đồng đều.9 Nhờ biết như vậy5 nhờ thấy như vậy? vô minh của vị này được trừ diệt, minh sanh khởi. Vị này nhờ vô minh được trừ diệt và minh sanh khởi, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư thiện hữu, đó là con đường tắt thứ ba hướng đến an lạc đã được Thế Tôn? bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chứng ngộ. Chư thiện hữu, đó là ba con đường tắt hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-han Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.55 Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanaồkumãra. Bạch Thê Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanaồkumãra nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam: 289. "Chu thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên, quý vị nghĩ thế nào về Bốn niệm xứ hướng đến chơn thiện đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chứng ngộ? Thế nào là bốn? Chư thiện hữu, ở đay vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm đê chê ngự tham ưu ở đời. Nhờ sống quán thân trên thân, vị này được chánh định và chánh an tịnh. Nhờ tâm chánh định và chánh an tịnh ở nơi dây, tri kiến được sanh khởi đối với các thân khác ngoài tự thân. Vị Tỷ-kheo sống quán các cảm thọ từ thân... quán tâm... quán pháp đối với các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác? chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Nhờ sống quán pháp đối với các pháp, tâm được chánh định và chánh an tịnh. Nhờ tâm chánh định và chánh an tịnh ở nơi dây, tri kiến được sanh khởi đối với các pháp khác. Chư thiện hữu, Bốn niệm xứ này hướng đến chơn thiện đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả? bậc Kiến Giả,c A-la-hán Chanh Đẳng Giác chứng ngQ" Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanankumãra. Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanaốkumãra nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam: 290. "Chu thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên, quý vị nghĩ thế nào về bảy pháp Định tư lương (Samãdhỉ-parikkhãră) để tu hành Chánh định? để kiện toàn thiền

18.KINHXÀ-NI-SA 337

định, đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chứng ngộ? Thế nào là bảy? Đó là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp,

Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm. Chư thiện hữu, nhứt cảnh tánh của tâm do bảy chi này sửa soạn5 được gọi là Thánh chánh định cùng với các y chỉ và dùng với các tư lương. Chư thiện hữu, Chánh tư duy sanh khởi từ Chánh tri kiến; Chánh ngữ sanh khởi từ Chánh tư duy; Chánh nghiệp sanh khởi từ Chánh ngữ; Chánh mạng sanh khởi từ Chánh nghiệp; Chánh tinh tấn sanh khởi từ Chánh mạng; Chánh niệm sanh khởi từ Chánh tinh tấn; Chánh định sanh khởi từ Chánh niệm; Chánh trí sanh khởi từ Chánh định; Chánh giải thoát sanh khởi từ Chánh trí. Chư thiện hữu, nếu có người nói lời Chánh ngữ sau đây: 'Chánh pháp đã được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, pháp ấy có kết quả ngay trong hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến đê mà thấy, hướng dẫn đến đích5 được những người có trí tự mình giác hiểu, cửa bất tử được rộng mở/ Nói như vậy là Chánh ngữ. Chư thiện hữu, vì Chánh pháp thật sự đã được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, pháp ây có kêt quả ngay trong hiện tại? vượt ngoài thời gian, đên đê mà thấy, hướng dẫn đến dích, được những người có trí tự mình giác hiểu, cửa bất tử được rộng mở. Chư thiện hữu, những ai tin tưởng Phật không có thối chuyển, tin tưởng Pháp không có thối chuyển, tin tưởng Tăng không có thối chuyển, đầy đủ giới hạnh khiến bậc Thánh hoan hỷ, tất cả những vị được hóa sanh ở đây, đều được Chánh pháp hướng dẫn, hơn hai trăm bốn mươi vạn vị cư sĩ ở Magadha đã từ trần mệnh chung, những vị này đều diệt trừ ba kiết sử5 chứng quả Dự lưu, không còn đọa vào ác thú5 chắc chắn đạt đến Chánh giác. Lại có những vị Nhât Lai: Với hạng chúng sanh này, Ước lượng phần công đức, Không thể ước lượng được5 Sợ phạm tội vọng ngữ.” 291. Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanankumãra. Bạch Thế Tôn? được biết nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanaồkumãra, Đại vương Vessavana khởi lên suy tư sau đây: “Chu thiện hữu5 thật là kỳ diệu! Chư thiện hữu, thật là hy hữu, sẽ có một Đạo sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, sẽ được trình bày sự chứng đắc đặc biệt như vay!” Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaồkumãra tự tâm mình biết được tâm trí của Đại vương Vessavana như vậy5 liền thưa với Đại vương: Đại vương Vessavana nghĩ như thế nào? Trong thời quá khứ đã có một Đạo sư thù thắng như vậy9 một pháp thoại thù thắng như vậy5 đã được trình bày sự chứng đăc đặc biệt như vậy... Trong thời tương lai sẽ có một Đạo sư thù thăng như vậy, một pháp thoại thù thăng như vậy5 sẽ được trình bày sự chứng đắc đặc biệt như vậy.

292. Đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanaồkumãra nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Đại vương Vessavana sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Phạm thiên Sanaồkumãra nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, liền nói lại với chúng của mình. Dạ-xoa Janavasabha sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Đại vương Vessavana nói với hội chúng, liền bạch lại với Thế Tôn. Thế Tôn sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của dạ-xoa Janavasabha, và sau khi tự mình chứng tri, liền nói lại cho Tôn giả Ãnanda. Tôn giả Ãnanda sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Thế Tôn, liền nói lại cho chúng Tỷ-kheo5 chúng Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ. Phạm hạnh này được hưng thịnh, được quảng bá? được truyền rộng cho đại chúng càng ngày càng đông, vì được khéo léo trình bày cho chư thiên và loài người.

19. KINH ĐẠI ĐIỂN TÔN (Mahãgovinda Suttdỷ

293. Như vầy tôi nghe. Một thời5 Thế Ton ở tại Vương Xá, núi Linh Thứu. Khi đêm đã gần mãn? Pancasikha (Ngũ Kế), thuộc dòng họ gandhabba (càn-thát-bà)5 với dung mạo đoan chánh, chói sáng toàn vùng núi Linh Thứu, đến tại chỗ Thế Tôn; sau khi đến9 đảnh lễ Ngài và đứng một bên. Sau khi đứng một bên? Pancasikha, thuộc dòng họ càn-thlt-bà, bạch Thể Tôn: Bạch Thế Tôn, những điều con đã tự thân nghe và chấp nhận trước mặt chư thiên ở Tam Thập Tam thiên, bạch Thế Tôn, con muốn bạch lại Thế Tôn. -Này Pancasikha, hãy nói cho Ta nghe! The Ton nói như vậy. 294. Bạch Thế Tôn, trong những ngày xưa, những ngày xa xưa, nhân đêm trăng rằm Bố-tát (Uposathă). trong tháng nhập an cư mùa mưa, toàn thể chư thiên ở cõi Tam Thập Tam thiên ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, xung quanh có đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía, tại bốn phương hướng có bốn vị Đại vương ngồi: Đại vương Dhatarattha (Trì Quốc Thiên Vương), vua ở phương Đông, ngồi xoay mặt hướng Tây, trước mặt thiên chúng; Đại vương VirũỊhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương), vua ở phương Nam, ngồi xoay mặt hướng Bắc, trước mặt thiên chúng; Đại vương Virũpakkha (Quảng Mục Thiên Vương), vua ở phương Tây, ngồi xoay mặt hướng Đông, trước mặt thiên chủng; Đại vương Vessavana (Tỳ-sa-môn Thiên Vương), vua ở phương Bắc, ngồi xoay mặt hướng Nam, trước mặt thiên chúng. Bạch Thê Tôn, khi nào toàn thê chư thiên ở cõi Tam Thập Tam ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, xung quanh có đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía và tại bốn phương hướng có bốn vị Đại vương ngồi, như vậy là thứ tự các chỗ ngồi của các vị này, rồi đến chỗ ngồi của chúng con. Bạch Thế Tôn, chư thiên nào trước sống Phạm hạnh theo Thế Tôn và nay mới sanh lên cõi Tam Thập Tam thiên, những vị này thắng xa chư thiên khác về thân sắc và danh tiếng. Bạch Thế Tôn, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam đẹp lòng, thoải mái, hoan hỷ sanh: "Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn a-tu-la giới bị suy giảm.,,

1 x?m M. II. 133; 5. LJ41,394,476; J. IV. 120,394,476. Kinh tương đương trong bộ TrườngA-hàm kỉnh là Điển Tôn kinh (Z01. 0001.03. 0030b 10). Tham chiếu: Phật thuyet Đại Kiền cố Ba-la-môn duyên Mởi•M(Ĩ.OL 0008. 0207c 18). ” , •

295. Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ? Thiên chủ Đế-thích (Sakka) thấy chư thiên ở cõi Tam Thập Tam hoan hỷ, bèn tùy hỷ nói lên bài kệ như sau: Chư Tam Thập Tam thiên, Cùng Đế-thích hoan hỷ? Đảnh lễ bậc Như Lai, Cùng Chánh pháp vi diệu. Thấy thiên chúng tân sanh, Quang sắc thật thù thắng, Các vị sống Phạm hạnh, Nay sanh tại cõi này. Họ thắng về quang sắc, Thọ mạng và danh ximg. Đệ tử bậc Đại Tuệ, Thù thắng sanh cõi này. Chư Tam Thập Tam thiên, Cùng Đế-thích hoan hỷ? Đảnh lễ bậc Như Lai, Và Chánh pháp vi diệu. Bạch Thế Tôn? chư thiên ở cõi Tam Thập Tam lại càng đẹp lòng, thoải mái, hoan hỷ hơn nữa và nói: uThiên giới thật sự được tăng thịnh, còn a-tu-la giới bị suy giảm.,, 296. Bạch Thể Tôn5 Thiên chủ Đế-thích biết được chư thiên ở cõi Tam Thập Tam hoan hỷ9 liền nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam: Các vị có muốn nghe tám pháp như thật của Thế Tôn không? Chúng tôi muốn nghe tám pháp như thật của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Đế-thích ở Tam Thập Tam thiên giải thích về tám pháp

như thật của Thế Tôn như sau: -Này chư thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên, các vị nghĩ thế nào? Như Lai dấn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Một vị Đạo sư dân thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy? chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thê Tôn. Chánh pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, một Chánh pháp thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, luôn luôn hướng thượng, chỉ người có trí tự mình giác hiêu. Một vị Giảng sư thuyêt pháp hướng thượng như vậy5 một vị Đạo sư đây đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thê Tôn. “Dây là thiên", 66đây là bất thiện,\ đã được Thế Tôn khéo giải thích. 6íĐây là

CÓ tộf\ "dây là không toi”"đây cần phải tuân theo”C4đây cầnj)hải né tránh”? "đây là hạ liệf\ uđây là cao thượng”, "dây là đen trắng đong dặng", được Thế Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích các pháp thiện, bất thiện, có tội? không có tội? cần phải thuận theo, cần phải né tránh, hạ liệt, cao thượng, đen trắng đồng đẳng như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy? chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn. Con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử, Niết-bàn và con đườïiẸ phối hợp thành một, đã được Thế Tôn khéo giải thích như nước sông Hằng phoi hợp và cùng chảy với nước sông Yamunã (Diệm-mâu-na). Cũng vậy? con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử, Niết-bàn và con đường phôi hợp thành một, đã được Thế Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích con đường hướng đến Niết-bàn như vậy? một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy? chúng ta thật khó tìm thây trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn. Vật dụng cúng duờng cho Thế Tôn đã được an bài chắc chắn, danh tiếng cũng đã được an bài chác chắn5 và ta nghĩ rằng các vị Khattiya (Sát-đế-ly) sống với gương mặt rất quý mến Ngài. Nhưng Thế Tôn sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn. Một vị song thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn như vậy, một vị Đạo sư đây đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thây trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thê Tôn. Thê Tôn cũng đã đào tạo được chúng thiện hữu Hữu học đang đi trên nẻo đạo và các vị Lậu tận đã hoàn tất Thánh đạo. Ngài không rời chúng mà sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc tru. Một vị sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc trú như vậy, một vị Đạo sư đây đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thây trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn. Thế Tôn nói gì thời làm vậy, làm gì thời nói vậy. Một vị nói gì thời làm vậy? làm gì thời nói vậy? thành tựu các pháp và tùy pháp như vậy, một vị đây đủ đức tánh như vậy? chúng ta thật khó tìm thây trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ The Tôn. Thế Tôn đã vượt khỏi nghi ngờ5 diệt trừ do du, được thỏa mãn về tâm nguyện và tối sơ Phạm hạnh. Một vị đã vượt khỏi nghi ngờ, diệt trừ do dự? được thỏa mãn vê tâm nguyện và tối sơ Phạm hạnh như vậy9 một bậc Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy5 chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn. a 297. Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Đế-thích đã giải thích về tám pháp như thật cua The Ton cho

chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Bạch The Tôn, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam lại càng hoan hỷ, tín thọ? hỷ lạc sanh hơn nữa khi được nghe tám pháp như thật cua Thê Tôn. Bạch Thế Tôn, rồi một số chư thiên nói như sau: Chư thiện hữu, nếu có được bốn vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời? diễn giảng Chánh pháp như Thế T6n, như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời5 vì hạnh phúc và an lạc cho loài trời và loài người.

342 KINH TRƯỜNG Bộ

Một số chư thiên khác lại nói như sau: Chư thiện hữu? cần gì có bốn vị Chánh Đẳng Giác. Chư thiện hữu, nếu co được ba vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời5 diễn giảng Chánh pháp như Thế Tôn, như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời5 vì hạnh phúc và an lạc cho loài trời và loài người. Một số chư thiên khác lại nói như sau: - Chư thiện hữu, cần gì có ba vị Chánh Đẳng Giác. Chư thiện hữu, nếu có được hai vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời? diễn giảng Chánh pháp như Thế Tôn? như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời9 vì hạnh phúc và an lạc cho loài trời và loài người. 298. Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Thiên chủ Đế-thích nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam: Chư thiện hữu, không một chỗ nào? không một thời gian nào cùng chung một thế giới mà có hai vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác đồng thời ra đời, không ra trước, không ra sau, không bao giờ sự kiện như vậy có thể xảy ra. Chư thiện hữu, một bậc Thế Tôn như vậy? không có tật bệnh, không có đau khổ? sống như vậy trong khoảng thời gian rất dài. Như vậy mới đem lại hạnh phúc cho chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời5 vì hạnh phúc và an lạc cho loài trời và loài người. Bạch Thế Tôn, rồi với mục đích gì chư thiên ở cõi Tam Thập Tam ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, các vị này suy tư, thảo luận về mục đích ấy. Và tùy thuộc về mục đích ấy, bốn vị Đại vương được thuyết giảng. Theo mục đích ấy9 bôn vị Đại vương được khuyên giáo, bôn vị này đêu đứng một bên chỗ ngôi của mình. Các Đại vương chấp nhận, Lời giảng dạy khuyến giáo, Thanh thoát và an tịnh. Đứng bên chô mình ngôi. 299. Bạch Thế Ton, rồi từ phương Bắc, một ánh sáng vi diệu Idiởi lên? một hào quang hiện ra thắng xa oai lực của chư thiên. Bạch Thế T6n, rồi Thiên chủ Sakka nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam: Này các thiện hữu, theo các hiện tượng được thấy, ánh sáng khởi lên, hào quang hiện ra, như vậy là báo hiệu Phạm thiên sẽ xuất hiện. Vì hiện tượng báo hiệu Phạm thiên xuất hiện là ánh sáng khởi lên và hào quang hiện ra. Theo hiện tượng được thây, Phạm thiên sẽ xuất hiện, Hiện tượng bậc Phạm thiên, Là hào quang vi diệu. 300. Bạch Thế Tôn? rồi chư thiên ở cõi Tam Thập Tam ngồi xuống trên ghế ngồi của mình và nói rằng:

19. KINH ĐẠI ĐIỂN TÔN 343

Chúng tôi sẽ tìm hiêu kêt quả của hào quang này là thê nào, sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy. Cũng vậy, bôn vị Đại vương ngôi xuông trên ghê của mình và nói răng: —Chúng tôi sẽ tìm hiểu kết quả của hào quang này là thế nào5 sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy. Sau khi nghe vậy, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam đều một lòng một ý: Chúng ta sẽ tìm hiêu kêt quả của hào quang này là thê nào, sau khi được biết,

chúng ta sẽ đi gặp vị ấy. Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanaồkumãra (Thường Đồng Hình) xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, Ngài xuất hiện với một hóa tướng thô xấu. Bạch Thế Tôn, vì khi Phạm thiên tự nhiên hiện hóa, các tương không đủ thù thắng để chư thiên ở cõi Tam Thập Tam khâm phục. Bạch Thế Tôn, nên khi Phạm thiên Sanaồkumãra xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, vị này thắng xa chư thiên khác về sắc tướng và danh tiếng. Bạch Thế Tôn, như một hình tượng bằng vàng chói sáng hơn thân hình con người5 cũng vậy, bạch Thế T6n, khi Phạm thiên Sanaồkumãra xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, vị này thắng xa chư thiên khác về sắc tướng và danh tiếng. Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanaốkumãra xuất hiện trước chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, không một vị thiên nào trong chúng này đảnh lễ hoặc đứng dậy mời Phạm thiên ngồi. Tất cả đều yên lặng, chắp tay, không ngồi trên chỗ ngồi của mình và nghĩ rằng: "Nay nếu Phạm thiên Sanaốkumãra muốn gì với vị thiên nào? thì hãy ngồi trên chỗ ngồi của vị thiên ấy." Bạch Thế Tôn5 Phạm thiên Sanaốkumãra ngồi trên chỗ ngồi của vị thiên nào, vị thiên ấy sẽ vô cùng sảng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, như vị vua Sát-đế-lỵ vừa mới làm lễ quán đảnh và lên vương vị9 vị ấy sẽ vô cùng sảng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ? cũng vậy5 bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaỏkumãra ngôi trên chô ngôi của vị thiên nào9 vị thiên ấy sẽ vô cùng sảng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ. Bạch Thê Tôn, rôi Phạm thiên Sanaốkumãra biêt được sự thoải mái hoan hỷ của chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, liền ẩn hình tùy hỷ nói lên bài kệ sau đây: Chư Tam Thập Tam thiên, Cùng Đế-thích hoan hỷ9 Đảnh lễ bậc Như Lai, Và Chánh pháp vi diệu. Thấy thiên chúng tân sanh, Quang sắc thật thù thắng, Các vị sông Phạm hạnh, Nay sanh tại cối này. Thăng xa vê quang săc, Thọ mạng và danh xưng, Đệ tử bậc Đại Tuệ, Thù thắng sanh cõi này.

Chư Tam Thập Tam thiên, Cùng Đế-thích hoan hy, Đảnh lễ bậc Như Lai, Và Chánh pháp vi diệu. 301. Bạch Thế Tôn, đó là nội dung lời nói của Phạm thiên Sanaồkumãra. Bạch Thế Tôn, tiếng nói của Phạm thiên Sanaồkumãra có tám đặc điểm sau đây: Lưu loát, dễ hiếu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang độnẹ. Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanaồkumãra giải thích cho hội chúng với tiêng nói của mình, tiếng nói không vượt ra khỏi đại chúng. Bạch Thế Tôn một tiếng nói có tám đặc điểm như vậy được gọi là Phạm âm. Bạch Thế T6n, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam nói với Phạm thiên Sanaồkumãra như sau: Lành thay! Này Phạm thiên, chúng tôi thật sự hoan hỷ với những điều chúng tôi đã được nghe. Hơn nữa, Thiên chủ Sakka đã nói đến tám pháp như thật của Thế Tôn và chúng tôi hoan hỷ với tám pháp này. 302. Bạch Thế Tôn, rồi Phạm thiên Sanaồkumãra nói với Thiên chủ Đế-thích: -Thật lành thay, Thiên chủ5 nếu chúng tôi được nghe tám pháp như thật của The Ton! Vâng, Đại Phạm thiên. Bạch Thế Tôn5 Thiên chủ Đế-thích giải thích tám pháp như thật của Thế Tôn cho Phạm thiên Sanaồkumãra: -Này thiện hữu Đại Phạm thiên, Ngài nghĩ thế nào? Như Lai dấn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời5 vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Một vị Đạo sư dấn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người như vậy5 một vị Đạo sư đầy đủ đức

tánh như vậy? chúng ta khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại5 trừ Thế Tôn. Chánh pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, một Chánh pháp thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, luôn luôn hướng thiện, chỉ người có trí tự mình giác hiểu. Một vị Giảng sư thuyết pháp hướng thượng như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn. "Đây là thiện,\ "đây là bất thiện5\ đã được Thế Tôn khéo gii thích. "Đây là có tộr\ "đây là không toi", "đây cần phải thuận theo' "dây cần phải né tránh9\ "dậy là hạ liệf\ 66đây là cao thượng", "đây là đen trắng đồng dang9\ đã được The Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích các pháp thiện, bất thiện, có tội, không có tội, cần phải thuận theo, cần phải né tránh, hạ liệt, cao thượng, đen trắng đồng đẳng như vậy? một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn.

19. KINH ĐẠI ĐIỂN TÔN 345

“Con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử, Niết-bàn và con đường phối hợp thành mộf\ đã được Thế Tôn khéo giải thích. Như nước sông Hằng phối hợp và cùng chảy với nước sông Yamunã, cũng vậy? con đường đưa đến Niết- bàn cho các đệ tử, Niết-bàn và con đường phối hợp thành một đã được Thế Tôn khéo giải thích. Một vị khéo giải thích con đường hướng đến Niết-bàn như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khư củng như trong hiện tại, trừ Thế Ton. Vật dụng cúng dường cho Thê Tôn đã được an bài chăc chăn; danh tiêng cũng đã được an bài chắc chắn, và tôi nghĩ rằng các vị Sát-đế-lỵ sống với diện mạo rất quý mến Ngài. Nhưng Thế Tôn sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn. Một vị sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn. Thế Tôn cũng đã đào tạo được chúng thiện hữu Hữu học đang đi trên nẻo đạo và các vị Lậu tận đã hoàn tất Thánh đạo. Ngài không rời chúng mà sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc trú. Một vị sống cùng chung một niềm hòa hợp lạc trú như vậy5 một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn. Thế Tôn nói gì thì làm vậy, làm gì thời nói vậy. Một vị nói gì thì làm vậy5 làm gì thì nói vậy5 thành tựu các pháp và tùy pháp như vậy, chúng ta thật khó tìm thây trong quá khứ cũng như trong hiện tại? trừ Thê Tôn. Thế Tôn đã vượt khỏi nghi ngờ5 diệt trừ do dự5 được thỏa mãn về tâm nguyện và tối sơ Phạm hạnh. Một vị đã vượt khỏi nghi ngờ, diệt trừ do dự, được thỏa mãn về tâm nguyện và tối sơ Phạm hạnh như vậy? một bậc Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy5 chúng ta thật khó tìm thấy trong quá khứ, cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn. 303. Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Sakka giải thích tám pháp như thật của Thế Tôn cho Phạm thiên ở Tam Thập Tam thiên. Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaồkumãra ở Tam Thập Tam thiên lại càng hoan hỷ, lại càng thích thú, hỷ duyệt sung mãn khi được nghe tám pháp như thật của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanaồkumãra xuất hiện với hình tướng thô xấu, hiện thành một Đồng tử tên là Pancasikha trước mặt chư thiên ở Tam Thập Tam thiên, bay bổng lên trời5 vị này ngồi kiết-già giữa hư không. Bạch The Tôn, như một vị lực sĩ ngồi kiết-già trên một chỗ nệồi được trải bằng phang hay trên một mặt đất thăng bằng, cũng

vậy, bạch The T6n, Phạm thiên Sanaồkumãra bay bổng trên trời, ngồi kiết-già giữa hư không và nói với chư thiên ở cõi Tam Tliạp Tam: 304. "Chu thiện hữu ở Tam Thập Tam thiên nghĩ thế nào, thế Tôn đã được đại trí tuệ bao lâu r8i?" Chư thiện hữu, thuở xưa có vị vua tên là Disampati (Thành Chủ). Vua Disampati có vị Quốc sư tên Govinda (Điển Tôn), và có vị Hoàng tử tên

là Renu (Lê-nô). Bà-la-môn Govinda có người con trai tên là Jotipala (Hộ Minh). Hoàng tử Renu? Đồng tử Jotipala cùng sáu người Sát-đế-lỵ nữa, tám người này là thân hữu. Sau một thời gian, Bà-la-môn Govinda mệnh chung. Khi nghe Bà-la-môn Govinda mệnh chung, Vua Disampati than khóc như sau: "Tiếc thay khi chung ta giao mọi công việc cho Bà-la-môn Govinda để chúng ta có thể được đầy đủ và thọ hưởng năm món dục tăng thịnh, chính khi ấy Bà-la-môn lại mệnh chung!" Nghe nói vậy, Hoàng tử Renu tâu với Vua Disampati: -Tâu Đại vương, chớ có quá sầu khổ than khóc vì Bà-la-môn Govinda từ trần! Tâu Đại vương, con của Bà-la-môn Govinda, thanh niên Jotipala còn sáng suốt hơn phụ thân, còn biết kế hoạch sinh lợi hơn phụ thân. Những trách nhiệm gì Đại vương giao cho phụ thân, nay hãy giao cho thanh niên Jotipala. Như vậy là phải, Hoàng tử. -Xin vâng5 tâu Đại vương. 305. Rồi Vua Disampati cho gọi một người và bảo: Khanh hãy đi đến thanh niên Jotipala và nói như sau: "Mong rằng mọi tốt lành hãy đến với thanh niên Jotipala! Vua Disampati cho gọi thanh niên Jotipala! Vua Disampati muốn được gặp thanh niên Jotipala!^ Tâu Đại vương, xin vâng. Người ấy vâng lệnh Vua Disampati, đến chỗ thanh niên Jotipala ở; khi đến xong5 liền nói với thanh niên Jotipala: Mong rằng mọi tốt lành hãy đến với thanh niên Jotipala! Vua Disampati cho gọi thanh niên Jotipala! Vua Disampati muốn được gặp thanh niên Jotipala! -Xin vâng, này thiện hữu. Thanh niên Jotipala vâng theo lời người ấy, đi đến chỗ Vua Disampati ở; khi đến xong, liền nói lên những lời viếng thăm và những lời khen tặng xã giao rôi ngôi xuông một bên. Vua Disampati nói với thanh niên Jotipala đang ngôi bên như sau: —Này thanh niên Jotipala! Nay ta muốn khanh chấp chánh! Thanh niên Jotipala, chớ có từ chối châp chánh! Ta sẽ đặt khanh trong địa vị của phụ thân. Ta sẽ phong cho khanh chức chưởng quản của Govinda! -Tâu Đại vương, xin vâng. Thanh niên Jotipala vâng theo lời dạy của Vua Disampati. Rồi Vua Disampati phong cho thanh niên Jotipala chức chưởng quản của Govinda và đặt vào địa vị của phụ thân. Thanh niên Jotipala được phong chức chưởng quản của Govinda như vậy và được đặt vào địa vị của phụ thân như vậy; những phần việc gì phụ thân điều hành, những phần việc ẩy thanh niên Jotipala điêu hành; những phần việc gì phụ thân không điều hành, những phần việc ấy thanh niên Jotipala không điều hành. Những công tác gì phụ thân thực

hiện, những công tác ấy thanh niên Jotipala thực hiện; những công tác gì phụ thân không thực hiện, những công tác ấy thanh niên Jotipala không thực hiện. Do vậy, dân chúng nói về Jotipala: 66Vị Bà-la-môn thật sự là Govinda! Vị Bà- la-môn thật sự là Mahãgovinda!,, Do điểm này, thanh niên Jotipala được gọi là Mahãgovinda và được

danh tiếng là Mahãgovinda. 306. Rồi Mahãgovinda đến tại chỗ sáu vị Sát-đế-lỵ ở; khi đến xong, liền nói với sáu vị Sát-đế-lỵ như sau: —Vua Disampati nay đã già9 trọng tuổi, lớn tuổi, đã đên thòi, đã đên hạn cuối cuộc đời. Này thiện hữu, ai có thể biêt được thọ mạng của vua? Sự việc này có thể xảy ra, nếu Vua Disampati mệnh chung, thời những vị có trách nhiệm phong vua, hãy phong Hoàng tử Renu lên vương vị. Chư thiện hữu, quý vị hãy đến chỗ Hoàng tử Renu an trú; khi đến xong, hãy thưa với Hoàng tử Renu: —Chúng tôi là những bạn hữu thân tinh, thân ái, tâm đầu ý hiệp với thiện hữu Renu. Chúng tôi sung sướng khi thiện hữu sung sướng, chúng tôi đau khổ khi thiện hữu đau khổ. Nay Vua Disampati đã già, trọng tuổi, lớn tuổi5 đã đến thời, đã đến hạn cuối cuộc đời. Này thiện hữu, ai có thể biết thọ mạng của vua? Sự việc này có thể xảy ra, nếu Vua Disampati mệnh chung, thời những vị có trách nhiệm phong vua, hãy phong Hoàng tử Renu lên vương vị. Nếu thiện hữu Renu lên vương vị? hãy chia sẻ vương vị với chúng tôi! -Xin vâng, thiện hữu. Sáu vị Sát-đế-lỵ này vâng theo lời của Bà-la-môn Mahãgovinda, đến tại chỗ của Hoàng tử Renu; khi đến xong, liền thưa với Hoàng tử Renu: Chúng tôi là những bạn hữu thân tình, thân ái5 tâm đầu ý hợp với thiện hữu Renu. Chúng tôi sung sướng khi thiện hữu sung sướng, chúng tôi đau khổ khi thiện hữu đau khổ. Nay Vua Disampati đã già, trọng tuổi? lớn tuổi, đã đến thời, đã đến hạn cuối cuộc đời. Này thiện hữu, ai có thể biết được thọ mạng của vua? Sự việc này có thể xảy ra, nếu Vua Disampati mệnh chung, thời những vị có trách nhiệm phong vua, hãy phong Hoàng tử Renu lên vương vị. Nếu thiện hữu Renu lên vương vị? hãy chia sẻ vương vị với chúng tôi! Chư thiện hữu, có ai khác có quyên hưởng an lạc trong quôc độ của tôi ngoài quý vị. Nếu tôi được lên vương vj, tôi sẽ chia sẻ vương vị cho quý vị. 307. Chư thiện hữu, sau một thời gian, Vua Disampati mệnh chung. Khi Vua Disampati mệnh chung, những vị có trách nhiệm phong vua liền phong Hoàng tử Renu lên vương vị. Khi được phong vương vị5 Hoàng tử Renu sống đầy đủ và thọ hưởng năm pháp dục tăng thịnh. Khi ấy, Bà-la-môn Mahãgovinda đi đến chỗ sáu vị Sát-đế-lỵ ở; khi đến xong? liền nói rằng: -Chư thiện hữu, Vua Disampati đã mệnh chung. Thiện hữu Renu được phong vương vị, lại sống đầy đủ và thọ hưởng năm pháp dục tăng thịnh. Chư thiện hữu, ai có thể biết được dục vọng khiến con người say đắm. Chư thiện hữu, hãy đi đến chỗ Vua Renu ở; khi đến xong, hãy nói với Vua Renu như sau:

"Thiện hữu, Vua Disampati đã mệnh chung, thiện hữu Renu được phong vương vị. Thiện hữu có nhớ lời hứa của mình khong?, 308. Xin vâng, này thiện hữu. Sáu vị Sát-đế-lỵ này vâng theo lời của Bà-la-môn Mahãgovinda, đi đến chỗ Vua Renu ở; khi đên xong, liền tâu Vua Renu như sau: Thiện hữu, Vua Disampati đã mệnh chung, thiện hữu Renu đã được phong vương vị. Thiện hữu có nhớ lời hứa của mình không? -Chư thiện hữu, tôi có nhớ lời hứa của tôi. Chư thiện hữu, ai có thể khéo phân chia đại địa này thành bảy phần đồng đều? Đại địa này phía Bắc thì rộng5 phía Nam như bộ phận trước của cỗ xe. -Này thiện hữu, ai có thể làm được, ngoại trừ Bà-la-môn Mahãgovinda? Rồi Vua Renu cho gọi một người và nói: -Này khanh, khanh hãy đi đến chỗ Bà-la-môn Mahãgovinda; khi đến xong, hãy nói với Bà-la-môn Govinda: "Này thiện hữu, Vua Renu cho gọi thiện hữu." Xin vâng, tâu Đại vương. Người ấy vâng theo lời

của Vua Renu, đến tại chỗ của Bà-la-môn Mahãgovinda ở; khi đến xong, liền nói với Bà-la-môn Mahãgovinda: Thiện hữu, Vua Renu cho gọi thiện hữu. Xin vâng, thiện hữu. Bà-la-môn Mahãgovinda vâng theo lời nói của người ấy, đến tại chỗ Vua Renu ở; khi đến xong, liền nói lên những lời thăm viếng và những lời khen tặng xã giao với Vua Renu rôi ngôi xuông một bên. Và Vua Reụu nói với Bà-la-môn Govinda đang ngồi một bên như sau: ĩ

Này thiện hữu Govinda, hãy đên và phân chia đại địa này thành bảy phần đồng đều, đại địa này phía Bắc thời rộng? phía Nam như bộ phận trước của cỗ xe. Xin vâng, tâu Đại vương. Bà-la-môn Mahãgovinda vâng theo lời nói của Vua Renu? phân chia đại địa này thành bảy phần đồng đều, đại địa này phía Bắc thời rộng, phía Nam như bộ phận trước của cô xe, tât cả như bộ phận trước của cô xe. Và Vua Renu giữ phần quốc độ trung ương. 309. Dantapura (Nại-đa-bố-la) cho dân Kãliồga (Ca-lăng-giới) và Potana (Bao-tĩnh-noa) cho dân Assaka (Ma-thấp-na-ca). Mãhissatĩ (Ma-hê-sa-ma) cho dânAvanti (Ương-đế-na) và Roruka (Lao-lỗ- ca) cho dân Sovĩra (Tô-vĩ-la). Mithilã (Di-thế-la) cho dân Videhã (Vi-đề-hê) và Campã (Thiềm-ba) được tạo ra cho dân Aốga (Ương-già). Bãrãnasĩ (Ba-la-nại) cho dân Kãsi (Ca-thi). Tất cả đều do Govinda tạo lập.

19. KINH ĐẠI ĐIỂN TÔN 349

. L \ A y

310. Và sáu vị Sát-đê-lỵ này đêu hoan hỷ vê khu phân của mình được và sự thành tựu của điều mong ước: "Những điêu gì chúng tôi muôn? những điêu gì chúng tôi ao ước, những điều gì chúng tôi nhăm đên, những điêu gì chúng tôi hy vọng, chúng tôi đều được het?9 Sattabhũ (Phá Oan Vương) và Brahmadatta (Phạm Thọ Vương), Vessabhũ (Thắng Tôn Vương) và Bharata (Minh Ai Vương), Renu (Lê-nô Vương) và hai Dhatarattha. Tất cả là bảy vị Bhãradha (Bà-la-đa Vương). 311. Rồi sáu vị Sát-đế-lỵ ấy đến tại chỗ Bà-la-môn Mahãgovinda ở; khi đến xong, liên nói với Bà-la-môn Mahãgovinda: Như thiện hữu Govinda là bạn hữu thân tinh, thân ái, tâm đầu ý hiệp với Vua Renu, cũng vậy, thiện hữu Mahãgovinda là bạn hữu thân tình, thân ái? tâm đầu ý hiệp với chúng tôi. Thiện hữu Govinda hãy giáo hóa chúng tôi? thiện hữu Govinda chớ có từ chối giáo hóa. -Xin vâng, chư thiện hữu. Thiện hữu Mahãgovinda trả lời cho sáu vị Sát-đế-lỵ này. Rồi thiện hữu Mahãgovinda giáo hóa về vương chánh cho bảy vị Sát-đế-lỵ đã được phong vua, và Mahãgovinda dạy các chú thuật cho bảy vị triệu phú Bà-la-môn và bảy trăm vị tịnh hạnh. 312. Sau một thời gian, danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về Bà-la-môn Mahãgovinda: 66Bà-la-môn Mahãgovinda tự thân thấy Phạm thiên. Bà-la-môn Mahãgovinda tự thân nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên.• Rôi Bà-la-môn Mahãgovinda suy nghĩ: "Danh tiêng tôt đẹp sau đây được truyền tụng về ta: 6Bà-la-môn Mahãgovinda tự thân thấy Phạm thiên. Bà-la- môn Mahãgovinda tự thân nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên/ Nhưng ta không thây Phạm thiên, ta không nói chuyện với Phạm thiên, không thảo luận với Phạm thiên, không nghị luận với Phạm thiên. Ta có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi5 cả giáo thọ và đệ tử đều nói rằng: 'Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa, tu tập thiền định về bi tâm, sẽ thấy Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo

luận và nghị luận với Phạm thiên/ Vậy ta hãy sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa và tu tập thiền định về bi tâm.,, 313. Rồi thiện hữu Bà-la-môn Mahãgovinda đi đến Vua Renu; khi đến xong, liền tâu với Vua Renu: Danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về thần: ccBà-la-môn Mahãgovinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên.,, Nhimg thần không thấy được Phạm thiên, không nói chuyện được với Phạm thiên, không thảo luận được với Phạm thiên? không luận nệhị được với Phạm thiên. Thần có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi? cả giáo thọ và đệ tử đều nói rằng: "Những ai sống tịnh cư trong bon tháng mùa mưa, tu tập thiền định về bi tâm, sẽ thây được Phạm thiên, sẽ nói

chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiêR.” Nay thân muôn sông tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa và tu tập thiền định về bi tâm, không một ai được đến gặp thần, chỉ trừ một người đem đô ăn. Này thiện hữu Govinda, hãy làm những gì khanh nghĩ là hợp thời. 314. Rồi Bà-la-môn Mahã^ovinda đến tại chỗ sáu vị Sát-đế-lỵ ở; khi đến xong? liền nói với sáu vị Sát-đế-lỵ: Danh tiêng tôt đẹp sau đây được truyên tụng vê tôi: "Bà-la-môn Mahãgovinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiOn." Nhưng tôi không được thấy Phạm thiên, không nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiên. Nhưng tôi có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi, cả giáo thọ và đệ tử đều nói rằng: "Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa, tu tập thiền định về bi tâm, sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và nghị luận với Phạm thiên.Nay tôi muốn sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa, tu tập thiền định về bi tâm, không một ai được đến gặp tôi, chỉ trừ một người đem đồ ăn. -Này thiện hữu Govinda, hãy làm những gì thiện hữu nghĩ là hợp thời. 315. Rồi Bà-la-môn Mahãệovinda đi đến chỗ bảy vị triệu phú Bà-la-môn và bảy trăm vị tịnh hạnh ở; khi đển xong, liền nói với các vị này như sau: Chư thiện hữu, danh tiêng tôt đẹp sau đây được truyên tụng vê tôi: "Bà-la- môn Mahãgovinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận? luận nghị với Phạm thiên.Nhimg tôi không thấy được Phạm thiên, không nói chuyện, thảo luận5 luận nghị với Phạm thiên. Tôi có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi? cả giáo thọ và đệ tử đều nói rằng: "Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mua, tu tập thiền định về bi tâm5 sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thi8n." Nay tôi muốn sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa, tu tập thiền định về bi tâm, không một ai được đến gặp tôi, chỉ trừ một người đem đồ ăn. -Này thiện hữu Govinda, hãy làm những gì thiện hữu nghĩ là hợp thời. 316. Rồi Bà-la-môn Mahãgovinda đi đến bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng của mình; khi đến xong, liền nói với bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng như sau: -Chư thiện hữu, danh tiếng tốt đẹp sau đây được truyền tụng về tôi: "Bà-la- môn Mahãgovinda tự thân thấy được Phạm thiên, tự thân nói chuyện, thảo luận5 luận nghị với Phạm thiên.,, Nhưng tôi không được thấy Phạm thiên, tôi không nói chuyện, thảo luận, luận nghị với Phạm thiên. Tôi có nghe các vị Bà-la-môn trưởng thượng, lớn tuổi, cả giáo thọ và đệ tử đều nói rằng: "Những ai sống tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa? tu tập thiền định về bi tâm, sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và luận nghị với Phạm thiOn." Nay tôi muốn sống tịnh cư trong bốn

tháng mùa mưa, tu tập thiền định về bi tâm, không một ai được đến gặp tôi9 chỉ trừ một người đem đồ ăn. —Này thiện hữu Govinda, hãy làm những gì thiện hữu nghĩ là hợp thời.

19. KINH ĐẠI ĐIỂN TÔN 351

317. Rồi thiện hữu Mahãgovinda cho làm một hội đường mới về phía Đông kinh thành, tịnh cư trong bốn tháng mùa mưa và tu tập thiền định về bi tâm? không một ai đến gặp, trừ người đem đồ ăn. Sau bốn tháng, sự thất vọng và sợ hãi sau đây khởi lên cho Bà-la-môn Mahãgovinda: "Ta có nghe các vị Bà-lamôn trưởng thượng, lớn tu6i, cả giáo thọ và đệ tử đêu nói răng: 'Những ai sông tịnh cư trong bốn tháng mùa mua, tu tập thiền định về bi tâm9 sẽ thấy được Phạm thiên, sẽ nói chuyện, thảo luận và nghị luận với Phạm thiên? Nhưng nay ta không thấy Phạm thiên, không nói chuyện với Phạm thiên, không thảo luận với Phạm thiên, không nghị luận với Phạm thiên.” 318. Rồi Phạm thiên Sanaỏkumãra với tâm của mình biết được tâm của Bà-la-môn Mahãgovinda, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại hay CO lại cánh tay đang duôi ra, cũng vậy, Phạm thiên biên mât ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Bà-la-môn Mahãgovinda. Rôi Bà-la-môn Mahãgovinda hoảng hốt, run sợ, lông tóc dựng ngược khi nhìn thấy thân tướng trước đây chưa từng thấy, thốt lên bài kệ sau đây với Phạm thiên Sanaốkumãra: Ôi, đoan tướng quang vinh! Thiện hữu thật là ai? Không biết nên hỏi Ngài, Để chúng tôi biết Ngài. Phạm thiên giới biết ta, Là Đồng Tử Thường Hằng. Ta là bậc Thiên Vương, Hãy biết ta là vậy. Hãy đem đến sàng tọa, Nước rửa chân, thục mật. Hiên giả muôn nhận gì? Hãy cho chúng tôi biết! Ta chấp nhận cúng vật, Mà ngươi vừa đề cập. Vì hạnh phúc hiện tại, Vì an lạc tương lai, Dịp may nay đã đến, Hãy hỏi điều ngươi muốn. 319. Rồi Bà-la-môn Mahãgovinda suy nghĩ: 6tĐây là dịp may Phạm thiên Sanaồkumãra dành cho ta. Ta nay hỏi Phạm thiên Sanaồkumãra điều gì để được ích lợi cho hiện tại và tương lai." Rôi Bà-la-môn Mahãgovinda suy nghi: "Ta rât giỏi vê những lợi ích hiện tại. Chính người khác cũng hỏi ta về những lợi ích hiện tại. Vậy ta hãy hỏi Phạm thiên Sanaồkumãra lợi ích tương lai.” Rồi Bà-la-môn Mahãgovindanói bài kệ sau đây với Phạm thiên Sanaồkumãra:

352 KINH TRƯỜNG Bộ

Nay ta hỏi Phạm thiên, Sanaồkumãra. Ta hỏi điều nghi ngờ, Người khác đêu muôn biêt. An trú tại chỗ nào5 Tu tập tại chỗ nào, Để chứng quả Bất tử, Chính tại Phạm thiên giới? —Này người Bà-la-môn5 Ai bỏ ngã? ngã sở? Tâm chuyên chú nhứt cảnh, Tu tập đại bi tâm, Thoát ly mọi xú uế, Lánh xa mọi tà dục5 An trú ở nơi đây9 Để chứng quả Bất tử, Chính tại Phạm thiên giới. 320. “Từ bỏ ngã và ngã sở hữu”thưa Tôn giả, câu ấy tôi hiểu. Trong đời có người từ bỏ tài sản nhỏ hay từ bỏ tài sản lớn, từ bỏ vòng quyến thuộc nhỏ hay từ bỏ vòng quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu t6c, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình. Thưa Tôn giả, như vậy ta hiêu nghĩa từ bỏ ngã và ngã sở hữu. "Tâm chuyên nhất cảnh,\ thưa Tôn giả5 câu ấy tôi hiểu. Trong đời, có người lựa một chỗ an trú thanh vắng, một khu rừng, một gốc cây, một ngọn núi5 một hang cốc5 một bãi tha ma, một sơn lâm, giữa trời không, một đống rơm. Thưa Tôn giả, như vậy tôi hiêu nghĩa tâm chuyên nhât cảnh. "Tu tập bi tâm,\ thưa Tôn giả5 câu ấy tôi

hiểu. Trong đời, có người an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi, cũng vậy phương thư hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới5 trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với bi, quảng dại, vô biên, không hận, không sân. Thưa Ton giả, như vậy tôi hiểu nghĩa tu tập bi tâm. Thưa Tôn giả? riêng câu nói về xú uế, tôi không được hiểu. Này Phạm thiên, trong loài người cái gì là xú uế? Đó là điều ở nơi đây tôi khong hieu. Ton gia hãy noi di! —Loài người bi gì che, Cái gì bị trói buộc, Phải chịu sanh đọa xứ, Bị đóng cửa Phạm thiên? Phẫn nộ và vọng ngữ5 Gian manh và lừa đảo9

19. KINH ĐẠI ĐIỂN TÔN 353

Hà tiện và quá mạn,
Tật đô và dục câu,
Nghi ngờ và hại người,
Tham, sân, si, kiêu mạn,
Những tánh này trói buộc,
Khiên con người xú uê,
Phải chịu sanh đọa xứ,
Bị đóng cửa Phạm thiên.

-Như tôi hiểu lời Tôn giả giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì mà điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

—Hiền giả Govinda, hãy làm gì Hiền giả xem là hợp thời.

321. Rồi Bà-la-môn Mahãgovinda đi đến chỗ Vua Renu ở; khi đến xong, liền tâu với Vua Renu:

Này Tôn giả, hãy tìm một phụ tá khác, vị này sẽ điều khiển quốc sự cho
Tôn giả. Tôi muôn xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình. Tôi được nghe
Phạm thiên giải thích các xú uê? chúng không dê gì mà điêu phục được, nêu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

- Vua Renu quốc chủ,
Thần xin tâu ngài rõ:
Hãy biết quốc độ ngài,
Thần không thiết chức vụ.
-Nếu khanh thiếu dục lạc,
Ta cho khanh đầy đủ.
Nếu có ai hại khanh,
Quốc chủ, ta ngăn chặn.
Khanh là cha, ta con,
Khanh chớ bỏ rơi ta.
- Thần không thiếu dục lạc,
Không có ai hại thần.

Vì nghe bậc phi nhân,
Thần không thiết gia đình.
-Phi nhân ấy là ai,
Vị ây đã nói gì,
Khanh nghe, bỏ gia đình,
Bỏ ta, bỏ tất cả?
Trước kia ở nơi đây5
Lòng thần chỉ nguyện cầu,
Lo đốt nén lửa thiêng,
Và rải cỏ cát tường.
354 KINH TRƯỜNG Bộ

Nay Phạm thiên hiện ra, Hiện từ Phạm thiên giới, Trả lời câu hỏi thần, Nghe xong thần bỏ nhà. -Này khanh Govinda, Ta tin lời khanh nói! Được nghe bậc phi nhân, Làm sao làm khác được? Ta sẽ theo gương khanh, Bậc Thầy của chúng ta. Như hòn ngọc lưu ly5 Không tỳ vết, không uế, Thật trong sạch như vậy, Ta theo giáo lý người. Nếu thiện hữu Govinda xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thời tôi cũng xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu đi5 chỗ ấy chúng tôi sẽ đi. 322. Rồi Bà-la-môn Mahãgovinda đi đến chỗ sáu vị Sát-đế-lỵ ở; khi đến xong, liền nói với sáu vị ấy như sau: "Chu Hiền giả5 hãy tìm một vị phụ tá khác, vị này sẽ điều khiển quốc sự cho quý vị Hiền giả. Tôi muốn xuất gia, từ bỏ ẹia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uê? chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia dính.” Rồi sáu vị Sát-đế-lỵ đi qua một bên và thảo luận như sau: "Những người Bà-la-môn này rất tham tài sản. Chúng ta hãy lấy tài sản để dụ dỗ Bà-la-môn này." Các vị này đến tại chỗ của Bà-la-môn Mahãgovinda và nói: Thiện hữu, tài sản trong bảy quôc độ này rât là phong phh, thiện hữu muốn bao nhiêu5 thiện hữu cứ lấy bấy nhiêu. Thôi thôi5 chư thiện hữu! Tài sản của tôi rất là phong phú, nhờ sự giúp đỡ của quý vị. Nay tôi đã bỏ mọi danh lợi ấy để xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thh về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Rồi sáu vị Sát-đế-lỵ đi qua một bên và thảo luận như sau: "Những người Bà-la-môn này rất tham đàn bà. Chúng ta hãy lấy đàn bà để dụ dỗ Bà-la-môn này.” Các vị này đến tại chỗ của Bà-la-môn Mahãgovinda và nói: —Thiện hữu, đàn bà trong bảy quốc độ này rất nhiều. Thiện hữu muốn bao nhiêu, thiện hữu cứ lấy bấy nhiêu. -Thôi thôi, chư thiện hữu! Tôi có đến bốn mươi vị phu nhân, thảy đều

19. KINH ĐẠI ĐIÊN TÔN 355

đông đăng. Tôi nay muôn từ bỏ tât cả các vị ây đê xuât gia, từ bỏ gia dinh, sông không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. 323. Nếu thiện hữu Govinda xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, thì

chúng tôi cũnẸ sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình. Chỗ nào thiện hữu di, chỗ ay chúng tôi sẽ đi: Nếu từ bỏ dục vọng, r Mà kẻ phàm say đăm9 Tinh cần và cương quyết, Vững chắc trong nhẫn lực? Đó là con đường chánh/ Con đường hướng vô thượng, Đó là pháp chơn úiật, Được thiện nhân hộ tri, Sanh lên cõi Phạm thiên. Do vậy5 thiện hữu Govinda hãy chờ bảy năm nữa, sau bảy năm, chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu đi, chỗ ấy chúng tôi đi. Chư thiện hữu, bảy năm quá lâu dài. Tôi không thể chờ các Hiền giả đến bảy năm. Ai có thê biêt được vê mạng sông. Chúng ta phải bước di, hướng vê tương lai. Chúng ta phải hiêu rõ vê trí tuệ.23 Việc thiện chúng ta cân phải làm. Phạm hạnh chúng ta cần phải thực hành. Không ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điêu phục được, nêu phải sông tại gia. Nay tôi muôn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. -Vậy thiện hữu Govinda, hãy chờ trong sáu năm nữa... hãy chờ trong năm năm nữa... hãy chờ trong bốn năm nữa... hãy chờ trong ba năm nữa... hãy chờ trong hai năm nữa... hãy chờ trong một năm nữa. Sau một năm, chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu di, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi. Chư thiện hữu, một năm quá lâu dài. Tôi không thể chờ các Hiền giả đến một năm. Ai có thể biết được về mạng sống. Chúng ta phải bước đi, hướng về tương lai. Chúng ta phải hiểu rõ về trí tuệ. Việc thiện chúng ta cần phải làm. Phạm hạnh chúng ta cần phải thực hành. Không ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

2 Xem s. 1.33. 3 Mantãya. Buddhaghosa viết Mantã vuccatipannă. Tham khảo A. II. 141-228; Dh. 363.

-Vậy thiện hữu Govinda, hãy chờ trong bảy tháng nữa. Sau bảy tháng, chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu di, cho ấy chúng toi sẽ đi. Chư thiện hữu, bảy tháng quá lâu dai. Tôi không thể chờ các Hiền giả đến bảy tháng. Ai có thể biết được vê mạng sống. Chúng ta phải bước đi, hướng về tương lai. Chúng ta phải hiểu rõ về trí tuệ. Việc thiện chúng ta cần phải làm. Phạm hạnh chúng ta cần phải thực hành. Khônệ ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. -Vậy thiện hữu Govinda, hãy chờ sáu tháng nữa... hãy chờ năm tháng nữa... hãy chờ bốn tháng nữa... hãy chờ ba tháng nữa... hãy chờ hai tháng nữa... hãy chờ một tháng nữa... hãy chờ nửa tháng nữa. Sau nửa tháng, chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu di, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi. Chư thiện hữu, nửa tháng quá lâu dài, tôi không thể chờ các Hiền giả đến nửa tháng. Ai có thể biết được về mạng sống. Chúng ta phải bước di, hướng về tương lai. Chúng ta phải hiểu rõ về trí tuệ. Việc thiện chúng ta cần phải làm. Phạm hạnh chúng ta cần phải thực hành. Khônệ ai tránh khỏi sự chết khi phải sanh ra. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích vê các xú uê9 chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia

đình. -Vậy thiện hữu Govinda, hãy chờ cho bảy ngày, cho đến khi chúng tôi giao quốc độ cho các người con và người anh của chúng tôi. Sau bảy ngày, chúng tôi sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu di, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi. Chư thiện hữu, bảy ngày không lâu gì, tôi sẽ chờ chư thiện hữu cho đến bảy ngày. 324. Rồi Bà-la-môn Mahã^ovinda đi đến chỗ bảy triệu phú Bà-la-môn và bảy trăm vị tịnh hạnh ở; khi đến xong, liền nói với bảy vị triệu phú Bà-la-môn và bảy trăm vị tịnh hạnh như sau: Này các thiện hữu, hãy tìm một vị giáo thọ khác, vị ấy sẽ dạy các thần chú cho chư thiện hữu. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thiện hữu Bà-la-môn Govinda chớ có xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này thiện hữu, xuất gia ít có quyền thế, và ít có lợi dưỡng. Làm người Bà-la-môn có nhiêu quyên thê và có nhiêu lợi dưỡng. Chư thiện hữu chớ có nói như vậy: “Xuất gia ít có quyền thế và ít có lợi

dưỡng. Làm người Bà-la-môn có nhiều quyền thế và có nhiều lợi dưỡng.^, Chư thiện hữu, có ai nhiều quyền thế và nhiều lợi dưỡng hơn tôi. Tôi nay là vua các vị vua, là Phạm thiên cho các vị Bà-la-môn? và là vị trời cho các gia chủ9 và tất cả điêu này, tôi muôn vât bỏ, xuât gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình. Nếu thiện hữu Govinda xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chúng tôi cũng sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào thiện hữu đi5 chỗ ấy chúng tôi sẽ đi. 325. Rồi Bà-la-môn Mahãgovinda đi đến bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng; khi đến xong, liền nói với bốn mươi vị phu nhân đồng đẳng như sau: Các phu nhân, nêu muôn5 hãy trở vê gia đình của mình hay gia đình quyên thuộc và tìm một người chồng khác. Tôi nay muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tôi được nghe Phạm thiên giải thích về các xú uế, chúng không dễ gì điều phục được, nếu phải sống tại gia. Nay tôi muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ngài là người quyên thuộc của chúng tôi? người quyên thuộc mà chúng tôi ao ước. Ngài là chông của chúng tôi, người chồng mà chúng tôi ao ước. Nếu Tôn giả Govinda xuât gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình, chúng tôi cũng sẽ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chỗ nào Tôn giả đi, chỗ ấy chúng tôi sẽ đi. 326. Rồi Bà-la-môn Mahãgovinda, sau bảy ngày, liền cạo bỏ râu tóc5 đắp áo cà-sa5 xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi Bà-la-môn Mahãgovinda xuất gia, bảy vị Sát-đế-lỵ được làm lễ quán đảnh lên vương vị? bảy vị Bà-la-môn triệu phú, bảy trăm vị tịnh hạnh, bốn mươi vị phu nhân đồnẹ đăng, vài ngàn vị Sát-đế-lỵ5 vài ngàn vị Bà-la-môĩi, vài ngàn cư sĩ và một sô thiếu phụ trẻ từ các cư xá thiếu phụ, những vị này đều cạo bỏ râu t6c, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình theo Bà-la-môn Mahãgovinda. Và được bao vây bởi hội chúng như vậy, Bà-la-môn Mahãgovinda du hành đi qua làng, qua quận, qua các đô thị. Và đến tại làng nào5 hay quận nào, hay đô thị nào, Bà-la-môn Mahãgovinda đều được xem là vua các vị vua, là Phạm thiên cho các Bà-la-môn, là vị trời cho các cư sĩ. Trong thời gian ấy, nếu có người

nào nhảy mũi hay trượt chân, người ấy liền nói: "Đảnh lễ Bà-la-môn Mahãgovinda! Đảnh lễ vị phụ tá bảy quốc độ!95 327. Bà-la-môn Mahãgovinda an trú, biên mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế gi&i, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Bà-la-môn Mahãgovinda an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu

với xả? cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với X,quảng dại, vô biên, không hận, không sân. Và vị ấy dạy cho các đệ tử con đường đưa đến sự thân hữu với Phạm thiên giới. 328. Và tất cả những vị nào trong thời ấy là đệ tử của Bà-la-môn Mahãgovinda đều hiểu được toàn diện giáo lý của Bà-la-môn Mahãgovinda. Những vị này, sau khi thân hoại mạng chung, đều được sanh lên thiện thú, Phạm thiên giới. Những vị nào khônệ hiểu một cách toàn diện tất cả giáo lý? sau khi thân hoại mạng chung, một sô được sanh làm thân hữu với chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại, một số được sanh làm thân hữu với chư thiên ở cõi Hóa Lạc, một số được sanh làm thân hữu với chư thiên ở cõi Bâu-suất, một SÔ được sanh làm thân hữu với chư thiên ở cõi Dạ-ma, một sô được sanh làm thân hữu với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, một số được sanh làm thân hữu với chư thiên ở cõi Tứ Thiên Vương. Cho đến những vị phải thành tựu các thân thấp kém nhất cũng được thành tựu thân càn-thát-bà. Như vậy tất cả những thiện nam tử đã xuất gia không phải vô hiệu, không phải vô ích; trái lại5 thật sự có hiệu quả? có lợi ích. 329. - Thế Tôn có nhớ không? Này Pancasikha, Ta có nhớ. Ta thuở ấy là Mahãgovinda. Ta dạy cho các đệ tử của Ta con đường đưa đến sự thân hữu ở Phạm thiên quốc. Nhưng này Pancasikha, con đường Phạm hạnh ấy không đưa đến yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh9 thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Con đường ấy chỉ đưa đên cõi Phạm thiên. Này Pancasikha, con đường Phạm hạnh của Ta hoàn toàn đưa đến yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Này Pancasikha, thế nào là con đường Phạm hạnh hoàn toàn đưa đến yểm ly, ly dục? tịch diet, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn? Đó là Thánh đạo tám ngành tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Này Pancasikha, con đường Phạm hạnh này hoàn toàn đưa đến yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. 330. Này Pancasikha, những vị đệ tử nào đã hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, những vị ấy trừ diệt các lậu hoặc, vô lậu5 tự mình hiện chứng thắng trí giác ngộ, sống an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Trong những vị không hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, một số những vị ấy, diệt trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh [lên thiên giới] và ở tại chỗ ấy được nhập Niết-bàn, không phải sanh lại thế giới này. Trong những vị không hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, một số những vị ấy diệt trừ ba kiết sử, làm nhẹ bớt tham, sân, si5 thành bậc Nhất Lai, chỉ phải sanh vào thế giới này một lần nữa rồi diệt tận khổ đau. Trong những vị không hiểu được toàn diện tất cả giáo lý của Ta, một số những vị ấy trừ diệt ba kiết sử,

thành bậc Dự Lưu, không còn phải sanh vào đọa xứ, nhất định chứng quả Bồ-đề. Này Pancasikha, như vậy tất cả những

thiện nam tử đã xuất gia không phải vô hiệu, không phải vô ích; trái lại, thật sự có hiệu quả9 có lợi ích. Thế Tôn thuyết giảng như vậy? Pancasikha, con của càn-thát-bà? sung sướng, hoan hỷ nghe lời dạy của Thê Tôn, đảnh lê Ngài, thân phía hữu hướng về Ngai và biến mat tại chồ.

20. KINH ĐẠI HỌI (Mahãsamaya Suttdỷ

331. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú tại bộ tộc Sãkya (Thích-ca), thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở Đại Lâm (Mahãvana), cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, tất cả đều là bậc A-la-hán. Và chư thiên ở mười phương thế giới phần lớn cũng thường tập hội để chiêm ngưỡng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, bốn vị Tịnh Cư thiên (Suddhãvãsa) suy nghĩ như sau: "Thế Tôn nay trú tại bộ tộc Sãkya, thành Kapilavatthu, ở Đại Lâm, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị? tất cả đều là bậc A-la-hán. Và chư thiên ở mười phương thế giới phần lớn cũng thường tập hội để chiêm ngư&ng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo. Vậy chúng ta hãy đến tại chỗ Thế Tôn ở; khi đến xong, mỗi chúng ta sẽ đọc một bai kệ dang lên Thế Ton." 332. Rồi chư thiên ấy, nhanh như nhà lực sĩ duỗi cánh tay co lại, hay co cánh tay duỗi ra, biến mất từ Tịnh Cư thiên và hiện ra trước mặt Thế Tôn. Chư thiên ấy đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Sau khi đứng một bên? một vị thiên đọc bài kệ trước Thế Tôn: Đại hội tại Đại Lâm, Chư thiên đồng tụ tập? Chúng con đến pháp hội? Chiêm ngưỡng chúng Bất Thắng. Rồi một vị thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn: Tại đây chúng Tỷ-kheo, Thiền định, tâm chánh trực, Như chủ xe nắm cương, Bậc trí hộ các căn. Lại một vị thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn: Như khóa gãy, chốt tháo, Trụ cửa bị đào lên9 Sống thanh tịnh, có mắt Như voi khéo điều phục.

1 Xem s. L 54. Kinh tương đương trong bộ Trường A-hàm kinh Đại hội kinh (7L01. 0001.19. 0079b02); Tham chiếu: Phật thuyet Đại tam-ma-nhạ (T.01. 0019. 0258al0); Tạp. (r.02. 0099.1192. 0323al2); Biệt Tạp.(T.02. 0100.105. 0411a24). '

Lại một vị thiên khác cũng đọc lên một bài kệ trước Thế Tôn: Những ai quy y Phật, Sẽ không đọa ác thú, Sau khi bỏ thân người, Sẽ sanh làm chư thiên. 333. Rồi Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo, phần lớn chư thiên mười phương thế giới tụ họp để chiêm ngưỡng Như Lai và chúng Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, những vị nào trong thời quá khứ đã là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, những vị này được một thiên chúng tối thắng tụ hội xung quanh như Ta hiện nay vậy. Này các Tỷkheo, những vị nào trong thời vị lai sẽ là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, những vị này cũng sẽ được một thiên chúng tối thắng tụ hội xung quanh như Ta hiện nay vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ tuyên bố danh tánh của chư thiên. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ cáo tri danh tánh của chư thiên. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng danh tánh của chư thiên. Hãy nghe và khéo tác ý5 Ta sẽ giảng. Xin vâng, bạch Thế Tôn. Chư Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn

giảng như sau: 334. Bài kệ Ta sẽ giảng: Chư thiên trú thiên giới, Những vị trú hang núi? Tâm tịnh, an thiền định. A

Như sư tử tuy năm,
Làm hoảng sợ quần sanh,
Tâm tư thuân tịnh bạch,
Trong sáng, không cấu uế.
Biêt hơn năm trăm vị5
Tại rừng Ca-tỳ-la?
Bậc Đạo sư thuyết giảng,
Chúng đệ tử thích nghe,
Các Tỷ-kheo? hãy xem5
Chư thiên chúng đến gần.
Nghe lời dạy đức Phật,
Đại chúng nhiệt tình xem.
Và hiện ra trước chúng,
Thấy rõ hàng phi nhân,
Kẻ thấy trăm thiên thần,
Ngàn thân và hơn nữa.
Kẻ thấy bảy mươi ngàn9
Toàn các bậc phi nhân.
Kẻ thấy vô lượng vj,
20. KINH ĐẠI HỘI 363

Cùng khăp mọi phương hướng.
Với Pháp nhãn âiấy rõ7
Và phân biệt tất cả,
Bậc Đạo sư thuyết giảng,
Chúng đệ tử thích nghe,
Các Tỷ-kheo hãy xem,
Chư thiên chúng đến gần.
Ta sẽ theo thứ lơp,
Thuyết kệ cho người nghe.
335. Bảy ngàn loại Dạ-xoa5
Trú tại Ca-tỳ-la,
Có thần lực hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng, r
Hoan hỷ đên rừng này?
Chiêm ngưỡng chung Tỷ-kheo.
Sáu ngàn từ Tuyết sơn,
Dạ-xoa đủ sắc mặt,

Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng, r
Hoan hỷ đên rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Ba ngàn từ Sãta,
Dạ-xoa đủ sắc mặt5
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này5
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Như vậy mười sáu ngàn,
Dạ-xoa đủ sắc mặt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Năm trăm từ Vessãmitta,
Dạ-xoa đủ sắc mặt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đên rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Kumbhĩra Vương Xá,
Trú tại Vepulla,

Hơn trăm ngàn Dạ-xoa,
Hầu hạ vây xung quanh.
Kumbhĩra Vương Xá,
Cũng đến họp rừng này.
336. Vua Dhatarattha (Trì Quốc Thiên Vương),
Trị vì tại phương Đông,
Chúa tể Càn-thát-bà5
Bậc Đại vương danh tiếng.
Vị này có nhiêu con,
Đại lực, tên Inda,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.

Quốc vương VirũỊhaka (Tăng Trưởng Thiên Vương),
Trị vì tại phương Nam,
Chúa tể Cưu-bàn-trà (Kumbhanda),
Bậc Đại vương danh tiêng.
Vị này có nhiêu con,
Đại lực9 tên Inda,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng, r
Hoan hỷ đên rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Vua Virũpakkha (Quảng Mục Thiên Vương),
Trị vì tại phương Tây,
Chúa tể loài Nãga,
Bậc Đại vương danh tiếng.
Vị này có nhiều con,
Đại lực. tên Inda,
Có thân lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đên rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Quốc vương Kuvera (Đa Văn Thiên Vương),
Trị vì tại phương Bắc,
Chúa tể loài Dạ-xoa,
Bậc Đại vương danh tiêng.
Vị này có nhiều con,
Đại lực, tên Inda,
Có thần lực5 hào quang,
20. KINH ĐẠI HỘI 365

Có Sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Trì Quốc Vương, phương Đông,
Tăng Trưởng Vương, phương Nam,
Quảng Mục Vương, phương Tây,
Đa Văn Vương, phương Bắc,
Bốn bậc Đại vương này,
Khắp cả bốn phương trời,
Cùng đứng, chói hào quang,
Khắp rừng Ca-tỳ-la.

337. Cũng đến các bộ hạ,
Giả dối và xảo quyệt,
Mãyã, Kutendu, Vitendu, Vituta,
Vitucca, Candana, Kamasettha,
Kinnughandu,
Nighandu chín vị đến.
Panada, opamanna, Mtali,
[Người đánh xe chư thiên].
Càn-thát-bà Cittasena,
Vua NaḶa, Janesabha,
Pancasikha, Timbarũ,
Suriyavaccasã cũng đến.
Như vậy cả vua chúa,
Cùng với Càn-thát-bà,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
338. Từ Nãgasã, Vesãlã, Tacchakã,
Các Nãga cũng đên.
Kambala, Assatarã, Pãyãgã,
Cũng đên với quyên thuộc.
Các Nãga có danh tiếng,
Dhataratthã và Yãmunã cũng đến.
Erãvana, Long vương,
Cũng đên tại ngôi rừng.
Những thiên điểu nhị sanh,
Với cặp mắt thanh tịnh, r
Mãnh liệt chông Long vương,
Nay bay đến ngôi rừng.
Tên chung là Citrã,
Và tên Supannã,

Long vương không sợ hãi,
Nhờ ơn Phật an toàn.
Với những lời nhẹ nhàng,
Chúng tự khuyên bảo nhau,
Naga, Supannã (Kim Sí điểu),
Đều đến quy y Phật.
339. Asura ở biển,
Bị sét Kim Cang Thủ,

Anh của Vảsava,
Có thần lực danh xưng.
KãỊakafỊjakã dị hình (Tu-la)5
Dãnaveghasã, Vepacitti,
Cùng với Sucitti,
Với Pahãrãda, Ma vương Namucĩ,
Cùng con của Bali,
Đặt tên Veroca,
Huy động toàn quân lực,
Dâng cho vị thủ lãnh.
Rãhu nói: "Mong thay
Pháp hội được an toàn!"
Phó hội chúng Tỷ-kheo?
Đêu đên tại rừng này.
340. Thần nước, đất, lửa, gi6,
Cũng đến Varuna,
Với thủy tộc, Soma,
Cả Yasa cũng đến.
Chư thiên từ bi sanh,
Có danh ximg cũng đến,
Mười vị thiên tộc này,
Dung mạo thật dị biệt,
Có thân lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Venhu, Sahalĩ,
Asamã, Yamã,
Chư thiên thuộc Nguyệt tộc,
Vị thủ lãnh cũng đến.
Chư thiên thuộc Nhật tộc,
Vị thủ lãnh cũng đến.
Vân thần tên Manda,
20. KINH ĐẠI HỘI « 367

Quần tinh vị thủ lãnh,
Vãsava, Vàsũ9
Thần Sakka cũng đến.
Mười vị thiên tộc này,
Dung mạo thật dị biệt,

Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo*
Sahabhũ cũng đến5
Với đầu lửa đỏ rực,
Aritthakã, Rợjã,
Như bông hoa Ummã,
Varuna, Sahadhammã,
Accutã, Anejaka,
Suleyyã, Rucirã,
Vãsavanesi cũng đến.
Mười vị thiên tộc này,
Dung mạo thật dị biệt5
Có thân lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Samãnã, Mahãsamãnã,
Mãnusã, Mãnusuttamã,
Khiddãpadosika, Manopadosikã,
Haraya, Lohitãvãsĩ,
Pãragã, Mahãpãragã,
Có danh ximg cũng đến.
Mười vị thiên tộc này,
Dung mạo thật dị biệt,
Có thần lực5 hào quang,
Có sắc tướng5 danh xưng,
Hoan hỷ đến rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Sukkã, Karumhã,
Aruna, Veghanasã,
Odãtagayhã,
Vicakkhanã cũng đến.
Sadãmattã, Haragaja,
Missakã có danh xưng cũng đến.
368 KINH TRƯỜNG Bộ _____

Pajjunna thần sét,
Làm mưa khắp mọi phương.

Mười vị thiên tộc này,2
Dung mạo thật dị biệt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng,
Hoan hỷ đên rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Khemiyã, Tusitã, Yãmã?
Danh ximg Katthakã, Lambĩtakã,
Thủ lãnh các Lãma,
Jotinama, Ãsava,
Tha Hóa Tự Tại thiên,
Hóa Lạc thiên cũng đến.
Mười vị thiên tộc này,
Dung mạo thật dị biệt,
Có thần lực, hào quang,
Có sắc tướng, danh xưng, r
Hoan hỷ đên rừng này,
Chiêm ngưỡng chúng Tỷ-kheo.
Sáu mươi thiên chúng này,
Với diện mạo dị biệt,
Theo danh tộc chúng đến?
Cùng nhiều vị khác nữa.
Nói rằng: “Sanh đã tận5
Then cài không còn nữa,
Bộc lira đã vượt qua,
Đã thành bậc Vô lậu.
Chúng con thây vị ây,
Như voi vượt bộc lưu,
Như trăng thoát mây tôi.
341. Subrahmã, Paramatta,
Con các vị thần lực,
Sanaồkumãra Tissa,
Đến hội tại ngôi rừng.
Đại Phạm thiên, chúa tể,
Ngự trị ngàn Phạm giới,
Hiện ra có hào quang,
Dị hình có danh xưng,

2 Tham khảo phần miêu tả trong D. 1, Brahmcỳãla Suttanta (Kỉnh Phạm võng), D. I. 32-3.

20. KINH ĐẠI HỘI 369

Mười đấng thần lực đến,
Ngự trị mỗi mỗi cõi,
Giữa vị này Hãrita,
Cũng đến với đồ chúng.
342. Tất cả đều cùng dến,
Với Inda, Phạm thiên.
Ma quân cũng tiến đến5
Với Hắc quỷ ngu si.
Hãy đến và bắt trói,
Những ai bị tham triền,
Hãy bao vây bốn phía,
Chơ để ai thoát ly!
Như vậy Đại tướng quân,
Truyền lệnh đoàn Hắc quỷ5
Vơi bàn tay vỗ đất,
Tiếng dội vang khiếp đảm.
Như trong cơn giông tố5
Sấm chớp và mưa rào,
Nó liền thối quân lui,
Phẫn nộ nhimg bất lực.
343. Với Pháp nhãn thấy rõ5
Và phân biệt tất cả,
Bậc Đạo sư thuyết giảng,
Chúng đệ tử thích nghe,
Ma quân đã tiến đến,
Tỷ-kheo hãy biết chúng.
Nghe lời dạy đức Phật,
Đại chúng tâm nhiệt tình,
Kẻ thù đa bỏ di,
Xa vô tham, vô úy.
Tất cả đều chiến thắng,
Vô úy và danh xưng,
Đệ tử những vị này,
Danh xưng, tâm hoan hỷ.
21. KINH ĐẾ-THÍCH SỞ VẤN (Sakkapanha Suttdỷ

Tụng phẩm I 344. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú tại Magadha (Ma-kiệt-đà), phía Đông thành Vương Xá, tại làng Bà-la-môn tênAmbasandã (Am-bà-la), trên ngọn núi Vèdiya (Tỳ-đà sơn) ở phía Bắc ngôi làng, trong hang Indasãla (Nhơn-đà-sa-la). Lúc

bấy giờ9 Thiên chủ Sakka (Đế-thích) náo nức muốn chiêm ngưỡng Thế Tôn. Rồi Thiên chủ Sakka suy nghĩ: 66Nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, trú tại chỗ nào?" Thiên chủ Sakka thấy Thế Tôn trú tại Magadha, phía Đông thành Vương Xá, tại làng Bà-la-môn tên Ambasandã, trên ngọn núi Vèdiya ở phía Băc ngôi làng, trong hang Indasãla. Thây vậy9 Thiên chủ Sakka nói với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam: -Này quý vị? Thế Tôn trú ngụ tại Magadha, phía Đông thành Vương Xá, tại làng Bà-la-môn tên Ambasandã, trên ngọn núi Vediya ở phía Bắc ngôi làng, trong hang Indasãla. Này quý vị5 chúng ta hãy đên chiêm ngưỡng Thê Tôn, bậc A-la-han Chánh Đẳng Giác. Xin vâng, mong an lành đến cho Ngài!

Chư thiên ở cõi Tam Thập Tam trả lời Thiên chủ Sakka. 345. Rồi Thiên chủ Sakka nói với Pancasikha (Ngũ Kế), con của càn-thát-bà: -Này khanh Pancasikha, Thế Tôn nay trú tại Magadha, phía Đông thành Vương Xá5 tại làng Bà-la-môn tên Ambasandã, trên ngọn núi Vediya ở phía Bắc ngôi làng5 trong hang Indasăla. Này khanh Pancasikha, chúng ta hãy đên chiêm ngưỡng Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. - Xin vâng, mong an lành đến cho Ngài! Pancasikha, con của càn-thát-bà5 vâng lời Thiên chủ Sakka, cầm cây đàn cầm bằng gỗ vàng BeỊuva và đi theo Thiên chủ Sakka. 346. Rồi Thiên chủ Sakka với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam tháp tùng xung quanh, với Pancasikha, con của càn-thát-bà, đi trước, như người lực sĩ duỗi cánh tay co lại hay co lại cánh tay duỗi ra, biến mất ở cõi Tam Thập Tam

1 Xem s. III. 12; Sn. 91; Netti. Ì2S; Kvu. 180. Kinh tương đương trong b0 Trường A-hàm kinhỉảThích-đề- hoàn-nhân vấn kinh (7.01. 0001.14. 0062b29). Tham chiếu: Thích vấn kỉnh (roi. 0026.134. 0632C27); PhạtthụyẹlĐe-thỉch sở vấn kỉnh (roi. 0015. 0246b03); De-thich vấn sự duyên kỉnh thuộc Tạp Bảo tạng kỉnh (T.04. 0203.73. 0476al7).

thiên, hiện ra ở Magadha, phía Đông thành Vương Xá9 tại làng Bà-la-môn Ambasandã và đứng trên núi Vediya ở phía Bắc ngôi làng. Lúc bấy giờ, núi Vediya chói hào quang rực rỡ, ngôi làng Bà-la-môn Ambasandã cũng vậy, đều nhờ thần lực chư thiên. Và dân chúng ở những làng xung quanh nói rằng: Núi Vèdiya hôm nay thật sự bị cháy, núi Vediya hôm nay thật sự có lửa đỏ rực, làm sao mà hôm nay núi Vèdiya và làng Bà-la-môn Ambasandã lại quá chói hào quang rực rỡ? Và dân chúng lo âu, lông tóc dựng ngược. 347. Rồi Thiên chủ Sakka nói với Pancasikha, con của càn-thát-bà: -Này khanh Pancasikha, chư Như Lai thật khó lại gân đôi với người như chúng ta. Các Ngài nhập thiền, hoan hỷ trong thiền, và với mục đích ấy, yên lặng tịnh cư. Vậy khanh Pancasikha trước tiên làm cho Thế Tôn hoan hỷ, sau sự hoan hỷ do khanh tác động? chúng ta mới đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Xin vâng, mong an lành đên với Ngài! Pancasikha, con của càn-thát-bà? vâng lời Thiên chủ Sakka, cầm cây đàn cầm bằng gỗ vàng BeỊuva và đến tại hang núi Indasãla. Khi đến xong, Pancasikha đứng lại một bên và suy nghĩ: "Ta đứng dây, không quá xa Thế Tôn, cũng không quá gần, và tiếng sẽ được Ngài nghe.^, 348. Đứng một bên, Pancasikha, con của càn-thát-bà, gảy cây đàn cầm bằng gỗ vàng BeỊuva và nói lên bài kệ liên hệ đến Phật?

đến Pháp, đến Tăng, đến A-la-hán và đến ái dục: Ôi5 Suriyavaccasã! Ta đảnh lễ Timbarũ, Bậc phụ thân của nàng, Đã sanh nàng thiện nữ, Nguồn hạnh phúc của ta. Như gió cho kẻ nực5 Như nước cho kẻ khát, Nàng là tình của ta. Như Pháp với ứng Cúng, Như thuốc cho kẻ bệnh, Như đồ ăn kẻ đói, Thiên nữ với nước mát, Hãy dập tắt lửa tình. Như voi bị nắng thiêu, Tẩm mình hồ nước mát5 Có cánh sen, nhụy sen, Cũng vậy, ta muốn chim,

21. KINH ĐẾ-THÍCH sở VẤN 373

Chìm sâu vào ngực nàng.
Như voi bị xiềng xích,
Hất móc câu, gậy nhọn,
Ta điên vì ngực nàng,
Hành động ta rối loạn.
Tâm ta bị nàng trói,
Di chuyển thật vô phương,
Rút lui cũng bất lực,

Như cá đã măc câu.
Hiền nữ hãy ôm ta,
Trong cánh tay của nàng,
Hãy ôm ta, nhìn ta,
Trong ánh mắt dịu hiển!
Hãy ghì chặt lấy ta,
Thiện nữ, ta van nàng!
ội? hiền nữ suối tóc!
Ái dục ta có bao,
Nhưng nay đã tăng bội,
Như đồ chúng La-hán.
Mọi công đức ta làm,
Dâng lên bậc La-hán,
Ôi9 kiều nữ toàn thiện!
Nàng là quả cho ta!
Công đức khác của ta,
Đã làm trên đời này,
Ôi9 kiều nữ toàn thiện!
Nàng là quả của ta!
Vị Thích tử tu thiền,
Nhứt tâm, minh, giác tỉnh,
Tìm cầu đạo bất tử,
Cũng vậy, ta cầu nàng!

Như người tu sung sướng,
Chứng Bồ-đề tối thượng,
Kiều nữ5 ta sung sướng,
Được nhập một với nàng.
Nếu Thiên chu Sakka?
Cho ta một ước nguyện,
Ta ước nguyện được nàng,
Vì ta quá yêu nàng,
Như Sa-la sanh quả,
Tuệ nữ, phụ thân nàng,
374 KINH TRƯỜNG Bộ

Ta sẽ đảnh lễ Ngài, Vì sanh nàng vẹn toàn. 349. Khi được nghe vậy, Thế Tôn nói với Pancasikha, con của càn-thát-bà: Này Pancasikha, huyền âm của ngươi khéo hòa điệu với giọng ca của ngươi, và giọng ca của ngươi khéo hòa điệu với huyền âm. Này Pahcasikha, do vậy9 huyền âm của ngươi không lấn át giọng ca, hay giọng ca của ngươi không lấn át huyền âm. Này Pancasikha, ngươi học tại chỗ nào những bài kệ liên hệ đến Phật, Pháp, Tăng, đến A-la-hán, đến ái dục như vậy? Bạch Thế Tôn? một thời Thế Tôn an trú ở Uruvelã, bên bờ sông Nerafijara (Ni-liên-thiền), dưới gốc cây Ajapala Nigrodha, khi mới thành Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ5 con yêu con gái của Timbarũ, vua càn-thát-b tên là Bhaddã với biệt hiệu Suriyavaccasã. Nhtmg bạch Thế Tôn? thiếu nữ lại yêu một người khác tên là Sikhaddi, con của Mãtali, người đánh xe. Bạch Thế Tôn, con không có phương tiện nào khác để chiếm được thiếu nữ. Con cầm đàn cầm bằng gỗ vàng BeỊuva đên tại trú xá của Timbarũ, vua càn-thát-bà. Khi đên xong, con gảy đàn cầm bằng gỗ vàng BeỊuva và nói lên bài kệ này, liên hệ đến Phật, đến Pháp, đến Tăng, đen A-la-han vả đến ái dục: 01, Suriyavaccasã! Ta đảnh lễ Timbarũ, Bậc phụ thân của nàng, Đã sanh nàng thiện nữ, Nguồn hạnh phúc của ta. ... Như Sa-la sanh quả5 Tuệ nữ, phụ thân nàng, Ta sẽ đảnh lễ Ngài, Vì sanh nàng vẹn toàn. Bạch Thế Tôn, sau khi nghe nói vậy, Bhaddã Suriyavaccasã nói với con như sau: uNay Hiền giả, tôi chưa được thấy Thế Tôn tận mặt9 nhưng tôi có nghe đến Thế Tôn, khi tôi đến múa tại Thiện Pháp đường của chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Vì Hiền giả đã tán dương Thế Tôn như vậy? vậy hôm nay chúng ta sẽ gặp nhau." Bạch Thế Tôn, rồi con được gặp nàng, không phải hôm ấy, nhưng sau đó. 350. Rồi Thiên chủ Sakka suy nghĩ như sau: 'Tancasikha, con của càn-thát- bà hoan hỷ đàm luận với Thế Tôn. Và Thế Tôn đối với Pancasikha cũng vậy.55 Rồi Thiên chủ Sakka nói với Pancasikha, con của càn-thát-bà: Này khanh Pancasikha, hãy thay mặt ta, đảnh lễ Thế Tôn và nói: "Bạch Thế Tôn? Thiên chủ Sakka cùng với đình thần và thuộc hạ, đầu diện tiếp túc đảnh lễ Thế Tôn.„ —Xin vâng? mong an lành đến cho Ngài!

21. KINH ĐẾ-THÍCH sở VẤN 375

Pancasikha, con của càn-thát-bà vâng theo lời dặn của Thiên chủ Sakka, đảnh lễ Thế Tôn và nói: Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Sakka cùng với đình thần và thuộc hạ, đầu diện

tiếp túc đảnh le The Tôn. Này Pancasikha, mong hạnh phúc đên với Thiên chủ Sakka, với các đình thần và thuộc hạ! Chư thiên, loài người, asura, nãga, gandhabba đều ao ước hạnh phúc. Các loại chúng sanh khác cũng vậy. 351. Như vậy, các bậc Như Lai chào đón thượng chúng. Được chào đón như vậy, Thiên chủ Sakka bước vào hang Indasãla của Thế Tôn? đảnh lễ Ngài và đứng một bên. Chư thiên ở cõi Tam Thập Tam cũng bước vào hang Indasãla, đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Pancasikha, con của càn-thát-bà? cũng bước vào hang Indasãla, đảnh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Lúc bấy giờ9 trong hang Indasãla, những con đường gồ ghề được làm bằng phẳng, những khoảng chật hẹp được làm cho rộng rãi, trong hang tối tăm có hào quang chiếu sáng, đó là nhờ thần lực của chư thiên. 352. Rồi Thế Tôn nói với Thiên chủ Sakka: Thật là hy hữu, Đại đức Kosiya! Thật là kỳ diệu, Đại đức Kosiya, tuy có nhiều trách nhiệm phải gánh vác? có nhiều công tác phải làm, mà vẫn đến đây được! Bạch Thế Tôn, đã từ lâu con muốn đến để yết kiến Thế Tôn, nhưng bị ngăn trở bởi các công việc này, công việc khác phải làm cho chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, và do vậy, không thể đến yết kiến Thế Tôn được. Bạch Thế Tôn, một thời Thế Tôn trú ở Sãvatthi (Xá-vệ), tại cốc SãlaIa. Bạch Thế Tôn, rồi con đến Sãvatthi để yết kiến Thế Tôn. LÚC bây giờ9 Thê Tôn đang ngôi nhập định, và BhufijatT, vợ của Vessavana, đang đứng hầu Thế Tôn? đảnh lễ chắp tay. Bạch Thế Tôn, rồi con nói với BhufijatT: Này Hiền tỷ, hãy thay mặt ta đảnh lễ Thế Tôn và thua: "Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Sakka với đình thần và thuộc hạ, đầu diện tiếp túc đảnh lễ Thế T6n." Được nghe nói vậy9 BhufIjatĩ nói với con: Thiên hữu, nay không phai thời đe yet kien The Ton. The Ton đang yen lặng tịnh cư. Này Hiền tỷ5 khi nào Thế Tôn xuất định, hãy thay^mặt ta đảnh lễ Thế Tôn và thưa: "Bạch Thế Tôn, Thiên chủ Sakka cùng đình thần và thuộc hạ, đầu diện tiếp túc đảnh lễ Thế Ton/5 - Bạch Thế Tôn, không hiểu BhunjatT có thay mặt con đảnh lễ Thế Tôn không? Thế Tôn có nhớ lời bà ấy nói không? -Này Thiên chủ5 bà ấy co đảnh lễ Ta. Ta có nhớ lời bà ấy nói. Chính tiếng bánh xe của Thiên chủ đã khiến Ta xuất định. Bạch Thế Tôn, có chư thiên được sanh lên Tam Thập Tam thiên trước

chúng con, chính chúng con tận mắt được nghe chư thiên ấy nói như sau: "Khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời? thiên giới được hưng thịnh và asura giới bị suy vong." Bạch Thế Tôn, chính con có thể thấy và xác chứng rằng khi nào Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời thì thiên giới được hưng thịnh và asura giới bị suy vong. 353. Bạch Thế Tôn, ở dây, tại Kapilavatthu, có Thích nữ tên là Gopikã, có lòng tin Phật, tin Pháp, tin Tăng và gìn giữ đầy đủ giới luật. Thích nữ này loại bỏ tâm niệm đàn bà? tu tập tâm niệm đàn ông? khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiên giới, thiện thú? nhập chúng với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, sanh ra làm con của chúng con. Và ở đấy, nàng được gọi là uthiên tử Gopakã, thiên tử GopakBạch Thế Tôn5 lại có ba Tỷ-kheo khác sống Phạm hạnh với Thế Tôn và sanh vào càn-thát-bà giới hạ đẳng. Họ sống được thọ hưởng năm món dục tăng thịnh và thường hay đến hầu hạ săn sóc chúng con. Chúng con được họ đến hầu hạ và săn sóc chúng con như vậy5 thiên tử Gopakã mới trách la họ như sau: "Chu thiện hữu, tai các người ở đâu mà không nghe pháp của Thế Tôn? Chính ta xưa là đàn bà, tin Phật, tin

Pháp, tin Tăng, gìn giữ giới luật, loại bỏ tâm niệm đàn bà, tu tập tâm niệm đàn ông5 sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới9 nhập chúng với chư thiên ở Tam Thập Tam thiên, làm con của Thiên chủ Sakka và được gọi là uthiên tử Gopakã, thiên tử Gopaka." Chư thiện hữu, các người tu hành Phạm hạnh với Thế Tôn, được sanh vào càn-thát-bà giới hạ đẳng. Thật là điều không mấy tốt đẹp? khi chúng toi thấy những vị đồng môn lại phải sanh vào hạ đẳng càn-thát-bà giới.,, Bạch Thế Tôn, trong khi bị thiên tử Gopakã trách mắng như vậy, hai vị thiên, ngay trong hiện tại, chánh niệm các pháp và sanh làm phụ tá cho Phạm thiên. Còn một vị thiên sống thọ hưởng dục lạc. 354. uNữ, đệ tử Pháp Nhãn, Tên gọi Gopikã, Ta tin Phật, Pháp, Tăng, Tâm niệm rât hoan hỷ. Nhờ thiện pháp chư Phật, Làm con của Sakka, Có được đại thân lực Hào quang, sanh thiên giới, Được tên Gopakã. Ta thấy vốn Tỷ-kheo, Hạ sanh càn-thát-bà. Đẹ tử Gotama, Trước sanh làm con người? Ta cúng dường ẩm thực? Nay hầu trú xứ ta. Mắt Hiền giả ở đâu?

21. KINH ĐẾ-THÍCH sở VẤN 377

r
Không năm pháp của Phật,
Chánh pháp tự giác hiểu,
Bậc Pháp Nhãn khéo giảng.
Ta chỉ hàu quý vị9
Được nghe pháp bậc Thánh,
Sanh làm con Sakka5
Có thần lực, hào quang,
Được sanh lên thiên giới.
Các người hầu Thế Tôn,
Sống Phạm hạnh tối thượng,
Nay phải sanh hạ thân,
Mất thượng sanh hạ phẩm.
Ta nhìn thật khó chịu,
Thấy đồng môn hạ sanh,
Với than càn-thát-bà,
Phải hầu hạ chư thiên.
Từ địa vị cư sĩ,
Ta thấy rõ khác biệt,
Trước bà? nay đàn ông,
Ta sanh thiên hưởng duc.^ . r
Bị Gopakã trách măng?
Ưu phiền, đồng phát nguyện,
Phải thăng tiến nỗ lực5
Không nô lệ cho ai.

Hai trong ba vị này,
Bắt đầu hành tinh tấn,
Nhờ Gotama dạy,
Họ tẩy sạch tâm uế,
Thấy nguy hiểm dục vọng,
Như voi bỏ dây cương,
Các vị vượt tam thiên,
Vứt bỏ dục kiết sử,
Quỷ triền phược khó vượt.
Cùng Sakka, Pajapati,
Hội chúng Thiện Pháp đường,
Vượt quá vị đang ngồi,
Anh hùng ly dục cấu.
Thấy chúng khỏi lo ngại,
Vãsava giữa thiên chúng,
Xem chúng sinh hạ phẩm,
Nay vượt qua tam thiên.

Suy tư lời ưu phiền,
Gopakã nói với Vãsava:
"E)ế-thích ở nhân giới,
Đức Phật gọi Thích-ca,
Đã chinh phục dục vọng.
Chúng là con của Ngài,
Thất niệm khi mệnh chung,
Nhờ ta lấy chánh niệm.
Một trong ba vị ấy,
Mang thân càn-thát-bà.
Hai vị hướng Chánh giác,
Bỏ dục giới9 nhập thiền.
Đừng đệ tử nào nghi,
Vị ở đây chứng Pháp.
Chúng ta đảnh lễ Phật,
Vị vượt khỏi bộc lưu,
Đã diệt trừ nghi ngờ?
Bậc Chiến Thắng Muôn Loai?5
Chính ở đây chứng Pháp,
Tấn bước đạt thù thắng,
Hai vị đạt thăng vị5

Hơn phụ tá Phạm thiên.
Ôi5 thiện hữu chúng tôi!
Đen đây để chứng Pháp.
Nếu Thế Tôn cho phép,
Chúng con hỏi Thế Tôn.
355. Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Đã lâu, Sakka này sống đời trong sạch. Câu hỏi gì Sakka hỏi Ta, đều hỏi có lợi ích, không phải không lợi ích. Câu hỏi gì hỏi
Ta, Ta sẽ trả lời và Sakka sẽ hiểu một cách mau ch6ng."
356. Rồi Thế Tôn nói bài kệ sau đây với Thiên chủ Sakka:
"V2sava hãy hỏi Ta,
Những gì tâm ngươi muôn!
Mỗi câu hỏi của ngươi,
Ta làm ngươi thỏa man/9
Tụng phẩm II
357. Sau khi được phép, Thiên chủ Sakka hỏi Thế Tôn câu hỏi đầu tiên:
Bạch Thế Tôn, do kiết sử gì mà dân chúng của các loài thiên, nhân, asura, nãga, càn-thát-bà và tất cả những loài khác đều ao ước: "Không hận thù5 không đả thương, không thù nghịch, không ác ý? chúng ta sống với nhau không hận
21. KINH ĐẾ-THÍCH sở VẤN 379

th£T, thế mà với hận thù, với đả thương, với thù nghịch, với ác ý? họ sống với nhau trong hận thù? Đó là câu hỏi thứ nhất, Thiên chủ Sakka hỏi Thế Tôn. Và Thế Tôn trả lời câu hỏi ấy như sau: Do kiết sử tật đố và xan tham mà dân chúng của các loài thiên, nhân, asura, nãga5 càn-thát-bà và tất cả những loài khác đều ao ước: "Không hận thù? không đả thương, không thù nghịch, không ác y, chúng ta sống với nhau không hận thtr, thế mà với hận thù, với đả thương, với thù nghịch, với ác ý? họ sống với nhau trong hận thù. Thế Tôn đã trả lời cho câu hỏi của Thiên chủ Sakka như vậy. Sung sướng, Thiên chủ Sakka hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn và nói: -Nhy vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Khi nghe Thế Tôn trả lời câu hỏi, nghi ngờ của con diệt tận, do dự của con tiêu tan. 358. Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ tín thọ câu trả lời của Thế T6n, liền hỏi câu hỏi tiếp: Bạch Thế Tôn, tật đố? xan tham, do nhân gi, do tập khởi gì? Cái gì khiến chúng sanh khởi, cái gì khiến chúng hiện hữu? Cái gì có mặt thì tật đố5 xan tham có mặt; cái gì không có mặt thì tật đố5 xan tham không có mặt? Này Thiên chủ5 tật đố, xan tham do ưa ghét làm nhân, do ưa ghét làm tập kh&i, ưa ghét khiến chúng sanh kh&i, ưa ghét khiến chúng hiện hữu. Ưa ghét có mặt thì tật đố5 xan tham có mặt; ưa ghét không có mặt thì tật đố? xan tham không có mặt. Bạch Thế T6% ưa ghét do nhân gi, do tập khởi gì? Cái gì khiến chúng sanh khởi, cái gì khiến chúng hiện hữu, cái gì có mặt thì ưa ghét có mặt, cái gì không có mặt thì ưa ghét không có mặt? Này Thiên chủ? ưa ghét do dục làm nhân, do dục làm tập khởi, dục khiến chúng sanh khởi, dục khiến chúng hiện hữu. Dục có mặt thì ưa ghét có mặt, dục không có mặt thì ưa ghét không có mặt. Bạch Thế T6% nhưng dục do nhân gi, do tập khởi gì? Cái gì khiến dục sanh khởi, cái gì khiến dục hiện hữu, cái gì có mặt thì dục có

mặt? cái gì không có mặt thì dục không có mặt? -Này Thiên chủ? dục do tầm làm nhân, do tầm làm tập khởi, tầm khiến dục sanh kh6i, tầm khiến dục hiện hữu. Tầm có mặt thì dục có mặt, tầm không có mặt thì dục không có mặt. Bạch Thế Tôn5 tầm lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi? Cái gì khiến tầm sanh khởi, cái gì khiến tầm hiện hữu, cái gì có mặt thì tầm có mặt; cái gì không có mặt thì tầm không có mặt? Này Thiên chủ, tầm lấy các loại vọng tưởng làm nhân, lấy các loại vọng tưởng làm tập khởi, các loại vọng tưởng khiến tầm sanh khởi, các loại vọng

tưởng khiến tầm hiện hữu. Do các loại vọng tưởng có mặt thì tầm có mặt; do các loại vọng tưởng không có mặt thì tầm không có mặt. Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo Ị)hải chứng đạt như thế nào, phải thành tựu con đường nào thích hợp và hướng đến diệt trừ các loại vọng tưởng? 359. Này Thiên chủ5 Ta nói hỷ có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Này Thiên chủ, Ta nói ưu cũng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Này Thiên chủ, Ta nói xả cũng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. 360. Này Thiên chủ, Ta nói hỷ có hai loại, một loại phải nên theo, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do duyên gì tuyên bố như vậy? Ở dây, loại hỷ nào có thể biết được: "Khi tôi theo hỷ này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm \ thời hỷ ây nên tránh xa. ơ dây, loại hỷ nào có thể biêt được: "Khi tôi theo hỷ này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thời hỷ ấy nên theo. Ở đây, có hỷ câu hữu với tầm, câu hữu với tứ; có hỷ không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ. Các loại hỷ không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ thì thù thắng hơn. Này Thiên chủ, Ta nói hỷ có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do duyên như vậy. 361. Này Thiên chiỉ, Ta nói ưu cũng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do duyên gì tuyên bố như vậy? Ở đây, loại ưu nào có thể biết được: "ỉpii tôi theo mi này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm", thời ưu ấy nên tránh xa. ơ đây? loại ưu nào có thể biet được: "Khi tôi theo ưu này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thời ưu ấy nên theo. Ở dây, có ưu câu hữu với tầm, câu hữu với tứ; có ưu không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ. Các loại ưu không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ thì thù thắng hơn. Này Thiên chiỉ, Ta nói ưu có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do duyên như vậy. 362. Này Thiên chủ5 Ta nói xả cũng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do duyên gì tuyên bố như vậy? Ở đây, loại xả nào có thể biết được: "Khi tôi theo xả này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm", thời xả ấy nên tránh xa. Ở đây, loại xả nào có thể biết được: “Khi tôi theo xả này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thời xả ấy nên theo. Ở đây, có xả câu hữu với tầm, câu hữu với tứ; có xả không câu hữu với tàm, không câu hữu với tứ. Các loại xả không câu hữu với tầm, không câu hữu với tứ thì thù thắng hơn. Này Thiên chủ? Ta nói rằng xả có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do duyên như vậy. 363. Này Thiên chủ? vị Tỷ-kheo phải chứng đạt như vậy? phải thành tựu con đường như vậy mới thích hợp và hướng đến sự diệt trừ các vọng tưởng.

21. KINH ĐẾ-THÍCH sở VẤN 381

ĐÓ là câu trả lời của Thế Tôn cho câu hỏi của Thiên chủ Sakka. Sung sướng, Thiên chủ Sakka hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn và nói: Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải5 bạch Thiện Thệ! Khi nghe Thế Tôn trả lời câu hỏi, nghi ngờ của con được diệt tận, do dự của con được tiêu tan. 364. Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ tín thọ câu trả lời của Thế Tôn? liền hỏi câu hỏi tiếp: Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo phải thành tựu như thế nào? phải thành tựu Biệt giải thoát luật nghi như thế nào? Này Thiên chủ, Ta nói rằng thân hành có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Này Thiên chủ, Ta nói rằng khẩu hành có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Này Thiên chủ, Ta nói răng tâm câu có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Này Thiên chủ? Ta nói răng thân hành có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do duyên gì tuyên bố như vậy? Ở đây, loại thân hành nào có thể biết được: "Khi tôi theo thân hành này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy gim'l thì thân hành ấy cần phải tránh xa. Ở đây, loại thân hành nào có thể biết được: "Khi tôi theo thân hành này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thì thân hành ấy cần phải theo. Này Thiên chủ? Ta nói rằng thân hành có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do duyên như vậy. Này Thiên chủ? Ta nói rằng khẩu hành có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do duyên gì tuyên bố như vậy? Ở dây, loại khẩu hành nào có thể biết được: "Khi toi theo khẩu hành này5 bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm", thì khẩu hành ấy cần phải tránh xa. Ở đây, loại khẩu hành nào có thể biết được: "Khi toi theo khẩu hành này5 bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng", thì khẩu hành ấy nên theo. Này Thiên chủ, Ta nói răng khâu hành có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do duyên như vậy. Này Thiên chủ, Ta nói răng tâm câu cũng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Lời tuyên bố là như vậy. Do duyên gì tuyên bố như vậy? Ở đây? loại tầm cầu nào có thể biết được: “Khi tôi theo tầm cầu này, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm9\ thì loại tầm cầu ấy cần phải tránh xa. Ở dây, loại tầm cầu nào có thể biết được: "Khi tôi theo tầm cầu này, bất thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng”thì loại tầm cầu ấy nên theo. Này Thiên chiỉ, Ta nói rằng tầm cầu có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Sở dĩ có lời tuyên bố như vậy là do duyên như vậy. Này Thiên chủ, vị Tỷ-kheo phải thành tựu như vậy, phải thành tựu Biệt giải thoát luật nghi như vậy!

382 KINH TRƯỜNG Bộ

Đó là cách Thế Tôn trả lời câu hỏi của Thiên chủ Sakka. Sung sướng, Thiên chủ Sakka hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn và nói: Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Sau khi nghe Thế Tôn trả lời câu hỏi, nghi ngờ của con được diệt tận, do dự của con được tiêu tan. 365. Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn, liền hỏi câu hỏi tiếp: - Bạch Thế Ton, vị Tỷ-kheo phải thành tựu như thế nào5 phải thành tựu hộ trì các căn như thế nào? Này Thiên chiỉ, sắc do mắt nhận biết, Ta nói rằng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Này Thiên chủ,

tiếng do tai nhận biết, Ta nói rằng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Hương do mũi nhận biết, Ta nói rằng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Vị do lưỡi nhận biết, Ta nói rằng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Xúc do thân nhận biết? Ta nói rằng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Này Thiên chủ? pháp do ý nhận biết, Ta nói rằng có hai loại, một loại nên theo, một loại nên tránh xa. Được nghe nói vậy9 Thiên chủ Sakka bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, vấn đề Thế Tôn nói một cách tóm tắt, được con hiểu một cách rộng rãi. Bạch Thê Tôn, loại săc nào do măt nhận biêt, khi con theo mà bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy giảm9 thời loại sắc do mắt nhận biết ấy nên tránh xa. Bạch Thê Tôn, loại săc nào do măt nhận biêt, khi con theo mà *7 • 9 • . ĩ < • £ bât thiện pháp suy giảm? thiện pháp tăng trưởng, thời loại săc do măt nhận biêt ấy nên theo. Bạch Thế Tôn, loại tiêng nào do tai nhận biết... loại hương nào do mũi nhận biết... loại vị nào do lưỡi nhận biết... loại xúc nào do thân nhận biết... loại pháp nào do ý nhận biết, khi con theo mà bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp suy ẹiảm5 thời loại pháp ấy nên tránh xa. Bạch Thê Tôn, loại pháp nào do ý nhận biêt, khi con theo mà bât thiện pháp suy giảm, thiện pháp tăng trưởng, thời loại pháp ấy nên theo. Bạch Thế Tôn? vấn đề Thế Tôn nói một cách tóm tắt, được con hiểu một cách rộng rãi. Sau khi nghe Thế Tôn trả lời câu hỏi, nghi ngờ của con tiêu tan, do dự của con diệt tận. 366. Như vậy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn, Thiên chủ Sakka lại hỏi câu hỏi tiếp: —Bạch Thế Tôn, co phải tất cả Sa-môn9 Bà-la-môn đều đồng một tư tưởng, đồng một giới hạnh, đồng một mong cầu, đồng một chí hướng? -Này Thiên chỉl, tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không đồn^ một tư tưởng, không đồng một giới hạnh, không đồng một mong cầu, không đồng một chí hướng. Bạch Thế Tôn, vì sao tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không đồng một tư tưởng, không đồng một giới hạnh, không đồng một mong cầu, không đồng một chí hướng? -

21. KINH ĐẾ-THÍCH sở VẤN 383

Này Thiên chủ, thê giới này gôm có nhiêu loại giới, nhiêu giới sai biệt. Trong thế giới gồm có nhiều loại giới và nhiều giới sai biệt này, các loại hữu tình tự nhiên thiên chấp một loại giới nào, và khi đã thiên chấp, trở thành kiên trì, cố thủ với định kiến: í6Đây là sự thật, ngoài ra toàn là si mê." Do vậy? tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không đồng một tư tưởng, không đồng một giới hạnh, không đồng một mong cầu, không đồng một chí hướng. Bạch Thế Tôn, có phải tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đều đồng một cứu cánh, đồng một an ổn? đồng một Phạm hạnh, đồng một mục đích? Nay Thiên chủ, tất cả Sa-môn5 Bà-la-môn không đồng một cứu cánh, không đồng một an ổn, không đồng một Phạm hạnh, không đồng một mục đích. Bạch Thế Tôn, vì sao tất cả Sa-môn5 Bà-la-môn, không đồng một cứu cánh, không đồng một an ổn? không đồng một Phạm hạnh, không đồng một mục đích? Này Thiên chít, chỉ những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã giải thoát do đoạn diệt hoàn toàn tham ái, những vị ấy mới đồng một cứu cánh, đồng một an ổn5 đồng một Phạm hạnh, đồng một mục đích. Do vậy5 tất cả Sa-môn, Bà-la-môn không đồng một cứu cánh, không đồng một an ổn? không đồng một Phạm hạnh5 không đồng một mục đích. Đó là câu trả lời của Thế Tôn cho câu hỏi của Thiên chủ Sakka. Sung sướng, Thiên chủ Sakka hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn và nói: j -Như

vay là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Sau khi nghe Thế Tôn trả lời câu hỏi, nghi ngờ của con được diệt tận5 do dự của con được tiêu tan. 367. Thiên chủ Sakka, sau khi hoan hỷ tín thọ lời dạy của Thế Tôn, liền hỏi câu hỏi tiếp: Bạch Thế Tôn, tham ái là bệnh tật5 tham ái là mụn nhọt, tham ái là mũi tên, tham ái dắt dẫn con người tái sanh đời này, đời khác, khiến con người khi cao, khi thấp. Bạch Thế Tôn, trong khi các Sa-môn, Bà-la-môn khác ngoài giáo phái của Ngài Idiông cho con dịp để hỏi những câu hỏi5 thơi Thế Tôn lại trả lời những câu hỏi ấy cho con, giảng giải rất lâu cho con, khiến mũi tên nghi ngờ, do dự của con được Thế Tôn rút nhô đi. Này Thiên chủ? ngươi có biết những câu hỏi ấy cũng được ngươi hỏi các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác không? -Bạch Thế Tôn, con biết rõ những câu hỏi ấy cũng được con hỏi các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác. Này Thiên chủ, những vị ây trả lời với ngươi như thê nào, nêu không gì trở ngại, hãy nói cho Ta biet. Bạch Thế Tôn, không gì trở ngại cho con khi Thế Tôn hay những vị như Thê Tôn ngôi nghe. —Này Thiên chủ5 vậy ngươi hãy nói đi.

384 KINH TRƯỜNG Bộ

Bạch Thế Tôn, những vị Sa-môn? Bà-la-môn mà con nghĩ là những vị sống trong rừng5 an tịnh, xa vắng, con đi đến những vị ấy và hỏi những câu hỏi ây. Các vị này không trả lời cho con, không trả lời5 lại hỏi ngược con: "Tôn giả tên gi?" Được hỏi vậy, con trả lời: “Chu Hiền giả, tôi là Thiên chủ Sakka.” Rồi những vị ấy lại hỏi thêm con câu nữa: "Do cong việc gì Tôn giả Thiên chủ lại đến chỗ nay?99 Con liền giảng cho những vị ấy Chánh pháp như con đã được nghe và đã được học. Chỉ được từng ấy, các vị ây hoan hỷ và nói: "Chúng tôi đã được thấy Thiên chủ Sakka. Những điều gì chúng tôi hỏi, vị ấy đều trả lời cho chúng t6i." Không những vậy, các vị này trở thành đệ tử của con chớ không phải con là đệ tử của các vị ây. Bạch Thế Tôn, nhưng con là đệ tử của Thế Tôn, đã chứng Dự lưu, không còn bị rơi vào đọa xứ, chắc chắn sẽ được giác ngộ. 368. Này Thiên chủ, ngươi có biết trước kia ngươi không bao giờ có sự thoải mái như vậy, có sự hỷ lạc như vậy? Bạch Thế Tôn, con biết rõ trước kia con không bao giờ có sự thoải mái như vậy, có sự hỷ lạc như vậy. Này Thiên chủ, như thê nào ngươi biêt được trước kia không bao giờ có sự thoải mái như vậy, có sự hỷ lạc như vậy? Bạch Thế Tôn, thuở xua, một trận chiến tranh xảy ra giữa chư thiên và các vị asura. Bạch Thế Tôn, trong trận chiến tranh này, chư thiên thắng trận, các loài asura bại trận. Bạch Thế Tôn, sau khi thắng trận, con là người thắng trận, con suy nghĩ: "Nay cam lồ của chư thiên và cam lồ của asura, cả hai loại cam lồ, chư thiên sẽ được pếm." Bạch Thế Tôn, thoải mái ấy, hỷ lạc ấy do gậy trượng đem lại, do đao kiếm đem lại, không đưa đến yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Bạch Thế Tôn, thoải mái này, hỷ lạc này nhờ nghe Chánh pháp Thế Ton đem lại, không do gậy trượng, không do đao kiếm, sẽ đưa đến hoàn toàn yểm ly, ly dục, tịch diet, an tịnh, thang trí, giác ngộ và Niết-bàn. 369. Này Thiên chủ, khi ngươi cảm thọ sự thoải mái và hỷ lạc như vậy, ngươi cảm thây những lợi ích gì? Bạch Thế Tôn, khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy? con cảm thấy có sáu lợi ích như sau: Nay con đứng tại đây, Với thân một vị thiên, Con thấy được tái sanh, Bạch Ngài, hãy biết vậy. Bạch Thế Tôn đó là điều lợi ích thứ nhất con cảm thấy khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy. Sau khi chết, con bỏ Thân

chư thiên, phi nhân, Không muội lược, con đi Đen bào thai con thích.

21. KINH ĐẾ-THÍCH sở VẤN 385

Bạch Thế Tôn, đó là điều lợi ích thứ hai con cảm thấy khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy.
Câu hỏi được đáp rõ,
Hoan hỷ trong Chánh giáo.
Con sống với Chánh trí,
Giác tỉnh và Chánh niệm.
Bạch Thế Tôn, đó là điều lợi ích thứ ba con cảm thấy khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy.
Con hành với Chánh trí,
Sẽ được quả Bồ-đề5
Sẽ sống đời Chánh giác,
Đời này đời cuối cùng.
Bạch Thế Tôn, đó là điều lợi ích thứ tư con cảm thấy khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy.
Chết từ thân con người,
Con từ bỏ thân người,
Con sẽ thành chư thiên,
Trong thiên giới vô thượng.
Bạch Thế T6n, đó là điều lợi ích thứ năm con cảm thấy khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy.
Thù thắng hơn chư thiên,
Akanitthã danh xưng,
Sông đời sông cuôi cùng,
Như vậy nơi an trú.
Bạch Thế Tôn, đó là điều lợi ích thứ sáu con cảm thấy khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy.
Bạch Thế Tôn, con cảm thấy sáu sự lợi ích như trên khi con cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy.
370. Tâm tư không thỏa mãn,
Nghi ngờ và do dự?
Con sông câu Như Lai,
Thời gian khá lâu dài.
Con nghĩ các Sa-môn5
Sống một mình cô độc,
Là bậc Chánh Đẳng Giác,
Nghĩ vậy5 con tìm gặp.
Làm thế nào thành công?

Làm thế nào thất bại?
Được hỏi câu hỏi vậy,
Không thể chỉ đường hướng.
386 KINH TRƯỜNG Bô _____

Biết con là Sakka,
Bậc Thiên chủ, đã đến,
Họ liền gạn hỏi con,
Đến đây có việc gì?
Con liên giảng Chánh pháp,
Cho họ được nghe pháp.
Hoan hỷ, họ bèn nói:
"Hq được thấy VAsava."
Khi con được thấy Phật9
Nghi ngờ đều tiêu tan.
Nay con sống vô úy,
Hầu hạ bậc Chánh Giác.
Mũi tên độc tham ái,
Đấng Chánh Giác nhổ lên5
Con đảnh lễ Đại Hùng,
Bậc Thân Tộc Mặt Trời.
Tôn giả như Phạm thiên,
Được chư thiên đảnh lễ,
Nay con đảnh lễ Ngài,
Nay con kính lễ Ngài,
Ngài là bậc Chánh Giác,
Bậc Đạo Sư Vô Thượng,
Trong đời, kể chư thiên,
Không ai sánh được Ngài!
371 . Rồi Thiên chủ Sakka nói với Pancasikha, con của càn-thát-bà:
Này khanh Pancasikha, ngươi đã giúp ta nhiều việc. Trước nhờ ngươi làm cho Thế Tôn bằng lòng, sau khi ngươi làm cho Thế Tôn bằng lòng? ta mới đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Ta sẽ đóng vai trò thân phụ cho ngươi, ngươi sẽ là vua loài càn-thát-bà. Ta sẽ cho ngươi Bhaddã
Suriyavaccasã, người mà ngươi ao ước.
Rồi Thiên chủ Sakka lấy tay chạm đất5 đọc lên ba lần bài kệ cảm hứng như sau:
Đảnh lễ đấng Thế Tôn,
Bậc La-hán Chánh Giác!
Đảnh lễ đấng Thế Tôn?
Bậc La-hail Chánh Giác!

Đảnh lễ đấng Thế Tôn5
Bậc La-hán Chánh Giác!
Khi lời tuyên thuyết này được tụng đọc? Pháp nhãn thanh tịnh vô cấu khởi
21. KINH ĐẾ-THÍCH sở VẤN 387

lên cho Thiên chủ Sakka: 'Thàm pháp gì sanh khởi5 pháp ấy sẽ bị hoại diet.”2 Ngoài ra5 tám vạn chư thiên cũng chứng quả tương tự. Đó là những câu hỏi Thiên chủ Sakka được mời hỏi và được Thế Tôn trả lơi. Do vậy, cuộc đối thoại này cũng được gọi là: "Những câu hỏi của Sakka (Đế-thích sở vấn).,,

2 Xem .1. 184.

22 KINH ĐẠI NIỆM xứ (MahãsatipaỊthãna Suttdỷ

372. Một thời, Thế Tôn ở xứ Kuru (Cau-lau), tại Kammãsadhamma (Kiềm-ma-sắt-đàm) là đô thị của xứ Kuru. Rồi Thế Tôn gọi các vị Tỷ-kheo: Này các Tỷ-kheo! Các Tỷ-kheo trả lời Thế Tôn: - Bạch Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: 373. - Này các Tỷ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu bi, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn niệm xứ. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, ở đây5 vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán thọ trên các thọ? nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm đê chê ngự tham ưu ở đời; sông quán tâm trên tâm? nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. 374. Này các Tỷ-kheo? thế nào là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân? Này các Tỷ-kheo9 ở đây, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây hay đi đến ngôi nhà trống và ngồi kiết-già5 lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra. Thở vô dài, vị ấy tuệ tri: “T6i thở vô dài”; hay thở ra dài9 vị ấy tuệ tri: "Tôi thở ra dài.” Thở vô ngắn, vị ấy tuệ tri: "T6i thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, vị ấy tuệ tri: “T6i thở ra ngắn.,, "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vị ấy tập; "cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra”, vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở v6", vị ấy tập; "an tịnh thân hành, tôi sẽ thở r", vị ấy tập. Này các Tỷ-kheo, như người thợ quay hay học trò người thợ quay thiện xảo, khi quay dài, tuệ tri rằng: "Tôi quay dài", hay khi quay ngắn, tuệ tri rằng: "T6i quay ngắn”; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thở vô dài, tuệ tri: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, tuệ tri: "Tôi thở ra dài." Thở vô ngắn, tuệ tri: "T6i thở vô

1 Xem M. I. 46, 55; IIL 88, 248; s. V. 141; Netti. 72; VinAA' Vbh. 99, 193; Kvu. 155, 486^ 488. Kinh tương đương trong bộ Trung A-hàm kinh là Niệm xứ kinh (TOI. 0026.98. 0582b07). Tham chiếu: Phân biệt Thảnh đế kỉnh (T.01)26.31. 0467a28); thân kinh (r.01. 0026.81. 0554C1Ò); Phật thuyết Tứ đếkỉnh (roi. 0032. 0814b08).

390 KINH TRƯỜNG Bộ

ngắn” hay thở ra ngắn, tuệ tri: “T6i thở ra ngắn.” Ế6Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở v6”, vị ấy tập; "cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra”, vị ấy tập. a'An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vị ấy tập; "an tịnh thân hanh, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Như vậy, vị ấy sống quán thân trên

nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sông quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ây sông quán tánh sanh khởi trên thân, hay sống quán tánh diệt tận trên thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "C6 thân dây", vị ấy an tru chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ-kheo5 như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân. 375. Lại nữa? này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo đi, tuệ tri: "T6i di"; hay đứng, tuệ tri: "Tôi dứng"; hay ngồi, tuệ tri: "Tôi ngor9; hay nằm? tuệ tri: “T6i nằm.” Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy biết thân như thế ấy. Như vậy, vị ây sông quán thân trên nội thân; hay vị ây sông quán thân trên ngoại thân; hay vị ấy sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sông quán tánh sanh khởi trên thân, hay vị ây sông quán tánh diệt tận trên thân, hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. “C6 thân đây9\ vị ấy an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Ty-kheo sống quán thân trên thân. 376. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi bước tới, bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới, ngó lui, biêt rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo Tăng-già-lê (Sanghati), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn5 uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm; khi đi đại tiện5 tiêu tiện5 biêt rõ việc mình đang làm; khi di, dứng, ngồi, ngủ5 thức, nói, im lặng5 biết rõ việc mình đang làm. Như vậy5 vị ây sông quán thân trên nội thân; hay sông quán thân trên ngoại thân; hay sông quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ây sống quán tánh sanh khởi trên thân, hay sống quán tánh diệt tận trên thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "C6 thân đây,55 vị ây an tru chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo9 như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân. 377. Lại nữa, này các Tỷ-kheo5 Tỷ-kheo quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên5 trên cho đến đảnh t6c, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: "Trong thân này, đây là tóc5 lông, móng5 răng, da, thịt5 gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phôi, ruột, màng ruột, bao tử, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu9 mồ hôi, mỡ5 nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu." Này các Tỷ-kheo, cũng như một bao đồ? hai đầu trống2 đựng đầy các loại

2 MutoỊĩ. Xem M.ĩ. 57 và III. 90.

hột như gạo, lúa, đậu xanh, đậu lớn, mè5 lúa đã xay rôi. Một người có măt, đô các hột ây ra và quan sát: uĐây là hột gạo5 đây là hột lúa5 đây là đậu xanh, đây là đậu lớn, đây là mè, đây là hột lúa đã xay r3i"; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên5 trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: "Trong thân này, đây là tóc, long, móng, răng5 da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô? lá lách, phôi, ruột, màng ruột9 bao tử, phân, mật? đàm, mủ5 máu5 mô hôi9 mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu." Như vậy? vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống

quán thân trên ngoại thân; hay sông quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ây sông quán tánh sanh khởi trên thân, hay sống quán tánh diệt tận trên thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "C6 thân âẫy'\ vị ấy an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo? như vậy vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân. 378. Lại nữa, này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo quán sát thân này về vị trí các giới và sự sắp đặt các giới: Trong thân này có địa đại, thủy đại5 hỏa đại và phong d@i." Này các Tỷ-kheo, như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử của một người đồ tể giết một con bí), ngồi cắt chia từng thân phần tại ngã tư đường; cũnệ vậy5 này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát thân này vê vị trí các giới và vê sự săp đặt các giới: "Trong thân này có địa dại, thủy dại, hỏa đại và phong dại.” Như vậy, vị ây sông quán thân trên nội thân; hay sông quán thân trên ngoại thân; hay sông quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ây sông quán tánh sanh khởi trên thân, hay sông quán tánh diệt tận trên thân, hay sông quán tánh sanh diệt trên thân. "C6 thân dây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân. 379. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo5 như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa một ngày, hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên5 xanh đen lại5 nát thối ra. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy5 không vượt khỏi tánh chất ấy." Như vậy9 vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sông quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ây sông quán tánh sanh khởi trên thân, hay sống quán tánh diệt tận trên thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "C6 thân dây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo5 như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân. Lại nữa? này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo, như thây một thi thê quăng bỏ trong

nghĩa địa bị các loài quạ ăn5 hay bị các loài diều hâu ăn? hay bị các chim kên ăn? hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài dã can ăn? hay bị các loài côn trùng ăn. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: Thân này tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy.” Như vậy, vị ây sông quán thân trên nội thân; hay sông quán thân trên ngoại thân; hay sông quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ây sông quán tánh sanh khởi trên than, hay sống quán tánh diệt tận trên thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "C6 thân dây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân. Này các Tỷ-kheo5 lại nữa, Tỷ-kheo, như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa với các xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu5 còn được các đường gân cột lại...; với các xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại...; với các xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại...; chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia, ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống? ở

đây là xương bắp vế, ở đây là xương mông5 ở đây là xương sống ở đây là xương đầu... Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: '"Thân này tánh chất là như vậy? bản tánh là như vậy, không vượt úiỏi tánh chất ấy.” Như vậy5 vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sông quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ây sống quán tánh sanh khởi trên thân? hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân, hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. “C6 thân ầầy'\ vị ây sông an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không châp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ-kheo? như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo5 như thây một thi thê quăng bỏ trong nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trăng màu vỏ ôc... chỉ còn một đông xương lâu hơn một năm... chỉ còn là xương thối trở thành bột. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy9 không vượt khỏi tánh chất ấy.” Như vậy? vị ây sông quán thân trên nội thân; hay sông quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân, hay sống quán tánh diệt tận trên thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên ứiân. "C6 thân dây", vị ấy sống an tru chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ-kheo9 như vậy Tỷ-kheo sống quán thân trên thân. 380. Này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo sống quán thọ trên các thọ?

22. KINH ĐẠI NIỆM xứ 393

Này các Tỷ-kheo? ở dây, Tỷ-kheo khi cảm giác lạc thọ, biết rằng: “T6i cảm giác lạc thọy khi cảm giác kho thọ, biết rằng: "Tôi cảm ^iác khổ thẹ)"; khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ5 biết rằng: 66Tôi cảm giác bất kho bất lạc th"; hay khi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất, biết rằng: "Toi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất”; hay khi cảm giác lạc thọ không thuộc vật chât, biêt răng: "T6i cảm giác lạc thọ không thuộc yật chất”; hay khi cảm giác khổ thọ thuộc vạt chất, biết rằng: "T6i cảm giác khổ thọ thuộc vật chất; hay khi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất, biết rằng: "T6i cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất"; hay khi cảm giác bất khổ bất lac thọ thuộc vật chất, biết rằng^ "T6i cảm giác bất khổ bất lạc tho thuộc vật chất"; hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất, biết rằng: "T6i cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất.” Như vậy, vị ấy sống quán thọ trên các nội thọ; hay sống quán thọ trên các ngoại thọ; hay sông quán thọ trên cả nội thọ? ngoại thọ. Hay vị ây sông quán tánh sanh khởi trên các thọ? hay sống quán tánh diệt tận trên các thọ, hay sống quán tánh sanh diệt trên các tho. "C6 thọ dây", vị ấy sống an tni chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ-kheo? như vậy Tỷ-kheo sông quán thọ trên các thọ. 381. Này các Tỷ-kheo, như thế nào Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm? Này các Tỷ-kheo? ở đây, vị Tỷ-kheo: "Với tâm có tham, biết rằng tâm có tham”; hay "với tâm không tham, biết rằng tâm không tham”; hay "với tâm có sân, biết rang tâm có sân^; hay "v&i tâm không sân, biết rằng tâm Idiong sân"; hay "với tâm có si, biết rằng tâm có si"; hay "với tâm không si, biết rằng tâm không si"; hay "'với tâm thâu nhiếp, biết rằng tâm được thâu nhiếp; hay "vói tâm tán loạn, biết rằng tâm bị tán loạn"; hay "với tâm quảng dại, biết rằng tâm được quảng

d@i"; hay "với tâm không quảng đại? biết rằng tâm không được quảng dại"; hay "với tâm hữu hạn5 biêt răng tâm hữu hạn"; hay "vói tâm vô thượng, biết rằng tâm vô thuợng"; hay "với tâm có định5 biêt răng tâm có định?,; hay "với tâm không định? biết rằng tâm không djnh" hay "với tâm giải thoát, biết rằng tâm giải thoát"; hay uvới tâm không giải thoát, biêt răng tâm không giải thoát." Như vậy5 vị ấy sống quán tâm trên nội tâm; hay sống quán tâm trên ngoại tâm; hay sống quán tâm trên cả nội tâm, ngoại tâm. Hay vị ây sông quán tánh sanh khởi trên tâm, hay sống quán tánh diệt tận trên tâm, hay sông quán tánh sanh diệt trên tâm. "C6 tâm dây"vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy vị Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm. 382. Này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp? Này các Tỷ-kheo, ở dây, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái. Và này các Tỷ-kheo5 thế nào là vị Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái?

Này các Tỷ-kheo? ở đây, Tỷ-kheo nội tâm có tham dục5 tuệ tri: "Nội tâm tôi có tham dg'; hay nội tâm không có tham dục? tuệ tri: "Nội tâm tôi không có tham dục.,^ Và với tham dục chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy. Và với tham dục đã sanh nay được đoạn diệt, vị ây tuệ tri như vậy. Và với tham dục đã được đoạn diet, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có sân hận, tuệ tri: CÍNội tâm tôi có sân han^; hay nội tâm không có sân hận? tuệ tri: "Nội tâm tôi không có sân han" và với sân hận chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã được đoạn diet, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có hôn trầm thụy miên5 tuệ tri: "Nội tâm tôi có hôn trầm thụy mi©n"; hay nội tâm không có hôn trầm thụy miên5 tuệ tri: ÍCNội tâm tôi không có hôn tràm thụy miên„; và với hôn trầm thụy miên chưa sanh nay sanh khởi5 vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã saiih nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có trạo hối, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi có trạo h6i" hay nội tâm không có trạo hối? tuệ tri r3ng: uNội tâm tôi không có trạo hối,9; và với trạo hối chưa sanh nay sanh khỏi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã được đoạn diet, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có nghi, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi có nghi" hay nội tâm không có nghi, tuệ tri rằng: 66Nội tâm tôi không có nghi^,; và với nghi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Như vậy, vị ây sông quán pháp trên các nội pháp; hay sông quán pháp trên các ngoại pháp; hay sông quán pháp trên cả nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp, hay sông quán tánh diệt tận trên các pháp, hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "C6 những pháp ở dây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gi

trên đời. Này các Tỷ-kheo9 như vậy Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đôi với năm triền cái. 383. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo sông quán pháp trên các pháp đôi với năm thủ uân. Này các Tỷ-kheo5 thế nào là Tỷ-kheo sông quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy tư: "Bây là sắc, đây là sắc sanh, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ sanh, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng sanh, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành sanh, đây là hành diệt; đây là thức, đây là thức sanh, đây là thức diệt/9 Như vậy5 vị ây sông quán pháp trên các nội pháp; hay sông quán pháp trên

các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp, hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp, hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "C6 những pháp ở đây,5? vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy với hy vọnệ hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không châp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỷ-kheo? như vậy Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn. 384. Lại nữa, này các Tỷ-kheo9 Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ. Này các Tỷ-kheo9 thê nào là Tỷ-kheo sông quán pháp trên các pháp đôi với sáu nội ngoại xứ? Này các Tỷ-kheo? ở dây, Tỷ-kheo tuệ tri con mắt và tuệ tri các sắc, do duyên hai pháp này, kiết sử sanh kh&i, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy... tuệ tri tai và tuệ tri các tiếng... tuệ tri mũi và tuệ tri các hương... tuệ tri lưỡi và tuệ tri các vị... tuệ tri thân và tuệ tri các xúc... tuệ tri ý và tuệ tri các pháp, do duyên hai pháp này5 kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ây tuệ tri như vậy. Như vậy, vị ây s6ng quán pháp trên các nội pháp; hay sông quán pháp trên các ngoại pháp; hay sông quán pháp trên cả nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sông quán tánh sanh khởi trên các pháp, hay sông quán tánh diệt tận trên các pháp? hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở âây'\ vị ây sông an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đên chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ. 385. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sông quán pháp trên các pháp đôi với Bảy giác chi. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sông quán pháp trên các pháp đoi với Bảy giác chi? Này các Tỷ-kheo5 ở đây5 Tỷ-kheo nội tâm có Niệm giác chi, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi có Niệm giác chi” hay nội tâm không có Niệm giác chi, tuệ tri rằng: "N0i tâm tôi không có Niệm giác chi"; và với Niệm giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với Niệm giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ây tuệ tri như vậy. ... nội tâm có Trạch pháp giác chi... ... nội tâm có Tinh tân giác chi... ... nội tâm có Hỷ giác chi... ... nội tâm có Khinh an giác chi... ... nội tâm có Định giác chi...

...nội tâm có Xả giác chi, tuệ tri rằng: "Nội tâm tôi có Xả giác chi" hay nội tâm không có Xả giác chi, tuệ tri rằng: “N0i tâm tôi không có Xả giác chi"; và với Xả giác chi chưa sanh nay sanh khởi5 vị ấy tuệ tri như vậy; và với Xả giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy. Như vậy, vị ây s6ng quán pháp trên các nội pháp; hay sông quán pháp trên các ngoại pháp; hay sông quán pháp trên cả nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ây sống quán tánh sanh khởi trên các pháp, hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp, hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "C6 những pháp ở day,9? vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy giác chi. 386. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn sự thật. Này các Tỷ-kheo5 thê nào là Tỷ-kheo sông quán pháp trên các pháp đối với Bốn sự thật? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như thật tuệ tri: "Đây là kh6"; như thật tuệ tri: “Bây là khổ tap" nhu thật tuệ tri: "Dây là khổ diet” như thật tuệ tri: C6Đây là con đường đưa đến khổ ăiệty 387. Và này các Tỷ-kheo, thế nào Khổ Thánh đế? Sanh là khổ5 già là khổ, [bệnh là khổ]9 chết la khổ5 sầu5 bi, khổ, ưu, não là khổ, sự gắn bo với những gì khônệ ưa thích là khổ, sự chia lìa với những gì yêu thích là khổ, cầu không được là kho? tóm lại năm thủ uẩn là khổ. 388. Này các Tỷ-kheo thế nào là sanh? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh, sự xuất hiện các uẩn? sự hoạch đắc các căn, này các Tỷ-kheo9 như vậy gọi là sanh. 389. Này các Tỷ-kheo, thế nào là già? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự niên lão, sự hủ hoại, trạng thái rụng răng5 trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủy hoại, này các Tỷ-kheo như vậy là già. 390. Này các Tỷ-kheo, thế nào là chết? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi, này các Tỷ-kheo? như vậy gọi là chết. 391. Này các Tỷ-kheo5 thế nào là sầu? Này các Tỷ-kheo, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự sâu, sự sâu lo, sự sâu muộn? nội sâu, mọi khô sầu của người ấy, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là sầu. 392. Này các Tỷ-kheo, thế nào là bi? Này các Tỷ-kheo, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đaur khổ khác? sựe r bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự• than khóc, sự• bi thán, sự• bi thông của người ây, này các Tỷ-kheo? như vậy gọi là bi. 393. Này các Tỷ-kheo5 thế nào là khổ? Này các Tỷ-kheo, sự đau khổ về

thân, sự không sảng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sảng khoái do thân cảm thọ, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là khổ. 394. Này các Tỷ-kheo? thế nào là tru? Này các Tỷ-kheo? sự đau khổ về tâm, sự không sảng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sảng khoái do tâm cảm thọ, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là ưu. 395. Này các Tỷ-kheo, thế nào là não? Này các Tỷ-kheo? với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác, với những ai cảm thọ sự đau khô này hay sự đau khổ khác, sự áo

não? sự bi não5 sự that vọng, sự tuyệt vọng của người ấy, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là não. 396. Này các Tỷ-kheo5 thế nào là sự gắn bó với những gì không ưa thích là khổ [oán tắng hội khổ]? Này các Tỷ-kheo, ở dây, có bất cứ sắc, thinh, hương, vị9 xúc, pháp mà không thích, không ưa, không vừa lòng; hay người mà muôn gây bât lợi, muôn gây vô ích, muôn gây bât lạc, muôn gây bât ôn; sự đi chung, gặp gỡ5 hiệp cùng, hòa lẫn với những nhân vật ây, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là oán tăng hội khô. 397. Nàg các Tỷ-kheo? thế nào là sự chia lìa với những gì yêu thích là khổ [ái biệt ly khổ]? Này các Tỷ-kheo? ở dây, có bất cứ sắc, thinh, hương, vị, xúc mà ưa thích, ham muốn vừa lòng; hay người mà mong đem lợi ích, mong đem may mắn, mong đem an lạc5 mong đem an ôn; tức là mẹ hay cha, hoặc anh em, chị em, bạn bè5 thân hữu, bà con huyết thống; sự không được hội ngộ, không được trùng phùng, không được chung sông, không được hòa mình với các nhân vật ấy, này các Tỷ-kheo? như vậy gọi là ái biệt ly khổ. 398. Này các Tỵ-kheo, thế nào là cầu bất đắc khổ? Này các Tỷ-kheo5 chúng sanh bị sanh chi phối, khởi sự mong câu: "Mong răng ta khỏi bị sanh chi phối! Mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh!" Lời cầu mong ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ. Này các Tỷ-kheo5 chúng sanh bị già chi phối... chúng sanh bị bệnh chi phối... chúng sanh bị chết chi phối... chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối, khởi sự mong cầu: "Mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ5 ưu, não chi phối! Mong rằng ta khỏi đương chịu sầu, bi, khổ, ưu? não!,, Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ. 399. Này các Tỷ-kheo, như thế nào là tóm lại năm thủ uẩn là khổ? Như sắc thủ uân, thọ thủ uân, tưởng thủ uân, hành thủ uân, thức thủ uân, này các Tỷ- kheo, như vậy gọi là tóm lại năm thủ uẩn là khổ. 400. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ tập Thánh đế? Sự tham ái đưa đên tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm câu hỷ lạc chô này, chỗ kia như dục ái, hữu ái? vô hữu ái. Này các Tỷ-kheo? sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đâu, khi an trú thì an trú ở đâu? Ở đời, sắc gì thân ái, sắc gì khả ái, sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đây, khi an trú thì an trú ở đây. Ở đời, sắc gì thân ái, sắc gì khả ái? Ở đời, con mắt là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở dấy, khi an trú thì an trú ở đấy.

Ở đời5 tai... Ở đời, mũi... Ở đời? lưỡi... Ở đời, thân... Ở đời, ý là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy. Ở đời, các sắc... Ở đời, các tiếng... Ở đời, các hương... Ở đời, các vị... Ởđời? các cảm xúc... Ở đời, các pháp là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở dấy, khi an trú thì an trú ở đấy. Ở đời5 nhãn thức... Ở đời, nhĩ thức... Ở đời5 tỵ thức... Ở đời, thiệt thức... Ở đời, thân thức... Ở đời, ý thức là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đây, khi an trú thì an trú ở đây. Ở đời, nhãn xúc... Ở đời, nhĩ xúc... Ở đời, tỷ xúc... Ở dời, thiệt xúc... Ở đời, thân xúc... Ở đời, ý xúc là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở dấy, khi an trú thì an trú ở đấy. Ở đời, nhãn xúc sở sanh thọ... Ở đời, nhĩ xúc sở sanh thọ... Ở đời5 tỷ xúc sở sanh thọ... Ở đời, thiệt xúc sở thanh thọ... Ở đời, thân xúc sở sanh thọ... Ở đời5 ý xúc sở sanh thọ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở dây, khi an trú thì an trú ở đây. Ở đời, sắc tưởng... Ở đời? thanh tưởng... Ở đời, hương tưởnệ... Ở đời, vị

tưởng... Ở đời9 xúc tưởng... Ở đời5 pháp tưởng là sắc thân ái, là sac khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy. Ở đời, sắc tư... Ở đời, thanh tư... Ở đời, hương tư... Ở đời, vị tư... Ở đời, xúc tư... Ở đời? pháp tư là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở dấy, khi an trú thì an trú ở đấy. Ở đời? sắc ái... Ở đơi5 thanh ái... Ở đời5 hương ái... Ở đời? vị ái... Ở đời, xúc ái... Ở đời? pháp ái là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở dấy, khi an trú thì an trú ở đấy. Ở đời, sắc tầm... Ở đời5 thanh tầm... Ở đời, hương tầm... Ở đời5 vị tầm... Ở đời? xúc tâm... ơ đời5 pháp tâm là săc thân ái, là săc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đấy, khi an trú thì an trú ở đấy. Ở đời5 sắc tứ... Ở đời? thanh tứ... Ở đời, hương tứ... Ở đời5 vị tứ... Ở đời5 xúc tứ... Ở đời, pháp tứ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi sanh khởi thì sanh khởi ở đây, khi an trú thì an trú ở đây. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Khổ tập Thánh đe. 401. Này các Tỷ-kheo? và thế nào là Khổ diệt Thánh đế? Sự diệt tận không còn luyên tiêc tham ái ây, sự xả ly, sự khí xả? sự giải thoát, sự vô nhiễm [tham ái ấy]. Này các Tỷ-kheo, sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đâu9 khi diệt trừ thì diệt trừ ở đâu? Ở đời5 các sắc gì thân ái9 các sắc gì khả ái, sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở dấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Ở đời9 sắc gì thân ái, sắc gì khả ái? Ở đời, con mắt là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Ở dời,

22. KINH ĐẠI NIỆM xứ 399

lỗ tai... Ở đời, mũi... Ở đời, lưỡi... Ở đời, thân... Ở đời, ý là sắc thân ái9 là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở dấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Ở đời? các sắc... Ở đời? các tiếng.. Ở đời9 các mùi hương... Ở đời, các vị... Ở đời, các xúc... Ở đời, các pháp là sắc thân ai, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Ở đời, nhãn thức... Ở đời, nhĩ thức... Ở đời? tỷ thức... Ở đời, thiệt thức... Ở đời, thân thức... Ở đời, ý thức là sắc thân ái? là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Ở đời5 nhãn xúc... Ở đời, nhĩ xúc... Ở đời? tỷ xúc... Ở đời? thiệt xúc... Ở đời9 thân xúc... Ở đời9 ý xúc là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở dấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Ở đời, nhãn xúc sở sanh thọ... Ở đời, nhĩ xúc sở sanh thọ... Ở đời5 tỷ xúc sở sanh thọ... Ở dời, thiệt xúc sở sanh thọ... Ở đời, thân xúc sở sanh thọ... Ở đời5 ý xúc sở sanh thọ là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Ở đời, sắc tưởng... Ở đời? thanh tưởng... Ở đời? hương tưởng... Ở đời? vị tưởng... Ở đời5 xúc tưởng... Ở dời, pháp tưởng là sắc thân ái, là sac khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở dấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Ở đời, sắc tư... Ở đời, thanh tư... Ở đời, hương tư... Ở đời, vị tư... Ở đời? xúc tư... Ở đời5 pháp tư là sắc thân ái, là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở dấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Ở đời, sắc ái... Ở đời, thanh ái... Ở đời, hương ái... Ở đời? vị ái... Ở đời? xúc ái... Ở đời, pháp ái là sắc thân ái5 là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Ở đời, sắc tầm... Ở đời, thanh tầm... Ở đời, hương tầm... Ở đời, vị tầm... Ở đời, xúc tàm... Ở đời, pháp tầm là sắc thân ái5 là sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ thì diệt trừ ở đấy. Ở đời? sắc tứ . Ở đời, thanh tứ... Ở đời, hương tứ... Ở đời? vị tứ... Ở đời, xúc tứ... Ở đời? pháp tứ là sắc thân ái, 14 sắc khả ái. Sự tham ái này khi xả ly thì xả ly ở đấy, khi diệt trừ

thì diệt trừ ở đấy. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Khổ diệt Thánh đế. 402. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế? Đó là Thánh đạo tám ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Này các Tỷ-kheo5 thế nào là Chánh tri kiến? Này các Tỵ-kheo? tri kiến về Khổ? tri kiến về Khổ tập, tri kiến về ỉpiổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo? này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh tri kiến. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh tư duy? Tư duy vê ly dục, tư duy vê vô sân, tư duy vê bât hại, này các Tỷ-kheo5 như vậy gọi là Chánh tư duy.

Này các Tỷ-kheo5 thế nào là Chánh ngữ? Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh ngữ. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh nghiệp? Tự chê không sát sanh, tự chê không trộm cướp, tự chê không tà dâm, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh nghiệp. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh mạng? Này các Tỷ-kheo? ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh mạng. Này các Tỷ-kheo? và thế nào là Chánh tinh tấn? Này các Tỷ-kheo, ở đây5 Tỷ-kheo, đối với các ác? bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muôn không cho sanh khởi, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi, vị này nỗ lực5 tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băn^ hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triên, viên mãn, vị này nô lực, tinh tân, quyêt tâm, trì chí. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh tinh tấn. Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh niệm? Này các Tỷ-kheo? ở đâ^ vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời... trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh niệm. Này các Tỷ-kheo? thế nào là Chánh định? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Tỷ-kheo ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tỷ-kheo ấy xả lạc xả khổ5 diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh định. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Khổ diệt đạo Thánh đế. 403. Như vậy5 vị ây sông quán pháp trên các nội pháp; hay sông quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên cả nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp, hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp, hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "C6 những pháp ở dây"vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỷ-kheo5 như vậy Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế.

22. KINH ĐẠI NIỆM xứ 401

404. Này các Tỷ-kheo, vị nào tu tập Bôn niệm xứ này như vậy trong bảy năm, vị ấy có thể chứnệ một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại; hai là nêu còn hữu dư y, chứng quả Bất hoàn. Này các Tỷ-kheo? không cân gì đên bảy năm, một vị nào tu tập Bôn niệm xứ này như vậy trong sáu năm... trong năm năm... trong bốn năm... trong ba năm... trong hai năm... trong một năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại; hai là nếu còn hữu dư y, chứng quả Bất hoàn. Này các Tỷ-kheo9 không cần gì đến một năm? một vị nào tu tập Bốn niệm xứ này trong bảy tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại; hai là nếu còn hữu dư y, thì chứnệ quả Bất hoàn. Này các Tỷ-kheo, không cần gì bảy tháng, một vị nào tu tập Bốn niệm xứ này trong sáu tháng... trong năm tháng... trong bốn tháng... trong ba tháng... trong hai tháng... trong một tháng... trong nửa tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại; hai là nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn. Này các Tỷ-kheo, không cần gì nửa tháng, một vị nào tu tập Bốn niệm xứ này trong bảy ngày5 vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại; hai là nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn. 405. Này các Tỷ-kheo5 đây là con đường độc nhât đưa đên sự thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu bi, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn niệm xứ. Thế Tôn thuyết pháp đã xong, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

23. KINH TẸ-TUC (Pãyãsi Suttdỷ

406. Như vầy tôi nghe. Một th&i, Tôn giả Kumãra Kassapa (Cxru-ma-la Ca-diếp) đang du hành trong nước Kosala (Câu-tát-la) cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đi đến một đô thị của Kosala tên là Setavyã (Tư-ba-ê). Rồi Tôn giả Kumãra Kassapa trú về phía Bắc thành này, trong rừng Simsapã (Thi-xá-bà). Lúc bấy giờ5 Hoàng tử Pãyãsi (Tệ-túc) cư trú tại Setavyã, một chỗ dân cư đông đúc5 cây cỏ? ao nước, lúa gạo phì nhiêu, một vương địa do Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala cấp, một ân tứ của vua, một tịnh ấp. r e r

407. Lúc bây giờ? Hoàng tử Pãyãsi khởi lên ác, tà kiên như sau: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.” Các Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyă được nghe: "Sa-m6n Kumãra Kassapa, đệ tử Sa-môn Gotama, đang du hành trong nước Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị9 đã đên Setavyã, trú vê phía Băc thành này, trong rừng SiiỊisapa." Tiếng đồn tốt đẹp sau đây về Tôn giả Kumãra Kassapa được khởi lên: "Tôn giả là bậc học rộng5 tài cao, diệu trí, đa văn5 lời nói thấu tâm, biện tài thiện xảo, bậc Trưởng lão và bậc A-la-hán. Lành thay nêu được yêt kiên một vị A-la-hán như vay!^ Rồi các vị Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyã, từng đoàn? từng chúng, từng nhóm? đi về hướng Bắc, đến tại rừng Simsapã. 408. Lúc bấy giờ, Hoàng tử Pãyãsi đi lên lầu thượng để nghỉ trưa. Hoàng tử Pãyãsi thấy các Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyã đi ra khỏi thành Setavyã, từng đoàn? từng chúng, từng nhóm đi về hướng Bắc, đến tại rừng Simsapã. Thấy vậy5 Hoàng tử cho gọi quan hộ thành và hỏi: Này khanh, vì sao các Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyã đi ra khỏi thành

Setavyã, từng đoàn, từng chứng, từng nhóm9 đi về hướng Bắc, đến tại rừng Simsapã như vậy? —Thưa Ngài, có Sa-môn Kumãra Kassapa, đệ tử Sa-môn Gotama, đang du hành trong nước Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến Setavyã, trú về phía Bắc thành này, trong rừng Simsapã. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây về Tôn giả Kumãra Kassapa được khởi lên: "Tôn giả là bậc học rộng,

1 Xem J. I. 380; Miln. 195. Kinh tương đương trong bộ Trường A-hàm kỉnh là Tệ-túc kinh (T.01. 0001.07. 0042b24). Tham chiếu: Tỳ-tứ kỉnh (r.ồl. 0026.71. 0525al0); Đại Chảnh Cú Vương kỉnh (r.01.0045.0831a06). '

9 e ___

tài cao, diệu trí, đa văn? lời nói thâu tâm, biện tài thiện xảo, bậc Trưởng lão và bậc A-la-hán?5 Các vị ấy đi đến yết kiến Tôn giả Kumãra Kassapa. Này khanh, hãy đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ấy và nói với họ như sau: "Hoàng tử Pãyãsi nói các Hiền giả hãy đợi. Hoàng tử Pãyãsi cũng sẽ đến yết kiến Sa-môn Kumãra Kassapa." Trước kia, Sa-môn Kumãra Kassapa cảm hóa các Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyã ngu muội và kém khả năng theo quan điểm: “C6 đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả bao.^ Này khanh, sự thật không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo. Xin vâng, thưa Ngài. Vị quan hộ thành vâng lời Hoàng tử Pãyãsi, đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyã và nói: Chư Hiền giả hãy chờ đợi, Hoàng tử Pãyãsi sẽ đến yết kiến Sa-môn Kumãra Kassapa. 409. Rồi Hoàng tử Pãyăsi được các Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyã hộ tống cùng đi đến rừng Siĩnsapã, chỗ trú của Tôn giả Kumãra Kassapa. Sau khi đên, Hoàng tử bèn nói lời thân ái, chào đón, chúc tụng rôi ngôi xuông một bên. Các Bà-la-môn và gia chủ ở Setavyã, có người đảnh lễ Tôn giả Kumãra Kassapa rồi ngồi xuống một bên; có người nói lời thân ái, chào đón chúc tụng Tồn giả Kumãra Kassapa rồi ngồi xuống một bên; có người chắp tay vái chào Tôn giả Kumãra Kassapa rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên họ rồi ngồi xuống một bên; có người yên lặng ngồi xuống một bên. 410. Sau khi ngồi xuống một bên, Hoàng tử Pãyãsi thưa với Tôn giả Kumãra Kassapa: -Tôn giả Kassapa, tôi có chủ thuyêt và tri kiên như sau: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo." Này Hoàng tử, tôi không thây, không nghe quan điêm như vậy, tri kiên như vậy. Sao Hoàng tử lại nói: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo"? 411. Thưa Hoàng tử, tôi sẽ hỏi Hoàng tử một vài câu hỏi, Hoàng tử thấy sao hợp lý thì trả lời như vậy. Hoàng tử nghĩ thê nào, mặt trời và mặt trăng này, chúng thuộc thê giới này hay thê giới khác? Chúng thuộc chư thiên hay loài người? -Tôn giả Kassapa, mặt trời và mặt trăng thuộc thế giới khác, không phải thế giới này, chúng thuộc chư thiên, không thuộc loài người. Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy? cần phải chấp nhận rằng: “C6 đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo." 412. Dâu Tôn giả Kassapa có nói như vậy? ở đây tôi vân châp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả bá."

Này Hoàng tử, sự kiện gì để chứng minh rằng: "Không có đời sau, không có các loài hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo,9? Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện đê chứng minh răng: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo." Này Hoàng tử, như thế nào?

-Tôn giả Kassapa, tôi có những người bạn tri kỷ5 thân tộc cùng một huyết thống. Những người này sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói láo, nói hai lưỡi? nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận và tà kiến. Những người này5 sau một thời gian, bị trọng bịnh5 bị đau khổ5 bị chứng tật. Khi tôi biết những vị ấy không thể khỏi những bệnh ấy được, tôi liền đi đến họ và nói: "Này các Hiền giả, một số Sa-môn5 Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: 'Những ai sát sanh5 lấy của không cho, tà dâm? nói láo, nói lời hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục5 sân hận và tà kiến? những người này sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào khổ xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục/ Nay các Hiền giả sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói láo, nói hai lưỡi? nói lời độc ác? nói lời phù phiếm, tham dqc, sân hận và tà kiến. Nếu lời nói những vị Sa-môn Bà-la-môn ay chính xác, thời các Hiền giả sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào khổ xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Neu các Hiền giả sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào khổ xứ, ác thú5 đọa xứ, địa ngục, thời quý vị hãy đến ta và cho ta biết: 'Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo/ Các Hiền giả là các thiện hữu thành tâm của ta, những gì các Hiền giả thấy, thời sẽ là như vậy, như chính ta được thấy." Các vị này bằng lòng làm như vậy và nói: "Tâu vâng", nhimg không có ai đến nói cho tôi biết, cũng khônệ cho gửi sứ giả đên. Này Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy nên tôi có tri kiên: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả bAo." 413. - Này Hoàng tử, nay tôi sẽ hỏi Hoàng tử, Hoàng tử thấy sao hợp lý thì trả lời như vậy. Hoàng tử nghĩ thế nào. Ở đời, có những người bắt được một người ăn trộm phạm tội và đem đến cho Ngài: "Thua Hoàng tử, đây là người ăn trộm phạm tội. Hãy trừng phạt hắn ta như Ngài muốn!,^ Hoàng tử trả lời những người ấy: "Hãy trói người này thật chat, dùng dây thật chắc trói hai tay ra đằng sau, cạo trọc đầu hắn ta, cho đánh trống lớn tiếng và dẫn hắn ta đi từ đường này đến đường khác, giao lộ này sang giao lộ khác5 xong đưa ra khỏi cổng thành hướng Nam mà chặt đầu tại pháp trường hướng Nam!" Những người ấy vâng lời? trói người ăn trộm thật chặt, dùng dây thật chắc trói hai tay ra đằng sau, cạo trọc đâu hăn ta, cho đánh trông lớn tiêng và dân hăn ta đi từ đường này đên đường khác, giao lộ này sang giao lộ khác, xong đưa hắn ta ra khỏi cổng thành hướng Nam và tại pháp trường hướng Nam, bắt hắn ta ngồi xuống. Nay người ăn trộm ấy có thể xin người đem chém mình: "Thua quý vị, quý vị cho phép tôi được đi thăm thân bằng quyến thuộc ở tại làng này, hay xã này! Hay những người ấy chặt ngay đầu người ăn trộm cầu xin như vậy?

406 KINH TRƯỜNG BỘ

-Tôn giả Kassapa, người ăn trộm ây không được những người đem chém mình cho phép: "Thưa quý vị, quý vị cho phép tôi được đi thăm thân bằng quyến thuộc ở tại làng này, hay xã này!" Những người ấy chặt ngay đầu người ăn trộm cầu xin như vậy. Này Hoàng tử, người ăn trộm thuộc loài người, không được phép người xử trảm mình cũng

là loài người: “Thua quý vị cho phép tôi được đi thăm thân bằng quyến thuộc ở làng này, hay ở xã này", thời làm sao những người thân bằng quyến thuộc của Ngài, đã sát sanh, lấy của không cho, tà dâm? nói láo5 nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiêm? tham dục, sân hận và tà kiên, sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào khổ xứ, ác thú? đọa xứ, địa ngục, lại được những người coi giữ địa ngục cho phép: "Thưa quý vị coi giữ địa ngục, quý vị hãy cho phép tôi về tâu với Hoàng tử Pãyãsi: 'Có đời sau? có các loại hóa sanh, hành vi ủiiện ác có quả báo.9,5 Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy, cân phải châp nhận răng: "C6 đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả b0.” 414. Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy? ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả bao." Này Hoàng tử, có sự kiện gì để chứng minh rằng: uKhông có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo” -Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện đê chứng minh răng: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo." - Này Hoàng tử, như thế nào? Tôn giả Kassapa, tôi có những thân bằng quyến thuộc gìn giữ không sát sanh, không lây của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói hai lưỡi5 không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận va không tà kiến. Những người này, sau một thời gian, bị trọng bịnh, bị đau khổ9 bị chứng tật. Khi tôi biet những vị ấy không thể khỏi những bệnh ấy được9 tôi liền đi đến họ và nói: "Một số Sa-môn? Bà-la-môn có những quan điểm5 những tri kiến như sau: 'Những ai gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác5 không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến, những người ấy khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này' Chư Hiền giả gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói hai lưỡi? không nói lời độc ác? không nói lời phù phiếm, không tham dục9 không sân hận và không tà kiến. Nếu lời nói của những Sa-môn9 Bà-la-môn ấy chính xác9 thời các Hiền giả sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Nếu các Hiền giả9 sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này, thời quý vị hãy đến ta và cho ta biết: 'Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo.9 Các Hiền giả là thiện hữu thành tâm của ta, những gì các Hiền giả thấy thời sẽ là như vậy, như chính ta được thấy." Các vị này bằng lòng

23.KINHTỆ-TÚC 407

làm như vậy và nói: "Tâu vAiig”, nhưng không có ai đến nói cho tôi biết, cũng kh6ng cho gửi các sứ giả đến. Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy, nên tôi có tri kiên: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả bAo." 415. Này Hoàng tử, tôi sẽ cho Hoàng tử một ví dụ. Ở đời5 một số người có trí nhờ ví dụ mà hiểu được nghĩa lời nói. Này Hoàng tử, ví như có người té rơi vào hầm phân. Ngài nói với các người khác: "Hãy kéo người này ra khỏi hầm phân!" Những người ấy vâng theo, nói: "Tâu vâng,5 và kéo người kia ra khỏi hầm phân ấy. Ngài nói với những người ấy: 4CHãy lấy que tre gạt phân ra khỏi thân của người kia!55 Những người này vâng theo, nói: "Tâu v2ng" và lấy que tre gạt phân ra khỏi thân người kia. Rồi Ngài bảo các người ấy: "Hãy cho thoa bóp ba lân thân người kia bằng bùn non màu vang." Và những người

ấy cho thoa bóp ba lần thân người kia bằng bùn non thơm màu vàng. Rồi Ngài bảo các người ấy: "Hãy lấy dầu thoa và tắm cho người kia ba lần và dùng bột mịn cunna thoa cho nó!" Và những người ấy lấy dầu thoa và tắm cho người kia ba lần và dùng bột mịn cunna thoa cho nó. Rồi Ngài bảo các người ấy: "Hãy sửa soạn râu tóc cho người kia!" Và những người ấy sửa soạn râu tóc cho kia. Rồi Ngài bảo các người ấy: “Hãy lấy vòng hoa quý5 dầu thơm quý và vải quý trang điểm cho người kia!” Và những người ấy trang điểm vòng hoa quý9 dầu thơm quý và vải quý cho người kia. Rồi Ngài bảo các người ấy: "Hãy đưa người kia đến tòa lâu đài và cho hưởng năm món dục lạc!" Và những người ấy đưa người kia đến tòa lâu đài và cho hưởng năm món dục lạc. Hoàng tử nghĩ thế nào, người kia khéo tắm như vậy, khéo thoa dầu, khéo sửa soạn râu tóc, khéo trang điểm với vòng hoa và vải trắng, được đưa đến lâu đài và cho hưởng năm món dục lạc sung túc, thỏa mãn như vậy5 thử hỏi người kia có chịu đâm đầu vào hầm phân ấy nữa không? —Thưa không, Tôn giả Kassapa. Vì sao không?

-Tôn giả Kassapa, hâm phân là bât tịnh và được xem là bât tịnh, xú uê và được xem là xú uế, ghê tởm và được xem là ghê tởm, yếm ố và được xem là yếm ố. Này Hoàng tử, cũng như vậy5 đối với chư thiên thì loài người bất tịnh và được xem là bất tịnh, xú uê và được xem là xú uê? ghê tởm và được xem là ghê tởm, yếm ố và được xem là yếm ố. Này Hoàng tử, mùi hôi của loài người khiến chư thiên ghê tởm xa đến một trăm do-tuần. Làm sao những người thân bằng quyến thuộc của Ngài, gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm5 không nói láo? không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác9 không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới? cõi đời này, những người ấy có thể về tin lại cho Hoàng tử: “C6 đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo.,? Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy, nên: "C6 đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo.,,

416. — Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo/9 j Hoàng tử, có sự kiện gì?

—Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện... -Hoàng tử, như thế nào? -Tôn giả Kassapa, tôi có những người thân băng quyên thuộc gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm? không nói láo? không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục9 không sân hận và không tà kiến. Những người này? sau một thời gian, bị trọng bệnh, bị đau khổ, bị chứng tật. Khi tôi biết những vị ấy không thể khỏi những bệnh ấy được, tôi liền đi đến họ và noi: ccMột số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: 'Những ai gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không tham dục, không sân hận và không tà kiến, những người ấy khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này/ Chư Hiền giả gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm, không

tham dục? không sân hận và không tà kiến. Nếu lời nói của những vị Sa-môn9 Bà-la-môn này chính xác, thời các Hiền giả sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này, thời quý vị hãy đến ta và cho ta biết: CCÓ đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo.9 Các Hiền giả là thiện hữu thành tâm của ta, những gì các Hiền giả thấy sẽ là như vậy, như chính ta được thấy." Các vị này bằng lòng làm như vậy và nói: "Tâu v2ïig", nhưng không có ai đến nói cho tôi biết, cũng không cho gửi các sứ giả đến. Này Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy, nên tôi có tri kiến: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.” 417. - Này Hoàng tử, tôi sẽ hỏi Ngài. Ngài thấy sao hợp lý thì trả lời như vậy. Này Hoàng tử, tuổi loài người một trăm năm bằng một ngày một đêm của chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Ba mươi đêm như vậy là một tháng, mười hai tháng như vậy là một năm, một ngàn năm ở thiên giới như vậy là tuổi thọ của chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Những thân bằng quyến thuộc của Hoàng tử như vậy gìn giữ không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói dối5 không uống rượu men rượu nấu. Các vị này sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh lên thiện thú, thiên giới? cõi đời này và làm thiện hữu với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Nếu những vị này suy nghĩ: "Chúng ta hãy thọ hưởng năm món dục lạc sung túc, thỏa mãn hai hay ba ngày đêm ở thiên giới, rồi sau sẽ đến Hoàng tử Pãyãsi và tin cho biết: 'Có đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo.'" Và những vị ấy có đến Ngài và tin cho biết: "C6 đời sau, có loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo" không?

Thưa không, Tôn giả Kassapa. Tôn giả Kassapa, vì chúng tôi sẽ chết lâu rồi. Nhimg ai cho Tôn giả Kassapa biết: "C6 chư thiên ở cối Tam Thập Tam, hay chư thiên ở cõi Tam Thập Tam tuổi thọ là như vậy,9? Tôn giả Kassapa, chúng tôi không tin rằng: "C6 chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, hay chư thiên ở cõi Tam Thập Tam tuổi thọ là như vay?9 418. - Này Hoàng tử, như có người sanh ra đã mù5 không thấy được các sắc đen hay sắc trắng, không thấy được các sắc xanh hay sắc vàng, các sắc đỏ hay đỏ thẫm5 không thấy được các vật tế nhị hay thô cứng, không thấy được các sao hay mặt trăng, mặt trời. Người ấy nói: "Không có các sắc đen hay trắng, không có người thấy các sắc đen hay trắng; không có sắc xanh, không có người thấy sắc xanh; không có sắc vàng, không có người thấy sắc vàng; không có sắc đỏ9 không có người thấy sắc đỏ; không có sắc đỏ thẫm, không có nệười thấy sắc đỏ thẫm; không có các vật tế nhị hay thô cứng, không có n^ười thây các vật tế nhị hay thô cứng; không có các vì sao, không có người thấy các vì sao; không có mặt trăng, mặt trời, không có người thấy mặt trăng, mặt trời. Tôi không biết vật này, tôi không thấy vật này, do vậy vật này không c6." Này Hoàng tử, nói như vậy có phải nói một cách hợp lý không? Thưa không, Tôn giả Kassapa. Có các sắc đen hay trắng, có người thấy các sắc đen hay trắng; có sắc xanh, có người thấy sắc xanh; có sắc vàng, có n^ười thấy sắc vàng; có sắc đỏ, có người thấy sắc đỏ; có sắc nâu, có người thấy săc nâu; có các vật tê nhị hay thô cứng, có người thây các vật tê nhị hay thô cứng; có các vì sao, có người thấy các vì sao; có mặt trăng, mặt trời, có người thấy mặt trăng, mặt trời. “T6i không biết vật này, tôi không thấy vật này, do vậy vật này không c6." Tôn giả Kassapa, ai nói như vậy là nói không hợp lý. Cũng vậy5 này Hoàng tử, Ngài nói

cũng giông người sinh ra đã mù khi Ngài nói với tôi: "Ai bảo Tôn giả Kassapa biet rằng: 6Có chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, hay chư thiên ở cõi Tam Thập Tam tuổi thọ là như vay"', chúng tôi không tin rằng: "C6 chư thiên ở cõi Tam Thập Tam, hay chư thiên ở cõi Tam Thập Tam tuoi thọ là như vậy.55 Này Hoàng tử, đời sau, không như Ngài nghi, có thể thấy bằng con mắt thịt. Này Hoàng tử, có những Sa-môn, Bà-la-môn sống những chỗ hẻo lánh trong rừng, ít có tiếng ồn, ít có tiếng động. Tại những chỗ ấy, các vị này sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cân, làm cho Thiên nhãn trong sạch. Rôi với Thiên nhãn thanh tịnh thắng xa loài người, các vị ấy thấy đời này, đời sau, và thấy các loại hóa sanh. Này Hoàng tử, đời sau, phải được thấy như vậy, không phải như Ngài nghĩ, với con mắt thịt. Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy nên tôi có tri kiến: "C6 đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả b5o." 419. Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo." Hoàng tử, có sự kiện gì khác?

—Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện...

- Hoàng tử, như thế nào? -Tôn giả Kassapa, ở đây, tôi thấy có những Sa-môn5 Bà-la-môn giữ giới, có thiện tánh, ham sống, ngại chết, ham sướng, ngại khổ. Tôn giả Kassapa, rồi tôi nghĩ: "Nếu những Sa-môn? Bà-la-môn giữ giơi5 có thiện tánh này được biết: 6 Sau khi chúng ta chết rồi5 đời chúng ta sẽ được tốt đẹp hơn' thì những Sa-môn5 Bà-la-môngiữ giới, có thiện tánh ấy, có thể uống thuốc độc, hoặc lấy kiếm dâm, hoặc tự giết mình bằng cách treo cổ hay tự lao mình xuống hố sâu." Nhưng vì những Sa-môn5 Bà-la-môn giữ giới, có thiện tánh ấy không được biết: "Sau khi chúng ta chết rồi5 đời chúng ta sẽ được tốt đẹp hơn", do vậy, các Sa-môn? Bà- la-môn giữ giới, có thiện tánh, ham sống, ngại chết, ham sướng, ngại khổ ấy không tự tử. Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy? nên tôi chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo." 420. Này Hoàng tử, tôi sẽ cho Hoàng tử một ví dụ. Ở đời, một số người có trí nhờ ví dụ mà hiểu được nghĩa lời nói. Này Hoàng tử, ngày xưa có một người Bà-la^môn có hai người vợ. Từ một người vợ5 ông ta có đứa con trai, mười hoặc mười hai tuổi; còn người vợ kia đang mang thai, sắp đến kỳ sinh nở. Rồi nạười Bà-la-môn ấy mệnh chung, Đứa con trai ấy nói với tiểu mẫu kia: “Này tiêu mâu5 phàm có tài sản gi, hoặc lúa, hoặc bạc5 hoặc vàng, tât cả đều là của tôi. Tiểu mẫu nay không được hưởng gì hết. Tiểu mẫu hãy giao cho tôi gia tài của cha t6i." Khi nghe nói vậy5 Bà-la-môn nữ kia nói với đứa con trai ấy: "Tiểu tử hãy chờ ta sanh con. Nếu ta sanh con trai5 thì một phần gia tài thuộc về nó; nếu ta sanh con gái, thời nó sẽ hầu hạ con." Lân thứ hai, đứa con trai ây nói với tiêu mâu kia: "Này tiêu mâu, phàm có tai san gì5 hoặc lua? hoặc bạc, hoặc vang, tat ca đêu la cua toi. lieu mau nay không được hưởng gì hết. Tiểu mẫu hãy giao cho tôi gia tài của cha t6i." Lần thứ hai, Bà-la-môn nữ kia nói với đứa con trai ấy: "Tiểu tử hãy chờ ta sanh con. Nếu ta sanh con trai thì một phần gia tài thuộc về nó; nếu ta sanh con gái, thời nó sẽ hầu hạ con." Lân thứ ba5 đứa con trai ây nói với tiêu mâu kia: "Này tiêu mâu, phàm có tài sản gì9 hoặc lúa, hoặc bạc, hoặc vàng, tất cả đều là của tôi. Tiểu mẫu không được hưởng gì hết. Tiểu mẫu hãy giao cho tôi gia

tài của cha t6i." Rồi người Bà-la-môn nữ ấy lấy một con dao, vào trong nội phòng và rạch bụng ra: "Ta muốn biết đó là con trai hay con gi."Như vậy5 người đàn bà ấy hại đời sống của mình, hại luôn cái thai và hại luôn tài sản của mình vì bà ta ngu xuẩn và si mê? đã đi tìm của thừa tự một cách vô trí, nên gặp phải bất hạnh và tổn thất. Cũng vậy, vì ngu xuân và si mê5 Ngài gặp phải bât hạnh và tôn that khi Ngài đi tìm đời sau một cách vô trí, cũng giống Bà-la-môn nữ kia, vì ngu xuẩn và si mê9 đã đi tìm thừa tự một cách vô trí. Này Hoàng tử, các vị Sa-môn5 Bà-la-môn giữ giới? có thiện tánh, không bắt buộc cái gì chưa chín phải chín, các vị ấy chờ chín muồi đến. Này Hoàng tử, vì có trí, các vị Sa-môn9 Bà-la-môn giữ gi&i, có thiện tánh cần đến mạng sống. Này Hoàng tử, nếu các Sa-môn, Bà-la-môn giữ

giới, có thiện tánh5 sông lâu ở trên đời này bao nhiêu, các vị ây làm được nhiêu công đức bấy nhiêu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời? vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy nên: "C6 đời sau, có các loài hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo." 421. - Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy? ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loài hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo?9 Hoàng tử, có sự kiện gì khác?

-Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện... - Này Hoàng tử, như thế nào? Này Tôn giả Kassapa, ở đây5 có những người bắt được một người ăn trộm phạm tội và đem đên cho tôi và nói: "Hoàng tử, đây là người ăn trộm phạm tội. Hãy trừng phạt hăn ta như Ngài muôn!,, Tôi nói với họ: "Này các người, hãy bỏ sống người này trong một cái chum, bịt miệng chum lại, dùng da ướt bao lại, dùng đất sét ướt quện lại trét lớp dày, nhấc chum ấy trên cái lò và nổi lửa d6t!" Các người ấy đáp: “Tâu vang9\ rồi họ bỏ sống người ấy trong cái chum, bịt miệng chum lại, dùng da ướt bao lại, dùng đât sét ướt quện lại trét lớp dày5 nhấc chum ấy trên cái lò và nổi lửa đốt. Khi chúng tôi biết người ấy đã chét, liền nhấc chum ấy xuống, cởi các dây buộc5 mở miệng chum ra5 vội vàng nhìn kỹ: "C6 thể chúng ta sẽ thấy linh hồn người ấy đi ra!” Nhung chúng tôi không thấy linh hồn người ấy đi ra. Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy nên tôi tin răng: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả bao.99 • 422. Này Hoàng tử, tôi sẽ hỏi lại Ngài, Ngài thấy sao hợp lý thì trả lời như vậy. Này Hoàng tử, khi Ngài nghỉ trưa, Ngài có chấp nhận Ngài có thấy những cảnh mộng hoan lạc ở vườn, ở rừng, ở đồng bằng, ở ao hồ không? -Tôn giả Kassapa, tôi xác nhận khi đi nghỉ trưa, tôi có thấy những cảnh mộng hoan lạc ở vuờn, ở rừng, ở đồng bằng, ở ao hồ. Trong khi ấy? có phải Ngài được một số người hầu hạ một bên, những người gù lưng, thấp lùn9 thiếu phụ và con gái? Vâng, Tôn giả Kassapa, trong khi ây5 tôi được một sô người hâu hạ một bên5 những người gù lưng, thâp lùn5 thiêu phụ và con gái. -Và họ thấy linh hồn của Ngài đi ra hay đi vào không? —Tôn giả Kassapa, thưa không. —Này Hoàng tử, họ không thấy linh hồn của Hoàng tử đi ra hay đi vào, thời làm sao Ngài có thể thấy linh hồn một người chết đi vào hay đi ra được? Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy nên tôi châp nhận: "C6 đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo.” 423. — Dầu

Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả bao.^

412 KINH TRƯỜNG Bộ

Hoàng tử, có sự kiện gì?

-Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện... -Hoàng tử, như thế nào? -Tôn giả Kassapa, ở đây5 có những người bắt được một người ăn trộm phạm tội và đem đến cho tôi: "Thua Hoàng tử, đây là người ăn trộm phạm tội. Hãy trừng phạt hắn ta như Ngài mu6n!" Tôi nói với họ: 44Các ngươi hãy đem cân sông hăn ta đi, rôi lây dây cung thăt cô cho hăn ta chêt? xong đem cân l@i!" Những nguòi này vâng lời tôi va đáp: "Tâu vang^, rồi họ đem cân sống n^ười ăn trộm ây, lấy dây cung thắt cổ hăn ta, cho đên chêt xong cân lại. Khi hăn ta sống thì hắn ta nhẹ, mềm mại, nhu nhuyến. Khi hắn ta chết thì hắn ta nặng hơn, cứng hơn và không nhu nhuyến. Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy nên tôi chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo?5 424. Này Hoàng tử, tôi sẽ cho Ngài một ví dụ. Nhờ ví dụ? một số người có trí hiểu được ý nghĩa lời nói. Này Hoàng tử, ví như người cân một hòn sắt được đốt nóng trọn ngày, cháy đỏ, hừng lửa, đỏ rực, và một thời khác cũng đem cân hòn sắt ấy nhưng nay đã nguội lạnh. Khi nào thì hòn sắt ấy nhẹ hơn, mềm mại hơn, hay nhu nhuyến hơn? Khi hòn sắt ấy đang cháy đỏ, hừng lửa, đỏ rực hay khi đã nguội lạnh? Tôn giả Kassapa, khi hòn săt ây có lửa, có gi6, cháy đỏ, hừng lửa, đỏ rực, khi ấy hòn sắt nhẹ hơn, mềm mại hơn và nhu nhuyến hơn. Khi hòn sắt ấy không có lửa, không có gió, không cháy đỏ5 không hừng lửa, nguội lạnh rồi, khi đó hòn sắt nặng hơn, cứng hơn và không nhu nhuyến. Này Hoàng tử, khi thân này có tuổi thọ, có sức nóng, có thức thì nó nhẹ hơn, mềm mại hơn và nhu nhuyến hơn. Khi thân này không có tuổi thọ, khônẹ có sức nóng và không có thức thời nó nặng hơn, cứng hơn và không nhu nhuyến. Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy? nên tôi chấp nhận: "C6 đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo.,, 425. Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy? ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo." Này Hoàng tử9 có sự kiện gì?

-Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện... Hoàng tử, như thế nào?

-Tôn giả Kassapa, có những người bắt được một người ăn trộm phạm tội và đem đến cho tôi: "Thưa Hoàng tử, đây là người ăn trộm phạm tội. Hãy trừng phạt hắn ta như Ngài mu6n!" Tôi nói với họ như sau: "Các ngươi hãy giết người này băng cách lột da ngoài, da trong, thịt, gân9 xương và xương tủy của hắn ta!' Những người này vâng lời tôi và đáp: "Tâu vâng, Hoàng tử”rồi họ bèn giết người ấy bằng cách lột da ngoài, da trong, thịt, gân, xương và xương tủy. Khi người ấy chết một phần nửa, tôi bảo họ: "Hay lật ngược người này nằm

23.KINHTỆ-TÚC 413

ngửa, và xem linh hồn của hắn ta có đi ra kh6ng!" Họ lật ngược người này nằm ngửa và chúng tôi không thấy linh hồn người ay đi ra. Tôi lại bảo họ: "Hy lật người này năm xâp lại... năm phía một bên... năm phía bên kia... đặt người đó đứng thẳng... đặt người

ấy đứng lộn đầu xuống... đánh người ấy bằng tay... đánh người ấy bằng cục đất... đánh người ây băng gậy... đánh người ấy băng ẹươm... đánh người ấy phía bên này... đánh người ấy phía bên kia. . đánh người ấy cùng khắp tất cả và xem linh hồn của hắn ta có đi ra không Họ đánh hắn ta phía bên nàỵ, đánh hắn ta phía bên kia, đánh hắn ta cùng khắp tất cả và chúng tôi không thây linh hồn hắn ta đi ra. Hắn ta có măt và săc tướng có mặt, nhưng căn không cảm thọ được sắc trần. Hắn ta có tai và các tiếng có mặt? nhimg căn không cảm thọ được thinh trần. Hắn ta có mũi và các hương có mặt, nhimg căn không cảm thọ được hương trần. Hắn ta có lưỡi và các vị có mặt, nhưng căn không cảm thọ được vị trần. Hắn ta có thân và các xúc có mặt, nhưng căn không cảm thọ được xúc trần. Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy, nên tôi chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo." 426. - Này Hoàng tử, tôi sẽ cho Ngài một ví dụ. Nhờ ví dụ5 một số ngươi có trí hiểu được ý nghĩa của lời nói. Này Hoàng tử, thuở xưa có một người thổi tù và, cầm tù và bằng vỏ ốc và đi đến vùng que biên giới. Người ấy đi đến một làĩiẸ kia; sau khi đến xong, đứng giữa làng, thổi ống tù và ba lần, đặt ống tù và xuông đất và ngồi xuống một bên. Này Hoàng tử, những người dân ở vùng quê biên giới ấy suy nghĩ: “Tiếng ấy là tiếng của ai mà lại khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy, mê ly như vậy5 hâp dẫn như vậy, rung cảm như vay?" Họ tụ họp lại và hỏi người thôi tù và: "Này bạn9 tiêng ây là tiêng của ai mà lại khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy, mê ly như vậy, hấp dẫn như vậy? rung cảm như vay?” Này các bạn, đây là cái tù và, và tiêng của tù và ây khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy? mê ly như vậy5 hấp dẫn như vậy, rung cảm như vậy. Họ bèn đặt chiếc tù và nằm ngửa và nói: "Hãy nói gi, bạn tù và! Hãy nói đi, bạn tù và!“2 nhưng chiếc tù và ấy khôriẸ nói tiếng gì hết. Họ đặt chiếc tù và ấy nằm úp xuống... nằm phía bên này... nằm phía bên kia... đặt đứng thẳng... đặt ngược đầu xuống... lấy tay đánh... lấy cục đất đánh... lấy gậy đánh... lấy gươm đánh... đánh phía bên này... đánh phía bên kia... đánh cùng khắp tất cả và nói: “Này bạn tù và, hãy nói đi! Này bạn tù và, hãy nói di!", nhưng chiếc tù và ấy không nói gì cả. Này Hoàng tử, rồi người thổi tù và suy nghĩ như sau: "Thật là ngu si, những người dân ở vùng quê biên giới này! Sao lại đi tìm tiếng tù và một cách vô ý thức như vậy!,, Trong khi họ đang tìm kiếm như vậy5 người thổi tù và cầm chiếc tù và lên, thổi lên ba lần rồi cầm chiếc tù và ra đi. Này Hoàng tử, những người ở vùng quê biên giới suy nghĩ như sau: "Này các bạn9 chiếc tù và này, khi nào có nệười phụ trợ, có sự nỗ lực phụ trợ và có gió thổi phụ trợ5 thì chiêc tù và phát ra tiêng. Khi nào chiêc tù và này không có người phụ trợ, không có sự nỗ lực phụ trợ và không có gió thổi phụ trợ thì chiếc tù và này không phát ra tiếng." Cũng vậy, này Hoàng tử, khi nào thân này có tuổi thọ phụ trợ, có hơi nóng phụ trợ và có thức phụ trợ? thời thân ấy đi tới, đi lui, đứng lên? ngồi xuống,

năm xuông; thời măt thây săc? tai nghe tiêng, mũi ngửi hương, lưỡi nêm vị, thân cảm xúc, ý biết pháp. Nhimg khi thân này không có tuổi thọ phụ trợ? không có hơi nóng phụ trợ và không có thức phụ trợ, thời thân ấy không đi tới, không đi lui, không đứng [ại, không ngồi xuống, không nằm xuống; thời mắt không thấy sắc, tai không nghe tiếng mũi không ngửi hương, lưỡi không nếm vị5 thân không cảm xúc, ý không biêt

pháp. Này Hoàng tử, sự kiện là như vậy nên tôi chấp nhận: "C6 đời sau, có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác có quả báo.,, 427. Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.” Hoàng tử, có sự kiện gì?

-Tôn giả Kassapa, vâng, có sự kiện... Hoàng tử, như thế nào?

-Tôn giả Kassapa, có những người bắt được một tên ăn trộm phạm tội và đem đến cho tôi: "Thưa Hoàng tử, đây là người ăn trộm phạm tội. Hãy trừng phạt hắn ta như Ngài mu6n!” Tôi nói với họ như sau: "Các ngươi hãy lột da hắn ta để chúng ta có thể thấy linh hồn của hắn ta!" Chúng lột da của người ấy, nhưng chúng tôi không thấy linh hồn của hắn ta. Rồi tôi bảo họ: "Các ngươi hãy lột da trong của người ấy... cắt thịt... cắt gân... cắt xương... đẽo cho đến xương tủy để chúng ta có thể thấy linh hồn của hắn ta!" Họ đẽo cho đến xương tủy của người ấy, nhưng chúng tôi không thấy linh hồn của hắn ta. Này Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy nên tôi chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo." 428. - Này Hoàng tử, tôi sẽ cho một ví dụ. Ở đời5 một số người có trí nhờ ví dụ hiểu được ý nghĩa câu nói. Này Hoàng tử, thuở xưa có người bện tóc thờ lửa, sống trong một ngôi nhà lá, tại một khu rừng. Này Hoàng tử, một số dân chúng di cư đến đấy. Vị lãnh đạo của họ, sau một đêm ở xung quanh cái cốc của người bện tóc thờ lửa bèn bỏ đi. Này Hoàng tử? người bện tóc thờ lửa suy nghĩ: “Nếu ta đến chỗ ở của người lãnh đạo? ta có thể kiếm được một vải đồ vật hữu e -go ĩ e • dụng ở âởy Rôi người bện tóc thờ lửa dậy sớm, đên chô ở của người lãnh đạo và thấy một đứa hài nhi bị quăng nằm ngửa ở đó. Thấy vậy? vị ấy nghĩ: "Thật không phải chút nào nếu ta để một hài nhi phải chết trong khi ta đang tìm kiếm! Ta hãy đem hài nhi này về cốc của ta, nuôi n6, săn sóc nó5 nuôi dưỡng nó!95 Rồi người bện tóc thờ lửa ấy đem đứa hài nhi ấy về cốc, nuôi nó9 săn sóc nó? nuôi dưỡng nó. Khi đứa trẻ đến tuổi mười hay mười hai, người bện tóc thờ lửa có c6ng việc phải đi ra tỉnh lỵ. Người bện tóc thờ lửa bảo đứa trẻ ấy: "Này con, ta muôn đi ra tỉnh lỵ9 hãy chăm sóc ngọn lửa, đừng đê nó tắt. Nấu lửa có tắt, đây là cái búa nhỏ? đây là củi, đây là đồ quay để nhóm lửa, hãy nhen lửa lại và chăm sóc ngọn lửa." Người bện tóc thờ lửa ấy, sau khi căn dặn đứa trẻ, bèn đi ra tỉnh lỵ. Đứa trẻ mãi ham vui đùa khiến lửa tắt. Đứa trẻ suy nghĩ: "Cha ta có bảo ta: 'Hãy chăm sóc ngọn lửa, đừng đê nó tăt. Nêu con đê tăt lửa, đây là cái búa nhỏ? đây là củi, đây là đồ quay để nhóm lửa lại/ Vậy ta hãy nhen lửa lên và chăm

SÓC ngọn lửa.” Rồi đứa trẻ ấy lấy búa chẻ đồ quay lửa với ý nghĩ: “C6 thể ta sẽ tìm được lira." Nhimg nó không tìm được lửa. Nó đem chẻ đồ quay lửa làm hai, làm ba, làm bốn, làm năm, làm mười, làm trăm? chẻ nhỏ vụn ra, giã trong cối, và sau khi đã giã nhỏ, lại đem ra giần sàng trước gió lớn với ý nghĩ: "C6 thể ta sẽ tìm được lira." Nhưng nó không tìm được lửa. Người bện tóc thờ lửa, sau khi làm xong công việc ở tỉnh lỵ? liền về cốc của mình và hỏi đứa bé: "Này con, sao con để tat lửa thế này?” Thưa cha, con mãi ham chơi nên đê lửa tăt. Rôi con suy nghĩ: "Cha đã bảo ta: Hãy chăm sóc ngọn lửa, đừng để nó tắt. Neu con để tắt lửa, đây là cái búa nhỏ, đây là củi5 đây là đồ quay để

nhen lửa. Hãy nhen lửa lại và chăm sóc ngọn lửa. Vậy ta hãy nhen lửa lên và chăm sóc ngọn lửa." Thưa cha, rồi con lấy búa nhỏ chẻ đồ quay lửa với ý nghĩ: "C6 thể ta sẽ tìm được lửa." Nhưng con tìm không được lửa. Con đem chẻ đồ quay lửa5 làm hai5 làm ba, làm bốn, làm năm? làm mười? làm trăm, chẻ nhỏ vụn ra giã trong cối và sau khi giã nhỏ, lại đem ra sàng trước gió lớn với ý nghĩ: "Ta sẽ tìm ra lửa", nhimg con không tìm được lửa. Rồi người bện tóc thờ lửa ấy suy nghĩ: "Dứa trẻ nay thật ngu si và kém thông minh! Sao lại đi tìm lửa một cách thiếu trí như thế nàyỊ,5 Trong khi đứa trẻ đứng nhìn? người ấy cầm đồ quay lửa, nhen lửa lên và nói với đứa trẻ: "Này con, nhen lửa phải làm như vậy đó, chớ không phải như con ngu si và kém thông minh, tìm lừa một cách vô trí!" Cũng vậy5 này Hoàng tử, Ngài ngu si, kém thông minh, đi tìm đời sau một cách kém suy tư. Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác kiến ấy! Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác kiến ấy! Chớ có tự dấn thân vào bất hạnh và đau khổ trường kỳ! 429. Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, tôi cũng không thể từ bỏ ác, tà kiến này. Vua Pasenadi nước Kosala và vua các nước ngoài đã biết tôi như sau: "Hoàng tử Pãyãsi có quan điểm5 có tri kiến như thế này: 'Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.'" Tôn giả Kassapa, nếu tôi từ bỏ ác, tà kiến ấy người ta sẽ phê bình tôi như sau: "Hoàng tử Pãyâsi thật là ngu si, kém thông minh, chấp kiến một cách sai lạc." Vì tức giận nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì gièm pha nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì oán ghét nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. 430. Vậy này Hoàng tử, tôi sẽ cho Ngài một ví dụ. Ở dời, một số người có trí nhờ ví dụ mà hiểu ý nghĩa lời nói. Này Hoàng tử, thuở xưa5 một đoàn lữ hành lớn gồm một ngàn cỗ xe đi từ phương Đông quốc độ qua phương Tây quốc độ. Đi đến chỗ nào đoàn lữ hành ấy cũng tiêu thụ rất mau cỏ9 củi, nước và cây lá xanh tươi. Đoàn lữ hành ấy có hai vị lãnh đạo5 mỗi vị lãnh đạo năm trăm cỗ xe. Hai vị lãnh đạo đoàn lữ hành suy nghĩ như sau: "Đoàn lữ hành lớn này gồm có một ngàn cỗ xe. Chỗ nào chúng ta đi tới thì đoàn tiêu thụ rất mau cỏ9 củi, nước và cây lá xanh tươi. Vậy chúng ta hãy chia đoàn lữ hành này thành hai, mỗi đoàn có năm trăm cỗ xe."

Rồi hai vị lãnh đạo ấy chia đoàn lữ hành thành hai, mỗi đoàn có năm trăm cô xe. Rôi một vị lãnh đạo thâu lượm rât nhiêu cỏ5 củi, nước và cho đoàn lữ hành chuyển bánh. Sau khi đi hai, ba ngày, vị lãnh đạo ấy thấy một người da đen9 mắt đỏ9 mang theo ống tên, đeo vòng hoa súng, áo quân ướt, tóc ướt, đánh một cỗ xe do lừa kéo, bánh xe dính đầy bùn và đi từ phía trước đi lại. Thấy vậy, người lãnh đạo hỏi: -Bạn từ phương nào đến? Từ nơi quốc độ kia đến.

-Bạn sẽ đi đâu? - Sẽ đi đến quốc độ tên này. —Bạn có thấy, trong khu rừng trước mặt, có mưa to gần đây không? -Thưa bạn, trong khu rừng trước mặt có mưa to, đường sá đầy sũng những nước, có nhiều cỏ? nhiều củi và nhiều nước. Hãy quăng bỏ cỏ? củi và nước cũ đi để cỗ xe được nhẹ và đi cho mau! Chớ có làm cho đoàn xe mệt nhọc! Khi ấy người lãnh đạo nói với những người đánh xe: Này các bạn, người này nói như sau: "Trong khu rừng trước mặt có mưa to, đường sá đầy sũng nước, có nhiều cỏ, nhiều củi và nhiều nước. Hãy quăng bỏ cỏ, củi và nước cũ đi đê cô xe được nhẹ và đi cho mau. Chớ

có làm cho đoàn xe mệt nhQC." Vậy các bạn hãy quăng cỏ9 củi và nước cũ đi, đê đoàn xe đi với những cỗ xe nhẹ hơn! Thưa bạn, vâng.

Những người đánh xe vâng theo lời vị lãnh đạo đoàn lữ hành, quăng cỏ, củi và nước cũ đi và dẫn đoàn xe đi với những cỗ xe nhẹ hơn. Nhưng khi đi đến trạm nghỉ thứ nhất, họ không thấy cỏ5 củi hay nước, trạm thứ hai cũng vậy, trạm thứ ba cũng vậy, trạm thứ tư cũng vậy9 trạm thứ năm cũng vậy, trạm thứ sáu cũng vậy, trạm thứ bảy cũng vậy. Tất cả đều gặp sự bất hạnh và tổn thất, tất cả người và vật trong lữ đoàn ấy đều bị dạ-xoa phi nhân ăn thịt, chỉ còn xương để lại. Khi người lãnh đạo đoàn thứ hai được biết: "Nay đoàn kia đi đã khá xa", bèn cho thâu lượm nhiều cỏ5 củi và nước và cho đoàn khởi hành. Sau khi đi hai, ba ngày, vị lãnh đạo ấy thấy một người da đen5 mắt đỏ9 mang theo ống tên, đeo vòng hoa súng, áo quân ướt? tóc ướt, đánh một cỗ xe do lừa kéo? bánh xe dính đầy bùn và đi từ phía trước đi lại. Thấy vậy, người lãnh đạo hỏi:
Bạn từ phương nào đến?

Từ nơi quốc độ kia đến.

Bạn sẽ đi đâu?
- Sẽ đi đến quốc độ tên này.
Bạn có thấy trong khu rừng trước mặt, có mưa to gần đây không?
y
Thưa bạn, trong khu rừng trước mặt, có mưa to, đường sá đây sũng nước,
23.KINHTỆ-TÚC 417

CÓ nhiều cỏ, nhiều củi và nhiều nước. Hãy quăng bỏ cỏ5 củi và nước cũ đi để cỗ xe được nhẹ và đi cho mau! Chớ có làm cho đoàn xe mệt nhọc! Khi ấy, người lãnh đạo nói với những người đánh xe: Này các bạn, người này nói như sau: "Trong khu rừng trước mặt có mưa to, đường sá đầy sũng nước, cỏ nhiều cỏ? nhiều củi và nhiều nước. Hãy bỏ cỏ, củi và nước cũ đi để cỗ xe được nhẹ và đi cho mau. Chớ làm cho đoàn xe mệt ĩihọc.,, Nhimg này các bạn, người ấy không phải là bạn của chúng ta, cũng không phải là bà con ruột thịt, làm sao chúng ta có thể tin người ấy được? Chớ quăng bỏ các thứ cỏ9 củi và nước đã dự trữ từ trước! Hãy cho đoàn lữ hành tiến tới với các hàng hóa đã được mang theo, chúng ta không quăng bỏ đi các vật đang dự trữ từ trước! -Thưa bạn, vâng. Những người đánh xe ấy vâng theo lời người lãnh đạo? cho đoàn lữ hành tiến tới với những hàng hóa đã mang theo. Đên trạm nghỉ thứ nhât, những người này không thấy cỏ5 củi hay nước, đến trạm thứ hai cũng vậy, trạm thứ ba cũng vậy, trạm thứ tư cũng vậy? trạm thứ năm cũng vậy, trạm thứ sáu cũng vậy, trạm thứ bảy cũng vậy. Họ không thấy cỏ, củi hay nước? nhưng họ thấy đoàn lữ hành trước bị lâm vào bất hạnh và tôn that. Họ thây các bộ xương của những người và thú vật trong đoàn lữ hành kia bị dạ-xoa phi nhân ấy ăn thịt. Rồi người lãnh đạo nói với các người đánh xe: -Này các bạn, đoàn lữ hành ấy bị lâm vào bất hạnh và tổn thất vì bị người lãnh đạo ngu si như vậy hướng dẫn. Vậy này các bạn, hãy bỏ đi những vật hạng ít giá trị của đoàn lữ hành của chúng ta, hãy đem theo những vật hạng đắt giá của đoàn lữ hành kia! Thưa bạn, vâng. Những người đánh xe ấy vâng theo người lãnh đạo, quăng bỏ đi những vật

hạng ít giá trị của đoàn lữ hành của mình, đem đi theo những vật hạng đắt giá của đoàn lữ hành kia, và đi qua bãi sa mạc ấy một cách an toàn, vì được hướng dẫn bởi một vị lãnh đạo sáng suốt. Cũng vậy, này Hoàng tử, người ngu si không có trí sẽ gặp bất hạnh và tổn thất vì đã đi tìm kiếm đời sau một cách vô trí, giống như người lãnh đạo đoàn lữ hành kia. Những ai tự nghĩ có thể tin bất cứ điều gì được nghe sẽ gặp bất hạnh và tổn thất như những người đánh xe kia. Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Này Hoang tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Chớ để chúng đưa Ngài vào bất hạnh và đau khổ lâu dài! 431. - Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy? tôi cũng không thể từ bỏ ác, tà kiến này. Vua Pasenadi nước Kosala và vua các nước ngoài đã biết tôi như sau: "Hoàng tử Pãyãsi có quan điểm, có tri kiến như thế này: 'Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.,^^ Tôn giả Kassapa, nếu tôi từ bỏ ác kiến ấy5 người ta sẽ phê bình tôi như sau: "Hoàng tử Pãyãsi thật là ngu si, kém thông minh, chấp kiến một cách sai lạc." Vì tức giận

nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì gièm pha nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì oán ghét nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. 432. - Nàỵ Hoàng tử, vậy tôi sẽ kể một ví dụ. Ở dời, nhờ ví dụ, một số người có trí hiểu được ý nghĩa lời nói. Thuở xưa, có một người nuôi heo đi từ làng của mình đến một làng khác. Ở tại dấy, ông ta thấy một đống phân khô bị quăng bỏ. Thấy vậy, người ấy nghĩ: uĐống phân khô khá nhiều bị quăng bỏ đi có the làm đồ ăn cho các con heo của ta. Vậy ta hãy mang đống phân khô này di." Rồi ông ta trải áo choàng của mình, mang đông phân khô lại, cột thành một gói, đặt trên đầu rồi đi. Đi giữa đường, một cơn mưa lớn trái mùa xảy ra. Ông mang bọc phân ấy di, với nước phân thấm ướt tiết ra và chảy thành giọt, làm ông lấm lem phân cho đến đầu móng tay. Mọi người thấy ông liền nói: —Ông có thật sự điên, thật sự khùng chăng? Làm sao ông lại mang bọc phân ấy đi với nước phân thấm ướt tiết ra và chảy thành giọt, làm người lấm lem phân cho đến đầu móng tay. -Chính các người mới thật sự điên, chính các người mới thật sự khùng. Chính nhờ như thế này, các con heo của tôi mới có đồ ăn. Cũng vậy, này Hoàng tử, Ngài nói chẳng khác gì ví dụ người mang phân này. Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Chớ để chúng đưa Ngài vào đau khổ? bất hạnh lâu dài! 433. Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, tôi cũng không thể từ bỏ ác, tà kiến này. Vua Pasenadi nước Kosala và vua các nước ngoài đã biết tôi như sau: "Hoàng tử Pãyãsi có quan diểm, có tri kiến như thế này: 'Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.9,9 Tôn giả Kassapa, nếu tôi từ bỏ ác, tà kiến ấy người ta sẽ phê bình tôi như sau: uHoàng tử Pãyãsi thật là ngu si, kém thông minh, chấp kiến một cách sai lgc." Vì tức giận nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì gièm pha nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì oán ghét nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. 434. Nàỵ Hoàng tử, vậy tôi sẽ kể một ví dụ. Ở đời? nhờ ví dụ5 một số người có trí hiểu được ý nghĩa lời nói. Thuở xưa, có hai người đánh bạc đổ con xúc xắc. Một con bạc mỗi lần thua liền ngậm con xúc xắc thất bại. Con bạc thứ hai thây con bạc ây môi lân thua liên ngậm con xúc xăc that bại. Thây vậy, con bạc này [thua] nói với con bạc kia [thắng]: Này bạn, bạn đã thắng rõ ràng. Bạn hãy đưa cho tôi các con xúc xắc để đi làm lễ tế! -Thưa bạn, vâng. Con bạc ây [thăng] liên đưa các

con xúc xắc cho con bạc kia [thua]. Người này [con bạc thua] bèn lây thuôc độc thoa vào các con xúc xắc và nói với người kia [con bạc thắng]: Này bạn, hãy chơi đô các con xúc xắc!

Thưa bạn, vâng.

23.KINHTỆ-TÚC 419

Con bạc ấy [thắng] vâng theo lời của con bạc kia [thua]. Lần thứ hai, hai con bạc ấy đổ con xúc xắc. Lần thứ hai, con bạc này [thắng] mỗi lần thua liền ngậm con xúc xắc thất bại. Con bạc thứ hai [thua] thấy con bạc kia [thắng] lần thứ hai, mỗi lần thua ngậm con xúc xắc thất bại5 thấy vậy5 nói với con bạc kia [thắng]: Con người không được biết, Con xúc xắc được ngậm? Đã được bôi thoa nhiều, Với thuốc độc đốt cháy. Hãy ngậm đi, ngậm di, Con bạc ác độc kia! Ngậm xong nhà ngươi phải, Đau đớn vô cùng tận. Cũng vậy, này Hoàng tử, Ngài nói chẳng khác gì ví dụ người đánh bạc. Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Chớ để chúng đưa Ngài vào đau khổ, bất hạnh lâu dài! 435. Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy5 tôi cũng không thể từ bỏ ác, tà kiến này. Vua Pasenadi nước Kosala và vua các nước ngoài đã biết tôi như sau: "Hoàng tử Pãyãsi có quan điêm? có tri kiên như thê này: 'Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.5 Tôn giả Kassapa, nếu tôi từ bỏ ác, tà kiến ấy, người ta sẽ phê bình tôi như sau: "Hoàng tử Pãyãsi thật ngu si, kém thông minh, chấp kiến một cách sai lạc." Vì tức giận nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì lường gạt nên tôi phải chấp chặt tà kiến ấy. Vì tự trọng nên tôi phải châp chặt tà kiên ây. 436. - Này Hoàng tử, vậy tôi sẽ kể một ví dụ. Ở đời5 nhờ ví dụ, một số người có trí hiểu được ý nghĩa lời nói. Thuở xưa5 dân cư của một quốc gia dời đi chỗ khác. Một người nói với bạn của mình: Này bạn, chúng ta hãy đi đên quôc gia kia, rât có thê chúng ta tìm được tiền bạc5 của cải! Thưa bạn, vâng. Người bạn vâng lời người bạn kia. Họ đi đến quốc gia kia, và đến một đường làng. Họ thấy một đống cây gai quăng bỏ. Thấy vậy5 một người bạn nói với các người kia: Đây là một đông gai quăng bỏ. Bạn hãy nhóm lại thành một bó gai! Tôi cũng nhóm lại thành một bó gai. Chúng ta hãy đem hai bó gai ấy đi! Thưa bạn? vâng.

Người bạn này vâng theo người bạn kia và cột bó gai lại. . r r r Họ mang hai bó gai và đi đên một làng khác. Họ thây một đông dây gai bị quăng bỏ. Thấy vậy5 một người bạn nói với người kia:

420 KINH TRƯỜNG Bộ

—Đống dây gai bị quăng bỏ này thật đúng với điều chúng ta muốn làm với bó gai ấy. Vậy bạn hãy quăng bó gai! Tôi cũng quăng bó gai. Chúng ta hãy đem hai bó dây gai ấy đi! -Này bạn, tôi đem bó gai này từ xa lại, và bó gai được bó buộc kỹ lưỡng. Đối với tôi, như vậy là vừa đủ, bạn hãy tự biết [mà làm]. Và người bạn trước quăng bó gai và lấy đống dây gai. Rồi họ đến một con đường làng khác. Ở đấy, họ thấy nhiều vải gai bị quăng bỏ. Thấy vậy5 một người bạn nói với người kia: Nhiêu vải gai bị quăng bỏ này thật đúng với điêu chúng ta muôn làm với cây gai hoặc với dây gai. Vậy bạn hãy quăng bỏ bó cây gai, và tôi sẽ quăng bỏ bao dây gai. Hai chúng ta sẽ mang bao vải gai này mà

đi! —Này bạn, tôi đem bó gai này từ xa lại và bó gai được bó buộc kỹ lưỡng. Đối với tôi, như vậy là vừa đủ, bạn hãy tự biết [mà làm]. Và người bạn trước quăng bỏ dây gai và lấy bó vải gai. Rồi họ đến một con đường làng khác. Ở dây, họ thấy nhiều sồ-ma bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều dây sồ-ma bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều vải sồ-ma bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều cây bông bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều vải bông bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều sắt bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều đồng bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều thiếc bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều chì bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều bạc bị quăng bỏ. Sau khi thấy... họ thấy nhiều vàng bị quăng bỏ. Thấy vậy, một người bạn nói với người bạn kia: -Nhiều vàng bị quăng bỏ này thật đúng với điều chúng ta muốn làm với cây gai hay với dây gai, hay với vải sồ-ma9 hay với cây bông9 hay với vải bông? hay với sắt, hay với đồng, hay với thiếc, hay với chì, hay với bạc. Vậy bạn hãy quăng bỏ bao cây gai, và tôi sẽ quăng bỏ bao bạc. Hai chúng ta sẽ mang bao vàng mà đi! Này bạn, tôi đem bó gai này từ xa lại, và bó gai được bó buộc kỹ lưỡng. Đối với tôi9 như vậy là vừa đủ, bạn hãy tự biết [mà làm]. Và người bạn trước quăng bao bạc và lấy bao vàng. Cả hai về đến làng của mình. Người bạn đem bao cây gai về, cha mẹ người ấy không được vui vẻ9 vợ con người ấy không được vui vẻ, bạn bè người ấy không được vui vẻ, và do vậy, hắn ta không được hạnh phúc, hoan hỷ. Còn người bạn đem bao vàng về, cha mẹ người ấy được vui vẻ, vợ con người ấy được vui vẻ, bạn bè người ấy được vui vẻ, và do vậy5 người ấy được hạnh phúc hoan hỷ. Cũng vậy, Hoàng tử, Ngài nói không khác gì ví dụ người mang bao cay gai. Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Này Hoàng tử, hãy từ bỏ ác, tà kiến ấy! Chớ để chúng đưa Ngài vào đau khổ, bất hạnh lâu dài! 437. Với ví dụ đầu tiên của Tôn giả Kassapa, tôi đã hoan hỷ? thỏa mãn, nhưng tôi muốn nghe những câu hỏi đáp thông minh ấy vì vậy tôi xem Tôn

giả Kassapa như một đối thủ. Thật kỳ diệu thay, Tôn giả Kassapa! Thật hy hữu thay, Tôn giả Kassapa! Tôn giả Kassapa, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy5 Chánh pháp được Tôn giả Kassapa dùng nhiều phương tiện trình bày. Tôn giả Kassapa, nay con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Kassapa, hãy nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến trọn đời, xin nhận Ngài làm chỗ y chỉ! Tôn giả Kassapa, con muốn tổ chức một đại lễ tế đàn. Tôn giả Kassapa hãy giảng dạy cho con để con được hưởng hạnh phúc an lạc lâu dài! 438. Này Hoàng tử, tại tê đàn nào có trâu bò bị giêt, hay dê và cừu bị giêt, hay gà heo bị giết, hay các loại sinh vật khác bị giết, và những ai chấp nhận tế đàn ấy là những vị có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng5 tà tinh tấn, tà niệm5 tà định; này Hoàng tử, tế đàn ấy không đem lại quả báo lớn, lợi ích lớn, danh tiếng lớn, không được quảng bá rộng lớn. Này Hoàng tử, cũng như nẹười làm ruộng đi vào rừng đem theo hạt giống và cày. Và trên một khoảng đất không cày bừa, không có màu mỡ, giữa những gốc cây chưa được đào lên5 người ấy gieo những hạt giống xuống, những hạt giống ấy bị hư sứt, bị thúi mục, bị gió và sức

nóng phá hại, trái mùa5 không có điều kiện thuận tiện, và thần mưa không cho mưa đúng thời. Vậy các hột giốnệ ấy có thể lớn lên5 trưởng thành lên và sum suê hoa lá, hoặc người làm ruộng ẩy gặt hái được nhiều kết quả hơn không? -Tôn giả Kassapa, không thê được. Cũng vậy, này Hoàng tử, tại tế đàn nào có trâu bò bị giết hay các loại dê và cừu bị giết, hay gà và heo bị giết, hay các loại sinh vật khác bị giết, và những ai chấp nhận tế đàn ấy là những vị có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ? tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định; này Hoàng tử, tế đàn ấy không đem lại quả báo lớn5 lợi ích lớn, danh tiếng lớn, không được quảng bá rộng lớn. Này Hoàng tử, tại tế đàn nào không có trâu bò bị giết, không có các loại dê và cừu bị giết, không có gà và heo bị giết, không có các loại sanh vật khác bị giết, và những ai chấp nhận tế đàn ấy là những vị có Chanh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định; này Hoàng tử, tế đàn ấy đem lại quả báo lớn, lợi ích lớn5 danh tiếng lớn, được quảng bá rộng lớn. Này Hoàng tử, cũng như một người làm ruộng đi vào rừng đem theo hạt giống và cày. Và trên một khoảng đất có cày bừa, có màu m&, giữa những Ẹốc cây đã được đào lên, người ấy gieo những hạt giống xuống5 những hạt giông ấy không bị hư sứt, không bị thúi mục, không bị gió và sức nóng phá hại? thuận mùa, có điều kiện thuận lợi và thần mưa cho mưa đúng thời. Vậy các hột giống ấy có thể lớn lên, trưởng thành lên, sum suê hoa lá? hoặc người làm ruộng ấy gặt hái được nhiều kết quả hơn không? -Tôn giả Kassapa, thật được như vậy.

-Cũng vậy? này Hoàng tử, tại tế đàn nào mà khônệ có trâu bò bị giết, không có các loại dê và cừu bị giết, không có gà và heo bị giết, không có các loại sanh vật khác bị giết, và những ai chấp nhận tế đàn ấy là những vị có Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm5 Chánh định; này Hoàng tử, tế đàn ấy đem lại quả báo lớn, lợi ích lớn, danh tiếng lớn, được quảng bá rộng lớn. 439. Rồi Hoàng tử Pãyãsi tổ chức bố thí cho các vị Sa-môn, Bà-la-môn, cho những người nghèo, những nẹười vô gia cư5 những người ăn mày. Trong cuộc bố thí này9 các món ăn như thê này được đem cho như cháo, đô ăn phế thải, vải thô với những viên băng hình tròn. Trong cuộc bô thí này, có vị thanh niên tên Uttara bị bỏ qua.2 Sau khi cuộc bố thí đã xong, vị này nói ngạo như sau: "Vói cuộc bố thí này, ta được gặp Hoàng tử Pãyãsi trong đời này, nhưng không gặp trong đời sau.” Hoàng tử Pãyãsi nghe thanh niên Uttara, sau khi cuộc bố thí đã xong, có nói ngạo: uVới cuộc bố thí này? ta được gặp Hoàng tử Pãyãsi trong đời này, nhưng không gặp trong đời sau^, liên cho mời thanh niên Ưttara và nói: Này thân hữu Uttara, có thật chăng, sau khi cuộc bố thí đã xong, ngươi có nói ngạo: "V6i cuộc bố thí này5 ta được gặp Hoàng tử Pãyãsi trong đời này, nhimg không gặp trong đời sau” Thật có vậy? thưa Hoàng tử. - Này thân hữu Uttara, tại sao, sau cuộc bố thí, ngươi lại nói ngạo như vậy: 66Với cuộc bố thí này, ta được gặp Hoàng tử Pãyãsi trong đời này, nhưng không gặp trong đời sau"? Này thân hữu Uttara, có phải chúng ta đi tìm công đức đều trông mong kết quả của cuộc bố thí? Thưa Hoàng tử, trong cuộc bố thí của Ngài, các món ăn như thế này được đem cho như chao, đồ ăn phế thải, các món ăn này Ngài không muốn lấy bàn chân của Ngài đụng đến, huống nữa là ăn; vải thô với những nền bằng hình tròn, các thứ vải này Ngài không

muốn lấy bàn chân của Ngài đụng đến5 huốnẹ nữa là mặc. Hoàng tử, Nệài là người thân và kính mến của chúng tôi. Như thê nào, chúng tôi co thê phôi hợp cái gì than yêu và kính men với cái gì không thân yêu? -Vậy này thân hữu Uttara, hãy phân phát các món ăn giông như các món tôi ăn5 hãy phân phát các vải mặc giông như các thứ vải mà tôi mặc! -Tâu vâng, Hoàng tử. Thanh niên Uttara vâng theo lời Hoàng tử Pãyãsi, đem phân phát những món ăn giống như các món Hoàng tử Pãyãsi ăn5 đem phân phát các thứ vải giống như các thứ vải Hoàng tử Pãyãsi mặc. 440. Hoàng tử Pãyãsi vì đã bố thí không được hoàn bị? VI đã không tự tay mình bố thí, vì đã bố thí không có suy tư, vì đã bố thí các đồ vật phế thải, sau khi thân hoại mạng chung được sanh nhập chúng với Bốn Đại Thiên Vương,

2 Tham khảo D. II. 141; Sum. I. 296; JA. 89; VvA. 289.

23.KINHTỆ-TÚC 423

trong cung điện Serĩsaka trống không. Còn thanh niên Uttara, bị bỏ qua trong cuộc bố thí này9 vì đã bố thí một cách hoàn b j, vì đã bố thí tự tay mình làm, vì đã bố thí có suy tư, vì đã bố thí các đồ không phế thải, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, nhập chúng với chư thiên ở Tam Thập Tam thiên. 441. Lúc bấy giờ, Tôn giả Gavampati (Ngưu Chủ) thường hay đi nghỉ trưa trong cung điện Serĩsaka trống không. Nay thiên tử Pãyãsi đi đón Tôn giả Gavampati, đảnh lễ Ngài, và đứng một bên. Tôn giả Gavampati nói với thiên tử Pãyãsi đang đứng một bên: Này Hiền giả, ngươi là ai?

Bạch Tôn giả, con là Hoàng tử Pãyãsi.

Này Hiên giả5 có phải ngươi có tà kiên như sau: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo?" Bạch Tôn giả5 con có tà kiến như vậy: "Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả bảo'\ nhưng nhờ Tôn giả Kumãra Kassapa, con tự thoát ly ra khỏi ác5 tà kiến ấy. Này Hiền giả, còn thanh niên Uttara bị bỏ qua trong cuộc bố thí ấy, được thác sanh ở đâu? Bạch Tôn giả, thanh niên Uttara, bị bỏ qua trong cuộc bố thí ấy, vì đã bố thí một cách hoàn bị? vì đã bố thí tự tay mình làm, vì đã bố thí có suy tư, vì đã bố thí các đồ không phế thải, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, nhập chúng với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam. Còn con, vì đã không tự tay mình bố thí, vì đã bố thí không có suy tư, vì đã bố thí các đồ phế thải, sau khi thân hoại mạng chung được sanh nhập chúng với Bốn Đại Thiên Vương, trong cung điện Serĩsaka trống không. Do vậy, bạch Tôn giả Gavampati, hãy đi đến thế giới loài người và nói như sau: "Hãy bố thí một cách hoàn bị5 hãy tự tay mình bố thí, hãy bố thí một cách có suy tư, hãy bố thí với đồ không phế thải! Hoàng tử Pãyãsi vì bố thí không hoàn bị9 vì không tự tay mình bố thí, vì bố thí không có suy tư, vì bố thí các đồ phế thai, sau khi thân hoại mạng chung được sanh nhập chúng với Bốn Đại Thiên Vương, trong cung điện Serĩsaka trống không. Còn thanh niên Ưttara, bị bỏ qua trong cuộc bố thí này, vì đã bố thí một cách hoàn bị? vì đã bố thí tự tay mình làm5 vì bố thí một cách có suy tư, vì bố thí các đồ không phế thải, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, nhập chúng với chư

thiên ở cõi Tam Thập Tam,,, Rồi Tôn giả Gavampati đi vào trong thế giới loài người và nói như sau: “Hy bố thí một cách hoàn bị5 hãy tự tay mình bố thí, hãy bố thí một cách có suy tư, hãy bố thí các đồ không phế thải! Hoàng tử Pãyãsi, vì bố thí không hoàn bị, vì không tự tay mình bố thí, vì bố thí không có suy tư, vì bố thí các đồ phế thải, sau khi thân hoại mạng chung được sanh nhập chúng với Bốn Đại Thiên Vương, trong cung điện Serĩsaka trống không. Còn thanh niên Uttara, bị bỏ qua

trong cuộc bố thí này, vì đã bố thí một cách hoàn bị? vì đã tự tay mình bố thí, vì đã bố thí một cách có suy tư, vì đã bố thí các đồ không phế thải, sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, nhập chúng với chư thiên ở cõi Tam Thập Tam.

24. KINH BA-LÊ (Pãtika Suttdỷ

Tụng phẩm I 1. Như vây tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở giữa bộ tộc Malla (Mạtla), t@i Anupiya (A-dật-di)5 một thành của bộ tộc Mallã. Lúc bấy giờ, Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm ỵ bát vào thành Anupiya để khất thực. Rồi Thế Tôn tự nghĩ: "Thật là quá sớm để vào thành Anupiya khất thực. Ta hãy đến tinh xá của du sĩ Bhaggava và thăm vị này.” 2. Thế Tôn liền đi đến tinh xá du sĩ Bhaggava. Rồi du sĩ Bhaggava bạch rT^I Á rr^ Thê Tôn: r-pl Ắ rpi1 * 4-Ấ Ầ I -\ <4. jF rpl Ấ FT1I r-pl Ấ rp A r • r 1 • -Thê Tôn hãy đên gân! Xin chào đón Thê Tôn! Đã lâu, Thê Tôn mới có dịp đến đây. Mời The Tôn ngồi, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn! Thế Ton n^ồi trên chỗ đã soạn sẵn, và du sĩ Bhaggava lấy một ghế khác thấp hơn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn: -Bạch Thế Tôn, ngày xưa va nhiều ngày xưa nữa, Sunakkhatta (Thiện Tinh) thuộc bộ tộc Licchavi (Ly-xa) đến con và nói như sau: "Nay Bhaggava, nay tôi tò bỏ Thế Tôn! Nay tôi không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa.” Bạch Thế Tôn, sự việc có phải như Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi nói hay không? -Này Bhaggava, sự việc thật như Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đã nói. 3. Này Bhaggava, thuở xưa và rất xa xưa, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đến thăm Ta. Sau khi đến9 đảnh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi bạch với Ta: Bạch Thế Tôn? nay con xin từ bỏ Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, nay con không sống dưới sự chỉ dân của Thê Tôn nữa. Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi: "Này Sunakkhatta, Ta có nói với ngươi: 'Này Sunakkhatta, hãy đến đây sống dưới sự chỉ dẫn của Ta' chang?99 "Bạch Thế Tôn, kh6ng."

1 Tên kinh này còn được viết là Pãthỉka Sutta. Xem Kvu. 559. Kinh tương đương trong bộ Trường A-hàm kinh ^A-nậu-dỉkỉnh (Z01. 0001.15. 0066a09). “ “

"Hay ngươi có nói với Ta: 'Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Ton5 Chang?" "Bạch Thế Tôn? khong?5 "Này Sunakkhatta, Ta không nói: 'Này Sunakkhatta, hãy đến đay và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta', và ngươi cũng không nói với Ta: 'Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thể Tôn.9 Này kẻ ngu kia, như vậy thời ngươi

là ai và Ta là ai mà ngươi nói chuyện từ bỏ? Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của ngươi như vậy là thế nào!"2 4. “Bạch Thế Tôn, nhưng Thế Tôn không khiến cho con chứng được các pháp Thượng nhân than thon^.95 'TSÍày Sunakkhatta, Ta có nói với ngươi: 'Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta, Ta sẽ khiến cho ngươi chứng được các pháp Thượng nhân thần thong5 chăng* 6^Bạch Thế Tôn, khong/9 "Ngươi có nói với Ta: 'Bạch Thế Tôn? con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, Thế Tôn sẽ khiến cho con chứng được các pháp Thượng nhân thần thong9 chăng?,^ “Bạch Thế Tôn? không?5 “NAy Sunakkhatta, Ta không nói với ngươi: 'Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta, Ta sẽ khiến cho ngươi chứng được các pháp Thượng nhân thần thông/ Ngirơi cũng không nói với Ta: 'Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn5 và Thế Tôn sẽ khiến cho con chứng được các pháp Thượng nhân thần thông.5 Này kẻ ngu kia, như vậy thời ngươi là ai và Ta là ai mà ngươi nói chuyện từ bỏ? Này Sunakkhatta, nhà ngươi nghĩ thế nào, các pháp Thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhimg mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ dau, có phải như vậy kh6ng "Bạch Thế Tôn? các pháp Thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhimg mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vay." acNày Sunakkhatta, các pháp Thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta, như vậy thời các pháp Thượng nhân thần thông là gì mà cần phải thực chứng? Này kẻ ngu kia, hãy thấy lỗi lầm của ngươi như vậy là như thế nào!" 5. “Bạch Thế Tôn, Thế Tồn không giải thích cho con khởi nguyên của thế giói." "Này Sunakkhatta, Ta có nói với ngươi: 'Này Sunakkhatta, hãy đến đây và

2XemD. II. 198; M. III. 169.

Sống dưới sự chỉ dẫn của Ta, Ta sẽ giải thích cho ngươi khởi nguyên của thế giới9 chăng?^ “Bạch Thế Tôn, kh6ng.” 66Này Sunakkhatta, ngươi có nói với Ta: 'Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới9 chng?” “Bạch Thế Tôn5 kh6ng.” "Này Sunakkhatta, như vậy, Ta không nói với ngươi: 'Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta, Ta sẽ giải thích cho ngươi khởi nguyên của thế giới/ Ngươi cũng không nói với Ta: 'Bạch Thế Tôn5 con sẽ sẵng dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới? Này kẻ ngu kia, sự kiện là như vậy5 thời ngươi là ai và Ta là ai mà ngươi nói chuyện từ bỏ? Này Sunakkhatta, ngươi nghĩ thê nào, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích5 nhimg mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. có phải như vậy khong?99 “Bạch Thế Tôn, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, nhimg mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau? chính thật là như vRy." "Này Sunakkhatta, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa

người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta, như vậy? thời giải thích về khởi nguyên thế giới có ích lợi gì cho ngươi? Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của ngươi như vậy là thế nào! 6. Này Sunakkhatta, dưới nhiêu phương diện5 ngươi đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajjĩ: 'Nhu vậy? Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc5 Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn/3 Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện5 ngươi đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajjĩ. Này Sunakkhatta? dưới nhiều phương diện, ngươi nói lời tán thán Pháp tại làng Vajjĩ: 'Chánh pháp được The Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại5 vượt ngoài thời gian, đền để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người có trí mới thâm hiểu/ Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiêu phương diện, ngươi tán thán Chánh pháp tại làng Vajjĩ. Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, ngươi đã tán thán Tăng tại làng Vạjjĩ: 'Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Chánh chơn, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Chánh trực, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Khuôn phép, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Chánh hạnh, tức là bốn đôi tám vị. Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn này đáng được kính trọng,

3 Xem s. IV. 41; 4 III. 152.

đáng được cung kính, đáng được cúng duờng, đáng được chắp tay cúi chào, là phước điền tối thượng ở đời.5 Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện5 ngươi tán thán Tăng tại làng Vajjĩ. Này Sunakkhatta, Ta nói cho ngươi biết; này Sunakkhatta, Ta tin cho ngươi biết, sẽ có lời luận bàn về ngươi như sau: 'Sunakkhatta, thuộc bộ tộc Licchavi không thể sống Phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Sa-môn Gotama. Vì không kham nổi nên từ bỏ tu học? trở về với đời sống thâp kém/ Này Sunakkhatta, sẽ có lời luận bàn về ngươi như vậy." Này Bhaggava, như vậy5 Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi, dầu được Ta nói vậy9 vẫn từ bỏ Pháp và Luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục. 7. Này Bhaggava, một thời Ta ở với bộ tộc Bumũ, tai thị trấn của bộ tộc Bumũ tên là Uttarakã. Này Bhaggava, rồi buổi sáng Ta đắp y, cầm y bát cùng với Sa-di Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi theo sau5 vào thị trấn Uttarakã khất thực. Lúc bấy giờ, lõa thể Korakkhattiya, tu theo hạnh chó, đi bốn châĩi? bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ cứng hay đồ mềm. Này Bhaggava, Sunakkhatta thuoc bộ tộc Licchavi thây lõa thê Korakkhattiya tu theo hạnh ch6, đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ cứng hay đồ mềm, liền suy nghĩ: uThật tốt đẹp thay, yị A-la-hán Sa-môn đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm!,, Này Bhaggava, Ta biết được tâm tư của Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi với tâm tư của Ta và Ta nói với ông ta như sau: “Này kẻ ngu kia, có phải ngươi vẫn tự nhận ngươi là Thích tử kh6ng?" "Bạch Thế Tôn5 sao Thế Tôn lại nói: 'Này kẻ ngu kia, có phải ngươi tự nhận ngươi ía Thích tử không?,,, "Này Sunakkhatta, có phải n^ươi, sau khi thấy lõa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn chân, bò lêt trên đât? lây miệng mà ăn đồ cứng hay đồ mềm? liền suy nghĩ: 'Thật tốt đẹp thay vị A-la-han Sa-môn đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm?"' "Bạch Thế Tôn9 có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A-la-han?^ "Này kẻ ngu kia, Ta đâu có ganh ghét với

một vị A-la-hán. Chính ngươi tự sinh ác? tà kiến ấy, hãy bỏ nó đi! Chớ để tự mình lâu ngày bị khổ đau thiệt hại! Này Sunakkhatta, lõa thể Korakkhattiya mà ngươi nghĩ là tốt đẹp, là vị Sa-môn, sau bảy ngày sẽ bị trúng thực mà chết, sau khi chết sẽ tái sanh thuộc loại Kalakanjaka, một loại asura thấp kém nhất. Sau khi chết, nó sẽ bị quăng trong nghĩa địa5 đặt trên đống cỏ bĩrana. Này Sunakkhatta, nếu ngươi muốn, hãy đến hỏi lõa thể Korakkhattiya như sau: 'Này bạn Korakkhattiya, bạn có biết bạn thác sanh cảnh giới nào không?9 Này Sunakkhatta, sự kiện này có thể xảy ra, lõa thể Korakkhatta ấy có thể trả lời với ngươi: 'Này bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi sẽ thác sanh thuộc loại Kalakafijaka, một loại asura thấp kém nhất."'

24. KINH BA-LÊ 429

Này Bhaggava, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi, đi đến lõa thể Korakkhattiya và nói: "Này bạn Korakkhattiya, Sa-môn Gotama có nói như sau: 'Lõa thể Korakkhattiya sau bảy ngày sẽ bị trúng thực mà chết, sau khi chết, sẽ tái sanh thuộc loại Kalakanjaka, một loại asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta sẽ bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đống cỏ bĩrana., Này bạn Korakkhattiya, vậy bạn hãy ăn cho có tiết độ, vậy bạn hãy uống cho có tiết độ để lời nói của Sa-môn Gotama trở thành nói lao!" 8 Này Bhaggava, vì không tin tưởng Như Lai, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đếm từng ngày một cho đến bảy ngày. Nhưng này Bhaệgava, lõa thể Korakkhattiya sau bảy ngày bị trúng thực mà chêt. Sau khi chêt? bị tái sanh thuộc loại Kalakanjaka, một loại asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đống cỏ bĩrana. 9. Này Bhaggava, Sunakkhatta được nghe: "L6a thể Korakkhattiya bị trúng thực chết, quăng trong nghĩa địa, đặt trên đống cỏ bírapa." Này Bhaggava, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi liền đi đến đống cỏ bĩrana tại nghĩa địa, đến lõa thể Korakkhattiya, lấy tay đánh ba lần và hỏi: "Này bạn Korakkhattiya, bạn có biết cảnh giới thác sanh của bạn khong?" Này Bhaggava, lõa thê Korakkhattiya lây tay xoa lưng và ngôi dậy: "Này bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giói thác sanh của tôi. Tôi thác sanh thuộc loại Kalakanjaka, một loại asura thấp kém nhất" Sau khi nói xong, ông ta ngã ngửa xuông. 10. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đến Ta, đảnh lễ và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ tộc Licchavi đang ngồi một bên: "Này Sunakkhatta, ngươi nghĩ thế nào, điều Ta nói với ngươi về lõa thể Korakkhattiya, có phải sự việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?^ uBạch Thế Tôn? Thế Ton đã nói với con về lõa thể Korakkhattiya như thế nào, sự việc xảy ra như Thê Tôn nói, không phải khác." "Này Sunakkhatta, ngươi nghĩ thế nào5 sự kiện là như vậy? thời có phải pháp Thượng nhân thần thông đã được thực hiện có phải kh6ng?" "Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp Thượng nhân thần thông đã được thực hi^n." "Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp Thượng nhân thân thông đã được Ta thực hiện, thế mà ngươi nói: 'Bạch The Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp Thượng nhân thần thông cho con/ Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của ngươi như vậy là thế nao!^ Này Bhaggava, như vậy? Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi, dầu được Ta nói như vậy, vẫn từ bỏ Pháp và Luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

430 KINH TRƯỜNG BỘ

11. Này Bhaggava, một thời Ta trú tại Vesãli (Tỳ-xá-ly), Đại Lâm, ở Trùng Các giảng đường. Lúc bây giờ, lõa thê Kandaramasuka4 ở tại Vesãli được sự cúng dường tối thượng, được xưng danh tối thượng tại làng Vajjĩ. Vị này có phát nguyện tuân theo bảy giới hạnh: "Trọn đời, ta theo hạnh lõa thể, không mặc quần áo; trọn đời9 ta sống Phạm hạnh, không có hành dâm; trọn đời, ta tự nuôi sống với rượu và thịt, không phải với cháo cơm; ta không bao giờ đi quá tháp Ưdena phía Đông thành Vesãli; ta không bao giờ đi quá tháp Gotamaka, phía Nam thành Vesãli; ta không bao giờ đi quá tháp Sattamba, phía Tây thành Vèsãli; ta không bao giờ đi quá tháp Bahuputta, phía Bắc thành Vesãli?5 Vị này, nhờ tuân theo bảy giới hạnh này mà được sự cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng tại làng Vajjĩ. 12. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đi đến lõa thể Kandaramasuka và hỏi câu hỏi. Lõa thể Kandaramasuka khi bị hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi; vì không theo dõi nên tỏ ra tức tối5 giận dữ5 phật ý. Nàỵ Bhaggava, rồi Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi suy nghĩ: "Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A-la-hán Sa-môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng ta có thể bất lợi và đau khổ lâu dai!^ 13. Này Bhaggava, rồi Sunakkhata thuộc bộ tộc Licchavi đi đến Ta, đảnh lễ và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đang ngồi một bên: "Này kẻ ngu kia, có phải ngươi vẫn tự nhận ngươi là Thích tử kh6ng?" "Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói với con như vậy: 'Này kẻ ngu kia, có phải ngươi vẫn tự nhận ngươi là Thích tử không?^,, "Này Sunakkhatta, có phải ngươi đã đi đến lõa thể Kandaramasuka và hỏi câu hỏi? Lõa thể Kandaramasuka khi được ngươi hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi; vì không theo dõi nên tỏ ra tức tối5 giận dữ, phật ý. Rồi ngươi tự nghĩ: 'Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A-la-hán Sa-môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng ta có thể bất lợi và đau khổ lâu dài?„^ "Bạch Thế Tôn, có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một

"Này kẻ ngu kia, Ta đâu có ganh ghét với một vị A-la-hán. Chính ngươi tự sanh ác5 tà kiến ấy, hãy tư bỏ nó đi! Chớ để mình lâu ngày bị khổ đau thiệt hại! Này Sunakkhatta, lõa thể Kandaramasuka mà ngươi nghĩ là vị A-la-hán, là vị Sa-môn tốt dẹp, không bao lâu sẽ sống mặc áo và lập gia đình, sẽ ăn cơm cháo, sẽ đi vượt quá các tháp ở Vèsãli và sẽ chết, mất hết cả danh xưng." 9 r Này Bhaggava, lõa thê Kandaramasuka, không bao lâu, sông mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesãli và bị chết, mất het cả danh ximg. 14. Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi được nghe tin lõa thể Kandaramasuka,

4 Nguyên bản Pãli viết lõa thể KaỊãrãmattaka.

không bao lâu, sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vèsãli và bị chết, mất hết danh xưng. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta đi đến chỗ Ta ở; sau khi đến5 đảnh lễ Ta và ngoi xuống một bên. Này Bhaggava, và Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đang ngồi một bên: uNày Sunakkhatta, ngươi nghĩ thế nào, điều Ta nói với ngươi về lõa thể Kandaramasuka, có phải sự việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác7,5 "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con về lõa thể

Kandaramasuka như thế nào5 sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải kh5c." “Này Sunakkhatta, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy, thời có phải là pháp Thượng nhân thần thông đã được thực hiện, có phải kh6ng?" "Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp Thượng nhân thần thông đã được thực hi/ìi." "Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp Thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà ngươi nói: 'Bạch The Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp Thượng nhân thần thông cho con/ Này kẻ ngu kia, hãy thấy rõ sự lỗi lầm của ngươi như vậy là thế nào!" Này Bhaggava, như vậy, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi, dầu được Ta nói như vậy? vẫn từ bỏ Pháp và Luật này, như người phải rơi vào đọa xứ5 địa ngục. 15. Này Bhaggava, một thời Ta trú ở Vesãli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ5 lõa thể Pãtikaputta sống ở Vesãli, được cúng dường tối thượng, được danh ximg tối thượng ở làng Vạjjĩ. Trong các buổi họp ở Vèsãli, ông ta thường tuyên bố như sau: uSa-môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp Thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa-môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp Thượng nhân thần thông ở tại đây. Nấu Sa-môn Gotama thực hiện một pháp Thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa-môn Gotama thực hiện bốn pháp Thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy, Sa-môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thần thông, thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần." 16. Này Bhaggava, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đã đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, lõa thể Pãtikaputta (Ba-lê tử) sống ở Vesãli, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajjĩ. Trong các buổi họp ở Vesãli, ông ta thường tuyên bố như sau: 'Sa-môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp Thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa-môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp Thượng nhân thần thông

ở tại đây. Nếu Sa-môn Gotama có thể thực hiện một pháp Thượng nhân thần thông... thời ta sẽ thực hiện gấp hai 1 n.'" Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi: "Này Sunakkhatta, lõa thể Pãtikaputta không thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ta sẽ bị bể tan.,, 17"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói! Thiện Thệ hãy thận trọng lời nói!99 “Này Sunakkhatta, tại sao ngươi lại nói với Ta: 'Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời n6i'?” -Bạch Thế Tôn, lời nói này đã được Thế Tôn tuyên bố một cách cực đoan: 'Lõa thể Pãtikaputta không thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp la mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ta sẽ bị bể tan.5 Bạch Thế Tôn, lõa thể Pãtikaputta có thể đến gặp mặt Thế Tôn với một hóa thân khác, và như vậy5 Thế Tôn trở thành nói không that." 18. "Này Sunakkhatta, Như Lai có bao giờ nói lời nói nào có hai nghĩa kh6ng?" "Bạch Thế Tôn, có phải do tự tâm phán xét mà

Thế Tôn đã được biết về Pãtikaputta: 'Lõa thể Pãtikaputta không thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấykhông từ bỏ lời nói ấy5 không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấ* không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ta sẽ bị bể tan/ Hay là có vị thiên thần nào đã báo tin cho Như Lai biết: 'Bạch Thế Tôn, lõa thể Pãtikaputta không thể... đầu của ông ta sẽ bị bể tan'?" 19. C6Này Sunakkhatta, chính tự tâm phán xét mà ta đã biết về lõa thể Pãtikaputta: 'Lõa thể Pãtikaputta không thể đến gặp mặt Ta... đầu của ông ta sẽ bị bể tan. Va cũng có vị thiên thần đã báo tin cho Ta biết: 6Lõa thể Pãtikaputta không thể đến gặp mặt Thế Tôn... đầu ông ta sẽ bị bể tan.9 Vị tướng quân ở bộ tộc Licchavi tên là Ajita, khi mệnh chung vào ngày kia, đã được sanh vào Tam Thập Tam thiên. Rồi vị ấy đến bạch với Ta: Bạch Thế Tôn, lõa thể Pãtikaputta không có tàm quý! Bạch Thế Tôn, lõa thể Pãtikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lõa thể Pãtikaputta đã nói về con, ở giữa làng Vajjĩ? như sau: 'Tướng quân ở bộ tộc Licchavi tên là Ajita sẽ thác sanh vào đại địa ngục/ Bạch Thế Tôn, con không thác sanh vào đại địa ngục. Bạch Thế Tôn, con được sanh vào cõi Tam Thập Tam thiên. Bạch Thế Tôn, lõa thể Pãtikaputta không có tàm quý! Bạch Thế Tôn, lõa thể Pãtikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lõa thể

Pãtikaputta không thể đến gặp mặt Sa-môn Gotama... đầu của ông ta sẽ bị bể tan. Này Sunakkhatta, như vậy? chính tự tâm phán xét mà Ta biết về lõa thể Pãtikaputta. Lõa thể Pãtikaputta không thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy khônẹ từ bỏ lơi nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rang ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lơi nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ta sẽ bị bể tan. Và một vị thiên thần đã bao tin cho Ta biết: 'Bạch Thế Tôn, lõa thể Pătikaputta khônệ thể đến gặp mặt Thế Ton nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tam ay, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặỊ)mat Thế Ton mà không từ bỏ lơi nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan/ Này Sunakkhatta, sau khi Ta đi khất thực ở Vesãli, ăn xong và trở về, Ta sẽ đên tại vườn Pãtikaputta đê nghỉ trưa. Này Sunakkhatta, nêu ngươi muôn, hãy tin cho ông ấy bết!‘ 20. Này Bhaggava, rôi Ta vào buôi sáng đăp y, câm y bát vào thành Vesãli để khất thực. Sau khi đi khất thực, ăn xong và trở về, Ta đi đến vườn của Pãtikaputta để nghỉ trưa. Này Bhaggava, Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi vội vàng vào thành Vesãli, đến những Licchava có thời danh, có danh tiếng và báo tin cho những vị ấy biết: “Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi khất thực, ăn xong và trở về, đã đi đến vườn của Pãtikaputta để nghỉ trưa. Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp Thượng nhân thần thông giữa các vị Sa-môn thiện xảo." Này Bhaggava, các Licchavi có thời danh, có danh tiếng suy nghĩ như sau: ẾCSẽ có biểu diễn pháp Thượng nhân thần thông giữa các vị Sa-môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến đỏy Và chỗ nào có những Bà-la-môn có địa vị, những gia chủ giàu sang, các Sa-môn5 Bà-la-môn ngoại đạo có thời danh, có danh tiếng, ông ta đi đến các vị này và báo tin cho biết: 6'Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi khất thực, ăn xong và trở về? đã đi đến vườn của Pãtikaputta để nghỉ trưa. Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp Thượng nhân thần thông giữa các vị Sa-môn thiện xảo?9 Này Bhaggava, các

Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo có thời danh, có danh tiếng suy nghĩ: "Sẽ có biểu diễn pháp Thượng nhân thần thông giữa các vị Sa- môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến d6.” Này Bhaggava, rồi các Licchavi có thời danh, có danh tiếng, các Bà-la-môn có địa vị? các gia chủ giàu sang, các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo có thời danh, có danh tiếng cùng đi đến vườn của Pãtikaputta. Này Bhaggava, như vậy, hội chúng này lên đến hàng trăm hàng ngàn người. 21. Này Bhaggava, lõa thể Pãtikaputta được nghe: "Các Licchavi có thời danh, có danh tiếng đã đến, các Bà-la-môn có địa vị5 các gia chủ giàu sang, các

Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo có thời danh, có danh tiếng cũng đã đến5 còn Sa- môn Gotama thì ngồi nghỉ trưa tại vườn của ta." Khi nghe vậy5 ông ấy hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược. Này Bhaggava, lõa thể Pãtikaputta hoảng sợ? run rẩy, lông tóc dựng ngược, liền đi đến vườn các du sĩ Tindukakhãnu. Này Bhaggava, hội chúng ấy được nghe: "L6a thể Pãtikaputta hoảng sợ5 run rẩy, lông tóc dựng ngược, đã đi đến vườn các du sĩ Tindukakhpu." Này Bhaggava, hội chúng liền cho gọi một người và bảo: "Này bạn hãy đi đên vườn các du sĩ Tindukakhãnu, gặp lõa thê Pãtikaputta và nói như sau: 'Này bạn Pãtikaputta, hãy đến! Các Licchavi có thời danh, có danh tiếng đã đến, các Bà-la-môn có địa vị, các gia chủ giàu sang, các Sa-môn? Bà-la-môn ngoại đạo có thời danh, có danh tiếng cũng đã đến. Sa-môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả/ Này Hiền giả Pãtikaputta, lời nói sau đây được Hiền giả nói tại hội chúng ở Vèsãli: 6Sa-môn là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp Thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Neu Sa-môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp Thượng nhân thần thông ở tại đây. Nếu Sa-môn Gotama thực hiện một pháp Thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa-môn Gotama thực hiện hai pháp Thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện bốn pháp. Nếu Sa-môn Gotama thực hiện bốn pháp Thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy Sa-môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp Thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần.5 Này Hiền giả Pãtikaputta, hãy chịu đi nửa đường, Sa-môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả!" 22. Này Bhaggava, người ây vâng theo lời hội chúng ây, đi đên vườn các du sĩ Tindukakhãnu, gặp lõa thể Pãtikaputta; sau khi gặp xong, liền thưa: 66Này bạn Pãtikaputta, hãy đến! Các Licchavi có thời danh, cỏ danh tiếng... Sa-môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pãtikaputta, lời nói sau được Hiền giả nói tại hội chúng ở Veốâli: 'Sa-môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... ta sẽ thực hiện gấp hai lần/ Này Hiền giả Pãtikaputta, hãy chịu đi nửa đường, Sa-môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền gi!” Này Bhaggava, khi nghe nói vậy? lõa thể Pãtikaputta trả lời: “Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ d&n!" nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Này Bhaggava, người ấy nói với lõa thể Pãtikaputta: 5 9 y

“Này Hiên giả Pãtikaputta, sao lại như vậy? Hình như mông của Hiên giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mông của Hiền gi*?” “Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ

dến!" Tuy nói vậy nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

24. KINH BA-LÊ 435

Này Bhaggava, được nói vậy, lõa thể Pãtikaputta tuy nói: "Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ dếĩi!” nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ5 không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi. 23. Này Bhaggava, khi người ây biêt được lõa thê Pãtikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: í4Này bạn, tôi sẽ đên! Này bạn, tôi sẽ den!55 nhimg lại trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi, liền đến hội chúng ấy báo tin: 'L6a thể Pãtikaputta đã thảm bại, tuy nói: 'Này bạn? tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ den!5 nhưng lại trườn bò qua lại tại chỗ? không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi,^, Này Bhaggava, khi nghe vậy, Ta nói với hội chúng: “Này các Hiền giả9 lõa thể Pãtikaputta Idiông thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghi rằng ông ấy sẽ đến ệặp mặt la mà khônậ từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ay? không từ bỏ tà kiến ay5 thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan.” Tụng phẩm II 24. Này Bhaggava, một vị đại thần Licchavi từ chỗ ngồi đứng dậy? nói với hội chúng ẫy: "Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi, xem có thể đưa lõa thể Pãtikaputta đến hội chúng này khong?99 Này Bhaggava, rồi vị đại thần Licchavi ấy đi đến vườn các du sĩ Tindukakhãnu, gặp mặt lõa thể Pãtikaputta và nói với ông ấy: "Này bạn Pãtikaputta, hãy đến! Các Licchavi có thời danh, có danh tiếng đã đến, và các Bà-la-môn có địa vị, các gia chủ giàu sang, các Sa-môn? Bà-la- môn ngoại đạo có thời danh, có danh tiếng cũng đã đến; còn Sa-môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pãtikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa hội chúng Vèsãli: aSa-môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần/ Này Hiền giả Pãtikaputta, hãy chịu đi nửa đường, Sa-môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả! Này Hiền giả Pãtikaputta, Sa-môn Gotama đã nói với hội chúng vê Hiên giả như sau: 'Lõa thê Pătikaputta không thê đên gặp mặt Ta... đầu của ông ta sẽ bị bể tan/ Này Hiền giả Pãtikaputta, hãy đến! Nếu Hiền giả đến9 chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng và làm cho Sa-môn Gotama thất b@i." Này Bhaggava, khi được nghe nói vậy5 lõa thê Pãtikaputta tuy nói: "Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ dếĩi!” nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Này Bhaggava, vị đại thần Licchavi liền nói với lõa thể Pãtikaputta: 66Này Hiền giả Patikaputta, sao lại vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mông của Hiền giả? Tuy nói: 'Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ dến!nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ5 không thể từ chỗ ngồi dưng dậy.,,

436 > KINH TRƯỜNG Bộ

9

Này Bhaggava, khi được nói vậy, lõa thê Pãtikaputta tuy nói: “Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ dến!" nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ5 không thể từ chỗ ngồi đứng dậy. 25. Này Bhaggava, khi vị đại thần Licchavi biết được lõa thể Pãtikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ dến!” nhưng trườn bò qua lại tại

chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy, liền đến hội chúng ấy báo tin: :L6a thể Pãtikaputta đã thảm bại, tuy nói: 4Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!5 nhimg ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy?9 Này Bhaggava, khi nghe nói vậy5 Ta nói với hội chúng ây: “Này các Hiền giả, lõa thể Pătikaputta không thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: 'Chúng ta hãy cột lõa thể Pãtikaputta với dây thừng và dùng bò kéo ông ấy lại đây\ Pãtikaputta sẽ bứt đứt dây thừng ấy. Lõa thể Pãtikaputta không thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... Nếu ông ấy nghĩ rằng... thời đầu cua ông ấy sẽ bị be tkn.” J 26. Này Bhaggava, lúc ấy, Jãliya? đệ tử của Dãrupattaka, từ chỗ ngồi đứng dậy và nói với hội chúng ấy: “Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi xem có thể đưa lõa thể Pãtikaputta đến hội chúng này hay kh6ng." Này Bhaggava, rồi Jãliya? đệ tử của Dãrupattaka, đi đến vườn các du sĩ Tindukakhãnu? gặp mặt lõa thể Pãtikaputta và nói với ông ấy: “Này bạn Pãtikaputta, hãy đến! Các Licchavi có thời danh, có danh tiếng đã đến... Sa-môn Gotama nay đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pãtikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa hội chúng Vèsãli như sau: 'Sa- môn Gotama là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần/ Này Hiền giả Pãtikaputta, hãy chịu đi nửa đường, Sa-môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả! Này Hiền giả Pãtikaputta, Sa- môn Gotama đã nói với hội chúng về Hiền giả như sau: 'Lõa thể Pãtikaputta Idiông thể đến gặp mặt la nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... Nếu ông ấy nghĩ rằng... thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: 'Chúng ta hãy cột lõa thể Pãtikaputta với dây thừng và dùng bò kéo ônẹ ấy lại đây\ Pătikaputta sẽ bứt đứt dây thừng ấy. Lõa thể Pãtikaputta không the đen gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan? Này Hiền giả Pãtikaputta, hãy đến! Nếu Hiền giả đến? chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng và làm cho Sa-môn Gotama thất b@i." Này Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lõa thể Pãtikaputta tuy nói: “Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ den!" nhimg trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Này Bhaggava, Jăliya? đệ tử của Dãrupattaka, nói với lõa thể Pãtikaputta:

"Này Hiền giả Pãtikaputta, sao lại vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mông của Hiền giả? Tuy nói: 'Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!9 nhimg Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy.99 J Này Bhaggava, được nói vậy, lõa thê Pãtikaputta tuy nói: "Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ dến!" nhung lại trườn bò qua lại tại ch& không thể từ chỗ ngồi đứng dậy. 27. Này Bhaggava, khi Jăliya5 đệ tử của Dãrupattaka biêt được lõa thê Pãtikaputta nay đã bị thảm bại? tuy nói: "Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn? tôi sẽ đến!^, nhimg lại trườn bò qua lại tại chỗ9 không thể từ chỗ ngồi đứng dậy, liền nói với ông ấy: "Này Hiền giả Pãtikaputta, thuở xưa, con sư tử, vua các loài thú9 suy nghĩ: 6 Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều, ta sẽ ra khỏi sào huyệt, duỗi chân cho khỏe, ròi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại/ Này Hiền

giả? con sư tử ấy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều, nó ra khỏi sào huyệt, duỗi chân cho khỏe5 rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, nó đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại. 28. Này Hiền giả Pãtikaputta, có con chó rừng già kiêu ngạo và mạnh mẽ? thường sống bằng đồ ăn thừa của con sư tử, vua các loài thú. Con chó rừng ấy suy nghĩ:4 Ta là ai và con sư tử, vua các loài thú, là ai? Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều, ta sẽ ra khỏi sào huyệt? duỗi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiêng rông con sư tử. Sau khi rông tiêng rông con sư tử, ta sẽ đi đên chô các thú qua lại? tìm giêt những con thú tôt đẹp nhât, ăn các loại thịt mêm mại rôi trở vê sào huyệt lại/ Này Hiền giả, con chó rừng kia y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều, nó ra khỏi sào huyệt, duỗi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và định ba lần rống tiếng rống con sư tử. Nhưng nó chỉ kêu lên tiêng loại chó rừng, tiêĩiệ sủa loại chó rừng. Ai có thê so sánh tiêng sủa con chó rừng đê tiện với tiêng rông con sư tử? Cũng vậy, này Hiên giả Pãtikaputta, Hiên giả sông dựa trên uy tín của bậc Thiện The, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bọn Pãtikaputta đê tiện là ai mà lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la-hán Chánh BẳngGiác?" •

29. Này Bhaggava, Jãliya9 đệ tử của Dãrupattaka, dầu có dùng ví dụ ấy cũng không thể khiến lõa the Pãtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy: Chó rừng nhìn tự thân, Tự nghĩ là sư tử. Nó sủa tiếng chó rừng, Loại chó rừng đê tiện. Chó rừng sủa là ai? Ai rống tiếng sư tử? \ y r Cũng vậy, này Hiên giả Pãtikaputta, Hiên giả sông dựa trên uy tín của bậc Thiện The, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Th thế mà nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bọn Pãtikaputta đê tiện là ai mà lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác?^, " 30. Này Bhaggava, Jãliya? đệ tử của Dãrupattaka, dầu có dùng ví dụ ấy cũng không thể khiến lõa the Pãtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy: "Lang thang trong rừng mát, Tự sống đồ tàn thực, Đến nỗi không thấy mình, Tự nghĩ mình là cọp9 Rồi sủa tiếng chó rừng, Loại chó rừng đê tiện. Cũng vậy, nàỵ Hiền giả Pãtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện The, thế mà nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bọn Pãtikaputta đê tiện là ai mà lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la>hán Chánh Đẳng Giác?" y r 31. Này Bhaggava, Jãliya9 đệ tử của Dãrupattaka, dâu có dùng ví dụ ây cũng không thể khiến lõa the Pãtikaputta rời khỏi chỗ ngồi? liền nói với ông ấy: uĂn c6c, chuột kho th6c, Ẩn xác quăng nghĩa địa? Sống đại lâm, không lâm Tự nghĩ là vua thú. Nó sủa tiếng chó rừng, Loại chó rừng đê tiện. Chó rừng sủa là ai? Ai rống tiếng sư tử? Cũng vậy9 này Hiền giả Pãtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện The, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ? thế mà tự nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bọn Pãtikaputta đê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A-la-hán Chánh Đẳng GiAc?"

32. Này Bhaggava, Jãliya? đệ tử của Dãrupattaka, dầu có dùng ví dụ ấy? cũng không thể khiến lõa thể Pãtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền về hội chúng ấy và báo tin: "Lõa thể Pãtikaputta đã thảm bại, tuy nói: 'Này bạn, tôi sẽ đến! Này bạn, tôi sẽ đến!9 nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng day." 33. Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với hội chúng ây: "Này các Hiền giả? lõa thể Pãtikaputta không thể đến gặp mặt Ta được nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ay? không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng: 'Ta tuy không từ bỏ lời nói ấy5 không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, vẫn có thể đến gặp mặt Sa-mon Gotama được\ thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: 'Chúng ta hãy cột lõa thể Pãtikaputta với dây thừng và dùng bò kéo 6ng ấy lại đây\ Pãtikaputta sẽ bứt đứt dây thừng ấy. Lõa thể Pătikaputta không thể khônẸ từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gap mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: 'Ta CO the kh6ng từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa-môn Gotama được\ thì đầu của ông ay sẽ bị bể tan." 34. Này Bhaggava, rồi Ta giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích5 làm cho phân khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyêt pháp. Sau khi giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyên khích, làm cho phân khỏi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp5 Ta khiến cho họ giải thoát các đại kiết sử5 cứu vớt tám vạn bốn ngàn chúng sanh thoát khỏi đại đọa xứ, Ta nhập thiền quang giới tam-muội? bay lên hư không cao đến bảy cây Sa-la, phóng hào quang cao đến hơn bảy cây Sa-la, khiến cho cháy sáng, rực sáng và Ta hiện ra tại Trùng Các giảng đường ở Đại Lâm. 35. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta thupc bộ tộc Licchavi đến Ta, đảnh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, này Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi đang ngồi một bên: 6CNày Sunakkhatta, ngươi nghĩ thê nào, có phải điêu Ta nói cho ngươi vê lõa thể Pãtikaputta đã được thực hiện đúng như vậy5 không có gì khác?" "Bạch Thế Tôn, điều Thế Tôn nói cho con về lõa thể Pătikaputta đã được thực hiện đúng như vậy, không có gì khAc." "Này Sunakkhatta, ngươi nghĩ thê nào, sự kiện là như vậy thì có phải pháp Thượng nhân thân thông đã được thực hiện hay không được thực hiện?^, “Bạch Thế Tôn? sự kiện là như vậy thì pháp Thượng nhân thần thông đã được thực hiện, không phải không thực hiệny "Này kẻ ngu kia, như vậy là pháp Thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà ngươi lại nói: 'Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp Thượng nhân thần thông.5 Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của ngươi như vậy lathe nào! Này Bhaggava, như vậy? Sunakkhatta thuộc bộ tộc Licchavi, dầu được Ta nói vậy5 vẫn từ bỏ Pháp và Luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

36. Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa. Và khi Ta biết như vậy5 Ta không có chấp trước. Vì không có chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy; chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi. 37. Này Bhaggava, có những vị Sa-môn, Bà-la-môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên (Issara) tạo ra, do Phạm thiên (Brahmã) tạo ra? Ta đến những vị ấy và nói: “C6 phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo

truyền thống là do Tự Tại thiên tạo ra? do Phạm thiên tạo ra??, Được Ta hỏi vậy, quý vị ây trả lời: “Vâng”. ,. r r • M Ta nói với quý vị ây: “Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên tạo ra? do Phạm thiên tạo ra Được Ta hỏi vậy? quý vị ây không thê trả lời được. Không thê trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta; và được hỏi vậy? Ta trả lời như sau: 38. "Chu Hiền gicó một thời, đến một giai đoạn nào đó? sau một thời gian rât lâu, thê giới này chuyên hoại. Trong khi thê giới chuyên hoại, phân lớn các loài hữu tình chuyển sanh qua Ãbhassara (Quang Âm thiên). Ở tại dấy, có những loài hữu tình do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ? tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sông như vậy trong một thời gian khá dài. Chư Hiền giả5 có một thời, đến một giai đoạn nào d6, sau một thời gian rất lâu, thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra nhimg trống không. Lúc bấy giờ? một loài hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung trông không ấy. Vị ấy ở tại dấy, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ? tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài. Vị này5 tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy9 khởi ý chán nản? không hoan hỷ và có kỳ vọng: 6Mong sao có các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này!' Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác5 hoặc thọ mạng đã tận? hay phước báo đã tận? bị mệnh chung và từ Quang Am thiên sanh qua Phạm cung trông không để làm bạn với vị hữu tình kia. Các loại hữu tình này ở đấy cũng do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài. 39. Lúc bấy giờ9 này các Hiền giả, vị hữu tình sanh qua đầu tiên nghĩ rằng: 'Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn5 Thượng dế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta hóa sanh. Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: 'Mong sao các loài

hữu tình khác cũng đên tại chô này!9 Chính do sở nguyện của ta mà những loại hữu tình ây đên tại chô này.' Các loài hữu tình đên sau cũng nghĩ như thê này: 'Vi ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn5 Thượng dế, Sáng tạo chủ? Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh. Vì chúng ta thấy vị này sanh trước ở đây rồi, còn chúng ta thì sanh sau.5 40. Này các Hiên giả, vị hữu tình sanh ra đâu tiên ây sông được lâu hơn, săc tướng tốt đẹp hơn, và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sông ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn, và được ít uy quyền hơn. Này các Hiên giả5 sự tình này có the xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cối này. Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia dinh, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn? nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: 6Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đấng Toàn năng, Toi thắng, Biến nhãn, Thượng ton? Thượng đế5 Sáng tạo chiỉ, Hóa sanh chiỉ, Đại tôn, Chúa tể mọi

định mạng, đấng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố9 thường trú, không biến chuyển, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đên tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố5 yểu thọ5 chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ nNày các Hiền giả? như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên tạo ra? lả do Phạm thiên tạo ra phải khong?95 Các vị ấy nói như sau: “Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: 6Ta biết về khởi nguyên thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm 41. Này Bhaggava, một số Sa-m6n, Bà-la-môn tuyên bố về khởi nẹuyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi dục lạc. Ta đến những vị ấy và nói: “C6 phải chư TÔĨ1 giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi dục lạ Được Ta hỏi vậy? quý vị ấy trả lời: “Vâng”. Ta nói với quý vị ấy: "Sao chư Hiền giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi dục iạc?^ j Được Ta hỏi như vậy9 quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được? quý vị ấy hỏi lại Ta; và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau: 42. "Này các Hiên giả? có hạng chư thiên gọi là Khiddăpadosika (bị nhiêm hoặc bởi dục lạc). Những vị này sống lâu ngày mê say trong hý tiếu dục lạc.

Vì sông lâu ngày mê say trong hý tiêu dục lạc, nên bị that niệm. Do that niệm, chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của họ. Sự tình này xảy ra? một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này5 vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống khôn^ gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia dinh, vị ấy nhờ nhât tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ khônệ phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ây nhớ đến đời sống quá khứ ấy chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói: 'Những vị thiên không bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, họ sống lâu ngày không mê say trong hý tiếu dục lạc; vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiêu dục lạc, nên không bị that niệm. Nhờ không that niệm, nên chư thiên ấy không thác sanh, không từ bỏ thân thể của họ? sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến? thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc5 sống lâu ngày mê say trong hý tiếu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê saỵ trong hý tiếu dục lạc nên bị thất niệm. Do thất niệm5 chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố? yểu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến chỗ này/ Này các Tôn giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoạc bởi dục lạc có phải không?5 Các vị ấy nói như sau: “Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: 'Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm 43. Này Bhaggava, một số Sa-môn5 Bà-la-môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí. Ta đến những vị ấy và nói: “C6 phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiem hoặc bởi tam trí* Được Ta hỏi vậy5 quý vị ấy trả lời: “Vâng”. Ta nói với quý vị ây: “Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?' Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta; và được hỏi vậy5 Ta

trả lời như sau: 44. "Chu Hiền giả, có hạng chư thiên gọi là Manopadosikã (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí). Họ sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau5 tâm trí của họ oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau nên thân họ mệt mỏi, tâm họ mệt mỏi. Các hạng chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân này của họ. Các Hiền giả, sự tình này xảy ra, một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi sanh đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không

gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sông không gia đình, vị ây nhờ nhât tâm... Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy. Vị ấy nói rằng: "Chu thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, họ sống lâu ngày không bị nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ không oán ghét nhau. Vì tâm trí họ không oán ghét nhau nên thân họ không mệt mỏi5 tâm họ không mệt mỏi. Hạng chư thiên ấy không thác sanh, không từ bỏ thân thể của họ9 sống thường hằng, kiên cố9 thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng ta thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường, không kiên cố, yểu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này." Như vậy, này các Hiền giả? quý vị tuyên bố về khởi nguyên của thế giới theo truyền thống là do bị nhiễm hoặc bởi tâm trí phải không? Họ trả lời như sau: "Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: 'Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên của thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm 1 45. Này Bhaggava, một số Sa-môn5 Bà-la-mon tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh. Ta đến những vị ấy và nói: "C6 phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh?" Được Ta hỏi vậy5 quý vị ây trả lời: "Vâng". Ta nói với quý vị ấy: "Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh?^, Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta; và được hỏi vậy5 Ta trả lời như sau: 46. "Chu Hiền giả5 có chư thiên gọi là Vô Tưởng Hữu Tình. Khi một tưởng niệm khởi lên thời chư thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư thiên của mình. Chư Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra, một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh, từ bỏ thân chư thiên ấy của mình, lại sanh đến cối này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống khôĩiệ gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia dinh, vị ấy nhờ nhât tâm... nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tưởng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: 'Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng tôi trước kia không có, nay có. Từ nơi trạng thái khon^ c6, tôi trở thành loại hữu tình/Như vậy9 này các Tôn giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh, có phải như vậy không?95 Họ trả lời:

"Này Hiền giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn ẹiả Gotama đã nói: 'Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biet hơn thế nữa. Và khi Ta biết như

vậy? Ta không có chấp trước. Vì không chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy. Chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không rơi vào lầm 16i" 47. Này Bhaggava, Ta tuyên bố như vậy, Ta quan niệm như vậy. Nhưng một số Sa-môn9 Bà-la-môn lại bài xích Ta một cách không thật, trông không, hư ngụy, giả dối: "Sa-m6n Gotama và các vị Tỷ-kheo là điên đảo. Sa-môn Gotama đã tuyên bố: 'Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tjnhNhưng này Bhaava, Ta không có nói như vậy: "Khi một ai đạt đến thanh tinh, giải thoát, khi ấy VI ấy biết mọi vật là bất tịnh.^Này Bha^gava, Ta nói như sau: "Khi một ai đạt đến thanh tịnh? giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi v^t là thanh tjnh." -Bạch Thế Tôn? chính họ là điên đảo khi họ chỉ trích Thế Tôn và các vị Tỷ-kheo là điên đảo. Con tin tưởng, hoan hỷ đối với Thế Tôn khiến con tin rằng Thế Tôn có thể dạy cho con đạt được thanh tịnh, giải thoát. 48. Này Bhaggava, thật khó cho ngươi khi ngươi theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác để có thể đạt được thanh tịnh5 giải thoát. Này Bhaggava, hãy đặt nặng lòng tin ở nơi Ta, hãy khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy! Bạch Thế Tôn5 nếu thật khó cho con khi con theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác để có the đạt được thanh tịnh? giải thoát, thời bạch Thế Tôn, ít nhất con cũng đặt nặng lòng tin vào Thế Tôn, và con sẽ khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy. Thế Tôn thuyết giảng như vậy5 du sĩ Bhaggava hoan hỷ tín thọ lời dạy của The Ton.

25. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA sư TỬ HÓNG (Udumbarikã Sĩhanãda Suttaỷ

49. Như vầy tôi nghe. Mot thòi, Thế Tôn ở tại Rajagaha (Vương Xá), Gijjhakuta (núi Kỳ-xà-quật). Lúc bấy giờ? du sĩ Nigrodha (Ni-câu-đà) ở tại vườn của Nữ hoàng Udumbarikã (Ưu-đàm-bà-la) dành cho du sĩ đoàn, cùng với đại chúng du sĩ khoảng ba ngàn người. Gia chủ Sandhãna Ợán-đà-na)9 vào buôi chiêu đi ra khỏi thành Vương Xá để yết kiến Thế Tôn. Roi gia chủ Sandhãna suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thế Tôn, Thế Tôn đang yên lặng tịnh cư. Cũng không phải thời để yết kiến chúng Tăng vì chúng Tăng đang tu tập thiền định. Vậy ta hãy đi đến vườn của Nữ hoàng Udumbarikã dành cho du sĩ đoàn để thăm du sĩ Nigrodha." Và gia chủ Sandhãna đi đến vườn của Nữ hoàng Udumbarikã dành cho du sĩ đoàn để thăm du sĩ Nigrodha. 50. Lúc bấy giờ, du sĩ Nigrodha đang ngồi với đại chúng du si, tất cả đều ồn ào nói chuyện, cao giọng lớn tiếng, bàn cãi về những phiếm luận vô ích như câu chuyện vê vua chúa, câu chuyện vê ăn trộm, câu chuyện vê đại thân, câu chuyện ve binh lính, các câu chuyên hãi hùng, câu chuyên về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn9 câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ câu chuyện về làng x6m, câu chụyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ5 câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng thê giới, hiện trạng đại dương, câu chuyện vê hiện hữu và không hiện hữu. 51. Du sĩ Nigrodha thấy gia chủ Sandhãna từ đàng xa đến5 liền dặn hội chúng của

mình: Các Tôn giả hãy giữ im lặng? các Tôn giả chớ có làm ồn! Đệ tử Sa-môn Gotama, gia chủ Sandhãna đang đi đến. Trong hàng đệ tử Sa-môn Gotama, các hàng cư sĩ? mặc áo trắng, trú tại Vương Xá, gia chủ Sandhãna là một vị trong đoàn thể ấy. Các vị này ưa sự an tịnh? các vị này được huấn luyện trong sự an tịnh, các vị này tán thán sự an tịnh. Nêu được biêt hội chúng này an tịnh, Sandhána có thể đến đây.

1 Tên kinh này còn được viết là Udumbarỉkã Sutta (Kinh ưu-đàm-bà-lă). XemZ). I. 161; M. I. 68, 305, 339, 400; A. I. 295; II. 205. Kinh tương đương trong bộ Trường A-ham kỉnh là Tản-đà-na kỉnh (T01,. 0001.08. 0047al7). Tham chiếu: Uu-dam-b^la kinh (r.01. 0026.104. 0591b26); Phật thuyết Nỉ-câu-đà Phạm chỉ kỉnh (T.01. 0011. 0222al9).

Khi nghe nói vậy, các vị du sĩ đều giữ yên lặng. 52. Rồi gia chủ Sandhãna đến tại chỗ của du sĩ Nigrodha, khi đến nơi, nói lên những lời chúc tụng, viếng thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên? gia chủ Sandhãna nói với du sĩ Nigrodha: Thật sai khác thay, khi các Tôn giả ngoại đạo, các du sĩ này hội họp lại, quy tụ lại, ồn ào, cao giọng lớn tiếng, họ sống bàn cãi về những phiếm luận vô ích như câu chuyện về vua chúa... câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Thật sai khác thay, Thế Tôn an trú các nhàn tịnh xứ, núi rừng tịch mịch? xa vắng, ít tiếng động, có gió đồng thổi, lánh xa mắt người đời9 thích hợp cho sự tĩnh tu. 53. Khi nghe nói vậy, du sĩ Nigrodha nói với gia chủ Sandhãna: Gia chủ có biết không? Sa-môn Gotama luận đàm với ai? Đối thoại với ai? Với ai đạt được tuệ trí?2 Trí tuệ của Sa-môn Gotama bị hư hoại vì sống với không xứ, Sa-môn Gotama không giỏi điều khiển một hội chúng, không đủ sức để đối thoại, chỉ đề cập đến những vấn đề ngoại biên. Cũng như con bò một mắt, đi vòng tròn và chỉ đi phía bên ngoài; cũng vậy5 trí tuệ của Sa-môn Gotama bị hư hoại vì sống với kh6ng xứ; Sa-môn Gotama không giỏi điều khiển một hội chúng, không đủ sức đê đôi thoại, chỉ đê cập đên vân đề ngoại biên. Này gia chủ5 nêu Sa-môn Gotama đên tại hội chúng này, chỉ với một câu h6i, chúng tôi có thể chặn đứng ngay; chúng tôi nghĩ chúng tôi có thể lăn tròn Sa-môn Gotama như lăn tròn một cái bình không. 54. Thế Tôn9 với Thiên nhĩ thanh tịnh hơn người, nghe được câu chuyện giữa gia chủ Sandhãna với du sĩ Nigrodha. Rồi Thế Tôn từ Gijjhakuta bước xuống, đi đến vườn nuôi dưỡng chim Khổng Tước, bên bờ sông Sumãgadhã, khi đến nơi, liền đi qua lại giữa trời. Du sĩ Nigrodha thấy Thế Tôn đi qua lại giữa trời tại vườn nuôi dưỡng chim Khổng Tước, trên bờ sông Sumãgadhã, khi thấy vậy, liền dặn dò hội chúng: Các Tôn giả hãy giữ im lặng, các Tôn giả chớ có làm ồn! Sa-môn Gotama này đang đi qua lại giữa trời, tại vườn nuôi dưỡng chim Khổng Tước? trên bờ sông Sumãgadhã.3 Vị Tôn giả này ưa an tịnh5 tán thán sự an tịnh, nếu biết được hội chúng này an tịnh, chúng tôi nghĩ Sa-môn Gotama có thể đến đây. Neu Sa- môn Gotama đến tại hội chúng này, chúng ta sẽ hỏi câu hỏi này: "Bạch Thế Tôn, pháp gì là pháp của Thế Tôn? Với pháp nao, Thế Tôn huấn dạy các đệ tử? Với pháp nào, các đệ tử của Thế Tôn được huấn dạy đạt đến tịnh lạc và xác nhận là căn bản Phạm hạnh?” Khi được nói vậy5 các vị du sĩ ấy giữ im lặng. 55. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đến tại chỗ du sĩ Nigrodha ở. Và du sĩ Nigrodha nói với Thế

Tôn như sau:

2 Xem ML 82, 175 và II. 209. 3 Một hồ sen trong vườn. Xem M. II. 1;Ắ. I. 291.

Bạch Thế Tôn, Thế Toil hãy đến đây! Xin đón mừng Thế Tôn! Bạch Thế Ton, da lau The Ton mới co dip đen đây. Bạch The Ton, xm mời The Ton ngoi5 đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn. Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã soạn sẵn. Du sĩ Nigrodha lấy một ghế ngồi thấp khác và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với du sĩ Nigrodha đang ngồi một bên: -Này Nigrodha, quý vị đang ngồi bàn luận vấn đề gì? vấn đề gì đang nói giữa quý vị thi bị dưng iại? Khi được nghe nói vậy, du sĩ Nigrodha bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n, ở đây chúng con thấy Thế Tôn đang đi qua lại giữa trời tại vườn nuôi dưỡng chim Khổng Tước, trên bờ sông Sumãgadhã. Khi thấy vậy? chúng con nói: “Nếu Sa-môn Gotama đến tại hội chúng này, chúng ta sẽ hỏi câu hỏi: 'Bạch Thế Tôn5 pháp gì là pháp của Thế Tôn? Với pháp nào, Thế Tôn huấn dạy các đệ tử? Với pháp nào, các đệ tử Thế Tôn được huấn dạy đạt đến tịnh lạc và xác nhận là căn bản Phạm hạnh?,,, Bạch Thế Ton, đó là vấn đề đang được bàn luận giữa chúng con thì được dừng lại khi Thế Tôn đến. 56. —Này Nigrodha, thật khó cho ngươi, khi ngươi theo các kiến giải sai khác, theo niềm tin sai khác, theo xu hướng sai khác9 theo đuổi mục đích sai khác, được huân luyện theo các phương pháp sai khác đê hiêu được pháp nào Ta huấn dạy các đệ tử của Ta đạt đến tịnh lạc và xác nhận là căn bản Phạm hạnh. Này Nigrodha, hãy hỏi vê tôi thăng khô hạnh theo truyên thông của ngươi: "Bạch Thế Tôn, thế nào là sự thành tựu của khổ hạnh, thế nào là sự không thành tựu?” Khi nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo liền lớn tiếng, cao giọng la: "Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, đại thần lực và đại uy lực của Sa-môn Gotama! Ngài không đề cập đến giáo lý của mình, lại đề nghị thảo luận giáo lý của người khác.” 57. Du sĩ Nigrodha bảo các du sĩ ấy im lặng rồi bạch Thế Tôn: Bạch Thê Tôn, chúng con sông thuyêt giảng vê khô hanh, xem khô hạnh là căn bản, chấp trì khổ hạnh. Bạch Thế Tôn, thế nào là sự thành tựu khổ hạnh? Thế nào là sự không thành tựu khổ hạnh? —Này Nigrodha, ở đây có người tu khổ hạnh, sống lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khất thực không chịu bước tới, không nhận đồ ăn mang đến? không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận lời mời đi ăn5 không nhận đồ ăn từ nơi nồi chảo, không nhận đồ ăn tại ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy9 không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn? không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đanẹ cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đô ăn đi(juyên5 không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn tại chỗ có ruôi bu, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu nấu rượu men. Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà hay chỉ nhận ăn một miếng,

chỉ nhận ăn tại hai nhà hay chỉ nhận ăn hai miêng, chỉ nhận ăn tại bảy nhà hay chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một

bữa. Như vậy, vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Vị này chỉ ăn rau cải, ăn lúa tắc, gạo lứt, ăn gạo daddula, ăn bèo cái, ăn cám, ăn váng nước cơm, ăn bột vừng, ăn cỏ5 ăn phân bò, ăn trái cây và rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Vị ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác5 mặc vải tẫn liệm đã quăng di, mặc vải phấn tảo y, mặc vải vỏ cây tirĩta làm áo, mặc da con sơn dương đen5 mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen? mặc áo bàng cỏ cát tường, mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng các tấm gỗ nhỏ ghép lại, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Vị ấy là người sống nhổ râu t6c, là người sống theo tập tục sống nhổ râu tóc; là người theo hạnh thường dứng, không ngồi; là người ngồi chò hỏ? sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn; là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai; sống dùng ván gỗ làm giường; sống nằm trên đất trần; thường nằm ngủ một bên hông; sống để bụi và nhớp che kín thân mình; sống và ngủ ngoài trời, theo hạnh bạ đâu nằm đấy; sống ăn các uế vật5 theo hạnh ăn các uế vật; sống không uống các nước lạnh, theo hạnh không uống nước lạnh; sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm. Này Nigrodha, ngươi nghĩ thế nào, như vậy có phải là thành tựu các pháp khổ hạnh hay không thành tựu? -Bạch Thế Tôn? như vậy là thành tựu các pháp khổ hạnh, không phải không thành tựu. -Này Nigrodha, sự thành tựu khổ hạnh như vậy, Ta nói rằng sẽ đưa đến nhiêu loại câu uê. 58. Bạch Thế Tôn, thế nào là sự thành tựu khổ hạnh sẽ đưa đến nhiều loại cấu uế? Này Nigrodha, ở dây, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh? do khổ hạnh này5 vị ấy hoan hỷ, tâm tư thỏa mãn. Này Nigrodha, vị khổ hạnh do siêng tu khổ hạnh, phát sanh hoan hỷ9 tâm tư thỏa mãn9 này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh. Lại nữa5 này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, vị ấy khen mình chê người. Này Nigrodha, vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh nào, do khổ hạnh ấy khen mình chê người, này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khô hạnh. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, trở thành mê say, nhiễm trước, phóng dật. Này Nigrodha, vị tu hành khổ hạnh nào, do khổ hạnh ấy, mê say, nhiễm trước, phóng dật, này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh. 59. Lại nữa? này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, được thọ lãnh cúng dường, cung kính, danh vọng; do được cúng dường,

cung kính, danh vọng, trở thành hoan hy, tâm tư thỏa mãn. Này Nigrodha, vị khô hạnh tu hành khô hạnh nào, do khô hạnh ây được thọ lãnh cúng dường, cung kính, danh vọng, trở thành hoan hỷ, tâm tư thỏa mãn, này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, được cúng dường, cung kính, danh vọng; do được cúng dường, cung kính, danh vọng nên vị ấy khen mình chê người. Này Nigrodha, người khổ hạnh tu hành khổ hạnh nào, do khổ hạnh ấy, được cúng dường, cung kính, danh vọng; do được cúng dường, cung kính5 danh vọng này nên khen mình chê người, này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, được cúng dường, cung kính, danh vọng. Do được cúng dường, cung kính, r 7

danh vọng, trở thành mê say, chấp trước, phóng dật. Này Nigrodha, người khô hạnh tu hành khổ hạnh nào, do khổ hạnh ấy được cúng dường, cung kính, danh vọng; do được cúng dường, cung kính, danh vọng này, trở thành mê say, chấp trước, phóng dật9 này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh. 60. Lại nữa5 này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, phân biệt các thức ăn: "M6n này thích hợp với ta, món này không thích hợp với ta." Đối với các thức ăn không thích hợp thì cố ý từ bỏ; đối với các thức ăn thích hựp thì nắm giữ, tham đắm, chấp trước, không thấy các sự nguy hiểm, không phân biệt chúng là không giải thoát, thọ hưởng chúng. Này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, nhân vì mong mỏi được cúng dường, cung kính, danh vọng, nghĩ rằng: "Các vua chúa sẽ cung kính ta; cũng vậy, các vị đại thần, các vị Sát-đế-lỵ, các vị Bà-la-môn, các vị gia chủ, các vị giáo chủ các giáo phái." Này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh. 61. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khô hạnh chông báng một Sa-môn hay Bà-la-môn khác như sau: "Người này sông ăn uông đủ mọi thứ như giông từ rê sanh, giống từ nhánh cây sanh, giống từ đốt sanh, giống từ chiết cây sanh và thứ năm là hạt giông từ hạt giông sanh, nhai nghiên tât cả chúng, với tâm sét4 không bánh xe được gọi là xương quai hàm và người ta gọi vị ấy là một vị Sa-môn.^, Này Nigrodha, như vậy9 là cấu uế cho người khổ hạnh. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh thấy một Sa-môn hay Bà-la-môn được các gia đình cung kính, kính trọng, lê bái, cúng dường. Thây vậy5 vị ây nghĩ răng: "Các gia đình cung kính, kính trọng, lễ bái5 cúng dường người sống ăn uống đủ mọi thứ. Các gia đình ấy không cung kính, kính trọng, lễ bái, cúng dường ta, một người tu khổ hạnh.95 Do vậy? sanh tật đố5 xan tham đối với các gia đình ấy. Này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh.

4 Asanivicakka = Asanỉ (lưỡi tầm sét) + vỉcakka.

62. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh trở thành người ngồi nổi bật giữa công chúng. Này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh. Lại nữa, này Nigrodha, người khô hạnh, khi đi giữa các gia đình [đê khât thực] không cho người ta thấy mình: “Nhu vậy là khổ hạnh của ta, như vậy là khổ hạnh của ta..." Này Nigrodha, như vậy là câu uê cho người khổ hạnh. Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hạnh làm bộ có vẻ bí mật. Khi được hỏi: “C6 chấp nhận việc này khong?^, tuy không chấỊ) nhận nhimg trả lời: “C6 chấp nhận9\ tuy chấp nhận nhimg trả lời: caKhônẹ chấp nhan." Như vậy5 vị này cố tình nói láo, này Nigrodha, như vậy là câu uê cho người khô hạnh. Lại nữa, này Nigrodha, khi Như Lai hay đệ tử Như Lái thuyết pháp và dùng một phướng pháp đáng được chấp nhận thì người khổ hạnh không chấp nhận. Này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh. 63. Lại nữa, này Nigrodha, người khổ hặnh hay tức giận và ôm lòng oán thù. Này Nigrodha, vì người khô hạnh hay tức giận và ôm lòng oán thù, này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khô hạnh. Lại nữa? này Nigrodha, người khổ hạnh thường hay giả dối và lừa đảo... tật đố và xan tham .. giảo hoạt và ngụy trá... cứng cỏi và quá mạn... có ác ý và bị ác ý chi phối... có tà kiến và tư tưởng cực đoan... chấp trước kinh nghiệm tự thân, cứng đầu và khó giải thoát. Này Nigrodha, vì một người

khổ hạnh chấp trước kinh nghiệm tự thân, cứng đầu và khó giải thoát, này Nigrodha, như vậy là cấu uế cho người khổ hạnh. Z 9

Này Nigrodha, ngươi nghĩ thê nào, sự thật là như vậy thì những khô hạnh có phải là cấu uế hay không cấu uế? -Bạch Thế Tôn những khổ hạnh như vậy thật là cấu uế, không phải là không câu uê. Sự tình này có thê xảy ra, có người khô hạnh có đầy đủ tât cả sự cấu uế trên, nói gì đến câu có cấu uê này hay cấu uế khác. 64. Này Nigrodha, ở đây5 một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do tu khổ hạnh này, vị ấy không hoan hỷ, tâm tư không thỏa mãn. Này Nigrodha, người khổ hạnh tu khổ hạnh này, vì khổ hạnh này, vị ấy không hoan hỷ, tâm tư không thỏa mãn. Như vậy5 vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do tu khổ hạnh này, vị ấy không khen mình chê người... Như vậy? vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do tu khổ hạnh này? vị ấy không mê say, không nhiễm trước, không phóng dật... Như vậy9 vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này. 65. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do tu khổ hạnh này, vị ấy được cúng dường, cung kính, danh vọng. Dầu được cúng dường, cung kính, danh vọng, vị ấy không hoan hỷ? tâm tư không thỏa mãn... Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, vị ẩy được cúng dường, cung kính, dành vọng. Dầu được cúng dường, cung kính, danh vọng, vị ấy không khen mình chê người... Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, do khổ hạnh này, vị ấy được cúng dường, cung kính, danh vọng. Dầu được cúng dường, cung kính, danh vọng, vị ấy không mê say, nhiễm trước, phóng dật... Như vậy? vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này. 66. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh, không phân biệt các thức ăn: "M6n này thích hợp với ta, món này không thích hợp với ta." Đối với các thức ăn kh6ng thích hợp, vị ấy không cố ý từ bỏ; đối với các thức ăn thích hợp, vị ây không năm giữ5 tham đăm, chập trước, thây các sự nguy hiêm? phân biệt chúng là không giải thoát, không thọ hưởng chúng... Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này. Lại nữa, này Nigrodha, một vị khổ hạnh tu hành khổ hạnh? vị ấy không nghĩ rằng: "Vi mong mỏi được cúng dường, cung kính, danh vọng, các vua chúa sẽ cung kính ta; cũng vậy, các vị đại thần? các vị Sát-đế-ly9 các vị Bà-la-môn5 các vị gia chủ? các vị giáo chủ các giáo phái”.. Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này. 67. Lại nữa, này Nigrodha, vị khô hạnh không chông báng một vị Sa-môn hay Bà-la-môn khác: "Người này sống ăn đủ mọi thứ như giống từ rễ sanh, giông từ nhánh cây sanh, giông từ đôt sanh, giông từ chiêt cẫy sanh và thứ năm là hạt giông từ hạt giống sanh, nhai nghiên tất cả chúng, với tâm sét không bánh xe được gọi là xương quai hàm, và người ta gọi vị ây là vị Sa-mon/5 . Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này. Lại nữa, này Nigrodha, vị khô hạnh thây một Sa-môn hay Bà-là-môn được các gia đình cung kính, kính trọng, lễ bái, cúng dường. Thấy vậy, vị ấy không nghĩ rằng: "Các gia đình cung kính, kính trọng, lễ bái, cúng dường người sống ăn uống đủ

mọi thứ. Các gia đình ấy không cung kính, kính trọng, lễ bái cúng dường ta, một người tu khổ hanh?9 Do vậy, vị ấy không sanh tật đố9 xan tham đối với các gia đình. Như vậy5 vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này. 68. Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh không trở thành người ngồi nổi bật giữa công chúng... Như vậy? vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này. Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh khi đi giữa các gia đình [để khất thực], không giâu giêm mà để cho người ta thây mình: "Nhu vậy là khô hạnh của ta, như vậy là khổ hạnh của ta".. Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này. Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh không làm bộ có vẻ bí mật. Khi được hỏi: "Có chấp nhận điều này kh6ng?", nếu không chấp nhận thì trả lời: "Không chấp nhận9\ nếu có chấp nhận thì trả lời: "C6 chap nh^n?5... Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này.

Lại nữa, này Nigrodha, khi Như Lai hay đệ tử Như Lai thuyết pháp và dùng một phương pháp đáng được chấp nhận thì vị khổ hạnh chấp nhận... Như vậy, vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này. 69. Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh không tức giận và không ôm lòng oán thù. Này Nigrodha, vì người khổ hạnh không tức giận và không ôm lòng oán thù5 như vậy vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này. Lại nữa, này Nigrodha, vị khổ hạnh không giả dối và lừa đảo... không tật đố và xan tham... không giảo hoạt và ngụy trá... không cứng cỏi và quá mạn.. không có ác ý và bị ác ý chi phối... không có tà kiến và tư tưởng cực đoan... không chấp trước kinh nghiệm tự thân, không cứng đầu và khó giải thoát. Này Nigrodha, vì người khổ hạnh không chấp trước kinh nghiệm tự thân, không cứng đàu và khó giải thoát, như vậy vị ấy được thanh tịnh trong trường hợp này. Này Nigrodha, ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy thì các khổ hạnh ấy là thanh tịnh hay không thanh tịnh? Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy thì các khổ hạnh ấy là thanh tịnh5 không phải là không thanh tịnh. Các khổ hạnh ấy đạt đến tối thượng, đạt đến căn bản. Này Nigrodha, những khổ hạnh như vậy chưa đạt đến tối thượng, chưa đạt đến căn bản, chúng chỉ mới đạt đến vỏ bên ngoài mà thôi. 70. Bạch Thế Tôn, như thế nào các khổ hạnh đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản? Bạch Thế Tôn, thật tốt đẹp thay nếu Thế Tôn khiến cho các khổ hạnh của chúng con đạt đến tối thượng, đạt đến căn bản! Này Nigrodha, ở đây, có vị khô hạnh tu bôn pháp chê ngự. Và này Nigrodha, thế nào là vị khổ hạnh tu bốn pháp chế ngự? Này Nigrodha, vị khổ hạnh không tự sát sanh, không bảo người khác sát sanh, không tán thán sát sanh; không lấy của không cho, không khiến người khác lấy của không cho, không tán thán lấy của không cho; không nói láo, không khiến người khác nói láo, không tán thán nói láo; không có tham vọng dục tình, không khiến người khác có tham vọng dục tình, không tán thán tham vọng dục tình. Như vậy, này Nigrodha, người khổ hạnh ấy tu hành bốn pháp chế ngự. Này Nigrodha, do người khổ hạnh tu hành bốn pháp chế ngự như vậy, sự khổ hạnh của vị ấy như vậy, vị ấy tiến lên chớ không rơi xuống hạ phẩm. Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như khu rừng, gốc cây, trên khe núi, trong hang đá5 bãi tha ma? lùm cây, ngoài trời hay đống rơm. Sau khi đi khất thực về, ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già5 lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở dời, an trú với tâm thoát ly tham ái? gột sạch tâm hết tham ái; từ bỏ sân

tâm, an trú với tâm thoát ly sân tâm, khỏi lòng thương tưởng mọi loài chúng sanh, gột sạch tâm hết sân hận; từ bỏ hôn trầm thụy miên, an trú với tâm thoát ly hôn trầm thụy miên, tường niệm đến ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột sạch tâm hết hôn trầm thụy miên; từ bỏ trạo hối, an trú với tâm thoát ly trạo hối? nội tâm an tịnh, gột sạch tâm hết trạo hối; từ bỏ nghi hoặc, an trú với

tâm thoát ly nghi ngờ5 không còn nghi hoặc, gột sạch tâm không còn nghi ngờ đối với các thiện pháp. 71. Từ bỏ năm triên cái ây? với trí tuệ làm cho các tâm câu uê giảm nhẹ, vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới5 trên? dưới, bê ngang, hêt thảy phương xứ, cùng khăp vô biên giới, vị ây an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận9 không sân. Vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khăp thê giới, trên, dưới, bê ngang, hêt thảy phương xứ? cùng khắp vô biên giới? vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả5 quảng dại, vô biên, không hận, không sân. Này Nigrodha, ngươi nghĩ thế nào5 sự kiện là như vậy, các khổ hạnh là thanh tịnh hay không thanh tịnh? Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy? các khổ hạnh là thanh tịnh, không phải không thanh tịnh, đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản. Này Nigrodha, các khô hạnh như vậy chưa đạt đên tôi thượng, chưa đạt đến căn bản, chỉ đạt đến ngoài vỏ thôi. 72. - Bạch Thế Tôn? những khổ hạnh phải như thế nào mới đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản? Lành thay nếu Thế Tôn khiến cho các khổ hạnh của con đạt đến tối thượng và đạt đến căn bản! -Này Nigrodha, ở đay một vị khô hạnh sông chê ngự bởi bôn pháp chê ngự. Và này Nigrodha, thê nào là một vị khô hạnh sông chê ngự bởi bôn pháp chế ngự? ... Như vậy, này Nigrodha, vị khổ hạnh sống chế ngự bởi bốn pháp chế nệự. Này Nigrodha, do người khổ hạnh tu hành bốn pháp chế ngự như vậy, sự khô hạnh của vị ấy như vậy, vị ây tiên lên chớ không rơi xuông hạ phâm. Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng... Từ bỏ năm triền cái ấy, với trí tuệ làm cho các tâm cấu uế giảm thiểu, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả9 quảng dại, vô biên? không hận5 không sân. Vị ấy dẫn tâm hướng đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời quá khứ như một đời, hai đời9 ba đời, bốn đời, năm đời9 mười đời? hai mươi dời, ba mươi đời, bốn mươi đời5 năm mươi đời9 một trăm đời? hai trăm đời, một ngàn đời5 một trăm ngàn dời, nhiêu hoại kiêp, nhiêu thành kiêp5 nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: “Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uốnệ như thế này9 thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh tại chô ây. Tại chô ây5 ta có tên như thê này, dòng họ như thê này, giai câp như thê này5 ăn u6ng như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chêt tại chỗ ấy, ta được sanh ra ở dây.” Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Nigrodha, ngươi nghĩ thế nào, sự kiện là như vậy thì các khổ hạnh là thanh tịnh hay không thanh tịnh?

- Bạch Thế Tôn? sự kiện là như vậy thì các khổ hạnh là thanh tịnh, không phải không thanh tịnh, và đạt đến tối thượng, đạt đến căn bản. -Này Nigrodha, các khổ hạnh như vậy chưa đạt đến tối thượng, chưa đạt đến căn bản? chúng chỉ đạt đến lớp gỗ xung quanh lối mà thôi. 73. - Bạch Thế Tôn? các khổ hạnh phải như thế nào mới đạt đến tối thượnệ và đạt đến căn bản? Bạch Thế Tôn, lành thay nếu Thế Tôn khiến cho các kho hạnh của con đạt được tối thượng và đạt đến căn bản! -Này Nigrodha, ở đây, vị khô hạnh sông chê ngự bởi bôn pháp chê ngự. Và này Nigrodha, thế nào là vị khổ hạnh sống chế ngự bởi bốn pháp chế ngự? ... Như vậy5 này Nigrodha, vị khổ hạnh sống chế ngự bởi bốn pháp chế ngự. Này Nigrodha, do người khổ hạnh tu hành bốn pháp chế ngự như vậy, sự khổ hạnh của vị ấy như vậy, vị ấy tiến lên chớ không rơi xuống hạ phẩm. Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng... Từ bỏ năm triền cái ấy, với trí tuệ làm cho các tâm cấu uế giảm thiểu, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ... Vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng dại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy dẫn tâm hướng đến Thiên nhãn minh, vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời? hai đời9 ba đời, bốn đời9 năm đời... Như vậy9 vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ: "Này các Hiền giả, những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý9 phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiên, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền gicòn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiên, tạo các nghiệp theo chánh kiên. Những người này? sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, cõi trời, cõi đời này.” Như vậy5 vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân? thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ? kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Này Nigrodha, ngươi nghĩ thế nào, nếu sự kiện là như vậy5 các khổ hạnh là thanh tịnh hay không thanh tịnh? Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, các khổ hạnh là thanh tịnh, không phải không thanh tịnh, đạt đến tối thượng, đạt đến căn bản. 74. Này Nigrodha, các khô hạnh như vậy đạt đên tôi thượng và đạt đên căn bản. Này Nigrodha, như ngươi hỏi Ta: "Bạch Thế Tôn? pháp gì là pháp của Thế Tôn? Với pháp nào, Thế Tôn huấn dạy các đệ tử? Với pháp nào, các đệ tử của Thế Tôn được huấn dạy đạt đến tịnh lạc và xác nhận là căn bản Phạm hanh?" Này Niậrodha, Ta nói rằng sự kiện đó thật là một vấn đề cao thượng hơn và thuân nhất hơn mà Ta huấn dạy các đệ tử đạt đến tịnh lạc và xác nhận là căn bản Phạm hạnh.

25. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA sư TỬ HỐNG 455

Khi được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ây lớn tiêng cao giọng ôn ào nói lớn: Ở đây9 các Tôn sư của chúng ta hoàn toàn bất lực. Chúng ta không biết gì tốt hơn và cao hơn lời dạy của họ. 75. Khi gia chủ Sandhãna biết được: "Nay các du sĩ ngoại đạo ấy đã bắt đầu nghe, đã bắt đầu để tai, đã bắt đầu chú tâm vào lời Thế Tôn dạy", liền nói với

du sĩ Nigrodha: Này Tôn giả Nigrodha, Tôn giả nói vơi tôi như sau: "Gia chủ có biết không? Sa-môn Gotama luận đàm với ai, đối thoại với ai? Với ai đạt được tuệ trí? Trí tuệ của Sa-môn Gotama bị hư hoại vì sống với không xứ, Sa-môn Gotama không giỏi để điều khiển một hội chúng, không đủ sức để đối thoại, chỉ đề cập đến những vấn đề ngoại biên. Cũng như con bò một mắt, đi vòng tròn và chỉ đi phía bên ngoài; cũng vậy, trí tuệ của Sa-môn Gotama bị hư hoại vì sống với không xứ, Sa-môn Gotama không giỏi để điều khiển một hội chúng, không đủ sức để đối thoại, chỉ đề cập đến những vấn đề ngoại biên. Này gia chiỉ, nếu Sa-môn Gotama đến tại hội chúng này, chỉ với một câu hỏi9 chúng tôi có thê chặn đứng ngay; chúng tôi nghĩ chúng tôi có thê lăn tròn Sa- môn Gotama như lăn tròn một cái bình không.Này Tôn giả? nay Thế Tôn? bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã đến đây, hãy nêu rõ Thế Ton không thể điều khiển hội chúng; hãy chứng tỏ Thế Tôn như con bò một mắt, chỉ biết đi vòng xung quanh; với một câu hỏi, hãy chặn đứng Thế Tôn lại; và làm cho Thế Tôn lan tròn, như mọt cái bình không. Khi nghe nói vậy5 du sĩ Nigrodha ngôi im lặng, ủ rũ5 vai sụp xuông, gục đầu5 ưu tư, câm miệng. 76. Thế Tôn khi biết được du sĩ Nigrodha im lặng, ủ rũ, vai sụp xuống, gục đầu? ưu tư, câm miệng như vậy, liền nói với du sĩ Nigrodha: Này Nigrodha, có phải ngươi nói như vậy chăng? Bạch Thê Tôn, thật sự con có nói như vậy, thật là ngú ngôc5 si ám và bất thiện! Này Nigrodha, ngươi nghĩ thế nào, ngươi có bao giờ nghe các vị du sĩ niên cao, trưởng thượng, bậc Tổ sư truyền thống nói như sau: "Các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, các vị Thế Tôn này khi nào hội họp lại, quy tụ lại, ồn ào? cao gÌQíig, lớn tiếng, chung sống bàn cãi về những phiếm luận vô ích như câu chuyện vê vua chúa, câu chuyện về ăn trộm... câu chuyện về hiện hữu và không hiện hữu", như ngươi và sư trưởng của ngươi hiện nay đang làm, hay là những bậc Thế Tôn ấy an trú các nhàn tịnh xứ, núi rừng tịch mịch? xa vắng, ít tiếng, ít động, có gió đồng thổi, lánh xa mắt của người đời? thích hợp cho sự tĩnh tu như hiện Ta đang sống chăng? Bạch Thế Tôn? con được nghe các vị du sĩ niên cao, trưởng thượng, bậc Tổ sư truyền thốnẹ nói như sau: "Các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, các vị Thể Tôn này khi nào hội họp lại, quy tụ lại, thời không ồn ào,

cao gÌQng, lớn tiêng, chung sông bàn cãi vê những phiêm luận vô ích như câu chuyện vê vua chúa... câu chuyện vê hiện hữu và không hiện hữu", như con và sư trưởng của con đang làm. Những bậc Thế Tôn ấy an trú các nhàn tịnh xứ, núi rừng tịch mịch5 xa vắng, ít tiếng, ít động, có gió đồng thổi, lánh xa mắt của người đời, thích hợp cho sự tịnh tu như hiện nay Thế Tôn đang sống. —Này Nigrodha, ngươi là bậc có trí và niên trưởng, có bao giờ ngươi suy nghĩ như sau: “Dức Phật5 bậc Giác Ngộ, thuyết giảng giáo pháp đưa đến giác ngộ; Thế Tôn là bậc Đã Điều Phục, thuyết giảng giáo pháp đưa đến sự điều phục; Thế Tôn là bậc An Chỉ, thuyết giảng giáo pháp đưa đen an chỉ; Thế Tôn là bậc Đến Bờ Bên Kia? thuyết giảng giáo pháp đưa đến bờ bên kia; Thế Tôn là bậc Tịnh Lạc, thuyết giảng giáo pháp đưa đến sự tịnh lạc"? 77. Khi nghe nói vậy, du sĩ Nigrodha bạch Thế Tôn: —Bạch Thế Tôn, con đã phạm tội một cách ngu si, mờ ám, bất thiện khi con nói vê Thê Tôn như vay. Bạch Thê Tôn, mong The Tôn chap thuận cho tội ây là một tội để con ngăn ngừa về sau. Này Nigrodha, thật sự ngươi đã phạm tội một cách ngu

si, mờ ám? bất thiện khi ngươi nói về Ta như vậy. Này Nigrodha, khi ngươi đã thấy phạm tội là phạm tội và phát lộ đúng với hành động, Ta chấp nhận sự thú tội của ngươi. Này Nigrodha, như vậy là sự tiến bộ trong giới luật của bậc Thánh, là ai thấy phạm tội là phạm tội và phát lộ đúng với hành động, thời tương lai sẽ được ngăn ngừa. Này Nigrodha, Ta nói cho ngươi như sau:5 "Người có trí hãy đến dây, trung thực, không lừa đảo, chơn trực, Ta sẽ huấn dạy, Ta sẽ thuyết pháp." Neu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy? vị ấy sẽ tự mình chứng biết, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Cứu cánh Phạm hạnh và mục tiêu vô thượng, mà vì lý tưởng này các thiện nam tử từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo, vị ấy cần có bảy năm. Này Nigrodha, đâu cần phải bảy năm! Người có trí hãy đến đây, trung thực, không lừa đảo, chơn trực, Ta sẽ huân dạy, Ta sẽ thuyêt pháp. Nêu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy, vị ấy sẽ tự mình chứng biết, chứng ngộ5 chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Cứu cánh Phạm hạnh và mục tiêu vô thượng mà vì lý tưởng này các thiện nam tử từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo thời chỉ cần có sáu năm... năm năm... bốn năm... ba năm... hai năm... một năm. Này Nigrodha, đâu cần phải một năm! Người có trí hãy đến đây5 trung thực, không lừa đảo9 chơn trực, Ta sẽ huân dạy, Ta sẽ thuyêt pháp. Nêu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy, vị ấy sẽ tự mình chứng biết, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Cứu cánh Phạm hạnh và mục tiêu vô thượng mà vì lý tưởng này các thiện nam tử từ bỏ gia dinh, xuất gia tu dạo, vị ấy chỉ cần bảy tháng. Này Nigrodha, đâu cần phải bảy tháng! ... sáu tháng... năm tháng... bốn tháng... ba tháng... hai tháng... một tháng... nửa tháng. Này Nigrodha, đâu

5 Xem II. 44.

Cần có nửa tháng! Người có trí hãy đến đây, trung thực? không lừa đảo, chơn trực, Ta sẽ huấn dạy, Ta sẽ thuyết pháp. Nếu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy, vị ấy sẽ tự mình chứng biết, chứng ngộ? chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Cứu cánh Phạm hạnh và mục tiêu vô thượng, mà vì lý tưởng này các thiện nam tử từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo thời vị ấy chỉ cần có bảy ngay.59 78. Này Nigrodha, ngươi có thê nghĩ răng: C6Sa-môn Gotama nói vậy là muốn có đệ tử." Này Nigrodha, ngươi chớ có hiểu như vậy! Bổn sư ngươi là ai, hãy giữ nguyên vị Bổn sư ấy cho ngươi. Này Nigrodha, ngươi có thể nghĩ rằng: "Sa-m6n Gotama nói vậy là muốn chúng tôi từ bỏ kinh tụng của chúng tôi.59 Này Nigrodha, ngươi chớ có hiểu như vậy! Kinh tụng của ngươi là gì, hãy giữ nguyên kinh tụng ấy cho ngươi. Này Nigrodha, ngươi có thể nghĩ rằng: C6Sa-môn Gotama nói như vậy là muốn chúnệ tôi từ bỏ nghề sống của chúng tôi.,, Này Nigrodha, chớ có hiểu như vậy! Nghê sống của ngươi là gì, hãy giữ nguyên nghề sống ấy cho ngươi. Này Nigrodha, ngươi có thể nghĩ rằng: 66Sa-môn Gotama nói vậy là muốn xác tín cho chúng tôi đối với các pháp bất thiện mà truyền thống Tổ sư chúng tôi đã xem là bất thiện.,^ Này Nigrodha, chớ có hiểu như vậy! Những pháp bất thiện gì của ngươi và được xem là bất thiện theo truyền thống Tổ su, hãy giữ chúng nguyên như cũ. Này Nigrodha, ngươi có thể nghĩ rằng: 66Sa-môn Gotama nói vậy là muốn cho chúng tôi từ bỏ những thiện pháp mà truyền thống Tổ sư chúng tôi đã xem là thiện pháp." Này

Nigrodha, chớ có hiểu như vậy! Những thiện pháp của ngươi và được xem là thiện pháp theo truyền thống Tổ sư? hãy giữ chúng nguyên như cũ. Này Nigrodha, Ta nói vậy không phải vì muốn có đệ tử, Ta nói vậy không phải vì muốn khiến các ngươi từ bỏ kinh tụng, Ta nói vậy không phải vì muốn khiến các ngươi từ bỏ nghề sống5 Ta nói vậy không phải vì muốn xác tín cho các ngươi đối với các pháp bất thiện mà truyền thống Tổ sư đã xem là bất thiện, Ta nói vậy không phải vì muốn cho các ngươi từ bỏ những thiện pháp mà truyền thống Tổ sư đã xem là thiện pháp. Và này Nigrodha, có những pháp bất thiện chưa được từ bỏ5 làm cho cấu uế, đưa đến tái sanh, đem lại đau khổ, đưa lại quả khổ, đem lại sanh, già5 chết trong tương lai, những pháp ấy, Ta thuyết giảng để diệt trừ chúng. Nếu các ngươi thực hành đúng theo lời giảng dạy, thời các pháp cấu uế của các ngươi được trừ diệt, các pháp thanh tịnh được tăng trưởng, và các ngươi sẽ tự chứng biết, chứng ngộ, đạt đến và an trú ngay trong hiện tại trí tuệ cụ túc, viên mãn. 79. Khi được nghe nói vậy, các du sĩ ây đều ngôi im lặng, ủ rũ, vai sụp xuống, cúi đầu? ưu tư, câm miệng như tâm của họ bị Ma vương chi phối. Lúc bấy giờ, Thế Tôn tự nghĩ: 'Tất cả kẻ ngu si này bị Ác ma xâm nhập, không có một ai có ý nghĩ: 'Hãy đến, chúng ta hãy sống đời sống Phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Sa-môn Gotama\ còn nói gì đến thời gian bảy ngày!n Rồi Thế Tôn rống tiếng rống con sư tử trong ngôi vườn của Nữ hoàng Udumbarikã dành cho hàng du sĩ, bay trên hư không và hạ xuống núi Kỳ-xà- quật. Còn gia chủ Sandhãna trở vào thành Vương Xá.

26. KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG Sư TỬ HÓNG (Cakkavatti Sĩhanãda Suttdỷ

80. Như vầy tôi nghe. Một thòi, Thế Tôn an trú ở Magadha (Ma-kiệt-đà)? tại Mãtulã (Ma-du-la). Lúc bẩy giờ, Thế Tôn gọi chư Tỷ-ldieo: -Này các Tỷ-kheo! Các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau: Này các Tỷ-kheo, hãy sống tự mình là ngọn đèn cho chính minh, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn? lấy Chánh pháp làm nơi nương tựa, không nương tựa một gì khác. Này các Tỷ-kheo, thê nào là một Tỷ-kheo sông tự mình là ngọn đèn cho chính minh, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác, lấy Chánh pháp làm ngọn đèn? lấy Chánh pháp làm nơi nương tựa, không nương tựa một gì Idiác? • • • Này các Tỷ-kheo, ở đay, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm? tỉnh giác, chánh niệm để có thể diệt trừ tham ưu ở đời.... trên các cảm thọ... trên các tâm... sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để có thể diệt trừ tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa mình, không nương tựa một ai khác? lấy Chánh pháp làm ngọn đèn, lấy Chánh pháp làm nơi nương tựa, không nương tựa một gì khác. Này các Tỷ-kheo, hãy đi lại trong giới hạn được phép của minh, trong giới hạn Tổ phụ các ngươi truyền lại. Này các Tỷ-kheo, nếu các ngươi đi lại trong giới hạn được phép của mình, trong giới hạn Tổ phụ các ngươi truyền lại thì Ma vương sẽ không có cơ hội để xâm nhập, không có cơ hội để nhắm làm đối tượng. Này các Tỷ-kheo? chính nhờ nhiếp trì các thiện pháp làm nhân duyên mà công đức này được tăng thịnh.

1 Tên kinh này còn được viết iảCakkavatti Sutta (Kinh Chuyển Luân Thánh Vương). Kinh tương đương trong bộ Trường A-hàm kinh là Chuyên Luân ThảnhVương tu hành

kinh (T01. 0001.06. 0039a21). Tham chieu: Chuyển Luân Vương kỉnh (T.01. 0026.70.0520b 16).

81. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo? có Chuyển Luân Thánh Vương tên là DaỊhanemi (Kiên Cô Niệm), là vị Pháp vương, lây Chánh pháp trị nước, chinh phục thiên hạ bốn phương, thống trị các quốc độ và đầy đủ bảy món báu. Vị ấy có đầy đủ bảy món báu, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu? cư sĩ báu và thứ bảy la tướng quân báu. Vị ấy có hơn một ngan hoàng tử, dõng kiện, hùng mạnh5 nhiếp phục ngoại địch. Vị này trị vì quả đất này cho đến hải biên, dùng Chánh pháp trị nước? không dùng trượng, không dùng kiếm. 82. Này các Tỷ-kheo, sau nhiêu năm9 nhiêu trăm năm, nhiêu ngàn năm, Vua DaỊhanemi cho gọi một người và bảo: -Này khanh, khi nào khanh thấy thiên luân báu có lặn xuống một ít, có rời khỏi vị trí cũ thì báo cho Ta biết. -Tâu Đại vương, xin vâng. Người ấy vâng đáp lời dạy Vua DaỊhanẽmi. Này các Tỷ-kheo, sau nhiêu năm, nhiêu trăm năm5 nhiêu ngàn năm9 người ấy thấy thiên luân báu lặn xuống một ít, có rời khỏi vị trí cũ. Thấy vậy, người ấy liền đến Vua DaỊhanemi; khi đến xong? liền báo cho Vua biết: Đại vương có biết chăng, xe báu cõi trời của Ngài đã lặn xuống một ít, đã rời khỏi vị trí CU? Này các Tỷ-kheo9 Vua DaỊhanemi liền cho mời Thái tử và nói rằng: -Này Thái tử thân yêu, xe báu cõi trời của ta đã lặn xuống một ít, đã rời khỏi vị trí cũ. Ta nghe nói như sau: "Neu xe báu cõi trời của Chuyển Luân Thánh Vương lặn xuống và rời khỏi vị trí cũ, thời Vua còn sống không bao lâu "Ta đã thọ hưởng dục lạc loài người một cách đây dủ, nay đã đên lúc tìm cầu dục lạc chư thiên. Này Thái tử thân yêu5 hãy trị vì trái đất này cho đến hải biên. Ta sẽ cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. 83. Này các Tỷ-kheo, Vua DaỊhanemi sau khi đã khéo đặt Hoàng tử con đầu trên ngôi vương vị9 liền cạo bỏ râu tóc5 đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này các Tỷ-kheo, sau khi vị Vua Ẩn sĩ xuất gia bảy ngày, xe báu cõi trời lien bien mat. Này các Tỷ-kheo, một người khác đi đến Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ; khi đến xong, liền tâu Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ: -Tâu Đại vương? Ngài đã biết xe báu cối trời đã biến mất chưa? Nàỵ các Tỷ-kheo5 khi Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ nghe tin xe báu cõi trời đã biến mất, liền không được vui, cảm thấy sầu muộn. Rồi Vua ấy đến chỗ Vua Ẩn sĩ ở; khi đến xong, thưa với Vua Ẩn sĩ: Đại vương có biêt chăng? xe báu cõi trời đã biên mât? Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Vua Ân sĩ nói với Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ: -Này Thái tử thân yêu, chớ có không vui vẻ, chớ có sầu muộn! Này Thái tử

thân yêu, xe báu cõi trời không phải là gia bảo Tổ tiên để lại! Này Thái tử thân yêu? hãy hành trì Thánh vương Chánh pháp! Sự tình này sẽ xảy ra khi con hành trì Thánh vương Chánh pháp, vào ngày rằm Bố-tát, con gội đàu trai giới, đi lên lầu cao thì xe báu cõi trời sẽ hiện ra đầy đủ ngàn căm9 vành xe, trục xe và đầy đủ các bộ phận. 84. - Tâu Đại vương, thế nào là Thánh vương Chánh pháp? Này Thái tử thân yêu, con y cứ vào pháp, kính trọng pháp, cung kính pháp, đảnh lễ pháp, cúng dường pháp, tôn trọng pháp, tự con trở thành pháp tràng, pháp kỳ5 xem pháp là thầy, tự trở thành người bảo

vệ hợp pháp cho thứ dân, cho quân đội5 cho Sát-đế-lỵ? cho quần thần, cho Bà-la-môn5 cho gia chủ, cho thị dân, thôn dân, cho Sa-môn, Bà-la-môn5 cho các loài thú và loài chim! Chớ có làm gì phi pháp trong quôc độ của con! Này con thân yêu5 nêu trong quốc độ của con có người khôn^ có tiền của, hãy đem tiền của cho người ấy! Này con thân yêu, nếu trong quôc độ của con có những Sa-môn5 Bà-la-môn từ bỏ dục vọng, không phóng dật5 thực hành nhẫn nhục từ ái, nhiếp phục tự kỷ? an chỉ tự kỷ, giải thoát tự kỷ9 thỉnh thoảng sẽ đến với con và hỏi con: "Này Tôn giả, thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không có tội, như thế nào nên thực hành, như thế nào không nên thực hành, hành động như thế nào đem lại bất lợi và đau khổ cho tôi lâu ngày, hành động như thế nào đem lại lợi ích và hạnh phúc cho tôi lâu ngay?,? Con hãy nghe họ và ngăn chặn họ khỏi sự bất thiện và khuyến khích họ làm điều thiện! Này con thân yêu, như vậy là Thánh vương Chánh pháp. 85. — Thưa vâng5 tâu Đại vương. Này các Tỷ-kheo5 Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ trả lời Vua Ẩn sĩ và thực hành Thánh vương Chánh pháp. Khi thực hành Thánh vương Chánh pháp, vào ngày rằm Bố-tát, Vua gội đầu trai giới, đi lên lầu cao thì xe báu cõi trời hiện ra đầy đủ ngàn căm, vành xe, trục xe và đầy đủ các bộ phận. Thấy vậy, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ nghĩ rằng: "Ta được nghe nói như sau: 'Quán đảnh vương Sát-đế-lỵ nào vào ngày rằm Bố-tát gội đầu trai giới, đi lên lầu cao và thiên bảo luân hiện ra đầy đủ ngàn căm5 vành xe, trục xe và đầy đủ các bộ phận thì vị Vua ấy là Chuyển Luân Thánh Vương/ Như vậy, ta là Chuyển Luân Thánh Vương.,, Này các Tỷ-kheo5 Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ từ chỗ ngồi đứng dậy5 đắp thượng y qua một bên vai, tay trái cầm bình nước, tay mặt tưới nước trên bảo luân và nói: "Hãy lăn5 này Tôn bảo luân! Hãy nhiếp phục tất cả, này Tôn bảo luân!,, Và này các Tỷ-kheo, xe báu lăn về hướng Đông, Chuyển Luân Thánh Vương theo sau cùng với bốn loại binh chủng. Và này các Tỷ-kheo, chỗ nào xe báu ấy dừng lại, chỗ ấy Chuyển Luân Thánh Vương an trú cùng với bốn loại binh chủng. Này các Tỷ-kheo9 các vị vua chư hầu ở hướng Đông đều đến yết kiên Chuyên Luân Thánh Vương và nói: Hãy đến đây, Đại vương! Thiện lai, Đại vương! Tất cả đều thuộc của Đại vương! Đại vương hãy thuyết giảng!

462 KINH TRƯỜNG Bộ

Chuyển Luân Thánh Vương bèn nói: Chớ có sát sanh! Chớ có lấy của không cho! Chớ có sống tà hạnh trong các dục! Chớ có nói láo! Chớ có uống rượu! Và hãy thọ hưởng theo những gì đã có để thọ hường! Này các Tỷ-kheo? các vị vua thù nghịch ở hướng Đông đều trở thành chư hầu của Chuyến Luân Thánh Vương. J 86. Này các Tỷ-kheo? xe báu ấy chìm xuống biển hướng Đông, vượt qua biển ấy, lăn về hướng Nam... trở thành chư hầu của Chuyển Luân Thánh Vương. Này các Tỷ-kheo5 rồi xe báu ấy chìm xuống biển hướng Nam, vượt gua biển ấy, lăn về hướng Tây, Chuyển Luân Thánh Vuơng theo sau cùng với bôn loại binh chủng. Và này các Tỷ-kheo, chỗ nào xe báu ay dừng lại, chỗ ấy Chuyển Luân Thảnh Vương an trú cùng với bốn loại binh chủng. Này các Tỷ-kheo5 các vị vua chư hầu ở hướng Tây đều đến yết kiến Chuyển Luân Thánh Vương và nói: Hãy đến đây, Đại vương! Thiện lai, Đại vương! Tất cả đều thuộc của Đại vương! Đại vương hãy thuyết giảng! Chuyển Luân Thánh Vương bèn nói: Chớ có sát sanh! Chớ có lây của không cho! Chớ có sông tà hạnh trong các dục! Chớ có nói láo! Chớ có uống

rượu! Và hãy thọ hưởng những gì đã có để thọ hưởng! Này các Tỷ-kheo, các vua thù nghịch ở hướng Tây đều trở thành chư hầu của Chuyển Luân Thánh Vương. 87. Này các Tỷ-kheo, rồi xe báu ấy chìm xuống biển hướng Tây, vượt qua biển ấy, lăn về hướng Bắc? Chuyển Luân Thánh Vương theo sau cùng với bốn loại binh chủng. Và này các Tỷ-kheo5 chỗ nào xe báu ấy dừng lại5 chỗ ấy Chuyển Luân Thánh Vương an trú cùng với bốn loại binh chủng. Này các Tỷ- kheo, các vị vua chư hầu ở hướng Bắc đều đến yết kiến Chuyến Luân Thánh Vương và nói: Hãy đến đây? Đại vương! Thiện lai, Đại vương! Tất cả đều thuộc của Đại vương! Đại vương hãy thuyết giảng! Chuyển Luân Thánh Vương bèn nói: Chớ có sát sanh! Chớ có lấy của không cho! Chớ có sống tà hạnh trong các dục! Chớ có nói láo! Chớ có uống rượu! Và hãy thọ hưởng những gì đã có để thọ hưởng! Này các Tỷ-kheo5 các vua thù nghịch ở hướng Bắc đều trở thành chư hầu của Chuyển Luân Thánh Vương. Này các Tỷ-kheo? khi xe báu ấy đã chinh phục quả đất cho đến hải biên, liền trở về kinh đô và đứng lại như là dính liền trước cửa điện công lý trong nội cung của Chuyển Luân Thánh Vương và chói sáng nội cung của Vua. 88. Nàỵ các Tỷ-kheo? lần thứ hai, Chuyển Luân Thánh Vương . Nay các Tỷ-kheo, lan thứ ba, Chuyển Luân Thánh Vương... Này các Tỷ-kheo, lần thứ

tư, Chuyển Luân Thánh Vương... Nàỵ các Tỷ-kheo? lần thứ năm, Chuyển Luân Thánh Vương... Nàỵ các Tỷ-kheo, lan thứ sáu, Chuyển Luân Thánh Vương... Này các Tỷ-kheo, lần thứ bảy9 Chuyển Luân Thánh Vương, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm9 cho gọi một người và bảo: -Này khanh, khi nào khanh thấy xe báu cõi trời có lặn xuống một ít, có rời khỏi vị trí cũ thì báo cho ta biết. -Tâu Đại vương, xin vâng. Này các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp lời dạy của Chuyển Luân Thánh Vương. Này các Tỷ-kheo, sau nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, người ay thây xe bau cõi trời lặn xuong một it, co rời khỏi vị tn cũ. Thây vậy, người ấy liền đến Chuyển Luân Thánh Vương; khi đến xong, liền báo cho Vua biết: Đại ương có biết chăng, xe báu cối trời của Ngài đã lặn xuống một ít, đã rời khỏi vị trí CU? 89. Này các Tỷ-kheo? Chuyển Luân Thánh Vương liền cho mời Thái tử và nối rằng: -Này Thái tử thân yêu5 xe báu cõi trời của ta đã lặn xuống một ít? đã rời khỏi vị trí cũ. Ta nghe như sau: “Nếu thiên bảo luân của Chuyển Luân Thánh Vương có lặn xuống một ít và rời khỏi vị trí cũ thì Vua còn sống không bao lâu nữa." Ta đã thọ hưởng dục lạc loài người một cách đầy đủ. Nay đã đến lúc tìm cầu dục lạc chư thiên. Này Thái tử thân yêu, hãy trị vì trái đất nàỵ cho đến hải biên! Ta sẽ cạo bỏ râu tóc? đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này các Tỷ-kheo9 Chuyển Luân Thánh Vương, sau khi đã khéo đặt Thái tử con đầu trên ngôi vương vj, liền cạo bỏ râu tóc, đap áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này các Tỷ-kheo, sau khi Chuyên Luân Thánh Vương xuât gia bảy ngày, xe báu cõi trời ấy biến mất. 90. Này các Tỷ-kheo? một người khác đi đến Vua Quán đảnh Sát-đế-ly; khi đến nơi, liên tâu với Vua: Đại vương có biết chăng, x báu cõi trời đã biến mất? Nàỵ các Tỷ-kheo9 khi Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ nghe tin xe báu cõi trời đã biến mất, liền không được vui vẻ và cảm thấy sầu muộn. Vua ấy khônẸ đến chỗ Vua Ẩn sĩ và hỏi về Thánh vương Chánh pháp. Vị ấy tự cai trị quoc gia theo ý của mình. Vì cai trị quốc gia theo ý của mình nên quốc gia không được hưng thịnh như trong thời

xưa, khi các vua chúa cai trị theo Thánh vương Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo? rồi các vị đại thần, cận thần, tài chánh quan, các cận vệ? các thủ môn quan, các vị sống băng bùa chú tụ họp lại, cùng đến Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ và nói: -Tâu Đại vương, vì Đại vương cai trị quôc gia theo ý Đại vương nên quôc gia không được hưng thịnh như trong* thời xưa, khi các vua chúa cai trị theo

Thánh vương Chánh pháp. Nay có các vị đại thần, cận thần, tài chánh quan, các cận vệ? các thủ môn quan, các vị sống bằng bùa chú, chúng tôi và một số các vị khác thọ trì Thánh vương Chánh pháp. Tâu Đại vương, nếu Đại vương hỏi chúng tôi vê Thánh vương Chánh pháp; nêu được hỏi, chúng tôi sẽ trả lời cho Đại vương rõ về pháp này. 91. Này các Tỷ-kheo, rồi Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ cho mời họp các vị đại thần, cận thần, tài chánh quan, các cận vệ, các thủ môn quan, các vị sống bằng bùa chú và hỏi về Thánh vương Chánh pháp. Và những vị này được hỏi, đã trả lời về Thánh vương Chánh pháp. Khi nghe họ nói xong, vj vua có sắp đặt sự hộ trì, ngăn chặn5 che chở nhưng không cho người nghèo tiền của, và vì vậy, nghèo đói lan rộng. Vì nghèo đói lan rộng? một người đã lây vật không cho của những nẹười khác, và hành động ấy được gọi là ăn trộm. Người ta bắt anh ta và dẫn đen trước Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ và tâu Vua: -Tâu Đại vương, người này lấy vật không cho của những người khác, hành động này được gọi là ăn trộm. Này các Tỷ-kheo, khi nghe vậy, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ nói với người ấy: Này ngươi, có phải ngươi lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm? -Tâu Đại vương, sự thật có vậy. Sao lại làm vậy? -Tâu Đại vương, con không có gì để sống! Này các Tỷ-kheo5 Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ liền cho người ấy tiền của và nói: Này ngươi, với tiền của này, ngươi hãy tự nuôi dưỡng, nuôi dưỡng cha mẹ? nuôi dưỡng vợ con, tiến hành các công việc5 thực hiện sự cúng dường với công đức tối thắng cho các vị Sa-môn, Bà-la-môn5 mà kết quả là hưởng lạc thọ hiện tại và sanh thiên giới trong txrơng lai. Này các Tỷ-kheo, người ấy vâng theo lời Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ và tâu: -Thưa vâng, Đại vương. Này các Tỷ-kheo, rôi một người lây vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm. Người ta bắt anh ta và dẫn đến trước mặt Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ và tâu Vua: -Tâu Đại vương, người này lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm. Này các Tỷ-kheo, khi nghe vậy, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ nói với người ấy: Này ngươi, có phải ngươi lấy vật không cho của những người khác không, tức là ăn trộm? -Tâu Đại vương, sự thật có vậy. Sao lại làm vậy? -Tâu Đại vương, con không có gì đê sông!

Này các Tỷ-kheo, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ liền cho người ấy tiền của và nói: Này ngươi, với tiền của này, ngươi hãy tự nuôi dưỡng, nuôi dưỡng cha mẹ, nuôi dưỡng vợ con? tiến hành các công việc, thực hiện sự cúng dường với công đức tối thắng cho các vị Sa-môn9 Bà-la-môn, mà kết quả là hưởng lạc thọ hiện tại và sanh thiên giới trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, người ấy vâng theo lời Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ và tâu: -Thưa vâng, Đại vương. 92. Này các Tỷ-kheo, nhiều người nghe: "Những ai lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm, vua cho những người ấy tiền ciỉa."

Nghe vậy, họ nghĩ: "Chúng ta hãy lây vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm?5 Này các Tỷ-kheo, lại một người khác lấy vật không cho của những người khác? tức là ăn trộm. Người ta bắt anh ta và dẫn đến trước Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ và tâu Vua: -Tâu Đại vương, người này lây vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm. Này các Tỷ-kheo5 khi nghe nói vậy, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ nói với người ây: -Này ngươi, có phải ngươi lấy vật không cho của những người khác9 tức là ăn trộm? Tâu Đại vương, sự thật có vậy. Sao lại làm vậy? —Tâu Đại vương, con không có gì đê sông! Này các Tỷ-kheo, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ suy nghĩ: uNeu ai lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm, và ta cho họ tiền của thì lấy vật không cho như vậy tăng trưởng. Nay ta phải ngăn chặn triệt để người ấy, hình phạt thích đáng và chặt đàu n6." Này các Tỷ-kheo, Vua Quán đảnh Sát-đê-lỵ ra lệnh cho các người: Này các khanh, hãy lấy dây thật chắc, cột tay ra đằng sau với gút thật chặt, cạo đầu nó, dắt nó đi với tiếng trống khe khắt từ đường này đến đường khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, dắt nó ra khỏi cửa phía Nam, ngăn chặn triệt để người ấy, hình phạt thích đáng và chặt đầu nó. -Tâu Đại vương, thưa vâng. Này các Tỷ-kheo, các người ây vâng theo lệnh của Vua Quán đảnh Sát-đê- lỵ? lấy dây thật chắc, cột tay ra đàng sau với gút thật chặt, cạo đầu anh ta, dắt anh ta đi với tiếng trống khe khắt từ đường này đến đường khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, dắt anh ta ra khỏi cửa phía Nam, ngăn chặn triệt để người ấy, hình phạt thích đáng và chặt đầu anh ta. 93. Này các Tỷ-kheo? nhiều người nghe: "Những ai lấy vật không cho của

những người khác, tức là ăn trộm, Vua ngăn chặn triệt để họ, hình phạt thích đáng và chém đầu hQ." Nghe vậy? những người ấy nghĩ: "Chúng ta hãy rèn kiếm cho thật bén, với những kiếm bén này, chúng ta sẽ lấy vật không cho của họ5 tức là ăn trộm, sẽ ngăn chặn triệt để chúng, hình phạt thích đáng chúng và chém đầu chiing." Những người ây rèn kiêm bén sau khi rèn kiêm bén xong, họ đi cướp làng, họ đi cướp thôn xóm, họ đi cướp thành, họ đi cướp đường, họ lấy vật không cho, tức là ăn trộm, họ ngăn chặn triệt đê những người mà họ ăn trộm, hình phạt thích đáng và chém đâu những người này. 94. Này các Tỷ-kheo, như vậy? vì không cho người nghèo tiền của nên nệhèo đói tăng thịnh, vì n^hèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh, vì trộm cap tăng thịnh nên đao kiếm được tăng thịnh, vì đao kiếm được tăng thịnh nên sát sanh tăng thịnh, vì sát sanh tăng thịnh nên nói láo tăng thjnh, vì nói láo tăng thịnh nên tuổi thọ của loài hữu tình giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu, vì tuổi thọ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên loài người tuổi thọ đến tám vạn năm và con của họ thọ bốn vạn năm. Này các Tỷ-kheo, khi loài người thọ bốn vạn năm, một người khác lấy vật không cho, tức là ăn trộm. Người ta bắt người này lại, dẫn đến trước Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ và thưa: -Tâu Đại vương, người này lây vật không cho của những người khác5 tức là ăn trộm. Nàỵ các Tỷ-kheo5 khi nghe nói vậy, Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ nói với người ẩy: Này ngươi, có thật ngươi lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm idiong? -Tâu Đại vương, không. Người ấy cố ý nói không thật. 95. Này các Tỷ-kheo, như vậy, vì không cho tiền của những người nghèo nên nghèo đói tăng thịnh vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh, vì trộm cắp tăng thịnh nên đao kiếm tăng thịnh, vì đao kiếm tăng thịnh nên

sát sanh tăng thịnh, vì sát sanh tăng thịnh nên nói láo tăng thịnh, vì nói láo tăng thịnh nên tuổi thọ của loài người giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu, vì tuổi thọ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên loài người tuổi thọ đến bốn vạn năm và con của họ thọ hai vạn năm. Này các Tỷ-kheo5 khi loài người tuổi thọ đến hai vạn năm, một người khác lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm. Một người khác báo với Vua Quán đảnh Sát-đế-lỵ ve người ấy: -Tâu Đại vương, người này đã lấy vật không cho của những người khác, tức là ăn trộm. A . Như vậy người ây đã bị nói xâu.

26. KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG sư TỬ HỐNG 467

96. Này các Tỷ-kheo, như vậy5 vì không cho tiền của những người nghèo nên nghèo đói tăng thịnh, vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh... vì nói xấu được tăng thịnh nên tuổi thọ loài người giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu. Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên tuổi thọ loài người chỉ có hai vạn năm và con của họ chỉ thọ một vạn năm. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người đến một vạn năm? một số chúng sanh có sắc đẹp? một số không có sắc đẹp. Những chúng sanh không có sắc đẹp tham đắm những chúng sanh có sắc đẹp và có tà hạnh với vợ những người khác. 97. Này các Tỷ-kheo, như vậy? vì không cho tiền của những người nghèo nên nghèo đói tăng thịnh, vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh... nên tà dâm tăng thịnh, vì tà dâm tăng thịnh nên tuổi thọ loài người giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu. Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên tuổi thọ loài người chỉ có một vạn năm và con của họ chỉ thọ năm ngàn năm. 98. Này các Tỷ-kheo? khi tuổi thọ loài người chỉ có năm ngàn năm thì hai pháp tăng thịnh, tức là ác khẩu và nói lời phù phiếm. Khi hai ph này tăng thịnh thời tuôi thọ các loài hữu tình giảm thiêu, săc đẹp giảm thiêu. Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên tuổi thọ loài người chỉ còn năm ngàn năm và con của họ một số người sống hai ngàn năm trăm năm, một số người sống hai ngàn năm. 99. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có hai ngàn năm trăm năm? tham và sân tăng thịnh. Vì tham và sân tăng thịnh nên tuôi thọ các loài hữu tình giảm thiêu và săc đẹp giảm thiêu. Vì tuôi thọ của họ giảm thiêu và săc đẹp giảm thiểu nên tuổi thọ loài người chỉ có hai ngàn năm trăm năm và các người con chỉ có một ngàn năm. e 9 e e 100. Này các Tỷ-kheo, khi tuôi thọ loài người chỉ có một ngàn năm thì tà kiến tăng thịnh. Vì tà kiến tăng thịnh nên tuổi thọ các loài hữu tình giảm thiêu và săc đẹp giảm thiêu. Vì tuôi thọ của họ giảm thiêu và săc đẹp giảm thiêu nên tuôi thọ loài người chỉ có một ngàn năm và các người con chỉ có năm trăm năm. 101. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có năm trăm năm thì ba pháp tăng thinh: Phi pháp dục? phi lý tham và tà kiến. Khi ba pháỊ) này tăng thịnh thời tuổi thọ của các loài hữu tình giảm thiểu, sắc đẹp giảm thiểu. Vì tuổi thọ của họ giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu nên tuổi thọ loài người chỉ có năm trăm năm, còn những người con, một số sống đến hai trăm năm mươi năm, một số sống đến hai trăm năm. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ có hai trăm năm mươi năm, những pháp sau này tăng thịnh: Thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ; thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa-môn? Bà-la-môn; thiếu sự kính trọng đối với các vị đứng đầu trong gia đình. 102. Này các Tỷ-kheo, như vậy, vì không cho tiên của những người nghèo nên nghèo đói tăng thịnh, vì nghèo đói tăng thịnh nên trộm cắp tăng thịnh, vì

trộm căp tăng thịnh nên đao kiêm tăng thịnh, vì đao kiêm tăng thịnh nên sát sanh tăng thịnh, vì sát sanh tăng thịnh nên nói láo tăng thịnh, vì nói láo tăng thịnh nên nói xấu tăng thịnh, vì nói xấu tăng thịnh nên tà hạnh tăng thịnh, vì tà hạnh tăng thịnh nên hai pháp tăng thịnh tức là ác khẩu và nói lời phù phiếm, vì hai pháp này tăng thịnh nên tham và sân tăng thịnh, vì tham và sân tăng thịnh nên tà kiến tăng thịnh, vì tà kiến tăng thịnh nên ba pháp tăng thịnh: Phi pháp dục, phi lý tham và tà kiến. Vì ba pháp này tăng tìiịnh nên các pháp sau đây tăng thịnh: Thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ; thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn; thiếu sự kính trọng đối với các vị đứng đầu trong gia đình. Vì những pháp này tăng thịnh nên tuổi thọ các loài hữu tình này giảm thiểu và sắc đẹp giảm thiểu, vì tuổi thọ giảm thiểu và săc đẹp giảm thiểu nên loài người chỉ sông có hai trăm năm mươi năm, và các người con chỉ có một trăm năm. 103. Này các Tỷ-kheo, một thời sẽ đến khi những người con của loài người chỉ sống đến mười tuổi. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người chỉ còn mười tuổi, con gái đến năm tuổi sẽ lập gia đình. Này các Tỷ-kheo9 khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, các loại sau này sẽ biến mất, tức là tô, lạc, dầu, đường cát và muối. Này các Tỷ-kheo? khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi, loại hột kudrũsa trở thành món ăn tối thượng. Này các Tỷ-kheo, như hiện nay, cháo thịt là những món ăn tối thượng; cũng vậy5 này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, loại hột kudrũsa trở thành món ăn tối thượng. Khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, mười thiện hạnh hoàn toàn biến mất và mười bất thiện hạnh tăng thịnh tối đa. Này các Tỷ-kheo5 khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, chữ thiện cũng sẽ không còn, nói gì ai là người làm điều thiện. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, những ai thiếu sự hiếu kính đối với cha mẹ; thiếu sự hiếu kính đối với Sa-môn, Bà-la-môn; thiếu sự cung kính đối với người đứng đầu trong gia dinh, những người ấy sẽ được người ta lễ bái, tán duơng. Này các Tỷ-kheo, như hiện nay, những ai hiếu kính đối với cha mẹ; kính lê đôi với các vị Sa-môn, Bà-la-môn; cung kính đôi với những người đứng đầu trong gia đình? những người ấy được người ta lễ bái5 tán dương; cũng vậy? này các Tỷ-kheo5 khi tuổi thọ loài người đến mười tuổi, những ai thiếu sự hieu kính đối với cha mẹ; thiếu sự kính lễ đối với các vị Sa-môn5 Bà-la-môn; thiếu sự cung kính đối với các vị đứng đầu trong gia đình, những người ấy được người ta lễ bái, tán dương. Này các Tỷ-kheo5 khi tuổi thọ loài người chỉ có mười tuổi5 không có phân biệt mẹ hay bá mẫu hay thúc mẫu, vợ con của sư trưởng, chị dâu của cha. Thế giới rơi vào thông dâm như dê? gà, heo, chó và chó rừng. Này các Tỷ-kheo, khi tuôi thọ loài người chỉ có mười tuôi, các loài hữu tình đôi với nhau hại tâm rất mãnh liệt? sân tâm rất mãnh liệt, ác ý rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt. Mẹ đối với con, con đối với mẹ, cha đối với con, con đối với cha, anh đối với em, em đối với anh, em đối với chị, chị đối với em hại tâm rất mãnh liệt, sân tâm rất mãnh liệt, ác ỵ rất mãnh liệt, sát tâm rất mãnh liệt. Này các Tỷ-kheo, như người thợ săn khi thấy loài thú, hại tâm rất mãnh liệt khởi lên, sân tâm rất mãnh liệt,

. r z. 9 e e r và các người con sẽ lên đên tám ngàn tuôi. Tuôi thọ loài người lên đên tám ngàn tuổi và các con sẽ lên đến hai vạn tuổi. Tuổi thọ loài người lên đến hai vạn tuổi và các người con sẽ lên đên bôn vạn tuôi. Tuôi thọ loài người lên đên bôn vạn tuổi và các người con sẽ lên đến tám vạn tuổi. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, các người con gái đến năm trăm tuổi có thể thành lập gia đình. 106. Này các Tỷ-kheo, khi tuôi thọ loài người lên đên tám vạn tuôi5 ba chứng bệnh sau đây có mặt: Lòng dục5 tham ăn và già. Này các Tỷ-kheo? khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, nước Jambudipa (Diêm-phù-đề) này sẽ rất hùng mạnh và phong phú. Các làng mạc, tỉnh thành, kinh đô ở sát nhau đến nỗi con gà gáy bên này, bên kia có thể nghe được. Này các Tỷ-kheo5 Idii tuổi thọ loài người lên đên tám vạn tuôi, nước Jambudipa này sẽ rất phôn thịnh với người Avĩci (A-tỳ địa ngục), giống như rừng lau hay rừng sậy. Này các Tỷ-kheo5 khi tuổi thọ loài người lên đên tám vạn tuổi, thành phô Bãrãnasĩ (Ba-la-nại) này là kinh đô tên gọi Ketumatĩ, rât là htưig mạnh, phong phú9 đông dân cư và ăn uống đây đủ. Này các Tỷ-kheo, khi tuôi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi? tại nước Jambudipa này9 sẽ có tám vạn bốn ngàn thành phố và Ketumatĩ sẽ là kinh đô tối thượng. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, ở kinh đô Ketumatĩ, có vị Chuyển Luân Thánh Vương tên là Sankha ra đời5 là vị Pháp vương, lấy Chánh pháp trị nước, chinh phục thiên hạ bốn phương, cai trị các quốc độ, và đầy đủ bảy món báu, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy la tướng quân báu. Vị ấy có hơn một ngàn hoàng tử9 dõng kiện, hùng mạnh, nhiếp phục ngoại địch, vị này trị vì quả đât này cho đến hải biên, dùng Chánh pháp trị quốc, không dùng trượng, không dùng kiếm. 107. Này các Tỷ-kheo, khi tuổi thọ loài người lên đến tám vạn tuổi, có Thế Tôn tên là Metteyya sẽ ra đời5 là vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn như Ta nay sanh ra ở đời này, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thế Tôn. Vị này tự mình biết, chứng và tuyên thuyết quả đất này gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới? thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn9 loài trời, loài người như Ta hiện nay tự mình biêt, chứng và tuyên thuyết quả đất này gồm có Thiên giói, Ma gi&i, Phạm thiên giói, thế giới này với Sa-môn9 Bà-la-môn? loài trời và loài người. Vị này sẽ thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với văn tự nghĩa lý đầy đủ và tuyên thuyết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh như Ta hiện nay thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với văn tự nghĩa lý đây đủ và tuyên thuyết đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh. Vị này sẽ có khoảng vài ngàn vị Tỷ- kheo đoanh vây như Ta hiện nay có khoảng vài trăm vị Tỷ-kheo đoanh vây vậy. 108. Này các ly-kheo, Vua Sankha sẽ cho thiết lập cung điện mà Vua Mahãpanãda đã thiết lập. Sau khi thiết lập? Vua trú tại đó. Sau đó5 Vua lại bố

Này các Tỷ"kheo? thế nào là vị Tỷ-kheo tài sản được tăng thịnh? Này các Tỷ-kheo, ở dây, vị Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ây an trú, biên

mãn với tâm câu hữu với từ, quảng dại, vô biên, không hận9 không sân. ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả5 quảng dại, vô biên, không hận5 không sân. Này các Tỷ-kheo, như vậy vị Tỷ-kheo tài sản được tăng thịnh. Này các Tỷ-kheo5 như thế nào là vị Tỷ-kheo thế lực được tăng thịnh? Này các Tỷ-kheo, ở dây, vị Tỷ-kheo, với sự diệt tận các lậu hoặc, tự mình biêt và chứng, đạt đến và an trú ngay trong hiện tại Tâm giải thoát, Tuệ ệiải thoát, không còn các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, như vậy là vị Tỷ-kheo thê lực được tăng thịnh. Này các Tỷ-kheo, Ta quán sát và thấy không có một uy lực nào khác khó nhiếp phục hơn uy lực của Ma vương. Này các Tỷ-kheo? chính nhờ chấp nhận và thực hành những thiện pháp ấy mà công đức này được tăng thịnh. Thế Tôn thuyết giảng như vậy5 các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của The Ton.

27. KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN (Agganna Suttdỷ

111. Như vầy tôi nghe. Một thời5 Thế Tôn trú tại Sãvatthi (Xá-vệ)9 Pubbărãma (Đông Viên), ở lầu của Mi^ãramãtu (Lộc Mau giảng đường). Lúc bấy giờ, Vãsettha và Bharadyaja song giữa các vị Tỷ-kheo và muốn trở thành Tỷ-kheo. Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy5 bước xuống khỏi lầu, đi qua lại giữa trời dưới bóng ngôi lầu. 112. Vasettha thấy Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy? bước xuống khỏi lầu, đi qua lại giữa trời dưới bóng ngôi lầu. Thấy vậy, Vãsettha nói với Bhãradvậja: Này Hiền giả Bhãradvãja5 Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuông khỏi lâu5 đi qua lại ^iữa trời dưới bóng nậôi lâu. Này Hiên giả Bhãradvaja? chúng ta hãy đến yếtkien Thế Tôn! Rất có the chúng ta được nghe một thời phap từ Thế Tổn. —Thưa vâng, Hiền giả. Bhãradvậja vâng theo lời Vãsettha. 113. Rồi cả Vãsettha và Bhãradvặja cùng đến gần Thế Tôn; khi đến xong, đảnh lễ Ngài và đi theo sau limg Thế Tôn, khi Ngài đang đi qua đi lại. Rồi Thế Tôn nói với Vãsettha: Này Vasettha, ngươi sanh trưởng là Bà-la-môn và thuộc gia tộc Bà-la- môn9 xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình từ gia tộc Bà-la-môn. Này Vãsettha, người Bà-la-môn có chỉ trích ngươi, phỉ báng ngươi chăng? - Bạch Thế Tôn? các vị Bà-la-môn thật có chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện chớ không phải không toàn diện. Này Vasettha, các vị Bà-la-môn dùng lời lẽ như thê nào đê chỉ trích các ngươi, phỉ báng các ngươi với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện? Bạch Thế Tôn, các vị Bà-la-môn đã nói như sau: uBà-la-môn là giai cấp

1 Xem D. I. 87; M. I. 353; s. I. 331; II. 284; A. V. 326. Kinh ùiơng đương trong bộ Trường A-hàm kỉnh là Tiểu duyên kỉnh @01. ,0001.05. 0036b28). Tham chiếu: Bà-la-ba đường kinh . 0026.154. 0673b04); Phật thuyêtBạchy kim tràng nhị Bà-la-môn duyên khởi kỉnh ếS(r.01.0010.02Ì6bll). s

tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có giai cấp Bà-la-môn là da trắng, giai cấp khác là da đen; chỉ có Bà-la-môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà-la-môn không phải như vậy; chỉ có Bà-la-môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm

thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên. Các ngươi đã từ bỏ giai cấp tối thượng, cúi mình vào giai cấp hạ tiện, giai cấp các Sa-môn trọc đầu, đê tiện, đen đủi5 dòng giống thuộc bàn chân. Làm vậy thật là không tốt, làm vậy thật là không hợp khi các ngươi từ bỏ giai cấp tối thượng, cúi mình vào giai câp hạ tiện, giai câp Sa-môn trọc dầu, đê tiện, đen đủi, dòng giống thuộc bàn chân." Bạch Thế Tôn, như vậy các vị Bà-la-môn chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện chớ không phải không toàn diện. 114. Này Vãsettha, các người Bà-la-môn thật đã quên quá khứ khi họ nói: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ tiện; chỉ có giai cấp Bà-la-môn là da trắng, giai cấp khác là da đen; chỉ có Bà-la-môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà-la-môn không phải như vậy; chỉ có Bà-la-môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra? là con cháu thừa tự của Phạm thiên.Này Vasettha, các nữ Bà-la-môn, vợ của các Bà-la-môn được thấy là có kinh nguyệt, có mang thai, có sanh con, có cho con bú. Và những Bà-la-môn ấy chính do thai sanh, lại nói rằng: 6CBà-la-môn là giai cấp tối thượng... là con cháu thừa tự của Phạm thiên." Như vậy, họ phỉ báng Phạm thiên, nói láo và tích tạo nhiều điều bất thiện. 115. Này Vasettha, có bốn giai cấp: Sát-đế-lỵ5 Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ- đà-la. Này Vãsettha, có người Sát-đế-lỵ sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo? nói hai lưỡi? nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tâm tham, có tâm sân, có tà kiến. Này Vãsettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện, những pháp ấy là có tội và được gọi là có tội, những pháp ấy không nên hành trì và được gọi là các pháp không nên hành tri, những pháp ấy không xứng Thánh pháp và được gọi là không xứng Thánh pháp, những pháp ấy là hắc pháp và có hắc báo, những pháp ấy bị người có trí quở trách. Ở đây, những pháp ây được tìm thây trong một sô người Sát-đê-lỵ. Này Vãsettha, có người Bà-la- môn... Này Vãsettha, có người Phệ-xá... Này Vãsettha, có người Thủ-đà-la sát sanh... có tà kiến. Này Vãsettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện... là hăc pháp và có hăc báo, những pháp ây bị người có trí quở trách, ơ đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ-đà-la. Này Vãsettha, có người Sát-đế-lỵ không sát sanh, không lấy của không cho, không có tà hạnh trong các dục, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói lời phù phiếm, không có tâm tham, không có tâm sân? có chánh kiến. Này Vãsettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện, những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội5 những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành tri, những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp, những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả, những pháp ấy

được người có trí tán thán. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát-đế-lỵ. Này Vãsettha, có người Bà-la-môn... Này Vãsettha, có người Phệ-xá... Này Vãsettha, có người Thủ-đà-la không sát sanh... không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến. Này Vãsettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện, những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội, những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì, những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh

pháp5 những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả, những pháp ấy được người có trí tán thán. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ-đà-la. 116. Này Vãsettha, vì rằng cả hai pháp hắc và bạch được chỉ trích và được tán thán bởi những người có trí đêu có mặt lân lộn trong bôn giai câp này nên ở đây, những Bà-la-môn nào nói rằng: 66Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, các giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có giai cấp Bà-la-môn là da trắng, giai cấp khác là da đen; chỉ có Bà-la-môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà-la-môn không phải như vậy; chỉ có Bà-la-môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiOn", là sai và các vị có trí không thể chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Này Vãsettha, vì răng nêu có ai trong bôn giai câp là một vị Tỷ-kheo? một vị A-la-hán, các lậu hoặc đã được diệt tận5 Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt mục đích tối thượng, hữu kiết sử đã diệt, nhờ Chánh trí đã được giải thoát, vị ây sẽ được xem là tôi thượng so với bốn giai cấp, vì xứng với pháp, không phải không xứng với pháp. Này Vãsettha, pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình trong đời này và cả đời sau. 117. Này Vãsettha, đây là một chứng minh điển hình để biết vì sao pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình trong đời này và cả đời sau. Này Vãsettha, Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) nước Kosala biết rằng: "Sa-môn Gotama xuất gia từ dòng họ liên hệ sakya." Này Vãsettha, lúc bấy giờ9 dòng họ Sãkya phải thần phục Vua Pasenadi ở Kosala, dòng tộc Sâkya tôn trọng, đảnh lễ, đứng dậy, chắp tay và đối xử với Vua Pasenadi nước Kosala rất lễ độ9 phải phép; cũng vậy, Vua Pasenadi nước Kosala tôn trọng, đảnh lễ, đứng dậy? chắp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ5 phải phép vì Vua nghĩ: UCÓ phải Sa-môn Gotama là thiện sanh, còn ta không phải thiện sanh; Sa-môn Gotama có hùng lực, ta không có hùng lực; Sa-môn Gotama có dáng mặt đẹp đẽ? còn ta có dáng mặt thô xấu; Sa-môn Gotama là vị có nhiều thế lực, còn ta ít có thế Iịtc?" vì rằng Vua Pasenadi nước Kosala tôn trọng pháp, cung kính pháp, đảnh lễ pháp, cúng dường pháp, kính lễ pháp nên Vua tôn trọng, đảnh lễ5 đứng dậy, chắp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ9 phải phép.2 Này Vãsettha, với chứng minh điển hình này, mới hiểu vì sao pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình trong đời này và cả đời sau.

2 Xem MIL 112, 120.

118. Này Vãsettha, các ngươi sanh sai biệt5 danh sai biệt, tánh sai biệt? gia hệ sai biệt, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu có ai hỏi: "Các vị là ai?", các ngươi cần trả lời: "Chúng tôi là Sa-môn dưới sự lãnh đạo của Thích- ca tử." Này Vasettha, ai có lòng tin Như Lai, lòng tin ấy được an trí, có căn dể, an trú và chắc chắn, một lòng tin không bị lôi kéo bởi Sa-môn9 Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một vị nào ở trên đời, vị ấy có thể nói: "Ta là con chính tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, do pháp sanh, do pháp tạo ra, là con cháu thừa tự của ph9p." Vì sao vậy? Này Vãsettha, vì là những chữ đồng nghĩa với Như Lai là Pháp thân, là Phạm thân, là Pháp thể, là Phạm thể. 119. Này Vasettha, có một thời, đến một giai đoạn nào đó? sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại hữu tình phần lớn

sanh qua cõi Ãbhassara (Quang Âm thiên). Ở tại đây5 những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy một thời gian khá dài. Này Vãsettha, có một thòi, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành. Trong khi thế giới này chuyển thành, một số lớn chúng sanh từ Quang Âm thiên thác sanh qua tại đây. Những chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy một thời gian khá dài. 120. Này Vasettha, lúc bấy ệiờ. vạn vật trở thành một thế giới toàn nước5 đen sẫm? một màu đen khiến mắt phải mù. Mặt trăng, mặt trời không hiện ra; sao và chòm sao không hiện ra; không có ngày và đêm; không có tháng và nửa tháng; không có năm và thời tiết; không có đàn bà, đàn ông. Các loài hữu tình chỉ được xem là loài hữu tình mà thôi. Này Vãsettha, đối với các loài hữu tình ấy, sau một thời gian rất lâu, vị đất có vị ngon tan ra trong nước như bọt nổi lên trên mặt cháo sữa nóng đang nguội dần, cũng vậy đất hiện ra. Đất này có màu sắc, có hương và có vị. Màu sắc của đất giống như đề-hồ hay thuần túy như tô? vị của đất như mật ong thuần tịnh. Này Vãsettha, có loài hữu tình, co tánh tham, nói: Ế6Kìa xem, vật này là ệì vRy?", rồi lấy ngón tay nếm vị của đất; khi lấy ngón tay nếm vị của đất? vị đat ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên. Này Vãsettha, các loài hữu tình khác, theo gương hữu tình kia, lấy ngón tay nếm vị của dất, khi lấy ngón tay nếm vị của đất, vị đất ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên. 121. Rồi các hữu tình kia bắt đầu thưởng thức vị của đất bằng cách bẻ từng cục đất với bàn tay của họ. Này Vãsettha, khi các hữu tình ấy bắt đầu thưởng thức vị của đất bằng cách bẻ từng cục đất với bàn tay nhỏ của họ5 thời ánh sáng của họ biến mất; khi ánh sáng của họ biến mất thì mặt trăng, mặt trời hiện ra; khi mặt trăng, mặt trời hiện ra thì sao và chòm sao hiện ra; khi sao và chòm sao hiện ra, ngày và đêm hiện ra; khi ngày và đêm hiện ra thì nửa tháng và tháng hiện ra; khi nửa tháng và tháng hiện ra? thời tiết và năm hiện ra. Như vậy, này Vasettha, thế giới này bắt đầu thành trở lại.

27. KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN 477

122. Này Vasettha, những hữu tình ấy thưởng thức vị của đất, lấy đất làm chất ăn? lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu. Này Vãsettha, vì các hữu tình ấy thưởng thức vị của dất, lấy đất làm chất ăn5 lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu nên thân của họ trở thành cứng rắn và sắc đẹp của họ trở thành sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây, các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ? họ không có sắc đẹp bằng chúng ta." Do họ kiêu mạn? quá mạn và kiêu ngạo vê săc đẹp của họ, vị của đât biên mât. Khi vị của đất biến mất, họ hội họp lại và kêu than: "Oi vị ngon! Ôi vị agon!" Như ngày nay, khi loài người có được vị ngon liền nói: "Oi vị ngon! Ôi vị ngon!" Như vậy, họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó. 123. Này Vãsettha, khi vị của đất đã biến mất với các hữu tình ấy, thơi một loại nấm đất hiện ra. Như hình mai con rắn, chúng hiện ra như vậy. Loại nấm ấy có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại nấm này giống như đề-hồ hay thuần túy như tô, vị của nấm đất như mật ong thuần tịnh. Này Vasettha, những hữu tình ấy bắt đầu ăn thứ nấm đất. Họ thưởng thức nấm đất, lấy nấm đất làm chất ăn, lây nâm đât làm món ăn trong một thời

gian khá lâu. Này Vãsettha, vì các chúng sanh ấy thưởng thức nấm đất? lấy nấm đất làm chất ăn5 lấy nấm đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu nên thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắc đẹp của họ lại càng sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở dây, các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: “Chiing ta có sắc đẹp hơn họ? họ không có sắc đẹp bằng chúng ta." Do họ kiêu mạn, quá mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, nấm đất biến mất. 124. Khi nấm đất biến mất, cỏ và cây leo hiện ra. Như loại cây tre, chúng hiện ra như vậy. Loại cây leo này có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại cây này giống như đề-hồ hay thuần túy như tô, vị của loại cây leo này như mật ong thuần tịnh. Này Vãsettha, các hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo này. Chúng bắt đầu thưởng thức loại cây leo5 lấy cây leo làm chất ăn5 lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu. Này Vãsettha, vì những hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo, lấy cây leo làm chất ăn5 lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu nên thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắp đẹp của họ lại càng sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây, các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ5 họ không có sắc đẹp bằng chúng ta.” Do họ kiêu mạn, quá mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ5 cỏ và cây leo biến mất. Khi cỏ và cây leo biến mất, họ hội họp lại và kêu than: "Oi, cái này thuộc của chúng ta! Ôi5 hại thay cho chúng ta, nay cỏ và cây leo đã biến mất!" Như ngày nay, khi loài người được hỏi cái gì làm cho đau khổ, bèn trả lời: "Oi, cái này thuộc của chúng ta! Ôi5 hại thay cho chúng ta!" Như vậy, họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

125. Này Vãsettha, khi các loại c6, cây leo biến mất, thời lúa xuất hiện tại các khoảng trống, không có cám, không có vỏ. có mùi thơm và hột trơn nhẵn. Chô nào vào buôi chiêu, họ mang đi đê ăn chiêu, thời tại chô ây, vào buôi sáng lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào vào buổi sáng, họ mang đi để ăn sáng, thời tại chỗ ấy, vào buổi chiều lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Này Vasettha, những hữu tình ấy thưởng thức lúa mọc tại các khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu. 126. Này Vãsettha, vì các chúng sanh ấy thưởng thức lúa mọc tại các khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn? lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu? thân hình của họ trở thành cứng rắn hơn và sắc đẹp của họ lại càng sai biệt, về phái nữ5 nữ tánh xuất hiện; về phái nam, nam tánh xuất hiện. Phái nữ nhìn phái nam hết sức kỹ lưỡng, phái nam nhìn phái nữ hết sức kỹ lưỡng. Vì họ nhìn nhau kỹ lưỡng như vậy nên tình dục khởi lên, ái luyến đối với thân thể bắt đầu. Do sự ái luyến, họ làm các hạnh dâm. Này Vãsettha, lúc bấy giờ, những chúng sanh khác thấy làm các hạnh dâm như vậy? người thì quăng bùn5 người thì quăng tro, người thì quăng phân bò và nói: uHãy chết di, đồ ô uế! Hãy chết di, đồ ô uế! Sao một loài hữu tình lại đối xử với một loài hữu tình khác như vậy?^^ Như ngày nay, tại một số quốc độ, khi một cô dâu được rước đi, có người quăng bùn, có người quăng tro, có người quăng phân bò. Như vậy? chúng theo văn tự truyền thống xưa mà không biết ý nghĩa của nó. 127. Này Vãsettha, lúc bấy giờ, việc làm được xem là phi pháp nay được xem là đúng pháp. Này Vasettha, lúc bấy giờ, các hữu tình hành dâm ấy không được phép vào làng hay xã ấp một tháng hay cả hai

tháng. Vì những hữu tình ấy lúc bấy giờ bị chỉ trích rất lâu vì hành động phi pháp, họ bắt đầu làm lều, làm nhà để che giấu những hành động phi pháp của họ. Này Vasettha, có vị hữu tình bản tánh biếng nhác tự nghi: "Sao ta lại tự làm ta mỏi mệt bằng cách đi tìm lúa buôi chiêu cho buôi ăn chiêu? buôi sáng cho buôi ăn sáng? Sao ta lại không tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều và buổi ăn sAng?" Này Vãsettha, vị hữu tình này tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều, cả buổi ăn sáng. Một hữu tình khác đến vị hữu tình này và nói: Này bạn, chúng ta hãy đi tìm lúa! Này bạn5 tôi đã tìm lúa một lân, cả cho buôi chiêu và buôi sáng. Này Vãsettha, vị hữu tình này noi theo vị hữu tình kia, đi tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày. r

Này bạn, như vậy là tôt. Này Vãsettha, rồi một hữu tình khác đến vị hữu tình ấy và nói: -Này bạn, chúng ta hãy đi tìm lúa! Này bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày rồi. Này Vãsettha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia, liền đi tìm lúa một lần đủ cho bốn ngày.

-Này bạn, như vậy là tốt. Này Vasettha, một vị hữu tình khác lại đến vị hữu tình này và nói: Này bạn, chúng ta hãy đi tìm lúa! - Này bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả bốn ngày rồi. Này Vasettha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia? liền đi tìm lúa một lần đủ cho tám ngày. Này bạn, như vậy là tốt. Này Vãsettha, những vị hữu tình kia băt đâu tích trữ lúa đê ăn? và cám băt đầu bao bọc hột gạo trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hột lúa; và các cây lúa bị cắt không lớn lên được; và như vậy có sự gián đoạn và cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm. 128. Này Vãsettha, các loài hữu tình ấy hội họp lại và than phiền: Này các bạn, các ác pháp đã hiện ra giữa các loài hữu tình. Chúng ta trước kia do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sông trong sự quang vinh và sông như vậy trong một thời gian khá dài. Đối với chúng ta, sau một thời gian khá dài, vị của đất hiện ra. Vị đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta băt đâu bẻ đât từng cục băng tay đê ăn vị đât; vì băt đâu bẻ đât băng tay từng cục đê ăn nên hào quang biên mât; vì hào quang biến mất nên mặt trời, mặt trăng hiện ra; vì mặt trăng, mặt trời hiện ra nên các sao và chùm sao hiện ra; vì các sao và chùm sao hiện ra nên đêm, ngày hiện ra; vì đêm, ngày hiện ra nên nửa tháng và tháng hiện ra; vì nửa tháng và tháng hiện ra nên thời tiết và năm hiện ra. Chúng ta thưởng thức vị đất? lấy vị đất làm chất ăn, lấy vị đất làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì ác9 bất thiện pháp khởi lên giữa chúng ta, vị đất biến mất. Vì vị đất biến mất nên nấm đất hiện ra. Nấm đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thưởng thức nấm đất ấy, lấy nấm đất làm chất ăn, lấy nấm đất làm món ăn trong một thời gian khá dài. V1 các ác5 bất thiện pháp này khởi lên giữa chúng ta nên nấm đất biến mất. Vì nấm đất biến mất nên cỏ và cây leo hiện ra. cỏ và cây leo này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thưởng thức cỏ và cây leo ấy, lấy cỏ và cây leo làm chất ăn, lấy cỏ và cây leo làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp này xảy ra giữa chúng ta nên cỏ và cây leo biên mat. Vì cỏ và cây leo biên mất nên lúa mọc tại các khoảng trông hiện ra, không có cám, không có vỏ, thuần tịnh, có mùi thơm và hột trơn nhẵn. Chỗ nào vào buổi chiều, chúng ta mang đi đê ăn chiêu, thời tại chô ây, vào buôi

sáng lúa lại mọc lớn và chín. Chô nào vào buôi sáng, chúng ta mang đi đê ăn sáng, thời tại chô ây9 vào buôi chiêu lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Chúng ta thưởng thức lúa mọc tại các khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bât thiện pháp ây khởi lên giữa chúng ta, cám bắt đầu bao bọc hột lúa trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hột lúa; và các cây lúa bị cắt không lớn lên được; và như vậy có sự gián đoạn, và các cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm. Vậy nay, chúng ta hãy chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng.

Này Vasettha, các loại hữu tình ấy phân chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng. 129. Này Vasettha, có vị hữu tình bản tánh tham lam, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần của người khác và thưởng thức phần ấy. Người ta bắt người ấy và nói: -Này ngươi, ngươi đã làm ác pháp, gìn giữ phân của mình, đánh căp phân không cho của người khác và thưởng thức phần ấy. Nhà ngươi chớ có làm như vậy nữa! -Thưa bạn, vâng. Này Vãsettha, người này vâng đáp lời nói của những người ấy. Này Vãsettha, lần thứ hai...Này Vãsettha, lần thứ ba, người này gìn giữ phần của minh, đánh cắp phần không cho của người khác và thưởng thức phân ây. Người ta bắt người này và nói: Này ngươi, ngươi đã làm điều ác vì ngươi gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thưởng thức phần ay. Nhà ngươi chớ có làm như vậy nữa! Có người đập anh ta bằng tay, có người đập anh ta bằng đá, có người đập anh ta bằng ệậy. Này Vãsettha, bắt đầu như vậy9 lấy của không cho xuất hiện5 quở trách xuât hiện, nói láo xuât hiện, hình phạt đánh đập xuất hiện. 130. Này Vãsettha, những loài hữu tình ấy hội họp lại và than khóc: Này bạn, ác pháp đã khởi lên giữa các loài hữu tinh, trong hình thức lấy của không cho xuất hiện, quở trách xuất hiện; nói láo xuất hiện? hình phạt xuất hiện. Chúng ta hãy đề cử một người, người ấy sẽ công bố khi đáng phải công bố, khiển trách khi đáng phải khiển trách, hay tẩn xuất khi đáng phải tẩn xuất. Chúng ta sẽ chia cho người ấy một phần lúa. Này Vãsettha, rồi các vị hữu tình ấy đi đến vị hữu tình có sắc đẹp đẹp ĩ “ •. • r r r r •A M *ử nhât, có gương mặt dê nhìn nhât và được ái luyên nhiêu nhât; đên vị hữu tình ấy và nói: Này vị hữu tình kia, hãy công bô khi đáng phải công bô9 hãy khiên trách khi đáng phải khiển trách, hãy tẩn xuất khi đáng phải tẩn xuất. Chúng tôi sẽ dành cho ngươi một phần lúa của chúng tôi. -Xin vâng, các Tôn giả. Này Vãsettha, vị hữu tình này vân^ theo các vị hữu tình kia, công bố khi đáng công bố9 khiển trách khi đáng khien trách, tẩn xuất khi đáng tẩn xuất. Và các vị hữu tình kia chia cho vị này một phần lúa. 131. Này Vãsettha, "được lựa chọn bởi đại chiing" tức là Mahãsammato. Danh từ Mahãsammato là danh từ đầu tiên được khởi lên. Này Vãsettha, chủ của ruộng vườn,5 tức là Khattiya (Sát-đế-lỵ)5 là danh từ thứ hai được khởi lên. "Làm cho các người khác hoan hỷ bởi ph"tức là Rãja (vị Vua); Rậja là danh từ thứ ba được khởi lên. Này Vãsettha, như vậy là sự khởi lên nguồn gốc giai cấp xã hội của Khattiya theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của

chúng ta ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng phép tắc (dhammă), không phải phi pháp. Này Vãsettha, như vậy, pháp là tôi thượng ở

đời, trong hiện tại và cả cho đời sau. 132. Này Vãsettha, một số các vị hữu tình suy nghĩ: -Này các bạn, các ác, bất thiện pháp đã hiện ra ệiữa các loại hữu tình, như lấy của không cho, khiển trách, nói láo9 hình phạt, tan xuất. Chúng ta hãy loại bỏ các ác, bất thiện pháp. Này Vasettha, các vị ấy loại bỏ các ác, bất thiện pháp? tức là Brãhmanã (Bà-la-môn)? và chữ Brãhmanã là danh từ đầu tiên được khởi lên. Những vị này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiền trong những chòi bằng lá ấy. Đối với họ9 than đỏ được dập tắt? khói được tiêu tan, cối và chày rơi ngả nghiêng, buổi chiều lo buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã? vào kinh đô để khất thực. Khi xin được đồ ăn rồi? họ lại vào các chòi lá trong các khu rừng để tu thiền. Các người khác thấy vậy, nói như sau: Này các bạn, những loài hữu tình này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiên trong những chòi băng lá ây. Đôi với họ? than đỏ được dập tắt, khói được tiêu ta,cối và chày rơi ngả nghiêng, buổi chiều lo ăn buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã, vào kinh đô để khất thực. Khi xin được đồ ăn rồi9 họ lại vào các chòi lá trong khu rừng để tu thiền. Này Vasettha, họ “Jhyanti" tu thiền, tức là Jhãyakã (thiền giả); Jhãyakã là danh từ thứ hai được khởi lên. Này Vãsettha, một số loài hữu tình này không thể tu thiền trong các chòi bằng lá tại khu rừng5 liền đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Các người khác thấy vậy bèn nói: Này các bạn, những loài hữu tình này không thể tu thiền trong các chòi bằng lá tại khu rừng, đã đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Nay những vị này không tu thiền (na dãnime Jhayanti). Này Vãsettha, "Na dãnỉme Jhayantitức là Ajjhãyakã; và Ajjhayaka (các vị lập lại các tập sách Vệ-đà) cũng có nghĩa là những người không tu thiền, là danh từ thứ ba được khởi lên. Này Vãsettha, thời ấy họ thuộc hạ cấp, nay họ xem là cao thượng nhất. Như vậy, này Vãsettha là sự khởi lên nguồn gốc giai cấp xã hội của các Bà-la-môn theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của họ là ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng phép tăc, không phải phi pháp. Này Vãsettha, như vậy? pháp là tôi thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau. 133. Này Vãsettha, một số các loài hữu tình này theo pháp dâm dục5 thiết lập các nghê nghiệp sai khác (vissuta). Này Vasettha, những ai theo pháp dâm dục, thiết lập ra các nghề nghiệp sai khác, như vậy gọi là Vessã. Danh từ Vessã được khởi lên. Như vậy, này Vasettha, là sự khởi lên n^uồn gốc giai cấp xã hội của các Vessã theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguôn gốc của họ là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng phép tắc?

không phải phi pháp. Này Vãsettha, như vậy, pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau. 134. Này Vasettha, một số loài hữu tình còn lại lựa chọn săn bắn. Những ai sống săn bắn và theo các nghề hèn nhỏ5 này Vasettha, được gọi là Sudda. Và danh từ Sudda được khởi lên. Như vậy? này Vãsettha, là sự khởi lên nguồn gốc giai cấp xã hội của các Sudda theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng phép tắc, không phải phi pháp. Này Vãsettha, như vậy, pháp là tối thượng ở đời? trong hiện tại và cả cho đời sau. 135. Này Vãsettha, một thời, có vị Khattiya tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia

đình, sống không gia đình: "T6i sẽ sống làm người Sa-môn,^; có vị Bà-la-môn tự trách pháp của minh, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "T6i sẽ sống làm người Sa-m6n"; có vị Vessã tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "T6i sẽ sống làm nẹười Sa-mon"; có vị Sudda tự trách pháp của minh, xuất gia từ bỏ gia đình, sông không gia đình: "T6i sẽ sống làm nẹười Sa^n6p" Này Vasettha, giai cấp Sa-môn (Sa- mana) được khởi lên từ bôn giai cấp ấy. Nguồn gốc của Sa-môn là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng phép tắc, không phải phi pháp. Này Vasettha, như vậy, pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau. 136. Này Vãsettha, vị Khattiya làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này Vãsettha, vị Bà-la-môn... Này Vãsettha, vị Vessã... Này Vãsettha, vị Sudda làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này Vãsettha, vị Khattiya làm chánh hạnh vê thân, chánh hạnh vê miệng, chánh hạnh về ý? có chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này Vãsettha, vị Bà-la-môn... Này Vasettha, vị Vessã... Này Vãsettha, vị Sudda làm chánh hạnh về thân, chánh hạnh về miệng, chánh hạnh về ý, có chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. 137. Này Vãsettha, vị Khattiya làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý? có chánh kiến tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến, tà kiến và chánh hạnh, tà hạnh lẫn lộn làm nhân duyên, sau khi thân hoại mạng chung, thọ lãnh lạc và khổ thọ. Này Vãsettha, vị Bà-la-môn... Nay Vãsettha, vị Vessã... Này Vasettha, vị Sudda làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến và tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến, tà kiến và chánh hạnh, tà hạnh lẫn lộn làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, thọ lãnh lạc và khổ thọ.

27. KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN 483

138. Này Vãsettha, vị Khattiya chế ngự về thân, chế ngự về miệng, chế ngự về ý, sau khi tu tập Bảy pháp giác chi, đã diệt trừ hoàn toàn [các ác pháp] ngay trong đời hiện tại. Này Vasettha, vị Bà-la-môn... Này Vãsettha, vị Vessã... Này Vãsettha vị Sudda chế ngự về thân, chế ngự về miệng, chế ngự về ý5 sau khi tu tập Bảy pháp giác chi, đã diệt trừ hoàn toàn [các ác pháp] ngay trong đời hiện tại. 139. Này Vasettha, trong bốn giai cấp này, vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, lậu hoặc đã diệt tận, việc phải làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục tiêu đã đạt tới? hữu kiết sử đã trừ diệt, chánh trí giải thoát. Vị ấy được gọi là tối thượng trong tất cả giai cấp, đúng với Chánh pháp, không phải phi pháp. Này Vasettha, như vậy9 Pháp là tôi thượng ở đời, trong hiện tại và cho cả đời sau. 140. Này Vãsettha, bài kệ sau đây được Phạm thiên Sanaồkumãra (Thường Đồng Hình) tuyên thuyết: Chúng sanh tin giai cap, Sát-đế-lỵ tối thắng. Ai đủ cả trí, đức, Tối thắng giữa nhơn, thiên. Này Vãsettha, bài kệ này được Phạm thiên Sanaồkumãra khéo hát chớ không phải vụng hát, khéo nói chớ không phải vụng nói? đầy đủ ý nghĩa chớ không phải không đầy đủ? được Ta chấp nhạn. Này Vãsettha, Ta cũng nói như sau: Chúng sanh tin giai cấp, Sát-đế-lỵ tối thắng. Ai đủ cả trí, đức, Tối thắng giữa nhơn, thiên. Thế

Tôn thuyết giảng như vậy, Vãsettha và Bharadvaja hoan hỷ tín thọ lời giảng của The Tôn.

28. KINH Tự HOAN HỶ (Sampasãdanĩya Suttdỷ

141. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở tại NãỊaiidã, trong vườn xoài Pãvãrika. Lúc bấy giờ9 Tôn giả Sãriputta (Xá-lợi-phất) đến tại chỗ Thế Tôn ở, đảnh lễ Thế Ton và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên5 Tôn giả Sãriputta bạch Thế Tôn: Bạch Thế T6n, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vi Sa-môn, một vị Bà-la-môn nào khác có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện giác ngộ. 142. Này Sãriputta, lời nói của ngươi thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Ngươi thật đã rống tiếng rống con sư tử khi ngươi nói: "Bạch Thế Ton, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Sa-môn, một vị Bà-la-môn nào khác có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện giác ngộ." Này Sãriputta, có phải ngươi đã được biết trong quá khứ? các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác, với tâm của ngươi biêt được tâm của tât cả các vị Thê Tôn, giới đức của chư vị Thế Tôn là như vậy, pháp là như vậy? trí tuệ là như vậy? an trú là như vậy, giải thoát của chư vị The Tôn là như vậy? Bạch Thế Tôn5 không. Này Sãriputta, có phải ngươi đã được biết trong tương lai, các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác, với tâm của ngươi biết được tâm của tat cả các vị Thế Tôn, giới đức của chư vị Thế Tôn là như vậy? pháp là như vậy, trí tuệ là như vậy5 an tm là như vậy, giải thoát của chư vị Thế Tôn là như vậy? -Bạch Thế Tôn, không. Này Sãriputta, có phải ngươi đã được biết trong hiện tại, Ta là vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác, với tâm của ngươi biết được tâm của Thế Tôn, giới đức của Thế Tôn là như vậy, pháp là như vậy, trí tuệ là như vậy? an trú là như vậy, giải thoát của Thế Tôn la như vậy? -Bạch Thế Tôn, không. -Này Sãriputta, hãy xem! Ngươi không có trí tuệ biêt được tâm tư của

1 Xem D. L III. 61; s. V. 159; A. I. 26. Kinh tượng đương trọng bộ Trường A-hàm kỉnh là Tự hoan hỷ kinh (TOI. 0001.18. 0076b24). Tham chiếu: Phật thuyêt Tín Phật công đức kỉnh (r.01. 0018. 0255all); Tạp.(r.02. 0099.498. 0130cÓ7).

chư vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, ở hiện tại và ở tương lai; cho nên? này Sãriputta, lời nói của ngươi tuyên bố thật là đại ngôn, thật là gan dạ. Ngươi thật đã rống tiếng rống con sư tử khi ngươi nói: uBạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Sa-mQn, vị Bà-la-môn nào khác có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn về phương diện giác ngộ?9 143. Bạch Thế Tôn, con không có trí tuệ để được biết tâm tư của chư vị A-la-hán Chanh Đẳng Giác trong quá khứ, hiện tại và vị lai. Bạch Thế Tôn? nhưng con biết truyền thống về Chánh pháp. Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì ở biên cảnh, có hào lũy kiên cố? có thành quách, tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa thành ra vào. Cửa thành có vị giữ cửa thông minh, biệt tài và giàu kinh nghiệm, ngăn chặn những người lạ, chỉ cho vào những ai quen biết. Người này, trong khi đi tuần tiễu xung

quanh thành, có thê không thây hết các chắp nối và khe hở của tường nhỏ cho đến một coh mèo có thể đi qua được, nhưng người ấy chỉ cần biết rang các sinh vật to lớn hơn muốn đi vào hay đi ra thành này, tất cả đều phải đi vào hay đi ra cửa này. Bạch Thế Tôn? cũng vậy, con biết truyền thống về Chánh pháp. Tất cả những vị A-la-hán Chánh Đấig Giác trong thời quá khứ, tất cả những bậc Thế Tôn này đã diệt trừ năm triền cái9 những nhiễm tâm khiển trí tuệ yếu ớt, đã khéo an trú tâm vào Bôn niệm xứ? đã như thật tu Bảy giác chi, đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác. Tất cả những vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai, tất cả những bậc Thế Tôn này sẽ diệt trừ năm triền cái? những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt5 sẽ khéo an trú tâm vào Bốn niệm xứ, sẽ như thật tu Bảy giác chi và sẽ chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác. Bạch Thế Tôn, và nay Thế Ton, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã diệt tnr năm triền cái5 những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt, đã khéo an trú tâm vào Bốn niệm xứ5 đã như thật tu Bảy giác chi, đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác. 144. Và nay ở đây, con một thời yết kiến Thế Tôn để nghe pháp. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp cho con, mỗi pháp lại cao thượng, thâm thúy hơn pháp trước, hắc pháp và bạch pháp đều được đề cập, đối chiếu. Bạch The Tôn? nhờ Thế Tôn thuyết pháp cho con, mỗi pháp lại cao thượng, thâm thúy hơn pháp trước, hắc pháp và bạch pháp đều được đề cập5 đối chiếu như vậy, nên trong sự thâm hiểu Chánh pháp, một pháp được con thâm hiểu trọn vẹn9 đó là lòn^ tin của con vào vị Bổn sư: Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được The Tôn khéo thuyết giảng và chúng Tăng đã khéo hành trì. 145. Bạch Thế Tôn, lai nữa, điểm này thật là vô thượng: Thế Ton thuyết pháp về các thiện pháp. Ở đây5 những thiện pháp là Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành. Bạch Thế Tôn, ở đây5 vị Tỷ-kheo tận diệt các lậu hoặc, có thể tự mình chứng tri và chứng ngộ, đạt đến và an trú ngay trong hiện tại Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát vô lậu này. Bạch Thế Tôn, thật là vô thượnệ đối với các thiện pháp. Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biet của Ngài, không có gì còn

9 e9

lại đê hiêu biêt hơn nữa. Không có một ai, một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào khác có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề các thiện pháp. 146. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về sự trình bày các nhập xứ. Bạch Thê Tôn, sáu nội xứ và ngoại xứ, tức là mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vj, thân và xúc, ý và pháp. Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về sự trình bày các nhập xứ. Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào khác có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề trình bày các nhập xứ. 147. Bạch Thế T6n, lại nữa, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề nhập thai. Bạch Thế Tôn? có bốn loại nhập thai: Bạch Thế T6n, ở đây, có loại không biết mình nhập bụng người mẹ, không biết mình trú trong bụng n^ười mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ nhat. Lại nữa, bạch Thế Tôn? có loại biết mình nhập bụng người mẹ nhưng không biết mình an trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra

khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai nhứ hai. Lại nữa, bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ nhưng không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ ba. Lại nữa, bạch Thê Tôn, có loại biêt mình nhập bụng người mẹ, biêt mình an trú trong bụng người mẹ và biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ tư. Đây là bốn loại nhập thai. Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề nhập thai. 148. Bach Thế Tôn? lại nữa, điểm này thật là VO thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề sai khác trong sự ký tâm. Bạch Thế Ton, có bốn loại ký tâm sai khác như thế này: Bạch Thế Tôn, có hạng tự tỏ lộ bằng hình tướng: "V của ngươi là như thế này, ý của ngươi là như vậy, tâm của ngươi là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác.^, Như vậy là loại ký tâm thứ nhất. Lại nữa, bạch Thế T6n, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, nhưng tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân, hay chư thiên: "Y của ngươi là như thế này, ý của ngươi là như vậy, tâm của ngươi là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ hai. Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân hay chư thiên, mà tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng rõ ràng và hợp lý5 phát ra từ tầm và tứ: "V của ngươi là như thế này, ý của ngươi là như vậy, tâm của ngươi là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa thời sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khac/9 Như vậy là loại ký tâm thứ ba.

Lại nữa5 bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân hay chư thiên, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiêng rõ ràng và hợp lý, phát ra từ tàm và tứ, nhimg khi chứng được định, không tâm không tứ, có thê biết được tâm người khác với tâm của mình: "Tùy ỵ hành của Tôn giả này, vị này sẽ hướng tâm đến suy tầm này. Nếu có tỏ lộ nhiêu đi nữa thời sự tỏ lộ là như vậy, không phải ỆÌ khac.^ Như vậy là loại ký tâm thứ tư. Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về van đề ký tâm sai khác. 149. Lai nữa? bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Lúc Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề kiến định (dassanasamãpattỉ). Bạch Thế Tôn, có bốn loại kiến định như thế nay: Ở đây, bạch Thế Tôn, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tan, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Với tâm nhập định như vậy, vị ây quán sát thân này? dưới từ bàn chân trở lên5 trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: Trong thân này, đây là tóc, lông5 móng, răng, da, thịt? gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột5 bao tử, phân, mật, đàm (niêm dịch)5 mủ? máu, mồ hôi5 mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiêu. Như vậy là kiến định thứ nhất. Lại níĩa, bạch Thế Tôn, ở đây có vị Sa-môn hay Bà-la-môn? nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không ph6ng dật? nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Với tâm nhập định như vậy9 vị ây quán sát thân này? dưới từ bàn chân trở lên? trên cho đến đảnh t6c, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: Trong thân này, đây là t6c, lông, móng, răng, da, thịt, gân? xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phôi, ruột? màng ruột, bao tử, phân, mật5 đàm (niêm dịch), mủ? máu, mồ hôi5 mỡ5 nước mắt, mỡ da, nước miếng,

nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu. Hơn nữa? vị ấy quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt5 máu và da. Như vậy là kiến định thứ hai. Lại nữa, bạch Thê Tôn... Hơn nữa, vị ây vượt qua sự quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da, nhận thấy dòng tâm thức không gián đoạn của người ấy, như là an trú cả đời này và an trú cả đời sau. Như vậy là kiến định thứ ba. Lại nữa5 bạch Thê Tôn... Hơn nữa, vị ây vượt qua sự quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da, nhận thấy dòng tâm thức không gián đoạn của người ấy, như là không an trú cả đời này và cả đời sau. Như vậy là kiến định thứ tư. Bạch Thế Tôn? thật là vô thượng về vấn đề kiến định. 150. Lại nữa, bạch Thế Tôn? điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp vê vân đê phân loại các loại người. Bạch Thê Tôn, có bảy loại người như thế này: Câu phần giải thoát, Tuệ giải thoát, Thân chứng, Kiến chí, Tín giải thoát, Tùy pháp hành, Tùy tín hành. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề phân loại loài người.

28. KINH Tự HOAN HỶ 489

151. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề tinh cần. Bạch Thế Tôn, có Bảy giác chi như thế này: Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi, Xả giác chi. Bạch Thế Tôn? như vậy là tối thượng về vấn đề tinh cần. 152. Lai nữa, bạch Thế Tôn? điểm này thật là yô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề tiến bộ trong sự tu hành. Bạch Thế Tôn, có bốn loại đạo hành như thế này: Hành trì khổ? chứng ngộ chậm; hành trì khổ, chứng ngộ mau; hành trì lạc, chứng ngộ chậm; hành tri lạc, chứng ngộ mau. Bạch Thê Tôn, ở dây, trong trường hợp hành trì khô5 chứng ngộ chậm; bạch Thế Tôn? sự hành trì cả hai phương diện đều được xem là hạ liệt, vừa khổ vừa chậm. Bạch Thế Tôn, ở đây? trong trường hợp hành trì khổ, chứng ngộ mau; bạch Thế Tôn, sự hành trì này vì kho nên được gọi là hạ liệt. Bạch Thế Tôn, ở dây, trong trường hợp hành trì lạc, chứng ngộ chậm; bạch Thế Tôn? sự hành trì này vì chạm nên được gọi là hạ liẹt. Bạch Thế Tôn, ở dây, trong trường hợp hành trì lạc? chứng ngộ mau; bạch Thê Tôn? sự hành trì này cả hai phương diện đêu được xem là cao thượng, vừa lạc và vừa mau. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề đạo hành [tiến bộ trên đường tu hành]. 153. Lai nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề chánh hạnh trong ngôn ngữ. Bạch Thế Tôn, ở dây, một người không những không nói những lời liên hệ đến nói láo, mà còn phải, trong khi tìm cách thắng cuộc, không dùng lời vu khống, lời ác khẩu và lời ly gián; trái lại? người ấy nói lời từ hòa? sáng suốt? đáng được giữ gìn và nói đúng thời. Bạch Thế Tôn? như vậy là tối thượng về chánh hạnh trong ngôn ngữ. Lại nữa? bạch Thế Tôn? điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề giới hạnh của con người. Bạch Thế Tôn, ở dây, có người chơn thật, thành tín, không dối trá, không lừa gạt, không gợi ý, không chiêm tướng, không lấy lợi cầu lợi? hộ trì các căn, ăn uống tiết độ9 hành động ôn hòa, luôn luôn cảnh giác, không chán nản, tinh cần, trầm tư, chánh niệm, ngôn từ lanh lợi, hành vi tốt, gan dạ, chịu dựng, biết điều, không tham dục9 tỉnh giác, cẩn trọng. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề giới hạnh của con người. 154. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về sự sai biệt trong sự giảng dạy. Bạch Thế Tôn, có bon loại giảng

dạy. Bạch Thế Tôn? Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này cần phải theo sự giảng dạy, hành trì như thê này, sẽ diệt trừ ba kiêt sử, sẽ chứng Dự lưu, không còn bị đọa lạc9 chắc chắn sẽ được giác ngộ. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này cần phải theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, sẽ chứng Nhất lai, phải sanh đời này một lần nữa trước khi diệt tận khổ đau.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này cần phải theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ năm hạ phần kiết sử? sẽ được hóa sanh và ở tại cảnh giới ây nhập Niêt-bàn, không còn vê lại đời này. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này cần phải theo sự giảng dạy5 hành trì như thế này, sẽ diệt trừ các lậu hoặc, tự mình giác tri, chứng ngộ9 chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề sai biệt trong sự giảng dạy. 155. Lại nữa, bạch Thế Tôn? điểm này thật là vô thượiig: Thế Tôn thuyết pháp về Giải thoát trí của người khác. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết nệười khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, sẽ chứng Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn sẽ được giác ngộ. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, sẽ chứng Nhất lai, phải sanh lại trong đời này một lần nữa trước khi diệt tận khổ đau. Bạch Thế Tôn5 Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ năm hạ phần kiết sử, sẽ được hóa sanh và ở tại cảnh giới ấy nhập Niết-bàn, không còn về lại đời này. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ các lậu hoặc, tự mình giác tri, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Giải thoát trí của người khác. 156. Lại nữa5 bạch Thế Tôn, điểm nay thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Thường trú luận. Bạch Thế Tôn, có ba loại Thường trú luận như thế này: Bạch Thế Tôn, ở đây? có vị Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời? ba đời, bốn dời, năm đời, mười đời? trăm dời, ngàn đời, trăm ngàn đời, hàng trăm đời5 hàng ngàn đời5 hàng trâm ngàn đời5 nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết di, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, tuổi thọ như thế này...” Như vậy, vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói rằng: "Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới đã hoại hay đã thành, trong tương lai tôi biết được thế giới sẽ hoại hay sẽ thành. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì liru chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú." Đó là Thường trú luận thứ nhất.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, bốn thành kiếp hoại kiếp, năm thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này? dòng họ như thể này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này5 lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như the này. lư chỗ ấy chết di, tôi lại sanh tại chỗ kia. Tai chỗ kia, tôi đã sốnẹ với tên như thế này, dòng ho như thế này, giai cấp như thế này, ăn u6ng như the này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chêt đi5 tôi được sanh tại chỗ nay?9 Như vậy, vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói: "Trong thời quá khứ, tôi biết được the giới đã hoại hay đã thành. Trong tương lai% tôi biết được thế giới sẽ hoại hay sẽ thành. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đả, còn những loại hữu tình kia thì lim chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú." Đó là Thường trú luận thứ hai. Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhơ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thê này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết di, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sốnệ với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai câp như thê này, ăn uông như thê này? lạc thọ khổ thọ như thế nay...^ Như vậy? vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói: "Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là hoại hay đã thành. Trong tương lai, tôi biết được thế giới sẽ hoại hay sẽ thành. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đả, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sống lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú.” Đó là Thường trú luận thứ ba. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Thường trú luận. 157. Lai nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Túc mạng trí. Bạch Thế Tôn, ở dây, có vị Sa-môn hay Bà-la- môn nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ây nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời9 mười đời, hai mươi đời. ba mươi đời5 bốn mươi đời9 năm mươi đời9 một trăm đời? một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiêu hoại kiêp, nhiêu thành kiêp, nhiêu hoại kiếp thành kiếp. Nhớ rằng: "Khi được sanh tai chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này? dòng ho như thế này, giai cấp như thế này, an uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết di, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này? ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ

như thế này." Như vậy9 vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Bạch Thế Tôn, có chư thiên mà tuổi thọ không thể đếm được hay không thể tính được. Nhtmg dưới bất cứ ngã thể nào được có trong quá khứ, hoặc có sắc hay không sac? hoặc có tưởng hay không tưởng, hoặc phi tưởng phi phi tưởng, họ đều nhớ đến đời quá khứ với các đặc điêm và chi tiêt như vậy. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Túc mạng trí. 158. Lại nữa, bạch Thế Tôn5 điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Sanh tử trí của các loài hữu tình. Ở đây, bạch Thế Tôn5 có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh? người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ5 kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ: "Này các Hiền giả, những chúng sanh làm những ác hạnh vê thân, ngữ và ý? phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiên, tạo các nghiệp theo tà kiên, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào khô xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền gi còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh vê thân, ngữ và ý? không phỉ báng các bậc Thánh, theo Chánh kiến, tạo các nghiệp theo Chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, cõi đời này." Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp dẽ, kẻ thô xấu; người may măn5 kẻ bât hạnh đêu do hạnh nghiệp của họ. Bạch Thế Tôn5 như vậy là tối thượng về vấn đề Sanh tử trí của các loại hữu tình. 159. Lại nữa, bach Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về các loại thần thông. Bạch Thế Tôn, có hai loại than thông như thế này: Bạch Thế Tôn, có loại thần thông hữu lậu, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh.„ Bạch Thế Tôn, có loại thần thông vô lậu? vô dư y, được gọi là 6bậc Thánh.” “ Bạch Thế Tôn, thế nào là loại thần thông hữu lậu, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh^? Ở dây, bạch Thế Tôn, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhất tâm, nhờ càn mẫn, nhờ không phóng dật? nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định? vị ấy chứng được nhiêu loại thần thông sai khác: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thô trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim, với bàn tay, chạm và rờ mặt trang mặt trời, những vật có đai oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Bạch Thế Tôn, như vậy là loại thần thông hữu lậu, hữu dư y, được gọí là "không phải Thánh? Bạch Thế Tôn, thế nào là thần thông vô lậu, vô dư X? được gọi là "bậc Thánh” Ở đây, bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo5 nếu vị này muốn: uĐối với sự vật

đối nghịch, ta sẽ an trú với tưởng không đối nghjch", và ở dây, vị ấy an trú với tưởng không đối nghịch. Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật không đối nghịch, ta sẽ an trú với tưởng đối nghịch,\ và ở dây, vị ấy an trú với tưởng đối nghịch. Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật đối nghịch và khồng đối nghịch, ta sẽ an trú với tưởng không đối nghjch”, và ở dây, vị ấy an trú với tưởng không đối nghịch. Nêu vị ây muôn: C6Đôi với sự vật không

đôi nghịch và đôi nghịch, ta sẽ an trú với tưởng đối nghjch", và ở đây9 vị ấy an trú với tưởng đối nghịch. Nếu vị ấy muốn: "Loại bỏ cả hai đối nghịch và không đối nghịch, ta sẽ trú xả, chánh niệm tỉnh ệiảố\ và ở dây, vị ấy trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Bạch Thế Tôn, như vậy là than thông vô lậu5 vô dư y, và được gọi là 6Cbậc Thánh." Bạch Thế Tôn, như vậy là vô thượng về các loại thần thông. Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết, và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biêt hơn nữa. Không có một ai, một Sa-môn hay một Bà-la-môn nào khác, có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề các loại thần thông. 160. Bạch Thế Tôn, những gì có thể đạt được bởi một thiện nam tử có lòng tin, có tinh tấn, có kiên trì bởi sự kiên trì của con người, bởi sự tinh tấn của con người, bởi sự nỗ lực của con người, bởi sự nhẫn nhục của con người, đều được Thế Tôn chứng đạt. Bạch Thế T6n, Thế Tôn không có đam mê các dục lạc5 dục lạc này là đê tiện, hèn hạ, thuộc phàm phu, kh6ng xứng bậc Thánh, không có lợi ích. Thế Tôn cũng không đam mê tu hành kho hạnh, khổ hạnh này là khổ, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích. Thế Tôn có thể đạt được nếu Ngài muốn, một cách dễ dàng, một cách không khó nhọc, một cách đầy đủ5 sự hạnh phúc ngay trong hiện tại do bốn thiền định đem lại. 161. Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Này Hiền giả Sãriputta, trong thời quá khứ, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào còn vĩ đại hơn, còn sáng suốt hơn The Ton vê vân đê giác ngộ không? Bạch The Tôn, nêu được hỏi như vậy, con sẽ trả lời không. Bạch Thê T6n, nêu có ai hỏi con: 66Này Hiên giả Sãriputta trong thời vị lai5 có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào còn vĩ đại hơn, sáng suot hơn Thế Tôn về vấn đề giác ngO?" Bạch Thế Tôn, nếu được hỏi như vậy? con sẽ trả lời không. Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Nàỵ Hiền giả Sãriputta, trong thời quá khứ, có vi Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề

nơi Ngài, tôi có ghi nhận: 'Trong thời quá khứ, có các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác bằng Ta về phương diện giác ngộ.9 Này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn, tôi có nghe nói; từ nơi Ngài, tôi có ghi nhận: 'Trong thời vị lai, có các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác bằng Ta về phương diện giác ngộ/ Này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn, tôi có nghe nói; từ nơi Ngài, tôi có ghi nhận: 'Không có trường hợp, không có sự kiện trong một thê giới, hai vị A-la-hán Chánh Đăng Giác cùng xuất hiện ở đời, không trước không sau. Sự kiện như vậy không thể xảy ra.5,5 Bạch IThế Tôn, có phải khi được hỏi và trả lời như vậy? con đã nói lên đúng ý với Thế Tôn? không có sai lạc, không có hiểu lầm Thế Tôn? Có phải con đã trả lời thuận pháp, đúng pháp? Có phải không một đối phương hợp pháp nào có thể tìm ra lý do để chỉ trích, phê bình? Này Sãriputta, được hỏi và trả lời như vậy, ngươi đã nói lên đúng ý với Ta, không có sai lạc, không có hiểu lầm Ta. Ngươi đã trả lời thuận pháp và đúng pháp. Không một đối phương hợp pháp nào có thể tìm ra lý do đe chỉ trích, phê bình. 162. Được nghe nói vậy5 Tôn giả Ưdãyi bạch Thế Tôn: -Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Như Lai thiểu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy5 có đại uy lực như vậy mà không tự mình tỏ lộ. Bạch Thế Tôn5 nếu có một du sĩ ngoại đạo nào tự thấy mình chứng được dầu chỉ có một pháp, họ đã giương cờ [gióng trống] lên rồi. Thật là hy hữu bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Như Lai thiểu dục như vậy, tri túc như

vậy5 nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thân lực như vậy, có đại uy lực như vậy mà không tự mình tỏ lộ. Hãy ghi nhận? này Udãyi! Như Lai thiểu dục như vậy, tri túc như vậy5 nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy mà không tự mình tỏ lộ. Này Udãyi5 nếu có một du sĩ ngoại đạo nào tự thấy mình chứng được dầu chỉ có một pháp, họ đã giương cờ [gióng trống] lên rồi. Này Udãyi hãy ghi nhận! Như Lai thiểu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy mà không tự mình tỏ lộ. 163. Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Săriputta: -Vậy Săriputta, ngươi phải luôn luôn thuyêt pháp phân biệt này cho các Tỷ- kheo, Tỷ-kheo-ni, các nam cư sĩ và các nữ cư sĩ. Này Sãriputta, nếu có những kẻ ngu nào còn nghi ngờ hay thắc mắc đối với Như Lai, nếu họ được nghe pháp phân biệt này, nghi ngờ hay thắc mắc của họ đối với Như Lai sẽ được diệt trừ. Như vậy, Tôn giả Sãriputta đã nói lên lòng hoan hỷ của mình đối với Thế Tôn. Do vậy, danh từ “Tụ* hoan hỷ^ (Sampasãdarìĩyà) được dùng cho bài kinh này.

29. KINH THANH TỊNH (Pãsãdika Suttă)1

164. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú giữa dòng tộc Sãkya (Thích-ca), trong vườn xoài của một gia đình Thích-ca tên là Vedhannã. Lúc bây giờ? Nigantha Nãtaputta (Ni-kiên tử) vừa mới tạ thê ở Pãvã. Sau khi vị này tạ thế, các vị Nigantha chia ra làm hai phái chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau và tàn hại nhau với binh khí miệng lưỡi: "Ngươi không biết Pháp và Luật này5 tôi biết Pháp và Luật này. Sáo ngươi có thể biết Pháp và Luật này? Ngươi đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của nệươi không tương ưng; những điều đáng nói trước ngươi lại nói sau, những điều đáng nói sau ngươi lại nói trước; chủ kiến của ngươi đã bị bài bác, câu nói của ngươi đã bị gièm pha; ngươi đã bị thuyết bại; hãy đến mà giải vây lời nói ấy, nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí!" Hình như các đệ tử của Nigantha Nãtaputta muốn tàn hại lẫn nhau. Chính các đệ tử cư sĩ mặc đồ trắng của Nigantha Nãtaputta cũng chán ngấy, cơ hiềm và phản đối các vị Nigantha, vì Pháp và Luật của họ đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về5 không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, tháp y chỉ đã bị đổ vỡ5 không có chỗ y chỉ. 165. Rồi Sa-di Cunda, sau khi an cư mùa mưa ở Pãvã đến thăm Tôn giả Ananda (A-nan) ở làng Sãma; sau khi đên9 đảnh lê Tôn giả Anaiìda và ngôi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Sa-di Cunda bạch Tôn giả Ãnanda: -Bạch Tôn giả, Nigantha Nãtaputta đã từ trân ở Pãvã. Sau khi vị này tạ thê? các Nigantha chia ra làm hai phái... tháp y chỉ đã bị đổ vỡ? không có chỗ y chỉ. Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ãnanda nói với Sa-di Cunda: Này Hiền giả Cunda, đây là vấn đề dáng đưa ra để yết kiến Thế Tôn. Này Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi yết kiến Thể Tôn; sau khi đến xong, chúng ta hãy tnnh bày van đề nay để Thế Tôn biết. —Bạch Tôn giả5 vâng. Sa-di Cunda vâng đáp Tôn giả Ãnanda.

1 Xem M. I. 513; A. IV. 369, 371. Kinh tương đương trong bộ Trường A-hàm kỉnh là Thanh tịnh kỉnh (Z01. 0001.17. 0072C12). ..

Rồi Tôn giả Ānanda cùng với Sa-di Cunda đi đến yết kiến Thế Tôn; sau khi đến? đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Iliế Tôn: —Bạch Thế Tôn, Sa-di Cunda có nói: "Nigantha Nātaputta đã từ trần ở Pāvā. Sau khi vị này từ trần, các vị Nigantha chia ra làm hai phái... tháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chi." 166. - Này Cunda, như vậy, ở đây9 Pháp và Luật đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh5 không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Này Cunda, ở đây, có vị Đạo sư không phải là Chánh Đẳng Giác, pháp được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và người đệ tử trong pháp này không thực hành và an trú trong pháp và tùy pháp, không sống đúng chánh hạnh, không sống đúng với pháp, sống vượt ra ngoài pháp. Người đệ tử ấy cần được nói như sau: "Này Hiền giả, thật là lợi ích cho ngươi, thật khéo chứng đắc cho ngươi! Đạo sư của ngươi không phải là vị Chánh Đẳng Giác. Pháp của ngươi đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Và ngươi trong pháp này không thực hành và an trú trong pháp và tùy pháp, không sống đúng chánh hạnh, không sống đúng với pháp, vượt ra ngoài pháp.” Này Cunda, như vậy5 ở đây, vị Đạo sư đáng bị quở trách; ở đây, pháp đáng

hướng dẫn, hướng đến an tịnh do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Các vị đệ tử chưa được tinh thông Diệu pháp, và Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn chưa được tỏ lộ cho các vị này, chưa được trình bày rõ ràng với tất cả thứ bậc9 vị trí liên he, chưa được trở thành diệu dụng, chưa được khéo trình bày cho chư thiên và loài người, thì vị Đạo sư viên tịch. Này Cunda, đối với vị Đạo sư như vậy, nếu viên tịch, các đệ tử sẽ iru tư rất nhiều. Vì sao vậy? Đạo sư của chúng ta xuất hiện ở đời? và pháp được khéo tuyên thuyết, khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn? hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, nhưng chúng ta chưa được tinh thông Diệu pháp, Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn chưa được tỏ lộ cho chúng ta với tất cả thứ bậc? vị trí liên hệ chưa được trở thành diệu dụng? chưa được khéo trình bày cho chư thiên và loài người, thì vị Đạo sư của chúng ta viên tjch." Này Cunda, vị Đạo sư như vậy mà viên tịch5 các vị đệ tử có sự mi tư. 171. Này Cunda, ở dây, vị Đạo sư xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác5 và pháp được khéo tuyên bô5 được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh, do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Và các vị đệ tử được tinh thông Diệu pháp, Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ cho các vị ấy với tất cả thứ bậc, vị trí liên hệ? được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho chư thiên và loài người, và vị Đạo sư của những vị ấy viên tịch. Này Cunda, vị Đạo sư như vậy nếu viên tịch, các vị đệ tử không có ưu tư. Vì cớ sao? Đạo sư của chúng ta xuất hiện ở đời5 là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, pháp được khéo tuyên thuyết, được khéo trình bày, có hiệu năng hướng dẫn? hướng đến an tịnh, được vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết. Còn chúng ta được tinh thông Diệu pháp, Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ cho chúng ta biết với tất cả thứ bậc? vị trí liên he, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho chư thiên và loài người, rồi vị Đạo sư của chúng ta viên tjch." Này Cunda,

vị Đạo sư như vậy mà viên tịch? các đệ tử không có ưu tư. 172. Này Cunda, khi nào Phạm hạnh được đầy đủ những chi phần? Nếu không có một vị đạo sư là một vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng lão, một Phạm hạnh như vậy được xem là không viên mãn trong trường hợp như vậy. Này Cunda, nếu Phạm hạnh được đầy đủ những chi phần như vậy, và nếu có vị Đạo sư là một vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng lão, một Phạm hạnh như vậy được xem là viên mãn trong trường họp như vậy. 173. Này Cunda5 khi nào Phạm hạnh được đây đủ những chi phân? Có vị Đạo sư là vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng lão5 nhưng không có các vị Thượng tọa Tỷ- kheo, những vị đệ tử là những vị sáng suốt, tự điều phục, vô úy, đa văn, đã đạt đến sự an ổn? có thể thuyết diệu pháp, với giáo lý ngoại đạo được khởi lên có thể khéo nhiếp phục với giáo pháp của minh, có thể thuyết diệu pháp bất tư nghi, như vậy, Phạm hạnh này không thể viên mãn bởi chi phần này.

29. KINH THANH TỊNH 499

174. Này Cunda, khi nào phạm hạnh được đầy đủ về những phương diện này? Có vị đạo sư là vị Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng lão, và có những vị Thượng tọa Tỷ-kheo, những vị đệ tư.^ , ... nhtmg nêu không có các vị Trung lạp Tỷ-kheo, những vị đệ tử... có các vị Trung lạp Tỷ-kheo5 những vị đệ tử... ... nhimg nếu không có các vị Hạ lạp Tỷ-kheo5 những vị đệ tử... có các vị Hạ lạp Tỷ-kheo? những vị đệ tử... .. nhưng nếu không có các vị Trưởng lão Tỷ-kheo-ni, các vị đệ tử... có các vị Trưởng lao Tỷ-kheo-ni, các vị đệ tử... ... nhưng nếu không có các vị Trung lạp Tỷ-kheo-ni9 các vị đệ tử... nếu có các vị Trung lạp Tỷ-kheo-ni, các vị đệ tử... . nhưng nêu không có các vị Hạ lạp Tỷ-kheo-ni, các vị đệ tử... có các vị Hạ lạp Tỷ-kheo-ni, các vị đệ tử... . nhưng nêu không có nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trăng, sông theo Phạm hạnh... có những nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... ... nhưng nếu không có những nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... có những nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... ... nhưng nếu không có những nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... có những nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... ... nhưng nêu không có những nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trăng, chấp nhận dục lạc... có những nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... Phạm hạnh như vậy nếu không được thành công, hưng thịnh, phát triển và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa các người... Phạm hạnh như vậy được thành công, hưng thịnh, phát triển và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa các người nhưng không đạt được danh xưng và lợi dưỡng một cách tối thắng, Phạm hạnh như vậy không được viên mãn về phương diện này. Này Cunda, khi nào phạm hạnh được đây đủ với những phương diện này? Có vị Đạo sư là Thượng tọa có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng lão5 và những vị Thượng tọa là những bậc Tỷ-kheo? những vị đệ tử sáng suốt, tự điều phục... thuyết pháp diệu dụng5 có Trung lạp Tỷ-kheo đệ tử... có Hạ lạp Tỷ-kheo đệ tử... có Trưởng lão Tỷ- kheo-ni đệ tử... có Trung

lạp Tỷ-kheo-ni đệ tử... co Hạ lạp Tỷ-kheo-ni đệ tử... có nam cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh, có nam cư sĩ đệ tử5 những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc, có nữ cư sĩ đệ tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh, có những vị nữ cư sĩ đệ

tử, những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc. Phạm hạnh như vậy được thành công, hưng thịnh, phát triển, và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa chư thiên và loài người, đạt được danh xưng và lợi dưỡng một cách tối thắng, Phạm hạnh như vậy được viên mãn về phương diện này. 175. Này Cunda, nay Ta hiện tại là bậc Đạo sư xuất hiện ở đời, là bậc A-la- hán Chánh Đẳng Giác, và pháp được khéo tuyên bố, khéo trình bày5 có hiệu năng hướng dẫn9 hướng đến an tịnh, được vị Chánh Đẳng Giác trình bày. Và các vị đệ tử của Ta tinh thông Diệu pháp, Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ với tất cả thứ bậc, vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày chp chư thiên và loài người. Này Cunda, nay Ta là vị Đạo sư Trưởng lão5 có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng lão. Này Cunda, nay Ta có những vị Thượng tọa Tỷ-kheo đệ tử sáng suốt5 tự biết điều phục, vô úy, đa văn, đã đạt đến sự an ổn? có thể thuyết Diệu pháp, đối với giáo lý ngoại đạo được khởi lên5 có thể khéo nhiếp phục với giáo pháp của minh, có thể thuyết Diệu pháp bất khả tư nghi. Này Cunda, Ta lại có những Trung lạp Tỷ-kheo sáng suốt... Này Cunda, nay Ta có những vị Hạ lạp Tỷ-kheo đệ tử... Này Cunda, nay Ta có những vị Trưởng lão Tỷ-kheo-ni đệ tử... Này Cunda, nay Ta có những vị Trung lạp Tỷ-kheo-ni đệ tử... Này Cunda, nay Ta có những vị Hạ lạp Tỷ-kheo-ni đệ tử... Này Cunda, nay Ta có những vị nam cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... Này Cunda, nay Ta có những vị nam cư s[là những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... Này Cunda, nay Ta có những vị nữ cư sĩ9 là những vị tại gia, mặc áo trắng, sống theo Phạm hạnh... Này Cunda, nay Ta có những vị nữ cư sĩ, là những vị tại gia, mặc áo trắng, chấp nhận dục lạc... Này Cunda, nay Phạm hạnh của Ta được thành công? hưng thịnh, phát triển và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa chư thiên và loài người. 176. Này Cunda, đôi với tât cả những vị Đạo sư nay xuât hiện ở đời5 này Cunda9 Ta không thấy một vị Đạo sư nào khác có thể bằng Ta về phương diện lợi dưỡng và danh xưng tối thượng. Này Cunda, đối với tất cả các đoàn thể, các hội chúng nay xuất hiện ở đời5 này Cunda, Ta không thấy một đoàn thể nào khác có thể băng đoàn thê Tỷ-kheo vê phương diện lợi dưỡng và danh xưng tối thượng. Nếu có ai, khi tả một Phạm hạnh thành tựu hết thảy tướng, không thiếu s6t, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn5 vị ấy nếu tuyên bố đúng đắn sẽ tuyên bố như sau: "Thành tựu hết thảy tướng... Phạm hạnh được khéo tuyên b6." Này Cunda, Uddaka, con của Rãma, thường nói: "Thấy mà không thấy." Thấy cái gì mà không thấy? Với một con dao sắc bén5 chỉ thấy lưỡi dao, không thấy khía cạnh sắc bén của dao. Này Cunda, đấy là nghĩa của câu: "Thấy mà không thấy." Này Cynda, ở đây, Uddaka con của Rãma, đề cập đến một vật đê tiện5 hạ liệt5 thuộc về phàm phu, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích, nói vê con dao. Này Cunda, nêu nói đúng đắn câu: "Thấy mà không thấy", thời phải nói như sau: "Thấy mà không thấy." Vị ấy thấy cái gì mà không

thấy? Một Phạm hạnh thành tựu hết thảy tướng, đầy đủ hết thảy tướng, không thiêu sót, không quá đáng, được khéo tuyên bo một cách viên mãn5 được khéo trình bày, chính vị ấy thấy Phạm hạnh này. Nếu vị ấy trừ bớt một phương diện nào tại một chô nào, nghĩ răng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy gì. Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy sẽ được rõ ràng hơn, vị ấy sẽ không thấy gì. Nếu vị ấy thêm vào một phương diện nào tại một chỗ nào, nghĩ rằng làm vậy được viên mãn hơn, vị ấy sẽ không thấy gì. Như vậy gọi là: .Thấy mà không thấy." Này Cunda, nếu có ai khi tả một Phạm hạnh thành tựu hết thảy tướng... được khéo tuyên bố một cách viên mãn, nếu có ai khi tả một Phạm hạnh thành tựu hết thảy tướng... Phạm hạnh được khéo tuyên bố9 vị ấy sẽ tuyên bố đúng đắn như sau: "Phạm hạnh này thành tựu hết thảy tướng, cụ túc hết thảy tướng, không thiếu thốn, không quá dáng, được khéo tuyên bo một cách viên mãn, được khéo trình bày." 177. Do vậy5 này Cunda, những pháp do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các ngươi, tất cả các ngươi hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi nhau nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài? vì lòng thương tưởng cho dời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư thiên và cho loài người. Này Cunda, thế nào là những pháp do Ta tự chứng tri và tuyên bô cho các ngươi, tât cả các ngươi hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi nhau nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau, để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc cho muôn loài5 vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời5 vì lợi ích, vì an lạc cho chư thiên và cho loài người? Những pháp ấy là Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám Thánh đạo. Này Cunda, những pháp ấy do Ta tự chứng tri và tuyên bố cho các ngươi, tất cả các ngươi hãy hội họp lại và tụng đọc lại, chớ có cãi nhau nhưng hãy so sánh các nghĩa với nhau, các câu với nhau để cho Phạm hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài, vì hạnh phúc của muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời5 vì lợi ích, vì an lạc cho chư thiên và cho loài người. 178. Này Cunda, các ngươi hãy hội họp với nhau trong tinh thần hòa đồng và tương kính, không có tranh luận nhau. Có vị đông Phạm hạnh nói pháp giữa Tăng chúng, nếu các ngươi nghĩ rằng: Đại đức này nắm nghĩa sai lạc hay hành văn sai lạc", các ngươi không nên tán thán, không nên bác bỏ. Không tán thán, không bác bỏ, các ngươi nên nói với vị ấy: “Này Hiền gi,với nghĩa này, cách hành văn này hay cách hành văn kia, cách nào thích hợp hơn? Giữa những cách hành văn này, nghĩa này hay nghĩa kia, nghĩa nào thích hợp hơn?" Nếu vị ấy trả lời: uNày Hiền giả, với nghĩa này, cách hành văn này thích hợp hơn cách hành văn kia. Giữa những cách hành văn này, nghĩa này thích hợp hơn nghĩa kia”, các ngươi không nên bác bỏ vị ấy, không nên phỉ báng vị ấy. Không bác bỏ? không phỉ báng, các ngươi phải giải thích cho vị ấy một cách cẩn thận cả nghĩa lẫn hành văn.

179. Lại nữa này Cunda, có vị đồng Phạm hạnh khác nói pháp giữa Tăng chúng, nếu các ngươi nghĩ rằng: Đại đức ấy nắm nghĩa sai lạc nhưng hành văn đúng dắn", các ngươi không nên tán thán, không nên bác bỏ. Không thán thán, không bác bỏ, các ngươi nên nói với vị ấy: uNày Hiền giả, giữa những cách hành văn này, nghĩa này hay nghĩa kia, nghĩa nào thh hợp hơn?" Nếu vị ấy trả lời: "Này Hiền giả, giữa những cách hành văn này, nghĩa này thích hợp hơn nghĩa kia", các ngươi không nên bác bỏ vị ấy, không nên phỉ báng vị ấy. Không bác bỏ, không phỉ báng, các ngươi phải giải thích một cách cẩn thận ý nghĩa đúng đắn cho vị ấy. 180. Này Cunda, có vị đồng Phạm hạnh khác nói pháp giữa Tăng chúng, nêu các ngươi nghĩ răng: Đại đức này năm nghĩa đúng đăn nhưng hành văn sai lạc"các ngươi không nên tán thán, không nên bác bỏ. Không tán thán, không bác bỏ5 các ngươi nên nói với vị ấy: "Này- Hiền giả, giữa những cách hành văn này, nghĩa này hay nghĩa kia, nghĩa nào thích hợp hơn?" Nếu vị ấy trả lời: "Giữa những cách hành văn này, nghĩa này thích hợp hơn nghĩa kia"các ngươi không nên bác bỏ vị ấy, không nên phỉ báng vị ấy. Không bác bỏ, không phỉ báng, các ngươi phải giải thích một cách cẩn thận cách hành văn cho vị ấy. 181. Này Cunda, có vị đồng Phạm hạnh khác nói pháp giữa Tăng chúng, nếu các ngươi nghĩ rằng: Đại đức này nắm nghĩa đúng đắn và hành văn đúng dắn các ngươi nên tán đồng và tán thán vị ấy với câu: "Thật là tốt dẹp." Khi tán đồng và tán thán với câu: "Thật là tốt âẹp'\ các ngươi phải nói với vị ấy: "Này Hiền giả, thật là lợi ích cho chúng tôi; này Hiền giả5 thật là may mắn cho chúng tôi

29. KINH THANH TỊNH 503

183. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra, các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Các Sa-môn Thích tử sống đam mê hỷ lạc." Này Cunda, nếu nói như vậy? các du sĩ ngoại đạo phải được trả lời như sau: ÍCNày Hiên giả, thê nào là đam mê hỷ lạc? Đam mê hỷ lạc có nhiều loại, có nhiều cách." Này Cunda, bốn loại đam mê hỷ lạc này là thấp kém, hạ liệt5 thuộc phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không có lọi ích, không hướng đến yểm ly, vô tham, tịch diet, an tjnh, thắng trí, giấc ngộ và Niêt-bàn. Thế nào là bốn? Này Cunda, ở đây có người ngu si sau khi sát sanh, tự mình sung sướng hoan hỷ? đó là hỷ lạc thứ nhất. Lại nữa, này Cunda, ở đây có người sau khi lấy của không cho, tự mình sung sướng, hoan hỷ, đó là hỷ lạc thứ hai. Lại nữa, này Cunda, ở đây có người sau khi nói láo, tự mình sung sướng, hoan hỷ, đó là hỷ lạc thứ ba. Lại nữa này Cunda, ở đây có người say đắm5 đam mê sống vây quanh với năm món dục lạc, đó là hỷ lạc thứ tư. Này Cunda, bốn loại hỷ lạc này là thấp kém, hạ liệt? thuộc phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không có lợi ích, không hướng đến yểm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra, các ngoại đạo có thể hỏi: "Các Sa- môn Thích tử có phải sống đam mê bốn loại hỷ lạc này kh6ng?" Họ cần phải được trả lời: "Chớ có nói như vậy. Các ông nói như vậy là nói không đúng đắn. Nói như vậy là các ông xuyên tạc, không đúng sự thật, không thực c6." 184. Này Cunda, có bốn loại hỷ lạc nhất định đưa đến yểm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh5 thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Thế nào là bốn? Này Cunda, ở dây, vị Tỷ-kheo, ly dục5 ly ác pháp, chứng và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Đó là hỷ lạc thứ nhất. Lại nữa, này Cunda, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai,

một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Đó là hỷ lạc thứ hai. Lại nữa, này Cunda, vị Tỷ-kheo ly hỷ... Đó là hỷ lạc thứ ba. Lại nữa, này Cunda, vị Tỷ-kheo xả lạc... Đó là hỷ lạc thứ tư. Này Cunda, bốn loại hỷ lạc này nhất định đưa đến yểm ly, vô tham, tịch diet, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàn. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra5 các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Các vị Sa-môn Thích tử đang sống đam mê bốn loại hỷ lạc này." Họ cần phải được trả lời: “N6i như vậy là phải, các ông nói như vậy là nói đúng đắn. Nói như vậy là các ông không xuyên tạc, đúng sự that, và thực c6." 185. Này Cunda, sự kiện này có thê xảy ra, các du sĩ ngoại đạo có thê nói: "Này Hiền giả, những ai sống đam mê theo bốn loại hỷ lạc ấy có thể mong đợi kết quả gì? lợi ích gi?” Được hỏi vậy5 phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo như sau: "Này Hiên giả, những ai sông đam mê bôn loại hỷ lạc ây có thê mong đợi bốn kết quả, bốn sự lợi ích. Thế nào là bốn? Này Hiền giả, ở đây, vị Tỷ-kheo diệt trừ ba kiết sử? được nhập vào dòngệ Thánh, không còn bị đọa lạc, nhất định sẽ được giác ngộ. Đó là kết quả thứ nhát, lợi ích thứ nhất. Lại nữa, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo diệt trừ ba kiết sử? làm muội lược tham, sân5 si, chứng bậc Nhất lai,

29. KINH THANH TỊNH 505

Này Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là hư vọng, không that, không lợi ích, Như Lai không trả lời. Này Cunda, nếu những gì thuộc quá khứ là chơn chánh, như thật, nhimg không lợi ích, Như Lai cũng không trả lời. Này Cunda5 nếu những gì thuộc quá khứ là chơn chánh, như thật, có lợi ích, Như Lai biết thời để trả lời câu hỏi ấy. Này Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là hư vọng? không thật, không lợi ích, Như Lai không trả lời. Này Cunda5 nếu những gì thuộc vị lai là chơn chánh, như thật, nhưng không lợi ích, Như Lai cũng không trả lời. Này Cunda, nếu những gì thuộc vị lai là chơn chánh, như thật, có lợi ích, Như Lai biết thời để trả lời câu hỏi ấy một cách vắn tắt. Này Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại là hư vọng, không thật, không lợi ích, Như Lai không trả lời. Này Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại là chơn chánh, như that, nhưng không lợi ích, Như Lai cũng không trả lời. Này Cunda, nếu những gì thuộc hiện tại là chơn chánh, như thật, có lợi ích, Như Lai biết thời để trả lời câu hỏi ấy. 188. Như vậy, này Cunda, đối với các pháp quá khứ9 vị lai, hiện tại, Như Lai là vị nói phải thời, nói chơn chánh, nói như thật, nói có lợi ích5 nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Do vậy mới gọi là Như Lai. Này Cunda, trong thế giới này với chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, những gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được phân biệt, được đạt đến? được tìm cầu, được suy đạt với V, tất cả đều được Như Lai biết rõ. Do vậy mới gọi là Như Lai. Này Cunda, trong thời gian giữa đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác và đêm Như Lai nhập Vô dưy Niết-bàn giới, trong thời gian ấy, những gì Như Lai nói trong khi thuyết giảng, nói chuyện hay trình bày, tất cả là như vậy chớ không gì khác. Do vậy mới gọi là Như Lai. Này Cunda, Như Lai nói gì thời làm vậy? làm gì thời nói vậy; nói gì thời làm vậy? làm gì thời nói vậy nên được gọi là Như Lai. Đối với thế giới, với chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, Như Lai là bậc Toàn Thắng, không ai có thể thắng nổi5 bậc Toàn Kiên, bậc Tự Tại. 189. Này Cunda, sự kiện này có thê xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thê nói: “Thế nào Hiền giả? Như Lai có tồn tại sau khi chết

không? Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm?" Này Cunda, được hỏi vậy, ngươi phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Nhu Lai không có nói: 'Nhu Lai có tồn tại sau khi chết. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm.'" Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Thế nào Hiền giả, Như Lai không có tồn tại sau khi chết, có phải không? Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm?" Này Cunda5 được hỏi vậy, ngươi phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Nhu Lai không có nói: 'Như Lai không có tồn tại sau khi chết. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai 1 m."' Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Thế nào Hiền giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết? Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lAm?" Này Cunda được nói vậy? ngươi phải

trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Nhu Lai không có nói: 'Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm." Này Cunda, sự kiện này có thê xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thê nói: “Này Hiền giả, vì sao Sa-môn Gotama lại không nói?,, Này Cunda, được hỏi vậy, ngươi phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Này Hiền giả, vì không liên hệ đến lợi ích, khônẹ liên hệ đến pháp5 không liên hệ đến căn bản Phạm hạnh, không hướng đến yêm ly5 vô tham, đoạn diet, an tịnh, thăng trí. giác ngộ và Niết-bàn, do vậy, Thế Tôn không trả lời” 190. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Này Hiền giả, Sa-môn Gotama nói điều gi?" Này Cunda, được hỏi vậy9 ngươi phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Bây là khổ, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói. Đây là kho tập, nàỵ Hiền giả5 đo là điều The Tôn noi. Đây là khổ diệt, này Hiền giả, đó là điều Thế Tôn nói. Đây là con đường đưa đến khổ diet, nay Hien gia, do la điêu Tne Ton noi. Này Cunda, sự kiện này có thể xảy ra. Các du sĩ ngoại đạo có thể nói: "Này Hiền giả? vì sao Thế Tôn lại nói vay?" Này Cunda, được hỏi như vậy, ngươi phải trả lời các du sĩ ngoại đạo như sau: "Này Hiền giả? vì liên hệ đến lợi ích, liên hệ đến pháp5 liên hệ đến căn bản Phạm hạnh? vì nhất định hướng đến yểm ly, vô tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết-bàĩi, do vậy, Thế Tôn mới n6i.” • 191. Này Cunda, mọi biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ? những biện luận nào đáng nói cho các ngươi, Ta đã nói cho các ngươi? Những biện luận nào không đáng nói cho các ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các ngươi? Này Cunda, mọi biện luận về các tà kiến liên hệ đến tương lai, những biện luận nào đáng nói cho các ngươi, Ta đã nói cho các ngươi; còn những biện luận nào không đáng nói cho các ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các ngươi? Này Cunda, thế nào là những biện luận về tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ5 những biện luận nào đáng nói cho các ngươi, Ta đã nói cho các ngươi và những biện luận không đáng nói cho các ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các ngươi? Này Cunda, cỏ một số Sa-môn9 Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: "Bản ngã và thế giới là thường còn, như vậy là đúng sự thực, ngoài ra là sai lầm,,, Này Cunda, lại có một sô Sa-môn9 Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: 66Bản ngã và thế giới là không thường còn...,? "Bản ngã và thế giới là thường còn và không thường c6n..." í6Bản ngã và thế giới là không thường còn và không không thường con..?9 "Bản ngã và thế giới là do

mình tự tạo "Bản ngã và thế giới là do người khác tạo ra..." "Bản ngã và thế giới là do mình tạo ra và do người khác tạo

29. KINH THANH TỊNH 507

“Bản ngã và thế giới là không do mình tự tạo ra và cũng không phải do người khác tạo ra, do tự nhiên sanh. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai lầm.,, "L@c, khổ là thường còn..?5 “Lạc, khổ là vô thường... “Lạc, khổ là thường còn và vô thường... "Lạc, khổ là không thường còn và không vô thường... "Lạc, khổ là do mình tự tạo "Lạc, khổ là do người khác tạo "Lạc, kh6 là do mình tự tạo và cũng do người khác tạo "Lạc, khổ không do mình tự tạo ra5 không do người khác tạo ra, do tự nhiên sanh. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai lam." 192. Này Cunda, những vị Sa-môn9 Bà-la-môn.nào có quan điểm như sau, có tri kiến như sau: uBản ngã và thế giới là thường còn. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra đều là sai l*m", Ta đến những vị ấy và nói: uNày Hiền giả, có phải Hiền giả nói rằng: 'Bản ngã và thế giới là thường con9 kh6ng?" Nếu các yị ấy trả lời: “Nhu vậy là đúng sự thật, ngoài ra đều là sai lầm59 thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Có một số hữu tình có những tư tưởng sai khác. Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy, ở đây Ta cao hơn về thượng trí. 193. Này Cunda, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có quan điểm như sau, có tri kiến như sau: "Bản ngã và thế giới là vô thường... 6íBản ngã và thế giới là thường còn và vô thường... "Bản ngã và thế giới là không thường còn và không không thường cí)n..." "Bản ngã và thế giới là do mình tự tạo ra..." "Bản ngã và thế giới là do người khác tạo "Bản ngã và thế giới là do mình tự tạo ra và do người khác tạo uBản ngã và thế giới là không do mình tự tạo ra và cũng không do người khác tạo ra5 do tự nhiên sanh..." "Lạc, khổ là thường cí)n...” “Lạc, khổ là vô thường... "Lạc, khổ là thường còn và vô thường... "Lạc, khổ không thường còn và không vô thường... "Lạc, khổ là mình tự tạo ra...55 “Lạc, khổ là người khác tạo ra..." “Lạc, khổ là mình tự tạo ra và người khác tạo ra..."

508 KINH TRƯỜNG Bộ

“Lạc, khổ không tự mình tạo ra và không do người khác tạo ra, do tự nhiên sanh. Như vậy là đúng sự thực, ngoài ra đều là sai Ta đến những vị ấy và nói: uNày Hiền giả? có phải Hiền giả nói rằng:Lạc, khổ là tự nhiên sanh, không tự mình tạo ra và không do người khác tạo ra?'" Nếu các vị ấy trả lời: "Nhu vậy là đúng sự thực5 nệoài ra đều là sai lầm^, thì Ta không châp nhận như vậy. Tại sao vậy? Có một sô hữu tình có những ý tưởng sai khác. Này Cunda, Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy, ở đây Ta cao hơn về thượng trí. Này Cunda, những biện luận vê các tà kiên liên hệ đên quá khứ tôi sơ này, biện luận nào đáng nói cho các ngươi, Ta đã nói cho các ngươi; còn những biện luận nào không đáng nói cho các ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các ngươi? 194. Này Cunda, thế nào là những biện luận về tà kiến liên hệ đến tương lai, những biện luận nào đáng nói cho các ngươi, Ta đã nói cho các ngươi? Những biện luận không đáng nói cho các ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các ngươi? Này Cunda, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiến như sau: "Bản nệã là có sắc9 không bệnh sau khi chết. Như vậy là đúng

sự thật, ngoài ra là sai Lại nữa, này Cunda, có một sô Sa-môn9 Bà-la-môn có những quan điêm như sau, có những tri kiến như sau: "Bản ngã là vô sắc...59 Bản ngã la có săc và vô săc... atBản ngã là không có sắc, không vô sắc...” "Bản ngã là có tưởng... "Bản ngã là vô tưởng..?5 6CBản ngã là không có tưởng, không vô tưởng..." "Bản ngã là đoạn diet, biến hoại, sau khi chết không có tồn tại. Như vậy là đúng sự that, ngoài ra là sai lầm.,, Này Cunda, những vị Sa-môn? Bà-la-môn nào có quan điểm như sau, có tri kiến như sau: "Bản ngã là có sắc, không có bệnh sau khi chết. Như vậy là đúng sự that, ngoài ra là sai lầm”, Ta đến những vị ấy và nói: "Này Hiền giả, có phải Hiền giả có nói: 'Bản ngã là có sắc? không có bệnh sau khi chết?"' Neu các vị ấy trả lời: "Nhu vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Này Cunda, vì có một sô hữu tình có những tư tưởng sai khác. Này Cunda, Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy5 ở đây Ta cao hơn về thượng trí. 195. Này Cunda, có những Sa-môn, Bà-la-môn có những quan điểm như sau, có những tri kiên như sau: "Bản ngã là vô sắc..?5 "Bản ngã là có sắc và vô sắc..."

29. KINH THANH TỊNH 509

"Bản ngã là không có sắc và không vô sắc..." "Bản ngã là có tưởng. “Bản ngã là vô tưởng... "Bản ngã là không có tưởng và không vô tưởng..." uBản ngã là đoạn diệt, biên hoại, sau khi chêt không có tôn tại. Như vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm.,, Ta đến những vị ấy và nói: "Này Hiền giả, có phải Hiền giả nói rằng: 'Bản ngã là đoạn diệt, biến hoại, sau khi chết không có tồn tại?"' Này Cunda, nếu những vị ấy nói: "Nhu vậy là đúng sự thật, ngoài ra là sai lầm^, thì Ta không chấp nhận như vậy. Tại sao vậy? Vì có một số hữu tình có những tư tưởng sai khác. Này Cunda, Ta cũng không xem quan điểm ấy ngang bằng quan điểm của Ta, chớ đừng nói cao hơn. Như vậy? ở đây Ta cao hơn về thượng trí. Này Cunda, những biện luận vê những tà kiên liên hệ đên tương lai này? những biện luận nào đáng nói cho các ngươi, Ta đã nói cho các ngươi; còn những biện luận nào không đáng nói cho các ngươi, sao Ta lại sẽ nói cho các ngươi? 196. Này Cunda, với mục đích đoạn trừ và vượt qua những biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ này và các biện luận về các tà kiến liên hệ đến tương lai này mà Bốn pháp niệm xứ được ta tuyên thuyết, trình bày. Thế nào là bốn? Này Cunda, ở đây5 vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm5 tỉnh giác, chánh niệm với mục đích nhiếp phục tham ưu ở đời; quán thọ trên các cảm thọ...; quán tâm trên các tâm...; quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích nhiếp phục tham, ưu ở đời. Này Cunda, với mục đích đoạn trừ và vượt qua các biện luận về các tà kiến liên hệ đến quá khứ tối sơ này và các biện luận về các tà kiến liên hệ đến tương lai này mà Bốn niệm xứ được Ta tuyên thuyết, trình bày. 197. Lúc bấy giờ5 Tôn giả Upavãna đang đứng sau lưng hầu quạt Thế Tôn, Tôn giả Upavãna bạch Thế Tôn: Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, pháp thoại này thật là thanh tịnh! Bạch Thế Tôn, pháp thoại này thật là tuyệt đoi thanh tịnh! Bạch Thế Tôn? pháp thoại này tên là gì? Này upavãna, pháp thoại này là Thanh tịnh (Pãsãdika). hãy như vậy mà phụng trì! Thế Tôn thuyết dạy như vậy, Tôn giả Ưpavãna hoan hỷ tín thọ lời dạy của A FT^ _ Thê Tôn.

30. KINH TƯỚNG (Lakkhana Suttdỷ

Tụng phẩm I 198. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn trú tại Sãvatthi, rừng Thái tử Jeta, vườn ông Anãthapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo! -Bạch Thế Tôn. Các vị Tỷ-kheo đáp lời The Ton. The Tôn giảng như sau: 199. Này các Tỷ-kheo, những ai có đây đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu này, những vị ấy sẽ chọn một trong hai con đường này thôi? không có con đường nào khác. Nếu sống tại gia, sẽ làm vị Chuyển Luân Thánh Vương, là vị Pháp vương, dùng Chánh pháp trị nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu trở thành vật sở hữu của vị này, tức là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu9 nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Vị này có đến hơn một ngàn hoàng tử, những bậc anh hùng, thân thể dõng kiện5 nhiếp phục địch quân. Vị này chinh phục quả đất này cho đến hải biên và trị nước với Chánh pháp, không dùng trượng, không dùng đao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời. 200. Này các Tỷ-kheo, ba mươi hai tướng đại trượng phu này là gì mà những ai đầy đủ những tướng đại trượng phu này sẽ chọn đi một trong hai con đường, không còn con đường nào khác? Nếu sống tại gia, sẽ làm vị Chuyển Luân Thánh Vương... Nếu vị ấy xuất gia, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình, vị ấy sẽ thành bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời? Này các Tỷ-kheo5 vị này có lòng bàn chân bằng phẳng. Tướng này được xem là tướng tốt của bậc Đại nhân. Này các Tỷ-kheo, dưới hai bàn chân của vị này có hiện ra hình bánh xe với ngàn căm xe, với trục xe, vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ. Tướng này được xem là tướng tôt của bậc Đại nhân. Này các Tỷ-kheo, vị này có gót chân thon dài...

1 Xem Mỉln. 161, 219,404; Kvu. 283, 467. Kinh tương đương trong bộ Trung A-hàm kỉnh là Tam thập nhị tướng kinh (r.01. 0026.59. 0493a24). ’

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.